NĂM THỨ MƯỜI MỘT • # 130 &131 • FEBRUARY & MARCH 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

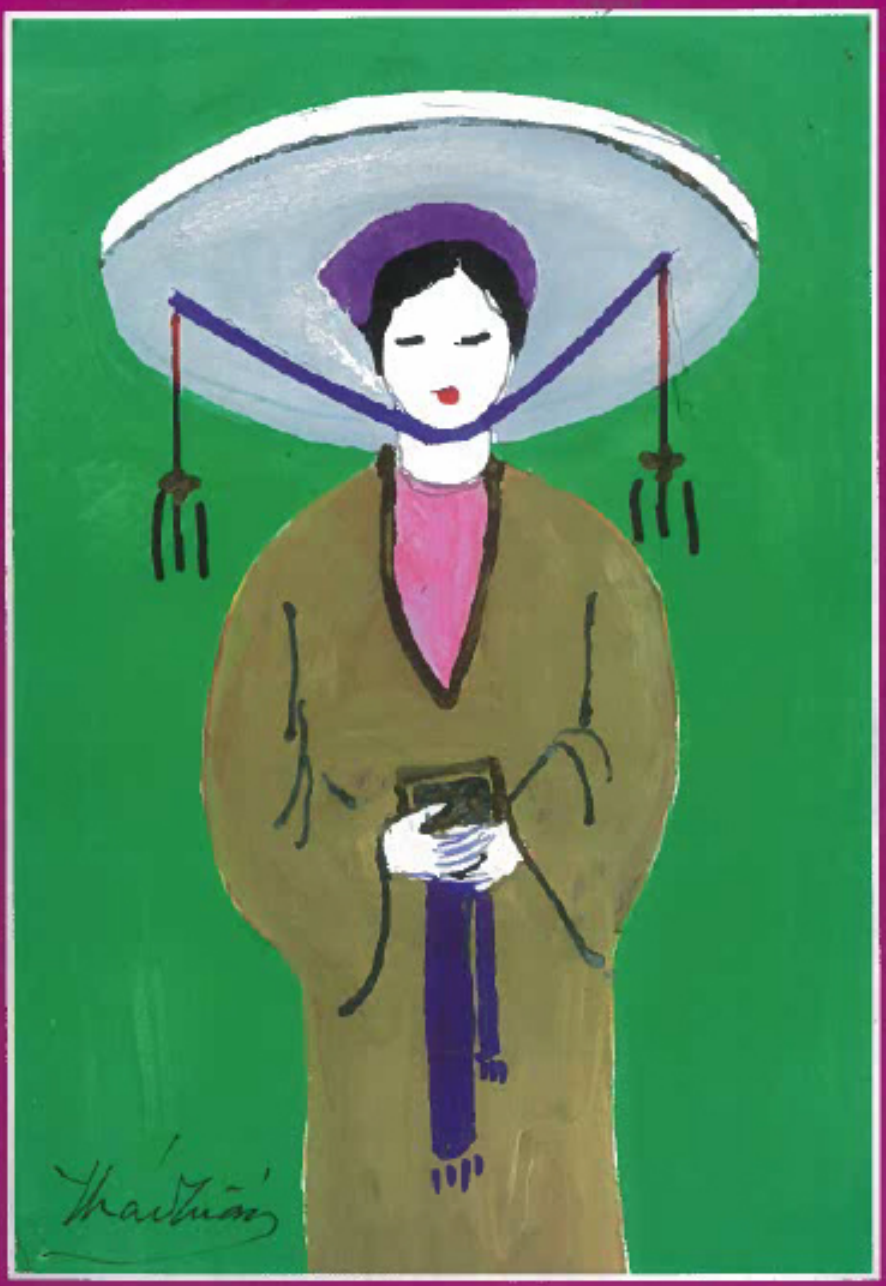

XUÂN CANH THÌN

2000

Design: TRAN DINH THUC / Digital Imaging: TRAN HUA VINH / EASTWEST (714) 899-7885

MBI
COMMUNICATIONS, LLC.

17151 Newhope St., Suite 202 - Fountain Valley, CA 92708 - 4226
Tel: (714) 424-9162 / Toll Free : 877 - MBI - 2001 / www.MBI2001.com

VNCR

Viet Nam California Radio

106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5 AM đến 7 AM • Buổi chiều: 12 PM đến 4 PM

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

Tin Tức Thời Sự Nhanh, Chính Xác & Phong Phú
Văn Nghệ Chọn Lọc • Giải Trí Thoải Mái, Thanh Lịch
Hội Thoại, Phỏng Vấn Đề Tài Thiết Thực.

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

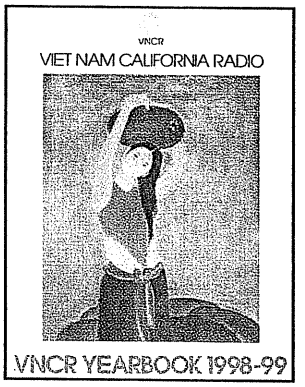

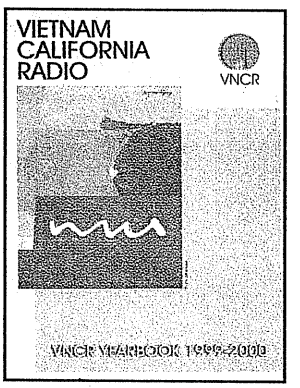

KỶ YẾU VNCR MÙA HÈ 2000

Nội dung súc tích:

* *Về đầy đủ hoạt động và hình ảnh của ngành phát thanh tiếng Việt trên toàn nước Mỹ.*
* *Địa chỉ Internet và chương trình chi tiết của các đài tiếng Việt.*
* *Đầy đủ danh sách cơ sở thương mại của người Việt hải ngoại...*

- Muốn sản phẩm được giới thiệu rộng rãi đến khách hàng khắp nơi.
- Muốn cơ sở kinh doanh được nhiều người biết đến
- Muốn ngành dịch vụ được nhiều thân chủ tín nhiệm

Quý Cơ sở Sản Xuất, Kinh Doanh, Mọi Ngành Dịch Vụ hãy đăng quảng cáo trên
KỶ YẾU VNCR MÙA HÈ 2000

Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY # A, GARDEN GROVE, CA 92840

LÊ VĂN BA

CHUYÊN TAI NẠN & SSI

9361 Bolsa Ave. #201 - Westminster, CA 92683

(714) 531-2934 - (714) 775-6436

CHUYÊN XIN VÀ KHIẾU NẠI SSI

* *Lập hồ sơ mới.*
* *Khiếu nại hồ sơ cũ.*
* *Sưu tầm hồ sơ y khoa.*
* *Đại diện ra tòa (hàng ngàn hồ sơ có kết quả mỹ mãn).*
* *Xin gia hạn SSI bị cúp.*
* *Xin mọi thứ trợ cấp xã hội, nhất là cho người già cả, bệnh tật, trẻ chậm phát triển, kết quả 90%*

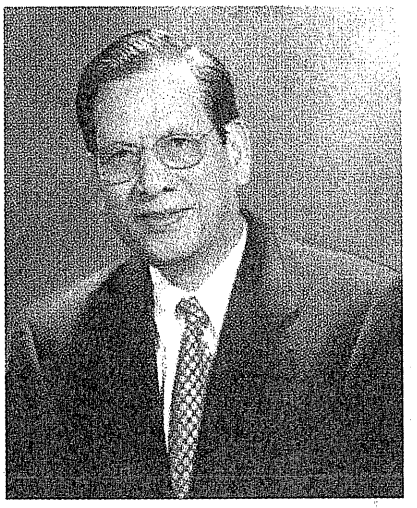

LÊ VĂN BA

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* *Luật sư phí thấp nhất.*
* *Tiền bồi thường cao.*
* *Có hay không bảo hiểm cũng được.*
* *Nhanh chóng và thành tín.*

DI TRÚ

* *Kết hôn nhanh tại VP.*
* *Ly dị gấp, khỏi ra tòa.*
* *Bankruptcy.*
* *Notary Public và tất cả dịch vụ pháp lý khác*

ĐẶC BIỆT

Kết hôn - Đoàn tụ Học hành - Tham quan Du lịch - Đầu tư
Kết quả từ 3 tới 6 tháng

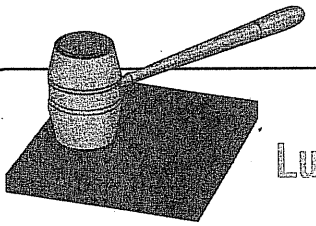

Với sự hợp tác của
Luật sư Joseph M. Hoats chuyên tranh tụng.
(Có giá giúp cho những người gặp khó khăn)

Xuân Hanh Phúc

Xuân Vui Tuổi Hạnh Phúc.

New York Life trân trọng cảm ta cộng đồng đã tín nhiệm chúng tôi. New York Life sẵn sàng ủng hộ và phục vụ cộng đồng trong những năm sắp tới. Kính chúc cộng đồng Việt Nam khắp nơi một ngàn năm an bình thịnh vượng.

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Offering Insurance and Other Financial Products

SANTA ANA
2677 North Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
(714) 560-7800

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768
(909) 598-2333

BREA
Brea Corporate Plaza
2236 East Imperial Highway
Brea, CA 92621
(714) 572-2100

NEW YORK LIFE

The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

CÔNG TY THỰC PHẨM tây hồ

- Một hãng xưởng sản xuất giò chả, bò viên, nem nướng, da bì, lớn và lâu đời nhất trong cộng đồng Á Châu tại Hoa Kỳ. Dùng toàn bộ máy sản xuất tối tân nhất trên thế giới.
- Một phân xưởng sản xuất chả cá, cá viên, tôm viên, mực viên, lẩu hải sản và các mặt hàng thuộc về tôm cua cá.
- Một phân xưởng hợp tác với chuyên gia Đài Loan sản xuất các loại thực phẩm ăn chay đúng tiêu chuẩn nhất.

ĐIỆN THOẠI: **1 888 84 TAYHO** hay **714 973 2286** • FAX: **714 541 0683**

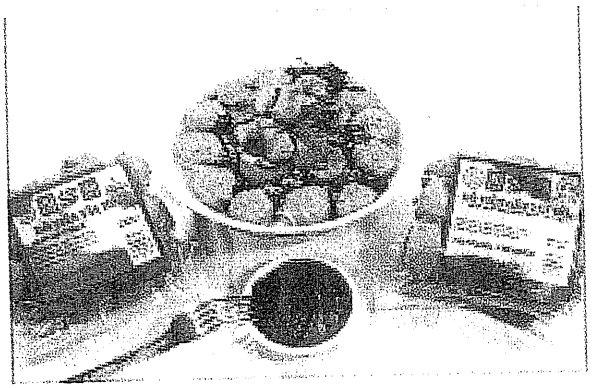

HỆ THỐNG BÁNH CUỐN tây hồ

TÂY HỒ 4 đã dời về khu chợ T&K ngay ngã tư đèn đỏ, ngang Chợ Cá ĐÔNG LỢI trên đường Bolsa. Tiệm khang trang, rộng rãi và nhiều chỗ đậu xe.

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 1
3520 W. First St
Santa Ana, CA 92703
Tel: 714 839 7533

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 2
9242 Bolsa Ave.,
Westminster, CA 92683
Tel: 714 895 4796

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 3
1039 E. Valley # B 103
San Gabriel, CA 91776
Tel: 626 280 5207

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 4
9629 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel: 714 839 1389

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 5
2524 N. Military # 110
Oklahoma, OK 73160
Tel: 405 528 7700

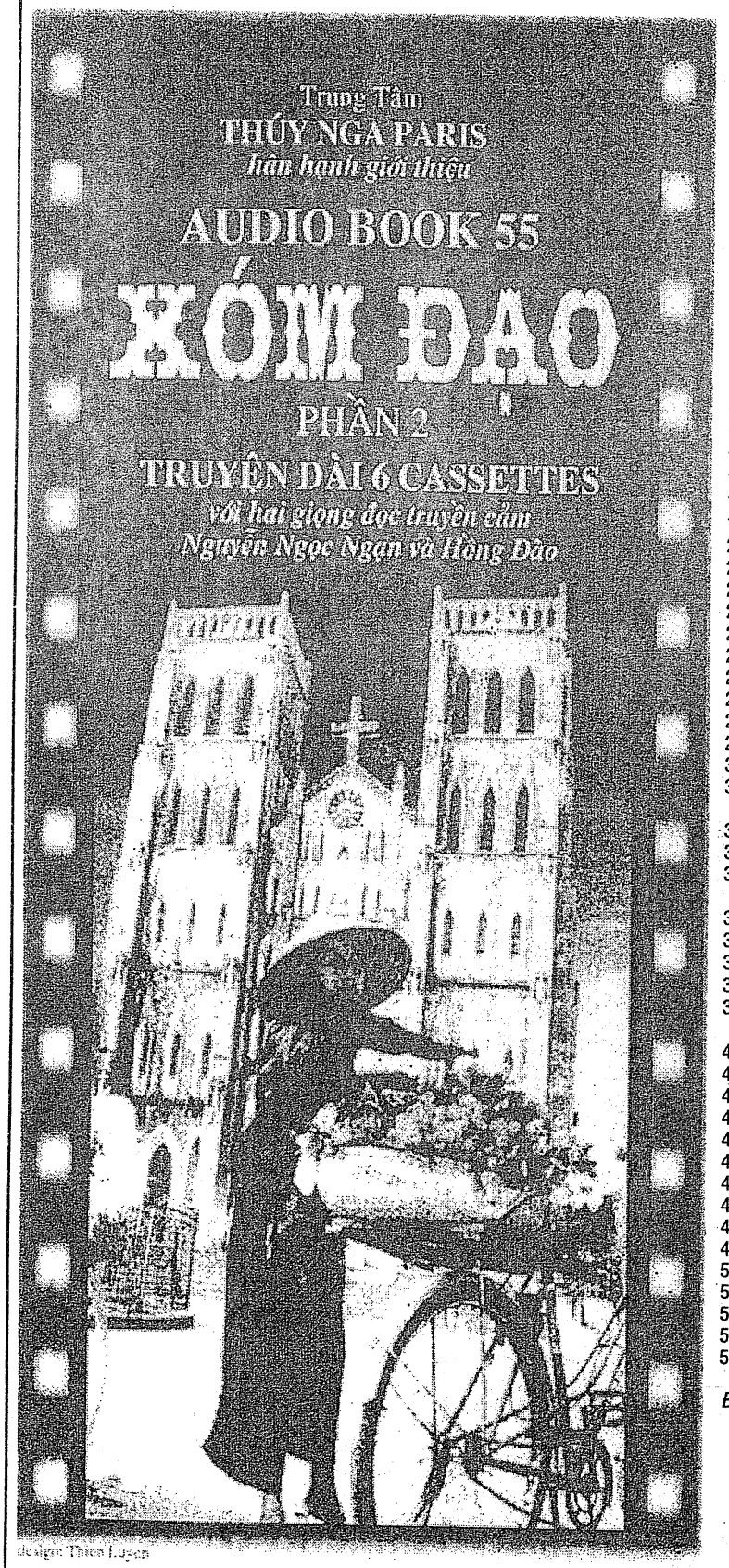

Đã Phát Hành
Những Băng Đọc Truyện Hay

1. Ai Cũng Cần Có Một Bà Mẹ
2. Lạ Giường
3. Người Đàn Bà Đi Bên Tôi
4. Một Lần Rồi Thôi
5. Dấu Chân Xưa
6. Tấm Vé Số - Thầy Thanh
7. Ven Rừng
8. Chung Quanh Thôi
9. Bước Chân Người Tình
10. Qua Đường
11. Vách Tường Cũ
12. Phòng Mạch
13. Ánh Mắt Vô Tình
14. Biển Vẫn Đợi Chờ
15. Tâm Bệnh
16. Tình Muộn
17. Dấu Vết Ân Tình
18. Dốc Cao Vời Vợi
19. Phòng Tắm
20. Rồi Đến Một Ngày
21. Cây Trứng Cá
22. Nhịp Cầu
23. Đi Thêm Một Bước
24. Kể Một CHuyện Tình
25. Một Lần Hạnh Phúc
26. Ngoại Tình
27. Cõi Đêm (truyện dài 6 cassettes)
28. Người Đàn Bà Đi Trước
29. Dòng Đời Lặng Lẽ
30. Chút Kỷ Niệm Xưa
31. Đếm Những Mảnh Tình (truyện dài 6 cassettes)
32. Mưa Trong Bóng Đêm
33. Dốc Đứng
34. Sau Lần Cửa Khép (truyện dài 6 cassettes)
35. Gặp Gỡ Lần Đầu
36. Giã Từ Sân Khấu
37. Tàu Về Miền Xuôi
38. Mây Đen
39. Trong Quan Tài Buồn (truyện dài 6 cassettes)
40. Món Quà Đầu Năm
41. Ngày Trở Về
42. Thời vận
43. Bên Hành Lang Tòa Án
44. Màu Cỏ Úa (truyện dài 6 cassettes)
45. Dòng Sông Hờ Hững
46. Trong Sân Trường Ngày Ấy
47. Khu Phố Chợ Trời
48. Nỗi Mong Đợi Khốn Cùng
49. Ngày Buồn Cũng Qua Mau
50. Tiếng Quạ Réo Vong Hồn
51. Đêm Trong Căn Nhà Hoang
52. Bãi Đất Hoang Sau Nhà
53. Ngôi Mộ Mới Đắp
54. Xóm Đạo 1 (truyện dài 6 cassettes)

Độc quyền sản xuất và phát hành:
THÚY NGA
9295 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673
Internet: www.thuynga.net
E-mail: thuynga@thuynga.net

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name*:..... *ĐT. / Phone*:.....
Địa chỉ / *Address*:.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

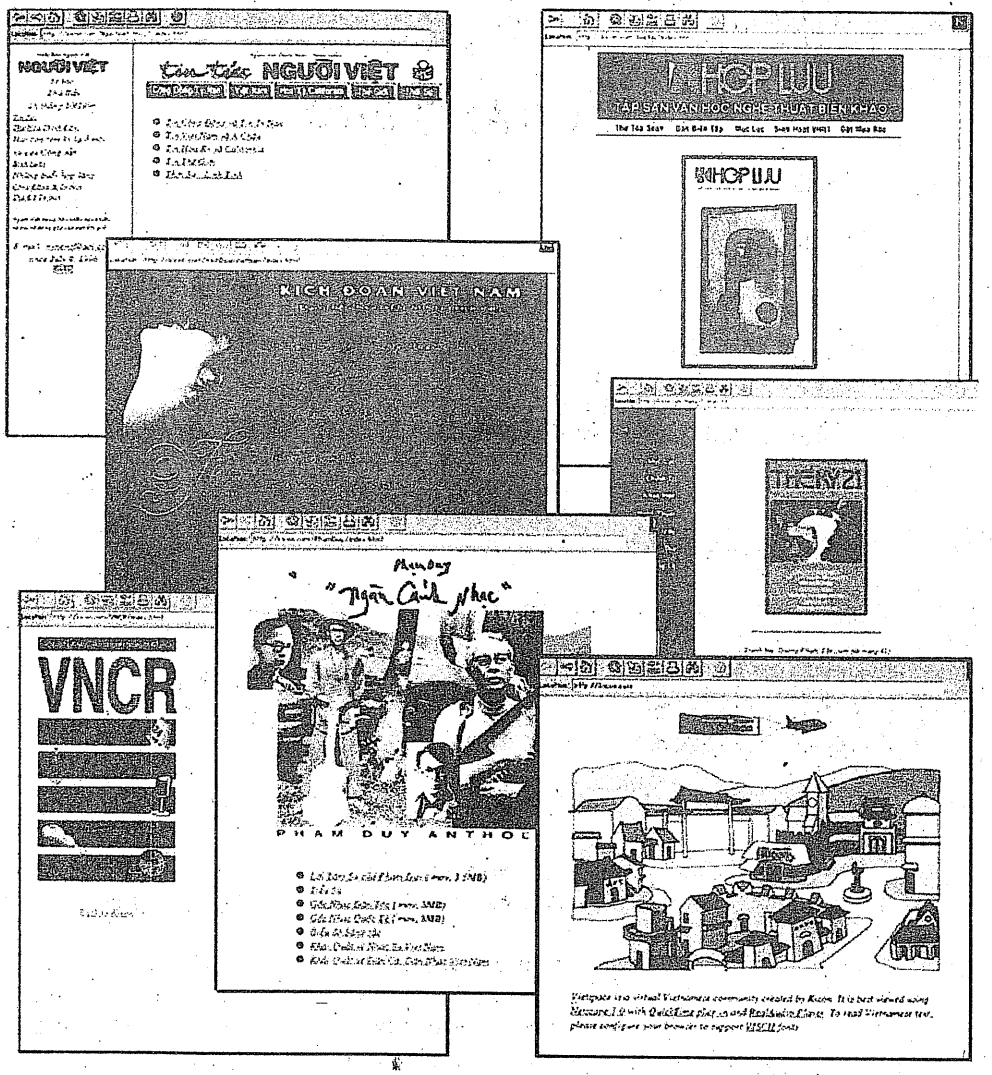

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

ACS ADVANCED COMPUTERS

Fountain Valley location: 18659 Brookhurst St. Fountain Valley, CA 92708
Tel. (714) 965-4631 * Fax (714) 965-4641
South Bay location: 21164 Hawthorn Blvd. Torrance, CA 90503
Tel. (310) 214-8125 * Fax (310) 371-7388

* InTel Pentium III 450MHz/512Kc **$698.00**
* InTel Pentium III 500MHz/512Kc **$758.00**
* InTel Pentium III 550MHz/512Kc **$879.00**
* InTel Pentium III 600MHz/512Kc **$998.00**

Systems Include:
* InTel Processor with heatsink & fan
* PC100Mhz Bus mainboard
* SHARE 8Mb Video Card
* 64 MB PC100Mhz Bus memory
* 6.4GB ULTRA IDE Hard Drive
* Built-in high speed 16550 UART Serial port
* Built-in Bi-Directional ECP/EPP printer & USB ports
* 1.44Mb Floppy Drive & 104 Keyboard PS2 / Mouse
* ATX Mid-Mini tower case, 235W P.S.UL Approved
* 44X CDROM
* 3D PCI SOUND CARD/SPEAKER
* 56K Fax/Modem

- Monitor Sold separately -

You can also have a custom made machine
Please call for update prices
All Systems 2 years LABOR & 1 year PARTS limited warranty
CUSTOM NETWORK INSTALLATION, SETUP AND SERVICE AVAILABLE
Price and stock subject to change without notice

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

CỘI NGUỒN BẤT AN
ROOTS OF UNREST

Thiên ký sự của PHAN TRẦN HIẾU, ký giả trẻ của báo The Orange County Register, viết về chuyến đi thăm Việt Nam sau khi xảy ra "vụ Trần Trường" tại Quận Cam.

Đọc CỘI NGUỒN BẤT AN để gặp gỡ một số mẫu người Việt Nam trong nước hiện tại, đồng thời để hiểu tâm trạng của một người tị nạn thế hệ thứ hai khi trở về gặp lại mảnh Đất Mẹ của mình.

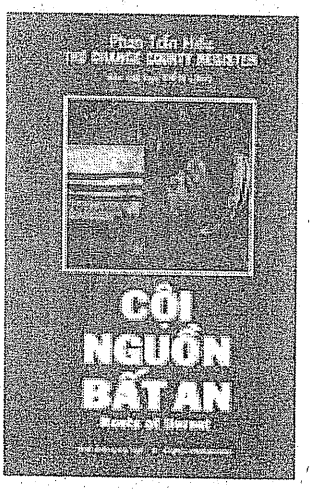

PEOPLESOFT

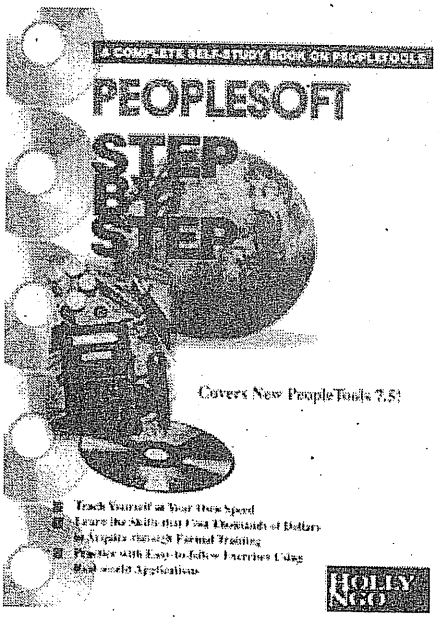

Một ERP Application Software được nhiều hãng mua để thay thế các Mainframe System cũ đang có vấn đề với năm 2000,

Nếu bạn muốn trở thành System Analyst hay Sofware Consultant làm việc với Peoplesoft Applications như Financials, Human Resourse, Payroll, Benefits... cho các hãng của chính phủ, Student Administration cho các trường Đại Học, với số lương bắt đầu ít nhất là $50,000

Hãy tìm cuốn PEOPLESOFT Step by Step.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

Bìa: *Tiên* (theo sự tích Rồng Tiên) của Thái Tuấn
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui, Etcetera
Ảnh: Tư liệu của Thế Kỷ 21

MỤC LỤC

Số 130 và 131 . Tháng Hai và Ba 2000

CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

14 Con người Việt Nam - Nguyễn Minh Cần
19 Bill Clinton: năm con mèo nhiều may mắn - Ngô Nhân Dụng
25 Hành trình thế kỷ: 30 năm chiến tranh - Thụy Khuê
37 Dân chủ, tôn giáo và chủ thuyết Marx - Nguyễn Hoài Vân
42 Lễ công bằng đối với người thiểu số ở Việt Nam - Đoàn Thanh Liêm
44 Tiếp tục cuộc phỏng vấn còn dở dang... - Lê Đình Điểu, Trần Thanh Hiệp

VĂN HÓA

50 Tờ báo xuân đầu tiên - Phạm Xuân Đài
53 Từ nạn trộm cắp các cổ vật... - Phạm Cao Dương
57 Từ Mạn đà la tới đóa sen ngàn cánh - Tiểu Huyền
61 Ngày xuân và lễ hội cầu ngư - Đào Đức Chương
66 Ngũ tuyệt: ban nhạc thính phòng cổ nhạc Huế - Nguyễn Đức Mai

LỊCH SỬ - TIỂU LUẬN

72 Tình yêu, sắc đẹp và di truyền - Nguyễn Văn Tuấn
82 Đồng tiền ngoại thương vào thế kỷ 19 ở Việt Nam - Lục Đức Thuận
96 Đất Việt ba thiên niên kỷ trước - Nguyễn Quang Trọng
111 Hotel Morin, một kỳ quan của đất Huế - Nguyễn Phúc Bửu Tập
132 Năm Thìn nói chuyện rồng - Trần Quán Niệm
135 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ (1975-2000) - Trần Anh Tuấn

VĂN

78 Về trước hăm ba tháng chạp - Ngô Nguyên Dũng. 88 Chó và rùa - Tư Cầu Kho. 105 Con dốc mơ - Tâm Thanh. 118 Phở Bắc - Khả Vi. 126 Đổ giàn - Đặng Phú Phong. 142 Đèo đội cậu - Miêng. 145 Cuộc đời còn đó - Tạ Tỵ. 151 Chết tươi - Đặng Mai Lan. 154 Bên kia sông - Trần Long Hồ. 163 Lê Tam Ca với phách cười - Thế Giang. 167 Hằng - Từ Nguyên

THƠ

65. Mùa xuân trên giường ngủ - Luân Hoán. 74. Đôi co - Hoàng Xuân Sơn. 81. Nhân năm mới hai ngàn, hỏi câu cũ - Hà Thúc Sinh. 91. Truyện thật ngắn - Trần Vấn Lệ. 94. Giao thừa - Võ Đình Tuyết. 99. Nhỏ - Trần Ngọc Trang Đài - 103. Thế kỷ - Trần Mộng Tú. 107. Bốn mùa - Khánh Hà. 117. Hăm lăm mùa xuân trên nước Mỹ - Thảo Chi. 121. Orphée và em - Trần Hồng Châu. 124. Xuân nhớ cố hương - Phạm Cây Trâm. 128. Tuyết nhão - Nguyễn Văn Thực. 138. Nếu - Dương Kiền. 144. Lập xuân - Cổ Ngư. 147. Quà cuối năm - Nguyễn Hòa Trước. 158. Bài thơ cho con đầu lòng - Dung Nham. 165. Xuân muộn - Đặng Phú Phong

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Tòa soạn: Bảo vệ những loài bướm đẹp - Vương Hữu Bột
9 Bạn đọc viết
13 Tòa soạn và bạn đọc - Phạm Phú Minh
13 Thư trị sự - Phan Mỹ Sương
32 Đời sống quanh ta - Thanh Thảo, Trần Quán Niệm
168 Sách báo trong tháng - Phạm Xuân Đài

TOÀN THỂ ANH CHỊ EM
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

xin thân ái chúc
quý độc giả, văn hữu
và thân chủ quảng cáo

Năm Mới
Canh Thìn

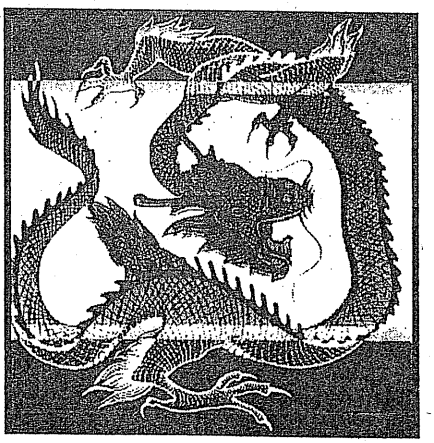

vạn sự như ý

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BẢO VỆ NHỮNG LOÀI BƯỚM ĐẸP

VƯƠNG HỮU BỘT

Thế giới thay đổi nhanh hơn cho nên mỗi ngày chúng ta lại nhận được nhiều thông tin hơn trước; và ngược lại, vì con người mỗi ngày nhận được nhiều thông tin hơn nên họ thay đổi, và xã hội chung quanh cũng thay đổi. Chúng ta ý thức rằng đời sống có sinh có diệt, với tốc độ nhanh hơn xưa.

Một loài bướm đẹp ở Bắc Mỹ có thể bị tiêu diệt nếu nhà nông tiếp tục trồng bắp bằng thứ hạt giống đã thay đổi gene di truyền. Thứ hạt giống mới có khả năng giết các côn trùng một cách tự nhiên, không cần thuốc sát trùng hóa học. Nhưng các con nhộng của loài bướm monarch sống bằng loại cây dại mọc ven các ruộng bắp, loài ấu trùng này cũng sẽ bị giết chết, và có ngày loài bướm lộng lẫy đó sẽ biến mất, ít nhất ở lục địa Mỹ châu!

Mất một loài bướm là một thảm họa cho thế giới, điều này không ai cần bàn cãi nữa. Sở Bảo vệ Sinh môi (EPA) đã thay đổi luật. Trước đây họ yêu cầu các công ty thực phẩm giữ từ 5% đến 20% ruộng bắp trồng theo "lối cổ," nghĩa là dùng hạt giống có gene cũ. Tháng Giêng năm 2000, EPA yêu cầu phải bảo vệ ít nhất 20% ruộng, vì nguy cơ giống bướm thiên di này sẽ bị diệt chủng. Các công ty canh nông ở Mỹ đều đồng ý, tuân theo quy luật mới.

Những con bướm cần được bảo vệ, còn những định chế của loài người đang bị đe dọa "diệt chủng" có được bảo vệ hay không?

Những định chế quen thuộc như gia đình, quốc gia, mới có gần đây so với lịch sử từ khi có loài người biết nghĩ, trong 100 năm tới liệu còn hay không? Hậu Hán Thư viết rằng vào thế kỷ thứ ba Thái thú Nhâm Diên ở Quận Cửu Chân đã nhập cảng thủ tục "hôn nhân" vào nước ta, hàng ngàn người cùng tổ chức đám cưới do nhà nước bảo trợ. Định chế đó cho tới giữa thế kỷ 20 mới thay đổi một chút. Trong 100 năm nữa, gia đình sẽ như thế nào? Người ta sẽ sống hạnh phúc hơn hay sẽ đau khổ hơn khi cơ cấu gia đình thay đổi?

Còn quốc gia, dân tộc, nhà nước, như chúng ta biết, có sống sót đến thế kỷ 22 chăng? Tại sao ở Trung Hoa người Ngô, người Sở, người Tấn đã xóa bỏ biên cương từ 2000 năm trước, mà ngày nay người Albanie, người Serbe ở Kosovo vẫn chưa thể chung sống yên lành? Dân Na Uy muốn ngưng vụ kết hợp công ty điện thoại quốc doanh với Thụy Điển, vì tự ái dân tộc. Đặt trụ sở công ty mới ở Oslo hay Stockholm thì lời lỗ khác nhau cái gì? Đối với một người ở Việt Nam hay thì hai xứ Bắc Âu đó có gì khác nhau? Người Đức nhìn lên phía Bắc thấy như vậy, họ có chấp nhận để công ty viễn thông Anh Vodafone mua công ty Mannesmann "của mình," (sau khi đã mua Touchtone của Mỹ) hay chăng? Tình cảm về huyết thống lấn át nhu cầu "Hiệu năng kinh tế" trong 100 năm hay 200 năm nữa chăng? Chắc khó tiên đoán. Chính tờ báo này không theo các "quy luật kinh tế thị trường," nghĩa là không tính đến lợi lộc. Những tạp chí khác ở hải ngoại, như Văn Học, Văn, Thơ, Hợp Lưu, Dân Chủ và Phát triển, Thiện Chí, Diễn Đàn, v.v. đều "phi kinh tế" như vậy cả. Tại sao chúng ta cưỡng chống các áp lực kinh tế như vậy?

Trong một số báo trước, chúng tôi đã đề nghị cùng quý vị suy nghĩ về các vấn đề của 100 năm tới. Số báo này bắt đầu năm Canh Thìn, xin nhắc lại và mong được quý vị đóng góp các kiến giải, bắt đầu từ lãnh vực chuyên môn của mỗi người. Trong khi đó, ước mong quý vị lúc nào cũng quan tâm sống trong hạnh phúc. Chúng ta cùng bảo vệ những loài bướm đẹp, để thế giới này tốt đẹp và loài người dễ sống hạnh phúc hơn.

Tại Anh tại Ả? Vấn đề nguyên nhân trong suy luận

Trong câu hỏi *"Ai thực sự trách nhiệm về việc miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng sản"* (TK 21 số 128, trang 10), tôi thiết tưởng tác giả đặt bốn chữ *"thực sự trách nhiệm"* vào khung thất một công trình truy cứu đặc chủng (monographie). Người muốn giới hạn tầm nhìn vào một vài sự kiện lịch sử được nhận định là một nhân tố trực chỉ, *cause directe*, hoặc là duyên do cần thiết và đầy đủ, *"cause efficiente,"* để tạo ra một sự kiện lịch sử kế tiếp. Theo tôi hiểu, tại đây tác giả không nêu lên một đề tài bao quát nào cả, mà chỉ giới hạn vào một lãnh vực truy cứu chuyên biệt mà thôi. Nhưng không phải vì thế mà tác giả phủ nhận mọi nguyên nhân khác, hoặc "muốn giảm thiểu" những nguyên nhân khác.

Nếu đem áp dụng các quy tắc luận lý cổ điển vào vấn đề quy trách nhiệm này, tôi thiết tưởng có thể phân biệt rất nhiều nguyên nhân đã khiến miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản. Thí dụ các tập đoàn quân nhân lên cầm quyền sau 1963 đạp đổ nhau, đánh phá nhau để chia chác quyền lợi cục bộ: họ đã tạo ra những nhân tố vật chất, *causes matérielles*, khiến cộng sản tác dụng được vào yếu tố nhân dân rồi dùng nhân dân làm công cụ, *cause instrumentale*, đưa đến hệ quả cưỡng chiếm miền Nam. Việc phân tích kỹ từng biến cố trên đây sẽ đưa đến kết luận là không có một sự việc nào mang tính cách quyết định cả. Còn việc quân đội Mỹ rút ra khỏi chiến trường miền Nam thường được xem là nhân tố khai dụng, *cause occasionnelle*, tạo ra cảnh bất chiến tự nhiên thành cho địch, thì thật ra, đấy là một trong những nguyên nhân chiến lược căn bản, *causes originelles*, đã *"tạo ra cái thế quốc tế"* bất lợi cho miền Nam Việt Nam ngay từ năm 1972, chứ không phải đợi đến năm 1975. Gọi đấy là *"đổ hết trách nhiệm cho người ngoài"* không hẳn là hoàn toàn sai; nhưng nếu *"đổ một phần lớn trách nhiệm cho người ngoài"* thì có lẽ gần đúng hơn. Việt Nam Cộng Hòa không bị thất trận trên chiến trường miền Nam, mà đã bị thất trận ngay trên đất Mỹ.

Sự thật lịch sử là một quả bóng vĩ đại: không một ai có thể có một tầm nhìn bao quát được. Tốt hơn, và khiêm tốn hơn, là ghi nhận tất cả mọi khía cạnh của vấn đề, để rồi từ đấy dần dần hoàn thiện tầm nhìn bao quát của mình. Đấy là một vài ý kiến tôi được đóng góp cùng ông Võ Văn Chính.

Bửu Sao *(Orlando FL)*

Chỉ về một chữ

Qua mấy số của Thế Kỷ 21, tôi được biết một số quý vị độc giả tranh luận về một chữ trong bài thơ Chanson d'Automne của Paul Verlaine: chữ Blessent. Tôi xin thưa ngay rằng tôi không thuộc "quý vị rành văn chương Pháp" (chữ ông Phạm Ngọc Khôi dùng) để mà lên tiếng "chỉ giáo." Tôi chỉ xin thưa là bài Chanson d'Automne này tôi đã học từ năm lớp đệ nhị (tức lớp 11) và học thuộc lòng như bao nhiêu bạn khác cùng lớp. Tôi được vinh dự học Pháp văn với thầy Cung Giũ Nguyên, một học giả kiêm tiểu thuyết gia viết tiểu thuyết bằng tiếng Pháp. Tên tuổi của thầy đã được đưa vào văn học sử Pháp. Sở dĩ tôi phải nêu tên người thầy khả kính của tôi cũng chỉ cốt để quý độc giả hiểu cho rằng một người uyên thâm văn học Pháp như thầy Nguyên không thể dạy sai, không thể lầm lẫn *blessent* thành ra *bercent* được. Và đây cũng là lần đầu tiên tôi thấy "blessent" (trong cụm từ "blessent mon coeur") được "điều chỉnh" lại thành "bercent." Riêng thiển ý, tôi thấy *blessent mon coeur* hợp lý hơn *bercent mon coeur*, vì chủ từ của động từ *blessent* chính là *les sanglots longs*. Chỉ những tiếng thổn thức, những lời nỉ non mới có thể "tạo những vết thương" nơi con tim của thi nhân. Không thể bảo những tiếng thổn thức, những lời nỉ non... *ru ngủ* trái tim ta.

Tôi xin được phép trích đăng lên đây toàn bài Chanson d'Automne. Bài trích từ quyển Littérature francaise, tác giả Desgranges.

Chanson d'Automne (1866)
Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon coeur

D'une langueur
Monotone.

Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heurre
Je me souviens
Des jours anciens,
Et je pleure.

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
Deca, delà
Pareil à la
Feuille morte.
(Poèmes saturniens)

Người viết những dòng này, cách nay dễ đã hơn bốn mươi năm, đã "lạm dịch" Chanson d'Automne như sau:

Điệu Thu Ca
Vĩ cầm của mùa thu
Thổn thức
Triền miên day dứt
Chạnh niềm đau
Tim ta buốt nhức
Trong điệu đơn ca sầu.

Đất trời ngột ngạt
Và nhợt nhạt
Khi giọt đồng điểm nhịp thời gian
Ta hồi tưởng
Những tháng ngày lang bạt
Và ta khóc than.

Người đi sống kiếp sông hồ
Theo cơn gió chướng
Mặc tình lôi cuốn
Rày đó mai đây
Tựa chiếc lá khô
Bay.

Còn chuyện những người Mỹ làm phim xuyên tạc lời thơ của Chanson d'Automne tưởng không phải lạ. Họ là người Mỹ mà. Vả, nghệ thuật cũng thường cưỡng hiếp nhau, điều ấy chúng ta vẫn thường thấy trên các hệ thống truyền thông.

Võ Doãn Nhẫn *(Santee, CA)*

Qua các thư góp ý về bài thơ Chanson d'Automne của Verlaine trong mấy số báo qua, chúng ta có thể kết luận có hai bản khác nhau về bài thơ này lưu hành lâu nay, tạm gọi bản BERCENT và bản BLESSENT. Một vị cựu giáo sư trung học môn Pháp văn của miền Nam trước kia gọi điện thoại về Tòa soạn khẳng định ngày trước tại trường Đại học Sư Phạm vị ấy đã được dạy theo bản BERCENT. Một vị khác gửi E-mail nội dung như sau: "Chữ 'bercent' mới đúng. Xin cứ tìm sách dạy Littérature francaise cho học sinh trung học là đúng nhất. Có lẽ người viết bài ở Mỹ ít lâu rồi lẫn động từ 'bless' tiếng Mỹ với 'blesser' tiếng Pháp rồi."

Trong khi đó nhiều người khác nhớ lại phim "Le Jour Le Plus Long" (The Longest Day) chiếu ở Sài Gòn mấy chục năm trước, người sĩ quan Đức khi giải mật các tín hiệu của phe đồng minh, đã đọc mấy câu thơ đó của Verlaine, và đọc Blessent mon coeur...

Để giúp làm sáng tỏ một lần vấn đề này, chúng tôi đã thỉnh ý hai giáo sư Lê Văn và Nguyễn Khắc Hoạch là những vị khoa bảng tốt nghiệp môn văn chương tại các đại học Pháp, thì cả hai đều khẳng định là BLESSENT, và gửi cho hình chụp những trang sách có bài thơ của Verlaine. Giáo sư Hoạch nói: "Tại mấy ông nhạc sĩ phổ nhạc tưởng cái gì cũng du dương và ru ngủ (Bercent), không biết là Verlaine buồn và đau khổ (Blessent) lúc đó."

Sau đây chúng tôi in lại những trang sách có bài thơ Chanson d'Automne, để các nghi ngờ được sáng tỏ. (xin xem hình trang kế)

Xiềng Xích Trí Tuệ

Trong số báo TK 21 vừa rồi, ông Dương Kha có nêu một thắc mắc trong mục Bạn Đọc Viết về cụm từ "xiềng xích trí tuệ." Tôi đồng ý với ông Kha, như đoạn ông viết, "theo một tôn giáo, là chọn lựa một đức tin, chuyện đó tự nguyện, sao gọi là xiềng xích được?"

Nhận định của ông Kha hoàn toàn đúng trên lý thuyết. Chính vì sự tự do chọn lựa như thế, trên thế giới mới phát sinh ra hàng trăm tôn giáo khác nhau. Sự phong phú và đa dạng đó phản ảnh phong tục và văn hóa đặc thù của nhiều sắc dân. Tuy nhiên, thông thường, niềm tin tôn giáo không do lựa chọn cá nhân như ông quan niệm, nhưng vì thói quen, ảnh hưởng gia đình, cộng đồng, nhiều khi trở thành những áp lực vô hình. Tôi nhận thấy cha mẹ trên thực tế, có khi nào dân chủ tự do đến độ bảo con cái rằng, "Các con trưởng thành rồi, tha hồ tự do tìm hiểu lựa chọn, thấy tín ngưỡng nào thích hợp với các con thì theo, không nhất thiết phải theo tôn giáo của bố mẹ." Tôn giáo, thay vì là một lựa chọn có tính cách độc lập như sự bầu cử, đã trở thành như

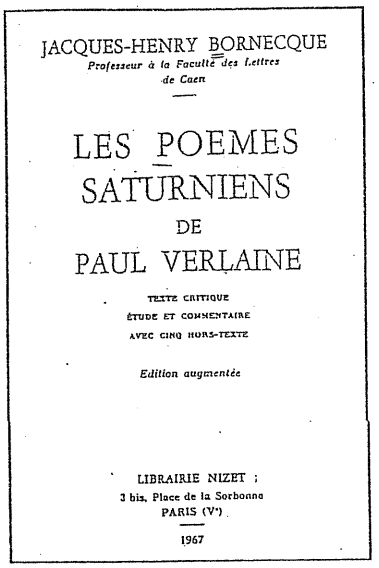

JACQUES-HENRY BORNECQUE
Professeur à la Faculté des Lettres de Caen

LES POEMES SATURNIENS
DE
PAUL VERLAINE

TEXTE CRITIQUE
ÉTUDE ET COMMENTAIRE
AVEC CINQ HORS-TEXTE

Edition augmentée

LIBRAIRIE NIZET ;
3 bis, Place de la Sorbonne
PARIS (V^e^)

1967

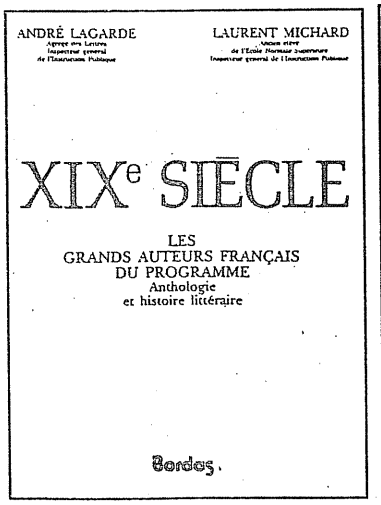

ANDRÉ LAGARDE — LAURENT MICHARD

XIXe SIÈCLE

LES
GRANDS AUTEURS FRANÇAIS
DU PROGRAMME
Anthologie
et histoire littéraire

Bordas.

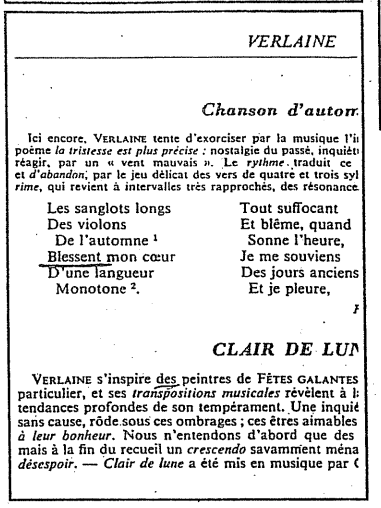

VERLAINE

Chanson d'autom

Ici encore, VERLAINE tente d'exorciser par la musique l'i
poème *la tristesse est plus précise* : nostalgie du passé, inquiét
réagir, par un « vent mauvais ». Le *rythme*, traduit ce
et *d'abandon*, par le jeu délicat des vers de quatre et trois syl
rime, qui revient à intervalles très rapprochés, des résonance

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne [1]
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone [2].

Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure,
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure,

CLAIR DE LUN

VERLAINE s'inspire des peintres de FÊTES GALANTES
particulier, et ses *transpositions musicales* révèlent à l
tendances profondes de son tempérament. Une inquié
sans cause, rôde sous ces ombrages ; ces êtres aimables
à leur bonheur. Nous n'entendons d'abord que des
mais à la fin du recueil un *crescendo* savamment ména
désespoir. — *Clair de lune* a été mis en musique par (

PAUL VERLAINE

Fêtes galantes
Romances
sans paroles

PRÉCÉDÉ DE
Poèmes saturniens

Préface et notes de Jacques Borel

nrf

GALLIMARD

V

CHANSON D'AUTOMNE

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
6 Monotone.

Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure,

CHANSON D'AUTOMNE

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone.

một truyền thống, một thói quen tinh thần, có thể nói là một sản phẩm của áp lực và ràng buộc giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ với chồng, và cá nhân với cộng đồng.

Vấn đề xiềng xích trí tuệ? Để làm sáng tỏ ý nghĩa, tôi xin lấy một ví dụ sau: Một khoa học gia nghiên cứu một vấn đề nan giải nhưng chưa có một giải thích thỏa đáng. Điều này đòi hỏi ông phải cố gắng hơn, nhưng không làm ông nghĩ rằng có một thần thánh vô hình nào đó đã nhúng tay vào chi phối hay ngăn cản ông tìm ra bí mật. Nếu nghĩ như vậy, trí tuệ ông không bị xiềng xích hay giới hạn bởi những gì vô hình hay siêu hình. Nhưng nếu thay vì cố gắng và tin tưởng vào chính mình, ông bỏ cuộc và tự bào chữa rằng: "Chắc phải có một đấng thiêng liêng nào đó đã xen vào và làm ra như thế," thì điều này tự nó là một xiềng xích trí tuệ.

Một thí dụ điển hình cho điều vừa nói: cách đây hơn hai năm, một số khoa học gia Anh quốc đã thành công trong việc "cloning" (tạo sinh vô tính) con cừu đầu tiên sau 277 lần thất bại. Tôi xin nhắc lại: 277 lần thất bại! Nếu người yếu bóng vía, chắc đã bỏ cuộc từ lâu, và cho rằng có thể một đấng vô hình nào đó ra tay ngăn cản không cho con người cướp quyền thiêng liêng. Nhưng sự tin tưởng vào lý trí và khoa học đã thắng, và sau cùng, thí nghiệm "cloning" đã thành công, và một trang sử mới được bắt đầu trong lãnh vực tế bào, mô thể học và di truyền học. Và từ cừu cho đến việc chế tạo người/human cloning, trên mặt kỹ thuật, chắc không còn bao xa.

Như vậy, xiềng xích trí tuệ ám chỉ những yếu tố nào bó buộc khả năng tìm kiếm sự thật của con người về thiên nhiên, làm cho con người lúc nào cũng tưởng có một đấng thần linh nào đó vén tay điều hành, thưởng phạt, ngăn cản hay chấp thuận từng chi tiết và hành động thường ngày.

Tín ngưỡng vốn không đặt trên căn bản sự thật, mà đặt nền tảng trên những gì con người tin tưởng và mong là sự thật. Nếu là sự thật,

thì không còn vấn đề tin, mà trở thành vấn đề biết, và trở thành một sự kiện, như sự kiện trái đất tròn và nó quay chung quanh mặt trời. Những gì con người biết là kiến thức, còn những gì cho là sự thật, có thể đã xẩy ra, có thể có, nhưng không làm cách nào chứng minh được, gọi là niềm tin, như tin có ma quỷ, tin có thần thánh, thượng đế, đấng Allah, tin có rồng, có unicorn, tin có thiên đường, hỏa ngục, cũng như những tin tưởng có tính cách triết lý đặc thù của dân tộc, điển hình qua những câu tục ngữ như tin rằng "ác giả ác báo," "ở hiền gặp lành," "trời sinh voi trời sinh cỏ," "nhất ẩm nhất trác giai do tiền định"... Sự thật cho thấy, không phải ai ở hiền cũng đều gặp lành, cũng không phải làm điều ác là sẽ bị quả báo nhãn tiền, cũng như không phải hễ cứ trời sinh là trời phải dưỡng, như những nạn đói khủng khiếp ở Phi Châu trong những thập niên vừa qua đã cho thấy. Ngoài ra, còn hàng trăm thứ tin tưởng khác không mang ý nghĩa tín ngưỡng, như tin mình có số hên, tin rằng số 13 là xui, tin rằng ngoài địa cầu còn có một giống thông minh khác, hay tin rằng đã có đĩa bay viếng thăm địa cầu, vv...

Niềm tin không hẳn là điều vô thưởng vô phạt. Lịch sử đã cho thấy niềm tin đã gây ra bao nhiêu cảnh thịt rơi máu đổ cho nhân loại, như lòng tin cuồng tín của Adolf Hitler vào dòng giống chủng tộc Nhật Nhĩ Man, hay của đế quốc Nhật trong đệ nhị thế chiến, tự cho mình là con cháu Thái Dương Thần Nữ, đã là thủ phạm chính trong vụ hai triệu người VN chết đói năm Ất Dậu, hay niềm tin tuyệt đối của những tay lãnh đạo cộng sản vào triết thuyết của Karl Marx, đã gây ra biết bao thảm cảnh chiến tranh, thanh trừng, đấu tố và đủ thứ "cải tạo" trong suốt thế kỷ 20.

Những niềm tin như thế, theo tôi, là những xiềng xích trí tuệ nguy hiểm cho nhân loại, vì nó làm mù quáng khả năng nhận thức được sự việc và dễ đưa con người vào những cuộc bạo hành cũng như irrational behaviors/ hành động nghịch lý. Chuyện tự sát tập thể ở cổng trời (Heaven Gate), chuyện tự sát tập thể của một đám tín đồ ở Jonestown năm 1976, và hàng trăm vụ bạo động trên khắp thế giới, trong đó người và người giết nhau như ngóe, lắm lúc chỉ vì những khác biệt tín ngưỡng, đã cho thấy niềm tin lắm lúc là kẻ thù đáng sợ vì nó dễ gây nên trạng thái cuồng tín đối với số đông. Trong quá khứ, những niềm tin tuyệt đối vào giáo điều đã gây ra những cảnh như Galileo bị giam lỏng, Giordano Bruno bị tòa án dị giáo Thiên Chúa Giáo mang ra đốt sống, chỉ vì họ đã dám nói sự thật.

Ông Dương Kha thấy, niềm tin mà thiếu sự cân nhắc của trí tuệ nhiều khi lại chính là thủ phạm gây ra án mạng chứ không phải là chuyện đơn giản.

Nhưng không phải niềm tin lúc nào cũng gây tai hại cho con người. Tôi lấy ví dụ: hai nhân vật điển hình tôi tôn kính là cha Damien và nữ tu Teresa, là những người hết lòng dâng trọn đời mình cho lý tưởng và niềm tin vào Thượng Đế, sống một cuộc đời vị tha, phục vụ những người cùi hủi, bệnh tật. Lòng hy sinh của họ thể hiện được ý niệm Thượng Đế trong đời sống một cách sáng chói. Như vậy, niềm tin là một điều rất nên có, nếu niềm tin đó đi đôi với trí tuệ và lương tri và được thể hiện ra bằng hành động.

Qua câu chuyện, tôi thấy ông Kha có ý kiến xây dựng, theo ông, vấn đề rèn luyện đức tin, cũng như có tu thì phải có hành, giống như thuyết "tri hành hợp nhất," rất hợp lý. Nhưng cụm từ "xiềng xích trí tuệ" của tôi thực ra có khác với "ám chỉ sự tin tưởng vào một tôn giáo." Một tín đồ Phật tử, Công Giáo, Hồi giáo đều có cùng một sở hữu tinh thần gọi là "đức tin," nhưng trong lãnh vực tìm hiểu thiên nhiên bằng khoa học, đức tin (faith) và những gì mình tin (belief) không thể ảnh hưởng sự tìm hiểu của mình.

Một đằng, tôi muốn nói đến những chi phối của niềm tin nhiều khi làm cho con người bị giới hạn trong lãnh vực suy tưởng của lý trí, ảnh hưởng đến khả năng tự đặt câu hỏi cho trong việc tìm ra sự thật, nhưng ông Dương Kha lại nói đến vấn đề vun bồi, nhắc nhở niềm tin để niềm tin của mình càng ngày càng bền chặt. Hai vấn đề này không giống nhau.

Về sách, người ta có thể tự do đọc những sách khoa học để mở mang kiến thức, tìm kiếm sự thật, hay đọc những sách để vun bồi niềm tin cá nhân, có thể là niềm tin vào tôn giáo, hay những thứ có tính cách "hobby" như phong thủy, tử vi, bói bài, ma quỷ, siêu hình, vv... Hai thái độ đọc sách tự do này, thứ nhất là đọc để trau giồi kiến thức, đọc để mà tìm hiểu khách quan những gì mình vẫn thường tin tưởng, thứ hai là đọc những gì mình muốn đọc để củng cố, duy trì và bảo vệ những gì mình nghĩ là đúng, là hai thái độ hoàn toàn khác nhau. Riêng trong phạm vi tín ngưỡng, tôi ít khi thấy một tín đồ ngoan đạo nào lại

cho rằng những gì mình tin là sai sau khi đọc sách, và cũng ít tín đồ có thể tự vấn chính mình, "Phải chăng những điều tôi tin là sự thật?" Và cũng không nhiều tín đồ thực sự đi tìm hiểu tôn giáo khác một cách khách quan để mà so sánh một cách vô tư với tôn giáo mình.

Lòng tin, theo tôi có một giá trị bình đẳng như nhau. Đứng trước hư vô và bí mật của thiên nhiên, thì đức tin của một anh mọi trong rừng Amazon, một anh thổ dân da đỏ sống trong bộ lạc ở Arizona, cho đến đức tin của một Giáo hoàng hay của một nhà sư khất thực, hoàn toàn có một giá trị căn bản tương đương mà chỉ có con người mới có thể có. Và nó đặt căn bản trên sự "Không biết nhưng tin là có thực hay có thể xẩy ra," một người có thể tin là có Thượng Đế, một người khác có thể tin rằng không có Thượng Đế, người này tin vào phép lạ, kẻ kia lại không tin.

Khi chiếc tàu Titanic đụng băng sơn và chìm, chắc không ít người có lẽ đã tin rằng đó là hình phạt của Thượng Đế muốn dạy con người một bài học khi con người kiêu ngạo và cho rằng "Ngay cả Chúa cũng không thể nhận chìm nổi chiếc tầu này," cũng như khi chiếc phi thuyền con thoi Challenger phát nổ, ắt có người đã tin rằng cái tên Challenger (Thách thức) là một sự ngạo mạn và khinh xuất đối với thần linh cho nên bị quở phạt. Cũng như khi chiếc phi thuyền Apollo 13 bị tai nạn trên đường bay đến mặt trăng, tôi biết có người đã tin và quy trách, đổ tội cho con số 13 là con số mang xui xẻo. Theo tôi, nếu tin như thế thì trí tuệ quả là bị xiềng xích đấy.

Tôi cám ơn ông Dương Kha đã có những góp ý xây dựng quý báu.

Nguyễn Hùng Vũ *(Chino Hills, CA)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Dy Sỹ Phạm Nguyên Lương, Bửu Sao, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Hòa Trước, Ngô Nguyên Dũng, Tâm Thanh, Trần Vấn Lệ, Dương Huệ Anh, Trần Quán Niệm, Lục Đức Thuận, Trần Long Hồ, Lâm Chương, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Bùi Xuân Quang, Thanh Phong, Dương Kiền, Chu Vương Miện, Phí Ích Bành, Trần Mộng Tú, Babui, Phạm Trọng Chánh, Trần Anh Tuấn, Đoàn Xuân Kiên, Nguyễn Thị Xuân Sương, Mặc Đông, Mạnh Phương, Dũng Văn.

Đính chính: Bài "Các hiện tượng trong thời kỳ tiền đại hội đảng Cộng sản" đăng trong Thế Kỷ 21 số 129 (tháng Giêng 2000) đã viết rằng Đại hội 9 của ĐCSVN sẽ diễn ra vào giữa năm 2000, nay xin sửa lại: vào năm 2001. Xin cáo lỗi cùng quý độc giả.

Hộp thư tri sự

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Huynh Tan Don (Long Beach CA), Minhhuong Nguyen (Portland OR), An Nguyen (Grand Rapids MI), Hoang Tan (San Jose CA), Thuan Hua (Florissant MO), Vu Gia An (Herndon VA), Vo Doan Nhan (Santee CA), Ek Education Park Branch Lib.(San Jose CA), Seventrees Branch Lib. (San Jose CA), Evergreen Branch Lib. (San Jose CA), Berryessa Branch Lib. (San Jose CA), Nguyen Thi Thu Hao (San Diego CA), Manh Truong (Alexandra VA),Tran Ngoc Giac (JAPAN), Nguyen Khac Ton (Riverside CA), Anh Tuan Bach (Corte Madera CA), Vu Van Dinh (Westminster CA), Pham Nguyen Hong (El Paso TX), Huynh Thu Nguyen (Ashburton AUSTRALIA), Cao Tieu (Orange CA), Dinh Sinh Long (Huntington Beach CA), Phan Lien (FRANCE), Tran Binh Nhung (San Diego CA), Bich Dao (FRANCE), Phu Le (Fairborn OH), Bui Phung Mai (Gilroy CA), Doan Tan Hanh (Charlotte NC),Nguyen Hung Vu (Chino Hill CA), Tran Van Huy (FRANCE), Huynh Van Ly (GERMANY), Tran Oanh (GERMANY), Tran Thi Hang (Gaden Grove CA), M.D Nghiem Duc Dang (Westminster CA), Lam Chuong (Dorchester MA), Le Cong Giao (Upland CA), Dan Dinh Can (Winnetka CA), Lê Văn Đức (Van Nuys CA).

Độc giả đổi địa chỉ

Phan Hong Tu (Chicago IL), Bui Phung Mai (Gilroy CA).

Vấn đề của thế kỷ

CON NGƯỜI VIỆT NAM

NGUYỄN MINH CẦN

Mừng Năm Mới 2000, mỗi người Việt Nam có suy tư về số phận của đất nước không thể không nghĩ đến tiền đồ của dân tộc trong thế kỷ mới, là thế kỷ mở đầu cho thiên niên kỷ thứ ba. Thế thì vấn đề gì đáng quan tâm nhất đối với đất nước ta trong thế kỷ 21? Người viết không dám có kỳ vọng nhìn sâu suốt cả một thiên niên kỷ, vì nó lớn quá khó có thể có một tầm nhìn xa đến như vậy. Tuy nhiên, nếu chúng ta xác định được vấn đề căn bản nhất Việt Nam cần giải quyết trong thế kỷ tới để đất nước và dân tộc vươn lên thành một dân tộc tự do, tự cường xứng đáng với truyền thống của cha ông thì có thể tin chắc rằng chúng ta đã đặt được cơ sở vững chắc cho sự trường tồn và phồn vinh của đất nước và dân tộc trong suốt thiên niên kỷ tới.

Tôi thiết nghĩ, vấn đề đáng lo lắng nhất hiện nay và có lẽ cả trong thế kỷ mới chính là vấn đề CON NGƯỜI VIỆT NAM, xét cả về mặt thể chất lẫn tinh thần.

Về mặt thể chất, không thể không thừa nhận rằng ở nước ta hiện có rất nhiều vấn đề nan giải đang đòi phải giải quyết cấp bách do tình cảnh quá nghèo khổ của đại đa số dân chúng, do sự thiếu đội trầm trọng, nhất là ở nhiều vùng nông thôn, đặc biệt là ở miền Trung và miền núi, làm cho sức khỏe của dân chúng hao mòn, sút kém, do các bệnh hiểm nghèo (như ho lao, phong hủi, tâm thần, v.v...) lan rộng cả ở nông thôn lẫn thành thị và những bệnh mới (như SIDA...) cũng đang phát triển. Trong lúc đó thì hệ thống y tế của đất nước còn chậm tiến và chỉ tập trung vào một số ít thành phố lớn, hệ thống thể thao thể dục còn quá non yếu và không được quan tâm đúng mức và đúng hướng. Nếu thật sự lo lắng đến tiền đồ của đất nước và dân tộc thì tất cả những mặt hoạt động này phải được đánh giá thật thẳng thắn để có được những giải pháp đúng đắn và đầy đủ về mặt sức khỏe và thể lực của CON NGƯỜI VIỆT NAM trong tương lai.

Còn một mặt khác cũng đáng chú ý đặc biệt là mặt tinh thần của CON NGƯỜI VIỆT NAM. Nếu nhìn khách quan vào thực trạng của đất nước, thì phải nói rằng về mặt này thật rất đáng lo. Khi nghĩ về đất nước, điều đáng buồn nhất là tình trạng người Việt trong nước bị tha hóa với tốc độ nhanh. Biểu hiện cụ thể của sự tha hóa này là đạo đức ngày càng sa đọa từ trên xuống dưới, từ người cầm quyền lan đến người dân. Đây là một sự thật quá hiển nhiên. Mà có một điều quái lạ là Đảng cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) càng hô to bao nhiêu khẩu hiệu "xây dựng con người mới,

con người xã hội chủ nghĩa" thì tình trạng tha hóa đó lại càng trầm trọng bấy nhiêu. Đây cũng là một sự thật nữa không thể chối cãi.

Vì sao vậy? Suy cho cùng, vì "con người mới xã hội chủ nghĩa" được xây dựng theo mẫu mực của nhóm người đang thống trị đất nước vốn tham lam quyền lực và quyền lợi, phủ nhận các giá trị đạo đức chung toàn nhân loại, nói thẳng là họ không có đạo đức thường tình. Hơn nữa, chính vì "con người mới" đó được xây dựng lên nhằm phục vụ cho một tập đoàn cầm quyền độc đoán, xảo quyệt, dối trá, ích kỷ và vô đạo đức vừa nói trên.

Để hiểu rõ nguyên nhân của sự tha hóa con người, xin cứ nhìn vào chính sách giáo dục của đảng cầm quyền thì đủ rõ. Đọc "luật giáo dục" được quốc hội nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa thông qua hồi cuối năm 1998, chúng ta không khỏi rùng mình vì tính chất lạc hậu, lỗi thời, ngu dân và độc đoán của nó. Để không làm mất nhiều thì giờ của các bạn, chỉ xin dẫn ra đây vài điều mà thôi, và tôi tin rằng chỉ vài điều đó thôi cũng đủ thấy được cả một chính sách chung. Điều 2 trong luật khẳng định rằng nền giáo dục nước nhà phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Trong lúc đó, chính ĐCSVN cũng không xác định được chủ nghĩa xã hội là gì, nhận diện nó ra sao! Khẳng định như thế trong lúc loài người tiến bộ trên thế giới từ lâu đã vứt bỏ cái gọi là "chủ nghĩa Marx-Lenin" vào sọt rác lịch sử, trong lúc chính bản thân Hồ Chí Minh lúc sinh thời đã nói rõ là ông chẳng có tư tưởng gì hết ngoài tư tưởng của chủ nghĩa Marx-Lenin! Người ta muốn đào tạo những thế hệ mai sau trên một nền tảng"ảo ảnh" như thế đó! Điều 45 quy định rằng toàn bộ hệ thống nhà trường phải đặt dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN, thông qua các chi bộ của đảng. Trong lúc đó, ai cũng biết là các đảng viên cộng sản ở các chi bộ của đảng thật ra không có tài chuyên môn để lãnh đạo được một ngành đòi hỏi trình độ kiến thức cao và phức tạp về giáo dục học, tâm lý học. Hơn nữa, thẳng thắn mà nói, không thể phủ nhận được tình trạng thảm hại của các chi bộ hiện nay ở khắp nơi, kể cả trong các trường học. Điều 84 quy định rằng các Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Công đoàn giáo dục Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội chữ thập đỏ và các hội khoa học nghiệp vụ phải thực hiện chủ trương giáo dục thế hệ trẻ. Thiết tưởng chẳng cần phải mất công bình luận gì thêm, các bạn cũng đủ thấy toàn bộ tính chất "rởm" (nói theo ngôn ngữ ngày nay trong nước) và lố bịch của "luật giáo dục" rồi.

Còn thực trạng của nền giáo dục nước ta như thế nào? Cũng xin miễn nói dài dòng. Xin hãy nhìn rõ cuộc sống khốn khổ của giáo chức và tình hình giáo chức tự ý bỏ nghề hàng loạt, các trường sư phạm không có đủ sinh viên dù có cho miễn học phí, hãy nhìn rõ hiện tượng học sinh bỏ học trầm trọng ở mọi cấp, số trẻ em không đi học ngày một lớn trong cả nước, xin hãy nhìn vào tình trạng tồi tệ của các trường ốc, trình độ trang bị từ bàn ghế cho đến cơ sở kỹ thuật, hãy nhìn vào tình trạng gian dối trầm trọng trong ngành giáo dục, từ người dạy cho đến người học, để thấy rõ chất lượng đào tạo của nhà trường "xã hội chủ nghĩa" như thế nào. Xin hãy thấy rõ các môn học nhồi sọ quá lỗi thời nhưng lại được đảng và nhà nước coi trọng nhất, còn học sinh, sinh viên thì chán ngấy không ai muốn học. Đó là những môn như triết học Marx-Lenin, kinh tế chính trị học Marx-Lenin, lịch sử ĐCSVN, v.v... hoàn toàn vô bổ nhưng lại chiếm thời lượng khá lớn. Xin hãy nhìn vào cách học hiện nay của học sinh, sinh viên dưới mái trường "xã hội chủ nghĩa" Việt Nam không những đầy rẫy tính chất nhồi sọ, độc đoán, tước đoạt mọi quyền tự do tư tưởng, tự do phát biểu ý kiến mà thậm chí còn triệt tiêu cả thói quen tư duy độc lập của học viên.

Để hiểu rõ nguyên nhân của sự tha hóa con người, xin cứ nhìn thẳng vào chính sách của đảng cầm quyền đối với các tôn giáo. Ai cũng biết các tôn giáo có một vai trò rất lớn trong việc bồi dưỡng đạo đức tinh thần và thỏa mãn nhu cầu tâm linh cho người dân. Ở nhiều nước văn minh, nhà nước cấp tiền giúp các tôn giáo hoạt động vì ý thức được rằng các tôn giáo càng hoạt động tốt thì nhà nước đỡ phải chi tiền xây dựng nhà tù, nuôi tù nhân, nuôi cả một biên chế to lớn những cai tù và đội quân bảo vệ nhà tù. Thế nhưng, ban lãnh đạo ĐCSVN lại nhìn các tôn giáo dưới nhãn quan của chủ nghĩa Marx-Lenin, nên luôn luôn có thái độ thù địch với các tôn giáo, kể cả các tôn giáo truyền thống của dân tộc, họ tìm mọi cách tước đoạt cơ sở vật chất của các tôn giáo, ra sức hạn chế, ngăn cản, từ việc hành đạo của tín đồ cho đến việc đào tạo tu sĩ, tăng ni, họ can thiệp trắng trợn vào công việc của các giáo

hội; không những thế họ còn cố lập ra những cái gọi là "giáo hội", "ban liên lạc", "ban đại diện", v.v... để đoạt quyền của các giáo hội chính cống, làm cho các tôn giáo truyền thống của đất nước không thể góp phần vào việc giáo dục, bồi dưỡng đạo đức tinh thần và quan tâm đến cuộc sống tâm linh cho người dân. Không thể ngăn cản nổi lòng khát khao về mặt tâm linh của người dân, những người lãnh đạo cộng sản ra sức hướng sinh hoạt tôn giáo của người dân vào chiều hướng mê tín dị đoan, tìm mọi cách làm tha hóa hàng ngũ các tu sĩ do họ lựa chọn và đào tạo để làm mất uy tín các tôn giáo. Đó là không nói đến những hành động đàn áp, khủng bố các vị chân tu có tinh thần gìn giữ truyền thống đạo chân chính, cũng như những hành động sách nhiễu, quấy phá trắng trợn các giáo đường, chùa chiền, thánh thất mà đảng cầm quyền cho là chưa chịu khuất phục họ. Chỉ cần đọc kỹ cái gọi là "Nghị định 26/1999/NĐ-CP về các hoạt động tôn giáo tại Việt Nam" ra ngày 19.04.1999 thì đủ rõ. Bên cạnh những lời giả dối "bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo" (điều 1), v.v... ai cũng nhận thấy có biết bao nhiêu điều quy định ngặt nghèo nhằm hạn chế quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo thiêng liêng của người dân. Chính Hội đồng Giám mục Việt Nam, các vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Tòa Thánh Cao Đài, Giáo hội Trung ương Phật giáo Hòa Hảo... cũng đã lên tiếng vạch rõ tính chất độc đoán, hạn chế, phi dân chủ, bóp nghẹt quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của nghị định đó. Thử hỏi với một chính sách như vậy đối với các tôn giáo thì làm sao có thể huy động được khả năng to lớn của các tôn giáo vào việc bồi dưỡng đạo đức của người dân, làm sao chống lại sự băng hoại đạo đức đang trầm trọng hiện nay?

Cố nhiên, ngoài những nguyên nhân như chính sách và trách nhiệm của đảng cầm quyền và tập đoàn độc tôn thống trị đất nước thì khách quan mà nói, nền kinh tế thị trường kiểu "rừng rú" cũng góp phần không nhỏ vào sự tha hóa con người, băng hoại đạo đức. Nhưng xét cho cùng thì đây cũng là một sản phẩm của chính sách do đảng cầm quyền và tập đoàn độc tôn thống trị đất nước đã đưa ra.

Khi nói đến sự băng hoại đạo đức, xin hãy nhìn thẳng vào thực tế này: Việt Nam là một trong những nước có nạn tham nhũng trầm

trọng nhất thế giới. Điều này không ai phủ nhận được. Chính những người lãnh đạo ĐCSVN cũng la lớn là "tham nhũng đã trở thành quốc nạn," nhưng bao năm rồi họ la lên thế chẳng qua chỉ để làm ra vẻ họ muốn chống nạn tham nhũng và để che giấu sự thật là nạn tham nhũng bắt nguồn chính từ những người lãnh đạo cộng sản, những kẻ cầm quyền độc tôn không ai kiểm soát được. Làm sao chống được nạn tham nhũng khi chính tổng bí thư của đảng, ủy viên thường trực bộ chính trị ĐCSVN, thủ tướng và phó thủ tướng chính phủ Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam, bộ trưởng, cán bộ cao cấp của đảng (ở đây nói cả những người đã và đang ở các chức vụ này) lại là những người có dính dáng đến những vụ mờ ám lớn nhất mà cán bộ đảng viên và dân chúng đã tố giác công khai, nhưng đảng cứ lờ đi? Cùng lắm khi không lờ được nữa thì đảng làm trò "dơ cao đánh khẽ" trừng phạt lấy lệ vài người coi như "dê tế thần" vậy. Đây là sự thật phũ phàng vô cùng xót xa đối với hàng triệu đảng viên và dân chúng đã trọn đời phấn đấu tưởng chừng để xây nên chế độ tốt đẹp nhất loài người hóa ra đã dựng lên một bộ máy đảng-nhà nước thống trị quảng đại nhân dân. Tâm trạng xót xa đó đã được nhà thơ Bùi Minh Quốc nói lên:

Cay đắng thay
Mỉa mai thay
Trọn tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt
Lại đúc nên chính cỗ máy này

Nạn tham nhũng tràn lan ngày nay đã biến nhiều cán bộ cộng sản trở thành những cường hào ác bá, những quan lớn khoác áo "nhân dân" và "cách mạng" để bóc lột nhân dân. Tình trạng lưu manh hóa này từ trong đảng lây lan ra ngoài xã hội đang gây vô vàn tai họa cho người dân lương thiện thấp cổ bé họng và tác hại lớn lao đến nền đạo đức chung của dân tộc. Hơn bao giờ hết, chúng ta nhận thấy tình trạng khá phổ biến trẻ con vô lễ, mất dạy, hỗn hào với cha mẹ, ông bà, người lớn, người già, còn tệ nạn chơi bời trác táng, đĩ điếm, sa đọa, cờ bạc, rượu chè, xì ke ma túy... trầm trọng hơn cả dưới thời mồ ma đế quốc phong kiến. Một cuộc khủng hoảng lớn về đạo đức và tinh thần làm cho dân chúng mất niềm tin vào tiền đồ đất nước và dân tộc, làm xói mòn lòng yêu nước thương dân và tinh thần trách nhiệm trước tiền nhân cũng như trước hậu thế, tạo nên một thái độ bàng quan vô trách nhiệm đối với Tổ quốc.

Khi nói đến tình trạng băng hoại đạo đức tưởng cũng cần nhắc đến một hiện tượng nổi bật ở nước ta là quá nhiều đồ rởm: hàng hóa rởm, bằng cấp rởm, bác sĩ rởm, công ty rởm, giấy tờ rởm, thậm chí tổ chức từ thiện rởm, tu sĩ rởm, giáo hội rởm, trí thức rởm! Tại sao cái rởm ở nước ta thịnh hành đến như vậy? Một trong những nguyên nhân chính là vì những người cầm quyền đất nước trong nhiều thập niên đã "sản xuất" ra quá nhiều đồ rởm. "Nói" và "làm" của đảng không hề đi đôi, hầu hết là "nói" mà không "làm" hoặc "làm" ngược điều đã "nói". Dối trá và đạo đức giả từ lâu đã thành nếp sống của đảng cầm quyền và lây lan ra ngoài xã hội. Chỉ xin đưa ra một trong muôn vàn thí dụ: từ năm 1946 đến nay, mấy bản hiến pháp do ĐCSVN đưa ra trên thực tế đều là rởm: bao nhiêu quyền tự do dân chủ hay ho ghi trong các hiến pháp đó đều chỉ là "bánh vẽ." Thật ra tình trạng hiến pháp rởm này chẳng phải riêng gì Việt Nam, nó bắt nguồn từ hiến pháp Liên Xô rởm rồi lây lan ra tất cả các hiến pháp của các nước gọi là xã hội chủ nghĩa. Nhân đây xin kể một chuyện tiếu lâm dưới thời xô-viết để thấy người dân Nga chế giễu hiến pháp Liên Xô như thế nào.

Trong một tiệm ăn sang giữa thủ đô Moskva. Người khách ngồi vào bàn cầm tờ thực đơn chăm chú xem rồi dõng dạc gọi bồi bàn:

"Cậu dọn cho tôi món thịt gà rô ti giòn nhé!"

"Dạ, thưa đồng chí, hôm nay không có món gà..."

"Thế thì thịt lợn quay vàng vậy."

"Dạ, cũng không có thịt lợn ạ."

"Thế thì món thịt gà tây hầm nhừ cũng được."

"Dạ, thịt gà tây cũng không có ạ."

Người khách nổi giận:

"Thế thì cậu hãy nói cho ta rõ, tờ giấy này là thực đơn hay bản hiến pháp Liên Xô?"

*

Người viết xin tóm tắt lại tất cả những điều nói trên. Muốn đất nước và dân tộc ta trường tồn cùng nhân loại trong thế kỷ tới và thiên niên kỷ tới thì ngay từ giờ phải đặc biệt quan tâm đến CON NGƯỜI VIỆT NAM vì đó là nhân tố căn bản, là nguồn sức mạnh để đất nước và dân tộc ta trường tồn và vươn lên trong thời đại mới. CON NGƯỜI VIỆT NAM

phải được sống no đủ, tự do, thoải mái, khỏe mạnh về thể chất, trong sạch, lành mạnh về đạo đức, tinh thần và có cuộc sống văn hóa, tâm linh hướng thượng và hướng thiện. Chính vì thế, một mặt phải ra sức cải thiện đời sống người dân, nhất là tầng lớp hiện đang rất nghèo khổ, cải tiến công tác y tế, thể dục thể thao để tăng cường thể lực của dân tộc, mặt khác phải chăm lo chấn hưng đạo đức, tăng cường giáo dục, bồi dưỡng lương tâm và ý thức trách nhiệm công dân cho mọi người. Những việc này phải làm rất tích cực và kiên trì ít nhất trong bốn năm thế hệ, có khi còn nhiều hơn, mới mong có được một sự biến chuyển căn bản trong thế kỷ tới.

Muốn làm được công việc lớn lao này phải dựa vào một tầng lớp trí thức mạnh và có lòng với dân, với nước, dựa vào nền giáo dục dân chủ và tiên tiến, vào các tôn giáo truyền thống của dân tộc, vào các tổ chức văn hóa, văn học, nghệ thuật, từ thiện... chân chính. Khốn thay, chỗ dựa để làm công việc đó ở nước ta hiện còn quá mỏng manh và bấp bênh. Đó là khó khăn lớn nhất hiện nay. Khi nói đến một tầng lớp trí thức mạnh, chúng ta không thể không nhìn lại tầng lớp trí thức hiện nay của nước nhà. Cái gọi là tầng lớp trí thức hiện nay ở trong nước còn quá mỏng manh và bấp bênh, không biết đã đáng gọi là một tầng lớp thật thụ được chưa? Cố nhiên, những con người trí thức riêng lẻ thì bao giờ cũng có, nhưng đã có một tầng lớp trí thức thật sự chưa thì còn phải bàn. Vì nói đến trí thức không phải chỉ nhìn về trình độ học vấn, mà phải nhìn chủ yếu về văn hóa, tư cách, thái độ, tinh thần sĩ phu. Tầng lớp trí thức cũ ở Việt Nam thật sự đã có, nhưng đại đa số đã bị đảng cộng sản đánh bẹp, mài tròn, hèn hóa từ lâu rồi. Còn cái gọi là "trí thức xã hội chủ nghĩa" hiện nay ở Việt Nam thì còn phải... xét. Những thành phần nào được đảng đào tạo ở bậc cao thì đã rõ, điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến tư cách, thái độ, tinh thần của một số đông trong đó. Ngay cả về học vấn cũng có vấn đề, bằng cấp thì cũng nhiều khi đáng... xem xét lắm. Một số không nhỏ những người được bằng cấp trong nước như thế nào ai cũng biết, mà ngay cả số người được đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng có không ít vấn đề, nhất là từ giữa những năm 70 về sau. Từ những năm đó, ngay ở các nước xã hội chủ nghĩa người ta cấp bằng cho học viên Việt Nam phần nhiều theo kiểu "bằng hữu nghị", và đặc biệt là sinh viên Việt Nam hồi giữa thập niên 80 đến nay, nhiều người sang các nước Liên Xô/Nga và Đông Âu chủ yếu không phải để học mà để đi buôn, rồi thuê người làm luận án, đút lót để lấy bằng... rởm. Đây là một thực tế đáng buồn vì nó xảy ra không phải chỉ vài trường hợp cá biệt mà có tính chất khá phổ biến. Có những vị "đại trí thức" xã hội chủ nghĩa có quyền cao chức trọng trong nước vẫn còn thích trưng bằng "viện sĩ Viện hàn lâm New-York" (một kiểu danh vị rởm, có tiền thì mua được!) để "tăng thế mạnh" mà không hề biết xấu hổ! Đây là một sự thật lố bịch đầy tính bi hài. Với nền giáo dục như vậy, ai dám quyết đoán là ở nước ta hiện nay đã có một tầng lớp trí thức? Mà không có tầng lớp trí thức thì khó mà nói đến việc cải tiến và nâng cao nền giáo dục của nước nhà cũng như việc mở rộng cuộc vận động dân chủ được, vì tầng lớp này là thành phần chính "mang" kiến thức cũng như khát vọng dân chủ, tinh thần dân chủ và quyết tâm làm dân chủ. Trí thức Việt Nam ở hải ngoại khá đông đảo thực tế đã là một tầng lớp rõ rệt nhưng lại sống xa rời đất nước và xã hội, nên thực tế chưa thể phát huy vai trò to lớn trong sự nghiệp này được.

Nguyễn Minh Cần

Bước vào năm 2000, tâm trí cứ hướng về CON NGƯỜI VIỆT NAM với bao nỗi lo âu. Để làm được những công việc lớn lao và khó khăn nói trên đối với CON NGƯỜI VIỆT NAM thì điều kiện tiên quyết là phải chuyển hóa chế độ cực quyền đảng trị hiện nay thành một xã hội công dân lành mạnh, một chế độ dân chủ đích thực. Vì không có một chính quyền thật sự do dân và vì dân thì không làm nổi công việc này. Chỉ mong sao với sự đồng tâm hiệp lực của đại đa số dân chúng Việt Nam, kể cả những người cộng sản còn có lương tâm trong sáng trong những năm tới sẽ thực hiện được bước chuyển hóa này để mở màn cho thế kỷ mới.●

23.12.1999

BILL CLINTON: NĂM CON MÈO NHIỀU MAY MẮN

NGÔ NHÂN DỤNG

Tổng thống Clinton tuổi Tuất, năm 1999 gặp đúng năm con mèo nên bị ủng ẳng suốt năm không ngừng. Nhưng nhờ tật xấu lớn của ông chỉ là tật "O Mèo" cho nên Mèo gặp hãm địa, lại nhờ có cung Thê rất vượng cho nên 1999 trở thành một năm tiền hung hậu kiết.

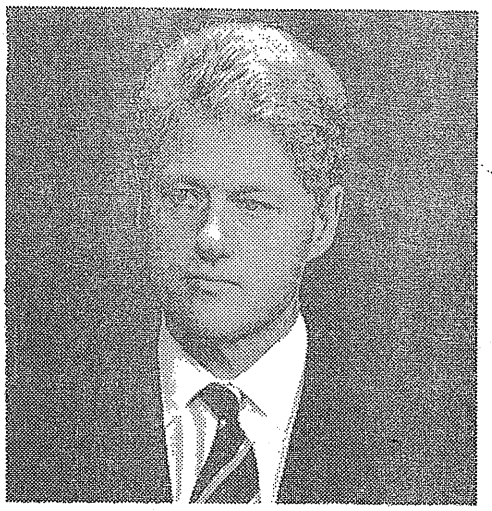

Tổng thống Bill Clinton

Đầu năm 1999, ông Clinton còn chìm ngập trong vụ xì căng đan vì cô Monica Lewinsky. Mặc dù ông vẫn cố làm ra vẻ bình thản lo việc nước, nhưng dân chúng Mỹ thì chỉ bàn chuyện ông đã bị Hạ viện đàn hặc vào cuối năm 1998 và phải "ra tòa" cho Thượng viện xét xử bốn ngày trước tết Nguyên Đán Kỷ Mão.

Thoát nạn Đàn hặc

Trong cuộc bầu cử cuối năm 1998 đảng Dân chủ của ông Clinton thắng lớn, cho thấy đa số dân Mỹ bất bình với đảng Cộng hòa về vụ khai thác các lỗi lầm của đối thủ. Người tấn công ông Clinton tận tình về vụ xì căng đan này là Chủ tịch Hạ viện Newt Gingrich phải từ chức sau ngày bầu cử.

Nhiều vị độc giả đã quên, xin nhắc lại: ông Clinton bị Hạ viện Mỹ đàn hặc về bốn tội, trong đó có tội nói dối sau khi tuyên thệ nói thật trước Đại bồi thẩm đoàn, khi ông được chấp cung trong vụ cô Paula Jones kiện ông. Ở Mỹ, Đại Bồi thẩm đoàn có trách nhiệm xét coi một vụ truy tố có đáng đem ra xử hay không.

Khi luật sư của cô Jones hỏi ông có bao giờ ở một mình với cô tập sự Monica Lewinsky trong một phòng kín không, ông Clinton trả lời: "Không nhớ." Sau này, cô gái tập việc khai là trước đó 20 ngày họ đã có liên hệ tính dục bên cạnh văn phòng bầu dục trong tòa Bạch ốc. Hỏi: "Ông có bao giờ tặng quà cho cổ hay không?" Trả lời: "Không nhớ." Nhưng trước đó 18 ngày ông đã tặng cô ta sáu món quà. Luật sư của cô Jones cũng hỏi rằng ông có đồng ý với lời lẽ trong bản chấp cung của cô Lewinsky khi cô ta nói rằng họ "tuyệt đối không có liên hệ tính dục dưới bất ức phương thức, kiểu cách, hình dạng nào" hay không, Tổng thống Clinton trả lời: "Tuyệt đối đúng như vậy!" Khi phải ra khai trước Đại bồi thẩm đoàn lần thứ hai, có thâu hình cho dân coi sau này, Tổng thống Clinton đã trả lời 100 lần "Không nhớ." Trong khi đó, một người bạn của Tổng thống, luật sư Vermon Jordan làm chứng rằng ông Clinton có một trí nhớ xuất chúng! Như vậy thì chắc luật sư Jordan mới thật là người đãng trí hay quên.

Ông Clinton cũng bị đàn hặc vì "ngăn cản việc thi hành công lý," vì đã tìm cách che dấu

bằng cớ như cho người đời lại các quà tặng cô Monica, và có thể đã xúi cô Monica Lewinsky nói dối như ông.

Sau này, khi ông Clinton đã thú nhận, và cô Lewinsky đã khai đủ chi tiết nóng hổi, Nghị sĩ Lieberman (Dân chủ) đã phê phán các hành động của Tổng thống là "vô luân," "nhục nhã," "nguy hại," "không thể chấp nhận." Khi hỏi ý kiến về những lời phê phán nặng nề này, ông Clinton trả lời: "Trên cơ bản, tôi đồng ý với các lời ông ta nói." Nhiều người trong đảng Dân Chủ phê phán những việc Tổng thống Clinton đã làm: Dân biểu trưởng khối thiểu số Richard Gephardt nói là "đáng khiển trách," Nghị sĩ Joseph Biden nói là "tội lỗi," cựu Nghị sĩ Dân chủ Bill Bradley cho là "nhơ bẩn," cựu tùy viên báo chí của Tổng thống Dee Myers viết rằng hành động của ông ta là "liều lĩnh, đến mức bệnh hoạn."

Với tất cả các lời phê phán đó, ra trước Thượng viện thì Tổng thống Mỹ không bị kết tội, không phải từ chức!

Những người đã phê bình ông Clinton là "vô luân, nhục nhã, nhơ bẩn, đáng trách, không thể chấp nhận," v.v., sẽ lấy lý do gì để bác bỏ, không cách chức ông?

Đàn hặc và thủ tục Dân chủ

Hiến pháp Mỹ nói rất tổng quát về các tội đáng đàn hặc. Các tác giả hiến pháp đã để ngỏ, cho phép những nhà lập pháp đời sau quyết định tội nào đáng, tội nào không. Đó là một dụng ý rất hay, vì Hiến pháp phải có tính chất tổng quát, để tùy mỗi thời đại người đời sau diễn giải theo sự thay đổi trong văn hóa.

Đa số dân chúng Mỹ hầu như muốn bỏ qua cho ông Clinton vì họ thấy những kẻ ngoại tình đều tìm cách chối bay chối biến cả, ông Tổng thống thì cũng vậy thôi. Nhưng các dân biểu phải quyết định đàn hặc hay không, họ không thể chỉ suy bụng ta ra bụng người trong khi thi hành bổn phận hiến định. Những dân biểu muốn bỏ qua cho ông Clinton đã biện luận rằng dù ông Tổng thống có phạm lỗi nói dối với pháp luật, nhưng ông chỉ nói dối trong một vụ án nhỏ, khi một nguyên đơn chỉ đòi bồi thường dân sự, không đáng gọi là "trọng tội" (high crimes and misdemeanors) như điều 4, chương II Hiến pháp Mỹ quy định. Các nhà lập pháp có toàn quyền định nghĩa tội nào thì gọi là "trọng" (high.)

Các nhà chính trị thường vẫn bị nghi ngờ là hay nói dối. Nhưng nói dối liên tiếp, nói dối một cách bình tĩnh, thản nhiên quá, lại để bị lật tẩy ngay, với chứng cớ rành rành thì khó tha thứ. Người Mỹ vẫn còn thói quen của tinh thần đám dân khai phá miền biên cương. Khi tới lập nghiệp và sống giữa một thế giới đầy đe dọa hiểm nguy, người ta phải dựa vào lối xóm để sống còn. Nói dối đến mức người hàng xóm của mình nghe câu nào mình nói cũng không còn dám tin nữa thì rất nguy hiểm, vì nó phá vỡ cả những quy luật chung bảo đảm cuộc sống an toàn.

Quy luật "phải để cho người hàng xóm tin được mình" áp dụng cho một ông tổng thống quan trọng hơn cho thường dân. Vi phạm quy luật đó còn có tính cách nghiêm trọng hơn nữa vì dính dấp đến guồng máy công lý. Người dân nước khác không cảm thấy tính nghiêm trang, trọng đại của tòa án như dân Mỹ. Đối với người Mỹ guồng máy tư pháp có tính cách thiêng liêng, nói dối trước cơ quan công lý cũng giống như làm cử chỉ hay nói lời thô tục trong giáo đường. Khác với các dân tộc có lịch sử hàng ngàn năm, liên kết với nhau vì huyết thống, vì văn hóa, phong tục lâu đời, nước Mỹ thành hình vì một bản hợp đồng chung sống gọi là hiến pháp. Họ là một thực thể quốc gia thành lập bằng pháp lý. Vì vậy ở Mỹ luật pháp và các thủ tục thi hành pháp luật có vai trò quan trọng hơn hẳn ở các nước khác.

Đàn hặc một Tổng thống không phải là chuyện chơi. Nó đụng tới chức vụ cao nhất lãnh đạo quốc dân, vừa cầm đầu chính phủ, vừa tượng trưng cho quốc gia. Nó là một thử thách của việc thi hành Hiến pháp, một nền tảng lập quốc, chắc hẳn người ta phải cân nhắc lợi và hại. Năm 1973, Dân biểu đảng đối lập Peter Rodino, Chủ tịch Ủy ban Tư pháp Hạ viện Mỹ đã khóc khi gánh trách nhiệm phải quyết định đem bàn hồ sơ đàn hặc Tổng thống Nixon. Ông Nixon đã từ chức, tránh cho nước Mỹ khỏi phải sống qua một giai đoạn đau khổ và chia rẽ. Một ông Tổng thống Mỹ khác gần đây suýt nữa bị đàn hặc, là ông Reagan khi bị Hạ viện điều tra vụ bán vũ khí cho Iran vào năm 1987. Bán mấy thứ súng đạn cho chế độ Khomenei lấy mấy trăm triệu Mỹ kim là chuyện nhỏ. Nhưng Quốc hội Mỹ đã làm luật cấm bán vũ khí cho Iran, việc nhân viên Tòa Bạch Ốc vi phạm luật là chuyện lớn, cựu Đại tá Oliver North, một phụ tá tổng thống Reagan đã bị hỏi cung mãi. Tổng thống Reagan đã chối không biết gì về những việc ông North làm. Dân biểu đảng Dân chủ

Daniel Inouye đã quyết định không mời ông Reagan ra đối chứng, mặc dù công Tố viên Độc lập thời đó tố cáo rằng ông North không tự ý hành động mà chắc phải có lệnh trên.

Việc đàn hặc ông Clinton cũng là biểu hiện tự nhiên của quá trình Dân chủ. Trong một thể chế dân chủ, guồng máy phân quyền tạo động cơ tự nhiên để Lập pháp bắt bẻ, chỉ trích, sửa chữa Hành pháp. Thủ tướng Winston Churchill một lần viết rằng nhiệm vụ của các đảng trong Nghị viện Anh là phải lật đổ thủ tướng nếu thấy cần thay thế. Ông Churchill đã từng là một nạn nhân của quá trình đó, ông biết rõ và chấp nhận. Thể chế Dân chủ tạo ra guồng máy kiểm soát để các nhà lãnh đạo chính phủ lúc nào cũng lo sợ mình bị thay thế nếu không được quốc dân tín nhiệm nữa. Ông Clinton bị tấn công từ ba mặt, Quốc hội, guồng máy tư pháp, và công luận, đó là hệ quả tự nhiên của thể chế Dân chủ.

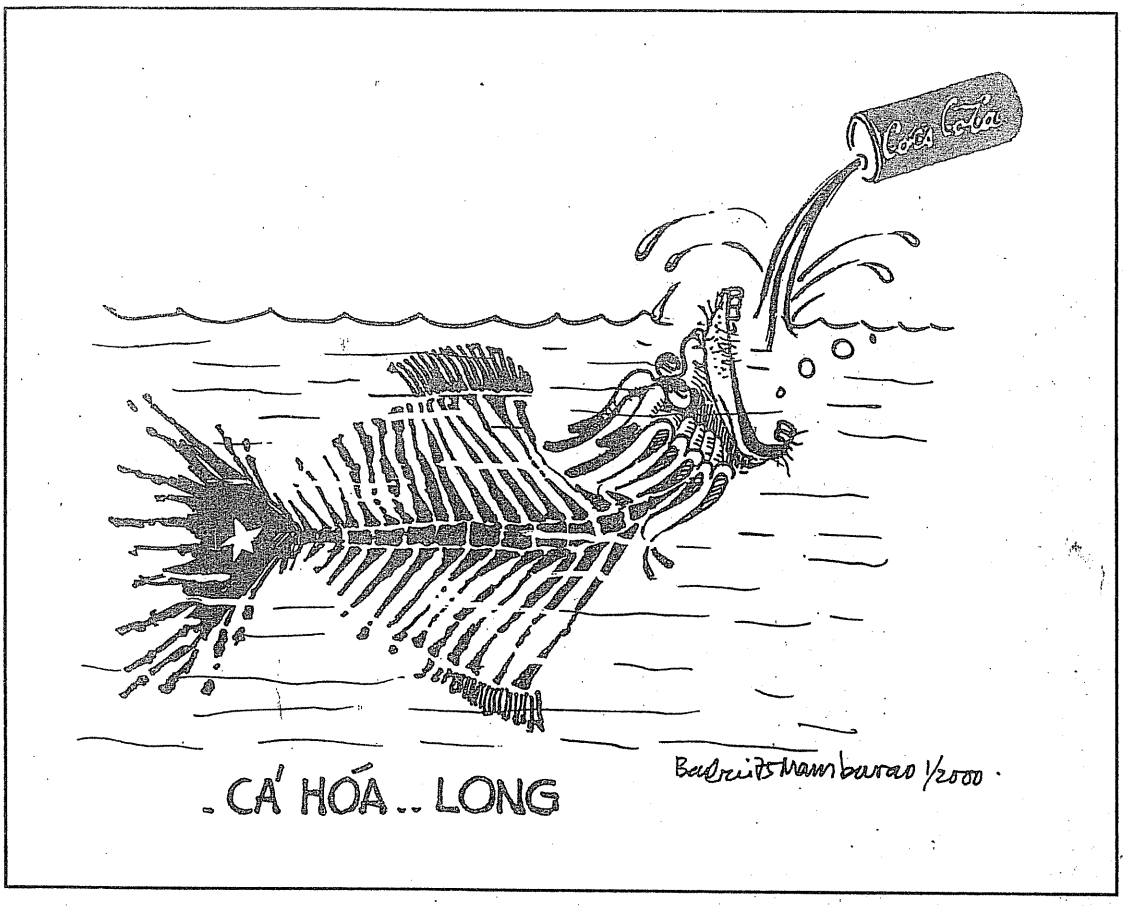

Những chính sách lớn bị bỏ quên

Đầu tháng Hai, trong lúc cả nước Mỹ còn nóng lạnh vì cơn sốt đàn hặc, Tổng thống Clinton đã đọc một bài diễn văn Tình trạng Liên bang rất hay, nhưng cả bài diễn văn đó cũng bị chìm trong cơn sốt đàn hặc. Đến ngày 12 tháng Hai thì vận số ông Clinton bắt đầu thay đổi, khi Thượng viện không thể kết tội và bắt ông từ chức vì không đủ hai phần ba số phiếu. Người Mỹ quên vụ xì căng đan Monica rất nhanh. Chắc không người nào muốn sống mãi những cảm giác trần trọc khi nhìn quanh thấy mình không tin được ai cả: ông Tổng thống thì ăn vụng không biết chùi mép và nói dối như cuội, Quốc hội thì chẳng lo việc trị quốc an dân mà chỉ lo bới móc chuyện bẩn thỉu của tổng thống, đến vị Công tố viên độc lập (tên là Kenneth Starr nếu quý vị đã quên,) cũng không còn là biểu tượng của tinh thần pháp bất vị thân, chí công vô tư nữa.

Vụ Kosovo từ Tháng Ba giúp nước Mỹ quên chuyện xì căng đan nhanh hơn. Người ta thấy ông Tổng thống cương quyết ra tay chống lại một vụ "diệt chủng" ở bán đảo Balkan - bây giờ người ta biết hai chữ "diệt chủng" dùng quá lố. Và trong thời gian này, các chính

trị gia ở Mỹ bắt đầu cãi nhau về các đề tài đứng đắn: nên hay không nên tham dự, nếu tham dự thì có dùng bộ binh hay không. Ông Clinton đóng vai trò lãnh đạo: ông chủ trương phải tham dự cùng với đồng minh NATO, mặc dù hành động đó bị Nga và Trung Quốc phản đối; và khi tham dự thì nhất định chỉ dùng không lực. Ông đã thắng cả về lý luận lẫn kết quả thực tế. Dân Mỹ thở ra nhẹ nhõm: họ lại có một ông Tổng thống đang làm việc và được việc.

Khi dân Mỹ quên vụ xì căng đan rồi thì họ có thời giờ nghĩ đến các chuyện quan trọng thật, vì báo chí và các đài bắt đầu nói đến các tranh luận về chính sách quốc gia.

Một chuyện quan trọng là làm gì với số tiền "thặng dư" trong ngân sách? Trong bài diễn văn Tình trạng Liên bang đầu năm, ông Clinton đã đưa ra những chủ trương rất tiến bộ, nhưng bị quên, bây giờ người ta phải đem ra thảo luận. Tổng thống Mỹ nói nên dùng số tiền thặng dư "trời cho" đó để bảo vệ quỹ Hưu bổng Xã hội (Social Security) và Quỹ Y tế cho người nghỉ hưu (Medicare), trong khi Quốc hội và đảng Cộng hòa thì chủ trương nên nhân dịp ngân sách dư mà cắt giảm thuế cho người đi làm đỡ phải đóng. Theo các cuộc nghiên cứu dư luận, đa số dân Mỹ ngả theo ý của ông Clinton. Ông cũng đề nghị chi tiêu thêm cho giáo dục, mướn thêm 100 ngàn giáo viên và tu bổ trường học (đảng Cộng hòa chỉ trích rằng ông lo mua phiếu của các nghiệp đoàn giáo chức!) Một đề nghị khác của ông Clinton là dùng ngân sách thặng dư để trả nợ công trái, mục đích là bớt số tiền lãi chính phủ phải trả mỗi năm. Đề nghị này cũng được dân chúng hoan nghênh.

Ông Clinton không thành công trong trận tấn công các hãng thuốc lá. Ông đề nghị tăng thuế thuốc lá để người ta bớt hút thuốc, nhưng cũng là để kiếm tiền thêm cho ngân sách chi tiêu vào các chương trình y tế, giáo dục, nhưng ông không thành công. Về chuyện kiểm soát súng, một đề tài mà hai đảng Cộng hòa và Dân chủ có chủ trương trái ngược nhau, ông Clinton chỉ thành công hạn chế với một số luật lệ kiểm soát việc bán súng ở các hội chợ mà Quốc hội chịu thông qua một phần nhờ các vụ thảm sát ở trường học trong năm.

Kinh tế số đỏ

Số ông Clinton đẻ bọc điều vì ông cầm quyền đúng lúc kinh tế Mỹ phát triển đều đặn và rất cao trong gần 10 năm, tỷ số thất nghiệp xuống thấp kỷ lục, mà không bị lạm phát. Xưa nay, các nhà kinh tế thường tin rằng chính phủ phải lựa chọn, hoặc chịu lạm phát cao, hoặc chịu thất nghiệp cao, không thể có cả hai. Điều này có thể giải thích vì khi ít người thất nghiệp thì các công nhân sẽ đòi tăng lương, các công ty phải tăng giá hàng bán để bù lại tiền trả lương thợ. Ngoài ra, ở một xứ đã phát triển như Mỹ, tổng số sản xuất kinh tế (GDP) tăng 2% mỗi năm đã là khó, người ta vẫn lo nếu tỷ lệ tăng cao hơn tức là sắp có lạm phát.

Điều đó dễ hiểu nếu chúng ta biết GDP, số lượng sản xuất trong một nước được tính bằng tiền, mà số tiền đó chưa chắc đã tương đương với số hàng hóa, dịch vụ tạo ra. Trong một năm kinh tế tăng trưởng tốt đẹp thì lý do chắc là vì nhiều người đi làm việc hơn, nhờ thế sản lượng, thí dụ tăng thêm 1%. Một lý do khác có thể là những người đi làm đều giỏi hơn trước, gọi là nâng cao năng suất, tăng số của cải làm ra thêm 1% nữa; cộng cả hai lại thành 2%. Nếu thấy số tăng trưởng cao hơn 2%, thì phải lo ngại rằng số của cải sản xuất thực thì tăng ít mà số tiền lại tăng nhiều, cái đó là nguyên nhân làm hàng hóa tăng giá, gây lạm phát.

Nhưng kinh tế Mỹ trong năm qua tăng gần 4% mà không thấy lạm phát. Phép lạ đó không một ông Tổng thống nào làm ra được, mà nhờ tất cả dân chúng làm việc giỏi hơn, năng suất lên cao bất ngờ. Mà năng suất lên cao là vì những công ty đầu tư vào việc nghiên cứu, nhờ máy vi tính giúp mọi việc làm nhanh hơn và rẻ hơn, giảm bớt phí phạm. Nhiều người cũng cho rằng sự tăng trưởng ngày nay cao như vậy là nhờ những thay đổi cơ cấu kinh tế thực hiện từ thời cựu Tổng thống Reagan mà lúc này thì ông Reagan đã lẫn hoàn toàn, không biết gì hết. Nếu có một cá nhân đáng ghi công về tình trạng kinh tế phồn thịnh ở Mỹ thì đó là ông Alan Greenspan, Chủ tịch Quỹ Dự trữ Liên bang, tức Ngân hàng Trung ương Hoa Kỳ. Ông Clinton đã khôn ngoan mời ông Greenspan ngồi lại nhiệm kỳ 4 năm nữa, tránh được một cuộc tranh cãi với Quốc hội nếu ông bổ nhiệm một người khác.

Phải nhắc lại, năm qua là một năm tiền hung hậu kiết của ông Clinton. Đầu năm ông bị đàn hặc "ra tòa." Cuối năm thì đến lượt người đầu têu gây ra các tai họa cho ông là cô Linda Tripp bị tòa án hỏi thăm vì vi phạm luật khi thâu băng lén các cuộc điện đàm với cô Monica Lewinsky. Vì các cuốn băng đó được

đưa cho Công tố Viên Starr thì mới gây ra bao nhiêu chuyện nhức đầu. Những đối thủ quan trọng nhất của ông Clinton trong mấy năm qua là cựu chủ tịch Hạ viện Newt Gingrich và Công tố viên Độc lập Kenneth Starr bây giờ không còn mấy ai nhớ đến, trong khi ông Clinton đang lo giúp bà vợ tranh cử Nghị sĩ tiểu bang New York. Gần đây nhiều lần ông Clinton phải "đóng vai phụ" khi ra trước công chúng, để bà vợ đóng vai chính. Ông đi gây quỹ cho đảng Dân chủ, gây quỹ tranh cử cho bà, còn chính ông không có cơ hội tranh cử nữa. Trong khi bà vợ đi bắt tay các cử tri tương lai ở New York thì ông phải chờ đợi. Nhiều khi ông phải ngồi chờ trong xe lâu quá mà đành chịu. Nhưng đối với người Mỹ thì chồng chịu thua vợ có thể lại là một ưu điểm!

Chính bà Hillary Clinton bây giờ đang "lấn áp" ông Tổng thống Mỹ, bà thường nói ngược lại các chính sách của chồng. Bà bác bỏ chủ trương của ông về vấn đề người đồng tính ái trong quân đội. Ông chủ trương "làm bộ như không biết - don't ask, don't tell," bà chỉ trích rằng chính sách đó vẫn kỳ thị người "gay". Bà Hillary còn nói ngược lại chính sách ngoại giao của các chính phủ Mỹ về vấn đề Trung Đông. Chính phũ Mỹ lâu nay vẫn chỉ công nhận Tel Aviv là thủ đô Israel mặc dù chính phủ Israel đã chọn Jerusalem là nơi đang chứa nhiều tranh chấp với thế giới Hồi giáo và cả Thiên Chúa giáo. Nhưng trong đám cử tri ở New York thì người Do Thái rất mạnh. Trong lúc ông Clinton lo môi giới hòa bình cho Israel với người Palestine và Syria thì bà Hillary tuyên bố Mỹ nên công nhận Jerusalem là "thủ đô không chia cắt" của nước Israel. Trong phần sau sẽ bàn chuyện ngoại giao của ông Clinton trong năm 1999.

Ở Mỹ: ngoại giao phụ thuộc chính trị

Tuy vẫn mang danh là một cường quốc, nay là cường quốc duy nhất của thế giới, người làm chính trị ở nước Mỹ không thấy các vấn đề ngoại giao quan trọng bằng các chuyện quốc nội. Các nhà lãnh đạo Mỹ thường vẫn lớn tiếng về sứ mạng cao cả của nước Mỹ đối với văn minh nhân loại, nhưng các chính trị gia thì họ biết rằng khi người dân bỏ phiếu thì họ chỉ quan tâm nhất những chuyện trong nước, nhất là trong vùng họ sinh sống. Một danh ngôn trong chính trị Mỹ nói: "Chính trị bao giờ cũng là chính trị địa phương." Thuế má, việc làm, lương bổng, trợ cấp xã hội, y tế, xây dựng đường sá hay sửa sang hệ thống thoát nước, đổ rác, đó là những đề tài các cử tri Mỹ lo lắng, chứ không phải là những chuyện xẩy ra ở Âu châu hay Á châu.

Trước khi lên cầm quyền, ông Clinton vẫn bị coi là một tay mơ về ngoại giao. Nhìn lại thành tích năm 1999 chúng ta thấy ngoại giao vẫn không phải là đất dụng võ của vị Tổng thống đương nhiệm. Sở trường của ông là dùng các cơ hội cả thất bại lẫn thành công về ngoại giao để gây thêm ảnh hưởng chính trị nội bộ nước Mỹ. Ít chính trị gia biết sử dụng quyền hành để củng cố quyền hành như ông Clinton.

Nhưng cái số ông Clinton trong năm Mẹo vẫn là may mắn. Ngay trên mặt trận ngoại giao, ông cũng có thể khoe các thành tích đáng kể.

Ba tháng đầu năm Con mèo là vụ tham chiến ở Kosovo. Ông Clinton đợi tới khi các chính phủ Âu châu hết lời thúc đẩy Mỹ đóng góp quân sự, ông chờ đến lúc dư luận nước Mỹ rất bất bình trước cảnh chính phủ Nam Tư đàn áp người gốc Albanie ở Kosovo, lúc đó mới quyết định tham chiến. Đây cũng là chính sách quen thuộc của chính phủ Mỹ trong hai trận đại chiến ở thế kỷ này. Lý do không phải vì họ cố ý trì hoãn, mà vì một chính quyền dân chủ thì trước các vấn đề lớn lao bao giờ cũng quyết định chậm chạp, phải chờ chuẩn bị dư luận dân chúng đã. Họ đứng ngoài cuộc tranh chấp, chờ dư luận dân Mỹ sẵn sàng ủng hộ rồi, mới đưa quân dự một đạo quân liên quốc nhưng do Mỹ chỉ huy. Có thể nói dân Mỹ đã theo chiến thuật của các vua nước Tề khi đem quân cứu nước Trịnh đang bị quân Tần hay quân Sở vây hãm: cứ để hai bên đánh nhau một thời gian, khi quân Tề đến thì đạo quân vây thành đã mỏi mệt, dễ thắng hơn. Vả lại cứu một nước Trịnh sắp vỡ thì công ơn lớn hơn sang cứu khi sức họ còn vững vàng.

Trong vụ Kosovo ông Clinton cũng đạt được một thắng lợi chính trị. Ông nhất định chỉ dùng không lực, không cho bộ binh tham chiến, mặc dù nhiều chuyên gia quân sự và các đại biểu Quốc hội Cộng hòa chủ trương ngược lại. Nói chung, không ai tin rằng dùng không quân thôi mà có thể thắng trận. Khi Tổng thống Nam Tư Milosevic chịu thua, lúc đó bộ binh của Mỹ mới vào Kosovo lo việc "an dân," và ông bà Clinton có thể đến thăm binh lính ở tiền đồn!

Ông Clinton đạt một thành quả ngoại giao

khác trong miền Trung Đông. Ông Tổng thống nào của Mỹ cũng lo tìm hòa bình cho vùng đất này, vì khi nào ở đó còn căng thẳng thì mỗi năm nước Mỹ còn tốn hàng chục tỷ Mỹ kim, vừa viện trợ cho hai nước Israel và Ai cập, vừa chi phí quân sự ở trong vùng. Chính phủ Mỹ trung gian hòa giải để thủ tướng Israel gặp gỡ lãnh tụ Palestine và Ngoại trưởng Syria, dưới sự chủ tọa của ông Clinton. Trong chuyện này, ông Clinton cũng may mắn. Tân thủ tướng Israel thuộc đảng Lao động vẫn có lập trường hòa hoãn. Các nhà lãnh đạo Palestine và Syria đều đang thấy tuổi già và cái chết tự nhiên nó đuổi sắp tới chân mình, chắc họ cũng muốn chấm dứt một tình trạng bất ổn quá lâu để thế hệ sau ghi nhớ mình đã cố mang lại hòa bình cho con cháu.

Một thỏa ước hòa bình khác mà chính phủ Clinton có đóng góp xây dựng, là ở vùng Bắc Ái Nhĩ Lan. Hai đảng Tin Lành và Công giáo ở đó đã chịu đứng chung trong một chính phủ sau hàng thế kỷ tranh chấp. Đặc sứ George Mitchell của Mỹ đã đóng một vai trò quan trọng mặc dù hai chính phủ Anh và Ái Nhĩ Lan có công đầu.

Ông Clinton cũng có thể khoe hai thành công khác về mặt ngoại giao, là đã ép được Quốc hội Mỹ phải chấp thuận ngân khoản hàng tỷ Mỹ kim mà Mỹ còn nợ, chưa đóng góp đủ cho Liên Hiệp Quốc, và cấp thêm 18 tỷ Mỹ kim cho Quỹ Tiền tệ Quốc tế; cả hai dự luật này đều bị đảng Cộng hòa chống đối từ nhiều năm, nay họ phải đổi ý kiến.

Bây giờ kể đến những thất bại của ông Clinton. Ông đã không thuyết phục được Quốc hội Mỹ, để các đại biểu từ chối phê chuẩn "Thỏa ước Cấm vũ khí hạt nhân" mà chính quyền Clinton đã ký. Tất cả các nước đồng minh chê trách nước Mỹ đang trở về chính sách cô lập, không khác gì thời 1919 họ không chịu phê chuẩn thỏa ước thành lập Hội Quốc Liên. Anh, Pháp tỏ ý thất vọng, Nga dọa sẽ xét lại các thỏa ước về vũ khí hạt nhân với Mỹ. Và từ nay Mỹ khó lên giọng kết án những vụ thử bom hạt nhân ở các xứ khác, như Pakistan, Ấn độ (hay Iraq, Bắc Hàn!)

Nhưng thất bại thứ hai quan trọng hơn, vì hoàn toàn do các quyết định của ông Clinton, là vụ hiệp thương với Bắc Kinh về thỏa ước mậu dịch, mở đường cho Trung Quốc vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Tháng Tư năm 1999, Thủ tướng Chu Dung Cơ sang Mỹ, có vẻ sẵn sàng ký một thỏa hiệp rất có lợi cho Mỹ, các cố vấn và bộ trưởng thân cận ông Clinton chia thành hai phe, ông ngả về phe trì hoãn không ký kết. Sau đó, chính phủ Bắc Kinh cứng rắn hơn, vụ ném bom lầm vào tòa Đại sứ Trung Quốc ở Nam Tư càng gây thêm khó khăn. Đến giữa tháng Mười Một mới ký được một thỏa hiệp, các công ty viễn thông Mỹ không được lợi như dự thảo hồi tháng Tư. Thí dụ, trước thì Trung Quốc cho phép các công ty Mỹ được đầu tư vào đến 51% cổ phần các công ty viễn thông ở Trung Hoa, đến tháng 11 chỉ còn dưới 50%. Tại sao ông Clinton đã từ chối ông Chu Dung Cơ vào tháng Tư? Lý do chính là các công đoàn phản đối thỏa ước, nói chung họ phản đối thả cho hàng nhập cảng vào cạnh tranh với hàng Mỹ. Nhiều dân biểu cũng chống, để bênh vực quyền lợi công nhân ngành dệt và ngành công nghệ thép trong đơn vị của họ. Mà đảng Dân chủ thì trông cậy vào sự ủng hộ của các công đoàn trong cuộc bầu cử năm 2000.

Vụ Trung Quốc vào WTO liên hệ đến cuộc họp của tổ chức này vào đầu tháng Mười Hai 1999 ở Seattle. Có thể nói đây là hình ảnh một thất bại lớn của chính phủ Clinton vì cảnh bên ngoài hội trường với hàng trăm ngàn người biểu tình chống đối, bên trong thì đa số các nước bác bỏ đề nghị của Mỹ muốn ghi tiêu chuẩn lao động và sinh môi vào chương trình phiên họp ba năm tới - đây cũng là một đòi hỏi của các tổ chức lao động, sinh môi và nhân quyền tại Mỹ. Nhưng thất bại ngoại giao này là cái giá mà ông Clinton sẵn lòng trả. Đổi lại đảng Dân chủ chiếm được cảm tình của các công đoàn lớn, một yếu tố tranh cử năm 2000. Sau khi ký thỏa hiệp thương mại với Trung Quốc làm giới lao động thất vọng, ông Clinton đã đền bù lại cho họ, với lời tuyên bố ủng hộ các đòi hỏi của công đoàn đối với WTO và chuyện hội nghị WTO tan vỡ tuy làm chính phủ Mỹ mất mặt nhưng người Mỹ không quan tâm đến thể diện lắm. Ngược lại, đảng Dân chủ bảo đảm vẫn được các công đoàn ủng hộ.

Tóm lại, một năm ngoại giao của ông Clinton có thể coi là có kết quả tốt, ngay cả trong các vụ thất bại. Kiểm điểm chuyện năm qua, chúng ta thấy rõ thêm là đối với các chính phủ Mỹ, ngoại giao là chuyện phụ, ít nhất đó cũng là những chuyện về lâu về dài, để đó từ từ tính sau cũng không sao. Còn cuộc bầu cử sắp tới bao giờ cũng là mối quan tâm hàng đầu. Các nước thân hữu cũng như đối nghịch với Mỹ không nên quên điều đó.

HÀNH TRÌNH THẾ KỶ: BA MƯƠI NĂM CHIẾN TRANH 1945 - 1975

THỤY KHUÊ

1945-1975, giai đoạn xâu xé và phức tạp nhất của lịch sử Việt Nam trong thế kỷ XX được đánh dấu bằng hai thời điểm quan trọng:

1954: Chia đôi đất nước

1975: Thống nhất đất nước

Cả hai biến cố đều chuyên chở những thương tích sâu nặng trong thể xác và tâm hồn người Việt.

Biến cố 54 được ghi dấu bằng chiến thắng Điện Biên Phủ và hiệp định Genève, kết thúc chiến tranh chống Pháp do Việt Minh lãnh đạo và khởi đầu việc chia đôi đất nước, dẫn đến một cuộc chiến kéo dài thêm 20 năm.

Nhưng Việt Minh là ai? Là một tổ chức thế nào?

Từ nguyên thủy, Việt Minh là tên tắt của tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội. Tổ chức này được thành lập tại Nam Kinh năm 1936 với sự giúp đỡ của Quốc Dân Đảng Trung Hoa, bởi hai nhà nho ái quốc đã theo Phan Bội Châu lưu vong nhiều năm ở Trung Quốc, là Hồ Học Lãm và Nguyễn Hải Thần. Đây là một tổ chức kết hợp nhiều thành phần đảng phái khác nhau: Có đảng viên Quốc Dân Đảng như Vi Đăng Trường và đảng viên cộng sản như Hoàng Văn Hoan.

Hồ Học Lãm và Nguyễn Hải Thần đứng ra thành lập Việt Minh để bao che cho những người hoạt động ái quốc trong đó có những người cộng sản- bị chính quyền Tưởng Giới Thạch nghi ngờ. (1)

Riêng đảng Cộng Sản Đông Dương được thành lập từ ngày 3/2/1930 do Nguyễn Ái Quốc triệu tập dưới sự ủy nhiệm của Quốc Tế Cộng Sản (2). Nhưng những thành phần của đảng Cộng Sản Đông Dương dần dần chi phối tổ chức Việt Minh.

Việt Minh hoạt động bắt đầu có tiếng vang từ 1940, nhưng đồng thời những bất đồng nội bộ xẩy ra ở Liễu Châu giữa Nguyễn Hải Thần, Trần Bá (khuynh hướng quốc gia) và các đảng viên cộng sản.

Năm 1942, khi Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, thuộc Quốc Dân Đảng từ Trùng Khánh xuống Liễu Châu và Nguyễn Tường Tam thuộc Đại Việt Dân Chính từ trong nước ra, thì nhóm Nguyễn Hải Thần đoạn tuyệt với Việt Minh và thành lập Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội gọi tắt là Việt Cách. Tướng Trương Phát Khuê, trấn thủ Quảng Tây, đã che chở cho những chí sĩ Việt lưu ngụ ở đó và đã giúp lập nên những nghĩa hội để khôi phục Việt Nam (3).

Về phía cộng sản, tháng 2 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước. Tháng 5.1941, ông chủ trì hội nghị trung ương đảng Cộng Sản lần thứ tám tại Pắc-Bó - Cao Bằng, quyết định thành lập Mặt Trận Việt Minh, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp dân tộc với chủ trương chống Pháp và chống Nhật.

Tóm lại, ngay từ những năm 40, đã có sự tranh chấp quyền lực và ý thức hệ giữa các tổ chức chống Pháp: Giữa đảng Cộng Sản Đông Dương do Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo, theo đường hướng của Cộng Sản Quốc Tế và các

đảng phái đối lập, kể cả nhóm tả đối lập tức Cộng Sản Đệ Tứ của Tạ Thu Thâu, Nguyễn An Ninh...

Ở trong nước, hai phong trào ái quốc, Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đông Dương Cộng Sản Đảng, mặc dầu bị Pháp đàn áp vẫn ngấm ngầm hoạt động từ năm 1930. Từ 1945 trở đi, sự tranh chấp trở nên quyết liệt giữa hai phe: Một bên là các đảng phái quốc gia, tập hợp thành một đảng lớn lấy tên là Đại Việt Quốc Gia Liên Minh (thành lập sau ngày Nhật đảo chính Pháp 9/3/1945) trong đó có Đại Việt Quốc Xã (thoát thai từ Đại Việt Dân Chính của Nguyễn Tường Tam) và Đại Việt Quốc Dân Đảng là hai cột trụ. Một bên là Mặt Trận Việt Minh do đảng Cộng Sản Đông Dương lãnh đạo.

Đại Việt Quốc Gia Liên Minh chủ trương dựa vào thế lực Nhật để giải phóng dân tộc, được Nhật ủng hộ ngầm nhưng lại ít kinh nghiệm, kém thủ đoạn, nên bị Mặt Trận Việt Minh giành thế chủ động, chiếm được chính quyền và giữ vai trò lịch sử.

*

Từ khi trận đệ nhị thế chiến bùng nổ, Việt Nam và các nước bị trị bước sang một giai đoạn mới: Quân đội Nhật tiến vào Đông Dương, ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, ra khẩu hiệu: Châu Á của người Á châu và tuyên bố sẽ giúp Việt Nam và các nước Đông Dương giành độc lập. Chiêu bài đó đã chiếm được lòng tin của nhiều thành phần chống Pháp.

Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp, triều đình Huế tuyên bố bãi bỏ hiệp ước bảo hộ 1884. Việt Nam lấy lại chủ quyền. Vua Bảo Đại tuyên chiếu: Từ nay đích thân cầm quyền theo nguyên tắc Dân Vi Quý. Tháng 4/1945, học giả Trần Trọng Kim được cử ra thành lập chính phủ mới. Tuy chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn ngủi 4 tháng-, nội các Trần Trọng Kim với những trí thức có lòng với đất nước như Hoàng Xuân Hãn, Phan Anh, Vũ Văn Hiền... đã giữ nhiệm vụ tiếp nhận chính quyền từ tay Nhật, cải cách giáo dục và cổ động thanh niên canh tân và kiến thiết đất nước.

Trong khi ấy, tình hình thế giới biến đổi từng ngày. 4/2/1945 hội nghị tối cao Đồng Minh họp tại Yalta: Staline, Churchill và Rosevelt thỏa hiệp chia ảnh hưởng khu vực Nga và Anh Mỹ tại Âu châu và Á Đông.

Mùa xuân năm 1945, quân Mỹ bắt đầu thắng trận ở Á châu. Cuối tháng 4/1945, Bá Linh bị quân Nga bao vây. 28/4 Mussolini bị thuộc hạ hạ sát ở Rome; 1/5 Hitler tự tử tại Berlin; 6/8 Hiroshima bị bỏ bom nguyên tử, 66000 người chết; 9/8 Nagasaki bị tiêu diệt, 80000 nạn nhân; Nhật đầu hàng.

Ngày 13/8/1945, đảng Cộng Sản Đông Dương nhóm họp tại Tân Trào, quyết định Tổng Khởi Nghĩa, đoạt khí giới Nhật và chiếm chính quyền trước khi Đồng Minh đến Đông Dương. Quân đội Việt Minh có tên là Quân Đội Giải Phóng.

Ngày 19/8/1945 Việt Minh chiếm chính quyền ở ngoài Bắc. Biểu tình trước Nhà Hát Lớn Hà Nội để nghe tuyên bố của Mặt Trận Cứu Quốc Việt Minh. Quân đội Giải Phóng và cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở nhiều nơi.

Cũng ngày 19/8/1945 (theo Philippe Devillers), đài phát thanh Việt Nam truyền thanh ba tư liệu quan trọng: 1. Huấn lệnh của vua Bảo Đại khuyên công chức giữ vững tinh thần đoàn kết quốc gia, đề phòng mọi đe dọa nền độc lập và công bố những quyết định bảo vệ độc lập. 2. Một chiếu của nhà vua gửi quốc dân, yêu cầu toàn dân hy sinh để giữ gìn độc lập và nhà vua sẵn sàng "làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ." 3. Một lá thư của vua Bảo Đại gửi tướng de Gaulle, yêu cầu de Gaulle trả độc lập cho Việt Nam (4).

Ngày 24/8/1945 một ủy ban nhân dân gửi điện văn cho vua Bảo Đại, yêu cầu nhà vua thoái vị. Nội dung bức điện văn như sau: "Một chính phủ nhân dân cách mạng lâm thời đã thành lập, chủ tịch là cụ Hồ Chí Minh. Yêu cầu đức vua thoái vị ngay để củng cố và thống nhất nền độc lập nước nhà." Dưới ký tên Nguyễn Xiển, Nguyễn Văn Huyên, Ngụy Như Kontum và Hồ Hữu Tường (5).

Ở Huế bấy giờ không ai biết Hồ Chí Minh là ai (6). Phạm Khắc Hòe thuật lại: "Nhưng cụ Hồ Chí Minh là ai mà lâu nay ở Huế chưa hề nghe tiếng [...] Tôi chạy qua nhà anh Đào Duy Anh, anh này liền lục hết mọi tài liệu, sách vở ra xem, thì cụ Nguyễn Ái Quốc có rất nhiều tên trong quá trình hoạt động cách mạng, nhưng không có tên nào là Hồ Chí Minh cả. Sực nhớ đến Vũ Văn Hiền mới vừa ở Hà Nội về, tôi chạy tới hỏi thì Vũ Văn Hiền nói ngay: Đúng rồi, Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc!

Tôi mừng quá lên xe cấp tốc về báo tin vui với Bảo Đại, thì Bảo Đại bật ra một câu tiếng

Pháp: 'Ca vaut bien le coup alors,' nghĩa là 'như thế thì thật đáng thoái vị.'" (Phạm Khắc Hòe, sđd, trang 76)

Ngày 25/8/1945 vua Bảo Đại sai Phạm Khắc Hòe gửi điện văn trả lời, nội dung như sau: "Khâm phụng Hoàng Đế sắc văn phòng tôi trả lời bức điện số 6DT của quý ủy ban rằng: Ngài vui lòng thoái vị ngay và đã sắp đặt sẵn sàng, nhưng vì có trách nhiệm đối với lịch sử và toàn thể quốc dân và muốn chính phủ mới chính thức ra mắt quốc dân một cách long trọng, Ngài mong ông chủ tịch chính phủ nhân dân cách mạng lâm thời gấp về Thuận Hóa để Ngài giao chính quyền và Ngài muốn ông cho biết ngày làm lễ ấy. Đồng thời Hoàng Đế lại sắc văn phòng tôi sao chuyển bức điện văn này cho nhà đương chức Nhật Bản và ủy ban nhân dân cách mạng tại Thuận Hóa biết." (7)

Chiều ngày 25/8/1945, văn phòng của vua Bảo Đại nhận được điện văn trả lời của chính phủ cách mạng lâm thời, nội dung như sau: "Hoan nghênh tinh thần dân chủ và đoàn kết thống nhất của Hoàng Đế. Yêu cầu Hoàng Đế hạ dụ chính thức thoái vị để yên lòng dân. Đại biểu chính phủ lâm thời sắp tới Thuận Hóa." (8)

Ngày 25/8/1945, vua Bảo Đại cho công bố chiếu thoái vị và bản tuyên chiếu với hoàng tộc (9).

Hai giờ chiều ngày 26/8/1945 nhà vua làm lễ cáo yết liệt thánh ở Thế Miếu và ngày 30/8/1945 đại diện chính phủ cách mạng lâm thời gồm các ông Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng và Cù Huy Cận nhận ấn kiếm của nhà vua tại cửa Ngọ Môn.

Triều đại nhà Nguyễn chấm dứt sau 143 năm trị vì (1802-1945).

*

Ngày 2/9/1945 Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập ở Ba Đình, Hà Nội.

Nhưng tình hình Việt Nam từ cuối tháng 8 năm 1945 trở đi, trở nên cực kỳ rối ren.

Tại hội nghị Potsdam (từ 26/7/1945), Đồng Minh họp để bàn về số phận của Đức, quyết định chia Đông Dương thành hai khu vực để tiến vào giải giới quân đội Nhật: Từ vĩ tuyến 16 trở ra, do quân đội Tưởng Giới Thạch đảm nhiệm. Từ vĩ tuyến 16 trở vào, do quân đội Anh thực hiện.

Ở ngoài Bắc, đầu tháng 9 năm 1945, 18000 quân Tưởng Giới Thạch chia làm hai lộ kéo vào Bắc Việt, do hai tướng Lư Hán và Tiêu Văn điều khiển. Một lộ đi từ Vân Nam (quân đoàn 93 của Lư Hán) xuống Lào Cai có Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam cùng về. Một lộ từ Quảng Tây (quân đoàn 62) xuống Lạng Sơn, với Tiêu Văn và Nguyễn Hải Thần. Lư Hán có nhiệm vụ chỉ huy quân đội. Tiêu Văn có nhiệm vụ sắp đặt sự ổn định tại Bắc.

Tình hình kháng chiến Việt Minh lúc đó vô cùng bối rối: Phải trực diện ba mặt với quân Tưởng, Pháp và Nhật.

Khi đến Lạng Sơn, Nguyễn Hải Thần được tin Việt Minh đã cướp chính quyền và ra mắt quốc dân trước, ông rất phẫn nộ. Quân Tưởng giải tán các ủy ban nhân dân của Việt Minh, thay thế bằng các đảng viên Việt Quốc và Việt Cách. Các tỉnh Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Quảng Yên trở thành các cứ điểm của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Để tránh xô sát với quân Tưởng, Việt Minh được lệnh áp dụng chính sách "đồng không nhà trống," các lực lượng võ trang tạm lánh một nơi và Hồ Chí Minh đổi tên Quân Đội Giải Phóng thành Vệ Quốc Đoàn (chữ đoàn gợi ý một tổ chức võ trang nhỏ) để tránh sự chú ý của quân Tưởng (10).

Đầu tháng 10/1945, tướng Hà Ứng Khâm, bộ trưởng bộ chiến tranh của Trung Hoa đến Hà Nội, dặn dò các tướng lãnh. Tiêu Văn bắt đầu công việc: Đặt vấn đề phải cải tổ lại chính phủ và đòi Việt Minh phải chia quyền với Việt Quốc và Việt Cách. Việt Quốc tổ chức khu tự trị tại Ngũ Xá. Nguyễn Hải Thần diễn thuyết đả kích cộng sản độc tài và chống lại việc Việt Minh đơn phương cướp chính quyền, trái với sự cam kết cùng với các đảng khác ở Liễu Châu.

Việt Quốc tập hợp các ngòi bút của nhóm Ngày Nay, xuất bản tờ Việt Nam, đặt trụ sở ở đường Quan Thánh, Hà Nội. Rồi một loạt các báo khác như Liên Hiệp, Thiết Thực... ra đời, chủ đích đả kích Việt Minh.

Về phía chính quyền Pháp, từ 24/3/1945 de Gaulle đã tuyên bố: Đông Dương sẽ là một liên bang, có quy chế tự trị, với những chính phủ địa phương và các hội đồng địa phương, nhưng đứng đầu liên bang là một quan Toàn Quyền Cao Ủy đại diện cho nước Pháp. Mặc dù lúc ấy Pháp không có một đạo quân nào sẵn sàng vào Đông Dương nhưng Pháp vẫn lấy quyết định (11) (12): Ngày 16/8, de Gaulle cử d'Argenlieu làm Cao Ủy Pháp tại Đông Dương và Leclerc làm Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp, thay thế Blaizot. Ngày 22/8/1945,

Leclerc đến Kandy, bộ tham mưu của Mountbatten (quân Anh) ở Ấn Độ.

De Gaulle tới Washington ngày 22/8/1945, gặp tổng thống Truman và được Truman công nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Đồng thời, Anh ký một thỏa ước Pháp-Anh ngày 24/8, về nguyên tắc trao trả lại Đông Dương cho Pháp. Cùng ngày 24/8, tại vịnh Bengale, nhổ neo toán quân đầu tiên có nhiệm vụ "thiết lập trật tự" của chính quyền Pháp tại Sàigòn, Hà Nội và Huế.

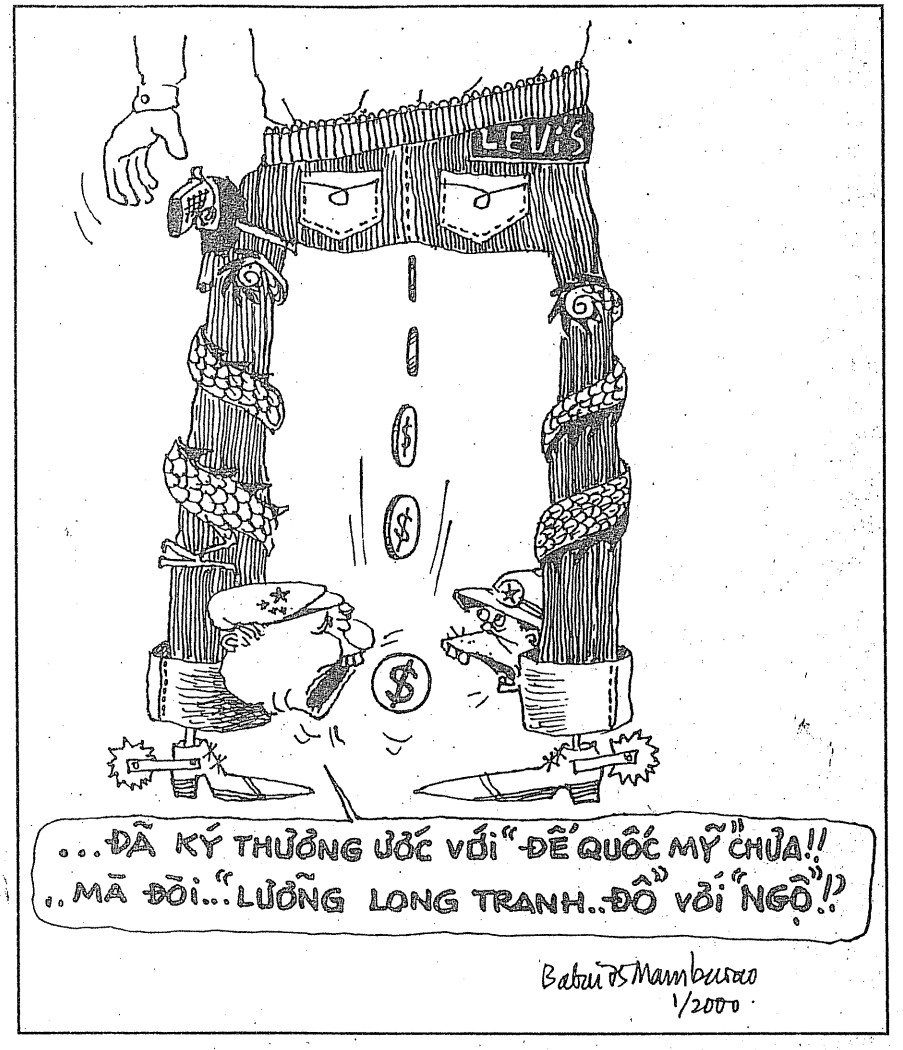

Ngày 6/9/1945, 5000 quân đội hoàng gia Anh-Ấn đến Sàigòn để giải giới quân Nhật, can thiệp và thả các tù binh Pháp bị Việt Minh giữ. Và cuối tháng 9, khi trung đoàn 11 quân viễn chinh từ Pháp sang, đổ bộ lên Sàigòn, được quân Anh và cả quân Nhật yểm trợ, bắt đầu nổ súng vào các lực lượng kháng chiến. Chiến tranh chống Pháp ở Nam Bộ bùng nổ. Đầu tháng 10, tướng Leclerc tới Sàigòn, tuyên bố sẽ bình định Nam Bộ.

Tháng giêng năm 1946, Vệ Quốc Quân tấn công bộ đội Việt Quốc tại Việt Trì, Vĩnh Yên, Phú Thọ.

Tiêu Văn đề nghị Hồ Chí Minh lập chính phủ ba thành phần: Việt Minh, Việt Quốc và Việt Cách. Các trí thức trẻ bấy giờ như Hoàng Xuân Hãn, cũng khuyên Hồ Chí Minh dàn hòa với Nguyễn Hải Thần.

Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần cố gắng tìm một thỏa ước liên hiệp. Ngày 2/3/1946, chính phủ liên hiệp kháng chiến được thành lập với Hồ Chí Minh: chủ tịch, Nguyễn Hải Thần: phó chủ tịch, Huỳnh Thúc Kháng: nội vụ, Nguyễn Tường Tam: ngoại giao, Phan Anh: quốc phòng, Vũ Đình Hòe: tư pháp, Đặng Thai Mai: giáo dục,...

Một mặt khác, ngày 28/2/1946 một thỏa ước Pháp-Trung được ký kết: Chính phủ Trùng Khánh chấp nhận quân Pháp ra Bắc để thay thế quân đội Trung Hoa, đặt Hải Phòng làm cảng tự do cho hàng hóa Trung Quốc. Sự thỏa hiệp giữa Pháp và Trung Quốc đã đặt chính phủ kháng chiến vào thế cô lập, trước thái độ hững hờ của các cường quốc, quân đội kháng chiến chưa đủ thế lực để đương đầu với Pháp, cho nên đành phải lựa chọn con đường thương thuyết (13). Hồ Chí Minh ký với Pháp hiệp định sơ bộ 6/3/1946, chấp nhận Việt Nam trở thành một nước tự trị, thành viên của Liên

Hiệp Pháp. Nhưng nội bộ chính phủ kháng chiến, có nhiều người không tán thành. Nguyễn Tường Tam không ký, chỉ có Vũ Hồng Khanh và Hồ Chí Minh ký với Sainteny. Một cố gắng cuối cùng của chính phủ liên hiệp là chuẩn bị Hội Nghị Đà Lạt, khai mạc ngày 17/4 còn gọi là hội nghị trù bị Đà Lạt- để soạn cho việc điều đình chính thức tại Pháp, do Nguyễn Tường Tam cầm đầu, nhưng cũng thất bại: Pháp giữ quan điểm "thực dân" và Việt Nam không thể nhượng bộ. Nguyễn Tường Tam từ chối không dự hội nghị Fontainebleau. Và hội nghị Fontainebleau -từ tháng 7 đến tháng 9/1946- cũng không đem lại một kết quả cụ thể nào. Trong khi ấy thì ở nội tình Việt Nam bắt đầu cuộc thanh trừng đẫm máu giữa các chính đảng.

Ngay từ ngày 6/1/1946, ngày tổng tuyển cử do Việt Minh tổ chức, các cuộc xung đột giữa Việt Minh và Việt Nam Quốc Dân Đảng đã xảy ra.

Võ Nguyên Giáp và Trần Quốc Hoàn bắt đầu tổ chức Tự Vệ Quân, chống lại các hoạt động "phá hoại" của Việt Quốc và Việt Cách(14).

13/1/1946, Vệ Quốc Quân được lệnh tấn công bộ đội Việt Quốc tại Việt Trì, rồi Vĩnh Yên, Phú Thọ.

Cuối tháng 6/1946, bộ đội Việt Minh và Việt Quốc Quân giao tranh tại Phủ Lạng Thương. Quân đội Việt Minh lần lượt chiếm lại các vùng Vĩnh Yên, Việt Trì, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Kay và thẳng tay đàn áp đối lập.

Tại Hà Nội, nhiều đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng bị bắt. Nguyễn Hải Thần cùng một số lãnh tụ Việt Quốc, Việt Cách trở sang Tàu.

Tháng 7/1946, nhiều lãnh tụ Việt Quốc bị bắt tại Hà Nội, Nguyễn Tường Tam sang Nam Kinh, Vũ Hồng Khanh đi Vân Nam.

Cuộc kháng chiến chống Pháp từ nay do Mặt Trận Việt Minh lãnh đạo tới tháng 7 năm 1954.

*

Đêm 19/12/1946, chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Ngày 20/12/1946 chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Nhưng từ tháng 12 năm 1946 đến 1950, cuộc chiến trên toàn cõi Việt Nam chỉ là chiến tranh du kích. Quân Pháp lúc bấy giờ có khoảng 150,000 người, vũ khí tối tân, phương tiện vận chuyển mau lẹ. Các cấp chỉ huy Pháp đều là những người có thành tích chiến trường. Quân đội Việt Nam tuy yếu kém về phương tiện, có thể cầm cự lâu dài được với quân Pháp nhờ bộ đội có sức chịu đựng gian khổ kiên cường, am hiểu tường tận địa hình đất nước và có nhân dân ủng hộ.

Cuộc xung đột Việt Pháp xảy ra từ 19/12/1946 đến tháng 9 năm 47 vẫn chưa thấy rõ lối thoát. Pháp chuyển sang một giải pháp chính trị với cựu hoàng Bảo Đại, đang lưu vong tại Hồng Kông.

Hiệp định Hạ Long được ký ngày 5/6/1948, nội dung tương tự như Hiệp định sơ bộ đã ký với Hồ Chí Minh: Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam trong khối Liên Hiệp Pháp. Một chính phủ lâm thời do thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân thành lập. Bảo Đại làm quốc trưởng. Nhưng lòng dân không còn tin tưởng vào chính phủ mới nữa và cuộc chiến tranh chống Pháp sẽ kéo dài đến 1954.

1/10/1949 Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Tưởng Giới Thạch phải rút ra Đài Loan. Từ giữa năm 1950, chiến tranh Cao Ly phát động. Kể từ giờ phút này, hai khối Nga-Mỹ bắt đầu can thiệp vào thời cuộc Việt Pháp. Bên phía Pháp đã có phái đoàn Mỹ từ Manille qua Sàigòn. Quân đội Việt Minh có tướng Trần Canh, một trong năm tướng giỏi của Trung Quốc, cùng nhiều cố vấn và chuyên viên Trung Quốc giúp đỡ. Việt Minh liền mở chiến dịch Hoàng Văn Thụ tức chiến dịch Cao Bắc Lạng vào ngày 16/9/1950, với Trung Đoàn Thủ Đô và Trung Đoàn Sông Lô vẫn nổi tiếng anh dũng xưa nay. Pháp đại bại, phải triệt thoái khỏi các căn cứ miền Đông Bắc cũng như Tây Nam Bắc Việt.

Sau thất bại này, ngày 17/12/1950, đại tướng de Lattre de Tassigny được cử sang Đông Dương làm Tổng Cao Ủy. De Lattre đưa ra chiến thuật:

- Lưu động quân đội để chống du kích Việt Minh;
- Xây các chiến lũy bê tông quanh Hà Nội, Hải Phòng;
- Đặt một hành lang ngăn Việt Bắc với Trung Châu. Nhưng Việt Minh vẫn chọc thủng được hệ thống phòng thủ của de Lattre. Tháng 1/1951, trận Vĩnh Yên xảy ra vô cùng ác liệt. Quân Việt thắng thế.

Cuối năm 1951, tướng de Lattre bị bệnh, trở về Pháp mổ; ngày 11/1/1952, de Lattre từ

trần. Tướng Salan lên thay thế. Tình hình không sáng sủa hơn. Quân Pháp luôn luôn lâm vào thế bị động.

Đại tướng Navarre thay thế Salan. Navarre đặt chân đến Sàigòn ngày 8/3/1953. Ngày hôm sau bay ra bộ chỉ huy tiền phương Hà Nội. Nhận thấy tình hình không còn lạc quan nữa, mặc dù Pháp vẫn được Mỹ tiếp tục viện trợ, Navarre thi hành chiến thuật mới:

- Bỏ các đồn lẻ tập trung thành cụm cứ điểm trên sáu tiểu đoàn để Việt Minh khỏi phá được làm lợi khí tuyên truyền;
- Giành lại chủ thế chiến trường, bằng cách tìm địch mà đánh, bắt địch ứng chiến;
- Hành binh chớp nhoáng, tránh sự dự liệu của địch quân. Navarre tương đối nắm thế chủ động đến cuối năm 1953.

Ngày 15/10/1953 Navarre mở cuộc hành quân Mouette do tướng Cogny, tư lệnh quân Pháp ở Bắc Việt chỉ huy với năm binh đoàn cơ động, đánh vào Liên Khu Tư, phía Tây Nam Ninh Bình, với mục đích phá trước cuộc tấn công của sư đoàn 320. Đồng thời hai tướng Cogny và Gilles đem hải lục không quân đổ bộ vào Thanh Hóa. Nhưng Việt Minh đã lựa chọn một chiến lược khác: Với sự yểm trợ của Pathet Lào, các đại đoàn 316 và 308 mở cuộc tiến công lên Tây Bắc, chiếm đóng Lai Châu, Điện Biên Phủ và tiến quân sang Lào.

Ngày 20/11/1953 Pháp mở cuộc hành quân Castor, đổ bộ sáu tiểu đoàn chiếm đóng Điện Biên Phủ để lập một căn cứ cố thủ, ngăn chặn không cho quân đội Việt Minh tràn qua Lào, đồng thời bảo vệ miền trung du. Chiến dịch do chính tướng Navarre quyết định.

Trận Điện Biên Phủ bắt đầu.

Về phía Việt Nam, bộ chỉ huy mặt trận Điện Biên gồm có Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chỉ huy trưởng; các tướng Hoàng Văn Thái, tham mưu trưởng, Lê Liêm, chủ nhiệm chính trị, Đặng Kim Giang, chủ nhiệm hậu cần, Trần Văn Quang, cục trưởng tác chiến và Lê Trọng Nghĩa, cục trưởng quân báo. Lực lượng tham gia chiến dịch lúc đầu, gồm các đại đoàn: 308, 312, 316, và 304. Đại đoàn 308 ra đời sớm nhất, thành lập từ năm 1949, có Trung đoàn Thủ Đô 102 nổi tiếng anh hùng. Tới năm 1950, Việt Minh mới được Trung Quốc và Liên Xô thực sự giúp đỡ vũ khí và thiết bị quân sự. Nhưng vũ khí nặng chưa có nhiều. Mãi tới năm 1951 chỉ có một đại đoàn công binh và pháo binh: đại đoàn 351. Bước vào chiến dịch Điện Biên, đại đoàn 351 chuyên chở toàn bộ vũ khí nặng. Liên Xô giúp vũ khí để trang bị cho sáu tiểu đoàn pháo cao xạ 37mm và Trung Quốc đảm nhiệm việc huấn luyện cán bộ xử dụng pháo (15). Vì chưa có máy bay và xe tăng, bộ đội Việt Minh dùng chiến thuật "bộc phá" tức là dùng các chiến sĩ xung kích cảm tử xông lên đặt thuốc nổ để phá các ụ súng, các lô cốt, rồi chạy về vị trí trước khi bộc phá nổ. Đánh từng cứ điểm và diệt được cứ điểm này thì sửa sang phòng thủ để tiến đến cứ điểm khác (16).

Về phía Pháp, tướng Navarre cử Đại tá de Castries chỉ huy mặt trận Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ là một khu vực lòng chảo. Sau bốn tháng xây dựng, phòng tuyến của Pháp bao gồm 49 cứ điểm có khả năng tự phòng vệ. Nhiều cứ điểm ở gần nhau tạo thành một cụm cứ điểm, đều lấy tên phụ nữ. Trong những cụm cứ điểm quan trọng có Béatrice nằm trên năm mỏm đồi sát đường 41, từ Tuần Giáo đi Điện Biên cách sở chỉ huy của de Castries hơn một cây số. Gabrielle xây trên ngọn đồi Độc Lập, nằm sát đường cái từ Lai Châu về Điện Biên. Béatrice và Gabrielle là hai vị trí phòng ngự chủ chốt, quan sát các cuộc hành quân của Việt Minh tiến vào Điện Biên.

Bộ chỉ huy của de Castries đặt tại châu lỵ Điện Biên, ở phía Nam sân bay chính với một loạt các cụm cứ điểm bảo vệ như Claudine, Dominique, Eliane, Huguette, Isabelle... Một cầu không vận nối liền Điện Biên với các sân bay Gia Lâm, Bạch Mai Hà Nội.

Ngày 13/3/1954 Việt Minh bắt đầu tấn công Điện Biên. Trận chiến mở màn do đại đoàn 312 ra quân, dưới sự chỉ huy của đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn và chính ủy Trần Độ, tấn công Béatrice. Béatrice thất thủ, thiếu tá Pégrot bị tử thương cùng với toàn bộ sĩ quan trong hầm.

Đợt tấn công thứ nhì nhằm chiếm đồi Độc Lập và cứ điểm Gabrielle, do đại đoàn 308 với Vương Thừa Vũ và Đàm Quang Trung chỉ huy, tấn công từ 3giờ30 đêm; đến 8giờ30 sáng ngày 15/4/1954, Gabrielle bị tiêu diệt. Trung tá Piroth chỉ huy pháo binh tự sát.

Trong hai ngày liền, Pháp bị mất hai cứ điểm quan trọng nhất của Điện Biên. Tinh thần quân Pháp rối loạn. Trận chiến tiếp tục diễn ra ác liệt, trong tất cả 56 ngày. De Castries bị bắt cùng với tất cả bộ chỉ huy.

Ngày 8/5/1954, chiến thắng Điện Biên Phủ hoàn tất.

Đêm 20/7/1954, Pháp và Việt Minh ký thỏa

hiệp ngừng bắn tại Genève, nội dung gồm những điểm chính sau đây:

- Định một giới tuyến quân sự từ cửa sông Bến Hải, theo dòng sông đến làng Bồ Hô Su và biên giới Lào Việt;
- Lập một khu phi quân sự, 5 cây số bề rộng về phía bên này và bên kia giới tuyến;
- Định thời hạn 300 ngày dành cho quân đội và dân chúng bên này và bên kia rút về theo sự lựa chọn của mình;
- Trong khi chờ đợi hai năm để tổ chức tổng tuyển cử, hai bên không được tái võ trang;
- Thành lập một ủy ban quốc tế kiểm soát đình chiến. Thực thi hiệp định Genève, miền Bắc, từ vĩ tuyến 17 trở ra do Hồ Chí Minh lãnh đạo, lập chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Miền Nam do Ngô Đình Diệm lãnh đạo, lập chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

(còn tiếp)

Tháng 1/2000

1. Theo Hoàng Văn Hoan, *Giọt Nước Trong Biển Cả,* Nhóm Tìm Hiểu Lịch Sử in năm 1991 tại Hoa Kỳ.

2. Võ Nguyên Giáp viết: "Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của bác, lênh đênh góc bể chân trời, đã có những ngày vui lớn. Đó là ngày bác tìm thấy con đường giải phóng dân tộc khi đọc luận cương của Lê Nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đó là ngày thành lập Đảng Cộng Sản Pháp năm 1920 mà bác là một thành viên. Và ngày lịch sử mồng 3 tháng 2 năm 1930, ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương." (Võ Nguyên Giáp, *Những Năm Tháng Không Thể Nào Quên,* nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 1974, trang10)

Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội (tiền thân của đảng Cộng Sản) ở Quảng Châu. Tháng 4/1927, Nguyễn Ái Quốc đi Liên Xô. Cuối năm 1928 trở về hoạt động ở Thái Lan thành lập chi nhánh của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội ở Xiêm.

Tháng 5/1929 đại hội Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Hồ Tùng Mậu triệu tập ở Hương Cảng, xảy ra phân tán kịch liệt. Nhóm Quốc Anh (tức Trần Văn Cung) bỏ đại hội để tổ chức đảng Cộng Sản. Số đại biểu còn lại của đại hội biểu quyết khai trừ nhóm này. Đầu tháng 9/1929, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm, đi gặp Đông Phương Cục Quốc Tế Cộng Sản để xin ý kiến, được Đông Phương Cục giao nhiệm vụ thống nhất các nhóm cộng sản Việt Nam." (theo Hoàng Văn Hoan, sđd, trang 60)

3. Theo Hoàng Xuân Hãn, *Một Vài Ký Vãng Về Hội Nghị Đà Lạt,* nxb A.V.A.C, Paris 1987, trang 7: "Hơn 60 năm về trước, Pháp đã lấy vũ lực ép triều nhà Thanh phải để Pháp làm chủ trên đất Việt Nam. Nay Trung Quốc có thể giành lại thế lực ở đây với Pháp." Chính vì vậy tướng Trương Phát Khuê đã giúp đỡ kháng chiến quân Việt Nam.

4. Theo Philippe Devillers, *Paris Saigon Hà Nội,* Collection Archives, Gallimard, 1988. Tin này không thấy ghi trong các tư liệu sử Việt Nam. Riêng chiếu của vua Bảo Đại gửi quốc dân, được in lại trong *Một Cơn Gió Bụi,* của Trần Trọng Kim, nxb Vĩnh Sơn, Sàigòn 1969, trang 195. Nội dung: Cuộc chiến tranh thế giới đã kết liễu, lịch sử Việt Nam bước sang một thời kỳ quan trọng. Trước tình thế mới, nhà vua muốn có một nội các mới và khẩn thiết yêu cầu những nhà ái quốc hữu danh và ẩn danh, ra giúp vua đối phó với thời cuộc.

Lá thư của Bảo Đại gửi de Gaulle được in lại trong sách của Philippe Devillers, trang 70. Nội dung: gửi đến dân tộc Pháp và người lãnh đạo cũng là người giải phóng dân tộc Pháp- Sau những đau khổ của chiến tranh chống Đức, mong dân tộc Pháp hiểu dân tộc Việt Nam và khát vọng độc lập của dân tộc Việt Nam. Nếu Pháp vẫn cương quyết giữ chính sách thuộc địa, thì rồi đây, mỗi làng Việt Nam sẽ trở nên một tổ chiến đấu chống lại chính quyền thuộc địa...

5. Báo Cứu Quốc, số 32 ra ngày 27/8/1945, in lại trong Phạm Khắc Hòe, Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc, nxb Thuận Hóa, Huế, 1987

6. Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh từ tháng 8 năm 1942.

7. Báo Cứu Quốc số 32 ra ngày 25/8/1945, in lại trong Phạm Khắc Hòe, sđd.

8. Báo Cứu Quốc số 33 ra ngày 28/8/1945, in lại trong Phạm Khắc Hòe, sđd.

9. Các chiếu của vua Bảo Đại: - hiệu triệu các nhà ái quốc ra giúp nước, sau khi Nhật đầu hàng - chiếu thoái vị - và chiếu hoàng tộc đều in lại trong *Một Cơn Gió Bụi,* của Trần Trọng Kim, phần phụ lục, sđd.

10. Theo Võ Nguyên Giáp, sđd.

11. Theo Philippe Devillers, sđd.

12. Hoàng Xuân Hãn, *Một Ký Vãng Về Hội Nghị Đà Lạt,* nxb A.V.A.C., Paris 1987.

13. Theo Hoàng Xuân Hãn, sđd.

14. Theo Võ Nguyên Giáp,sđd.

15. Lê Kim, *Trận Điện Biên Phủ Nhìn Từ Hai Phía,* nxb Thanh Niên, 1994

16. Lê Kim, sđd.

ĐỜI SỐNG QUANH TA

THANH THẢO, TRẦN QUÁN NIỆM

TRÀO LƯU CỦA THẾ KỶ MỚI: BẢO TỒN DI TÍCH CỦA... TƯƠNG LAI

THANH THẢO

Khi có dịp ghé thăm Honolulu, Hawaii vài năm trước đây, trên một chiếc du thuyền ngắn vài giờ, du khách đã được giới thiệu những dinh thự nguy nga, những công trình kiến trúc hết sức Tây phương, và đặc biệt là "Tháp Đôi" xây theo kiểu tháp Petronas tại Kuala Lumpur, Malaysia, tuy kích thước nhỏ hơn nhiều. Đối với người hướng dẫn, đây là sự tự hào của người Hawaii, và nhìn vẻ mặt hãnh diện của anh ta, khó ai có thể nói với anh ấy rằng nếu cứ theo cái đà xây cất kiểu này, chẳng bao lâu du khách sẽ không còn cần thiết đến Hawaii nữa, mà chỉ cần chạy ra hải cảng Los Angeles, hay San Pedro, San Diego... là có thể có một chuyến du lịch tương tự, mà lại rẻ hơn nhiều, chưa kể không cần phải đi máy bay trong năm giờ đồng hồ qua biển Thái Bình, cũng có chút nguy cơ rủi ro. Không riêng gì Hawaii hay Kuala Lumpur, mà niềm hãnh diện được cho là thể hiện trong các công trình kiến trúc tân kỳ, Trung Cộng cũng có những tham vọng tương tự khi xây công trình đập Tam Khẩu, tức Three Gorges Dam, trên sông Dương Tử. Công trình này được xem là lớn nhất thế giới khi hoàn tất, nhưng chỉ mới đang xây thôi, hàng ngàn cư dân của những vùng thượng nguồn sông đã bị dời cư, và bao nhiêu di tích lịch sử trên 4000 năm hiện đã bị chìm dưới mực nước sông, được nâng cao bằng phương pháp nhân tạo. Mất vĩnh viễn cùng với những kiến trúc cổ này là phong tục tập quán mấy ngàn năm không thay đổi của cư dân địa phương. Đó là những việc xảy ra vài năm trước đây. Còn hiện nay thì sao?

Mỗi đầu thế kỷ, nhiều trào lưu được các phân tích gia nhận xét và đúc kết thành tài liệu để suy nghiệm sau này. Mới ở cuối thế kỷ trước, từ giữa thập niên (19) 80s, cơn sốt xây cất tất cả những gì mới nhất, có nhiều ảnh hưởng Tây phương nhất, tốn kém nhất, hoành hành tại Á Châu. Nhưng ngày nay, đầu năm 2000, nếu đến Á Châu, điển hình là Hồng Kông, Kuala Lumpur, và Sydney, người ta có thể nhận thấy một điều không thể sơ sót, đó là một hướng tương lai trong đó bảo tồn di tích lịch sử và truyền thống của dân tộc đang là trào lưu mới. Theo bài viết của phóng viên Dorinda Elliot, thuộc tạp chí Newsweek, số phát hành ngày 17 tháng Giêng năm 2000, ngày nay tại những địa danh này, những công trình xây dựng mới là nhằm bảo tồn những di tích lịch sử còn sót lại, nếu có thể, hoặc ít nhất là xây lại những ngôi làng, những căn nhà theo lối cổ bằng cách dựa theo những sơ đồ còn lưu trữ tại các thư viện địa phương. Thật vậy, sau khi cơn khủng hoảng kinh tế Á Châu đã khiến cho những nhà đầu tư địa ốc hoặc khánh tận hoặc gặp khó khăn lớn về tài chính, và nhiều công trình xây cất đành phải bị bỏ dở, hoặc không còn mang lại lợi nhuận, những nhà đầu tư đã phải xét lại những công trình kiến trúc của mình. Mất đi nguồn lợi tài chính, những công trình này bỗng trở nên trơ trẽn khi tọa lạc trên những khu phố chung quanh vẫn còn cư dân địa phương với tập quán cũ, và lòng hoài vọng những gì đã mất. Giới trung lưu, nay đông hơn trước, bắt đầu có những tiếng nói về nguyện vọng của mình. Đó là phẩm

chất của đời sống, bảo tồn môi trường, môi sinh, và sự tôn trọng lịch sử. Thêm vào đó, những bài thuyết giảng tại các viện Đại học ở Mỹ hay các quốc gia Âu châu đề cao niềm tự hào riêng của văn hóa Á Đông mà người châu Á cần giữ gìn, để có một chỗ đứng riêng biệt thay vì rập khuôn những gì tượng trưng cho văn hóa Âu Mỹ. Tại Sydney, nước Úc, chính quyền đang có kế hoạch bảo tồn nền văn hóa đặc thù toàn vùng và vào tháng Bảy năm 2000, một bản Tuyên Ngôn đầu tiên về việc này sẽ được những Ngoại Trưởng các quốc gia Á Châu chính thức công bố khi họ nhóm họp tại Sydney.

Kế hoạch và trào lưu bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa dân tộc không phải chỉ được chính quyền các quốc gia khởi xướng như tại Úc, mà tại những nơi khác ở Á châu, những người dân và những đoàn thể địa phương đã có những bước tiên phong như tại Hồng Kông chẳng hạn. Những đoàn thể này đã đạt được thành công giới hạn trong việc bảo tồn những gì còn sót lại tại những ngôi làng cổ nay thuộc khu vực gọi là New Territories, nơi các nhà thầu xây cất đã phá hủy những di tích lịch sử không nương tay, để xây lên đó những cao ốc đồ sộ. Tại Bắc kinh, Trung Hoa, người dân địa phương đang kêu gọi sự hậu thuẫn của những người còn quan tâm về văn hóa cổ để ngăn cản kế hoạch phá hủy khu nhà cổ là nét đặc thù của mấy ngàn năm văn hiến Trung Hoa. Tại Penang, Malaysia, cư dân địa phương và thiện nguyện viên tại Penang Heritage Trust đang nỗ lực chống lại việc phá hủy những ngôi đền cổ và những ngôi nhà đã được xây cả ngàn năm, nơi ngày xưa người dân thương lưu Trung Hoa, giới cai trị người Anh, và những người buôn gia vị Ả Rập đã từng dùng làm nơi gặp gỡ, và trao đổi sản phẩm. Tại Bandung, thành phố của Indonesia với những tòa nhà trang trí theo kiểu Hòa Lan, được xây vào đầu thế kỷ 20th, những kiến trúc sư đã không ngừng tranh đấu để giữ lại những di tích này. Do sự tranh đấu của họ, chính quyền địa phương đã thông qua một luật mới đòi hỏi những nhà thầu phải xin giấy chấp thuận của thành phố trước khi giật sập bất cứ một kiến trúc nào. Nhờ vào luật này, một số những di tích tại Jakarta đã được bảo tồn.

Cố giữ lại những di tích cổ đã là một điều khó thực hiện. Làm thế nào để bảo tồn những di tích khi phần lớn khu vực xung quanh đã bị hủy hoại? Câu trả lời là bằng cách kêu gọi sự quan tâm của những nhà thầu và kỹ nghệ du lịch địa phương. Tại Singapore, khi nhận ra rằng số du khách sẽ giảm xuống nếu tất cả những ngôi làng cổ hoặc những công thự bị phá hủy, kỹ nghệ du lịch đã cùng với chính quyền địa phương giới thiệu chương trình xây lại những di tích cổ. Dựa vào những sơ đồ cũ, những kiểu tiệm nho nhỏ tượng trưng văn hóa dân tộc Trung Hoa trong khu phố Tàu ở đây đã được xây lại. Tuy cũng có những lời phê bình từ giới chống đối rằng việc bảo tồn kiểu này không để lại được những kỷ niệm một thời vang bóng tại những khu vực "Cổ kiểu mới", nhưng những nhà tranh đấu thì lại cho rằng miễn là được bảo vệ, có di tích đặc thù lúc nào cũng tốt hơn không.

Mặc dù nỗ lực của những người có nguyện vọng bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa cổ chưa đạt được những thành quả đáng kể, nhưng trào lưu mới này hy vọng sẽ được các lân quốc thuộc vùng Á châu Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam, noi theo để giữ lại, hoặc xây lại, những công trình mang tính chất đặc thù của mỗi quốc gia. Và có như thế, những thế hệ tương lai mới có được những di tích, những nền văn hóa để đúc kết thành niềm tự hào của mỗi dân tộc.

ĐẦU VOI ĐUÔI CHUỘT

TRẦN QUÁN NIỆM

Theo bước tử thần

Càng gần cuối năm 1999, những chuẩn bị cho ngày tận thế năm 2000và đại hoạ điện toán Y2K càng ráo riết. Giống như trường hợp của "Tăng Sâm giết người," tin đồn đại nhiều đến nỗi những kẻ bất cầnđời như tác giả bài này, cũng phải nao núng, đành chiều theo yêu sách của bà xã, ra chợ khiêng về đủ thứ: nước uống, gạo mắm, mì gói, và than củi.

Đêm Giao Thừa hồi hộp quá, cả gia đình ngồi quây quần xem TV. (Chẳng dám đi đâu, vì sợ nghẽn đường, về không được, hay loạn lạc nổi lên, hoặc bị KKK bắn giết). Bắt đầu từ sáu giờ chiều, theo rõi bước chân Tử Thần qua khắp các thành phố lớn trên thế giới, vì theo múi giờ, các nước ở phương đông được Giao Thừa viếng thăm trước. Chẳng thấy gì cả, chỉ thấy mừng vui và pháo bông. Cũng yên chí phần nào. 12 giờ đêm tại miền Đông Bắc qua đi trong bình an,. Buồn ngủ ríu mắt, nhưng cũng ráng nửa thức nửa ngủ, chờ đến ba giờ

sáng, xem California có chìm xuống biển nước hay không, mới yên tâm đi ngủ.

Người dân thường đã mừng nhưng về phần chính quyền thì niềm vui lớn lao hơn nhiều. Hoa Kỳ đã lao tâm tổn trí để phòng ngừa phá hoại và chữa trị tận gốc đại hoạ điện toán Y2K từ mấy năm nay. Họ tiêu phí gần 100 triệu Mỹ Kim để chữa chạy con "bọ" Y2K, nhất là trong hệ thống máy điện toán quốc phòng để không có bất cứ một tai họa phát nổ các vũ khí hạt nhân hoặc trục trặc máy điện toán trên phi cơ, tầu chiến, hoặc tại các cơ sở quốc phòng.

Đêm Giao Thừa chỉ có máy điện chạy bằng năng lượng nguyên tử tại Nhật trục trặc chút đỉnh. Còn lại là một vài biến cố nhỏ trên toàn thế giới mà thôi.

Cũng nhờ sự chuẩn bị chu đáo của toàn thế giới mà đêm đã qua đi trong bình yên. Không có một vụ khủng bố, phá hoại. Đêm Giao Thừa, lực lượng cảnh sát chìm nổi, lực lượng an ninh tình báo, bung ra hoạt động ở mức tối đa, thậm chí tại NewYork, chính quyền còn hàn kín các nắp cống trong thành phố cho chắc ăn. Trong tất cả các tiểu bang, chỉ có thành phố Seattle, tiểu bang Washington là hủy bỏ chương trình đón mừng đêm tân thiên niên kỷ.

Rồi một ngày lại như mọi ngày trên trái đất.

Buổi sáng hôm sau

Sáng hôm sau thức dậy, nhìn hành trang va ly quần áo sẵn sàng trong góc nhà, mở tủ thấy đầy nhóc nước uống và đồ hộp, ôm bụng mà cười bò. Càng cười to hơn khi nhìn ra ngoài sân thấy đống củi cao nghễu nghệnh. Cười đã rồi phân vân tự hỏi, thức ăn, nước uống ăn

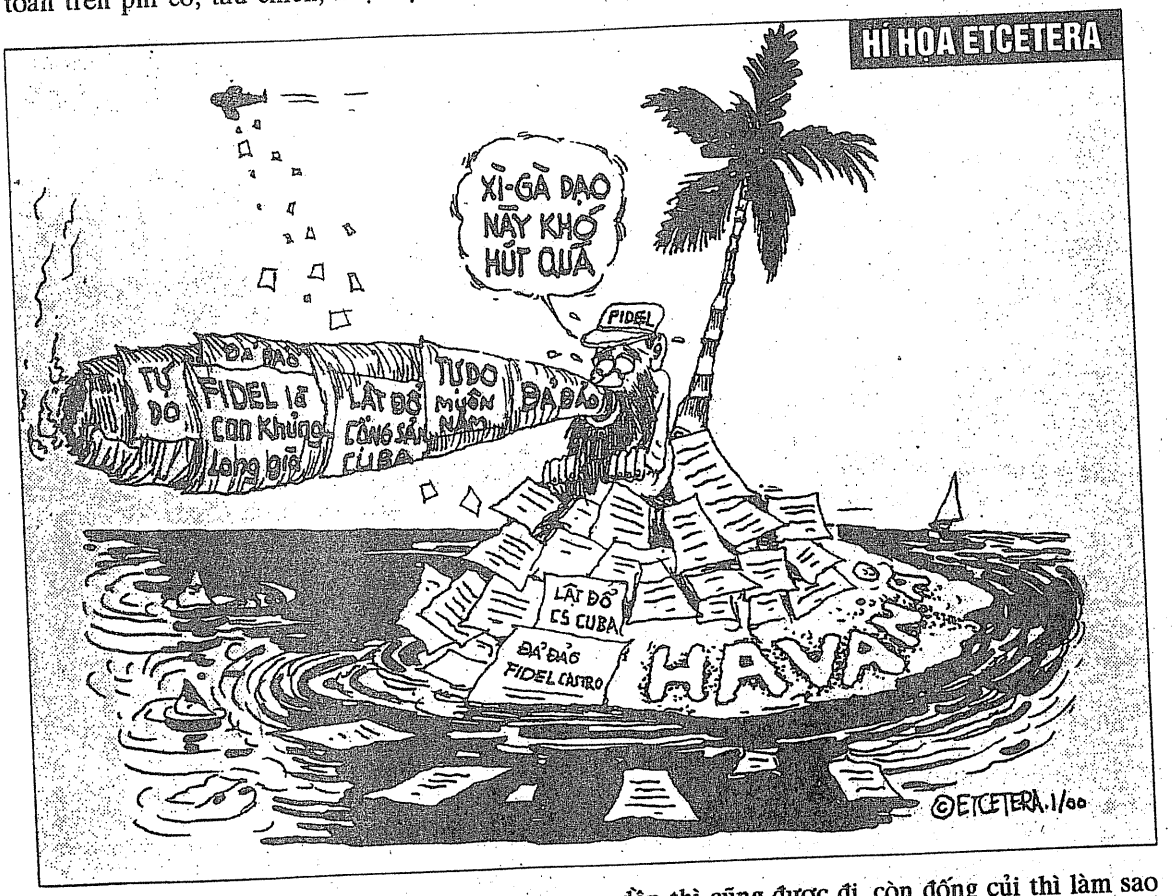

dần thì cũng được đi, còn đống củi thì làm sao đây. Chẳng lẽ chờ đến Y3K. Mà bán sale cũng chẳng ai mua, cho cũng không ai thèm. Bà xã vớt vát: "Thôi chờ thêm đến 29 tháng 2 xem sao. Thế nào computer cũng trục trặc. Lại nghe đâu tận thế có thể xẩy ra vào tháng Năm, khi các hành tinh hôm đó xếp thẳng một hàng. Biết đâu sức nhiễu loạn làm lệch trục trái đất, khiến nó lăn quay ra thì sao." Tôi ậm ừ. Thật chả ra làm sao cả. Chỉ vì tiếc mấy bó củi mà mong chờ bất hạnh xẩy tới hay sao?

Đọc báo thấy có nhiều người chuẩn bị lương thực cho nửa năm trời, còn đi học thêm cách nhổ răng và đỡ đẻ, cùng các khoá cứu

thương và mưu sinh thoát hiểm ngoài thiên nhiên. Hoá ra thiên hạ cũng còn có người cẩn thận hơn mình nhiều.

Cõi sống thừa

Mấy ông bà này, chờ mãi không thấy tận thế xấy đến lấy làm hậm hực lắm vì uổng công chuẩn bị.

Đáng tiếc hay đáng mừng. Tùy từng người thôi. Cũng như người bi quan, nhìn chiếc bánh donut chỉ thấy lỗ thủng, còn người lạc quan thì thấy chiếc bánh.

Riêng kẻ viết bài này, thì mừng húm. Cứ coi như đời mình đã chấm dứt đêm Giao Thừa Dương Lịch, nay được sống thêm, không phải là hạnh phúc sao. Bonus mà.

KINH KHA THỜI ĐẠI MỚI

(TQN)

Trong khi không có gì đáng ghi nhớ trong đêm Giao Thừa, thì sáng 1 tháng 1 năm 2000 Lý Tống lại làm nên lịch sử, gây chấn động hai quốc gia Hoa Kỳ và Cu Ba. Cộng đồng Việt Nam hải ngoại cũng như Cu Ba lưu vong đều tôn vinh ông là anh hùng.

Bảy giờ sáng chủ nhật 1 tháng 1, 2000, ngày đầu của tân thiên niên kỷ và là ngày kỷ niệm 41 năm cách mạng vô sản ngự trị xứ ông râu xồm Fidel Castro, người cựu phi công của Không Lực Việt Nam Cộng Hoà, 51 tuổi, trong bộ đồ phi hành mầu cam, bước lên chiếc máy bay Cessna 172 ông thuê với giá $240.00 (cho 4 giờ) bay tà tà ra biển ở cao độ thật thấp để tránh sự phát hiện của màn ảnh Radar. Đến không phận Havana, ông lượn vòng trên thủ đô và thả 50,000 truyền đơn kêu gọi dân chúng Cuba vùng lên lật đổ chế độ Cộng Sản Fidel Castro.

Radar Hoa Kỳ từ Long Beach California và radar kiểm soát không phận của Cu Ba đều cho hay họ đã theo rõi chuyến bay của Lý Tống từ đầu. Hai chiếc MIG của Cu Ba bay lên theo sát chiếc Cessna và một phản lực cơ F-16 của Hoa kỳ cũng bay lên quan sát phản ứng của hai chiếc MIG. Lời xác nhận của Radar phía Hoa Kỳ thì có thể tin được nhưng về phía Cu Ba thì hơi khó tin vì không có lý do gì Cu Ba lại để máy bay lạ xâm nhập không phận mà không có hành động nào. Bắn hạ máy bay Lý Tống thì không dám vì còn e ngại phản ứng của Hoa Kỳ, nhưng ít nhất họ cũng thừa sức bắt buộc chiếc Cessna hạ cánh để bắt giữ Lý Tống, không cho ông cơ hội thả truyền đơn xuống thủ đô Havana trong một ngày lễ trọng đại của CuBa làm mất mặt chế độ Cộng Sản. Có lẽ không lực CuBa chỉ phát hiện Cessna Lý Tống khi ông này đã ở trên không phận Havana, và khi MIG cất cánh ngăn chặn thì ông đã thả xong truyền đơn và bay ra biển hướng về Hoa Kỳ. (Havana chỉ cách Key West 90 dặm). Lúc đó máy bay Hoa Kỳ đã hộ tống Cessna của Lý Tống trên đường về, nên MIG đành bó tay, nhìn theo trong hậm hực. Rất có thể, một vài vị võ quan chịu trách nhiệm về phòng thủ không phận phải về vườn "ngồi chơi sơi nước" lắm.

Chân mạng Anh Hùng

Dù sao đi nữa Lý Tống cũng là người cực kỳ may mắn, nói theo người Việt Nam thì anh có mạng rất lớn. Năm 1996, không lực CuBa đã bắn hạ hai phi cơ Cessna của Tổ Chức Cứu Trợ Anh Em của người CuBa lưu vong. Hai máy bay này phát xuất từ Miami, thủ phủ của người tá nạn CuBa, xâm nhập không phận Cu Ba. Bốn phi công Cu Ba lưu vong đã thiệt mạng trong biến cố này.

Sau vụ đó Hoa Kỳ đã phản đối mạnh mẽ trên phương diện ngoại giao nên kỳ này Cu Ba dè dặt hơn, không dám bắn hạ máy bay của Lý Tống vì lý do "ném chuột sợ vỡ đồ," nhất là trong lúc Hoa Kỳ và Cu Ba đang gay cấn ngoại giao trong vụ trả lại em bé sáu tuổi Elian Gonzales. May mắn đó khiến Lý Tống sau phi vụ để đời đã bay về an toàn. Dù bị còng tay ngay khi đáp xuống phi trường nhưng ông được trả tự do bốn giờ sau đó. Tuy nhiên ông bị thu hồi bằng lái máy bay vừa được cấp hai tuần lễ trước.

Chính Lý Tống cũng tỏ ra ngạc nhiên là ông đã hoàn thành một phi vụ nguy hiểm mà vẫn sống sót và cuối cùng lại được tự do. Ông tiên đoán số phận ông có thể rất đen tối hoặc bị chết hay bị Cuba cầm tù, nên trước khi đi ông đã gửi một phong thư trong đó có vài tờ truyền đơn, và mấy tấm ảnh đến toà soạn nhật báo Miami Herald tại Miami. Ông cho hay chỉ một số ít bạn bè biết ý định của ông mà thôi.

Xả thân vì chính nghĩa

Được biết Lý Tông hiện sinh sống tại Lousiana, và đang chuẩn bị luận án tiến sĩ ngành chính trị. Nhân chuyến nghỉ hè, ông ghé thăm người bạn tại Miami và đã thực hiện chuyến bay này, sau một tháng trời chuẩn bị. Ông không hề nhận tiền của bất cứ tổ chức

người Cu Ba lưu vong nào để thực hiện phi vụ này. Ông cho hay ông thù ghét chế độ Cộng Sản bạo tàn nên đã có hành động như trên. Ông còn cho biết một ngày nào đó, khi thuận tiện ông sẽ thực hiện những chuyến bay rải truyền đơn tương tự tại Bắc Hàn và Trung Cộng.

Năm 1975 máy bay ông lái bị Cộng Sản Việt Nam bắn rơi. Ông bị tù và sau đó vượt ngục bằng đường bộ trong một hành trình gian lao dài 17 tháng, xuyên qua bốn quốc gia và cuối cùng xin tá nạn chính trị tại toà đại sứ Mỹ ở Thái Lan. Năm 1988 ông định cư tại Hoa Kỳ.

Năm 1992 ông không tặc chuyến bay Air Bus 300 của Thái Lan trên đường bay đến Việt Nam để thả 50,000 truyền đơn xuống thủ đô Sài Gòn kêu gọi dân chúng nổi dậy, xuống đường lật đổ nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam. Ông đeo dù và nhẩy xuống Sài Gòn với ý định lãnh đạo phong trào nổi loạn, nhưng bị bắt và bị cầm tù sáu năm. Năm 1998 ông trở lại Mỹ.

Với quyết tâm trừ gian diệt bạo và một hùng khí bất khuất, Lý Tống đã là một tráng sĩ Kinh Kha của thiên niên kỷ, sẵn sàng hy sinh mạng sống cho chính nghĩa mà ông tin tưởng và theo đuổi. Xin nghiêng mình bái phục.

KHI HOÀNG ĐẾ VỀ HƯU

Về hưu non

Sau một đời tất bật hoặc làm việc mưu sinh, hoặc xây mộng công hầu khanh tướng hay tranh bá đồ vương, đến một tuổi nào đó, người ta cũng phải về hưu, dù người đó có là Tổng Thống nước Mỹ (Vua của các vì Vua trên thế giới) thì cũng thế thôi. Thời gian này là thời gian nhàn tản, thảnh thơi để đi dần vào quên lãng.

Khi tiệc rượu, khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

Tổng Thống Ford nhàn nhã tháng ngày, đánh golf, đọc sách. Tổng thống Reagan, là tài tử xi nê đẹp trai, ăn nói lưu loát là thế, nhưng nay đã thành ông già lú lẫn mất trí nhớ. Tổng thống Carter, lui về nông trại trồng đậu phọng, viết sách, tham gia các công tác từ thiện trong âm thầm. Dư luận không quan tâm đến hoạt động của các ông Tổng Thống về hưu nữa, họa chăng tên tuổi các ngài sẽ sáng chói một lần chót, vào dịp tang lễ của chính mình mà thôi.

Nhưng ông Clinton thì khác hẳn. Năm 2001, ông về hưu non ở tuổi 54, coi như vị Tổng Thống về hưu trẻ nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Tướng ông khoẻ mạnh sung sức như vậy, có nhiều hy vọng ông còn được 20 năm nữa "để yêu và để sống." Do đó người ta tò mò muốn biết hoạt động của ông sau năm 2001, nhất là tọc mạch muốn biết hồi chót của chuyện dài tay ba Bill-Hillary-Monica.

Áo gấm về làng

Gần đây, trong các bài diễn văn nơi công cộng hay qua chuyện vãn lúc trà dư tửu hậu với bạn bè và đàn em thân tín, ông Clinton "bật mí" là ông sẽ lui về quê hương bản quán là Little Rock, tiểu bang Arkansas. Ở đây ông sẽ thiết lập một "Trung tâm Clinton." Ông nói đây là một cơ sở nghiên cứu về phương sách đối phó với các vấn đề nghiêm trọng trên thế giới như hận thù mầu da và chủng tộc chẳng hạn. Trung tâm này tọa lạc trên một khu đất rộng 27 acre với phí tổn xây cất 125 triệu (ông sẽ quyên góp tiền chùa của bá tánh). Ngoài ra ông sẽ bảo trợ một chương trình hậu đại học về ngành sách lược chính trị toàn cầu như là một chi nhánh của trường đại học tiểu bang Arkansas.

Trung Tâm Clinton còn có một Thư Viện Clinton để lưu lại cho hậu thế những công trình để đời của ông trong nhiều năm phục vụ quần chúng (có thể trong một góc nào đó sẽ treo chiếc áo đầm mầu xanh đậm "còn lóng lánh dấu ái ân" chăng).

Ông còn có thể làm cố vấn cho các hãng lớn với số lương vài triệu một năm (các hãng này rất cần tên của ông), hoặc sẽ đi diễn thuyết với giá thù lao trên 100 ngàn một lần. Sở dĩ Clinton dự trù một tương lai bận rộn như thế để kiếm tiền vì ai cũng biết ông nợ như chúa Chổm các khoản tiền luật sư trong những vụ kiện ái tình lem nhem (nhiều quá, không nhớ hết) cũng như trong vụ án "đàn hạch".

Về mặt cư trú, ông sẽ ở tại Little Rock, Arkansas, bà Hillary ở tại New York. Cặp vợ chồng Ngâu này, hàng năm gặp nhau vài lần. Nếu bà đắc cử Thượng Nghị Sĩ, thì lại càng thưa thớt hơn nữa.

Nguồn tin mới nhất vừa tiết lộ sau 1/1/2000 là ông còn có cả dự định ứng cử Thượng Nghị Sĩ tiểu bang Arkansas nữa. Có lẽ để được gần bà Hillary chăng, hay ông vẫn tiếc nuối ánh sáng quyền lực. như các nghệ sĩ nhớ ánh đèn sân khấu vậy. Hãy chờ xem.●

DÂN CHỦ, TÔN GIÁO, VÀ CHỦ THUYẾT MARX

NGUYỄN HOÀI VÂN

Thế kỷ 20 đã nhìn thấy sự thắng thế của khoa học duy lý trên niềm tin tôn giáo, và sự ngự trị gần như toàn diện của chủ thuyết Mác trên trường tư tưởng. Rồi, vào cuối thế kỷ, sau những dọ dẫm của các thập niên 60 và 70, một khuynh hướng tâm linh mạnh mẽ lại nổi lên, khiến có nhà tư tưởng đã phải cho rằng: "Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của tôn giáo..." Đến lượt chủ thuyết Marx phải trải qua một giai đoạn khủng hoảng trầm trọng, do ảnh hưởng của sự phá sản của các nhà nước kế thừa mô hình Staliniste. Tuy nhiên, vì những khó khăn của nền kinh tế tư bản không đưa nổi một phần lớn nhân loại ra khỏi nghèo đói, và ngay tại một số nước giàu mạnh, không giải quyết nổi nạn thất nghiệp, đã khiến cho (bên cạnh khuynh hướng Xã Hội) chủ thuyết Marx lại có những dấu hiệu phục hoạt, trong một hình thái xa lánh những sai lầm tệ hại của mô hình Staliniste và hoàn toàn gắn bó với trào lưu DÂN CHỦ.

Thật vậy, giữa những thăng trầm của thế kỷ 20, có một trào lưu đã không ngừng được củng cố và lớn mạnh, đó là trào lưu DÂN CHỦ. Ngoại trừ những kẻ chủ trương Dân Tộc Chủ Nghĩa Cực Đoan, tất cả các đảng phái, chính quyền, trong thế kỷ 20, đều nhân danh Dân Chủ, mặc dù có khi phản lại Dân Chủ. Dân Chủ có thể được coi như yếu tố thường định của tư tưởng chính trị trong thế kỷ 20.

Vấn đề đặt ra là: tương quan giữa Dân Chủ và các luồng tư tưởng lớn khác trong thế kỷ này ra sao? Người Duy Vật, Duy Lý, người Mác Xít, "người tôn giáo," Duy Linh, quan niệm dân chủ như thế nào trước thềm thế kỷ 21? Và các xã hội loài người ở thế kỷ 21, trong đó có xã hội Việt Nam, sẽ biến thái ra sao trước những quan niệm về Dân Chủ này ?

Dân Chủ và Dân Chủ

Người ta thường đặt tư tưởng Dân Chủ trong một tiến trình khởi phát từ thời Cổ Hy Lạp, truyền đến ngày nay, sau một thời gian dài bị phong kiến và thần quyền lấn áp. Có phải vậy không? Theo tôi, nhận định này không hoàn toàn đúng.

Nền Dân Chủ Cổ Hy Lạp và Cổ La Mã không dựa trên cùng một nền tảng như nền Dân Chủ hiện đại. Tại các đô thị cổ xưa, Dân Chủ là đặc quyền của một số người, bên cạnh những thành phần khác, điển hình là người nô lệ. Tức là: anh được hưởng quyền Dân Chủ vì anh thuộc về một thành phần nào đó, do ở thế ưu thắng của thành phần này trong xã hội, như một thứ phần thưởng tập thể. Nói đến phần thưởng là nói đến sự xứng đáng. Người ta đặt giả thuyết là anh xứng đáng được hưởng Dân Chủ. Nền Dân Chủ cổ xưa hoàn toàn không có tính phổ quát.

Ngược lại, nền Dân Chủ hiện đại gắn liền với khái niệm phổ quát về quyền Con Người. Dân Chủ là một QUYỀN, mọi Con Người đều có quyền đó. Không có vấn đề xứng đáng, không có khái niệm ưu thắng, Dân Chủ không phải là một phần thưởng, anh có quyền Dân Chủ vì anh là một Con Người, thế thôi.

Đây chính là một quan điểm hoàn toàn cách mạng trong tư tưởng Dân Chủ của thời hiện đại. Quan niệm đạo đức thông thường mà cha mẹ ông bà chúng ta thường dạy bảo là: ai xứng đáng, tốt lành, có công lao thì được tưởng thưởng, được hưởng thụ những quyền lợi

tương xứng với giá trị của người ấy. Trong quan niệm Dân Chủ hiện đại thì anh chẳng cần có công trạng chi với xã hội, thậm chí chẳng cần là người tốt, anh vẫn có quyền được hưởng Dân Chủ như thường. Khi người ta đổ quân vào giúp người Kosovo, không ai đặt vấn đề những người này có xứng đáng hay không, có tốt lành hay không, mà chỉ đặt vấn đề quyền làm người của họ, gắn liền với những quyền Tự Do Dân Chủ.

Quan điểm một quyền phổ quát, không màng đến giá trị tốt xấu của cá nhân được hưởng quyền này, đặt ra một vấn đề phải giải quyết: dựa trên căn bản nào mà chúng ta quả quyết được sự hiện hữu của quyền ấy? Vấn đề trở nên gai góc khi sự quả quyết trên bắt buộc chúng ta đem một phần đáng kể năng lực và tài nguyên ra để bảo vệ cho nó, và càng gai góc hơn nữa khi nó đòi hỏi chúng ta phải hy sinh mạng sống của mình hay của con em mình để cứu vãn nó, khi nó bị đe dọa. Một suy tư thuần lý có thể đi đến được kết luận này hay không? Có đủ để bắt anh phải lên đường đem sinh mạng của mình ra mà chiến đấu cho quyền được hưởng Dân Chủ của những con người mà anh không biết là tốt hay xấu, xứng đáng hay tồi bại, không? Hay phải cần đến một khái niệm siêu hình nào đó?

Dân Chủ và Tôn Giáo

Nói đến một quan niệm siêu hình, người ta nghĩ ngay tới tôn giáo. Và quên rằng các tư tưởng gia về dân chủ, từ Hobbes, Locke đến Montesquieu và Rousseau, đều coi tôn giáo, đặc biệt là Giáo Hội Công Giáo, như trở lực chính yếu của dân chủ. Đặt sang một bên những vấn đề quyền lợi thế tục, khiến cho một số giáo quyền trước đây không muốn ủng hộ Dân Chủ, chúng ta có thể nghĩ được rằng trở ngại chính cho Dân Chủ nơi Giáo Hội Công Giáo nằm ở chỗ: trong bản chất Giáo Hội này là một tôn giáo mặc khải. Tức là có người nào đó được đón nhận Sự Thật từ chính Thiên Chúa truyền cho, và từ đó nói chuyện với mọi người khác nhân danh Thiên Chúa. Như thế tức là: một người nói, mọi người khác chỉ có quyền nghe và tuân phục. Anh làm sao cãi lại được một Chân Lý đến trực tiếp từ Thiên Chúa? Ngoại trừ trường hợp anh là "con cái của ma quỷ" ! Chẳng lý luận sâu xa, cũng thấy được rằng cây dân chủ rất khó mà bén rễ được một cách chắc chắn trên nền tảng này. Với thời gian, vì lý do tương quan lực lượng ngày càng bất lợi cho Công Giáo, người ta tách rời thế quyền với thần quyền, và đẩy Giáo Hội xa dần sự quản trị xã hội. Ngày nay, từ xa, Giáo Hội Công Giáo có thể ủng hộ Dân Chủ một cách quả quyết, như chúng ta thường thấy.

Bên cạnh Công Giáo La Mã, trong hệ thống Ky Tô Giáo chủ yếu phải kể đến các Giáo Hội Tin Lành. Một điểm khác biệt quan trọng giữa hai chi phái này là Tin Lành đã biến đổi khái niệm mặc khải để cho phép mỗi người tự tìm hiểu và giải đoán Thánh Kinh theo lương tâm của riêng mình. Vì thế mới nảy ra hàng trăm Giáo Hội Tin Lành khác nhau. Có nhà thần học đã ví các Giáo Hội Tin Lành như một bầy con ngồi trong một bàn tiệc vắng bóng người cha. Tức là các anh em tụ họp lại đều ai cũng như ai, không có người "phán bảo" và những kẻ khác phải tuân phục. Tinh thần này rất thuận lợi cho sự nảy sinh của Dân Chủ. Có thể không lầm lẫn bao nhiêu khi cho rằng Dân Chủ đã nảy sinh từ tầng lớp trung lưu Tin Lành. (1)

Đối với người Việt Nam chúng ta thì cũng cần khảo sát tương quan giữa Dân Chủ và Phật Giáo. Trong bản chất thì Phật Giáo là một Đạo thực nghiệm, chứ không đặt nặng sự mặc khải từ bên ngoài. Phật "nói," qua kinh điển, nhưng anh không bắt buộc phải tin, mà chỉ được mời gọi thực nghiệm qua công phu tu tập của chính anh. Đây cũng là một nền móng tốt cho sự xây dựng Dân Chủ. Vả lại, một số sử gia đã cho rằng Đức Thích Ca sanh trong một đô thị được quyền tự trị giữa các vương quốc lớn chung quanh, và sinh hoạt theo thể chế... dân chủ! (2)

Mặc dù Ky Tô Giáo đã có lúc là một trở lực đối với Dân Chủ, tôi vẫn nghĩ quan niệm hiện đại về Dân Chủ chịu ảnh hưởng rất nhiều nơi sự giảng dạy của Đức Ky Tô và những nhà tư tưởng kế thừa Ngài. Khi cho rằng mọi người đều làm một với Ngài, và Ngài làm một với Thiên Chúa, Đức Ky Tô đã cho mọi con người một Thiên Tính. Và mọi con người đều phải được quý trọng vì Thiên Tính ấy. Quyền Con Người hiển lộ, một cách phổ quát, một cách linh thiêng, vì gắn liền với Thiên Chúa. Và vì gắn liền với Thiên Chúa, quyền ấy thoát khỏi sự phán xét của những người khác ("các anh đừng phán xét," như lời Phúc Âm). Quyền ấy vượt khỏi sự phân biệt "tốt - xấu." (3)

Quan điểm "Phật tính trong mọi người," hay "Phật là chúng sinh, chúng sinh là Phật" của Phật Giáo cũng rất gần với tư tưởng trên.

Như thế, với một quan niệm siêu hình về Con Người đến từ Ky Tô Giáo trên mặt lịch sử, và phù hợp hoàn toàn với tư tưởng Phật Giáo (cũng như các tôn giáo lớn khác - không bàn đến ở đây), người ta có thể quả quyết tính phổ quát của quyền Dân Chủ nơi mọi con người.

Dân Chủ, thuyết Duy Vật và chủ nghĩa Marx

Bây giờ giả sử anh là người duy lý, duy vật, thậm chí Marxiste, trong thâm tâm anh phủ nhận mọi lý luận siêu hình kể trên, thế thì anh quan niệm DÂN CHỦ ra sao? Làm sao hình dung được tính phổ quát của nó?

Một giải pháp đơn giản là anh không quan niệm Dân Chủ như một giá trị phổ quát. Đó là trường hợp của những người Staliniste và của trường phái triết học Althuser với triết lý Phi Nhân. Quý vị này coi bản chất con người là "sự tổng hợp của những tương quan xã hội" (4), hay nói cách khác là được tạo thành từ các điều kiện vật chất trong đó mình sinh sống. Vì những điều kiện vật chất, cũng như những tương quan xã hội khác biệt tùy theo thời đại, nơi chốn, giai cấp v.v... nên sanh ra những con người trong bản chất hoàn toàn khác nhau. Thật ra, người ta quy kết các sự khác biệt vào Lịch Sử, xóa nhòa sự khác biệt trong địa dư, với giả thuyết rằng: ở mọi nơi, Lịch Sử đều diễn tiến theo cùng một quy trình, với những giai đoạn được phác họa bởi Marx và Enghels. Tuyên Ngôn Đảng CS lại cho rằng "Lịch Sử là lịch sử đấu tranh giai cấp," nên sự khác biệt trong bản chất giữa những con người, chủ yếu là do ở giai cấp. Như thế, con người ở giai cấp này với giai cấp khác, trong bản chất, hoàn toàn khác nhau, như những loài sinh vật khác nhau, như con kiến với con bò vậy. Người ở giai cấp này có quyền giết người ở giai cấp khác như con bò đạp con kiến, hay như anh có quyền ăn con bò (và đồng thời đạp con kiến) mà không hề mang lỗi lầm trên phương diện đạo đức. Khi "đồng chí" Pol Pot, sau khi "dzui" học ở Pháp về, đem lùa tất cả dân thành thị, không thuộc giai cấp công nông, vào những nơi giết người tập thể, để kiến tạo một "xã hội mới" chỉ đơn thuần với giai cấp công nông, thì "đồng chí" này đã áp dụng một cách triệt để thuyết Phi Nhân của Althuser, và tự đặt mình trong truyền thống Staliniste thuần khiết. Lý luận này đương nhiên là phủ nhận sự hiện hữu của "Con Người nói chung" (Phi Nhân) và những giá trị phổ quát liên quan đến khái niệm ấy, như Nhân Quyền hay Dân Chủ chẳng hạn. Quan điểm của họ về Dân Chủ trở lại rất gần với quan niệm Dân Chủ của cổ Hy Lạp, tức là gắn liền với một giai cấp xã hội.

Các nhà tư tưởng Marxiste Nhân Bản cho rằng quan điểm Phi Nhân nói trên phản lại Sử Quan Duy Vật của Marx. Đành rằng con người là sản phẩm của những yếu tố vật chất trong môi trường của mình, nhưng con người không chỉ hình thành từ một giai cấp trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Con người có Sử Tính của nó. Tức là nó cũng được quy định bởi những gì đã qua, ảnh hưởng trên nó trong hiện tại qua những điều kiện vật chất. Những gì đã qua là tất cả quá trình hình thành xã hội và giai cấp trong đó nó đang sống. Ngược giòng thời gian, theo những giả thuyết của Marx và Enghels, chúng ta gặp những xã hội Tư Bản, Phong Kiến, v.v... và rốt cuộc là xã hội Cộng Sản Nguyên Thủy, ở thời sơ khai của loài người, trong đó không có tư hữu, không có hàng hóa, và mọi thành viên đều "làm việc theo khả năng, hưởng thụ theo nhu cầu." Vậy, mọi con người đều mang trong bản chất của mình những ảnh hưởng của cái xã hội Cộng Sản Nguyên Thủy ấy, di truyền qua thời gian. Xa hơn nữa, loài người, trong quá trình tiến hóa, đến từ loài khỉ, từ loài có vú bốn chân, loài bò sát, loài cá, v.v... cho đến

những vi khuẩn nguyên thủy. Trong bản chất của anh có những dấu vết của quá trình tiến hóa đó, thí dụ trong y khoa thường nói đến não bộ "bò sát" (cerveau reptilien) để chỉ một vùng trong óc của mỗi người chúng ta. Rồi mỗi con người trong sự hình thành bản thân mình đều bắt buộc phải trải qua những giai đoạn tiến hóa riêng: từ một tế bào, đến một thai nhi sống trong một bọc nước, rồi một đứa bé bò bốn chân, v.v... Ý thức của anh có thể cũng được hình thành qua ảnh hưởng của tiến trình đó, tức là khi anh là một tế bào thì anh có ý thức của một con vật đơn bào, như một vi khuẩn, đến khi trở thành một thai nhi sống trong nước ý thức của anh tương tự như ý thức của một con cá, sau khi sanh, ý thức của anh tương tự như của loài bốn chân, đến khi biết sử dụng bàn tay, trở thành tương đương với ý thức của khỉ, rồi khi có tiếng nói mới phát huy ý thức thuần túy của con người. Nhiều nhà nghiên cứu cũng cho rằng môi trường gia đình trong đó đứa trẻ sinh sống trước khi đi học chính là một xã hội Cộng Sản Nguyên Thủy, trong đó mọi thành viên cũng "làm việc theo khả năng, hưởng thụ theo nhu cầu," và mọi "phương tiện sản xuất" đều của chung. Như thế, đứa bé trước khi đến trường, sống trong ý thức của những tương quan xã hội Cộng Sản Nguyên Thủy. Tất cả những ý thức, từ vi khuẩn, đến cá, đến Cộng Sản Nguyên Thủy, góp phần vào việc hình thành bản chất của mỗi người chúng ta, không phân biệt giai cấp, địa phương hay thời đại. Tóm lại mọi Con Người đều có cùng một bản chất, trước khi có những ý thức về giai cấp (hay địa phương, hay lịch sử). Không thể coi con người ở giai cấp này với giai cấp khác như thuộc về những "loài" khác nhau. Tóm lại qua một lý luận duy vật, không cần tìm đến những khái niệm linh thiêng, người ta đi đến một quan niệm rõ ràng về Con Người Nói Chung, và biện minh được cho những quyền phổ quát của Con Người, cho Nhân Quyền và Dân Chủ. (5)

Dân Chủ trong thực tế áp dụng

Nếu Dân Chủ có thể được những người Duy Linh, Duy Lý, Duy Vật, Duy Tâm, Xã Hội, Marxiste, những người làng nhàng Duy đủ thứ, hay chẳng Duy gì cả... công nhận là một quyền phổ quát, thì vấn đề còn lại chính là thực hiện Dân Chủ cách nào để tránh cho những người kể trên phải đập nhau bưu đầu sứt trán vì một điều mà họ cùng tôn trọng, cùng quyết tâm bảo vệ?

Vấn đề không đơn giản. Người Marxixte cho rằng nền Dân Chủ Tư Sản luôn tạo lợi thế cho người Tư Sản tiếp tục cai trị xã hội. Tức là nền Dân Chủ Tư Sản không thực sự Dân Chủ. Nền Dân Chủ mà chủ thuyết Marx đề nghị là một nền Dân Chủ trực tiếp, đặt nền tảng trên những Ủy Ban Nhân Dân, Ủy Ban Thợ Thuyền, Nông Dân. Loại Dân Chủ này đưa đến một tình trạng tự quản trị. Người dân, thợ thuyền, nông dân, ở mỗi đơn vị, tự quản lý đời sống và công việc làm của mình. Nhà nước chỉ quản lý những lãnh vực người dân chưa quản lý được qua các Ủy Ban kia. Dần dần, vai trò của các Ủy Ban tự quản tăng lên, và vai trò của Nhà Nước biến dần đi. Xã hội Marxiste là một xã hội trong đó vai trò của Nhà Nước, ngay từ giây phút đầu tiên, luôn một ngày một giảm bớt để đến một lúc nào đó không còn cần thiết nữa (6).

Chúng ta thấy ngay là điều này mâu thuẫn trầm trọng với thực trạng tại các nước Cộng Sản theo mô hình toàn trị Staline, như Việt Nam. Tại các nước này, vai trò của Nhà Nước không bao giờ giảm bớt, mà xen vào áp chế tất cả các lãnh vực sinh sống của người dân. Các đảng cầm quyền Stalinien cũng dứt khoát cấm tuyệt việc thành lập các Đảng phái đối lập, với chiêu bài bảo vệ nền chuyên chính của một giai cấp. Thật ra, những người cầm quyền ấy chỉ bảo vệ chính họ, ngôi vị và đặc quyền của họ. Trotsky đã khẳng định: "Người ta sẽ không bao giờ thấy trong lịch sử hiện tượng một đảng độc nhất thay mặt cho một giai cấp độc nhất" (*Cuộc cách mạng bị phản bội*). Các nhà tư tưởng Marxiste trong hệ thống này khẳng định nhu cầu cần đa đảng, kể cả với những đảng phái tư sản, trong tất cả các giai đoạn xây dựng xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa (7).

Để trả lời chủ trương Dân Chủ trực tiếp và tự quản lý của các nhà Marxiste chân chính, các lý thuyết gia Tư Sản cho rằng: vẫn biết Dân Chủ trực tiếp là hình thái Dân Chủ cao nhất, nhưng trên mặt kỹ thuật, nó không thể áp dụng được. Và, viện dẫn những lý do kỹ thuật, họ tuyên bố vẫn gắn bó với nền Dân Chủ gián tiếp, theo những phương thức mà chúng ta đều biết, mặc dù những khuyết điểm của mô thức này, như :

- sự hình thành một giai cấp chính trị gia chuyên nghiệp xa rời những quan tâm của người dân, và thỏa hiệp với nhau để bảo vệ đặc quyền của mình

- sự ưu thắng của các thế lực tiền bạc trong việc sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng để hướng dẫn dư luận, ảnh hưởng vào các cuộc bầu cử

- các người ra ứng cử luôn là những người giàu có, hoặc được những thế lực tiền bạc đứng sau lưng yểm trợ, để sau đó bị ràng buộc với những quyền lợi của các thế lực này

- giữa những cuộc bầu cử, người dân bị hạn chế quyền tham dự vào việc quản trị quốc gia, dù cho có những vấn đề xã hội trọng đại

- việc vận động hành lang thể hiện quyền lợi của những nhóm áp lực, không nhất thiết đáp ứng nhu cầu và quyền lợi của đa số nhân dân

- chính quyền có thể áp dụng những thủ thuật hợp pháp để tự tạo ưu thế cho mình trong các cuộc bầu cử, như ban hành những biện pháp mỵ dân trước khi bầu cử, hay giải tán quốc hội vào những thời điểm thuận lợi (Thatcher, Chirac ...), v.v...

- thành phần mỵ dân cơ hội chủ nghĩa có nhiều lợi thế để đạt đến chính quyền và thao túng sự quản trị quốc gia, đi ngược lại quyền lợi của người dân (trường hợp Eltsine, Poutine ...)

- các đảng lớn thao túng các cuộc bầu cử khiến các ứng cử viên độc lập hay thuộc các tổ chức nhỏ gần như không thể được bầu, kể cả trong những cuộc bầu cử địa phương, và thao túng sinh hoạt nghị trường từ cấp quốc gia đến cấp địa phương, với kỷ luật bầu cử, như ở Pháp, bó buộc các người dân cử phải bầu theo chỉ thị của đảng.

Xã hội công dân

Những người chủ trương Dân Chủ trực tiếp, nếu không nắm được chính quyền (trên lý thuyết phải qua một cuộc cách mạng), thì tư tưởng của họ trong xã hội vẫn có thể đóng một vai trò quan trọng. Đó là hạn chế những khuyết tật của mô hình Dân Chủ Nghị Trường vừa nói ở trên. Thí dụ: hoạt động Nghiệp Đoàn hạn chế những tác hại trên đời sống thợ thuyền, và phần nào giúp thợ thuyền tham gia vào sự quản trị xí nghiệp của mình, các cuộc bầu cử địa phương cấp nhỏ trong bối cảnh một chính sách tản quyền có thể hy vọng thoát khỏi sự kềm chế của các đảng phái lớn để thực sự lo đến các vấn đề đặc thù của địa phương, v.v...

Tuy nhiên, quan trọng nhất có lẽ là sự hình thành một Xã Hội Công Dân, với sự bộc phát của những nhóm người tự nguyện đứng ra giải quyết một vấn đề xã hội thực tế. Xã Hội Công Dân là tổng hợp của tất cả những gì không thuộc về chính quyền. Nó đáp ứng với lý tưởng giảm thiểu vai trò của Nhà Nước, cùng với quan niệm tự quản trị. Đó chính là Dân Chủ trực tiếp trong lòng một xã hội áp dụng Dân Chủ Nghị Trường. Nó có thể làm lùi bước quyền hành, hay những thế lực tiền bạc. Có nhiều dấu hiệu cho thấy Xã Hội Công Dân sẽ phát triển mạnh trong thế kỷ 21.

Tại những nước toàn trị như Việt Nam, Xã Hội Công Dân, được hiểu như một tiền đề của cách mạng, đương nhiên là bị đàn áp khắt khe. Những sinh hoạt như hiệp hội, nghiệp đoàn, hợp tác xã tư nhân, chương trình phát triển cộng đồng, chưa thể hình thành được vì sự cấm đoán của chính quyền. Kẽ hở duy nhất, hữu hiệu nhất, trong khi chờ đợi, chính là: TÔN GIÁO.

Chính quyền cũng biết vậy!

18/12/1999

1. Vì sao trung lưu ? Vì nếu nghèo quá anh không thể có những quyết định độc lập, mà luôn bị sự thiếu thốn nó đè nén, ép buộc anh trong những sự chọn lựa. Ngược lại nếu giàu quá thì anh dễ bị cám dỗ đem tiền bạc ra thao túng xã hội... Vì thế một tầng lớp trung lưu mạnh là một trong những điều kiện để phát triển Dân Chủ, ít ra là trong một xã hội Tư Sản.

2. Louis Frédéric - *Bouddha en son temps* - Ed Félin.

3. Khi Thánh Phao Lồ nói: Các anh là đền thờ của Thánh Thần Thiên Chúa, ngài không hề bảo: các anh hãy cố gắng ăn hiền ở lành, trở nên những con người tốt, để trở thành đền thờ của Thánh Thần Thiên Chúa, mà hàm ý các anh vốn đã là đền thờ của Thánh Thần Thiên Chúa, mặc dù các anh tốt hay là xấu.

4. Hiểu sai lạc một câu của Marx trong Luận Cương VI về Feuerbach

5. Thật ra, giả sử Thiên Chúa tạo dựng nên con người, qua tiến trình tiến hóa (được Giáo Hội Công Giáo thừa nhận), thì trước giai đoạn đầu tiên của quá trình tiến hóa, tức giai đoạn siêu vi khuẩn hay ADN, hay chi đó, thì ý thức của anh là gì? Có phải là chính ý thức của Thiên Chúa hay không? Vậy phải chăng chính ý thức của Thiên Chúa là khởi điểm của sự cấu thành bản chất con người?

6. Lénine toàn tập - Tập 25.

7. Đọc Vũ Gia Minh : *"Dân Chủ Xã Hội Chủ Nghĩa..."* Tủ sách Nghiên Cứu - 1999 - Liên lạc : BP 246 - 75224 Paris cedex 11.

LẼ CÔNG BẰNG ĐỐI VỚI NGƯỜI THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

ĐOÀN THANH LIÊM

Trong đại gia đình Dân tộc Việt Nam hiện nay vào khoảng gần 80 triệu, thì có đến 10 triệu là các sắc dân thiểu số như người Hoa, Khmer, Chăm (thường gọi là Chàm) và chừng 50 sắc dân thiểu số như người Thái, Nùng, Mường, Tày... tại Phía Bắc, và người Rhade, Jarai, Bahnar, Edê... tại phía Nam.

Trong suốt quá trình mở mang bờ cõi qua cuộc Nam tiến từ thời đại Lý, Trần cho đến thời Chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chính quyền Việt Nam đã lần lượt chiếm hết đất đai của Chiêm Thành, xóa sổ luôn cả vương quốc này vốn xưa kia ngự trị trên dải đất miền Trung Việt Nam ngày nay. Rồi sau đó, ta tiến vào khu vực Đồng Nai chiếm luôn nước Thủy Chân Lạp của người Miên. Tình trạng mở mang bờ cõi này cũng giống hệt như việc người da trắng từ Âu Châu qua lấn chiếm đất của thổ dân Indians tại châu Mỹ này vậy.

Kết cục là sắc dân Việt chúng ta đã hưởng lợi rất nhiều. Trong khi đó, thì một số không nhỏ người Chăm đã phải vượt biển qua đảo Hải Nam và xuống các đảo phía Nam ở Mã-Lai, Nam Dương, còn một số thì dạt qua Cambodia. Số đông ở lại thì tập trung tại mấy tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và một phần ở tận Châu Đốc sát biên giới Miên. Tổng số người Chăm hiện còn lại trên đất Việt Nam chỉ còn chừng 100.000 - 150.000 người. Về phần người Khmer, thì còn lại đông hơn, đến khoảng 1.000.000 người, đại bộ phận ở hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh thuộc đồng bằng Cửu Long.

Người Hoa thì khác, họ là người từ bên Tàu qua ngụ cư ở Việt Nam từ nhiều thế kỷ nay, và ở miền Nam đông hơn ở miền Bắc. Hiện còn đến một triệu người Hoa. Với sự năng động, tháo vát trong kinh doanh, người Hoa phần đông có mức sống sung túc thịnh vượng hơn hẳn người Việt. Người Hoa rõ rệt là sắc dân thành công nhất trong nhóm người thiểu số ở Việt Nam. Bây giờ họ được Trung Quốc bênh vực, lại kết hợp làm ăn với Đài Loan, Hồng Kông, Singapore nên càng vững vàng

Riêng về phần các sắc dân ở miền núi và cao nguyên, thì phần đông còn phải sống trong những điều kiện rất ngặt nghèo thấp kém, một số còn chưa có chữ viết. Với tài nguyên Ngân sách eo hẹp hạn chế, chính quyền trung ương cũng như ở địa phương các tỉnh, vẫn chưa giúp cải thiện mức sống và lề lối sinh hoạt được bao nhiêu đối với nhu cầu cấp thiết trên bảy triệu người thuộc 50 sắc dân này. Trong khi đó, thì do áp lực bùng nổ dân số mỗi ngày một mạnh, nên người Kinh đa số chúng ta trước vẫn ở đồng bằng, giờ đây đã đổ xô lên các vùng cao để làm ăn lập nghiệp, và đạt nhiều thành công trong việc khai thác Cao Nguyên. Do đó đã vô tình gây ra nhiều thiệt thòi cho các người thiểu số vốn chậm chạp, chất phác, không bắt kịp những đòi hỏi khắc nghiệt của nền kinh tế hiện đại, luôn đòi hỏi phải đầu tư về vốn, kỹ thuật và tiếp thị rất cao.

Những uất ức, bất mãn hậm hực tích lũy của các thành phần thiểu số gộp lại có đến trên 13% trong Đại gia đình Dân tộc ấy, đã nhiều lần bùng nổ thành những cuộc tranh đấu bạo động gay gắt. Cụ thể như Phong Trào Fulro ở cao nguyên Trung phần. Fulro là tên viết tắt từ tiếng Pháp "Front Unifié de la Lutte des Races Opprimées," tức là Mặt Trận Thống Nhất Tranh Đấu của các Sắc Tộc Bị Áp Bức. Ngay danh xưng của nó đã cho ta thấy là các sắc tộc này ý thức rõ rệt là mình bị người Kinh áp bức, đè nén, do đó phải đoàn kết, tập hợp lại để mà tranh đấu chống lại sự áp bức đó. Fulro đã phát động từ những năm 1964-65, bị dẹp tan. Nhưng sau 1975 họ lại tập hợp và hoạt động nữa, để rồi lại bị thẳng tay đàn áp. Nhưng trong thực tế, sự bất mãn, uất ức vẫn còn âm ỉ trong lòng các sắc tộc thiểu số ở cao nguyên và miền núi suốt từ Bắc vào Nam. Và tình trạng căng thẳng này luôn luôn được các thế lực ngoại bang xa gần khai thác, lợi dụng để làm lợi theo ý đồ riêng tư của họ. Mối nguy

tiềm ẩn này là một đe dọa lớn lao cho sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và cho cả sự ổn định, hài hòa, gắn bó trong cộng đồng dân tộc.

Cả với người Khmer cũng vậy. Sau năm 1975 đã có cuộc nổi dậy tranh đấu vũ trang của họ, tiến chiếm một số địa phương ở Trà Vinh... Mặc dầu sau đó cũng bị dẹp tan, nhưng sự bất mãn, căng thẳng vẫn âm ỉ còn đó, mà ta không thể nào dùng bạo lực đơn thuần giải quyết dứt khoát và thỏa đáng được. Các xung đột đẫm máu vì lý do chủng tộc ở Nam Tư, Nam Dương ở Phi Châu hiện nay là một bài học rất đắt giá, mà ta phải lo xa phòng ngừa cẩn thận để tránh cho Đất Nước chúng ta khỏi nguy cơ đổ vỡ như thế.

Những điều trình bày trung thực trên đây, chỉ nhằm nêu lên một sự kiện thực tế là: Vẫn còn những bất công đầy dẫy do lịch sử để lại, cũng như do công cuộc phát triển kinh tế xã hội hiện nay phát sinh ra, mà nạn nhân lại chủ yếu là các sắc dân thiểu số ở rải rác khắp nơi trên đất nước Việt Nam chúng ta. Thuộc thành phần người Kinh chiếm đa số 87% trong cộng đồng dân tộc, chúng ta phải có sự can đảm và thành khẩn nhận trách nhiệm về các hành động của cha ông ta trước đây, và nhất là của chính thế hệ chúng ta ngày nay, đã gây ra những sự thiệt thòi to lớn không những về vật chất kinh tế, mà còn cả về văn hóa tinh thần cho các sắc dân thiểu số đang cùng chung sống trên mảnh đất quê hương hình chữ S này. Để rồi cùng nhau tìm ra những giải pháp thích đáng cho vấn đề gai góc đó.

Trong ý hướng góp phần vào việc bảo đảm sự thống nhất Đất Nước, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và xây dựng sự liên đới hài hòa giữa các sắc tộc, người viết xin lược ghi ra một vài gợi ý chủ yếu như sau đối với người Việt hải ngoại:

* Thứ nhất, ta cần tìm cách thu thập, ghi nhận, tìm hiểu những "khiếu nại" (complaint), những oán trách (grievance) phản ánh sự bất công thiệt thòi mà các người thiểu số phải chịu đựng. Cần tìm hiểu những chi tiết cụ thể của từng địa phương, từng sắc tộc. Muốn nắm bắt được vấn đề, ta phải liên hệ thân thương được với chính những người đại diện đáng tin cậy của các nạn nhân, để họ thẳng thắn trao đổi với ta về những sự việc, những uẩn khúc tế nhị, mà chỉ có thể được tiết lộ trong vòng thân mật. Cần phải biết lắng nghe tâm sự của họ và cùng với họ phân tích, tìm kiếm cho được giải pháp thỏa đáng. Nói gọn lại là phải có sự hợp tác chân tình từ cả mọi phía, thì mới hy vọng đạt kết quả mong muốn. Đàng khác, ta cũng nên tham khảo kinh nghiệm của các nước trong vấn đề liên hệ đến sắc tộc thiểu số, để góp phần dựng chính sách tiến bộ hợp thời cho nước nhà. Cụ thể ở Mỹ, Canada, Úc châu.

* Thứ hai: Ta phải bắt tay ngay vào các công tác cụ thể, tích cực, nhằm giúp đỡ về y tế, giáo dục, dạy nghề và trợ giúp họ trong việc tăng gia lợi tức gia đình tại các địa phương. Phải tham gia vào hàng ngàn, hàng vạn những mini-projects mang lại ích lợi cụ thể thiết thực cho địa phương, ví dụ như cấp học bổng cho học sinh, cấp vốn nuôi gia súc, giúp vốn ban đầu cho những mini-business v.v... Muốn cho công việc trôi chảy, ta phải tìm những "đối tác đáng tin cậy" nơi những tổ chức xã hội đang hoạt động tại chỗ (NGO = non-governmental organizations). Bắt đầu bằng những dự án khiêm tốn, rồi lần hồi rút kinh nghiệm để phát triển rộng lớn thêm. Thực tế đã có một số nhóm trẻ ở hải ngoại tham gia vào loại việc này. Nay cần khích lệ để có được sự tham dự đông đảo hơn nữa, phong phú hơn nữa.

* Thứ ba: Vì vẫn còn sự nghi ngờ về ý đồ "diễn biến hòa bình," đặc biệt đối với các sắc dân miền cao nguyên, nên ta phải hết sức thận trọng khôn khéo. Không nên nóng vội, khiến làm hư hỏng công việc, làm nhụt chí của người thiện tâm. Do đó, người từ hải ngoại về phải đóng vai trò hết sức khiêm tốn, mờ nhạt để dành vai trò chủ động cho người địa phương tại chỗ. Nên thực tâm chia sẻ đóng góp với anh chị em bên nhà, trong các dự án do chính họ thiết lập và điều hành, chứ không nên quá hăng say mà bao sân bao biện, áp đặt lề lối làm việc của mình, tự coi mình là "chủ nhân" của dự án, như trong lãnh vực làm ăn kinh doanh sinh lời. Các tổ chức y tế, xã hội, giáo dục do Phật giáo, Công giáo, Tin Lành trong nước bảo trợ rất đáng được khuyến khích yểm trợ để hoạt động cho có hiệu quả tốt.

Trên đây, chỉ là vài nét phác họa rất đại cương nhằm nêu lên vấn đề "Công bằng xã hội đối với Người Thiểu Số" ở nước ta. Người viết xác tín rằng vẫn còn nhiều bất công, bất mãn uất ức nơi những nạn nhân là người thiểu số yếu kém trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Từ đó, người Kinh đa số cần phải tìm cách bồi thường, "trả món nợ" từ lâu đời đối với thiểu số nạn nhân đó. Nhất định ta không được coi đây là một thứ "từ thiện, ban ân bố thí" cho người kém cỏi, mà là một nghĩa vụ công bằng xã hội đối với các nạn nhân của những việc làm sai trái do chúng ta gây ra hậu quả tai hại. Đây chỉ là một gợi ý để bạn đọc trao đổi, thảo luận thêm. Người viết rất mong có được "feedback" của tất cả các bạn đọc.●

Cali, Ngày đầu năm 2000

TIẾP TỤC CUỘC PHỎNG VẤN CÒN DỞ DANG...

TRẦN THANH HIỆP

Để tưởng niệm Lê Đình Điểu, người đã sốt sắng dự tính cùng với người Việt tị nạn đưa ra trước ánh sáng tội ác cộng sản, tôi xin được trở lại cuộc phỏng vấn cấp tốc mà Lê Đình Điểu đã thực hiện vào lúc bệnh tình của anh dường như không có cơ thuyên giảm nữa. Trước khi phỏng vấn, chúng tôi có hẹn nhau là sẽ bổ túc thêm. Nhưng tiếng nói của Điểu đã tắt! Tôi giữ nguyên một số câu hỏi Điểu đã đặt cho tôi mà vào thời điểm cuộc phỏng vấn tôi chưa thể trả lời đến nơi đến chốn. Tôi coi đó là một món nợ tinh thần của tôi đối với người quá cố. Cho nên mới có bài viết không theo thể loại thuần túy dưới đây.

Lê Đình Điểu và Trần Thanh Hiệp

*

Hỏi: [...] Xin ông cho biết những phản ứng đầu tiên về việc Tòa Án Hình Sự Quốc Tế (TAHSQT) [...]

Đáp : Hơn một năm đã trôi qua. Những phản ứng tôi đã phát biểu nay không còn nóng hổi như khi Hội nghị ngoại giao quốc tế, vào thời điểm hạ tuần tháng 8-1998, vừa biểu quyết thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế (TAHSQT). Từ bấy đến nay, đã có thêm nhiều yếu tố mới để suy nghĩ chín chắn hơn về sự ra đời của tòa án này.

Tôi đã nói vào lúc đó rằng sự ra đời của TAHSQT là một biến cố mang trong nó những ý nghĩa đặc biệt, biểu hiện mức tiến hóa của nhân loại, trên các bình diện lịch sử, luật học, nhân đạo, nhân quyền. Thời gian hơn một năm qua cho phép tôi chẳng những giữ vững nhận định này mà còn nói rõ thêm về ý nghĩa của những tiến bộ mà nhân loại đã đạt được qua Hội nghị La Mã tháng 7-98. Một mặt, những tiến bộ sẽ thành tựu trong tương lai khi TAHSQT bắt đầu hoạt động: Lần đầu tiên nhân loại có một tòa án hình thường trực, với một thẩm quyền tuy chưa hoàn toàn phổ quát nhưng cũng không còn là một cơ quan tài phán giới hạn trong thời gian, không gian như các tòa án Nuremberg, Tokyo, Nam Tư cũ và Rwanda. Mặt khác, những tiến bộ đã thành tựu ngay khi có cuộc biểu quyết 17-7-98 tại La Mã. Không cần phải đợi những bản án đã tuyên phán của TAHSQT mới nói được là đã có tiến bộ trên bình diện công lý chung của nhân loại. Sự thật, những bản án này cũng chỉ

là điều thứ yếu mà thôi. Điều chủ yếu là Hội nghị La Mã đã ý thức rõ rệt được sự cần thiết phải chấm dứt tình trạng khiếm trừng (impunity) đối với những trọng tội không thể dung tha như diệt chủng, chống nhân loại, gây chiến tranh, xâm lăng v.v...Cho đến nay, vì không có một tòa án quốc tế có đủ thẩm quyền như TAHSQT nên những thủ phạm các trọng tội này đều ẩn nấp sau chủ quyền quốc gia để nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. Chính vì sự thiếu sót đó mà suốt một thế kỷ nay nhân loại đã để tâm bổ khuyết. Và điều đã đạt được không phải là việc xét xử của TAHSQT (hiện nay chưa xảy ra) mà là sự lâm thức (prise de conscience) phải trù liệu những biện pháp hữu hiệu để trừng trị bất cứ ai phạm tội, không để cho tình trạng khiếm trừng kéo dài thêm nữa. Bước tiến bộ đã thực sự thành tựu này trong tương lai, nhờ tính cách răn đe của nó, sẽ có những ảnh hưởng lớn đối về mặt nhân quyền.

Tóm lại, tôi rất phấn khởi trước sự việc nhân loại đã có được một tòa án hình sự trên quy mô và với thẩm quyền quốc tế. Về điểm này, tôi cho rằng tôi đã may mắn hơn nhiều người. Chẳng hạn như ở Pháp, có nhiều luật gia lỗi lạc, như giáo sư Donnedieu de Vabres H. chẳng hạn, người đã từng giữ trách nhiệm thẩm phán của Tòa án Nuremberg 1945, đã từng đưa ra nhiều dự án liên quan đến loại tòa án quốc tế như Hội nghị La Mã vừa thành lập, nhưng lại đã qua đời trước khi nhìn thấy kết quả. Như ông Chánh Án Phòng Tòa Thượng Thẩm Paris Jean Claude Fouque, năm 1991, vài ngày trước khi chết, còn sửa lại bài tham luận của mình về đề tài "Bản chất Tòa Án Hình Sự Quốc Tế" mà ông không có dịp đọc vì đã trút hơi thở cuối cùng trước khi cuộc hội thảo bắt đầu. Rất nhiều người đã đầu tư bốn mươi, năm mươi năm, nghĩa là gần cả cuộc đời của mình cho sự ra đời của Tòa án này mà không được nhìn thấy kết quả. Tôi chỉ mới thực sư để tâm vào vấn đề từ đầu thập niên 90, khi một số trí thức Đông Aạu lấy sáng kiến vận động thành lập một Nuremberg II. Năm 1993, tại Hội Nghị Thế Giới lần thứ nhì họp ở Vienne, tôi đã bỏ được một trong số hàng ngàn lá phiếu của những hội NGO tán thành và đòi hỏi TAHSQT. Tôi đã may mắn hơn nhiều người là còn sống để thấy điều sở nguyện của mình thành sự thật. Như vậy, sao khỏi xúc động được?

Hỏi: [...]chúng ta có thể chờ đợi phiên tòa đầu tiên của Tòa Án này trước khi thế kỷ 20 chấm dứt?

Đáp: Tháng 10-98 tôi đã nói tôi "sợ rằng điều này khó có thể xảy ra." Bây giờ thì rõ ràng là không xảy ra, chẳng những trong tương lai gần mà cả trong tương lai xa. Thực vậy, tuy số quốc gia năm 1998 đã biểu quyết thông qua Điều Lệ TAHSQT đông tới 120 nhưng hiện giờ không phải tất cả những nước ấy đã phê chuẩn Hiệp ước La Mã 1998. Vì vậy, để Hiệp ước này bắt đầu có hiệu lực, vẫn chưa hội đủ số lượng 60 quốc gia phê chuẩn. Ngay cả những nước sốt sắng nhất trong việc vận động thành lập TAHSQT như Anh Quốc, Đức Quốc cũng vẫn chưa có tên trong danh sách những quốc gia đã phê chuẩn. Năm 1998, người ta dự trù là sẽ cần có từ ba đến bốn năm, nghĩa là ít nhất cũng còn phải chờ đến năm 2002 thì mới có đủ con số 60. Ngoài ra đến năm 2005, một cuộc Hội Nghị ngoại giao quốc tế sẽ được triệu tập với mục đích duyệt xét lại Hiệp ước 1998. Rất có thể nhiều nước còn muốn đợi đến 2005 mới quyết định phê chuẩn hay không. Sau hết, trong mọi trường hợp, Việt Nam đã cùng với sáu quốc gia khác là Mỹ, Trung Quốc, Do Thái, Ấn Đo, Barhein và Quatar biểu quyết chống việc thành lập TAHSQT thì trên nguyên tắc, Việt Nam sẽ không công nhận thẩm quyền của tòa án này. Báo chí quốc tế đã bàn nhiều về những lý do đã khiến cho Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Do Thái không bỏ phiếu thuận mà bỏ phiếu chống. Không thấy nói gì tới Việt Nam và hai nước ả rập Barhein và Quatar. Sự thật thì không ai là không rõ sự khôn khéo của Việt Nam là luôn luôn xếp hàng sau Trung Quốc! Tương quan này giữa Việt Nam và TAHSQT sẽ kéo dài cho tới năm 2005. Hội nghị xét lại này có thể tạo ra nhiều điều bất ngờ.

Hỏi : Lâu nay chúng ta vẫn thường nghe nói đến một tòa án quốc tế đã có từ lâu. Đó là Tòa án quốc tế La Haye?

Đáp : La Haye là tên một thành phố ở phía Nam Hòa Lan, nơi tọa lạc của nhiều tổ chức quốc tế về luật pháp, trong đó có Tòa Án Quốc Tế La Haye (Cour Internationale de Justice, International Court of Justice). Người Việt quen gọi là Tòa Án Quốc Tế La Haye. Danh xưng chính thức bằng chữ Hán ghi trong Hiến Chương LHQ là "Quốc Tế Pháp Viện." Tòa Án này là một cơ cấu của Liên Hiệp Quốc, không xét xử về việc hình, không xét xử cá nhân chỉ xét xử quốc gia, với điều kiện là hai bên tranh tụng cùng nhìn nhận thẩm

quyền của nó. Còn Tòa Án Hình Sự Quốc Tế mà Hội Nghị La Mã thành lập tháng 7-1998, tuy cũng sẽ đặt trụ sở tại La Haye nhưng không dính dáng gì tới Tòa Án Quốc Tế La Haye. Cũng nên nhắc lại rằng từ đầu thế kỷ này, người ta có ý định lập thêm ra một "Phòng hình sự" cho Tòa Án Quốc Tế La Haye để xử những việc hình. Nhưng sau vì trở ngại "chủ quyền quốc gia" (không nước nào muốn bị đưa ra xét xử về những tội hình) nên sáng kiến này đã thất bại. Và người ta đã tìm lối thoát theo chiều hướng thành lập ra một cơ

quan tài phán riêng, không xử các quốc gia mà chỉ xử các cá nhân. Do đó mới có ra hai tòa án riêng biệt như ngày nay.

Hỏi :[...] Xin nói rõ thêm, nhất là về các mặt lịch sử, luật học, nhân đạo, nhân quyền v.v....

Đáp : Về mặt lịch sử, sự đột xuất của TAHSQT là một trạm dừng chân để cắm mốc, ghi dấu một chặng đường khá dài - gần một thế kỷ - trong cuộc trường chinh đời đời kiếp kiếp của loài người xác lập và hoàn mỹ nhân quyền. Lần đầu tiên trong kịch sử, mới thấy thành lập được một tòa án chung cho cả cái mà từ nay có thể gọi là "cộng đồng nhân loại." Một khi cộng đồng ấy không còn bị ngăn cách bởi những biên cương "một mình một cõi" thì sự liên đới giữa con người với con người tăng trưởng và nền tảng nhân đạo trước đây chỉ kết tinh nơi những nhân vật lỗi lạc như Lão Tử, Khổng Tử, Thích Ca Mâu Ni, Jesus Christ, Mahomet v.v... thì nay đã được thể hiện trên một quy mô lớn, tiến dần tới mức phổ quát toàn cầu. Đó là bước xác lập của nhân đạo. Luật pháp, khởi đầu trong phạm vi mỗi quốc gia, dần dần mở rộng ra quốc tế với thế áp đảo của quốc gia, quốc tế chỉ là một tụ họp của nhiều quốc gia với những chủ quyền tuyệt đối. Nhưng sự ra đời của TAHSQT là bước nhảy vọt giúp cho luật quốc tế bắt đầu giành thế áp đảo đối với các quốc gia. Bởi vì nếu luật quốc tế không chiếm được thế áp đảo đó, sẽ chỉ có một mớ quốc gia hỗn tạp sống kề nhau mà không hoàn toàn hòa nhập với nhau thành một thực thể thuần nhất, một "cộng đồng nhân loại." Hiện giờ, chỉ mới có những chỉ dấu cho thấy những vận chuyển tiến ngày càng gần thêm tình trạng thuần nhất ấy mà thôi. Nhân đạo, với sự hộ trì của luật pháp, thể hiện thành nhân quyền. Nơi đầu sông, luật pháp ấn định quy phạm. Ở cuối sông,

TAHSQT, áp dụng quy phạm, trừng trị những tội ác dày xéo lên quy phạm. Nếu lấy Công nguyên làm thước đo, nhân loại tuy đã phải mất hai mươi thế kỷ mà cũng chỉ mới đi được một bước khởi đầu rất nhỏ trên con đường dài "công lý nhân loại." Nhưng bước khởi đầu này lại là một bước nhảy vọt so với những chuyển động trong quá khứ gần một thế kỷ.

Một vài năm nữa, khi TAHSQT bắt đầu hoạt động, người ta mới có thêm yếu tố thẩm lượng để đánh giá đúng mức sự ra đời của TAHSQT.

Hỏi :[...]khi nghe tin sự ra đời của Tòa Án Hình sự Quốc Tế, nhiều người vui mừng, tin tưởng, nhưng cũng vẫn có người cho rằng TAHSQT chỉ là một món hàng bày chơi, chứ sẽ không đủ lực để xử một vụ án, chưa nói đến khả năng thi hành các biện pháp chế tài?

Đáp : Khi TAHSQT chưa bắt tay vào việc thì ai cũng có quyền nghi ngờ. Nhất là trước những trở ngại đã làm trì hoãn sự ra đời ấy trong gần một thế kỷ. Nhưng nhìn vào lịch sử, người ta sẽ thấy rằng thứ tòa án này không thể "chỉ là một món hàng chơi." Tính ra cho đến nay đã có bốn tòa án hình sự quốc tế. Mỗi tòa án này đều có những quyền lực riêng và đã thực sự xét xử, không phải là tất cả, nhưng một số tội phạm đáng kể. Tòa án Nuremberg đã truy tố 22 bị cáo, đã tuyên 12 án tử hình, bảy án tù chung thân và tha bổng ba trường hợp. Tòa án Tokyo truy tố 28 người, 25 người thực sự có mặt trước tòa, tám người bị tử hình, số còn lại phần lớn bị tù chung thân. Tòa án Hình sự Nam Tư cũ, được thiết lập ở La Haye do hai nghị quyết số 808 ngày 22-2-1993 và 827 ngày 25-5-1993 của Hội Đồng Bảo An, hiện nay vẫn còn đang hoạt động. Tổng kết sáu năm xét xử, tòa án này đã truy tố 55 người, hiện giam giữ 26 người, đã tuyên ba bản án phạt 20 năm cấm cố (còn đang được xét lại vì có kháng cáo), một bản án 15 năm tù, một bản án bảy năm tù, một bản án năm năm tù (đang chờ đợi được xử lại theo thủ tục kháng cáo)... Năm ngoái, dư luận sôi nổi vì Tòa áng này đã truy tố lãnh tụ tối cao, tại chức, của Liên Bang Nam Tư, người Serbe là Slobodan Milosevic cùng với bốn cộng sự viên cao cấp của ông về tội chống nhân loại và vi phạm luật về chiến tranh. Tòa Án Hình Sự Quốc Tế Rwanda được Hội Đồng Bảo An, thiết lập ở Ashura, bằng Quyết Nghị số 955 ngày tháng 8-11-1994, để xét xử về những tội ác của nhà cầm quyền sắc tộc Hutu nhằm tiêu diệt sắc tộc Tutsi. Các phiên xử của tòa án này đã thực sự bắt đầu và đã có những thủ phạm chính được đưa ra xét xử trước tòa án Ashura.

Dư luận các luật gia cho rằng bốn tòa án hình sự quốc tế, ra đời trước nó, sẽ tạo cho Tòa Án Hình Sự Quốc Tế sắp hoạt động trong tương lai, nhiều kinh nghiệm, nhiều tiền lệ thuận lợi về nhiều mặt giúp cho tòa án này thi hành chức năng của nó. Không thể có chuyện tòa án mới này chỉ là một đồ trang trí.

Hỏi : Tòa Án này sẽ làm việc như thế nào? xử những tội nào v.v...?

Đáp : Theo bản Điều lệ 17-7-1998 thì TAHSQT sẽ là một tòa án thường trực, tuy có liên hệ với Liên Hiệp Quốc nhưng, trên nguyên tắc, độc lập đối với Hội Đồng Bảo An. Nó có thẩm quyền xét xử bốn tội trong số những tội nặng nhất và có quy mô quốc tế. Đó là tội diệt chủng, tội chống nhân loại, tội theo đuổi chính sách tri tình vi phạm luật chiến tranh, kể cả trong trường hợp nội chiến và tội xâm lăng. Chính do nơi thẩm quyền này mà người ta mới đo được mức tiến bộ về mặt công lý nhân loại qua sự hiện hữu của TAHSQT. Trong luật quốc tế, có sự phân biệt ba loại thẩm quyền phổ quát, quốc tế và quốc gia. Thẩm quyền phổ quát là rộng nhất vì vượt lên trên cả hai thẩm quyền quốc tế và quốc gia. Hiện giờ, theo như bản Điều Lệ La Mã đã quy định thì thẩm quyền của TAHSQT chưa hẳn hoàn toàn phổ quát nhưng có những trường hợp đã vượt qua cả hai thẩm quyền quốc gia và quốc tế. Chừng giữa năm nay thì các quy định về thủ tục xét xử sẽ được áp dụng trước TAHSQT mới soạn thảo xong. Lúc đó mới có thể rút ra những kết luận chắc chắn về tầm phổ quát thực sự của thẩm quyền TAHSQT. Tuy nhiên ngay từ bây giờ đã có thể vững tin rằng, trong mọi trường hợp, thẩm quyền ấy nếu không được gia tăng thì cũng không thể bị giảm bớt. Mặt khác, TAHSQT đã tránh được những khuyết tật của hai Tòa Án Nuremberg và Tokyo là trước khi xét xử, đã có luật quy định thủ tục xét xử, tội danh cũng như hình phạt. Không ai có thể trách cứ tòa án này là sẽ xử với thẩm quyền "hồi tố" như hai tiền lệ Nuremberg và Tokyo.

Hỏi : [...] có thể nói thêm về sự phát triển của nhân quyền và vai trò của Tòa Án Hình Sự Quốc Tế trong việc bảo vệ nhân quyền?

Đáp : Nhờ có TAHSQT, nhân quyền đã đạt được thêm nhiều bước phát triển. Trước hết, cá nhân nay đã có một địa vị đáng kể trong

luật quốc tế. Cho đến giữa thế kỷ này, luật quốc tế vẫn còn hoàn toàn "cổ điển," nghĩa là chỉ công nhận có một chủ thể là quốc gia mà thôi. Luật quốc tế ấy không công nhận cho cá nhân có tư cách một chủ thể của luật quốc tế. Nhưng luật cổ điển này đã phải biến đổi để chiếu cố đến cá nhân. Từ nay, trước TAHSQT con người cá nhân sẽ có thể hành sử tố quyền để khiếu nại, để đòi bồi thường nếu nhân quyền của mình bị xâm phạm tới mức trầm trọng. Quyền này từ nay cũng không còn bị cái gọi là "chủ quyền quốc gia" vô hiệu hóa như trước nữa. TAHSQT trong một số trường hợp nhất định, có khả thế xen lấn vào thẩm quyền quốc gia để thụ lý và khởi động tố quyền chung của loài người. Sau hết, điểm quan trọng là TAHSQT sẽ đóng vai "hộ pháp" ở ngay trong đời sống xã hội - như hai ông Thiện, ông Ác đứng trước cửa đền - mà bảo vệ cho người dân không bị nhà cầm quyền mặc sức nấp sau chủ quyền quốc gia mà đàn áp.

Hỏi: Bao giờ thì TAHSQT bắt đầu hoạt động?

Đáp: Những khó khăn về vấn đề hoạt động này thực sự đang ở trước mặt chứ không ở sau lưng. Chừng nào chưa khắc phục được những khó khăn đó thì chưa thể bàn chuyện hoạt động của TAHSQT. Có một loạt nhật kỳ mà người ta đã tiên liệu bằng một cái nhìn bình thường: 31-12-2000, ngày chót để hội đủ 60 chữ ký phê chuẩn Hiệp ước La Mã. Nếu chưa đủ thì còn phải chờ cho đến khi đủ TAHSQT mới hoạt động được. Lại nữa, từ nay cho đến 30-6-2000, Ủy ban trù bị phải soạn thảo xong những văn bản thiết yếu liên quan tới vấn đề định nghĩa tội xâm lăng, vấn đề quan hệ giữa TAHSQT với Hội Đồng Bảo An, vấn đề thủ tục xét xử và trưng bằng cớ, vấn đề các yếu tố cấu thành tội phạm v.v...Sau hết, bảy năm nữa, tức là đến năm 2007, một Hội Nghị Ngoại Giao Quốc Tế thứ nhì sẽ được triệu tập để duyệt xét lại xem có cần sửa đổi hay không sửa đổi Hiệp ước La Mã đã được biểu quyết ngày 17-7-1998. Tóm lại, còn nhiều việc phải làm, còn phải xắn tay áo! Một ký giả của một tờ tuần báo có tiếng của nước Pháp, trong một suy nghĩ viễn tưởng về thế kỷ XXI, đã viết đại ý rằng tới năm 2048, năm kỷ niệm một trăm tuổi của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, thì những đơn vị cuối cùng của TAHSQT có trách nhiệm giam giữ tội phạm sửa soạn đóng cửa. Vì những người lãnh đạo quốc gia đã khôn khéo biết dùng các luật gia làm cố vấn để tránh không lâm vào tình trạng phạm tội phải đưa ra xử trước TAHSQT. Cho nên số tội phạm càng ngày càng giảm sút. Một cái nhìn lạc quan. Chúng ta không có đủ cơ sở để lạc quan tới mức đó. Nhưng cũng không nên quá bi quan.

Hỏi: Câu hỏi cuối cùng [...]: Người Việt Nam muốn biết liệu TAHSQT có thể truy tố nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam về những tội ác diệt chủng, vi phạm nhân quyền có hệ thống của chính quyền này hay không?

Đáp: Vì là nạn nhân của một chính quyền chủ trương độc tài toàn trị suốt hơn năm thập niên liên tiếp, người Việt Nam đương nhiên khao khát muốn thấy công lý được thiết lập trên đất nước mình. Do đó, họ đặt rất nhiều hy vọng vào TAHSQT ngay tù giây phút nó được thành lập. Khi thấy việc ân oán ở đời này không đơn giản, không hoàn toàn phân minh như họ tưởng thì nỗi thất vọng lại xâm chiếm tâm hồn họ. TAHSQT là một chiến thắng mà nhân loại đã chỉ tranh thủ được nhờ một công trình vận động tập thể từng kéo dài trong cả gần một thế kỷ. Dù vậy, ta không nên gán cho nó những khả thế mà chính nó không có hoặc chưa có.

Câu hỏi thường được đặt ra là liệu những thủ phạm giết người thường xuyên, hàng loạt và có hệ thống dưới danh nghĩa chính quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có bị trừng trị hay không? Câu trả lời không thể đơn giản mà phải là: Không và Có. Không, trước hết bởi vì TAHSQT không có quyền xét xử những tội ác đã xảy ra trước ngày 17-7-1998 là ngày TAHSQT được thành lập tại La Mã. Hội nghị đã khai sinh ra nó không cho, và không thể cho nó quyền hồi tố như hai tòa án Nuremberg và Tokyo. Không, sau nữa, bởi vì chính quyền cộng sản Việt Nam không ký vào Hiệp Ước La Mã, do đó nó không nhìn nhận thẩm quyền của TAHSQT. Chính quyền này - khác với 120 chính quyền đã ký - sẽ không có nghĩa vụ pháp lý phải hợp tác với TAHSQT để tòa án này có thể thi hành nhiệm vụ trong việc xét xử nếu có những vụ án liên quan tới những cá nhân phạm tội có quốc tịch Việt Nam hay có những tội ác mà TAHSQT có thẩm quyền xét xử đã xảy ra trên đất Việt Nam. Thái độ của nhà cầm quyền cộng sản sẽ là thái độ bất hợp tác và quốc tế không thể làm gì để ép buộc họ phải hợp tác với TAHSQT. Hãy lấy hai thí dụ giả tưởng: Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, hai nhân vật hiện còn sống, từng nhúng tay kể

từ ngày cộng sản cướp chính quyền đến nay, vào những vụ thủ tiêu biết bao nhiêu là người đối lập, những hành động cấu thành những tội diệt chủng, chống nhân loại. Thủ tướng Phan Văn Khải hay Bộ trưởng Công An Lê Minh Hương ra lệnh đàn áp bằng súng các tín đồ Phật giáo thuộc GHPGTHVN hay Phật Giáo Hòa Hảo, hoặc công khai hoặc bí mật như đã từng xảy ra trước đây ở Huế v.v... TAHSQT có thể truy tố và trừng trị các nhân vật kể trên hay không. Câu trả lời ai cũng thấy ngay là "không." Chừng nào chính quyền cộng sản Việt Nam hiện nay còn tại chức thì không có hy vọng gì thấy TAHSQT trừng trị những thủ phạm diệt chủng, hay chống nhân loại hay vi phạm luật chiến tranh ở Việt Nam cả, nhất là Việt Nam lại là một trong bảy quốc gia không công nhận thẩm quyền của tòa án này.

Nhưng đó là đứng về mặt tĩnh mà xét. Nhưng lịch sử vận chuyển không ngừng. Vậy nếu đứng về mặt động mà xét thì chuyện xét xử ấy không hẳn là việc tuyệt đối không thể xảy ra. Đã có những tiền lệ cho phép hy vọng điều này. Trước đây, không ai nghĩ rằng lãnh tụ cộng sản khát máu của Ethiopie là Đại tá Menghistu có thể bị đưa ra xét xử về tội chống nhân loại. Vậy mà năm 1994, chính tòa án quốc nội của Ethiopie đã đưa Menghistu và đồng bọn ra trước tòa để xét xử. Trong Bộ luật hình sự của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay có những điều khoản trù liệu trừng trị các tội phá hoại hòa bình (điều 277), tội chống loài người (điều 278), tội phạm chiến tranh (điều 279). Nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam có tham gia những Công ước quốc tế về diệt chủng, chống kỳ thị v.v...Tương lai có thể đưa tới những sự hợp tác quốc tế bất ngờ. Như ở Cambodge hiện nay, việc xét xử tội diệt chủng đã được đặt ra, dĩ nhiên với tất cả những phức tạp không thể tránh khỏi.

Nói như vậy không phải là người Việt Nam chỉ ngồi ước mơ, như "thằng Cuội ngồi gốc cây đa," hay tranh đấu kiểu "thằng Bờm," hay tính chuyện "bất chiến tự nhiên thành." Chúng ta đã thấy cuộc vật lộn gay go của nhân loại trong suốt thế kỷ XX để thực hiện nguyện vọng trừng trị những người cai trị xâm phạm nhân quyền. Với sự tự đổi mới của luật quốc tế, với sự ra đời của TAHSQT, một thắng lợi lớn đã giành được cho con người cá nhân, cho các tổ chức ngoài chính quyền, thành tố của một xã hội dân sự. Bản Điều Lệ của TAHSQT đã công nhận cho các hội ngoại chính phủ (NGO) quyền tham gia vào việc xét xử các tội phạm thuộc thẩm quyền tòa án này. Trên thế giới, bề thế của các hội ngoại chính phủ ngày một tăng trưởng. Sự xuất hiện của những tổ chức này đã làm lu mờ độc quyền đại diện các dân tộc trên trường quốc tế cho đến nay vẫn do các chính phủ nắm giữ. Năm 1993, tại Hội Nghị Thế Giới về Nhân Quyền, tiếng nói của các chính phủ thành viên LHQ không lên tới được con số 200 đại biểu trong khi số lượng các hội ngoại chính phủ không dưới 1000! Tại Hội nghị La Mã thành lập TAHSQT, đã có tới 1200 hội ngoại chính phủ tham gia tích cực trong việc thúc đẩy cho kỳ được đứa con tinh thần ấy chào đời.

Nhân loại hiện nay chưa có được một chính phủ toàn cầu. Nhưng trên thực tế nhân loại đã có được một xã hội dân sự toàn cầu mà các hội ngoại chính phủ là thành tố.

Dân tộc Việt Nam từ 1975 đã bước sang giai đoạn phát triển quốc tế. Người Việt Nam đã thực sự có mặt trên năm châu, cả những nơi sơn cùng thủy tận. Nhưng rất tiếc người Việt Nam Chưa phát triển được đúng mức các cơ cấu ngoại chính phủ của mình. Tạm giới hạn sự nhận xét trong phạm vi trừng trị tội ác xâm phạm nhân quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng ta chưa có đủ những hội ngoại chính phủ với những khả năng cần thiết về tài chính, kiến thức chuyên môn luật học, quan hệ ngoại giao để như người Do Thái, truy lùng, thiết lập hồ sơ các tội phạm. Chúng ta chỉ ưa tố cáo ồn ào, thậm chí đôi khi còn bừa bãi. Đâu đâu cũng thấy có tổ chức của người Việt Nam tranh đấu cho nhân quyền. Nói nhiều, nói lớn nhưng chỉ đánh trống bỏ dùi hay làm tượng trưng. Với những kẻ phạm tội có tổ chức, có phương tiện, có quyền lực như những người cộng sản Việt Nam, kiểu tranh đấu tài tử sẽ không thể đưa tới những kết quả ước mơ. Tôi rút ra những nhận xét này từ Hội Nghị Thế Giới lần thứ nhì về Nhân Quyền họp năm 1993 tại Vienne và qua nhiều vận động nhân quyền hiện nay ở hải ngoại. Tôi hy vọng việc làm âm thầm của một vài người trong khuôn khổ chật hẹp Tập Hợp Công Lý Việt Nam trong tương lai có thể mở rộng và hoàn thiện để những thế hệ Việt Nam thuộc thế kỷ XX có thể để lại cho con cháu một công trình khiêm nhượng là ghi khắc vào trong ký ức tập thể những tội ác tày trời của cộng sản Việt Nam, những tội ác nghìn năm vẫn còn trơ trơ.●

TỜ BÁO XUÂN ĐẦU TIÊN

PHẠM XUÂN ĐÀI

Trong xã hội Việt Nam, đời sống căng thẳng trong thời gian chuẩn bị đón tết. Mọi hoạt động mua bán trở nên dồn dập, lượng hàng hóa nhiều tối đa so với các thời gian khác trong năm chỉ để dồn cho một mục tiêu: ăn tết. Gọi là "ăn," thực ra nhu cầu đón tết gồm nhiều thứ ngoài thực phẩm. Sản phẩm tiêu thụ cho ngày tết cổ truyền đại khái gồm những nhóm:

- Về ăn uống: gạo nếp, đậu xanh để nấu bánh chưng, bánh tét; thịt heo cá, và các thứ thịt khác; các món rau, dưa; các thứ hàng khô như bún, miến, nấm...; bánh mứt đủ loại; trái cây đủ loại.

Các thứ thức uống thì quan trọng nhất là rượu và trà.

- Về mặc: quần áo, mũ, giày mới, đặc biệt lớp trẻ em và thanh thiếu niên, nhất là các cô thiếu nữ. Phải tính thêm số "phụ tùng" trang điểm như đồ nữ trang, son phấn, nước hoa cho phái nữ.

- Về trang trí: hoa là quan trọng nhất. Ngoài hai thứ hoa chính cho ngày tết là hoa đào (miền bắc) và hoa mai (miền trung và nam) mà nhà nào cũng muốn có để chưng, còn có vô số các loài hoa khác, làm thành hẳn một chợ hoa để chuẩn bị tết, hoặc mỗi chợ dành một khu vực riêng cho hoa tết.

Ngày xưa có loại tranh dân gian gọi là tranh tết mua về treo trang trí cho vui nhà cửa, nay hầu như không còn. Đồ thờ tự làm cho bàn thờ tổ tiên thêm rực rỡ trang nghiêm, như đèn, nến, hương, hoa v.v... cũng có thể coi thuộc mục trang trí.

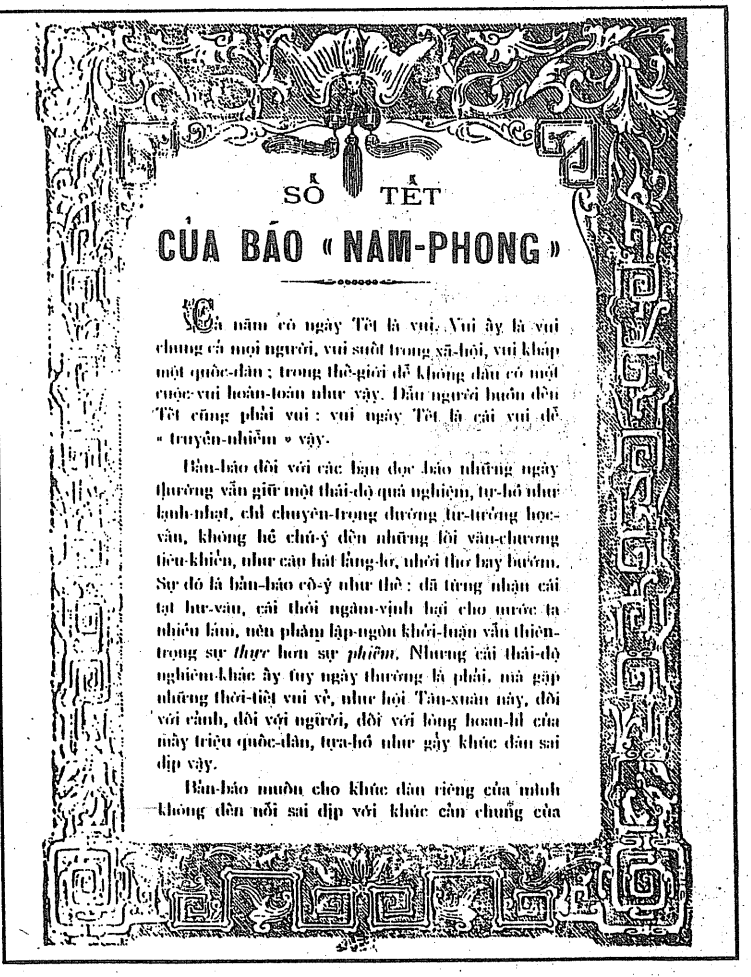

SỐ TẾT

CỦA BÁO « NAM-PHONG »

Cả năm có ngày Tết là vui. Vui ấy là vui chung cả mọi người, vui suốt trong xã-hội, vui khắp một quốc-dân ; trong thế-giới dễ không đâu có một cuộc vui hoàn-toàn như vậy. Dẫu người buồn đến Tết cũng phải vui : vui ngày Tết là cái vui dễ « truyền-nhiễm » vậy.

Bản-báo đối với các bạn đọc báo những ngày thường vẫn giữ một thái-độ quá nghiêm, tự-hồ như lạnh-nhạt, chỉ chuyên-trọng đường lư-tưởng học-vấn, không hề chú-ý đến những lối văn-chương tiêu-khiển, như câu hát lẳng-lơ, lời thơ hay bướm. Sự đó là bản-báo cố-ý như thế : đã từng nhận cái tệ hư-văn, cái thói ngâm-vịnh hại cho nước ta nhiều lắm, nên phàm lập-ngôn khởi-luận vẫn thiên-trọng sự *thực* hơn sự *phiếm*. Nhưng cái thái-độ nghiêm-khắc ấy tuy ngày thường là phải, mà gặp những thời-tiết vui vẻ, như hội Tân-xuân này, đối với cảnh, đối với người, đối với lòng hoan-hỉ của mấy triệu quốc-dân, tựa-hồ như gảy khúc đàn sai dịp vậy.

Bản-báo muốn cho khúc đàn riêng của mình không đến nỗi sai dịp với khúc cầm chung của

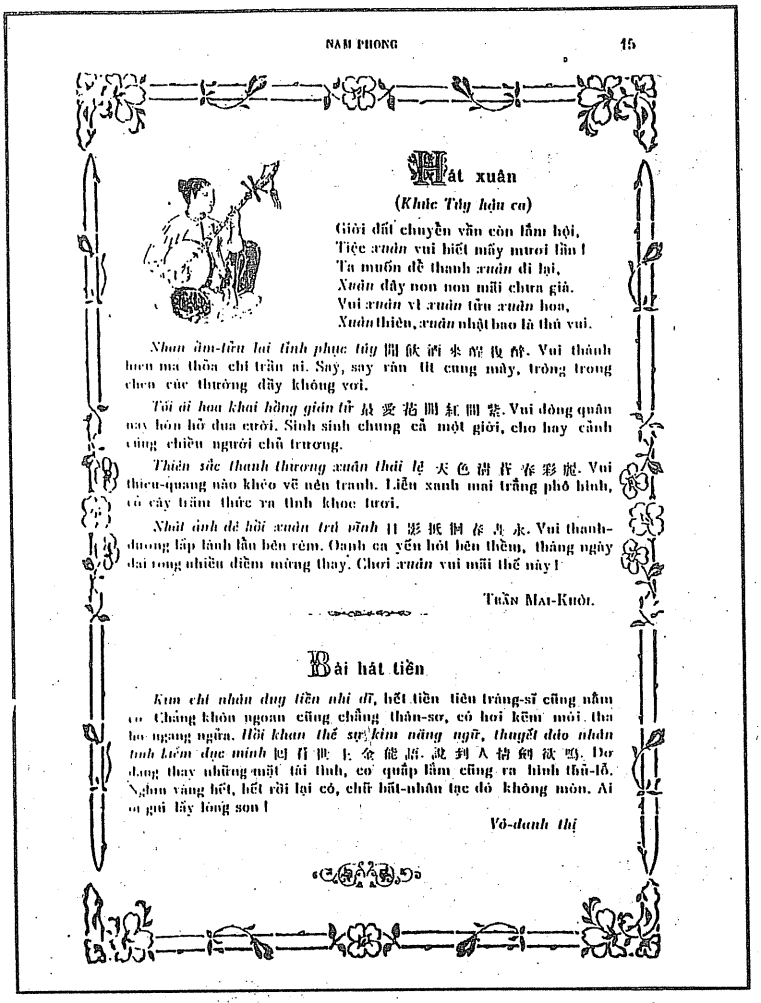

NAM PHONG 15

Hát xuân

(*Khúc Túy hậu ca*)

Giời đất chuyển vần còn lắm hội,
Tiệc *xuân* vui biết mấy mươi lần!
Ta muốn để thanh *xuân* đi lại,
Xuân đây non non mãi chưa già.
Vui *xuân* vì *xuân* tửu *xuân* hoa,
Xuân thiên, *xuân* nhật bao là thú vui.

Nhan ẩm-tửu lai tỉnh phục túy 開飲酒來醒復醉. Vui thành hiệu mà thỏa chí trần ai. Say, say rán tít cung mây, tròng trong chén cúc thường đầy không vơi.

Tối ái hoa khai hồng gián tử 最愛花開紅間紫. Vui đông quân nay hớn hở đua cười. Sinh sinh chung cả một giời, cho hay cảnh cũng chiều người chủ trương.

Thiên sắc thanh thương xuân thái lệ 天色清蒼春彩麗. Vui thiêu-quang nào khéo vẽ nên tranh. Liễu xanh mai trắng phô hình, cỏ cây trăm thức ra tình khoe tươi.

Nhật ảnh đê hồi xuân trú vĩnh 日影抵個春晝永. Vui thanh-dương lấp lánh lẫn bên rèm. Oanh ca yến hót bên thềm, tháng ngày dài rộng nhiều điềm mừng thay. Chơi *xuân* vui mãi thế này!

TRẦN MAI-KHÔI.

Bài hát tiền

Kim chi nhân dụng tiền nhi dĩ, hết tiền tiêu tráng-sĩ cũng nằm co. Chẳng khôn ngoan cũng chẳng thân-sơ, có hơi kẽm mới tha hồ ngang ngửa. *Hồi khan thế sự kim năng ngữ, thuyết đáo nhân tình kiếm đục minh* 回看世上金能語. 說到人情劍欲鳴. Dơ dáng thay những mặt tài tình, cơ quắp lắm cũng ra hình thủ-lỗ. Nghìn vàng hết, hết rồi lại có, chữ bất-nhân tạc đó không mòn. Ai ơi gửi lấy lòng son!

Vô-danh thị

Ba việc ăn, mặc và trang trí là ba mục chính trong việc mua sắm cho ngày tết của chúng ta, đưa sản xuất, và mua bán lên đỉnh cao nhất trong một năm.

Nhưng trong cuộc sống tại miền Nam sau 1954, có một món hàng tết rất quan trọng, đã đem lại một sắc thái vui tươi cho xã hội trong dịp tết, đó là BÁO XUÂN. Tuy báo xuân đã có từ nhiều thập niên trước đó, nhưng với nền báo chí phát đạt của thời Việt Nam Cộng Hòa, báo Xuân lúc bấy giờ mới càng ngày càng trở thành một yếu tố không thiếu được trong sinh hoạt đón Tết. Vào khoảng trung tuần tháng Chạp, các sạp báo ở Sài Gòn bắt đầu rực rỡ lên với những tờ báo xuân đầy màu sắc, làm cho không khí đón xuân càng thêm rạo rực. Làng báo vào những tháng cuối năm rất bận rộn trong việc làm báo Xuân, bài vở phải hay, lạ, độc đáo, vui tươi, nhiều tranh ảnh, bìa in nhiều màu, thường là hình một mỹ nhân mơn mởn, hoặc một tranh vẽ mang đề tài mùa xuân hay liên quan đến con giáp của năm ấy. Hoạt động này của làng báo đã nâng cao giá trị tinh thần và tình cảm của cả xã hội vào dịp Tết, báo xuân đã thành một món không những tô điểm cho không khí tết nhất, mà còn là niềm vui, là món ăn tinh thần của mọi gia đình trước thềm một năm mới. Ở các tỉnh và thị trấn, cùng với những hàng hóa khác để bán tết, người ta không thể quên món báo xuân, nhà phát hành khi đưa báo xuân về đến nơi nào thì cũng như đưa nguồn vui lạ về nơi ấy. Ở thôn quê, có khi ngay trong ngày tết bìa báo đã được đóng khung treo lên để trang trí nhà cửa rồi. Trong các thứ quà mà người ta hay biếu xén nhau nhân dịp tết, nay lại có thêm tờ báo xuân, nhất là quà từ thành thị gửi về thôn quê. Nói chung báo xuân đóng góp niềm vui cho dịp đón xuân rất nhiều, làm tăng phần háo hức trong những ngày chuẩn bị tết và phần vui tinh thần mà nó gieo rắc thì chắc chắn là phong phú và rộng khắp.

Có thể nói vào giữa thế kỷ 20, cái tết cổ truyền của dân Việt Nam, ít nhất là ở miền Nam, đã có thêm một món quan trọng, cần thiết để "ăn tết," đó là Báo Xuân. Điều này phải được xem là một biến cố có tính cách phong hóa trong nếp sống dân tộc. Báo chí là thứ mà dân Việt Nam học của phương Tây, nhưng báo xuân thì là sản phẩm của người mình. Báo chí bắt đầu phổ biến như một sản phẩm học thuật, văn hóa, thông tin trên toàn quốc từ vài thập niên đầu của thế kỷ 20, với Đăng Cổ Tùng Báo, Lục Tỉnh Tân Văn, Đông Dương Tạp Chí, Nam Phong Tạp Chí, rồi càng về sau càng rầm rộ, phong phú. Nhưng báo xuân có từ bao giờ? Nhiều người cho rằng sáng kiến làm báo xuân là do các tờ Phong Hóa, Ngày Nay của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Thật ra nhóm này đã đem lại nhiều sắc thái Xuân cho tờ báo với phong cách tươi vui của mình, nhưng lại không phải là cha đẻ của báo xuân. Tờ báo xuân đầu tiên là tờ Nam Phong số Tết năm Mậu Ngọ (1918).

Nam Phong Tạp Chí ra đời giữa năm 1917

(Đinh Tỵ), và ngay cái tết đầu tiên của tờ báo, ông Phạm Quỳnh đã nghĩ đến việc làm một "số Tết," một điều mà những tờ báo đi trước như Lục Tỉnh Tân Văn, Đông Dương Tạp Chí... chưa ai nghĩ ra. Ngay trang đầu của tờ báo xuân đầu tiên ấy, Chủ bút Phạm Quỳnh đã nêu lý do làm Báo Tết, những dòng chữ mà ngày nay chúng ta có thể coi là Tuyên Ngôn mở màn, đặt để nền móng cho công cuộc làm báo Xuân của làng báo Việt Nam, gây hẳn một phong tục mới trong dịp Tết cho dân tộc ta:

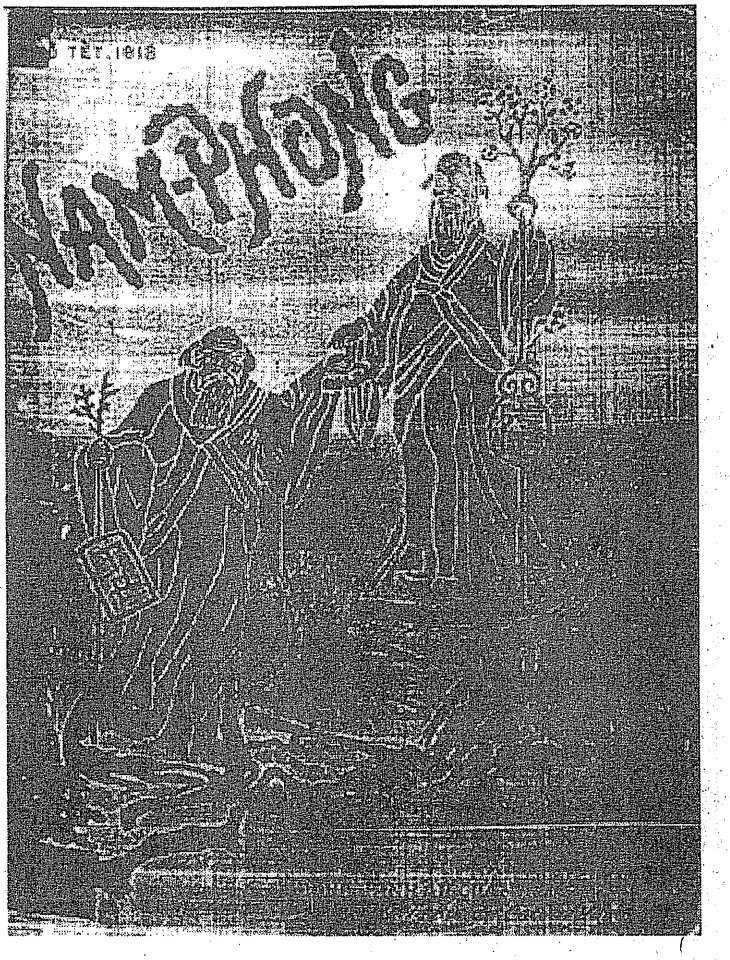

Cả năm có ngày Tết là vui. Vui ấy là vui chung cả mọi người, vui suốt trong xã hội, vui khắp một quốc dân; trong thế giới dễ không đâu có một cuộc vui hoàn toàn như vậy. Dẫu người buồn đến Tết cũng phải vui: vui ngày Tết là cái vui dễ "truyền nhiễm" vậy.

Bản báo đối với các bạn đọc báo những ngày thường vẫn giữ một thái độ quá nghiêm, tự hồ như lạnh nhạt, chỉ chuyên trọng đường tư tưởng học vấn, không hề chú ý đến những lối văn chương tiêu khiển, như câu hát lẳng lơ, nhời thơ bay bướm. Sự đó là bản báo cố ý như thế: đã từng nhận cái tật hư văn, cái thói ngâm vịnh hại cho nước ta nhiều lắm, nên phàm lập ngôn khởi luận vẫn thiên trọng sự thực *hơn là sự* phiếm. *Nhưng cái thái độ nghiêm khắc ấy tuy ngày thường là phải, mà gặp những thời tiết vui vẻ, như hội Tân xuân này, đối với cảnh, đối với người, đối với lòng hoan hỉ của mấy triệu quốc dân, tựa hồ như gẩy khúc đàn sai nhịp vậy.*

Bản báo muốn cho khúc đàn riêng của mình không đến nỗi sai nhịp với khúc cảm chung của xã hội trong buổi đầu năm xuân mới, giời ấm khí hòa, cảnh vật tươi cười, lòng người hớn hở, lại muốn không trái cái chủ nghĩa lúc bình thường, bèn định in riêng ra tập ngày Tết này, ngoài những số báo thường, trước là để cùng quốc dân góp một phần vào cuộc vui chung, sau là để tặng các bạn đọc báo đã có bụng tin yêu gửi mua từ đầu đến nay một cái quà hợp với cảnh năm mới.

Nhời bàn thiết thực, nghĩa lý sâu xa, đó là cái món ăn chắc bổ những ngày thường; của ăn sống người, nên trọng là phải. Nhưng thỉnh thoảng cũng phải nếm miếng bánh đường, nhấp chén rượu ngọt cho khoan khoái tinh thần, nên giọng hát êm tai, truyện vui khoái trí cũng là một món không thể khuyết được.

(...)

Phạm Quỳnh là người trong hàng tiên phong của báo giới Việt Nam, và là người đầu tiên liên hệ được cái đặc điểm của ngày Tết "vui suốt trong xã hội, vui khắp một quốc dân" với nghề báo, và đem cái vui ấy mà làm nên tờ Báo Xuân. Không phải là đấng tinh hoa — tinh hoa của dân tộc, tinh hoa của nghề báo — thì không nghĩ ra cái sáng kiến ấy được, không có sự kết hợp ấy được. Công ơn ấy tồn tại với dân tộc. Một khi còn tờ báo Xuân mỗi khi Tết đến thì làng báo Việt Nam, người dân Việt Nam không bao giờ quên công ơn ấy.●

TỪ NẠN TRỘM CẮP CÁC CỔ VẬT TẠI VIỆT NAM ĐẾN THAM VỌNG BÁ QUYỀN VỀ VĂN HÓA CỦA TRUNG QUỐC

PHẠM CAO DƯƠNG

Những tin tức đến từ Việt Nam trong những ngày cuối cùng của năm Kỷ Mão - 1999 đều không phải là những tin vui, nếu không nói là bi thảm. Hai tin điển hình được người ta chú ý đến nhiều nhất là tin về nạn lụt ở miền trung và tin chất phoọc môn được cho vào bánh phở. Hai tin khác ít được để ý tới nhưng không kém phần quan trọng đứng về phạm vi tinh thần và văn hóa, là tin về tình trạng thê thảm của các cổ tích ở ngay trung tâm thành phố Hà Nội và nạn trộm cắp các cổ vật ở miền bắc sang Trung Quốc. Ít được người ta chú ý vì chuyện xảy ra không liên hệ ngay lập tức đến sinh mạng của con người hay một kỹ nghệ ăn uống có tính quốc hồn quốc túy và thường ngày của người Việt, nhưng chúng không kém quan trọng vì chúng liên hệ đến truyền thống văn hóa và tinh thần của một dân tộc tự nhận là có nhiều ngàn năm văn hiến. Trong bài này người viết xin được đề cập tới nạn trộm cắp các cổ vật ở miền bắc nước ta sang Trung Quốc như một mưu toan thu hút những sản phẩm văn hóa từ các nước lân cận của nước mạnh nhất và nhiều tham vọng nhất trong lịch sử châu Á này.

Nạn Trộm Cắp Các Cổ Vật Từ Miền Bắc Việt Nam Sang Trung Quốc

Đây là một tệ nạn thường xuyên xảy ra từ nhiều năm trước và đã được các cơ quan truyền thông trong và ngoài nước đăng tải. Mới nhất là *Việt Báo Kinh Tế*, xuất bản tai Quận Cam ở Hoa Kỳ. Dựa theo tờ *Văn Hóa* ở trong nước và với nhan đề "Quốc bảo VN vượt biên sang Tàu, tượng Phật Bà ngàn mắt bị trộm," báo này cho biết:

"Từ tháng 10 - 1998 đến nay, lực lượng chức năng đã bắt giữ hơn 500 cổ vật được đưa qua biên giới Lạng Sơn và giao cho Bảo tàng tỉnh bảo quản. Các chuyên gia bảo tàng cho biết đó là những cổ vật có giá trị về niên đại, nghệ thuật, yếu tố lịch sử và văn hóa, tôn giáo, phần lớn là đồ sành sứ thời Lý-Trần-Lê và một số cổ vật bằng đồng bị trục vớt, lấy cắp ở các di tích đình chùa, đền miếu và cả trong nhân dân. Không ít cổ vật trong số đó thuộc hàng quốc bảo.

"Do thủ đoạn tinh vi xảo quyệt của bọn buôn lậu nên không thể nói việc ngăn chặn buôn bán cổ vật ra nước ngoài đã được kiểm soát hoàn toàn ở Lạng Sơn. Số bắt giữ lại được có thể chỉ là phần nhỏ so với hàng ngàn bảo vật đã bị lọt mất trong nhiều năm qua khi đường dây chuyển lậu quốc bảo này còn an toàn.

"Được biết, trong hai năm 1996, 1997, số cổ vật bị bắt giữ tại đây chỉ là 15.

"Trong khi đó các đền chùa cổ tại Việt Nam, đặc biệt là tại miền Bắc, đang bị trộm phá tan hoang. Chỉ riêng địa bàn tỉnh Hà Tây gần đây đã liên tục xảy ra hơn 70 vụ trộm cắp cổ vật. Tại bốn huyện Chương Mỹ, Hoài Đức, Quốc Oai và Thạch Thất, trong lúc công an đang tiến hành điều tra truy tìm thì vào một đêm tháng 9-1999, tại chùa Tây Phương ở huyện Thạch Thất, kẻ gian lại đột nhập lấy đi một tượng Phật Bà nghìn mắt và một số đỉnh đồng." (1)

Thực sự thì không phải chỉ trong những năm gần dây tình trạng trộm cắp kể trên mới xảy ra. Ngay từ nhiều năm trước nhiều người Việt về thăm quê hương, trong đó có những

nhà văn, đã than phiền về đại nạn này. Người ta đã chụp hình được những bệ trống không, không còn tượng. Ta cần phải để ý là những pho tượng ở các chùa không phải nhỏ và nhẹ. Cũng theo bản tin dẫn trên, bọn trộm đã "cắt phá khóa đình chùa, trộm cổ vật ở địa bàn hai huyện Chương Mỹ, Quốc Oai và thị xã Hà Đông. Điển hình là các vụ trộm cắp năm pho tượng đầu ốc ở chùa Lâm, xã Tân Hoài, huyện Quốc Oai và trộm hai pho tượng đá cổ (mỗi pho tượng nặng 70 kg) Ở chùa Trầm thuộc xã Phụng Châu, Huyện Hoài Đức; ba pho tượng mẫu và một tòa Cửu Long tại chùa Cổ Pháp, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ; một đỉnh đồng cổ nặng 30kg ở di tích đình nội, xã Ngọc Sơn (Chương Mỹ) và một đồng cổ tại miếu Mậu Lương, Kiến Hưng, Hà Đông. Ngoài ra chúng còn trộm các đồ sứ ở đền Nghĩa Hảo, xã Phú Nghĩa (Chương Mỹ). Cũng trong thời gian này chúng thực hiện trót lọt năm vụ trộm khác ở các nhà dân trong vùng."

Nhớ Lại Chuyện Ngót Năm Thế Kỷ Trước

Khi nói tới nạn buôn lậu ở Việt Nam, ai cũng biết là đồ lậu có thể được chuyển qua nhiều dường khác nhau, từ đường biển đến các đường biên giới Miên, Lào và Trung Quốc. Trong đại nạn trộm cắp các cổ vật này, tất cả đều được chở qua Trung Quốc nhằm thu hút các sản phẩm văn hóa cổ của các nước lân cận về làm giàu cho văn hóa Trung Quốc vì khó có thể có tài liệu để minh chứng cho mưu toan này. Có điều người ta không thể không liên tưởng tới những tin đồn đại trước đây về việc mua chân trâu của người Tàu hay việc đưa hàng rẻ mạt của người Tàu vào Việt Nam để làm triệt tiêu nền kỹ nghệ còn non kém của Việt Nam. Từ liên tưởng này người ta phải nghĩ tới hành động thâm độc của nhà Minh nhằm thu hút và tiêu diệt văn hóa của người Việt hồi đầu thế kỷ XV và đồng hóa dân tộc Việt. Đây là một sự kiện lịch sử không ai có thể chối cãi được. Tất cả đều đã được cả sử ta lẫn sử Tàu ghi chép, kèm theo với những văn kiện của chính triều đình nhà Minh. Đó là ba chỉ dụ của Minh Thành Tổ gởi cho các tướng lãnh nhà Minh khi quân Minh sang xâm lăng nước ta thời đó. Trong chỉ dụ thứ nhất đề ngày 21 tháng 8 năm 1406 gửi cho Chu Năng, Minh Thành Tổ đã căn dặn viên tướng này phải tìm bắt hết thợ thuyền và người tài giỏi đem về phương bắc. Riêng về sách vở, bia ký, ngoài việc tịch thu đem về Yên Kinh, Minh Thành Tổ đã ra lệnh đốt phá toàn bộ, theo đó "Một khi binh lính vào nước [Nam], trừ các sách kinh và bản in của đạo Phật, đạo Lão thì không tiêu hủy; ngoài ra, hết thảy mọi sách vở, văn tự cho đến cả những loại [sách ghi chép] ca lý dân gian, hay sách dạy trẻ, như loại có câu 'thượng đại nhân, khưu ất dĩ' một mảnh chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước phàm những bia do Trung Quốc dựng từ xưa đến nay thì đều giữ gìn cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá hủy tất cả, một chữ chớ để còn." (2) Tiếp theo, vì các tướng tá của ông đã không thực thi đúng những điều ông muốn, Minh Thành Tổ lại ra thêm một chỉ dụ nữa vào ngày 16 tháng 6 năm 1407 trong đó ông nghiêm khắc trách cứ họ không nghiêm chỉnh thi hành lệnh của mình và nhắc lại những điều đã nói trong chỉ dụ thứ nhất (và có thể trong nhiều lần trước và dưới những hình thức khác): "Nhiều lần đã bảo các ngươi rằng phàm An Nam có tất thảy những sách vở văn tự gì, kể cả các câu ca lý dân gian, các sách dạy trẻ như loại 'thương đại nhân, khưu ất dĩ,' và tất thảy các bia mà xứ ấy dựng lên thì một mảnh, một chữ, hễ trông thấy là phá hủy lập tức, chớ để sót lại. Nay nghe nói những sách vở đó quân lính bắt được, không ra lệnh đốt ngay, lại để xem xét rồi mới đốt. Quân lính phần đông không biết chữ, nếu đâu đâu cũng đều làm như vậy thì khi đài tải sẽ bị mất mát nhiều. Từ nay các ngươi phải làm đúng như lời sắc trước, truyền cho quân lính hễ thấy sách vở văn tự ở bất kỳ nơi nào là phải đốt ngay, không được lưu lại." (3) Chưa hết, nhằm xóa bỏ tất cả những vết tích của một chính sách triệt tiêu văn hóa của một dân tộc, ngay tám ngày sau, ngày 24 tháng 6 năm 1407, viên hoàng đế này lại ra một chỉ dụ nữa ra lệnh cho các tướng sĩ của ông phải cấp tốc thu hồi tất cả những tài liệu viết tay đã được ban ra từ trước, với nguyên văn "nay An Nam đã bình định xong [...] trừ các loại chỉ dụ ra, còn thì tất cả các đạo sắc viết tay và các ký sự, thư thiếp đã từng phát đi từ trước, cùng với sổ ghi chép mà Thành Quốc Công đã lĩnh hoặc các thư [sổ sách] trù nghị mỗi việc đều phải đem toàn số kiểm kê, đối chiếu niêm phong cẩn mật gởi trả lại, không cho lưu lại một chữ. Nếu có một chữ bỏ lại rơi vào tay bọn kia thì rất bất tiện." (4)

Hậu quả của tình trạng cướp phá kể trên là gì? Không phải dài dòng, ai cũng có thể đoán được và cảm thông với Ngô Sĩ Liên khi ông

viết trong bài biểu dâng sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* vào năm 1479 "Giáo mác đầy đường, đâu chẳng là giặc Minh cường bạo; sách vở cả nước đều trở thành một đống tro tàn." (5)

Bá Quyền Văn Hóa

Tại sao người Tàu nói chung và nhà Minh nói riêng theo đuổi một chính sách tịch thu và hủy diệt văn hóa của người Việt như vậy? Câu hỏi này có thể được trả lời một cách dễ dàng nếu, ngoài sự kiện cướp phá các sản phẩm văn hóa của người Việt kể trên của nhà Minh, người ta để ý tới các cống phẩm mà các triều đại Việt Nam phải nộp cho người Tàu. Ngoài các đặc sản hiếm có của địa phương, những cống phẩm này còn gồm có những học trò giỏi, những thợ chuyên môn giỏi, những thầy bói, thầy tướng số, thầy cúng, các nhà sư Phật giáo... Chính sách này là gì, nếu không phải là chính sách thu hút chất xám bằng cách cưỡng bách, dùng từ ngữ của thời hiện tại. Chủ đích của nó một mặt là ngăn chặn sự phát triển của văn hóa của một dân tộc mà người Tàu không thể không e dè, kiêng nể, mặt khác là làm gia tăng khả năng phát triển của chính quốc gia họ. Không những thế, kho tàng sách vở của người Việt bị nhà Minh tịch thu đem về Kim Lăng chắc chắn không phải để đốt bỏ, cũng không phải chỉ để chất chứa trong những thư tàng của họ. Rất có thể để làm giàu cho những sách mà họ sáng tác ta có quyền nghi ngờ là họ đã sửa đổi đề tên người của họ và cho ấn hành lại như là sách riêng của chính họ viết. Điều này thật là dễ dàng vì cả hai dân tộc Tàu và Việt đều dùng chữ Hán. Với thời gian, gốc tích Việt của các tài liệu này không còn nữa và Trung Quốc đã trở thành một thượng quốc theo đúng nghĩa của danh xưng này. Thượng quốc từ trung tâm biết hết, biết tường tận tất cả các nước chung quanh, là nắm quyền bá chủ cả về văn hóa chứ không riêng về chính trị. Chữ "trung" trong danh xưng Trung Hoa khi được lựa chọn bởi Tôn Văn và những người sáng lập ra Trung Hoa Dân Quốc và Trung Quốc khi được Mao Trạch Đông và những phụ tá của ông lựa chọn chắc chắn mang nặng tham vọng này. Trước đó người Tàu không hề dùng những danh xưng này mà chỉ dùng tên các triều như Đại Nguyên, Đại Tống, Đại Minh, Đại Thanh... (6)

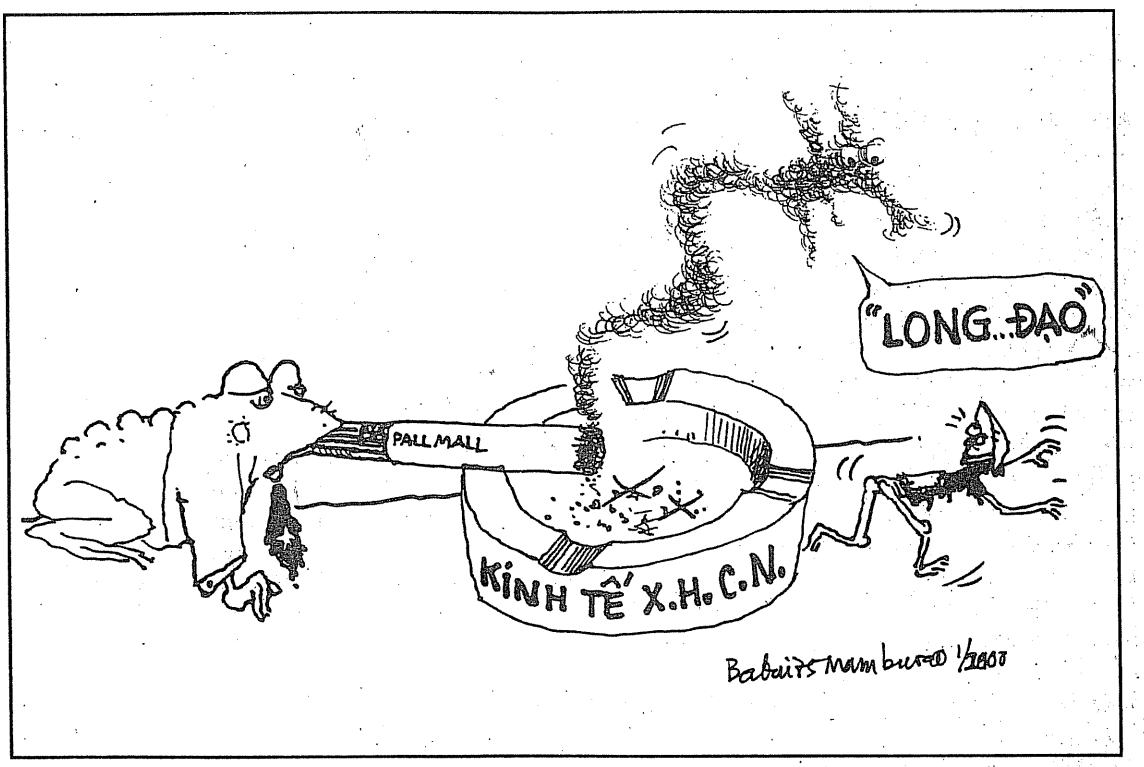

Làm Gì Được Bây Giờ

Việc ngăn chặn không để mất của trong một căn nhà là việc của người đương có trách nhiệm trông coi căn nhà đó. Trường hợp các

cổ vật ở Việt Nam đương nhiên là việc làm của chính phủ cộng sản ở Hà Nội. Cũng vậy với vấn đề bảo quản các cổ tích ở khắp trong nước. Có điều ở cả hai việc, chính quyền Hà Nội đã tỏ ra hoàn toàn bất lực hay không để ý tới, đôi khi có vẻ như đồng lõa trong cảnh hỗn loạn của chợ chiều. Người ta có thể hiểu được sự bê bối trong việc bảo tồn các cổ tích khiến cho "80% các di tích ở Hà Nội bị hư hại dần" (7) do việc lãnh đạo đất nước bởi những người có trình độ văn hóa kém, chỉ ham dùng bạo lực, đánh nhau giỏi ở trong rừng, ngoài ra không biết gì cả. Nhưng người ta không thể hiểu được bằng cách suy luận bình thường như là công dân một nước bình thường khi những pho tượng rất nặng vẫn có thể bị kẻ gian khiêng đi trong khi lực lượng công an nhân dân thì đầy rẫy. Bây giờ thì của đã mất, tìm lại được không phải là dễ, rồi thu hồi lại được hay không lại là một chuyện khác. Cái đau và cũng là điều mỉa mai đối với người Việt là rất nhiều những cổ vật này là thuộc nhiều trăm năm trước. Trải bao thời loạn lạc, tất cả vẫn còn đó và được chính người dân đời này sang đời khác nối tiếp nhau gìn giữ. Các chính quyền bị gọi là phong kiến tồi tệ xấu xa không hề đụng tới. Người phương bắc và người phương tây cũng không đụng tới được. Bây giờ dưới một chính quyền được gọi là của nhân dân chúng đã bị cướp mất. Cũng vậy, trải bao nhiêu thế kỷ, người ta rất sợ chuyện ăn cắp chuông chùa hay bất cứ cái gì của Phật, của chùa thì bây giờ người ta ăn cắp hết, kể cả tượng Phật. Điều này cũng để hiểu vì tín ngưỡng của con người đã bị phủ nhận. Nhưng đó chỉ là chuyện trộm cắp, còn chuyện bảo tồn, gìn giữ và tu sửa các cổ tích thì sao? Cơ Quan Văn Hóa Liên Hiệp Quốc trong tháng cuối cùng của năm 1999 đã quyết định liệt kê hai khu cổ tích Mỹ Sơn và Hội An ở miền Trung. Liệu cơ quan này có thể giúp ta làm được gì với nhu cầu bảo tồn các cổ tích ngay tại Hà Nội hay không? Còn người Việt như là đa số quần chúng đông đảo ở cả trong và ngoài nước thì sao? Câu hỏi được đặt ra nhưng không dễ trả lời.●

Chú thích:

(1) Số 1720, ra ngày Thứ Hai, 20 tháng 12 năm 1999.

(2), (3), (4) Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, Viện Văn Học. *Thơ Văn Lý Trần*, tập I, Hà Nội: Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 1977, Tr. 57-58.

(5) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, tập I*. Cao Huy Du phiên dịch. Hà Nội: Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 1967. tr. 19-20.

(6) Điều đáng tiếc là người Tàu luôn luôn tỏ ra kiêu căng, tham lam và thiển cận. Thay vì giữ vai trò lãnh đạo các nước nhỏ chung quanh để cùng tiến bộ nhằm xóa bỏ sự nhục nhã của một thế kỷ rưỡi trước, bảo tồn và phát huy những truyền thống của văn hóa Á Châu thì họ lại lấn át các nước này ở miền biển Đông Nam Á, đe dọa Đài Loan, mâu thuẫn với Ấn Độ, không thật lòng giải quyết các vấn đề Tây Tạng và làm những việc quá nhỏ mọn không thích hợp với vai trò của một nước có tiềm năng lãnh đạo thế giới trong không phải chỉ thế kỷ 21 mà còn cả thiên niên kỷ tới.

(7) Nhật báo *Người Việt*, xuất bản tại Quận Cam, Hoa Kỳ, số ra ngày Chủ Nhật, 12 tháng 12 năm 1999.

MuaSáchNào? www.tuluc.com

Nhà Sách TỰ LỰC

Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video

trên Internet

e-mail: buybooks@tuluc.com

Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc. Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ sử ụng, an toàn, cẩn mật. Bảo đảm không thất lạc.

Điện thoại: (714) 531-5290. Địa chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA

TỪ MẠN ĐÀ LA TỚI ĐÓA SEN NGÀN CÁNH

TIỂU HUYỀN

Người Việt Nam tại hải ngoại, nhất là những cộng đồng đang sinh sống tại Bắc Mỹ châu, trong vài năm qua, thường rủ nhau tham dự đông đảo những buổi giảng pháp của đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và các buổi lễ tạo dựng hoặc giải trừ đàn tràng Mạn Đà La của các nhà sư Tây Tạng. Trong khi đó, dân Âu và Mỹ châu gốc tây phương lại đang có phong trào tập thiền ngay trong đời sống hàng ngày theo pháp môn Đạo bụt nhân gian hay Đạo bụt nhập thế (Engaged Buddhism) của thiền sư Thích Nhất Hạnh, thuộc phái Liễu Quán, dòng thiền Lâm Tế Việt Nam.

Lối chào chắp tay cung kính và câu kệ "búp sen xin tặng người, một vị Bụt tương lai" do thiền sư Nhất Hạnh giảng dạy đang được nhiều trăm ngàn Phật tử dùng hàng ngày, như một phương pháp thực tập chánh niệm. Tuy chỉ có một số ít người có hy vọng làm cho đóa sen giác ngộ nở tung cả ngàn cánh, nhưng pháp môn thiền tập của vị hòa thượng người Việt thực sự đang được coi là một phương cách thực hành đạo Phật rất thực tiễn và hữu hiệu cho mọi người, bất kể họ thuộc sắc dân nào từ Âu sáng Á, Mỹ và Úc châu, kể cả những người theo các truyền thống tâm linh khác như Do Thái hay Thiên Chúa giáo.

"Mạn Đà La là một biểu tượng của vũ trụ và chúng sanh trong cảnh giới toàn hảo, nơi mà chư Phật và chư thiên an cư trong đó. Chư thiên không phải là các vị thần thánh mà là những hình thái khác nhau của Phật tánh." (theo Lạt Ma Mathieu Ricard, cựu khoa học gia Pháp). Trong nhiều ngày, các vị tăng Tây Tạng thiền quán và thiết lập đàn tràng Mạn Đà La một cách tỉ mỉ bằng cát màu, bằng bơ cứng hay bằng những thanh gỗ nhỏ. Bình thường có bốn hay sáu vị không cần thông đạt với nhau bằng lời, chỉ cùng im lặng thiền quán và vẽ nên những đồ hình lộng lẫy và cân xứng. Quý vị đó cũng không cần tới một mẫu mực nào trước mắt.

Quý tăng thực hiện Mạn đà la muốn chứng tỏ cho đại chúng thấy rằng ai cũng đều có Phật tánh tiềm ẩn trong tâm - Nếu như đại chúng tinh tấn tu tập, thực tập thiền quán chuyên cần thì họ cũng có thể thấy được cảnh giới mà quý vị ấy thể hiện trong Mạn Đà La. Khi Phật tánh trong tâm thức đại chúng được huân tập luôn luôn bằng các pháp môn thiền định, tụng kinh hay trì chú, thì lòng từ bi và tâm không phân biệt sẽ được phát khởi, con người sẽ tới được bờ giải thoát, hết mọi khổ đau.

Khi cử hành nghi lễ xóa bức Mạn đà la đẹp lộng lẫy sau nhiều ngày công phu tạo dựng nên, các tăng sĩ lại muốn dạy cho Phật tử bài học cụ thể và quý giá về Vô Thường chứ không phải quý ngài chỉ làm lễ để phù phép cho đống cát màu trở thành linh thiêng mà thôi. Nhiều Phật tử mê tín, cho rằng họ chỉ cần lễ bái, cúng dường và xin cát về rắc lên đầu người mới chết hay người bệnh nặng là thân nhân họ sẽ được an toàn. Định lực và từ lực của các bậc thầy lớn chắc chắn là có ảnh hưởng nhiều ít trên người nhận cát từ đồ hình Mạn Đà La, nhưng phải "tùy theo thiện nghiệp của người nhận mà cát thiêng có hiệu quả nhiều ít."

Nhà lãnh đạo của Phật giáo Tây Tạng - Đức Đạt Lai Lạt Ma và vị Thiền sư lưu vong hơn ba thập niên - hòa thượng Nhất Hạnh, là hai khuôn mặt lãnh đạo tâm linh nổi bật nhất trên thế giới trong cuối thế kỷ XX. Sách của hai ngài được ấn hành bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, có khi nhà xuất bản in hàng triệu cuốn ngay lần xuất bản đầu tiên. Hai ngài đều giảng dạy Phật Pháp, theo hai truyền thống khác nhau nhưng chủ đề vẫn nhất quán: "Biết Khổ, thì sẽ có con đường thoát khổ." Nhiều người theo học hai ngài không phải là Phật tử. Họ thuộc các truyền thống tâm linh khác như Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo... Do sự hành trì các pháp môn của những bậc chân tu giảng dạy, nhiều người đã gần với Thượng Đế của họ hơn, sống đời tỉnh thức và hướng thiện hơn trước. Báo chí Âu Mỹ thường thuật lại những trường hợp chuyển hóa tốt đẹp của những người không theo Phật.

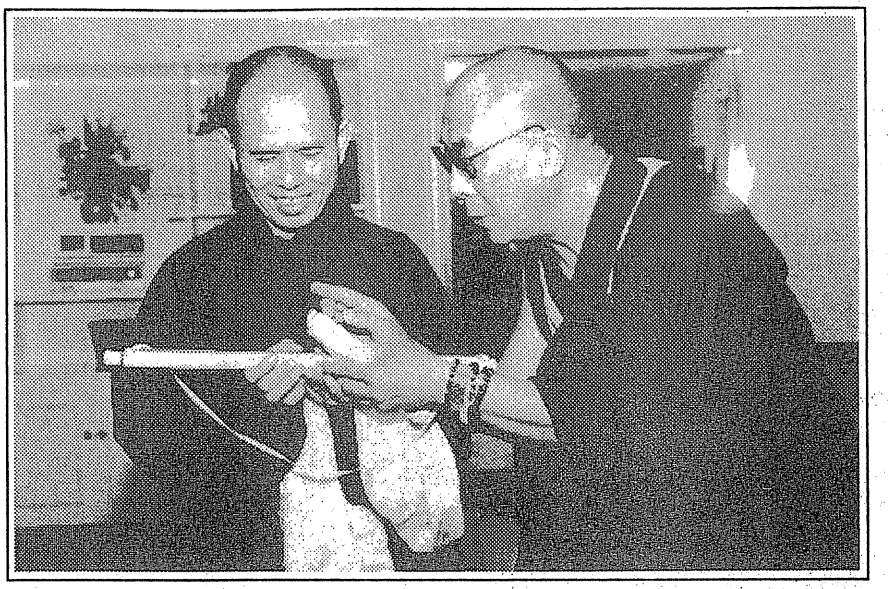

Đức Đạt Lai Lạt Ma và Hòa Thượng Nhất Hạnh tại hội nghị về Tôn Giáo Thế Giới tháng 9/1993 tại Chicago.

Tại đạo tràng Làng Mai (gần tỉnh Bordeaux, nước Pháp), trong các khóa tu mùa hè dành cho đại chúng hàng ngàn người, mỗi khi Thầy Nhất Hạnh giảng dạy bằng tiếng Việt, thường phải có các vị phụ tá phiên dịch ra bốn, năm thứ ngôn ngữ khác nhau (Anh, Pháp, Ý, Đức và Tây Ban Nha). Phật tử quốc tế bắt chước người Việt, gọi hòa thượng là Thầy Nhất Hạnh một cách thân tình. Họ nghe theo lời Thầy dạy, thực tập chánh niệm để có ý thức vào việc chào nhau bằng búp sen; lạy tạ ơn tổ tiên tâm linh và tổ tiên huyết thống; đi bộ (thiền hành), uống trà, ăn cơm im lặng, nghe chuông chùa hay chuông nhà thờ, chuông đồng hồ và tiếng điện thoại. Họ thực tập cả thiền ôm (hugging meditation) khi từ biệt hay gặp lại nhau, thiền rửa chén, thiền quét dọn. Có khi Thầy cũng lập đàn tràng Giải Oan sau khóa tu để giúp các cựu chiến binh Hoa Kỳ tế lễ, sám hối và bằng khoa Duy Thức, thầy "chữa trị" những vết thương tâm lý không lành hẳn sâu trong họ từ thời chiến tranh Việt Nam (từ 1/ 4 thế kỷ trước). Rất nhiều người đã tìm thấy hoặc tạo lại được truyền thông với người thân để sống hạnh phúc hơn. Báo giới Mỹ gọi thầy là vị Thiền Sư dễ mến nhất, báo chí Pháp gọi Thầy là Doctor Es Bonheur (Bác sĩ của khoa học Hạnh Phúc).

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng giảng dạy nhiều về cách sống Hạnh phúc trong mấy cuốn sách mới xuất bản và là những cuốn bán chạy nhất (Best seller), như cuốn *The Joy of Living and Dying in Peace* (Sống Hạnh Phúc Chết Bình An) và *The Arts of Happiness*... Ngài cho mục đích của đời người là làm sao Sống cho có hạnh phúc chân thật, để khi chết không bị khổ đau vì những ác nghiệp - là thứ duy nhất ta có thể và sẽ phải mang theo.

Nhân duyên đầu tiên của Đạt Lai Lạt Ma với dân tộc Việt nam khởi đầu trong một ngày mùa thu năm 1967, lần thứ nhất trong cuộc đời lưu vong ngài ra khỏi xứ Ấn để đi thăm Thái Lan và Nhật Bản. Trong cuốn Tự truyện của ngài (tức *Freedom in exile - Tự Do trong lưu đày*, Văn Nghệ xuất bản 1993), ngài viết: "Lúc đó chiến tranh Việt Nam đang tới cao điểm. Tôi (Đạt Lai Lạt Ma) nhớ có lúc đang bay trên cao, tôi trông thấy chiếc máy bay lớn (pháo đài bay B52) đang bay qua mặt chúng tôi. Tôi buồn bã nghĩ rằng chiếc máy bay này sắp thả

bom, không phải thả chơi xuống biển mà là ném xuống những con người giống như tôi. Tôi lại càng cảm thấy đau buồn vì ngay cả khi ở trên cao 10 ngàn thước, mình vẫn phải thấy dấu hiệu con người đối xử với nhau trái nhân đạo..."

Tấm lòng bi mẫn thương xót chúng sinh bị bom đạn ngày đó của ngài - phải chăng ngày nay đang biểu hiện thành những tương quan tốt đẹp giữa Phật tử Việt Nam hải ngoại và tăng đoàn Tây Tạng? Trong buổi gặp gỡ quần chúng Việt Nam đầu tiên (tháng 6/1993) tại Montréal, Canada, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã mở lời một cách ngậm ngùi: "Nhìn thấy quý vị, tôi thật nhớ đồng bào tôi..." Dân tộc Tây Tạng và Việt Nam đều còn đang phải chịu sự lãnh đạo của nhà cầm quyền Cộng Sản. Tuy Việt Nam không bị ngoại nhân đô hộ và tìm cách diệt chủng như Tây Tạng, nhưng Việt Nam cũng giống như Tây Tạng, cả dân tộc đang bị những người ít thiện tâm nắm quyền chỉ huy. Cảnh giàu nghèo chênh lệch còn hơn thời phong kiến: con em dân nghèo hầu hết chịu thất học và còi cọc vì thiếu ăn, trong khi con cái các "nhà lãnh đạo" lái xe BMW đi du học tại Âu Mỹ, y như con nhà triệu phú các xứ này!

Khi tổng kết về thế kỷ XX, các giới truyền thông đa số đồng ý với nhau rằng: tuy nhân loại đã tiến những bước khổng lồ về khoa học kỹ thuật, các phương tiện truyền thông ngày càng tối tân giúp loài người có thể tới bên nhau rất dễ dàng, và các sinh hoạt của đời sống ngày càng nhiều tiện nghi mới lạ do kỹ thuật điện tử... Nhưng, những vấn đề căn bản về Khổ đau, hạnh phúc của con người hầu như vẫn còn nguyên. Hầu như con người chúng ta giàu có hơn thì cũng trở nên cô độc hơn, ít hạnh phúc hơn thời chưa tiến bộ.

Tuần báo Times chọn nhà khoa học Albert Einstein là nhân vật số một của thế kỷ XX, vì những phát kiến của ông đã là động cơ chính thúc đẩy sự tiến bộ của nền văn minh hiện đại. Nhưng, một trong các cuốn sách được giới kinh doanh Mỹ tìm đọc nhất ngày nay lại là cuốn *Ethics for The New Millenium - Đạo đức trong thiên kỷ mới,* bản tiếng Việt do Văn Nghệ xuất bản) của Đạt Lai Lạt Ma. Chúng ta đều biết, các nhà tư bản của giới doanh nhân Mỹ là những người rất quan trọng trong guồng máy kinh tế, chính trị và xã hội của xứ này, và họ có ảnh hưởng lan rộng tới đời sống của các dân tộc khác vì liên hệ kinh tế toàn cầu. Nếu giới doanh nhân chú ý tới vấn đề tâm linh như vậy, thì đó là chuyện thật đáng mừng cho thiên kỷ mới bắt đầu bằng năm 2000. Và chúng ta có thể hy vọng họ sẽ hướng các hoạt động kinh doanh về mục tiêu tạo phúc lợi chung cho loài người, thay vì cho cá nhân và gia đình họ mà thôi.

Cho dù y khoa tiến bộ tới đâu thì chúng ta cũng "không thể thay thế phần não bộ gây ra những phiền giận, lo âu trong tâm trí ta bằng cách giải phẫu, cắt bỏ nó đi." Những sân si, tham đắm... là những kẻ thù lấy mất niềm an vui thanh thản của chúng ta. Và cũng chính những phiền não đó, chúng "có thể đẩy ta xuống địa ngục tức khắc" khi chúng xuất hiện, dù cho ta có ngồi trên đống vàng hay có quyền uy lừng danh thế giới... Đó là ý kiến của Đức Đạt Lai Lạt Ma khi ngài viết về vấn đề "Sống Hạnh Phúc, Chết Bình An" (*?The Joy of Living and dying in peace* - bản Việt ngữ do LCP mới xuất bản cuối năm 1999). Mục tiêu của đời sống, theo ngài, chính là cuộc sống có Hạnh Phúc chân thật, một khả năng nội tại mà chính con người phải tự tạo cho mình. Con người chỉ đạt tới hạnh phúc chân thật khi họ quan tâm và giúp đỡ người khác, đồng thời với việc tạo phúc lợi cho chính mình. Khi có lòng thương người và các loài sinh vật khác, khi khơi mở được tiềm năng sống tỉnh thức (sống có chánh niệm), chúng ta có thể phát triển sự hiểu biết và lòng thương yêu vô điều kiện sẵn có trong tâm thức ta. Chúng ta sẽ được giải thoát, có thể sống hạnh phúc trong bất kỳ hoàn cảnh nào và "phước báu sẽ tuôn tràn..."

Trong cuốn *Đạo Đức cho thiên Kỷ mới*, Đức đạt Lai Lạt Ma nói tới sự khổ đau của người giàu có tại các xứ tân tiến, tổng kết lại hầu như không kém gì những người nghèo sống tại những nước kém văn minh, tuy có khác nhau về thể loại. Nhân danh một Con Người trong cộng đồng nhân loại, Đạt Lai Lạt Ma đưa ra những tiêu chuẩn phổ cập và nhân bản cho nền đạo đức vào đầu thiên kỷ 2000. Theo ngài, tôn giáo không còn quan trọng trong loài người tiến bộ nữa. Hiện chỉ có 1/6 dân số trong hoàn vũ là có lòng tin vào một tín ngưỡng, còn đa số 5/6 nhân loại không thực hành một tín ngưỡng tâm linh nào... Vậy khi muốn cho thế giới hòa đồng, con người sống có hạnh phúc và lý tưởng, tất cả loài người chúng ta cần thực hành những tiêu chuẩn chung về đạo đức: hiểu biết về tương quan không thể tránh né được giữa ta và người khác, giữa loài người và các sinh vật, cây cỏ

trên trái đất... Nhận thức rằng ta cũng như người khác, ai cũng có quyền và ai cũng chỉ mong sống sung sướng, không bị khổ đau. Từ vài luân lý căn bản đó, chúng ta hiểu được sự quan yếu của tâm bình đẳng và từ bi. Biết thương mọi người và mọi loài, chúng ta sẽ không làm những hành động nào bức hại kẻ khác vì muốn tạo riêng phúc lợi cho mình... Và xã hội sẽ an bình, mọi người đều có thể "Sống Hạnh Phúc, Chết Bình An."

Nhân danh một con người để phát biểu như trên dù ngài đang là người lãnh đạo của Phật Giáo có tiếng tăm bậc nhất, đức Đạt Lai Lạt Ma đã thể hiện rất rõ tính chất cởi mở và vô ngã của đạo Phật. Những lời giảng dạy của Đạt Lai Lạt Ma cuốn hút hàng chục ngàn người mỗi khi ngài nói pháp tại Hoa Kỳ do lòng kính ngưỡng đạo hạnh và sự khiêm cung hiếm có nơi con người nổi tiếng đó, cũng như do sự thương cảm cho dân tộc Tây Tạng đang bị Cộng Sản Trung Quốc đô hộ khắc nghiệt. Cùng với Đạt Lai Lạt Ma, Thầy Nhất Hạnh từ nhiều năm qua khi dạy thiền cho rất nhiều người theo tôn giáo khác, thường khuyến khích họ tìm về với gốc rễ tâm linh cũ của họ, không cần cải sang đạo Phật mà chỉ cần thực tập để có tâm tỉnh thức - có chánh niệm trong mọi hành động, là đã bớt khổ, sống an vui hơn...

Trong chiều hướng vô chấp đó, thiền sư Nhất Hạnh trong vài năm mới đây đã khuyến khích các môn sinh thành lập các Trung tâm Thiền không phân biệt tôn giáo (Mindfulness Practice Center - viết tắt là MPC - non sectarian) để bất cứ ai cũng có cơ hội thực tập Chánh niệm (tỉnh thức). Chỉ cần dăm mười bạn tu trong một trung tâm nho nhỏ như vậy, chúng ta có thể thực tập Chánh Niệm ngay trong đời sống hàng ngày để rồi có thể chuyển hóa tự thân, và trở thành những nhân duyên tốt giúp cho người gần cận biết tới con đường màu nhiệm của đạo thoát khổ: Nhìn sâu để Hiểu và để Thương tất cả mọi người và mọi loài. Hiểu được mình và người khác thì dần dần sẽ bớt được sân si và không thể giết hại hay trộm cắp, tà dâm, nói dối hoặc say sưa nghiện ngập. Nếu đa số loài người thực tập theo bất kỳ tín ngưỡng nào mà đi tới sự Hiểu và Thương như vậy thì cả thế giới sẽ có hòa bình và an lạc hơn.

Gần với thời kỳ Đức Phật thuyết pháp, Khổng Phu Tử (người nước Lỗ, Trung Hoa thời Chiến Quốc) cũng có nhiều nguyên tắc đạo lý căn bản để người dân có thể sống hòa hợp với nhau - trong có một điều rất gần gụi với giáo pháp của Phật: "Kỷ sở bất dục - vật thi ư nhân" (Cái gì mình không thích thì đừng làm cho người khác!).

Đức Đạt Lai Lạt Ma và Thầy Nhất Hạnh cùng giảng dạy theo giáo pháp của Phật Thích Ca sống từ hơn 2500 năm trước. Có khác chăng là thời xưa, chỉ có dân một số tỉnh trong miền Bắc Ấn Độ là được nghe lời Đức Phật giảng, thời nay thì bất kỳ ai trên thế giới cũng có thể nghe và nhìn thấy quý Thầy trong băng cassette hay băng Video, chưa kể tới sách của quý ngài, được ấn hành bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau nữa. Vào những năm chót của thế kỷ này, kỹ thuật tân tiến của Computer khiến cho lời giảng của quý thầy có thể tức khắc biến thành sách, nếu như người đọc và nghe trên máy muốn "down load" và in ra... Thiên kỷ mới bắt đầu với nhiều hy vọng mọi người biết đạo lý nhiều hơn để sống có hạnh phúc hơn - hay thiên kỷ mới sẽ vì vận tốc cực nhanh của computer mà thế giới có thể nổ tung vì sân si của con người?

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

NGÀY XUÂN VÀ LỄ HỘI CẦU NGƯ

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Làng Hưng Lương và Xương Lý (1) chỉ cách nhau một đồi cát, đều ngó ra biển và nằm về phía đông bán đảo Triều Sơn, nhưng Hưng Lương xoay mình hứng gió bấc nên thường gọi là Vũng Bấc, Xương Lý lại nghiêng về đông nam hưởng trọn gió nồm nên gọi là Vũng Nồm. Ở vào địa thế ba mặt cát trắng vây phủ, dân chúng của hai làng này sống về nghề đánh cá biển; cuộc đời gắn bó với sóng nước, may ít rủi nhiều, vì thế họ tin rằng có đấng thần linh cứu giúp họ.

Ngày xuân đối với ngư dân là những ngày bận rộn nhất trong năm vì đang mùa cá. Ăn tết Nguyên Đán xong, dân chài làm lễ cáo Thủy Thần trước khi ồ ạt ra quân cho vụ mùa năm mới. Tuy hai làng nằm sát cạnh nhau nhưng Xương Lý tổ chức lễ vào đầu mùa tức ngày mồng 10 tháng giêng âm lịch, thể hiện đúng nghĩa Lễ hội Cầu Ngư, còn làng Hưng Lương, định lệ hằng năm vào ngày mồng 6 tháng 3 âm lịch, cũng gọi là lễ Cầu Ngư nhưng mang ý nghĩa lễ mừng Tạ Ơn, vì họ đợi đến giữa mùa cá mới cúng tế. Dù tổ chức sớm hay muộn, đây vẫn là lễ hội lớn nhất trong năm mới của hai làng này.

Buổi chiều trước ngày hành lễ, ngư dân tề tựu đông đủ, chỉ trừ phụ nữ đang có kinh nguyệt không được bén mảng đến, còn bao nhiêu đều phải có mặt tại lăng thờ ông Nam Hải (cá voi) và đợi quá nửa đêm, bước sang đầu giờ Sửu (1 giờ sáng) mới cử hành lễ.

Ban tế lễ gồm vị chánh tế mặc áo rộng xanh, đội mũ lễ, mang hia đứng giữa chiếu tế trực diện với chánh điện. Vị bồi tế cũng mặc lễ phục như chánh tế và đứng sau, cách một bước sải chân (khoảng một mét). Ngoài ra còn có bốn học trò gia lễ mang trống chiến (mặt trống gần bằng trống chầu nhưng thân trống ngắn bằng một phần ba), từng cặp đối xứng đứng hầu hai bên án trong và hai bên tiền đường. Ban nhã nhạc ngoài nhóm kéo đàn cò và thổi kèn còn có một người đánh trống chầu đứng bên tả và một người đánh chiêng đứng bên hữu sân tế. Lễ vật gồm có bò, heo, bánh mứt, hoa quả. Các con vật chịu lễ, bị trói chặt, tắm rửa sạch sẽ, đặt nằm trên sạp trước sân tế.

Đứng đầu ban tổ chức là vị Hương lễ tuyên bố khai mạc, tức thì ba hồi chín tiếng trống chầu gióng lên rồi đến ba hồi chín tiếng chiêng vang dậy. Trên bàn thờ hương trầm nghi ngút, tăng thêm vẻ uy nghiêm. Bốn học trò gia lễ vừa đi vừa đánh nhịp trống, từ từ tiến vào vị trí đã định sẵn. Rồi đến lượt chánh tế và bồi tế, hai tay chắp lại cung kính tiến vào chiếu tế trước chánh điện, theo nhịp trống của bốn học trò gia lễ.

Các đồ tể mặc áo gọn gàng, buộc thắt lưng đỏ, cầm dao phay bén nhọn, đứng bên sạp đợi lệnh. Một lần nữa, ức và cổ con vật chịu lễ được chùi sạch bằng khăn ướt và lau lại bằng khăn khô, rồi cắt tiết, máu tươi được hứng vào thau sạch, đem dâng tế Thủy thần.

Bốn học trò gia lễ đồng loạt xướng hưng, bái. Khi xướng "hưng" thì hai vị chánh tế bồi tế đứng thẳng người, chắp tay trước ngực. Khi xướng "bái" thì cả hai vị quì xuống, đầu cúi sát, trán chạm đất. Lạy đúng ba lần, học trò lễ

xướng "Hưng, bình thân."

Xong tiết mục lễ bái, vị Hương lễ đọc văn tế với đại ý cầu xin Thủy Thần Đông Hải phò hộ cho trời yên bể lặng, năm mới được mùa cá. Sau đó, màn hát bả trạo (hát có cầm mái chèo) tượng trưng cho con thuyền ra khơi đánh cá. Đây là loại dân ca nghi lễ ở vùng ven biển miền Nam Trung Việt, trình bày hoạt cảnh bơi thuyền qua nghệ thuật diễn tuồng. Diễn viên toàn là đàn ông, vừa hát vừa múa nhịp nhàng theo động tác chèo, lái.

Đội hình hát bả trạo sắp xếp theo mặt bằng của chiếc thuyền, đầu đuôi nhọn, phần giữa phình ra; gồm một Tổng tiền (tức Tổng mũi) đứng trước, tiếp theo có tám hay 12 hoặc 16 con trạo còn gọi là bạn chèo (luôn luôn số chẵn) xếp hai hàng dọc, một Tổng thương (tức Tổng khoang) đứng giữa hai hàng bạn chèo và sau cùng là Tổng hậu (tức Tổng lái).

Về trang phục và trang cụ, Tổng mũi và Tổng lái mặc lễ phục cổ truyền: khăn đóng, áo dài cặp trong trắng ngoài đen, quần trắng. Tổng mũi còn phải hóa trang rực rỡ, nai nịt oai vệ như một vị tướng, tay cầm cặp sênh quay về phía bạn chèo gõ nhịp điều khiển. Tổng lái hai tay cầm mái chèo dài khoảng hai mét, múa động tác lái thuyền. Tổng khoang và các bạn chèo ăn mặc gọn gàng, đầu chít khăn, thắt lưng đỏ, nhưng Tổng khoang mặc áo ba màu trang trí thành từng vằn hoặc xen kẽ nhau theo hình lát chả, quần xăn quá gối, tay cầm gàu, cúi xuống ngẩng lên theo nhịp điệu, diễn cảnh tát nước trong thuyền ra. Các bạn chèo đồng phục trắng, chân đi đất, ống quyển quấn xà cạp, tay cầm mái chèo ngắn độ 1,2 mét có sơn đầu trắng đầu đen, theo nhịp sênh đồng loạt cúi về phía trước rồi ngã mình ra sau, biểu diễn động tác chèo thuyền.

Về nghệ thuật, các động tác của diễn viên tuy diễn lại những việc làm của nghề nghiệp mang tính dân gian nhưng đã được cách điệu hóa nên phối hợp nhịp nhàng với tiếng nhạc lời ca. Hát bả trạo còn chịu ảnh hưởng của các tuồng, sử dụng các làn điệu như xướng, nói lối, ngâm, hát nam, hát tấu, hát ban... Mỗi lời nói là một câu thơ nên mang đậm nhạc tính. Vì vậy, phần đệm âm của hát bả trạo ngoài tiếng sênh ngắt nhịp, còn có đàn cò, trống cơm và kèn để đưa hơi.

Về diễn xuất, khi giàn nhạc trỗi lên, đội hình bả trạo theo hàng một tiến ra sân diễn, đi đầu là Tổng mũi, rồi đến Tổng khoang, tiếp theo là các bạn chèo, sau cùng là Tổng lái (hình 1).

Mái chèo được cầm dựng đứng bên tay phải, bàn tay bồng lấy chuôi chèo, mũi hướng thẳng lên trời. Đến chỗ qui định, các diễn viên đi quanh theo chiều kim đồng hồ xếp thành vòng tròn (hình 2).

Ba ông Tổng bước lui vào trong vòng tròn và xếp hàng dọc, đứng trước là Tổng mũi, giữa có Tổng khoang (đứng đúng vị trí tâm điểm của vòng tròn), sau cùng là Tổng lái (hình 3).

Nghe hiệu lệnh hai tiếng sênh, các con trạo ở cung tròn bên tả và cung tròn bên hữu tách vòng, xếp thành hai hàng dọc. Tổng khoang đứng yên vị trí, tức ở giữa hai hàng bạn chèo. Tổng mũi tiến tới đứng trước và cách đều hai hàng dọc bạn chèo. Tổng lái lùi lại, đứng sau bạn chèo và thẳng hàng với hai tổng kia (hình 4).

Tổng mũi gõ hai tiếng sênh, các bạn chèo ở hai bên hàng dọc, từng cặp đối xứng, đầu mũi chèo bắt chéo vào nhau ở trên cao khỏi đầu. Gõ hai tiếng sênh kế tiếp, mái chèo lộn nửa vòng đối xứng từng cặp để mũi chèo chéo nhau dưới đất. Hai tiếng sênh nữa, các con trạo vung mái chèo khua một vòng, rồi hai tay đỡ mái chèo nằm ngay trước bụng trong tư thế đứng nghiêm. Tiếp hai tiếng sênh, Tổng lái tiến lên đứng phía bên trái Tổng mũi, còn Tổng khoang thì đứng phía bên phải, thành hàng ngang trước điện thờ ông Nam Hải.

Lễ bái bắt đầu. Trong lúc vị chủ lễ long trọng đọc văn tế, Tổng mũi ra hiệu lệnh cho đám bạn chèo nâng mái chèo lễ bốn lạy. Khi dứt bài văn tế, hai tiếng sênh báo hiệu, Tổng lái và Tổng khoang lui về vị trí cũ, đội hình y như hình 4. Rồi hai tiếng sênh tiếp theo, các con trạo bật mái chèo, hai tay cầm cán và hướng mũi cheo ra phía ngoài, đối xứng nhau từng cặp, sẵn sàng trong tư thế chèo thuyền.

Xong phần biểu diễn đội hình, đến lượt múa bả trạo cũng do Tổng mũi điều khiển. Hai tiếng sênh ra hiệu cho Tổng lái cất giọng trước:

Tổng hậu (Tổng lái) xướng (2):
An nội lễ nghi chỉnh túc
Đăng chúc huy hoàng
Truyền cho bả trạo lưỡng ban
Xếp chèo vào bái yết.
Con trạo (đồng thanh):
Dạ!
Tổng hậu:
Xuân thu lộ tiết
Thốn niệm thanh hương

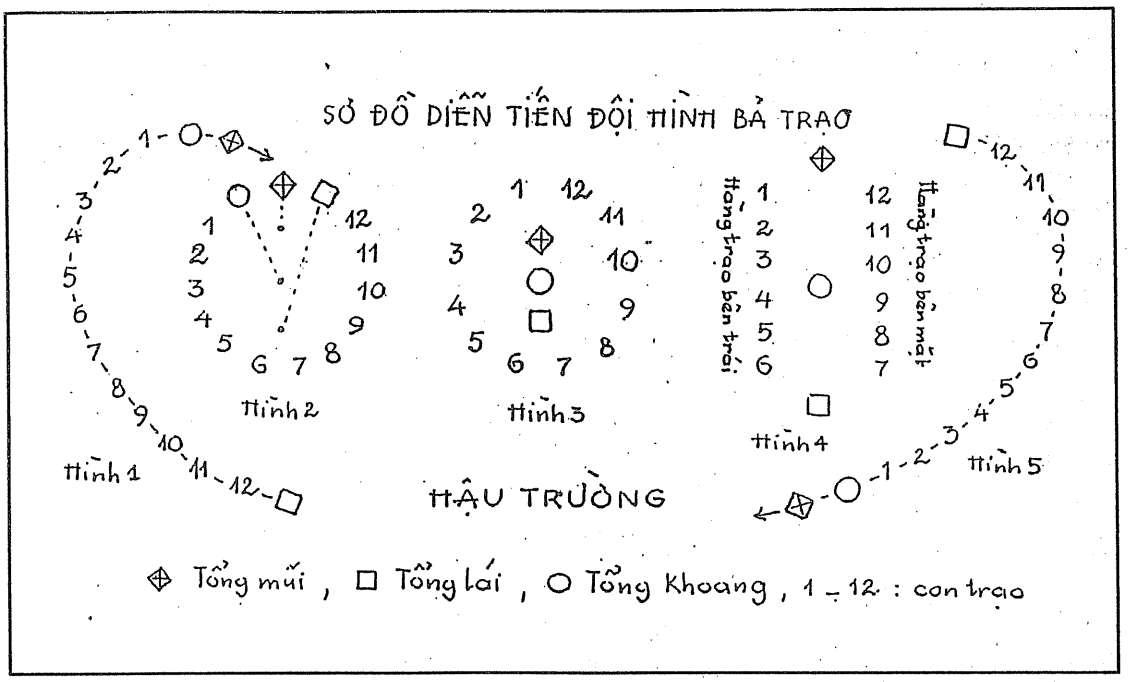

Tửu cúc trà lan
Ở bả trạo!
Cái (3) khai thuyền hầu trạo.
Trạo (đồng thanh):
Dạ!
Hạ thiên quan thủy sắc
Hối nhật chiếu huy hoàng.
Khai thuyền hầu linh vị
Đẳng bá trạo quí vương!
Đẳng bá trạo vương!

(Theo tiếng phách của Tổng tiền, các con trạo diễn động tác chèo thuyền. Khi Tổng mũi quay về phía con trạo gõ sênh, đám bạn chèo cúi mình và hai tay nắm chuôi chèo với ra đằng trước giả làm động tác chèo thuyền. Khi Tổng tiền quay về phía mũi thuyền để gõ sênh, đám bạn chèo ngã mình ra sau và hai tay co lại như động tác làm đẩy con thuyền lướt trên mặt nước. Các động tác phải đồng bộ và nhịp nhàng).

Tổng hậu (tay lúc nào cũng làm động tác giữ chèo lái)
(Xướng)
Chói rạng hai vầng nhật nguyệt
Thẩm sâu một dải giang hà
Ngàn năm vang tiếng âu ca
Muôn thuở đền ơn báo bổ
Dâng tế lễ Cầu Ngư lạc lợi
Đội ơn nhuần lệ nhỏ chứa chan.
(Điệu nam ai)
Chứa chan cất mái chèo
Cơn lại đòi cơn
Anh em bả trạo ơi!
Phong phất phất, thủy phau phau
Buồm dong biển ái, lèo sang mặt sầu
Trải qua mấy dặm biển dâu
Ngàn năm tế độ sông sâu khôn lường.
Tổng tiền:
Truyền cho bả trạo lưỡng ban
Đồng thanh ca nhất loạt!
Con trạo (đứng tại chỗ) đồng thanh:
Dạ!
Lan tương lưu phiếm phiếm
Quế chấp trạo khinh khinh
Độc tạ quyền linh ứng
Âu ca khứng khải hành
Âu ca khứng khải hành!
(Động tác chèo)
Tổng hậu (điệu nam ai):
Khải hành ngàn trùng vời vợi
Nghĩ như Ông (4) ta là
Giữa sóng dồi vùng vẫy lượn xoay
Đến khi phụ mẫu rằng nghe
Thấy tin lên dọi (5) quay lui trở về.
Tổng khoang
(vào, nói lối, xưng tên):
Trước kính thờ tôn vị
Sau vâng lệnh toàn ban
Ngô biểu hiệu trung khoang
Như tôi là đạo tôi con giữ trọn một niềm
Ngó xuống thuyền nước đã đầy khoang
Gàu gáo nọ tay sang
Khi gàu gáo nọ nước kia ta tát.
(Điệu nam ai)

Tát nước kia cho ráo
Anh em ơi bả trạo ơi!
Hễ làm người tất phải biết công ơn
(Nói lối)
Anh em bả trạo ơi!
Rán mà chèo
(Điệu nam ai)
Chèo cho bỏ mái qua lui
Nhờ ơn buồm thuận gió xuôi hội này.
(Nói lối)
Ổ bả trạo ơi! Anh em rán mà đưa thuyền
Cho tới nơi Giang đáo xứ túc hộ trì
(Điệu nam ai)
Dầu cho sóng ngả gió day chi sờn.
Tổng tiền:
Truyền cho bả trạo nghe tổng tiền
Hò cho tử tế chứ chẳng phải chơi nghe.
Con trạo (đồng thanh):
Dạ! (tay chèo)
Tổng tiền (bắt ban hát đồng thanh):
Trời cao đất dày rộng vơi vơi
Ngàn thu ân đức muôn đời oai linh!
Con trạo (họa lại):
Ngàn thu ân đức muôn đời oai linh!
.....

Trong khi diễn hát, Tổng mũi có thể tùy sáng kiến mở rộng vai tuồng với khả năng nhập vai tài tình, khi thì như một ngư ông trên biển cả, khi thì như một tiên ông uống rượu ngâm thơ luận sự tích cổ kim, khi thì như một vị thuyền trưởng, tài ba lèo lái con thuyền trong cơn bão táp... Tất cả thủ thuật đều được phô diễn, gây nên không khí sinh động, nhưng điều tối kỵ là Tổng mũi không được làm hề, trong cương vị của người chỉ huy, phải giữ nghiêm trang cho buổi lễ. Như vậy, vai Tổng mũi phải là một nghệ sĩ thành thạo, biết đủ các làn điệu dân gian từ ca, ngâm, lý, hò, hát bài chòi, phú... đến các làn điệu hát tuồng như nói lối, tán, oán, thán, xướng, hát nam...

Tổng lái cũng là một nghệ sĩ chuyên nghiệp mới có thể đối đáp, phụ họa và phối hợp nhịp nhàng với Tổng mũi.

Vai Tổng khoang có thể vận dụng tối đa khả năng giễu cợt bằng dáng điệu, bằng nét mặt, cả giọng nói, tỏ vẻ lăng xăng rộn ràng, chọc cười khán giả càng nhiều càng tốt, như đoạn sau đây:

Tổng hậu (báo):
Dông! Bớ chú Tổng, dông! dông!
Tổng khoang (đang ngủ, giật mình, vẻ dớn dác):
Dông hồi nào?
Tổng hậu:
Dông hồi này chớ hồi nào!
Tổng khoang:
Thôi cấp dã, chơn cấp dã!
Nguy tai, thậm nguy tai!
Xem đầu hôm sao tỏ, trăng thanh,
Sao khuya lại mây giăng mù mịt?
Âu là ta lánh chốn ba đào hưng vãng.
Tổng hậu:
Ổ trung khoang!
Phó cho trung khoang gìn giữ nội thuyền
Đặng canh lấy nước non mà tát.
Tổng khoang:
Dạ! Dạ! Ngô thọ giáo, ngô thọ giáo
Nguyện đương nguy, nguyện đương nguy
Âu là ta giở vạt ngố hầu
Nhảy xuống khoang tát nước.
.....

Màn diễn bả trạo kéo dài với 329 câu hát qua 46 lượt đối đáp giữa ba ông Tổng và các con trạo. Khi sắp vãn tuồng, Tổng hậu gọi các bạn chèo:

Ổ bá trạo!
Án tiền hành lễ ký
Đồng thanh hát:
Phụ tạ anh linh chi tí
Ngưỡng mong đầm nội siêu thăng
Trạo tử đồng thành tâm
Tạ ân an vị!

Tổng mũi gõ hai tiếng sênh ra hiệu kết thúc buổi diễn. Bạn chèo dừng tay dựng mái chèo thẳng đứng bên tay phải, còn Tổng khoang vác gàu lên vai tiến lên đứng sau Tổng mũi. Hai tiếng sênh kế tiếp, Tổng mũi và Tổng khoang rẽ về phía bên phải, rồi hướng về phía hậu trường, tiếp đến là bạn chèo, theo số thứ tự từ nhỏ đến lớn, con trạo hàng dọc bên trái đi trước rồi tới hàng dọc bên phải, sau cùng là Tổng lái, lần lượt đi khuất vào trong (hình 5).

Xong màn hát bá trạo, buổi lễ vẫn chưa dứt vì còn một tiết mục quan trọng là hát án, tức là hát bội cho thần thánh xem. Dân làng dựng sẵn nhà tạm ngay trong khuôn viên lăng thờ, trần thiết hương án với đầy đủ nghi trượng và đối diện với sân khấu. Để tỏ hết lòng cung kính, ban tổ chức thuê những gánh hát danh tiếng trong tỉnh như ban Bầu Thơm, Bầu Phàn, Chánh ca Mi ở phủ Tuy Phước, hay ban Chánh ca May ở phủ An Nhơn, hoặc là lên huyện Bình Khê thỉnh gánh Bát Én. Tuồng hát cũng được chọn lọc, hợp với sự cung nghiêm như Hoa Dung Lộ (Quan Công tha Tào Tháo), Cổ Thành (Quan Công Quá

Quan)... và phải diễn cho hết tuồng, có khi đến sáng mới xong. Đào kép được mời hát án phải giữ mình sạch sẽ, tinh khiết, lời ca điệu múa phải nghiêm túc. Khán giả dù sang hèn, chức cao quyền trọng cũng phải tự coi mình là kẻ xem ké của thần linh, mọi người đều tỏ ra cung kính, khép nép, giữ yên lặng và trật tự.

Tiếp sau đêm tế lễ ở lăng ông Nam Hải, dân làng còn tổ chức hát bội ba đêm liền nhưng dời sân khấu ra bãi cát rộng, bên ngoài lăng cho mọi người xem, tránh sự xâm nhập tà tạp, mang ô uế đến nơi thờ phượng.

Không khí Tết ở đồng quê còn kéo dài suốt cả tháng giêng âm lịch, mùa gặt chưa đến, dân chúng rảnh rang dạo chơi xuân nên đã kéo về đây xem lễ hội đông như kiến. Nhất là đêm trình diễn bả trạo, ai ai cũng muốn xem nghệ thuật ca múa độc đáo của dân chài. Một bộ môn dân ca nghi lễ vừa đậm màu sắc dân gian vừa thể hiện trình độ cao của nghệ thuật hát tuồng.

Ngày nay lễ hội Cầu Ngư vẫn còn nhưng thu gọn lại nhiều, màn diễn bả trạo đã vắng bóng, còn hát bội thì năm có năm không, lễ cắt tiết các con vật trước sân tế đã bỏ hẳn từ lâu vì không ai muốn đem vào cuộc vui cảnh lưu huyết thương tâm.●

LUÂN HOÁN

MÙA XUÂN TRÊN GIƯỜNG NGỦ

gởi cô gái tên Phúc. làm việc tại
bệnh viện dã chiến Hoa Kỳ, Đức Phổ, Quảng Ngải

vài sợi tóc rụng nghiêng trên mặt gối
bỗng mở ra ngang dọc những con đường
ta chợt gặp lại ta ngày xuân trước
nằm tò mò nhìn mặt vết thương

xuân năm đó hình như trời đất đẹp
nắng rất sâu và mây mỏng như gương
chẳng ai đứng bên hiên, ngoài chùm gió
lăm le vô trải mát mặt giường

xuân năm đó hình như người ngã ngựa
rất vô tư nhìn màu máu đọng khô
xâu bánh ú ai cho nằm bên gối
mùi nếp thơm dậy cả tuổi thơ

xuân năm đó hình như người bỏ cuộc
ngó xuống lòng cùng khoảng trống dưới chân...
đôi mắt biếc người đồng minh ghé hỏi
có vật chi rớt mãi chẳng chạm lòng ?

xuân năm đó, đã qua lâu, lâu lắm
sợi tóc này vừa mới rụng đêm qua
duỗi thẳng cẳng dụi mặt vào áo gối
sực nhớ ra, xuân đang bước vào nhà

Chú thích:

1. Làng Hưng Vương, Xương Lý trước năm 1945 thuộc tổng Chánh Lộc huyện Phù Cát tỉnh Bình Định, sau năm 1945 lập thành xã Cát Xương huyện Phù Cát, năm 1949 sát nhập vào xã Phước Hòa huyện Tuy Phước, năm 1961 tách ra lập xã Phước Lý, sau năm 1975 lấy tên là Nhơn Lý và chia thành 4 thôn Lý Hưng, Lý Lương, Lý Chánh, Lý Hòa thuộc xã ngoại thành của Qui Nhơn.

2. Các câu hát bả trạo trong bài này được trích trong Ca dao Nam Trung bộ xuất bản tại Việt Nam năm 1994, do các cụ Nguyễn Tam Chiến và Nguyễn Thanh Cao ở làng Xuân Thạnh xã Mỹ An huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định đọc thuộc lòng, Thanh Phương và Ngô Quang Hiển ghi lại.

3. Cái: thổ ngữ xưa, nay không còn dùng, có nghĩa là tất cả, thảy đều.

4. Ngư dân tin rằng khi thuyền gặp nạn, họ được cá voi cứu sống và đưa vào bờ. Để tỏ lòng tôn kính và biết ơn, họ gọi cá ông là ông Nam Hải, hoặc gọi tắt là Ông.

5. Dọi là tiếng lóng của dân chài, chỉ hiện tượng dậy sóng ở biển khơi mà họ tin rằng nơi đó có Ông (tức cá voi) xuất hiện.

NGŨ TUYỆT:
BAN NHẠC THÍNH PHÒNG CỔ NHẠC HUẾ

NGUYỄN ĐỨC MAI

1. Ban nhạc thính phòng nhạc cổ điển Tây phương

Trong nhạc cổ điển Tây phương, ban nhạc thính phòng (chamber music ensemble) là ban nhạc có từ hai đến 10 nhạc công, mỗi người chơi một phần và tất cả các phần đều quan trọng ngang nhau. Nhạc thính phòng Tây phương từ khoảng 1750 sáng tác chủ yếu dành cho Tứ tấu đàn dây (string quartet), gồm có hai vĩ cầm, một trung vĩ cầm và một hạ vĩ cầm (2 violins, 1 viola, 1 cello) mặc dầu các thể loại song tấu (duets), tam tấu (trios), và ngũ tấu (quintets) - một tập hợp gồm có bốn nhạc khí đàn dây cọng thêm đàn dương cầm hoặc nhạc khí phong động như kèn hoặc sáo - cũng rất phổ biến. Nhạc thính phòng thoạt tiên chỉ để trình diễn tại tư gia. Các buổi hòa tấu nhạc thính phòng cho công chúng thưởng thức mãi đến thế kỷ 19 mới bắt đầu có.

2. Ngũ Tuyệt: Tam, Tỳ, Nhị, Nguyệt, Tranh, mỗi thứ một cây

Nhạc cổ điển Huế cũng có ban nhạc thính phòng, là những tập hợp có từ hai đến năm nhạc khí. Ban nhạc có năm nhạc khí gọi là Ban Ngũ Tuyệt gồm có năm cây đàn dây: Tam, Tỳ Bà, Nhị, Nguyệt và Tranh, mỗi thứ chỉ dùng một cây mà thôi. Khác với nhạc cổ điển Tây phương, nhạc cổ Huế không bao giờ sử dụng hai cây đàn cùng một loại trong ban nhạc. Lý do đơn giản là nhạc khí nhạc cổ Việt Nam khó giữ được cao độ, biến âm cũng như các phần nhạc không có bài bản cố định chính xác viết cho từng nhạc khí như trong âm nhạc cổ điển Tây phương. Vì không để ý đến điểm

khác biệt quan trọng này giữa hai loại nhạc cổ điển Tây phương và Việt Nam mà ngay cả trước 1975, một số Giám Đốc các trường Quốc Gia Âm Nhạc Huế và Sài Gòn cũng tổ chức những ban nhạc cổ tập họp nhiều nhạc khí cùng loại và có luôn cả nhạc trưởng đứng điều khiển để trông cho giống với một ban nhạc cổ điển kiểu Tây phương. Thực tế thì nhạc đã không có chất lượng mà hình thức trông lại rất lố lăng. Hai nhạc khí nhạc cổ Việt Nam cùng loại đàn chung với nhau thì không hòa hợp và bổ túc cho nhau như trong nhạc cổ điển Tây phương, mà thậm chí còn chỏi nhau và phá hại lẫn nhau.

Do tình trạng đàn thường chùng dây trong khi trình tấu, các nhạc công nhạc cổ Việt Nam phải luôn luôn tập trung thính lực để theo dõi tiếng đàn để kịp thời điều chỉnh cao độ bằng những kỹ thuật hết sức tài tình. Năm 1971, khi tôi tổ chức cho nhạc sĩ Tây Ban cầm cổ điển Alice Arts của trường Âm Nhạc Juliard New York trình diễn tại Thính Đường Viện Đại Học Huế, toàn thể thính giả đã hết sức khâm phục khi nữ nhạc sĩ tài danh này xuống dây số 6 từ E xuống D trong một bản Concerto ngay trong khi trình tấu trên chiếc đàn ghi-ta thùng cổ điển trị giá năm ngàn đô-la mà cô ấy cho tôi biết được đặt làm ngay tại Tây Ban Nha với giấy giới thiệu đặc biệt của nhạc sĩ Andres Segovia (1937-1987). Trong thực tế thì các nhạc sĩ nhạc cổ Việt Nam chỉnh dây đàn trong khi trình tấu là chuyện... cơm bữa mà tôi không thấy ai để ý và tán thưởng!

3. Mối quan hệ giữa Mù và Đàn Hay

Biểu diễn nhạc Huế, nhạc sĩ phải hết sức tập trung tinh thần, sử dụng tối đa thính lực. Trong ban nhạc cổ Việt Nam, đôi mắt hoàn toàn không cần thiết phải dùng đến, vì không cần nhìn bản nhạc cũng như nhạc trưởng điều khiển. Do đó phần nhiều các nhạc sĩ đều nhắm mắt trong lúc đàn, say mê thả hồn theo tiếng đàn của mình và của các nhạc sĩ khác trong ban. Đây là lý do mà thường các nhạc sĩ tài danh vị nào cũng có thị giác rất yếu và nhiều người mù hẳn qua quá trình chơi nhạc điêu luyện lâu ngày. Theo truyền thuyết, các triều đình vua chúa Trung Quốc ngày xưa thường chỉ mướn các nhạc sĩ mù vào phục vụ trong cung cấm. Người ta cho rằng ngoài lý do an ninh và bảo toàn bí mật của thâm cung ra, các nhạc sĩ mù thường đàn hay và không bị phân tâm trước các vua chúa và cung tần mỹ nữ!

Những danh cầm thủ của xứ Huế mà trong quá khứ tôi có dịp được quen biết gặp gỡ và nghe đàn đã cho tôi thấy mối quan hệ giữa Mù và Đàn Hay là có cơ sở đúng. Những vị đó là: Cậu Tôn Hồng, con trai của Thân Thần Tôn Thất Thuyết thì mù hẳn cả hai mắt. Nhạc sĩ Nguyễn Kế nổi tiếng với cây đàn Tỳ Bà mờ cả hai mắt không còn trông thấy rõ đường đi. Các Mệ Bửu Lộc và Vĩnh Phan mắt lem nhem rất yếu. Các nhạc sĩ Cao Hữu On (chồng của ca sĩ Minh Mẫn), Tôn Thất Toàn, Viễn Dung (mà vợ là Cô Quế Trân ca sĩ nghiệp dư ca bài Cổ Bản hay nhất xứ Huế), Châu Uyên và Giáo Sư Nguyễn Hữu Ba đều có thị giác yếu hơn nhiều so với những người thường. Điều cần nhớ là: Vì đàn hay lâu ngày mà hoá ra mù, chứ không phải vì hư đôi mắt mà tự nhiên trở nên thành danh cầm cổ nhạc Huế!

4. Cây Đàn Tam ba dây vắng bóng trong ban nhạc ngày nay

Riêng cây đàn Tam - nhạc khí có ba dây và ba trục (Tả Nhị Hữu Nhất), âm thanh trầm giống như đàn banjo trong ban nhạc dân gian Tây Phương. Cây đàn Tam độc đáo này - trước 1975 tôi may mắn sưu tập được một cây Đàn Tam rất cổ và quý giá - ngày nay gần như vắng bóng là vì nhiều lý do.

Lý do thứ nhất: nhạc khí này khó chế tạo và dùng vật liệu khó kiếm và tốn kém. Thùng đàn là một chiếc mõ bằng gỗ trắc hay mun; mặt đàn bịt bằng da cá sấu có vảy cứng. Lý do thứ hai: nhạc khí này thỉnh thoảng mới dùng đến, vì chỉ dùng cho hoà tấu nhã nhạc và các bản nhạc Khách vui tươi và trang nghiêm mà thôi, không dùng cho các bản Nam, không dùng đàn theo ca sỹ và kỹ thuật đàn đơn giản, ai đàn cũng được, không có kỹ thuật diễn tấu gì cao hoặc đặc biệt. Những danh cầm Huế như Mệ Bửu Lộc chẳng hạn, thường là những người đàn giỏi cả năm cây đàn, toàn là những nhạc khí cần kỹ thuật cao và điêu luyện. Năm cây đó là: Tỳ, Nhị, Nguyệt, Tranh và Bầu, tức đàn bầu hay đàn độc huyền. Đàn Tam không được kể đến trong số năm cây đàn này, nhưng vị trí của nó trong Ban Ngũ Tuyệt lại rất quan trọng và cần thiết. Các bản hoà tấu nhã nhạc ngày nay không hay chỉ vì thiếu vắng âm thanh của cây đàn Tam độc đáo này.

Đàn Tam có ba dây, do đó có ba trục lên dây, được phân bố hợp lý từ xưa theo nguyên tắc: Tả nhị, Hữu nhất. (bên trái hai bên phải

một, vì bên trái nằm phía ngoài thuận cho tay vặn trục hơn khi lên dây nên ưu tiên được gần hai trục). Hình minh họa chiếc Đàn Tam trong Luận Án Tiến Sĩ Âm Nhạc Cổ Truyền Việt Nam của nhà nhạc học Trần Văn Khê tôi được tham khảo năm 1970 thì vẽ nhầm thành ra là Tả nhất hữu nhị. Chi tiết này cần đính chính lại để về sau có ai làm đàn Tam thì biết để gắn trục cho đúng vị trí và nhất là hợp lý cho việc lên dây đàn dễ dàng hơn .

4. Cây Đàn Bầu

Ca dao Việt Nam có câu:

Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu.

Đàn Bầu hay đàn độc huyền có tên gọi này do nguyên thủy có dùng vỏ trái bầu eo làm thùng cọng hưởng khuếch âm và đàn chỉ có một dây duy nhất. Đây là cây đàn một dây duy nhất trên thế giới còn được sử dụng trong âm nhạc, mà âm thanh quyến rũ, trầm bổng áo não khiến người nghe phải mê mẫn tâm thần. Đó là lý do tại sao người xưa khuyên con gái chớ nghe tiếng đàn bầu. Ngoài ra để làm tăng thêm vẻ ma quái của chiếc đàn này về mặt âm thanh, người ta còn dùng ván gỗ lấy từ các ngôi mã dời mà người ta vứt bỏ đi khi cải táng để làm thùng đàn.

Tiếng đàn độc huyền mà thùng làm bằng thứ gỗ đặc biệt này đàn rất hay, không biết có phải vì có hồn ma ám ảnh hay không, nhưng chắc chắn là loại gỗ tốt đã được thử thách tôi luyện khí âm lâu ngày. Điểm độc đáo của đàn Bầu là tính phổ biến rất rộng trong dân gian. Nhiều nghệ sĩ bình dân chơi đàn bầu rất điêu luyện và độc đáo. Trong những ngày ở tù Cọng Sản tại trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, thời gian tôi ở Đội Lâm Sản tự giác đi rừng chặt tre nứa, những lúc rảnh rỗi tôi leo lên căn nhà sàn của một thanh niên người Mường nghe anh này đánh đàn Bầu. Chiếc đàn làm bằng nửa ống tre lồ ô già và một sợi dây thép cứng lấy ra từ một khúc dây điện thoại.

Cây đàn bầu không có vị trí trong ban nhạc cổ điển cũng giống như những cây đàn accordeon, banjo, mandolin, hay ghi-ta trong nhạc Tây phương vậy. Đàn bầu là nhạc khí chỉ để độc tấu, không dùng trong hoà tấu hay đệm cho ca sĩ hát. Thời gian trước 1975, nguyên tắc này về chiếc đàn Bầu vẫn giữ đúng và không bao giờ có chuyện sử dụng đàn Bầu trong nhạc hòa tấu, nhất là nhã nhạc của cung đình Huế. Sau 1975, tại Huế bỗng nhiên thấy xuất hiện cây đàn bầu trong ban cổ nhạc Huế. Chẳng những nó xuất hiện mà còn được gắn ổ điện khuếch âm ngang nhiên lấn át hẳn âm thanh

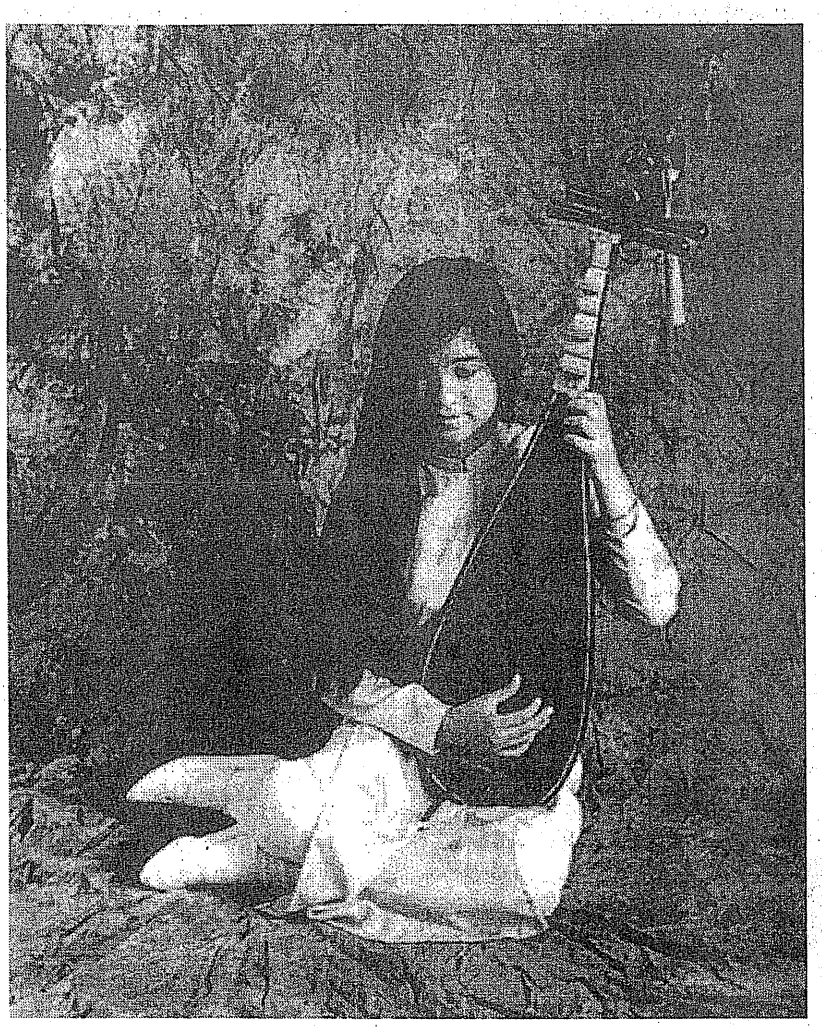

Đàn Tì Bà

các nhạc khí khác, sừng sững chẳng khác nào cái đài anh hùng liệt sĩ trồi lên ngay giữa đàn tế Nam Giao trên tảng Đá Vọng đã bị ai lấy mất, cho mãi đến khi UNESCO can thiệp mới chịu triệt hạ đi.

Về mặt văn hóa và âm nhạc, hi vọng rằng cơ quan UNESCO, với trách nhiệm và uy tín quốc tế của mình, cũng sẽ làm một sự can thiệp tương tự. Riêng đối với chúng ta, thì mong sao những người Việt Nam có ý thức trách nhiệm, từ kẻ cầm quyền đến các nhà nhạc học, nhạc sĩ, các cơ quan truyền thông báo chí, các bậc trí thức khoa bảng sẽ lên tiếng nói, gây ý thức quần chúng bảo vệ văn hóa truyền thống của Tổ Tiên.

4. Đàn Tỳ Bà

Tạo sao gọi là đàn Tỳ Bà? Trong tập bản thảo nhỏ viết tay của Cụ Ưng Dự, mà bây giờ tôi tin rằng người cháu nội là nhạc sĩ Vĩnh Tuấn còn lưu giữ, Cụ viết rằng: Tiến thủ viết Tỳ; thoái thủ viết Bà (Tay đánh tới gọi là Tỳ; tay đánh lui gọi là Bà). Đây là một cây đàn có nhiều nét đẹp. Nó được đề cập đến nhiều trong thi ca thời xưa.

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?

Rồi đến Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị và Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Nhưng trong tất cả các mô tả này, đàn Tỳ Bà đàn theo lối Trung Quốc, có đủ hai thế tay đánh xuống, đánh lên; và gảy đủ năm ngón trên bốn dây:

Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay

Trong khi đó, đàn Tỳ Bà Việt Nam có lối đàn hoàn toàn khác hẳn. Nhạc sĩ đánh đàn Tỳ Bà cũng như đàn Nguyệt, thường chỉ đánh xuống, mà không có khảy ngược lên, và thay vì đàn đủ năm ngón theo kiểu Trung Quốc, nhạc công chỉ dùng một ngón trỏ, một cây tăm tre, hay một mảnh ngà voi chuốt mỏng để gảy dây đàn, và nhất là không bao giờ khảy rung (tremolo) như lối chúng ta khảy đàn măng-đô-lin.

Trong các loại đàn dây cổ nhạc, đàn Tỳ Bà có hình dáng đẹp nhất. Thân đàn có hình quả lê, đầu cán đàn là một con dơi xoè cánh nhìn thẳng xuống phần đầu cần đàn trang trí bằng ba đợt sóng gọi là Thủy Ba, và các phiếm chỉ được gắn bắt đầu từ phần trên của bụng đàn, dùng làm hộp cộng hưởng khuếch âm (resonant chamber).

Cũng như nàng Kiều của Cụ Nguyễn Du, hồng nhan đa truân, cây đàn Tỳ Bà vì là cây đàn đẹp nên chịu nhiều tai họa nhất trong số các cây đàn cổ nhạc Huế.

Trước hết, các cô gái đẹp thường thích mặc áo thụng đội khăn vành theo kiểu công chúa, ôm đàn Tỳ Bà để chụp hình. Người đạo diễn do không hiểu biết cây đàn này nên bảo cô người mẫu để tay lên cần đàn trong tư thế đánh đàn. Cô người mẫu vung vít lướt tay trên phần thủy ba là phần không có phiếm!

Tai họa thứ hai: Phiếm đàn bị tuỳ tiện cải tạo! Thời xưa, trong ba cây đàn của Ban AVT nổi tiếng, chỉ có cây Nhị của Lữ Liên là thứ thiệt, và Lữ Liên là tay đàn Nhị thứ thiệt. Còn cây đàn Tỳ và cây đàn đoản đều bị cải tạo, gắn phiếm tuốt từ trên xuống dưới y như phiếm măng-đô-lin, cho nên Vân Sơn đàn bài Beau Danube Bleu bằng đàn Tỳ Bà nhanh như gió làm thiên hạ phục lăn! Nhưng điều này vui thôi, không sao, chỉ tội cho cây đàn bị cải tạo oan ức thôi.

Còn ngày nay, thì tai họa trầm trọng hơn nhiều, vì trong ban nhạc cổ Huế "cách mạng" hiện đại có những cây đàn Tỳ Bà y hệt đàn của Vân Sơn dùng ngày xưa trong Ban AVT. Người ta đưa đoàn nhạc Huế ra ngoại quốc và được thính giả ngoại quốc nhiệt liệt hoan nghênh những cây đàn Tỳ bà cải tạo thành măng-đô-lin này!

Tai họa chót: Bản đàn. Đàn Tỳ Bà có bài bản, có biến tấu riêng của nó. Các nhạc công bây giờ đàn Tỳ bà y hệt như đàn Nguyệt là cả một chuyện tai họa lớn!

Xin đưa ra ở đây một thí dụ để minh chứng. Lấy hai câu đầu trong bản Lưu Thủy:

Lời ca bài Thiên Thai:

Giòng lạc giòng Đào Nguyên,
Đây Lâm Tuyền hợp quần bạn Tiên

Lòng bản (đàn Nguyệt lên dây Họ 5, Họ = G) là:

Họ Xự-Xang Họ Xự Xang,

Xê-Cống-Xê-Xang Họ Xê-Xang Họ Xự Xang.

Nhìn vào biểu sau đây, ta sẽ thấy bản đàn Tỳ Bà đàn nhiều nốt hơn so với đàn Nguyệt và thấp hơn một bát độ. Bản đàn Tỳ Bà Lưu Thuỷ này thực chất là biến tấu Trầm (Alto) để đệm cho đàn Nguyệt chứ không phải là bản Độc Tấu. Cho nên khi chơi chung với đàn Nguyệt thì hay tuyệt vời. Nhưng nếu có ai không biết mà cho cây Tỳ Bà đàn Lưu Thủy

một mình thì sẽ là cả một thất bại lớn, chẳng khác nào ta để cho một ca sĩ đơn ca bè hai (bè phụ) của một bài ca soạn cho hai giọng!

	1	2	3	4	5	6	7
Lời Ca	*Giòng*	*lạc*	*giòng*	*Đào*	*Nguyên*		
Nguyệt	G2	A2-C2	G2	A2	C2		
Tỳ Bà	G1-F1	E1-G1	A1	C1	C2		
Lời Ca	*Đây*	*Lâm*	*Tuyền*	*hợp*	*quần*	*bạn*	Tiên
Nguyệt	D2-E2	D2-C2	G2	D2-C2	G2	A2	C2
Tỳ Bà	B1-A1-A1	A1-A1-C1	G1	E1	G1-A1	C1	C2

4. Đàn Tranh

Đây là nhạc khí duy nhất- ngoại trừ cây đàn bầu - có âm Kim. Các đàn khác đều có âm Thổ, vì dùng dây tơ hoặc dây cước. Đàn Tranh được nhiều người ưa chuộng và đặc biệt rất phổ biến đối với những người ngoại quốc có quan tâm tới nhạc cổ Việt Nam vì nhiều lý do.

Lý do trước tiên là hình dáng xinh đẹp của đàn Tranh. Đàn Tranh lý tưởng của Huế ngày xưa phải là "mình Trắc, mặt Ngô," tức là thân đàn làm bằng gỗ Trắc, loại gỗ màu đen huyền cứng và rất quý, mặt đàn (sounding board) làm bằng gỗ cây Ngô Đồng rụng lá về mùa Thu:

Ngô đồng nhất diệp lạc,

Thiên hạ cọng tri thu.

Trừ mặt đàn ra, toàn bộ thân đàn, 16 con nhạn chống đỡ 16 dây đàn và 16 trục lên dây đàn đều là những chỗ thuận tiện cho việc trang trí cây đàn, thường là cẩn xa cừ lóng lánh đủ màu trông rất đẹp mắt. Vì lẽ này, cây đàn Tranh là một vật trang trí tuyệt vời để treo trong phòng khách sang trọng.

Kế đến, điều làm nhiều người ưa thích đàn Tranh chính vì âm thanh của các dây bằng kim loại phát ra. Mười sáu dây đàn lên dây theo hệ ngũ cung cố định, cho nên một cây đàn chỉnh dây đúng, người không biết đánh đàn lướt ngón tay qua là đủ nghe thấy hay rồi, cũng y hệt như khi chúng ta lướt ngón tay qua các phiếm đàn dương cầm vậy.

Đàn cò

Trong tài liệu nghiên cứu của Cụ Ưng Dự có trích một câu thơ của Lý Bạch:

Văn lân gia lý tranh

(Nghe nhà hàng xóm chơi đàn Tranh)

Chữ Tranh trong Hán tự có nghĩa là giành giựt. Truyền thuyết xưa của Trung Quốc nói rằng thuở xưa có hai anh em chơi chung một cây đàn Cầm là loại đàn cổ 50 dây. Vì không ai chịu nhường ai nên cuối cùng cây đàn Cầm phải bị chia ra làm hai để mỗi người sử dụng một nửa. Đàn chỉ còn 16 dây và do vì hai anh em tranh giành nhau mà có tên là Đàn Tranh.

Trong các bản đàn Tranh, bản đàn Tứ Đại Cảnh được nhiều người ưa thích. Các khúc dạo Khách và dạo Nam của đàn Tranh cũng tuyệt hay. Điều cần lưu ý là riêng bản đàn Tranh Nam Bình là một biến tấu để hòa đàn với các cây đàn khác hoặc đệm cho ca sĩ ca, chứ không phải là bài độc tấu. Cho nên không ai biểu diễn độc tấu đàn Tranh bản Nam Bình bao giờ!

Nhạc cổ Huế có rất nhiều nốt thăng hoa hay nốt biến cung đột xuất (accidentals) so với nhạc Tây phương mà không thể nào có đủ dấu hay phương pháp ghi lại hết. Các thầy nhạc chỉ truyền ngón trực tiếp cho học trò của mình qua một quá trình tập luyện lâu dài, hoặc do chính các học trò giỏi biết cách ăn cắp ngón đàn của thầy.

Trước đây Giáo Sư Nguyễn Hữu Ba có nói rằng ít ra cũng có đến trên 50 dấu thăng hoa cho các nốt nhạc đàn Tranh. Một thí dụ về Nhấn: một nốt nhấn có nhiều dạng, nhấn vỗ, nhấn rung, nhấn vuốt, nhấn mổ, nhấn nhảy... Mười sáu dây đàn Tranh được sắp xếp thành ba quãng bát độ từ thấp lên cao theo dây Họ 5; Họ = G là (Theo sách BẢN ĐÀN TRANH của Giáo Sư Nguyễn Hữu Ba, Tỳ-Bà-Trang xuất bản năm 1962): (xem sơ đồ phía cuối trang).

Các nốt nhạc ghi theo lối cổ nhạc truyền thống từ thấp lên cao thường là: Họ, Xự, Xàng. Xê, Cống, U, Liu, Xang, Y, Ý. Để cho tiện việc dùng các chữ viết tắt cho khỏi nhầm lẫn với nhau, Giáo Sư Nguyễn Hữu Ba trong hệ thống ghi cải biến đổi lại là: Liu, U, Sang, Xê , Cống, viết tắt là : L, U, S, X. C., như ta thấy trong các bản ghi dây đàn Tranh ở trên đây, phụ thêm các chấm bên dưới các nốt bậc thấp, và chấm trên đầu cho các nốt ở bậc cao.

5. Đàn Nguyệt

Đàn Nguyệt có vị trí rất quan trọng trong cổ nhạc. Cây đàn hai dây này là cây đàn phụ trách lòng bản, tức là giai điệu chính của bài nhạc, giống như cây lead guitar trong ban tân nhạc. Đàn Nguyệt do đó có thể dùng để tập ca. Năm 1929, tại Huế các Thầy Nguyễn Trung Nghệ, Thị Giảng Học Sĩ, thầy giáo trường Quốc Học và Thầy Nguyễn Trung Phán,

Bậc thấp :

Dây	1	2	3	4	5
Nốt Tây phương	G1	A1	C1	D1	E1
Nốt cổ nhạc VN	Liu	U	Sang	Xê	Cong
Chủ tắt (Gs.NHB)	L	U	S	X	C

Bậc vừa :

Dây	6	7	8	9	10
Nốt Tây phương	G2	A2	C2	D2	E2
Nốt cổ nhạc VN	Liu	U	Sang	Xê	Cong
Chủ tắt (Gs.NHB)	L	U	S	X	C

Bậc cao :

Dây	11	12	13	14	15	16
Nốt Tây phương	G3	A3	C3	D3	E3	G4
Nốt cổ nhạc VN	Liu	U	Sang	Xê	Cống	Liu
Chủ tắt (Gs.NHB)	L	U	S	X	C	L

Thượng hạng Tú tài, thầy giáo trường Đông Ba, đã xuất bản tập *Sách Dạy Hát Tiếng Nam*, dùng cây đàn Nguyệt để dạy học sinh hát những bài ca Huế.

Đàn Nguyệt thực ra là một cây đàn cần kỹ thuật đàn rất cao và điêu luyện để có thể đánh được các bản độc tấu có giá trị nghệ thuật cao. Các nghệ nhân danh thủ đàn Nguyệt thời xưa thường phải sử dụng đến 19 kỹ thuật đàn liệt kê sau đây:

1. Nhấn; 2. Rung cung; 3. Buông; 4. Ép; 5. Vê; 6. Vỗ; 7. Hưởng; 8. Mổ; 9. Vả; 10. Chuyền; 11. Chầy; 12. Bậm; 13. Bịt; 14. Chớp; 15. Búng; 16. Day; 17. Phi; 18. Rãi; 19. Vuốt.

Riêng kỹ thuật nhấn không thôi cũng đã bao gồm nhiều kiểu khác nhau: Nhấn rung, nhấn vuốt, nhấn mổ, nhấn nhảy và nhấn lật ngón.

Một số người cứ sai lầm nghĩ rằng nghệ thuật Việt Nam chẳng có gì cao siêu. Thật ra những người đó cứ xem cách người Việt Nam sành điệu ăn tô bún bò Huế hay bát phở Hà Nội thì đủ rõ. Tô bún thì nào là bò teo heo nở, gân, huyết, giò khoanh, giò nạc, giò móng, giò đường; phở thì nào tái sách, tái chín, tái nạm, tái sữa, nạm gầu, hành chần nước béo... chứ đâu có đơn giản như Big Mac hay Burger King!

Về cây đàn Nguyệt, tôi chỉ thấy có hai chuyện cần lưu ý. Thứ nhất: Gắn thêm phiếm thay vì chỉ có tám phiếm theo đúng kiểu xưa. Thứ hai: Đàn rung dây (tremolo) là kỹ thuật không có trong đàn cổ nhạc.

6. Đàn Nhị:

Đàn Nhị tức đàn Nhị huyền cầm, là một loại vĩ cầm hai dây mà tên chữ Hán đầy đủ là Tiêu Vĩ Nhị Huyền Cầm. Cũng như đàn vĩ cầm (violin) phương Tây, đàn Nhị cũng dùng cây cung kéo đàn làm bằng lông đuôi ngựa gọi là là mã vĩ. Nhưng chữ Vĩ (đuôi) trong Tiêu Vĩ Nhị Huyền Cầm, gọi tắt là Vĩ Cầm hay Nhị Huyền Cầm hay Nhị Huyền hoặc Nhị, chỉ cái đuôi cần đàn, chứ không phải đuôi ngựa! Tiêu Vĩ Nhị Huyền Cầm là Cây đàn hai dây có đuôi đàn bị cháy (Tiêu = cháy xém).

Truyền thuyết Trung Hoa có từ đời Đường về cây đàn này như sau:

Một mùa đông tuyết giá, một người lữ khách ghé vào một quán rượu bên đường gọi rượu uống và ngồi sưởi ấm bên đống lửa cháy bùng ngay giữa nhà. Lữ khách là một nhạc sĩ, nên khi nghe tiếng cành cây khô dùng làm củi đốt cháy nổ lách tách, biết là một thứ gỗ quý bèn rút thanh gỗ ra khỏi đống lửa và xin người chủ quán cho mình được lấy nó mang theo về nhà. Dầu cành gỗ đã bị cháy xém, nhưng cũng được người nhạc sĩ dùng làm cần đàn cho một nhạc khí hai dây và gọi nó là Tiêu Vĩ Nhị Huyền Cầm. Một cây đàn Nhị đúng theo kiểu xưa thì đuôi đàn phải cho cháy xém hoặc chạm thành hình đầu rồng. Hộp đàn bằng gỗ, bằng tre, hoặc bằng gáo dừa. Mặt hộp đàn được bịt bằng da trăn.

Đàn Nhị dùng trong dân gian còn có tên gọi là đàn Cò, và có nhiều loại: Cò gáo dừa hay nhị hồ có tiếng đàn trầm, Cò Tre hay Cò Chỉ có cần đàn ngắn hơn, hộp đàn bằng tre và âm thanh đàn cao và khét hơn.

Cây đàn Nhị trong ban Ngũ Tuyệt không có vấn đề như các nhạc khí khác vì đây là một nhạc khí rất khó học và khó sử dụng. Những người không sành sỏi thì không dám đụng đến, cũng như đàn violin trong nhạc cổ điển Tây phương vậy. Ngoài ra hình thức cây đàn không đẹp. Thế ngồi đàn lại càng không đẹp vì phải ngồi bệt trên chiếu, kẹp hộp đàn bằng hai ngón chân cái, một để lên ngựa đàn ở phía trước, một để ở lỗ hộp đàn ở phía sau và sử dụng như là hai bộ phận giảm âm lượng và biến âm sắc (mute) trong âm nhạc Tây phương. Gần như không bao giờ thấy phụ nữ sử dụng đàn này.- Kéo Nhị trong cổ nhạc Huế có những danh cầm như Giáo Sư Nguyễn Hữu Ba, anh Tân, bạn Châu Uyên là những người sáng giá nhất thời trước 1975.

7. Kết luận

Người viết bài này ước ao được thấy Ban Ngũ Tuyệt của cổ nhạc Huế sống lại đúng với phong cách ngày xưa, để cây Đàn Tam trở về vị trí của nó và cây Đàn Bầu phải ra khỏi ban nhạc. Đó là ước mong hợp lý nhưng trên thực tế thì chưa chắc đã thực hiện được vì còn tùy thuộc nhiều vào những người chủ mới của đất nước Việt Nam, và ý thức của những người mang tiền bạc từ nước ngoài quay trở lại quê hương thưởng thức ca nhạc Huế nữa.

Kế đến xin được ước mong cây Đàn Tam được chế tác ra nhiều để khỏi bị mai một và biết đâu cả Bộ Đàn Ngũ Tuyệt: Tam, Tỳ, Nhị, Nguyệt, Tranh lại được nhiều người đặt mua để trưng bày tại phòng khách sang trọng của họ như một di sản quý của dân tộc cần phải được trân trọng gìn giữ. Mong thay! ●

Sunnyvale, California, tháng 8/1999

TÌNH YÊU, SẮC ĐẸP VÀ DI TRUYỀN

NGUYỄN VĂN TUẤN

Trong bài thơ "Vì sao", có lẽ để thuật lại tâm trạng của thi sĩ khi mới gặp một người con gái [chắc là đẹp lắm], Xuân Diệu viết:

Vì sao giáp mặt buổi đầu tiên,
Tôi đã đày thân giữa xứ phiền.

Chắc hẳn phải có một tín hiệu huyền bí nào đó đã làm cho thi sĩ phải đày thân giữa xứ phiền ngay lần diện kiến đầu tiên; đã đem lại cho Thúy Kiều, chỉ mới gặp Kim Trọng lần đầu mà cũng Tình trong như đã, mặt ngoài còn e. Tín hiệu huyền bí nào, đến từ đâu, lại có khả năng gây nên hiện tượng tiếng xét ái tình mạnh mẽ này? Thực ra, người xưa cũng có câu Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, tức là người không quen biết, cách xa nhau nghìn trùng nhưng vẫn có thể kết duyên, thương yêu nhau đời đời kiếp kiếp. Thực vậy, có khi hai người khác nhau cả về văn hóa lẫn sắc dân mà vẫn kết hôn, yêu nhau thắm thiết. Đành rằng tình yêu không có biên giới dân tộc, nhưng tại sao chị X lấy anh A, mà không là anh B; hay anh C phải lòng với chị Y, mà không là một chị khác? Thế lực và cơ duyên nào đã gây nên sự "kết tóc xe duyên" một cách cực kỳ cụ thể, và trong nhiều trường hợp, có một không hai, này? Số phận? Cũng có thể lắm. Nhưng số phận là gì?

Để trả lời cho câu hỏi trên, có lẽ ta cần phải trước hết định nghĩa thế nào là "tình yêu." Cũng như nhiều đặc tính khác, tình yêu có thể được định nghĩa theo nhiều quan điểm khác nhau, và bằng mọi thứ ngôn ngữ. Nhìn qua các từ điển của người Anh, Mỹ, tôi thấy họ định nghĩa tình yêu qua những danh từ như affection, attachment hay devotion. Theo họ, tình yêu là một trạng thái tâm thần có tính đạo đức cao độ, mà trong đó sự trìu mến và chung thủy được dành đặc biệt cho một người khác với một sự vật hay một động vật cấp thấp (tạm dịch từ "A morally powerful mental state, having strong affectionate regard to, or loyalty faithfulness, or deep affection to, a human beings, especially as distinguished from a thing or lower animal.") Có lẽ người Anh, Mỹ vốn máy móc, nên định nghĩa về tình yêu của họ không được uyển chuyển như người Việt Nam ta. Không như anh chàng nhạc sĩ Lionel Ritchie, sau khi đã đi lục lạo hết từ điển này đến sách nọ, cuối cùng anh ta không biết dùng chữ gì khác mà phải viết "I love you" để nói đến tình yêu, các thi sĩ của Việt Nam tài tình hơn nhiều. Trong thi văn Việt Nam, sưu đi nghĩ lại, tôi vẫn thấy Xuân Diệu định nghĩa tình yêu thật tuyệt vời:

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu!
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu ...

Tức là, phải có một môi trường chung quanh (như một buổi chiều, gió hiu hiu, mây nhè nhẹ, v.v.) tác động tới tâm lý (hồn ta) mới gây ra được một cảm giác tình yêu, chứ nói triết lý xuông qua các ngôn từ trừu tượng trong một không gian vô định nghĩa thì khó mà có thể tả được tình yêu. Định nghĩa tình yêu của Xuân Diệu còn cho ta thấy nó là một đặc tính tâm lý (behavioral trait). Mà, một phản ứng tâm lý thường được quyết định bởi hai yếu tố quan trọng là sinh học và môi trường. Mặc dù là một đặc tính tâm lý sinh học, nhưng cho đến nay, tình yêu vẫn chỉ là một đề tài của giới văn chương, nghệ thuật. Thực vậy, tình yêu là nguồn sáng tác bất tận, một chủ đề có tính cổ điển (nhưng không bao giờ lỗi thời), của thi ca, văn chương, kịch nghệ, phim ảnh, tiểu thuyết ... Nhưng một điều ngạc nhiên là tình yêu ít khi trở thành

chủ đề của các cuộc thảo luận khoa học, đặc biệt là sinh học, mặc dù người ta vẫn không ngừng nói về bản chất tâm lý và hóa học của tình yêu.

Đã từ lâu, tôi cho rằng tình yêu có tính di truyền. Một quan điểm hơi ngông! Nhưng đọc các bài báo khoa học được công bố gần đây tôi lại thấy quan điểm đó có thể giải thích được. Cách đây không lâu, trên một tạp chí nghiên cứu về ngôn ngữ học, có một bài viết của một nhà văn về ngôn ngữ trong tình yêu. Đọc xong bài này, tôi nảy ra ý định trả lời bài báo đó bằng một bài luận văn khác, nhìn tình yêu theo quan điểm của một người nghiên cứu về di truyền học. Bài viết này là bản dịch của một phần trong bài luận văn nói trên. Tất nhiên, so với những người viết tiểu thuyết, là một người làm việc trong khoa học, tôi không có nhiều kiến thức về tình yêu. Vả lại, là một người làm nghiên cứu, tôi có khuynh hướng quan sát tình yêu theo quan điểm khoa học và quần thể. Vì lẽ đó, có thể các bạn sẽ cảm thấy những lời bình luận của tôi tẻ nhạt, và nếu vậy thì tôi thành thật tạ lỗi cùng các bạn.

Như đề cập trên, tình yêu cần có hai yếu tố tác động: môi trường và sinh học. Tôi không bàn yếu tố nào quan trọng ở đây, vì đó không phải là đề tài của bài viết này; vả lại, ngày nay vẫn còn nhiều tranh cãi về sự tương quan cống hiến của hai yếu tố này. Mà, nói đến sinh học có lẽ ta cần phải có vài hàng về những đơn vị cơ bản được dùng để cấu tạo nên một con người. Trong một bài nhạc, ôạng Trịnh Công Sơn có ví von rằng cơ thể chúng ta được hình thành bằng "cát bụi", và cuối cùng thì cũng trở về cát bụi:

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi
Để một mai tôi về làm cát bụi

Tôi không biết lúc viết câu này ông nhạc sĩ họ Trịnh có đọc sách về sinh học phân tử (molecular biology), hay do ảnh hưởng triết lý Phật Giáo, nhưng nói chung là ông ta có lý. Ngày nay, qua tiến bộ của khoa học sinh học phân tử, người ta đã biết được rằng cái đơn vị sinh học cơ bản nhất trong một con người là tế bào (cells). Cơ thể chúng ta được cấu tạo bằng hàng tỷ tế bào. Nhiều tế bào có những nhiệm vụ khác nhau, chẳng hạn như tế bào não có nhiệm vụ giữ gìn trí nhớ và tri thức, tế bào tim làm cho tim ta đập nhịp nhàng, tế bào ruột làm ra chất nhầy (mucus), v.v. Những tế bào này có thời gian tồn tại nhất định. Chẳng hạn như tế bào tinh trùng nam chỉ sống sót khoảng vài tháng, trong khi đó tế bào trứng của phái nữ có thể tồn tại đến 50 năm. Mặc dù khác nhau về chức năng và thời gian sống sót, tất cả các tế bào đều có cấu trúc giống nhau: trong mỗi tế bào đều có một cái nhân (nucleus) nằm chính giữa. Cái nhân này có chứa những chất liệu di truyền mà ta thường gọi là DNA (viết tắc từ chữ deoxyribonucleic acid). DNA là một nucleic acid được tạo thành bởi hai chuỗi gồm những đơn vị gọi là nucleotide. Hai chuỗi này xoáng với nhau thành một hình xoán kép và nối với nhau bằng những "sợi dây" hydrogen. Mỗi nhân thường có khoảng 6 triệu DNA. Một mảng DNA tạo thành một gene (mà tôi tạm dịch là "di truyền tố"). Có thể ví mỗi DNA như một chữ; và nhiều chữ tạo thành một câu văn (tức là di truyền tố). Không ai biết được một cách chính xác trong cơ thể ta có bao nhiêu di truyền tố, nhưng các nhà khoa học ước đoán rằng trong cơ thể ta có chứa khoảng 80,000 di truyền tố. Di truyền tố có chức năng gửi các tín hiệu hóa học đi đến tất cả các nơi trong cơ thể. Những tín hiệu này có chứa đầy đủ các thông tin, các chỉ thị cụ thể cho các cơ quan trong cơ thể ta phải hoạt động ra sao.

Thành ra, có lẽ không cần phải dài dòng văn tự, tôi xin báo ngay một tin buồn rằng, nếu dựa trên quan điểm về sinh học, chúng ta (quí bạn và tôi) là những sinh vật bất lực trong tình yêu, không có chỗ nào để chúng ta cựa quậy nhút nhít gì cả. Lý do đơn giản là như đã nói trên, trong mỗi di truyền tố có những chỉ dẫn [hay nói đúng hơn là mệnh lệnh] cho các phân tử (molecules) làm việc gì và cách làm ra sao. Những mệnh lệnh này đã được soạn thảo một cách cực kỳ công phu và cẩn thận để chúng ta phải tuân lệnh chúng, thi hành những đường lối đã được vạch sẵn ngay từ lúc ta mới sinh ra, kể cả những điều mà bản thân ta sẽ phải khốn khổ về điều đó. Bởi vậy, những di truyền tố của tình yêu có một vai trò rất lớn trong tình trường trong ta, mà ta không để ý hay chưa biết. Mà, cho dù ta có biết đi nữa, những di truyền tố tình yêu này vẫn bắt theo những cách thức hoàn toàn áp đặt, ta yêu người này chứ không phải người kia, yêu vào lúc khác chứ không phải lúc này, và thậm chí lúc nào phải chia tay với tình yêu.

Nếu bạn còn nghi ngờ về điều này thì tôi xin mời bạn hãy cùng tôi xem xét vấn đề chúng ta sẽ yêu ai nhé. Do những khuyết tật về nội dòng (inbreeding), và vì quyền lợi của các di truyền tố, chúng ta không được lập gia đình với những người thân; các di truyền tố đã làm vô khối chương trình hành động để bắt buộc chúng ta phải tránh điều này. Gần đây, có một cuộc nghiên cứu thú vị trên 2796 cuộc hôn nhân của các thiếu niên sống trong các trang

trại Kibbutz (trong các trang trại này, trẻ em dù không có quan hệ ruột thịt, nhưng đã chung sống từ khi lọt lòng cho đến lúc trưởng thành) với kết quả là chỉ có 13 trường hợp trong đó vợ chồng cùng sống trong một trang trại. Nhưng ngay cả 13 trường hợp này cũng chỉ là những trường hợp ngoại lệ, vì khi đến sống trong các Kibbutz các em đã 6 tuổi. Đáng ngạc nhiên hơn nữa là không hề có hiện tượng quan hệ dục khác giới giữa các em ở cùng một trang trại. Đây là một sự kiềm chế đáng kinh ngạc trong điều kiện gần 6000 em trai và gái sống chung với nhau trong điều kiện mà mức độ hormone ở trong thời kỳ sung mãn nhất! Đó là cái gì nếu không phải chính các di truyền tố của chúng ta đã làm nên điều kỳ diệu đó.

Các di truyền tố cũng ngăn chận không cho chúng ta yêu một ai hay một cái gì đó quá ư là khác lạ, chẳng hạn như khỉ. Từ quan sát 13 đôi kết hôn sau khi gặp nhau lúc 6 tuổi hay muộn hơn, cho các nhà nghiên cứu thấy rằng cách thức mà các di truyền tố đã bắt buộc chúng ta phải tuân theo ý muốn của chúng. Hóa ra, tuổi lên 6 là thời điểm quan trọng để đứa trẻ khắc họa hình ảnh người bạn đời tương lai trong tâm khảm. Nói một cách khác, người bạn đời của chúng ta rất giống đứa bạn khác giới mà ta chơi chung năm ta lên 6 tuổi. Di truyền tố của chúng ta chọn lứa tuổi này, vì những đứa bạn lên 6 rất hợp tính, nhưng lại không có quan hệ huyết thống, với ta. Chính điều này đã tối ưu hóa sự phù hợp di truyền (genetic fitness).

Sự tác động của "Ấn tượng năm lên sáu tuổi" đặc biệt là rõ ở những người đã sống qua một phần thời thơ ấu trong một nền văn hóa khác biệt. Tôi có quen biết một chị người Úc (da trắng) lúc nhỏ theo bố mẹ sống ở Fiji, nhưng khi lớn lên, chị rời sang học trung và đại học ở Mỹ. Sau này về lại Úc, chị luôn cảm thấy bị lôi cuốn bởi những người đàn ông có nước da ngăm đen, thay vì những chàng da trắng. Sau khi đã quyết định cho chúng ta phải yêu ai, các di truyền tố bèn tìm cách chọn (hay cố gắng chọn) một người bạn đời hoàn toàn phù hợp với các tiêu chuẩn do chúng đặt ra. Các tiêu chuẩn mà các di truyền tố đặt ra cho đàn ông khác với các tiêu chuẩn cho đàn bà. Đối với các di truyền tố của đàn ông, người bạn đời hoàn hảo phải trẻ và đẹp. Tại sao lại có tiêu chuẩn trẻ ở đây? Bởi vì đối với chúng, người phụ nữ trẻ có thời gian dành cho sinh nở dài hơn. Và sinh sản nhiều cũng có nghĩa là chúng (di truyền tố) có cơ được tồn tại lâu hơn và bành trướng đến các thế hệ mai sau. Ông Henry Kissinger, lúc về già đã chẳng dan díu và lấy cô thư ký chỉ bằng tuổi con gái ông làm vợ là gì!

Thế nào gọi là "đẹp"? Nói một cách đơn giản, đẹp là là một sự trung bình. Tôi biết có bạn đọc tới đây và sẽ nói "vớ vẩn, đẹp là phải trên trung bình chứ," nhưng xin quí bạn hãy kiên nhẫn và cho tôi chút thì giờ thuyết phục. Trong một công trình nghiên cứu về sắc đẹp được công bố gần đây trên tờ báo khoa học hàng đầu thế giới, Nature, đã đi đến kết luận như thế, đẹp chỉ là tập hợp của nhiều đặc tính trung bình. Trong bài báo đó, nhóm nghiên cứu chọn một cách ngẫu nhiên 20 khuôn mặt của các phụ nữ và họ đưa những ảnh này vào computer để phân tích. Họ viết một chương trình để "trung bình" hóa tất cả các đường nét trên khuôn mặt của 20 khuôn mặt. Bằng cách "hòa chảy" hai hình ảnh vào nhau, họ thu được hàng loạt hình ảnh bằng cách "lấy trung bình" giữa 2 và 9 khuôn mặt. Khi họ đưa các tấm ảnh thu được ra hỏi các đồng nghiệp của mình x khuôn mặt nào đẹp nhất, thì thú vị thay, khuôn mặt có những đường nét "trung bình" nhất [riêng tôi thì thấy là bầu bĩnh nhất] được chọn là khuôn mặt đẹp nhất.

Thực ra, quan niệm trung bình là đẹp này chắc cũng không có gì mới lạ. Trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du tả sắc đẹp của Thúy Vân như sau:

Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.

Có lẽ, khi viết "Khuôn trăng đầy đặn", Tiên Điền tiên sinh muốn nói đến một khuôn mặt tròn trĩnh, cân đối, một đặc tính của sự trung bình.

Ngoài khuôn mặt ra, đường nét cấu trúc của cơ thể cũng là một thông số quan trọng để thẩm định sắc đẹp. Ở phương Tây ngày xưa, người ta thường hay dùng tỷ số eo/mông (waist-to-hip ratio) để đánh giá sự hấp dẫn (sexual attractiveness) của người phụ nữ. Các nghiên cứu trong vòng ba thập niên gần đây cho thấy tỷ số eo/mông này có liên quan tới hai hormone nam tính testosterone và hormone nữ tính oestrogen. Phụ nữ có tỷ số eo/mông cao thường là những người có độ testosterone cao hơn, nhưng độ oestrogen thấp hơn, những phụ nữ có tỷ số eo/mông thấp. Phụ nữ có tỷ số eo/mông thấp là những người có sức khỏe tốt hơn và sinh sản dễ dàng hơn các phụ nữ có tỷ số này cao. Trong một nghiên cứu ở Anh và Texas cho thấy phụ nữ có tỷ số eo/mông cao cũng là những người thường sinh con trai! Theo các nhà tâm lý học cổ điển Tây phương, người phụ nữ nào có cái t eo/mông vào khoảng

0.7 là một người đẹp lý tưởng (tất nhiên là về mặt thể dạng thôi, không phải tính tình).

Nhưng mới đây, một nhóm nghiên cứu ở Anh đã làm thí nghiệm và cho rằng vòng eo/mông không phải là một tỷ số chính xác về sắc đẹp. Trong một bài báo trên tờ Lancet (một tờ báo y khoa hàng đầu trên thế giới), họ kết luận rằng tỷ số chính xác hơn là mật độ trọng lượng trên một mét vuông của cơ thể (còn gọi là body mass index hay BMI). BMI được ước tính bằng cách lấy trọng lượng (kg) chia cho bình phương của chiều cao (m2). Nhóm nghiên cứu này đã phân tích mối tương quan giữa tính hấp dẫn (gọi là sexual attractiveness hay SA) và BMI của 44 phụ nữ (xem biểu đồ). Người viết bài này đã dựa vào dữ kiện của họ và đã tìm ra một phương trình liên quan giữa sắc đẹp (SA) và BMI như sau:

SA = 4.022(BMI) - 0.162(BMI)2 + 0.002(BMI)3 - 26.6

(Chú ý phương trình này chỉ thích hợp cho BMI khoảng 15 tới 35 kg/m2.) Nếu ta lấy đạo hàm phương trình này để tìm ra điểm đẹp tối đa, thì BMI vào khoảng 19 tới 20 kg/cm2, đúng ngay vào con số trung bình. Thực ra, về mặt sức khỏe, đây cũng là độ BMI lý tưởng, vì theo định nghĩa y khoa hiện nay, người có BMI hơn 25 kg/cm2 được xem là "phì" (over-weight) và hơn 30 kg/cm2 được xem là "béo" (obese).

Đó là tiêu chuẩn người đẹp Tây phương, thế còn người Việt ta thì sao? Trong một cuộc thi "Người mẫu thời trang Hà Nội mở rộng '99" ở Việt Nam mới đây, có 22 thí sinh tuổi từ 17 tới 22. Ban tổ chức công bố các thông số quan trọng như chiều cao, trọng lượng, vòng eo, ngực và mông của các thí sinh. Từ chiều cao và trọng lượng. Qua các thông số này, người viết bài này có làm một phân tích chớp nhoáng và thấy số trung bình BMI của các thí sinh này là 17.6 kg/m2, vòng ngực 83.1 mm, vòng eo 60.5 mm, mông 90.2 mm, tỷ số eo/ngực 0.72 và eo/mông 0.67. Người đoạt giải nhất trong cuộc thi này là một thí sinh có tỷ số BMI 17.6 kg/m2, eo/mông 0.66 và eo/ngực 0.72. Người chiếm giải nhì là một thí sinh với BMI 17.9 kg/m2, eo/mông 0.67 và eo/ngực 0.72. Tất cả các chỉ số của hai người đẹp này nằm ngay vào con số trung bình! Như vậy, mặc dù có Ta và Tây có tiêu chuẩn khác nhau, nhưng sự trung bình vẫn là một công thức chung để tìm cái đẹp.

Cũng cần nói thêm ở đây rằng có nhiều [chứ không phải chỉ một] đặc tính trung bình làm nên cái đẹp. Do đó, có người đẹp "đáp ứng" được tiêu chuẩn trung bình về BMI, nhưng lại không có chỉ số eo/mông trung bình, hay ngược lại, ít có cơ hội được bầu làm hoa hậu hơn những người có nhiều chỉ số trung bình. Nhưng tìm được người đẹp trung bình không phải là chuyện dễ. Giả dụ như trong toàn bộ dân số, xác suất mà một người đẹp có chỉ số trung bình cho một đặc tính nào đó (như BMI chẳng hạn) là 0.15 (hay 15%); nếu ta dùng 10 đặc tính để thẩm định sắc đẹp, thì xác suất mà ta tìm được một người đẹp (có 10 chỉ số trung bình) là 0.00000000577, tức là trong một tỷ người, ta chỉ tìm được khoảng 6 người đẹp toàn diện! Thành ra, người đẹp hay hoa hậu, mặc dù chỉ là trung bình, nhưng lại rất hiếm, và điều này giải thích tại sao người ta phải dễ dãi với các tiêu chua đẹp khi tìm người bạn đời.

Nhưng tại sao các di truyền tố lại thích sự trung bình? Bởi vì trung bình là biểu tượng của sự cân đối (symmetry), và do đó, trung bình "loại bỏ" các đường nét không cân đối và các đường nét thô thiển. Sự không cân đối (asymmetry) của cơ thể là biểu hiện của các bất thường về mặt di truyền. Nghiên cứu y học trong những thập niên qua cho thấy người không có đường nét cân đối có tỷ lệ bị các hội chứng như Down, tâm thần phân liệt (schizophrenia) , v.v. Có thể vì lý do này mà các di truyền tố không muốn chúng ta "chung chạ" với người có mang khuyết tật di truyền. Thực ra, trung bình còn là một chỉ số tối ưu (optimal) trong hình học. Tam giác đều là tam giác có diện tích lớn nhất so với các loại tam giác khác. Hình vuông cũng là hình có diện tích lớn nhất trong các hình chữ nhật. Hình tròn cũng có diện tích lớn hơn các hình khác như ellipses. Bởi thế, sự "trung bình" trong sắc đẹp cũng có thể là một hình thể tối ưu. Nếu giả sử đẹp là một cái gì đó mà không phải là sự trung bình, thì hẳn rằng quá trình chọn lọc tự nhiên qua hàng triệu triệu năm đã kết thúc bằng một khuôn mặt người trông kỳ quái như chùm lông chim ở chốn địa đàng.

Sự thực là phần đông, nếu không muốn nói là tất cả, đàn ông thường bị hấp dẫn bởi phụ nữ có bộ ngực to, và mông nở nang, có thể chỉ đơn giản bởi vì các di truyền tố của họ muốn họ thành công trong việc duy trì nòi giống. Trong một nghiên cứu gần đây, một nhóm nghiên cứu Đức và Mỹ đã đo độ "happiness" (sung sướng, thích thú) của các cụ già (60 tuổi trở lên) trước và sau khi cho các cụ xem ảnh của những tài tử Hollywood như Dolly Parton, Demi Moore, các người đẹp trên các trang bìa của tạp chí phụ nữ và tạp chí Playboy. Kết quả cho thấy sau khi xem ảnh những người đẹp này, độ sung sướng của các cụ tăng đến 25%,

có cụ tăng đến 75%! Các nhà nghiên cứu này kết luận rằng sắc đẹp có thể mang lại lợi ích sống lâu cho các cụ! Điều này cũng không đáng ngạc nhiên, vì đôi bầu vú to hẳn sẽ hứa hẹn một nguồn sữa dồi dào, và mông nở nang (tỷ số eo/mông thấp) hẳn sẽ sinh nở dễ dàng. Tuy nhiên, về những điều này, các di truyền tố của đàn ông dễ bị mắc lừa lắm, vì bầu vú to có thể là do béo phì (hay do những lý do "nhân tạo" như silicon chẳng hạn) chứ chẳng liên quan gì đến việc có lắm sữa hay không. Rất có thể là các di truyền tố của đàn ông bắt đầu chọn lọc các phụ nữ có eo nhỏ như là một "giấy đảm bảo" ngầm nói rằng ngực họ to không phải do béo phì. Vậy là "an toàn" nhé!. Tuy nhiên "giấy đảm bảo" này có khi lại là cái bẫy. Mông nở nang có thể là do ứ mỡ mà thôi. Bầu vú to, mông rộng chỉ lànhững quảng cáo lừa đảo. Hình như các di truyền tố của đàn ông chưa đủ thông minh để nhận ra điều này.

Thế các di truyền tố của phụ nữ đòi hỏi gì ở người đàn ông? Nói chung, chúng không khó tính lắm khi đòi hỏi về sắc diện bề ngoài hay tuổi tác, nhưng lại rất khắt khe xét nét về chiều cao, địa vị xã hội và của cải của người đàn ông. Ba điều kiện này đặc biệt hấp dẫn các di truyền tố của phụ nữ. Trường hợp của Monica Lewinsky và Clinton là một ví dụ điển hình. Ở Sài Gòn ngày xưa, có một cô ca sĩ khả ái và có tiếng nọ từng tuyên bố "Tôi thà làm bé ông lớn, còn hơn làm lớn ông bé!" Quyền bính là cục nam châm làm cho các di truyền tố phụ nữ chui vào lưới tình.

Điều lạ lùng là các di truyền tố của phụ nữ còn xem xét đến cả tính chân thực, sự tử tế, và tính hào phóng của người đàn ông. Ích lợi của chiều cao, địa vị và của cải có thể giải thích bằng một mô hình mà các nhà tâm lý học thường đề cập tới là "Parasite model" (mô hình ký sinh). Theo mô hình này, vì chiều cao liên quan tới hormone nam testosterone; đàn ông con trai có độ testosterone cao thường có chiều cao trên trung bình và có khả năng đề kháng các vi trùng cao. Vì có khả năng đề kháng cao, họ có thể đầu tư nhiều hơn vào việc nuôi dưỡng vợ con. Thế mấy điều kiện còn lại thì sao? Đối với các di truyền tố của phụ nữ, để tối ưu hóa sự tồn tại mãi mãi của chúng, các các di truyền tố này sẽ "mồi chài" những người đàn ông có khả năng giúp phụ nữ nuôi con suốt đời. Và bởi vậy, có lẽ lòng chân thật, sự tử tế và tính hào phóng là các yếu tố quan trọng ngầm nói rằng người đàn ông sẽ có khả năng làm điều này

Nhưng tình yêu có tồn tại ở muôn loài không? Khỉ có biết yêu không? Tôi nghĩ là không, hoặc ít nhất là không theo cái cách của chúng ta. Lý do thì thật đơn giản vì con người là động vật bậc cao duy nhất tiến hóa đến mức giữa đàn ông và đàn bà có sự ràng buộc lứa đôi. Có ràng buộc lứa đôi bởi vì sự phân công lao động giữa đàn ông và đàn bà mang lại nhiều lợi ích hơn là một người làm tất cả. Đàn ông thì mang thú rừng về, còn đàn bà thì đi hái quả. Tình yêu tạo điều kiện đảm bảo cho mối quan hệ này được tiếp tục và đem lại lợi ích chung.

Cũng may mắn là các di truyền tố không thể sắp xếp hết mọi điều theo ý chúng. Thêm nữa, chúng đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng là tạo ra bộ não của con người. Thế là chính cái não mà các di truyền tố tạo ra lại có khả năng suy nghĩ độc lập. Bộ não có tình cảm riêng, đòi hỏi riêng và nhu cầu riêng, và những điều này không phải lúc nào cũng giống những cái mà các di truyền tố đã áp đặt cho nó. Chẳng hạn bạn có thể quyết định rằng bạn không thích lấy cái anh chàng cao lớn, giàu có và thành công nhất cái phố này mà chỉ sống một mình cả đời còn hay hơn. Hoặc giả bạn lấy ai đó nhưng không thích có con và cả hai chỉ sống như vậy cho đến lúc chia tay với cuộc đời. Cũng thật là tệ, theo quan điểm của các di truyền tố, loài người đã khám phá ra cấu tạo của chính mình và đã phát minh ra nhiều công nghệ tiên tiến. Thậm chí con người đôi khi còn quyết định rằng họ thích di truyền tố này hoặc không thích di truyền tố kia, và tìm cách loại nó ra khỏi bộ di truyền tố.

Trong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du hỏi:

Người đâu gặp gỡ làm chi

Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Căn cứ vào những gì người ta biết về di truyền tố và tình yêu, tôi xin trả lời cụ là "có", và "duyên" ở đây là genes, là di truyền tố, cho dù câu trả lời có vẻ muộn màn cả 200 năm.

Và rồi, trong một ngày đẹp trời nào đó, nếu như trong một bữa tiệc, trong khi bạn đang tán gẫu với một nàng hay một chàng có ngoại hình trung bình và bất chợt người đó nói một điều gì làm lòng bạn rung động, làm cho bạn phải "đày thân giữa xứ phiền" thì bạn sẽ cảm thấy nàng hay chàng này chính là người mà số phận đã dành cho bạn. Nhưng nếu bạn là người đã có gia đình, tôi thành thật khuyên bạn hãy lập tức dùng bộ não của bạn mà nói ngay với các di truyền tố của mình rằng "Xéo ngay đi cho khuất mắt ta!" Chứ nếu không thì hậu quả sẽ là:

Vì tình ái là sợi dây vấn vít,

Yêu, là chết ở trong lòng một ít.

(Xuân Diệu).●

VỀ TRƯỚC HĂM BA THÁNG CHẠP

NGÔ NGUYÊN DŨNG

(tặng T.)

Má nói với Tịnh:

"Con lo sao đưa má về trước Tết."

Tịnh nhẩm tính trong đầu, chỉ còn hơn hai tháng nữa. Chàng trấn an:

"Má đừng lo! Con sẽ thu xếp xin nghỉ thường niên vài tuần để đưa má về."

Tịnh sang đây định cư đã nhiều năm. Cuộc sống vừa ổn định tương đối, chàng vội lo giấy tờ xin bảo lãnh thân nhân. Thảo, đứa em gái được qua trước, tới lượt chị Tuyến, má sang sau cùng. Tịnh biết, thật lòng má không muốn đi, nhưng vì nhớ thương con, đành chấp nhận kiếp tha hương.

Má dặn dò:

"Má muốn về trước hăm ba tháng chạp để còn đưa ông Táo về trời."

Tịnh cười:

"Có cần thiết không má?"

Má chậm lời:

"Ở quê mình, chái bếp là chỗ linh thiêng trong nhà."

Dứt câu, hai mắt má rực lên. Tịnh thấy trong đó thứ lửa ấm quyện lấy nhiều thứ tình: tình gia tiên, tình quê hương, và những cảm xúc vô hình không thể giải thích khác. Những thứ đó, má không tìm thấy ở đây, dù đang sống kề cận ba đứa con. Tịnh và Thảo vẫn còn độc thân. Chị Tuyến lập gia đình với một người bản xứ, ra ở riêng hơn ba năm trước. Mỗi lần nhắc tới chị, má lại chép miệng: "Tội nghiệp."

Chị Tuyến bị khẩu tật bẩm sinh. Bù lại, chị có một nhan sắc rực rỡ. Tịnh luôn có cảm tưởng là đứa được chị thương chiều nhất nhà, vì Tịnh là người duy nhất hiểu được ngôn ngữ của chị Tuyến. Hai chị em thường trò chuyện với nhau, chị Tuyến bằng thứ tiếng tật nguyền, Tịnh bằng cách phát âm chậm, lớn và uốn lưỡi ra điệu. Từ lúc Tịnh bắt đầu có trí khôn, không thấy chị sống chung nhà, chỉ về thăm vào những dịp giỗ lễ. Chị mang biếu gia đình nhiều thổ sản cao nguyên. Cho Tịnh có khi là tấm thiệp ép hoa tâm tư tím nhạt, hay những lá bồ đề khô, trơ trọi đường gân lá nhuộm

phẩm. Không phải chỉ bấy nhiêu đó, chị Tuyến còn mang theo đôi má ửng hồng, ánh mắt nụ cười an lành và hơi mát từ bàn tay thuôn thả.

Lớn hơn, vào những mùa bãi trường, ba má cho phép Tịnh lên Đà lạt nghỉ hè tại nhà chị Tuyến. Thật ra cũng không phải nhà chị, mà là nhà của gia đình dì dượng Hai, chị ở nhờ. Hè miền núi đẹp như trong tiểu thuyết. Nắng chiều xuống thật chậm. Én núi về rộn rã từng bầy, kêu tiếng huyên náo trên mái nhà lửng lơ khói lam chiều. Tịnh thường quấn quýt theo chị ra vườn hái cà hay su su sửa soạn bữa cơm chiều. Chị Tuyến ưa mặc chiếc áo len màu mỡ gà, chị tự đan. Tóc chị búi cao, gáy trắng loà xoà những sợi tóc măng nhuộm nắng vàng hoe. Nhìn nét mặt chị, ngắm bàn tay chị lật lá hái dâu dại cho Tịnh, chàng xúc động đến rợn người. Niềm rung động lạ lùng, đột ngột trưởng thành, như chồi non ngơ ngẩn nhú mầm trong sắc nắng chói chang từ trời rộng.

Vậy mà, cũng với màu nắng ấy, bàn tay ấy, một mùa hè sau 1975, vượt biên không thành, Tịnh tìm lên chị Tuyến nương náu tạm; chàng bàng hoàng nhận ra lòng mình còn xúc động như xưa. Chiều nọ, chị Tuyến gom lá thành cụm nhỏ, bật lửa. Khói bốc mù, lá bén lửa lắc rắc, chuyển mình thở than. Tịnh ngồi bên hiên nhà, xem chị Tuyến đốt lá. Màu nắng hổ phách lấm bụi hưng phế. Tấm áo len màu mỡ gà được thay bằng chiếc áo nỉ xám may kiểu đàn ông, khoác ngoài áo vải thô nâu.

Khi đụn lá chỉ còn vài sợi khói ẻo lả tươm lên từ nhúm tro tàn, chị Tuyến tới ngồi cạnh Tịnh. Bóng chiều xoã tóc lên rừng thông xa xa bên rẫy khoai. Vệt xám buồn bã trải lên vạt đất còn xanh lá. Vài nhánh lay-ơn dại chĩa ngọn trong bãi cỏ hoang. Màu hoa đỏ tươi lẻ loi giữa trời đất, trông như những môi cười gượng gạo.

Chị Tuyến bập bẹ:

"Ao ông i i?" (Sao không đi đi?)

Tịnh cúi đầu ngập ngừng:

"Có thử đi mà chưa thành."

Chị Tuyến nhoẻn cười, hàm răng trắng đều. Chị nghiêng đầu ra mảnh nắng thấp thỏm, tóc rũ thành dòng. Trán và thái dương chị rịn mồ hôi lóng lánh. Chị buông tiếng khập khiểng:

"Ở ây uồn á, ịnh à." (Ở đây buồn quá, Tịnh à.)

Tịnh nhẹ nâng tay chị, ép giữa hai lòng tay. Hơi mát nhè nhẹ lan qua da thịt chàng còn ẩm nóng những ngày bồn chồn vượt biên. LòngTịnh rúng động khi nhìn thấy lưng tay chị nổi gân xanh, và những ngón gầy guộc như que khô. Tịnh lớn giọng:

"Bao giờ chị về nhà?"

Chị Tuyến thoáng nhìn Tịnh, rồi quay mặt trông ra cảnh rừng đồi chập chùng đan lưới rộng, vây kín, không lối thoát. Chị Tuyến không đáp, đứng lên, nghiêng vai bước ra giàn su su trĩu trái xanh.

Sau đó chị Tuyến trở lại nhà. Đời sống gia đình ba má Tịnh có nhiều thay đổi. Anh Hai lấy vợ, ra ở riêng. Ba Tịnh tằng tịu với một người trẻ hơn ông gần mười lăm tuổi, rốt cuộc cũng bỏ mẹ con Tịnh, theo chân tình nhân. Chị Tuyến giúp má trông coi tiệm tạp hoá và chăm nom đàn em. Chị học được tính ngăn nắp, vén khéo rất tây của dì dượng Hai. Chị may rèm cửa, cắt khăn trải bàn, giặt giũ chăn chiếu thường xuyên. Chị canh chừng chuyện ăn học của em út, để ý bắt chúng rửa chân, đánh răng trước khi đi ngủ.

Một lần Tịnh bắt gặp chị ngồi khóc bên gốc ổi già, cạnh giếng nước. Hỏi tại sao khóc, chị ấp úng:

"Úng... úng ó ọi ị à on âm." (Chúng nó gọi chị là con câm.)

Tịnh vuốt vai chị, không biết phải an ủi sao. Những lúc cùng chị Tuyến ra chợ, Tịnh thoáng nghe đôi lời nhạo báng gần như miệt thị của vài người, trong đó có đứa là công an xóm. Chúng tới tiệm mua đồ, còn mở lời trêu ghẹo, bị chị Tuyến điểm mặt mắng: "U ắm, ơ ắm." (Ngu lắm, dơ lắm.) Dù không hiểu, nhưng nhìn vẻ mặt băm bắm, cau có của chị Tuyến, chúng biết đó là lời mắng, xua tay cười nham nhở: "Con câm đẹp mà dữ quá." Chị Tuyến vùng lên, thẳng tay đuổi thẳng công an ra khỏi tiệm. Tịnh chạy ra, nắm bàn tay chị, gấp lại ngón trỏ xỉa xói giận dữ. Tay chị không còn hơi mát dìu dịu của ngày xưa.

Những chiều chủ nhật nắng ráo, chị Tuyến trang điểm nhẹ, mặc áo dài hoa, tóc giắt kẹp đồi mồi, đạp xe ra dạo biển. Chị cố tình đi ngang đồn công an, mặt ngẩng cao. Gió phất tóc chị. Gió tung tà áo. Chị biết, có những cặp mắt đang soi bói từng cử động chị. Cỏ lau nghiêng rạp theo gió. Chị dắt xe theo lối mòn giữa hai triền cát thấp, ra bãi. Sóng đập ầm ì lên bờ cát phẳng lì. Hàng thuỳ dương thầm thì chuyện vãn. Có chiếc nón lá của ai, rách bươm, thốc gió bay lấc ngấc trên bãi vắng. Chị Tuyến hướng mặt ra khơi xa. Vài ghe chài nhấp nhổm về trên sóng. Nắng chiều loé lên nhức mắt nơi vòng cung nối liền biển với trời.

Hai mảnh màu lan vào nhau, nhoè khói sóng. Ánh mắt chị nói thay lời. Bàn tay chị bật ra ngôn ngữ, truyền sang chén cháo cá điểm tâm vào một sáng trời còn tối mịt, đặt lên bàn, trước mặt Tịnh. Má ngồi đối diện. Chái bếp thấp thỏm ánh lửa vàng tươi. Chụp đèn đầu ám bồ hóng hắt vũng sáng yếu lên mặt bàn. Bữa điểm tâm của Tịnh trước lần vượt biên cuối. Tịnh khuấy nhẹ chén cháo. Khói bốc từ những hạt gạo nở hoa trắng, hay đó là những đoá mây thương yêu từ tay chị Tuyến, tay má tuôn ra? Mắt Tịnh rưng rưng nhìn những tâm tình sâu đậm đựng trong chén sành in lem luốc chữ phúc.

Chuyến vượt biên thành công. Sang đảo tạm cư, những ngày bão rớt, mưa giông liên tiếp mấy hôm liền, Tịnh nhớ nhà gần như hoá cuồng. Trong chuỗi hồi ức khua thức những âm thanh, màu sắc, hương vị và đằm đằm ảo tưởng đó; bên cạnh những kỷ niệm sắc sảo với chị Tuyến, Tịnh còn nghĩ tới vài người bạn thân. Trong đó có Hiếu. Tịnh lìa quê, không cho Hiếu biết. Vì vậy lòng chàng mang mặc cảm không thật lòng với bạn. Trong khi đó, chuyện gì Hiếu cũng tâm sự cùng chàng. Hiếu thương Hoài, con bé học cùng trường, nhà ở tận làng trong. Một lần nghỉ Tết, Hiếu rủ Tịnh đi thăm Hoài. Hai đứa thay phiên chở nhau bằng xe đạp. Gặp chỗ đất lở hay lúc băng tắt ngang ruộng, phải tháo dép, vén quần lội qua. Đoạn đường dài không ngờ. Lúc Tịnh thấm mệt, toan lên tiếng càu nhàu thì đột nhiên Hiếu cất giọng: "Anh cho em mùa xuân, mùa xuân này tất cả, lộc non vừa trẩy lá..." Bỗng dưng Tịnh quên khuấy nỗi nhọc, hoà giọng hát theo: "Đường lao xao gió đầy, chân bước mòn vỉa phố, mắt nhìn lên ngọn cây..." (*) Bài ca mùa xuân không thích hợp với tình huống "vượt ngàn" tới thăm người thương của Hiếu, nhưng gợi trong trí Tịnh thứ tình yêu tươi tắn mới lớn.

Tới nhà Hoài, trời nhá nhem tối. Viền núi in đậm lên nền trời phương tây đỏ chạch. Hoài cầm đèn đầu ra đón. Tia mắt người con gái long lanh bất ngờ ánh lửa hắt. Hoài soi đèn, mời Tịnh và Hiếu vào nhà rồi rút xuống bếp. Cha nàng ra tiếp khách, nhận quà, mời cả hai ở lại dùng cơm tối. Bữa ăn vỏn vẹn ba người đàn ông, đạm bạc dĩa rau luộc, trả cá nục kho quéo, tô canh rau lỏng bỏng vài con tôm khô. Không một chút không khí Tết. Nhưng ngon. Xong, cha Hoài vừa nhẩn nha hút thuốc vấn vừa hỏi thăm chuyện học hành và gia cảnh Hiếu. Tịnh để ý thấy hai chân mày ông khẽ nhíu lại khi nghe Hiếu buột miệng kêu: "Lạy Chúa.." Ngọn đèn dầu run rẩy chực tắt. Người cha vặn thêm tim đèn. Tấm sáo trúc quấn vé xổ số che lối xuống nhà dưới lay động. Tịnh biết, có nhiều cặp mắt đang tò mò dõi ngắm ba người.

Tuyệt nhiên câu chuyện không nhắc nhở gì tới Hoài. Suốt buổi viếng thăm, Hiếu cũng không có cơ hội trò chuyện cùng Hoài. Mải tới khi trời tối mịt, Hiếu và Tịnh đứng dậy kiếu từ, người cha mới gọi Hoài mang đèn soi đường dẫn hai người ra lộ đất. Hiếu dắt xe bước cạnh Hoài, Tịnh lẽo đẽo theo sau. Đêm đen như lọ mực. Đốm đèn dầu lập loè mấp mô theo bước chân Hoài. Tịnh không nghe hai người nói với nhau lời nào. Chỉ có tiếng côn trùng rỉ rả, tiếng lá cựa xàn xạt theo gió đêm và âm điệu tình tứ của bài hát ban chiều còn váng vất trong trí Tịnh.

Tịnh nhẩm tính, chuyện chỉ vài năm trước mà sao chàng có cảm tưởng như xảy ra từ lâu lắm. Như thể chàng đã từ bỏ thời hoa niên, bước sang chặng thời gian khác, không bao giờ thấy lại vạt nắng quái cao nguyên mờ khói lá, không bao giờ nghe lại giọng hát ấm áp của Hiếu dội vang lạc lõng trong bóng chiều quạnh quẽ quê nghèo ngày đầu năm. Tất cả đã xa, thật xa. Như luồng khói xe hoả mỗi chiều băng ngang tỉnh lẻ, tản mác vào lòng trời bao la, biền biệt nỗi tha hương gặm nghiến. Những mất mát không thể tìm lại. Những ray rứt len vào lòng chàng, chỉ một lần mà vướng lại canh cánh bên đời.

Thế nên, khi Tịnh nghe má ngỏ ý muốn về trước hăm ba tháng chạp, chàng đã buột miệng ra chiều thờ ơ, nhưng thâm tâm chàng thấu hiểu tâm trạng má. Nơi này chỉ là chỗ má sống tiếp phận người trước khi dừng chân. Chưa bao giờ Tịnh hỏi má nghĩ sao về đời sống. Những suy tư đó, Tịnh có cảm tưởng khi thốt ra nghe như không thật, như đóng tuồng. Nghĩ cho cùng, cuộc sống của má, của biết bao người đàn bà khác trong hoàn cảnh đất nước chiến tranh, đều ít nhiều bi thảm. Má chàng, một phụ nữ quê mùa, lam lũ, lấy chồng như một cái cớ để thoát ly cảnh gia đình tăm tối. Ngoại chàng, thêm một phận đàn bà hẩm hiu khác, không chữ lời nào có thể tả xiết. Hằng năm, ngoại từ làng sâu ra tỉnh lẻ ở chơi nhà ba má Tịnh vài tuần. Có năm, để tránh bom đạn, gia đình ngoại chia nhau ở đậu nhà bà con tứ tán khắp nơi. Nhưng chưa lần nào ngoại ở lâu

HÀ THÚC SINH

NHÂN NĂM MỚI HAI NGÀN, HỎI CÂU CŨ

Trăm năm mới dẫn ngàn năm mới
Ô chỗ nào đây mình sẽ tới
Thủy tận sơn cùng đêm lạnh loang
Hay mây ở chỗ chói không thấy
Cánh chuồn chuồn nhỏ triệu năm xưa
Còn tỏ hình hài qua vách núi
Vạn vật con người linh nhất ư
Ba sinh sao hỏi mãi không nói
Hiện thân là cái vơi dần vơi
Biến biến bay bay tan hạt bụi
Vua hỡi thầy ơi thân phụ ơi
Chỗ nào sẽ tới sẽ không tới
Kiền Liên người ấy thực hay mơ
Đã có gặ p nhau có nhậ n nổ i

Vũ trụ mênh mông mình ngước nhìn
Một kiếp về đâu nơi kỷ mới?

hơn một tháng. Ngoại viện đủ cớ để trở về quê cũ. Con ạ, tuần tới là giỗ bà cố. Hay, sắp tới mùa tát mương, phải về không thôi... Tịnh biết, cái mương mà ngoại âu yếm nhắc nhở chỉ là một rãnh nước ốm hình chữ U vây quanh vườn nhà, nối với sông lớn bằng một thân dừa rỗng đặt ngầm dưới lộ đất. Mùa mưa, phù sa đỏ loét lưng sông. Lục bình hoa tím nhấp nhô. Cò hương về từng đàn, đắp tổ trên ngọn cây chót vót. Quê ngoại nghèo rách, lở lói những thương tích chiến tranh và thiên tai không bao giờ lành, có gì để ngoại tiếc nhớ? Câu hỏi ấy đeo đuổi Tịnh từ thuở ấu thơ sang thời niên thiếu, mải tới bây giờ, không có lời giải đáp. Như một bài toán khó mà Tịnh không bao giờ đặt ra để đố ngoại, vì Tịnh biết chắc rằng ngoại sẽ vuốt tóc chàng, cười hom hem: "Con ưa hỏi cắc cớ."

Với Tịnh, nỗi "cắc cớ" ấy chính là điều bí ẩn mà chàng muốn biết. Dường như có gì không phải, không thiết thực như chuyện đánh vẩy một con cá, khâu vá vạt áo rách, nếu Tịnh ngỏ lời hỏi ngoại: "Có bao giờ ngoại cảm thấy hạnh phúc?" Cắc cớ ở hai chữ "hạnh phúc". Đặt nó vào nhịp sống tẻ nhạt, những sáng những chiều lặng lẽ như nhau, con người chỉ biết chống chỏi với những bất công của thiên nhiên, cố gắng đùm bọc nhau trong thời loạn ly; thấy có vẻ gì thật xa vời, gần như kệch cỡm. Kỷ niệm ấu thơ của Tịnh miền quê ngoại, giờ này, còn đọng lại một trũng nắng khô khốc, chực bén lửa. Và tiếng tắc kè tặc lưỡi than tiếc trên mấy bẹ chuối quắt queo. Tịnh tin rằng, ngoại chàng chưa hề biết tới hai chữ "hạnh phúc". Nhưng má chàng có thể hiểu được điều ấy.

Một cuối tuần xấu trời, chỉ có hai mẹ con ở nhà, Tịnh giúp má sửa soạn nấu cơm trưa. Câu chuyện của má hầu như lúc nào cũng bắt đầu bằng mấy chữ "ở quê mình". Cơm nước xong, Tịnh nấu nước pha trà. Má chẩm rãi bày kẹo gừng ra dĩa. Trong khi chờ nước sôi, Tịnh ra đứng thơ thẩn bên cửa kính. Mưa vừa dứt hạt. Sân cỏ ướt lóng lánh chéo nắng lên. Mùi đất và gỗ bách hượng len lén tràn vào. Hơi mát dịu dàng như bàn tay chị Tuyến thuở chị sống ở miền cao nguyên chưa có những biến động. Tịnh rùng mình nhận lấy hơi hướm thân quen của cảm xúc tưởng đã chai sạn, đâu ngờ vẫn còn tươi rói tính nhạy bén. Chàng quay lưng tới ngồi đối diện má, nâng bàn tay nhăn nheo già nua, lạc giọng hỏi:

"Có bao giờ má cảm thấy hạnh phúc?"

Vòm mắt má nhương nhướng, viền con ngươi trắng đục. Gò má hoa mồi, khoé môi gấp dấu thời gian, nhếch khẽ như nhoẻn cười:

"Có chớ con!"

Tịnh sửng mắt, không thốt ra lời. Má nhỏ nhẹ:

"Con cố gắng đưa má về trước hăm ba tháng chạp."

Bất ngờ Tịnh hiểu ra. Hạnh phúc của má và của chàng ví như hai vì sao nhấp nháy hoài giữa vũ trụ thênh thang, không bao giờ gặp nhau. Suốt đời.●

(12.1999)

(*) "Anh cho em mùa xuân", thơ Kim Tuấn, nhạc Nguyễn Hiền.

ĐỒNG TIỀN NGOẠI THƯƠNG VÀO THẾ KỶ 19 Ở VIỆT NAM

LỤC ĐỨC THUẬN

Từ thế kỷ 16, người Âu châu đã đến bờ biển các nước Á châu để mua bán. Faifo, Phố Hiến, Kẻ Chợ, Nagasaki, Macau, Batavia, Manila từng là những trung tâm thương mãi tấp nập của Á châu vào thời hai chúa Trịnh Nguyễn. Và sự giao dịch thương mãi giữa phương Tây và nước Việt kéo dài cho đến những ngày triều Nguyễn thất thủ vào tay người Pháp. Những đồng xu, thỏi bạc, nén vàng cùng những đồng bạc 8 reales của Mễ Tây Cơ, đồng bạc ducaton của Hòa Lan được dùng như phương tiện mua bán trao đổi trong suốt những thế kỷ này. Cho đến cuối thế kỷ 19, những đồng bạc ngoại thương khác, được nhiều quốc gia đúc, chen chân trên thị trường thương mãi quốc tế và cũng để giải quyết một số vấn đề tài chính cục bộ hoặc thế giới vào thời đó.

Đồng tiền ngoại thương vào thế kỷ 19

Nhà Nguyễn thống nhất đất nước, xếp đặt kỷ cương, chú trọng vào luật lệ và trật tự, để dễ cai trị. Đồng tiền Tây Dương cũng được ấn định tỷ giá rõ ràng cho dễ mua bán. Sử thần nhắc đến tiền Quỷ Đầu lần đầu tiên trong *Đại Nam Hội Điển Sử Lệ* "Gia Long năm thứ 16, Gia Định mua nộp bạc Quỷ Đầu, mỗi phiến cân nặng hơn 7 tiền giá 1 quan 6 hoặc 1 quan 7 tiền." Vào triều vua Minh Mạng, sách *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* ghi chép về tỷ giá của tiền ngoại thương như sau: "Đồng bạc Tây dương như Hoa Biên, Song Chúc, Quỷ Đầu đều chia hai hạng định giá, loại lớn ăn 7 đồng cân 2 phân bạc, loại nhỏ ăn 2 đồng cân 8 phân bạc." Dưới triều Nguyễn, các đơn vị trọng lượng đo lường được quy định thống nhất trên toàn quốc.

1 Đồng cân (còn gọi là tiền) gồm 10 phân, tương đương 3.7783 gram.

1 Phân gồm 10 ly, tương đương với 0.3778 gram.

Tính ra 7 đồng cân 2 phân bạc tương đương với 26.52366 gram bạc, gần giống trọng lượng của các đồng bạc Mễ Tây Cơ và các đồng bạc ngoại thương vào cuối thế kỷ. Cũng vì thế, vào đời vua Tự Đức, sau khi quân Pháp xâm chiếm Lục tỉnh Nam Kỳ, Pháp đòi bồi thường chiến phí bốn triệu đồng. Vua đã sai lấy bạc đúc mẫu tiền Thất tiền Nhị phân (7 đồng cân 2 phân) trình Toàn quyền Pháp để trả nợ, nhưng Pháp đã không chấp nhận mẫu tiền này.

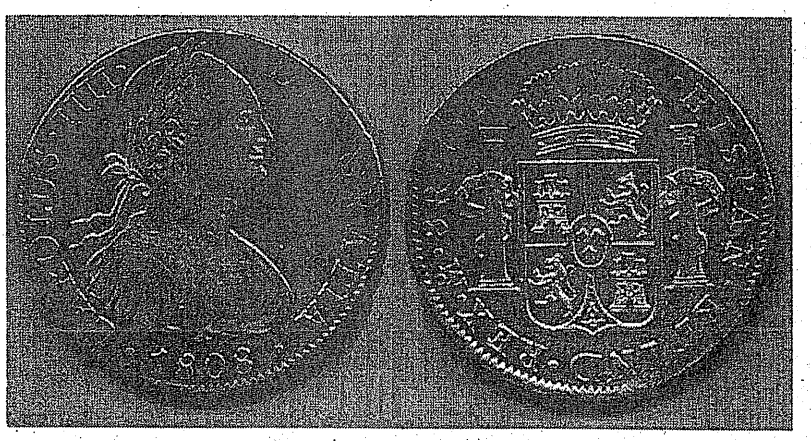

Tiền Quỷ Đầu (Charles IV) - The Carolus Pillar 8 reales (Charles IV)

Tiền Quỷ Đầu đến đời vua Charles IV (1788-1808) được đúc ra hai loại mới hơn:

Loại 1: chỉ đúc trong hai năm 1789-1790. Tiền

Tiền Quỷ Đầu (Ferdinand VII) mặc chiến bào - The Carolus Pillar 8 reales (Charles VII)

chỉ có điểm khác duy nhất là tên vua CAROLUS IV thay thế cho CAROLUS III, dù rằng vẫn là hình Charles III.

Loại 2: được đúc từ năm 1791 đến 1808. Tiền thay hình Charles III bằng hình Charles IV với hàng chữ CAROLUS IIII.

Và đến đời vua Ferdinand VII (1808-1821), tiền Quỷ Đầu lại có hai loại hình Ferdinand VII mặc chiến bào đúc từ năm 1808 - 1811và mặc áo choàng đúc từ năm 1811 - 1821, với tên vua là FERDIN VII.

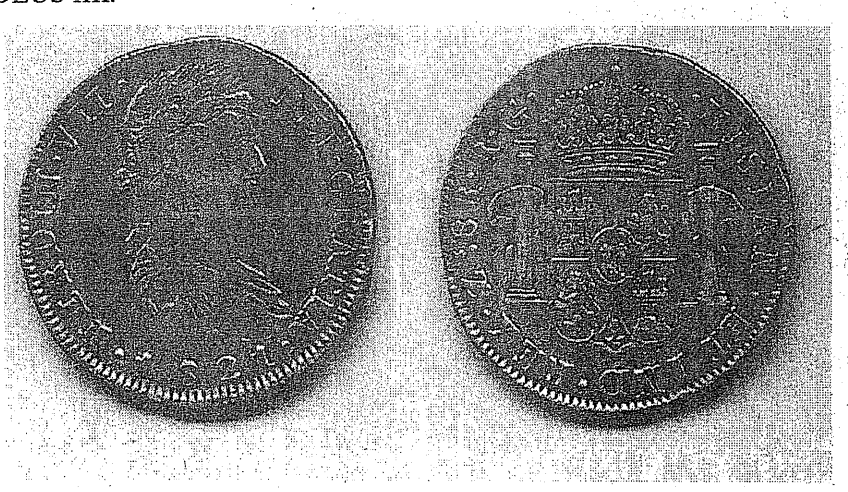

Tiền Quỷ Đầu (Ferdinand VII) mặc áo choàng - The Spanish Pillar 8 reales (Ferdinand VII)

Đến năm 1822, đồng bạc 8 reales của Mễ Tây Cơ thay đổi hoàn toàn cách trình bày. Từ năm này, đồng 8 reales nặng 27.07 gram với hàm lượng bạc .903, có hình con ó và mặt kia có hình cái nón Libertad với tia sáng mặt trời chiếu quanh được sử dụng trong việc giao thương quốc tế. Đồng tiền này được dân ta gọi là "bạc hoa xòe" hay "bạc con cò" hay "điểu ngân." Ca dao Việt Nam đã chứng tỏ đồng bạc này đi sâu vào đời sống của dân ta, như có câu:

Cưới em bằng bạc con cò
Đâu phải hẹn hò, nói chuyện đẩy đưa.

Trước sự bành trướng xâm chiếm thuộc địa của người Anh quá nhanh chóng, từ Ấn Độ, Bengal, qua Mã Lai, Tân gia Ba, người Pháp e sợ sẽ không còn một thị trường nào ở Á châu cho họ. Duy nhất chỉ còn mỗi xứ Đại Việt, là nơi thuận tiện cho việc mua bán, mà người Anh cũng đang cố gây ảnh hưởng. Người Pháp đã có manh tâm xâm chiếm Đại Việt từ đó. Năm 1847, người Pháp khởi sự gây hấn với nước ta. Trung Tá Rigault de Genouilly mang tàu chiến La Victorieuse vào cảng Đà Nẵng dâng thư phản kháng việc giết hại giáo sĩ với vua Thiệu Trị. Trong khi chờ đợi thư trả lời, người Pháp thấy quân Việt tăng cường, bèn bắn phá các đồn lũy của ta, rồi bỏ đi. Cuối năm này, vua Thiệu Trị băng, vua Tự Đức nối ngôi. Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh Đà Nẵng, và sang năm sau, Pháp chuyển hướng đánh thành Gia Định. Năm 1867, sáu tỉnh miền Nam rơi vào tay người Pháp. Đến năm 1873, Pháp khởi sự gây hấn ở Bắc Kỳ. Hết hoà ước này đến hoà ước khác được ký kết với người Pháp để nhượng đất, nhượng quyền. Cho đến năm Quý Mùi 1883, dưới thời vua Hiệp Hoà, hoà ước Quý Mùi được ký kết giữa Chánh Sứ Trần Đình Túc và Harmand công nhận sự bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Hoà ước Quý Mùi đánh dấu một vai trò

quan trọng của đồng bạc Mễ Tây Cơ trong nền kinh tế của Việt Nam lúc đó. Dù rằng triều Nguyễn mặc nhiên cho sử dụng đồng bạc Mễ Tây Cơ, nhưng vẫn không có một văn kiện chính thức nào đề cập đến sự lưu hành của tiền này trong xứ. Nay điều thứ 27 của Hòa ước Quý Mùi đã hợp thức hoá việc sử dụng đồng bạc hoa xoè, cán cân trên xứ Việt như sau: "Đồng bạc Mexicaine và tiền tệ bằng bạc của xứ Nam Kỳ sẽ cùng tiền tệ của Việt Nam được cưỡng bách lưu hành đồng thời khắp nước."

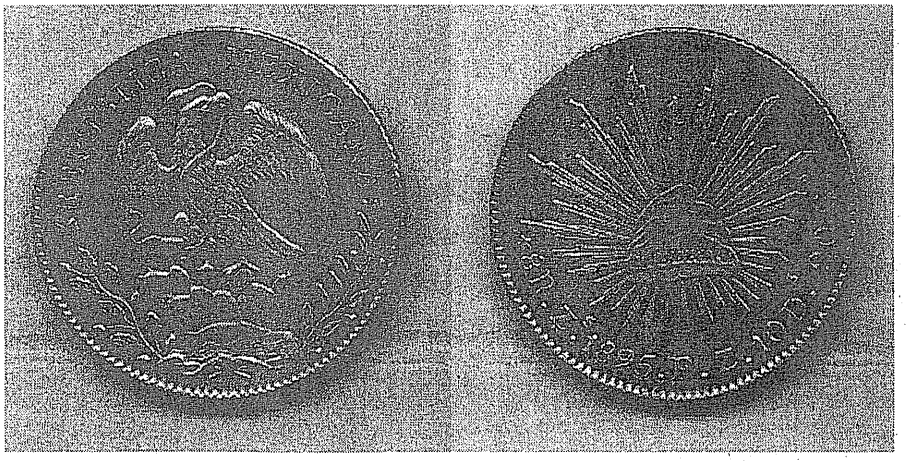

Bạc hoa xòe hay bạc con cò hay tiền điếu ngân - The 8 reales Dollar of Republic of Mexico

Ở Việt Nam, tiền này được gọi là "bạc cán cân."

Đồng peso của Mễ Tây Cơ, sau năm 1900 lại thay đổi kiểu mẫu, trở lại với hình hoa xòe ngày trước, nhưng vẫn giữ đơn vị Peso. Tuy nhiên, người Pháp đã không cho tiền ngoại thương của các nước lưu hành trên bán đảo Đông Dương, khi đồng bạc Piastre de Commerce của Pháp được ban hành.

Tiền ngoại thương của Hồng Kông - Trade dollar of Hong Kong

Trong thế kỷ 19, vấn đề giao thương giữa

Mễ Tây Cơ lại tung ra một loại tiền với đơn vị tiền tệ mới vào năm 1872, gọi là Peso, theo hệ thống thập phân. Tiền có trọng lượng và hàm lượng bạc như bạc hoa xoè, nhưng mặt tiền hình hoa xoè được thay bằng hình một thanh kiếm được tựa vào một cái cân.

Tiền YEN Mậu Dịch Ngân của Nhật Bản - The 1 Yen Trade dollar of Japan

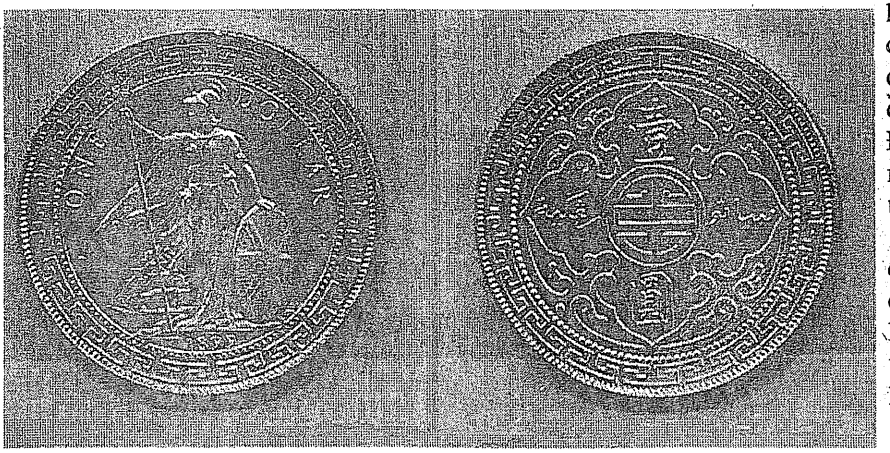

Tiền ngoại thương của Anh Quốc - Trade dollar of Great Britain

các lục địa trở nên quan trọng cho việc phát triển kinh tế của các nước. Đồng 8 Reales của Mễ Tây Cơ dù rất được ưa chuộng ở Trung Hoa và các nước Á Châu nhưng bắt đầu bị cạnh tranh. Nguyên nhân vì khi đổi hay mua tiền 8 Reales cho việc giao thương, các nước khác đều chịu một khoản thuế độ 5% cho Mễ Tây Cơ, nên họ quyết định đúc đồng tiền ngoại thương riêng dựa trên ngân bản vị (silver trade dollar), để tiện lợi trong việc mua bán của họ và tránh khoản thuế này. Ở Việt Nam, những đồng tiền ngoại thương của các nước khác cũng được sử dụng rộng rãi bên cạnh đồng 8 reales, đồng piastre của Đông Dương và những thoi bạc của triều Nguyễn.

Những tiền sau đây được liệt kê chính thức đã lưu hành trên Việt nam trong hậu bán thế kỷ 19 gồm:

Đồng 1 dollar của Hồng Kông, nặng 26.9568 gram với hàm lượng bạc .900, có hình nữ hoàng Victoria và mặt kia có chữ Hán THO thật to và hàng chữ ONE DOLLAR và HONG KONG vòng quanh.

Đồng bạc 5 Franc Napoleon III của Pháp - The French 5 franc Napoleon III

Đồng 1 dollar của Mỹ, nặng 27.22 gram với hàm lượng bạc .900, có hình cô gái ngồi cầm nhánh ôliu với 13 ngôi sao vòng quanh, tượng trưng 13 tiểu bang đầu tiên. Mặt kia có hình diều hâu và chữ TRADE DOLLAR. Đồng tiền này thường được gọi nôm na là "bạc con gái ỏ hay còn được gọi là ỏ bạc ông lão," do

Tiền Nhất Viên của Vua Quang Tự nhà Thanh - Kuang Hsu silver coin

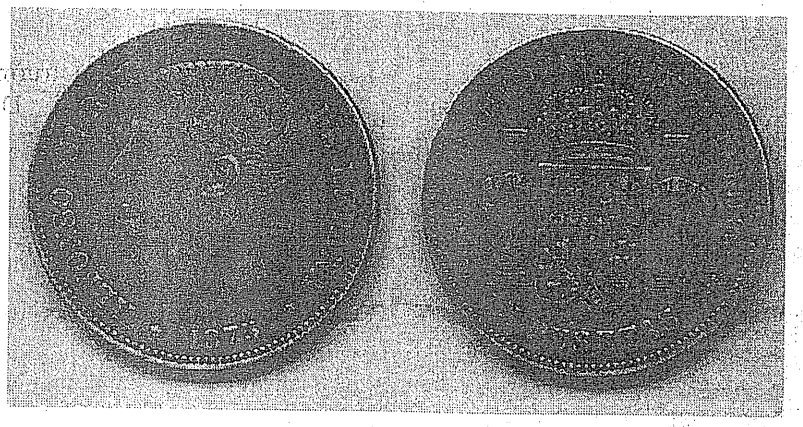

Tiền 5 pesetas của Tây Ban Nha - The Spain 5 pesetas

cũng giống hình ảnh một ông già cầm nhánh lúa mì. Đồng bạc ông lão đã đi vào lịch sử của Việt nam, khi nhà lãnh tụ Yên Thế Hoàng Hoa Thám bị người đồng chí cũ là Lương Tam Kỳ, đầu hàng giặc Pháp, âm mưu gởi người sát hại cụ. Họ Lương đã ra điều kiện với Pháp trước khi thực hiện âm mưu ác độc. Một trong những điều kiện của Tam Kỳ là đánh đổi sinh mệnh của cụ Hoàng Hoa Thám một số lớn đồng bạc ông lão.

Trong *Đại Nam Hóa Tệ Đồ Lục*, Albert Schroeder còn nhắc đến đồng 1 dollar bằng bạc Draped Bust, Gobrecht và Seated Liberty của Mỹ. Tuy nhiên, những tiền này do thủy thủ mang theo khi đến Việt Nam, chứ không phải là tiền ngoại thương của Mỹ.

Đồng 1 yen của Nhật Bản, nặng 27.220 gram với hàm lượng bạc .7876, có hình con rồng với chữ TRADE DOLLAR, và mặt kia có chữ Hán MẬU DỊCH NGÂN. Đồng 1 yen NHẤT VIÊN, lẻ ra chỉ dùng trong nước Nhật, nhưng thực sự đồng này được tiêu dùng trong nhiều năm ở Batavia.

Đồng 1 dollar của Anh, nặng 96.9568 gram với hàm lượng bạc .9000, có hình nữ hải thần Britannia cầm thương, và mặt kia có hình hoa văn.

Đồng bạc 5 Franc hình Napoléon III của Pháp nặng 25 gram với hàm lượng bạc .900 đúc vào những năm 1861 tới 1870. Theo Stephen Tai, nhà sưu tập bạc thoi của Trung Hoa, có thư cho chúng tôi biết tiền 5 franc của Louis Philippe II đúc trong những năm 1831 tới 1860 cũng được tiêu dùng ở Trung Hoa. Nhưng chưa có một tài liệu nào nói về tiền này ở Việt Nam.

Ngoài ra, còn có đồng bạc 4 Franc của Miên có hình vua Norodom I được kể đến, nhưng thật sự tiền này chỉ dùng làm quà biếu của vua

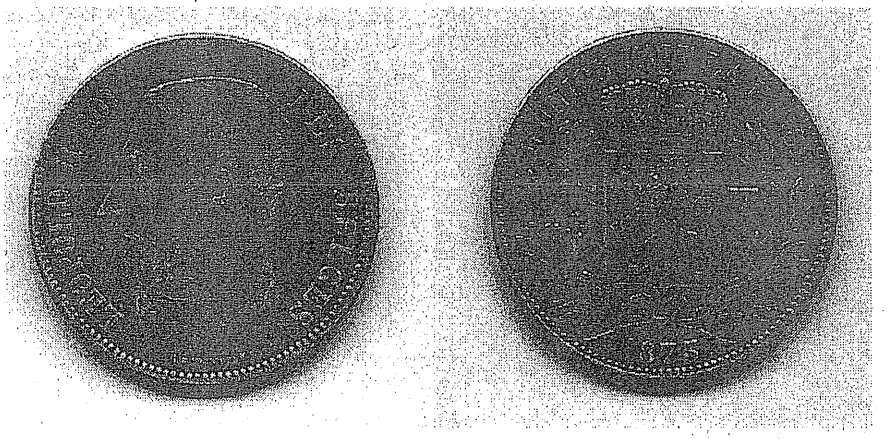

Tiền 5 Franc của Bỉ - The Belgium 5 Franc

Miên. Tiền này tương đối khá khó kiếm trong giới sưu tập tiền cổ.

Trong chuyến về thăm Việt Nam vào năm 1998, chúng tôi có dịp hầu chuyện với ông Nguyễn Văn Cường ở Chi Lăng, Huế về tiền ngoại thương. Theo ông Cường, năm 1993, con cháu của gia đình quan Trần Tiến Thành ở Huế có đào được một hủ tiền, trong đó có đồng tiền Bỉ đúc từ năm 1741 đến 1759 và đồng tiền Tây ban Nha. Ông cũng nói đến những đồng tiền 5 Pesetas của Tây ban Nha vào cuối thế kỷ 19, đồng Nhất Viên của vua Quang Tự bên Trung Hoa và cả những đồng bạc đúc sau cách mạng Tân Hợi của Trung

Hoa cũng được tiêu dùng ở Việt Nam.

Khi nói đến đồng tiền ngoại thương, giới sưu tập tiền cổ luôn bàn đến hai đặc điểm của chúng. Đó là tiền bị đục và tiền bị cắt thành mảnh nhỏ.

Từ ngữ "chop dollar," để chỉ hiện tượng có những dấu hiệu được đục khắc (chop) trên đồng tiền. Thời đó, có những tiền ngoại thương giả mạo với hàm lượng bạc kém hơn. Các thương nhân vùng Đông Nam Á, nhất là Trung Hoa, sau khi đã kiểm định hàm lượng bạc của đồng tiền, thường đục một ký hiệu nhỏ trên đồng tiền. Khi đồng tiền này trở lại vào tay, họ chỉ nhìn thấy ký hiệu là không cần kiểm nhận độ bạc nữa. Những dấu hiệu này khác nhau theo từng hãng buôn, như hình chữ thập, chữ Thiên, chữ Sĩ, dấu tròn... để dễ nhận dạng sau này. Có đồng tiền bị đục quá nhiều, đến không còn nhận dạng ra tiền gì nữa. Những đồng tiền chưa hề bị đục, được gọi là "clean dollar." Đã có một thời, tiền bị đục dễ được chấp nhận hơn tiền chưa bị đục.

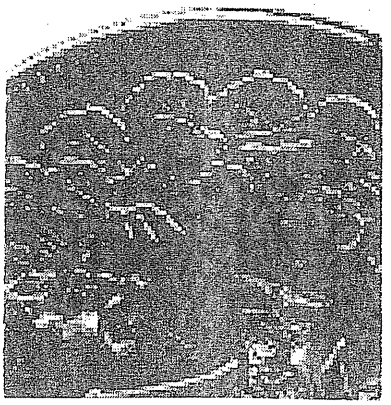

Chữ SĨ, chữ THÀNH đục trên đồng ngoại thương Yen của Nhật

Hiện tượng cắt tiền vào thời này, vì không có đủ bạc lẻ, người Á châu thường chặt đồng tiền bằng bạc ra làm hai, hoặc làm tư (một góc bạc gọi là bạc góc tư), hoặc làm tám (một góc bạc gọi là bạc góc tám). Tuy rằng tỷ giá đồng hoa xòe tương đương với đồng bạc đầm xòe của Pháp, nhưng vì Pháp không có đồng tiền 25 xu, nên bạc góc tư chỉ được xem tương đương như đồng tiền 20 xu của Pháp, thay vì giá trị thực sự là 25 xu. Cũng như bạc góc tám chỉ được xem như đồng 10 xu của Pháp, thay vì 12 xu rưỡi. Một "giác" (từ chữ Hán nghĩa là góc, 1/10 của đồng) là từ ngữ thường dùng ở Huế để chỉ 1 cắc (là 10 cent). Ngoài miền Bắc lại dùng từ ngữ "hào."

Pháp chia Việt Nam làm ba xứ Bắc Kỳ (Tonkin), Trung Kỳ (An nam) và Nam Kỳ (Cochinchine), và được gọi chung với hai xứ Miên Lào là Đông Dương thuộc Pháp (French Indochine). Ngày 21 tháng 1 năm 1875, Tổng Thống Cộng Hoà Pháp, Mac Mahon, ban hành đạo luật cho thành lập Ngân Hàng Đông Dương. Năm 1885, Pháp tung ra thị trường đồng bạc ngoại thương PIASTRE DE COMMERCE. Đồng bạc nặng 27.215 gram với hàm lượng bạc .900. Đồng bạc Piastre của Đông Dương có hình bà Marianne ngồi, biểu tượng của nước Pháp thời đó. Dân ta thường gọi là "bạc đầm xòe" hay "bạc đầu hình."

Sau khi ngân hàng Đông Dương ra đời, đồng tiền ngoại thương của các nước và đồng xu của triều Nguyễn dần dần bị thay thế bởi những đồng CENT, tờ bạc PIASTRE của ngân hàng Đông Dương.

Tài liệu tham khảo:

- *Việt sử: Xứ đàng trong* của Phan Khoang.
- *Đại Nam Thực Lục* của triều Nguyễn
- *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê qúy Đôn
- *Đại Nam Hội Điển Sử Lệ* của Nội Các Triều Nguyễn
- *Ngoại Thương của Việt nam trong thế kỷ 17, 18* của Thành Thế Vỹ
- *Tiền cổ Việt nam* của Đỗ Văn Ninh
- *Đại Nam Hóa Tệ Đồ Lục* của Albert Schroeder, Paris 1905.
- *Liên lạc Việt Pháp Thế kỷ XVII,* XVIII của Nguyễn khắc Ngữ
- *Bồ đào Nha, Tây ban Nha và Hoà Lan giao tiếp với Đại Việt* của Nguyễn khắc Ngữ.
- *The United States Trade dollar* của John Willem, Newyork 1959
- Tư liệu "Tiền Tệ Việt Nam, tập Tiền Ngoại Thương," của Lục Đức Thuận
- *Standard catalog of World coin, 16th and 17th century edition,* Krause publications.
- *Southern Vietnam under the Nguyen* của Li Tana
- *Pho Hien, The centre of international commerce in the 17th- 18th centuries,* The Gioi publishers
- *Ancient town of Hoi An,* The Gioi Publishers.
- *Les Nguyễn, Macau et le Portugal* của École Francaise d'Extreme Orient
- www.charm.ru, những bài Foreign trade money của Stephen Tai.
- Tham khảo với nhà khảo cứu tiền cổ Nguyễn Văn Hữu, Houston, Texas.
- Tham khảo với nhà sưu tập tiền cổ Nguyễn Văn Cường, Chi Lăng, Huế.

Mẫu tiền:

- Bộ sưu tập của tác giả.

Văn chương bình dân

CHÓ VÀ RÙA

TƯ CẦU KHO

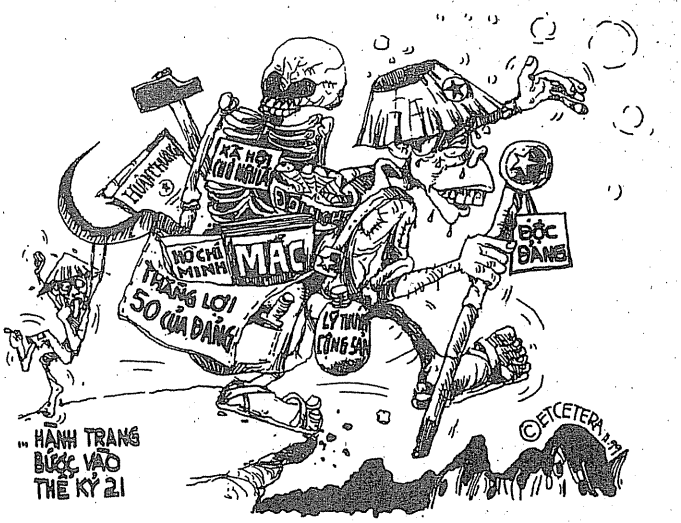

...

Tác giả tự giới thiệu:

Nhà văn Tư Cầu-kho là một đại văn hào ở chợ Cầu-Kho trước thời kỳ bị chiếm đóng. Ông giữ chức Chủ-tịch hội Văn-bút Cầu-kho trong tám năm liền nhờ được sự tín nhiệm của toàn thể các hội viên mà đa số không biết viết. Tư Cầu-kho là một nhà văn chân chính, loại "xịn," chưa hề nhận tiền hay nhận lệnh của ai để viết một tờ truyền đơn nào hết.

Trong thời gian liên tiếp 10 năm, từ năm 1965 tới 1975, Tư Cầu-Kho đã chiếm 10 giải nhất các giải văn học sau đây (giải nhì không kể):

1- Giải nhất về thơ của Tao-đàn Cầu-Muối;

2- Giải nhất về văn của hội văn- bút chợ Cầu Ông-Lãnh;

3- Giải nhất về truyện ngắn của hội văn-bút Xóm Chiếu;

4- Giải nhất về truyện dài của hội văn-bút Bến Tắm-Ngựa;

5- Giải nhất về chuyện trinh thám của hội các nhà văn sống trên ghe, kinh Tàu hủ;

6- Giải nhất về tiểu thuyết tình cảm của hội các Nữ sĩ chợ Cầu bông;

7- Giải nhất về chuyện tiếu lâm của hội văn bút Đình Tân-kiểng;

8- Giải nhất về thơ tự do của Thi-đàn Ngã ba Vườn-Chuối;

9- Giải nhất về khảo cứu văn học của hội văn học Ngã Tư Quốc Tế;

10- Giải nhất về kịch của hội Kịch Nhà Hát Tây.

Tác giả muốn gởi bài này tặng một người bạn văn tên là Sơn-Nam, nhà văn bình dân, hội viên hội văn bút Cầu Chữ-Y, nhưng không có địa chỉ vì hội văn bút Cầu Chữ-Y đã bị giải tán sau ngày bị chiếm đóng. Nhờ bà con nào có về Sài Gòn xin mang về dùm, đi qua Cầu Chữ-Y hỏi nhà bác Sơn-Nam ai cũng biết. Cám ơn lắm thay!

*

199x

Khi ông tổng thống đưa miếng thịt bò vô miệng, chỉ nhai hai ba cái thì nước ngọt đã chảy chan hòa trên lưỡi, trên nứu răng, thấm ra hai gò má và chảy vô cổ họng, tạo cho ông một cảm giác khoái lạc, đê mê. Mới nhai có mấy cái với hàm răng giả mà miếng thịt bò như đã tan trong miệng. Khoái chí tổng thống Dê-em Mac nâng ly chúc sức khỏe ông đại sứ và đi nhẹ một ngụm vang đỏ, một loại vang thơm lừng mùi nước hoa ba con số năm. Đưa ngụm rượu qua cổ, khà nhẹ một cái, tổng thống Dê-em Mac gục gặt cái đầu:

"Quý quốc quả là cường quốc số một. Không phải chỉ có tên lửa loại cuimitsin là hạng nhất thế giới, mà cả thịt bò, rượu vang, cái gì cũng đứng số một thế giới."

Ông đại sứ cười lễ độ:

"Thưa tổng thống, cám ơn tổng thống đã có lời khen. Trong mấy năm gần đây, bản quốc có đạt được chút ít tiến bộ trên lĩnh vực khoa học và muốn đem chia xẻ cùng nhân loại. Tình nhân loại là giá trị tinh thần cao quý nhất của bản quốc, vì vậy mà bản quốc muốn đem chia xẻ những tài sản khoa học kỹ thuật của mình với các dân tộc khác. Bữa cơm hôm nay là để tổng thống có dịp thưởng thức một vài món ăn mới của bản quốc, và nếu tổng thống thích thì bản quốc sẽ xin được viện trợ kỹ thuật để quý quốc có thể sản xuất. Nhân dịp, cũng xin nhắc lại với tổng thống là bản quốc sẵn sàng viện trợ quý quốc trên mọi lãnh vực, như cung cấp chiến đấu cơ hiện đại, thiết lập các đài rađa và các căn cứ phòng không chống phi cơ và hỏa tiễn..."

Ông tổng thống âu yếm nhìn ông đại sứ:

"Vô cùng cám ơn ông đại sứ. Về chuyện quốc phòng thì bộ chính trị chúng tôi như đã nhất trí về sự hợp tác với quý quốc. Duy chỉ có vấn đề thời điểm để chúng ta cùng công bố các thỏa ước thì chúng tôi còn đang nghiên cứu. Về chuyện hợp tác kinh tế thì tôi nghĩ chúng ta có thể xúc tiến ngay. Xin ông đại sứ tranh thủ đẩy mạnh các chương trình đầu tư và trao đổi kỹ thuật càng sớm càng hay."

Ông đại sứ lễ độ rót thêm rượu vào ly tổng thống Dê-em Mac rồi quả quyết:

"Xin tổng thống yên tâm. Đó là nhiệm vụ của tôi. Dân tộc chúng tôi có nhiệm vụ giúp quý dân tộc để phát huy tình hữu nghị giữa hai dân tộc hầu bù lại những thống khổ mà chúng ta đã vô tình gây cho nhau vì những hiểu lầm đáng tiếc, để xóa đi khoảng thời gian đen tối trong lịch sử chúng ta. Tôi tin chắc rằng đầu tư sẽ ào ạt đi vào và tôi bảo đảm với tổng thống là bản quốc sẽ viện trợ đồi dào cho quý quốc về tài chánh và nhất là về khoa học kỹ thuật."

Tổng thống Dê-em Mac cười khoan khoái, suýt chút nữa là hàm răng giả nhảy ra khỏi miệng:

"Xin cám ơn ông đại sứ. Tôi sẽ chỉ thị cho ông thủ tướng khẩn trương đẩy mạnh các chương trình hợp tác. Nếu nước chúng tôi mà sản xuất được những sản phẩm như quý quốc thì chuyện xóa đói, giảm nghèo coi như trở bàn tay thôi. Nhưng tôi thật sự không hiểu làm sao quý quốc có thể chế ra những tuyệt phẩm như thế nầy. Vang nầy hơn xa vang Tây. Thịt bò nầy cũng ngon gấp trăm lần bê thui của bản quốc."

Ông đại sứ chầm rãi:

"Thưa tổng thống, đây là thành quả của nhiều năm nghiên cứu. Các khoa học gia đã thành công trong việc biến cải các sinh vật theo nhu cầu của chúng ta. Chẳng hạn như xìtết mà chúng ta đang ăn được cắt từ một loại bò mới, có thể gọi là bò-nai, kết nạp giữa bò, nai và mển. Bò thì to con, cho nhiều thịt, nai đem lại mùi thơm, còn mển thì cho thịt mềm. Các nhà khoa học của chúng tôi lấy gên của nai và mển cấy vào gên của bò để tạo ra giống mới nầy. Cũng như rượu vang mà chúng ta đang uống, nó vượt xa các loại vang thượng hạng của Pháp vì trong gên của loài nho mới của chúng tôi có gên của hoa dạ lý hương. Thưa tổng thống, cà tômát, xàlát, đầu ăn, tất cả những món dọn trên bàn nầy đều thuộc các giống mới..."

Ông đại sứ nói thao thao bất tuyệt khiến mọi người đều nghe sai mê và khâm phục. Nhưng cũng có một người thắc mắc, đó là ông trợ lý của tổng thống về các vấn đề khoa học, một tiến sĩ tốt nghiệp đại học Siberia, người đã tìm ra một giống chó mới, thịt thơm hơn chó mực. Ông tiến sĩ hỏi:

"Thưa ông đại sứ, theo chỗ tôi biết thì người ta chỉ có thể pha giống giữa những con vật hay cây cỏ cùng chung một chủng loại, như chó Tây pha với chó Nhật, lúa nầy pha với lúa kia, chứ không thể pha giống giữa các thứ khác chủng loại như pha cây mía với cây xoài, pha chó với gà."

Ông đại sứ như mở cờ trong bụng vì được

dịp khoe thành tích xứ mình:

"Ông tiến sĩ nói đúng. Hồi trước tôi cũng học như vậy. Nhưng khoa học ngày nay đã vượt qua bức tường chủng loại, như phi cơ siêu thanh đã vượt qua bức tường âm thanh. Bây giờ có thể lấy gên của loài nầy ghép vào gên của loài kia để tạo một giống mới theo ý mình muốn. Đó là kỹ thuật biến chủng (genetic engineering), do bản quốc phát minh. Ngoài ra, còn có thể sanh con mà không cần giống đực và giống cái, đó là phương pháp cờlôn (cloning) lấy tế bào của một sinh vật để làm ra một sinh vật con giống cha như đúc. Thí dụ như lấy lá một cây hoa lan, bỏ vô máy xay sinh tố, xay ra thành trăm mảnh, nuôi lên thành trăm cây con giống hệt cây mẹ. Thú vật cũng vậy, miếng xìtết mà chúng ta đang ăn là cờlôn của một con bò kiểu mẫu chứ không có bò cha bò mẹ."

Ông tổng thống Dê-em Mac đang ngồi lim dim vì ngấm rượu bỗng chợt tỉnh dậy hỏi ông đại sứ:

"Nếu như vậy thì người ta cũng có thể làm cờlôn con người, người nào giỏi xuất chúng thì cờlôn để giữ tinh hoa nhân loại. Như trường hợp tôi đây, làm ra một cờlôn của tôi thì nước nầy bảo đảm sẽ có lãnh đạo tốt để tiếp tục sự nghiệp cách mạng tiến lên xã hội chủ nghĩa."

"Thưa tổng thống được chứ. Nếu hiến pháp của quý quốc cho phép thì làm được. Luật lệ bản quốc không cho làm cờlôn con người thành ra chưa ai làm dù có nhiều người muốn bỏ ra bạc triệu để cờlôn mình."

Ông tổng thống Dê-em Mac bèn đề nghị với ông đại sứ tổ chức một cuộc viếng thăm để ông cùng một phái đoàn khoa học kỹ thuật nước Daingu* của ông đi nghiên cứu việc biến chủng và cờlôn hầu phát triển đất nước.

200x

Phía khách có tổng thống Dê-em Mac nước Daingu, ba tổng trưởng và ba nhà bác học lừng danh tốt nghiệp các đại học Siberia. Phía chủ có ông đại sứ, ông phụ tá tổng thống về an ninh quốc gia và sáu nhà bác học chuyên về biến giống và cờlôn. Phòng họp được thiết bị bằng máy computer có khả năng biết tiếng người, thông thạo 135 thứ tiếng. Máy computer nghe và dịch song hành mọi thứ tiếng khiến mọi người hai phía cứ ăn nói thoải mái như đang ngồi trên bàn nhậu thịt chó. Nghe một người nói, computer lại còn đoán biết người đó vui hay buồn, có tức giận, có mệt mỏi hay đói khát gì không. Nghe ai khát nước thì computer sẽ cho robot mang coca-cola tới, ai đói thì được cung cấp một cái mắcđô thịt bò-nai có catchup làm bằng cà tômát có pha gên ớt sừng trâu. Khi thấy đa số bắt đầu mệt thì computer sẽ chớp đèn đỏ để mọi người ra sân đánh hai lỗ gôn cho giãn gân rồi mới trở vào họp tiếp.

Kết quả ba ngày họp được hai phái đoàn coi như thành công lớn, một kết quả "quynh-quynh" cho cả hai phía. Phía khách hiểu được những bí mật kỹ thuật hiện đại nhất và đã bày tỏ ước muốn về một sự hợp tác dựa trên quyền lợi tối cao nhất của Đảng và nhà nước. Phía chủ thấy vô cùng thỏa mãn vì nước mình đã có dịp phục vụ nhân loại, bảo vệ tự do, dân chủ và nhân quyền. Phiên họp ngày hôm nay sẽ là phiên họp cuối cùng để giải quyết một số chi tiết kỹ thuật trước khi thỏa ước được ký kết.

Tuy coi như mọi chuyện thành công, nhưng ông tổng thống Dê-em Mac cũng có một lo âu nhỏ và ông đã thú thật với phía bạn:

"Có một chi tiết mà tôi chưa có dịp thảo luận cùng quý vị là chuyện tuổi tác của tôi. Tôi nay cũng đã hơn 80, nếu chờ cho thằng cờlôn của tôi lớn khôn thì cũng phải vài ba chục năm nữa, như vậy thì đất nước chúng tôi sẽ có một khoảng trống lãnh đạo, thật là nguy. Quý vị có cách nào thổi cho thằng cờlôn của tôi thật mau lớn, chẳng hạn làm sao cho nó trưởng thành sau hai tuổi, thay vì phải hai ba mươi tuổi?"

Đây là một chi tiết bất ngờ làm cho các nhà bác học phải ngớ ngẩn nhìn nhau vì không ai nghĩ tới. Chỉ một người trí tuệ, lo cho dân cho nước như ông tổng thống Dê-em Mac của xứ Daingu mới nhớ tới. Các nhà bác học tỏ ra lo ngại vì tìm không biết phải làm sao. Không khí trở nên căng thẳng nên máy computer chớp đèn đỏ để mọi người ra ngoài đánh hai lỗ gôn hầu tìm ý.

Vì chuyện nầy có tầm vóc lớn nên phái đoàn chủ đã phải vừa đánh gôn, vừa hội ý. Một nhà sinh học đề nghị gọi điện qua Canada xin phòng thí nghiệm quốc gia ngư sản một cái gên bí mật của họ. Vốn là tụi Canada có tìm ra một cái gên có thể gây một giống cá salmon tăng trưởng nhanh gấp 30 chục lần cá salmon thường. Sáu tháng sau khi trứng nở, con cá salmon thường chỉ cân nặng 10 gram trong khi con cá salmon biến giống cân nặng 300 gram. Nhưng giống cá mới có nhiều con hình thù

quái dị và là một giống "cá điên," vì gặp cá khác giống là cắn cho chết. Vì vậy mà các nhà khoa học Canada đã tiêu diệt giống cá mới và đem đông lạnh cái gên, không dám xài. Ý kiến nhờ tụi Canada được nhiều người tán thành tuy cũng có một vài người e ngại vì có thể tạo ra một ông tổng thống khùng, và về phương diện khoa học, khi người khác chê không dám dùng một cái gên cho cá mà mình lại dùng cho người thì thiếu... đạo đức. Cuộc thảo luận thật sôi nổi, sau cùng chính ông cố vấn tổng thống về các vấn đề an ninh quốc gia đã bác bỏ ý kiến nầy vì sợ nếu tạo ra một thằng điên thì mình không thể kiểm soát và hướng dẫn nó, mà nó còn có thể phản bội mình.

Sau cùng, một giải pháp tạm đã được phía chủ nhất trí và phiên họp đã được tiếp tục. Nhà bác học Don Sơmit, người từng được giải thưởng Nobel đứng lên phát biểu:

"Thưa tổng thống, chúng tôi chia xẻ với tổng thống về sự lo âu của tổng thống. Sự ổn định chính trị của quý quốc cũng là sự ổn định an ninh trong vùng và an ninh toàn cầu. Nhưng thú thật, chúng tôi chưa có kỹ thuật để đẩy cái cờlôn hai tuổi thành một người trưởng thành 30 tuổi. Chúng tôi có gên để đẩy cho cái thể xác lớn mau, nhưng cái trí tuệ thì chúng tôi không đẩy mau được. Chúng tôi xin đề nghị với tổng thống giải pháp dùng kỹ thuật ngược lại, đó là chúng tôi có thể cho ngừng cái đồng hồ trong người tổng thống trong vòng 30 năm, có nghĩa là trong vòng 30 năm tổng thống sẽ không già thêm một phút nào nữa, không thay đổi gì cả, chờ cho tới ngày cờlôn trưởng thành, tổng thống giao quyền lãnh đạo lại cho Người, khi đó chúng ta sẽ cho đồng hồ chạy lại."

Ông tổng thống Dê-em Mac nghe được thì lấy làm vui mừng hớn hở nhưng cũng có một chút thắc mắc:

"Như vậy thì cũng rất hay. Nhưng tại sao ta lại làm cái chuyện mất công là cờlôn cờliết làm gì cho mệt, sao không cho ngưng luôn cái đồng hồ của tôi, như vậy có phải tiện và chắc ăn hơn không?"

"Thưa tổng thống, thú thật là việc ngưng đồng hồ cũng có những cái bất tiện của nó, chẳng hạn như trong thời gian ngưng đồng hồ, bộ óc sẽ không phát triển thêm gì được, không có khả năng thu nhận những hiểu biết mới, mà chỉ có thể sống với những kinh nghiệm và hiểu biết trước khi ngưng. Thưa tổng thống, khoa học kỹ thuật tiến rất nhanh và thế giới loài người biến đổi không ngừng, tổng thống là người cai trị một dân tộc lớn mà nếu trí óc ngưng đọng lại không hiểu biết gì thêm thì e có bất lợi cho quý quốc trong chiều dài của lịch sử. Nhưng xét thấy việc dậm chân tại chỗ trong ba chục năm để đổi lấy sự ổn định chính trị và sự liên tục lãnh đạo của một siêu nhân như tổng thống thì cũng chấp nhận được nên

TRẦN VẤN LỆ

TRUYỆN THẬT NGẮN

Tôi vào rừng nhặt cành khô,
chất lên một đống chỉ chờ bật diêm.
Nhưng mà thôi cứ ngồi nhìn,
ở đây đốt lửa tội tình lại mang!

Rừng bay những chiếc lá vàng.
Tôi đưa tay hứng hai bàn tay xanh.
Với tôi, Xuân vẫn trên cành.
Với ai, Xuân chắc đoạn đành chia ly?

Tôi, hồn đang tỉnh hay mê?
Em, lòng có phải chiếc bè đang trôi?
Với tôi, trăm hướng mặt trời,
ngước lên đâu đóa ô môi, bây giờ?

Tôi vào rừng nhặt cành khô,
không dưng nhặt được câu thơ thật buồn:
Ôi người, ai cũng Tha Hương,
ôi tình, ai cũng lạc đường chiêm bao!

Sáng nay mà sáng hôm nào,
Cần Thơ tôi tới, em chào tôi không?

chúng tôi đề nghị giải pháp nầy."

Tổng thống Dê-em Mac có vẻ trầm ngâm. Ông nghĩ rằng thế giới có thay đổi gì thì cũng không ra ngoài định luật của chủ nghĩa xã hội khoa học, mà chủ nghĩa xã hội khoa học thì ông đã thuộc làu làu, đã thấm nhuần quá cỡ rồi thì đâu có cần hiểu biết thêm gì nữa. Nhưng ông cũng có một thoáng nghi ngờ trong trí vì có những chuyện như biến chủng, cờlôn sao không thấy cụ Mác nói tới. Nếu thiên hạ có thêm một cái gì mới có lợi cho mình mà mình không biết thì cũng dở. Thí dụ như tụi nầy tìm ra một thứ thuốc làm cho con người trẻ lại, mà mình không biết để xài cho mình thì bỏ mẹ rồi. Sau cùng, ông tổng thống đành chịu:

"Ok, như vậy cũng được. Cứ tạm như vậy rồi sau đó tính sau. Các ông cờlôn cho tôi một thằng thật ngon rồi làm cho ngưng đồng hồ của tôi trong vòng 30 năm để chờ thằng nhỏ lớn lên coi ra sao. Nếu mà nó ngon lành, giống hệt tôi, tôi truyền ngôi cho nó rồi chết cũng được."

Nhà bác học trấn an tổng thống:

"Thưa tổng thống, cờlôn của tổng thống chính là tổng thống 100%, với tất cả xác thịt và trí tuệ của tổng thống. Khi Người đã trưởng thành, và lên ngôi thì cũng như chính tổng thống đã lên ngôi. Và như đã trình bày cùng tổng thống, Người sẽ sống tới 1000 tuổi, thay vì 100 tuổi như chúng ta vì chúng tôi sẽ đưa một chất gên của giống rùa sống trên 1000 năm vào gên của cờlôn để cho tới thiên niên kỷ thứ tư tổng thống vẫn còn lãnh đạo dân tộc Daingu."

Ông tổng thống nghe được thì rất đổi vui mừng nhưng cũng thắc mắc:

"Sao quý ông lại đưa gên rùa vào cờlôn của tôi? Sao không dùng gên cọp hay sư tử, hay rồng?"

"Thưa tổng thống, chúng tôi đã thảo luận kỹ với các nhà bác học của quý quốc. Sư tử và cọp chỉ sống có ba bốn chục năm, trong khi rồng thì thực tế đã bị diệt chủng từ lâu, nay chỉ còn một giống bà con bạn dì với rồng là kỳ đà ở đảo Galapagos có thể sống tới 200 năm. Sinh vật sống lâu nhất trên trái đất nầy bây giờ là rùa, nhất là rùa Ấn Độ. Vì vậy, chúng tôi đã đồng ý với các nhà bác học của quý quốc là sẽ dùng gên rùa cấy vào cờlôn."

Tổng thống gật đầu ưng thuận. Computer chớp đèn xanh ba hồi vì qua hơi thở của mọi người nó thấy ai cũng hân hoan vui vẻ. Phiên họp đi vào phần đúc kết để ký thỏa ước. Thỏa ước đã được hai phái đoàn thảo xong, chỉ còn đọc và duyệt lại trước khi ký. Nhưng ông đại sứ lại có một đề nghị tu chỉnh ở điều 4. Ông trịnh trọng trình bày:

"Thưa tổng thống và quý phái đoàn, theo kế hoạch, chúng ta sẽ biến chủng một triệu thai nhi, và theo dự thảo thỏa ước, phía quý quốc sẽ cung cấp trong vòng một năm sau ngày ký thỏa ước nầy một triệu thiếu nữ từ hai đến ba chục tuổi để cung cấp trứng và nuôi thai. Về phía đàn ông thì chúng ta chỉ cần chừng 300 thanh niên vì mỗi thanh niên mỗi ngày có thể cung cấp cả triệu tinh trùng. Tiêu chuẩn lựa chọn như lý lịch, tư tưởng, tầm vóc v.v... do quý quốc đặt định. Phía chúng tôi sẽ cung cấp "gên phụ" để cấy. Để đạt được yêu cầu là người mới phải tuyệt đối trung thành với tổng thống và tuân thủ mệnh lệnh trong bất cứ trường hợp nào, dù có hy sinh tính mạng, các nhà bác học của hai phái đoàn đã nhất trí là chúng ta sẽ dùng gên của giống chó bétgê Đức quốc. Nhưng, thưa tổng thống và quý phái đoàn, trong một phiên họp nội bộ của các nhà khoa học phía chúng tôi, có nảy sanh ra một sáng kiến mới như sau: để đạt nhu cầu trung thành và tuân thủ, chúng ta sẽ tiếp tục dùng gên chó. Nhưng giống chó bétgê Đức tuy thông minh nhưng ăn uống khó khăn, chỉ ăn toàn thịt bò xitết, mà lại hay bệnh hoạn như tê bại chân sau. Vì vậy, chúng tôi xin đề nghị với tổng thống và quý phái đoàn là chúng ta sẽ chia chương trình biến chủng ra làm hai nhóm:

- Nhóm một gồm những người trung thành, tuân thủ và lao động giỏi nhưng lại ăn ít và dễ ăn, gồm chừng 800 nghìn đơn vị. Chúng tôi đề nghị cấy cho nhóm nầy gên của giống chó Husky của vùng Siberia. Chó nầy rất khỏe mạnh, có thể kéo cộ mỗi ngày 10 giờ trong nhiệt độ 30 độ âm, chạy trên 100 cây số, đến tối chỉ ăn vài ba con cá sống rồi ngủ ngoài trời, dưới tuyết, không cần nhà cửa gì cả. Nhóm nầy và các hậu duệ sẽ phụ trách các nông trường, các cơ xưởng, các cơ sở sản xuất của quý quốc.

- Nhóm hai gồm những người trung thành, tuân thủ và chiến đấu giỏi, chiến đấu cho tới chết, nhưng ăn uống cũng đơn sơ, gồm chừng 200 nghìn đơn vị. Chúng tôi đề nghị gên cấy cho nhóm nầy lấy từ giống chó Doberman, một giống chó cũng của Đức quốc, là giống hung hăn nhất trong loài chó. Nếu tổng thống và

quý vị cho phép, chúng tôi sẽ chiếu hai cuốn phim, một cuốn về giống chó Husky sống với người Esquimo trên Bắc cực và một cuốn về thần cẩu Doberman."

Ông tổng thống Dê-em Mac nghe bắt đầu đau lưng, cần tắm hơi, đấm bóp hơn là xem phim. Ông bèn xin phái doàn chủ cho tắt khâu phiên dịch của máy computer để phái đoàn ông thảo luận riêng về chuyện nầy. Ông xin quý vị kia cho ý kiến vì ông không rành về chó mà chỉ rành về heo vì ông xuất thân là bác sĩ thú y nhưng lại chuyên về thiến heo. Nhà bác học về sinh vật học lừng danh thế giới, người đã tìm ra giống chó mới thơm hơn chó mực, lên tiếng:

"Thưa tổng thống, tôi đồng ý với đề nghị của ông đại sứ và phái đoàn bạn. Hồi học ở Sibêri, tôi có dịp đi chơi mùa đông và đã có dịp thấy tận mắt những cuộc đua cộ của chó Hốtky. Chúng chạy mấy trăm cây số mà chẳng hề hấn gì cả. Về chó Đôbétmanh thì chúng dữ số một. Tôi đề nghị với tổng thống là chúng ta chấp nhận đề nghị mới của ông đại sứ, tranh thủ ký thỏa ước để chúng ta còn hồi hương lo việc nước."

Tổng thống Dê-em Mac và phái đoàn đồng ý ngay. Mọi người đều muốn phiên họp chấm dứt sớm để còn tranh thủ đi coi tốplết. Mọi người cũng đều mong về quê sớm để thưởng thức món thịt chó quê hương, chứ hổm rày ăn thịt bò mỗi ngày đã bắt đầu ngán. Đòi ăn thịt chó thì họ dẫn đi tiệm chó nóng, nhưng chẳng thấy dồi, thấy chả đâu cả, chỉ thuần một loại cu chó hấp kẹp bánh mì mềm xèo, không có hành, tỏi, tiêu, xả, ớt gì cả mà chỉ có sốt cà chua, vô duyên bỏ mẹ. Ông tổng thống Dê-em Mac ra hiệu và máy computer lại được mở ra để phiên dịch. Ông đồng ý với đề nghị mới, yêu cầu được nghỉ 15 phút trọng khi chờ đợi sửa lại bản thỏa ước để ký. Nhưng phái đoàn chủ cho biết bản thỏa ước sẽ được máy computer ấpđát trong vòng 1/20 giây đồng hồ sau khi đọc phần tu chính cho nó nghe và không phải in ra vì hai bên sẽ ký trên màn ảnh. Thỏa ước đã được ký kết ngay khi đó và một bản sao đã được gửi về computer trong xứ của phái đoàn khách trong xứ ba giây sau đó bằng Internet.

20xx

Khi cậu cờlôn ăn cái sinh nhật 30 tuổi thì cái đồng hồ sinh học trong người ông tổng thống Dê-em Mac cũng bắt đầu chạy lại. Ngay hôm sau, ông tổng thống cho triệu tập ban cố vấn để báo cáo về thế giới trong 30 năm qua. Tin quan trọng nhất là người ta đã tìm ra được phương cách cải lão hoàn đồng, phối hợp các thứ thuốc trong uống ngoài thoa và máy computer. Thuốc thoa làm cho da hết nhăn, mịn màng và trắng hồng, thuốc uống làm cho các bộ phận tim, gan, phèo, phổi, thận, dương hạch trở nên vô cùng sung mãn và máy computer gắn trong bụng để điều khiển một đồng hồ điện tử, kéo cái đồng hồ sinh học của thân thể con người chạy ngược lại. Phương pháp nầy vô cùng hiệu nghiệm nhưng hơi đắt tiền vì phải nằm viện một tháng, mà viện thì lại nằm trên quỹ đạo mặt trăng, vì phải dùng từ trường mặt trăng để điều chỉnh dòng điện trong các huyệt đạo của con người cho ăn khớp với dòng điện của đồng hồ điện tử. Đi về bằng phi thuyền không gian và nằm viện một tháng phải tốn khoảng 400 triệu đô. Ông tổng thống Dê-em Mac vốn là một người cộng sản chân chính, suốt đời chỉ lo làm cách mạng nên không có tiền, nhưng cũng may là có các nhà mạnh thường quân Nam-Hàn và Taiwan giúp đỡ nên ông tổng thống mới có tiền cùng với các ông tổng thống các xứ Một-răng, Một-rắc và Bắc-Hàn bay lên không gian để chữa bệnh. Tính đến nay cũng đã 25 năm, cậu cờlôn nay đã 55 tuổi và ông tổng thống cũng sụt xuống còn có 55 tuổi và hai cha con nay đã đồng tuổi nhau.

Nước Daingu đang chuẩn bị ngày vui lớn, lớn nhất của thế kỷ 21, vì hoàng tử sắp làm lễ đăng quang, thay cha để trị vì thiên hạ. Sở dĩ ông tổng thống Dê-em Mac phải nhường ngôi cho con là vì ông sẽ phải tháo gỡ đồng hồ điện tử ra khỏi người ông, để rồi cho ngưng luôn cái đồng hồ sinh học. Phải nhường ngôi trước khi tháo cái đồng hồ điện tử, nếu không, tuổi sẽ tiếp tục sụt xuống và sang năm ông sẽ nhỏ tuổi hơn thằng con, khi đó cái chuyện truyền ngôi sẽ mất nghiêm trang. Phải tháo gỡ đồng hồ vì nếu vì lý do gì khiến ông không còn phương tiện bay lên quỹ đạo để tháo nó, nó cứ chạy hoài, tuổi cứ thế mà sụt, lúc xuống tới 0 tuổi thì ông sẽ biến thành con một tinh trùng thì bỏ mẹ. Còn chuyện cho ngưng đồng hồ sinh học là để ông sống đời đời an hưởng khoái lạc. Ông không còn cai trị thì không cần hiểu biết gì thêm. Ngưng cái đồng hồ ở cái tuổi 55 nầy là vừa đúng vì sức khỏe tráng kiện, có thể ăn uống ngon lành, có thể làm tình và đánh gôn mỗi bữa.

Ông tổng thống Dê-em Mac đã làm một sự lựa chọn trí tuệ đỉnh cao vì biết rằng dù ông rời bỏ sự lãnh đạo, đất nước ông cũng sẽ có ổn định chính trị ít ra cũng 1000 năm nữa. Cậu cờlôn đã sẵn sàng cai trị dân tộc anh hùng vĩ đại nầy nhờ đã thuộc lòng sách vở Mac-Lê và nhờ những kinh nghiệm do ông truyền đạt. Nhưng vấn đề chủ yếu là toàn dân trung thành, tuân thủ và lao động tốt, quân đội trung thành, tuân thủ và tinh nhuệ. Tình thật thì ông cũng không vừa ý cậu con lắm vì hắn không giống ông 100%. Cậu hơi chậm vì có gên rùa, không như ông là một người vô cùng lanh lợi. Cậu cũng không ăn uống cùng gu với ông, vì cậu chỉ thích ăn rau muống và mắm thịt. Mắm thịt là một món ăn mới, cũng giống như mắm cá, nhưng làm bằng thịt để thúi. Số là vì các nhà bác học khi chọn rùa quý để lấy gên cấy cho cậu, đã chọn giống rùa Ấn Độ là giống rùa sống lâu năm nhất. Nhưng giống rùa nầy lại hay ưa ăn thây ma vì ở bên Ấn, người chết không được chôn mà đem thiêu rồi đổ tro xuống sông. Nhưng vì không có đủ củi để đốt, người ta chỉ đốt sơ sơ rồi thảy thây ma xuống sông. Như sông Hằng, mỗi ngày có chừng vài chục nghìn cái thây ma được thảy xuống, trong khi đó người dân lại thường lội xuống sông để tắm gội hầu được phúc. Rùa đã được xử dụng để xử lý hàng chục nghìn cái thây ma mỗi ngày từ nhiều đời nên giống rùa nơi đây chỉ xơi thuần cỏ mọc dưới nước và xác chết. Các nhà bác học khi xưa tính chỉ lấy phần cái gên rùa có thể giúp cậu sống nghìn tuổi, không ngờ lại có đính theo một chút đặc tính khác. Cậu cờlôn cũng không chịu đi đánh gôn với các nhà ngoại giao mà cả ngày cứ tắm lặn hụp trong hồ bơi, làm tình với các cậu cờlôn khác. Số là năm xưa, khi thỏa ước kỹ thuật được ký, bộ chính trị đã ngăn cản không cho quốc hội phê chuẩn. Điều kiện của bộ chính trị là nếu cờlôn ông tổng thống thì cũng phải cờlôn tất cả các ổng mới bảo đảm có ổn định chính trị. Vì vậy mà thỏa ước đã được hai nước tu chính để cờlôn ông tổng thống và 16 ông trong bộ chính trị. Có một chi tiết là khi làm cờlôn, hỏi ông nào thì ông nấy đều đòi làm cho mình con trai, thành ra tất cả 17 cái cờlôn đều là phái nam. Khi lớn lên, các cậu nầy không chịu làm tình với đàn bà thường để có vợ có con mà tối ngày cứ nhất trí quấn quít lấy nhau, ôm nhau lặn hụp trong hồ bơi cả ngày, thành ra tất cả đã trở thành "ghê". Các ông trong bộ chính trị khi xưa đòi cho được cờlôn mà quên đòi cho ngưng đồng hồ, đến khi biết được chi tiết nầy

VÕ ĐÌNH TUYẾT

GIAO THỪA

Philadelphia
Trong quán rượu khói thuốc bay
Người con gái tóc vàng, thân hình lắc lư cười rũ rượi.
Nhạc như đàn sói nhe nanh hú lừng đêm trăng sáng.
Mật ngôn,
được mở ra bằng trang trọng linh thiêng.
Hương thơm của dòng sông Đồng Nai buổi sáng.
Em thả tóc dài bay chạm hoàng hôn...
Người con gái tóc vàng, bước ra sàn, nhảy dựng lên bức tranh
lập thể.
Hắn vẫn ngồi
Một mình
Đốt thuốc, uống cạn chai bia.
Giao thừa 1976...

Năm 2000 năm
Hắn vẫn ngồi một mình
Trong căn nhà
Nhiều người
Bên cạnh người đàn bà của dòng sông Đồng Nai
Bỏ thuốc
Bỏ rượu,
Ngồi sờ những nếp nhăn thời gian
Ngớ ngẩn.
Giao thừa
Năm 2000 năm.
Vậy à!

Hatfield Pa 1999.

thì quá muộn. Họ muốn ký thêm một thỏa ước phụ để họ được ngưng đồng hồ như ông tổng thống, nhưng ông tổng thống đã tìm cách ngăn cản vì ông không muốn bọn nầy sống dai, vì e sẽ có thằng trở mặt đảo chính ông. Vì vậy mà đến nay toàn thể bộ chính trị đã chết hết và được thay thế bằng các cờlôn. Bộ chính trị chỉ họp nơi hồ bơi trong câu lạc bộ nhân dân dành riêng cho các cậu nên đôi khi cũng làm cho ông tổng thống bực mình. Bực mình vì có khi đi đến hồ bơi để họp, ông lại thấy thằng con của ông ôm một thằng khác lăn lộn trong hồ. Nhưng cậu rất khỏe mạnh, vặm vỡ và gan lì. Trong 1000 năm cai trị, xứ nầy ắt có ổn định chính trị vì các cậu cờlôn chính trị viên lúc nào cũng nhất trí với cậu cờlôn tổng thống.

Dân chúng Daingu lại đang vô cùng hạnh phúc. Dân chúng cần cù lo làm ăn, làm nhiều, ăn ít, kinh tế phồn thịnh, nhà nhà có tivi, người người có honda. Hàng hóa Daingu xuất khẩu khắp thế giới và được mọi người ưa chuộng. Đầu tư ngoại quốc hàng nghìn tỷ đôla, các hãng nổi tiếng trên thế giới như Boeng, Mercedes, Toyota, Simens, v.v... đều có cơ xưởng trên đất Daingu. Những nhà đầu tư rất mến chuộng công nhân Daingu. Chúng có thể cãi nhau, gây lộn và đánh nhau, nhưng không bao giờ cãi lại chủ nhân. Chủ nhân có đá thì chúng cũng không giận. Điều đáng mừng nhất là dân số gia tăng rất nhanh vì phụ nữ không sanh con mỗi lần một đứa, mà mỗi lần sanh một đàn năm ba đứa. Thế hệ biến giống đầu tiên nay mới 55 tuổi mà từ một triệu người lúc đầu, nay đã có hơn 100 triệu, tuy rằng một số đã chết vì cái gên của giống husky đã đem tuổi thọ của giống người mới nầy xuống còn 5-6 chục (giống husky chỉ thọ chừng 15 tuổi). Nhưng điều đó tốt, vì tổng thống thấy không có nhu cầu có một đám dân già, tốn cơm và tốn thuốc. Hết tuổi làm việc thì chết là vừa. Về phương diện kinh tế, đây là một điểm son.

Ông tổng thống cũng rất an tâm về hưu vì an ninh quốc phòng rất hùng mạnh. Có thể nói, quân đoàn phòng vệ tổng thống là một lực lượng vô địch. Chiến sĩ có thể canh gác ngày đêm không cần ngủ, ban đêm kẻ gian đi cách hai ba trăm thước đã nghe bước chân và nghe hơi. Mọi người đều võ nghệ song toàn. Có một lần, tổng thống đi kinh lý thăm dân ở một "khu trù mật" chuyên trồng dừa uống nước có pha sầu riêng (nước dừa ngọt lịm lại có mùi sầu riêng dùng để xuất khẩu bán cho các bộ lạc da vàng** xứ Tây Dương), tình cờ có một trái dừa bị chuột khoét rớt từ trên ngọn dừa xuống suýt nữa trúng đầu tổng thống. Trong lúc đó, tên quản lý nông trường đang đứng chống tay vào gốc dừa nên một tên bảo vệ của tổng thống tưởng tên nầy đã rung cây làm cho dừa rụng hầu ám sát tổng thống, nên trong một nháy mắt đã phóng tới cắn cổ tên kia chết liền. Quân đội Daingu được đồng minh hoàn toàn tin tưởng. Đồng minh không cần đưa thủy quân lục chiến đến để bảo vệ các cơ sở quân sự của họ. Các đài rađa, các dàn tên lửa, các căn cứ truyền tin v.v... đều do quân đội địa phương canh giữ an toàn. Hệ thống tên lửa phòng không tối tân nhất kết thành một mạng lưới như "mạng lưới nữ quyền," có khả năng ngăn chận mọi phi cơ và tên lửa của địch bất cứ từ đâu bay ngang vùng trời Daingu.

Xã hội, kinh tế, quốc phòng, tất tất đều ok, nên ông tổng thống đã yên tâm mà truyền ngôi lại cho cậu cờlôn và cho ngưng cái đồng hồ của mình lại vĩnh viễn. Còn sáu ngày nữa là tới ngày vui lớn của toàn dân tộc. Mọi người sẽ được nghỉ lễ ba ngày và được cấp thêm khẩu phần để ăn lễ gồm một kilô thịt heo (cấm chó), một kilô xương, ba kilô gạo lứt, ba bó rau muống và một hộp bánh bitki nhập khẩu hiệu Pedegree.

"Daingu vạn tệ."

Chú thích:

* Daingu là một nước nằm giữa kinh tuyến 115 và 130 Tây, vĩ tuyến 14 và 18 Nam, cao độ trung bình 116 m.

** Xứ Tây Dương có bốn giống dân là da trắng, da đen, da đỏ và da vàng. Da trắng và da đen chiếm đa số (95%), da đỏ và da vàng chỉ là thiểu số sống rải rác trong những bộ lạc, nhưng lại được dư luận chú ý vì những điểm đặc biệt sau đây. Đám da đỏ có thể bị diệt chủng vì dân càng ngày càng giảm, dân sống lè phè, làm ít, ăn ít, sống theo đạo thiên nhiên nên không tồn tại nổi trước áp lực cạnh tranh của các giống khác. Ngược lại, đám da vàng càng ngày càng đông, dân số tăng trưởng rất nhanh, làm nhiều, ăn nhiều, có đứa làm hai jobs, không có giờ ăn, nhưng lại muốn ăn nhiều, thành ra phải ăn một lần nhiều món, như là thay vì ăn sầu riêng và uống nước dừa mỗi thứ một lần, họ lại phải ăn hai thứ cùng một lúc để tiết kiệm thì giờ, vì vậy, các nhà sản xuất nông nghiệp phải cấy gên sầu riêng vô dừa để bán cho họ, cũng như phải cấy gên cá trê (mà có đứa kêu là cá bông lau) vô cây lúa để khi cơm nấu xong là có mùi cá trong cơm, chỉ cần xịt nước mắm vô ăn, gọi là cơm ăn liền.

ĐẤT VIỆT BA THIÊN NIÊN KỶ TRƯỚC

Tại sao học giả Trung Hoa phủ nhận Văn Hóa Đông Sơn?

NGUYỄN QUANG TRỌNG

Trong Thế Kỷ 21 số tháng 11/1999, tác giả Kiều Quang Chẩn nêu câu hỏi về lý do khiến các học giả Trung Hoa có khuynh hướng phủ nhận tính cách độc lập của nền văn hóa Đông Sơn (VHĐS), và qui VHĐS vào quĩ đạo của văn minh Trung Hoa.

Theo tôi, sự kiện này có thể giải thích bằng chính sách tôn vinh nguồn gốc "Hán" của dân Tàu. Từ Hán này không là Hán (từ năm 206 tTc) mà để chỉ bộ tộc lúc đầu sống ở Hoa Bắc (thời đồ đá mới, neolithic). Tuy trung tâm văn hóa Trung Hoa là vùng sông Hoài, sông Vị ở Hoa Bắc, nhưng sau nhiều đợt bành trướng về phía nam trong vòng hơn ngàn năm, họ đã chiếm được toàn miền Hoa Nam rồi chiếm miền bắc đất Việt Nam vào đời Hán Vũ Đế (hình 1). Nhà Hán đã áp đặt hệ thống văn hóa, chính trị, xã hội Trung Hoa trên những vùng mới chiếm được ở phía tây và phía nam như Tân Cương, Vân Nam, Quí châu, và xứ Nam Việt của Triệu Ai Vương.

Với số dân trên một tỷ người hiện nay, người Tàu sẽ đóng một vai trò ngày càng quan trọng trên thế giới. Sức mạnh của họ sẽ càng lớn nếu tất cả người gốc Tàu đều cảm thấy gắn bó với nhau vì cùng một tổ tiên. Tổ tiên ấy, theo nhà nước Trung Quốc (TQ), phải là tộc Hán sinh ra ở Hoa Bắc hơn 5000 năm trước. Để giữ tính thống nhất nguồn gốc này, nhà nước TQ phải chứng minh là vào cùng thời điểm, các nền văn hóa khác kém hơn họ và phải nhờ đến ánh sáng văn minh của Trung Hoa mới khá lên. Chớ nên họ khó thể chấp nhận việc một dân tộc ở ngay sát nách họ có thể có một nền vặn minh cao hơn, dù chỉ hơn trong một khoảng thời gian nào đó và trong một lãnh vực nhất định!

Vào lúc quan hệ Việt Nam - Trung Quốc căng thẳng, Hoàng Hưng (VN) đã nhận định tại Hội nghị hàng năm ngành khảo cổ ở Hà Nội năm 1978, là ngành khảo cổ TQ có một vai trò quan trọng trong việc thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc của TQ tại Đông Nam Á. Ông chứng minh qua các bài báo Khảo cổ học của các tác giả TQ, nhất là Uông Kinh Sinh. Ông Uông Kinh Sinh này kết luận bài của mình như sau:

Những bộ lạc và dân trước đó (dân tộc ít người ở nam và tây nam TQ) có lẽ là tác giả chế tạo trống đồng sớm nhất. Sau đó, trống đồng từ nơi đây tỏa rộng ra các nơi, nhân dân các nơi cũng tham gia cải tiến và chế tạo trống đồng.

Nghĩa là trống đồng Đông Sơn vốn dĩ từ trống Vân Nam (Thạch Trại Sơn) mà ra. Người TQ cố ý phủ nhận nền văn hóa Đông Sơn trong khi các nhà khảo cổ khác đều công nhận. TQ đề nghị bỏ cách phân loại mà hiện nay thế giới đều dùng, là cách phân loại niên đại trống đồng theo hoa văn của Heger, để dùng những "vật tiêu chuẩn" của họ: so sánh trống đồng và di vật tìm thấy cùng một chỗ với vật cổ Hoa bắc, hoặc với trống đồng có khắc... chữ Hán. Như vậy những di vật của các bộ tộc không có chữ viết, sẽ không thể nào xưa hơn trống có khắc chữ Hán!

Mục đích của họ nhằm đề cao văn hóa Ân-

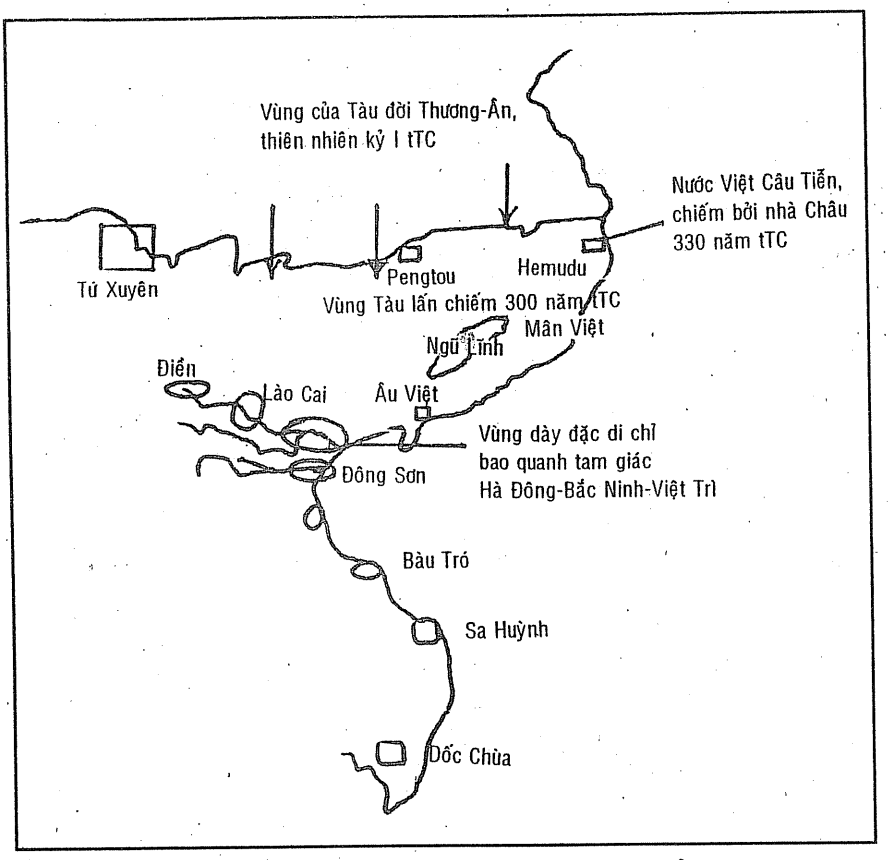

Hình 1: Bản đồ sơ lược (không đúng tỉ lệ) vùng Trung Hoa và Việt Nam cổ

Thương ở Hoa bắc, với luận điểm là trống Hoa nam đều mới và kế thừa từ nền văn minh Hoa bắc; rồi trống đồng này đã từ trung tâm ở Hoa nam (Vân Nam) tỏa ra các nơi khác. Cho nên, họ cố ý không nhắc đến trống đồng tìm thấy ở các nơi chốn khác, làm cho độc giả có cảm tưởng chỉ tại TQ mới có nhiều trống đồng.

Hai mươi năm sau, nhà nước TQ vẫn giữ đường lối này. Họ đã ấn hành một số sách về trống đồng nam TQ bằng tiếng Anh để hỗ trợ cho ý đồ của mình. Theo tác giả Từ Học Thư (bài phát biểu ở Hội nghị quốc tế về trống đồng, Quế Lâm, tháng 11/1996), văn hóa Đông Sơn là do An Dương Vương mang vào đất Lạc Việt khi ông ta chiếm Văn Lang và lập ra Âu Lạc. An Dương Vương lại là một Vương tử họ Tàm Tùng nước Thục ở vùng Tứ Xuyên (Thành đô). Từ Học Thư cho rằng trống đồng từ nồi đồng nước Thục (tìm thấy ở Thành đô) mà ra. Cũng vẫn Từ Học Thư nói khi nhà Thục (257- 207 tTC) bị Triệu Đà đánh bại, con cháu họ, một phần chạy sang Thái lập thành văn hóa Ban chiang (Bản Chiêng, đông bắc Thái Lan), những phần khác chạy sang vùng Mã Lai và cả Indonesia, lập thành văn hóa đồng thau ở những nơi đó!!

Đây là những luận điểm thậm vô lý. Vào năm 257 tTC, đất Thục đã bị nhà Tần (Chiến Quốc) chiếm từ lâu, Vương tử của nước Thục nói trên là Thục nào? Vả lại làm sao một triều đại (Âu Lạc) ngắn ngủi (50 năm) ở vào cuối thiên niên kỷ I tTC có thể tạo nên một nền văn hóa hiện diện trong suốt thiên niên kỷ này? Mục đích của Từ Học Thư rõ ràng là muốn qui tất cả văn hóa cổ ở Đông Nam Á vào một nguồn độc nhất nằm trên đất Trung Hoa hiện tại. Nhưng văn minh Hoa bắc không phải duy nhất và xưa nhất trên vùng đất trở thành lãnh thổ TQ ngày nay!

Chủ nghĩa đại dân tộc (Hán) này có thể thấy rõ trong một trường hợp khác. Vùng Thành Đô (Chengdu) quả thật đã có một văn hóa đồng thau rực rỡ... nhưng nó không liên quan gì đến văn hóa Thương Ân của tổ tiên người Hán. Cách đây chỉ vài năm, một nhóm khảo cổ Nhật- Hoa tìm thấy di tích một nền văn minh cổ ở Long Ma và San Xing Dui gần Thành Đô; khám phá này cho thấy trước đó ở vùng Thành Đô có một dân tộc đã xây được thành quách to lớn, và đặc biệt đã biết đúc đồ đồng tuyệt xảo, với những tượng đồng to bằng người thật và những mặt nạ mắt to bằng đồng mỏng. Mức độ văn minh này tương đương với văn minh Trung Hoa đời Thương, nếu không muốn nói là sớm hơn: cách đây 4000- 5000 năm, họ có đền đài, đồ đồng, vô số đồ bằng ngọc, và có thể có chữ viết khác chữ Tàu nguyên thủy (chữ khắc trên xương đời

Thương). Và nó biệt lập, bởi đồ đồng nhà Thương chính yếu là đỉnh đồng với trang trí đúc nổi hình (đầu) thú, không có hình người. Mãi về sau vùng Tứ Xuyên này mới bị tộc

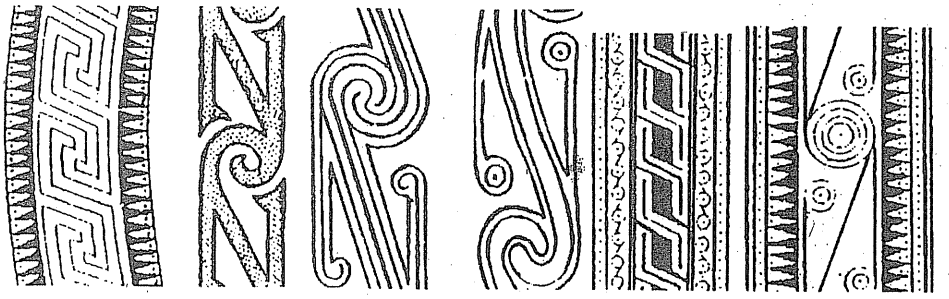

Hình 2: Hoa văn gốm Đồng Đậu - Gò Mun

Hán chiếm, từ nhà Tần thời Chiến quốc, nghĩa là trước thời Tần Thủy Hoàng chỉ hơn một trăm năm.

Những nhà khảo cổ Nhật đơn phương công bố khám phá này ở Nhật. Chúng ta hiểu tại sao nhà nước Trung Hoa không muốn công nhận rằng đã có một dân tộc không phải thuộc tộc Hán văn minh hơn! Những di chỉ biểu tượng nền văn minh này đã được phổ biến rộng rãi bằng truyền thông thế giới, trong khi chúng ít được nói đến tại Trung Hoa.

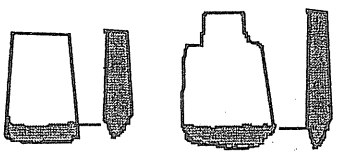

Hình 3: Rìu tứ giác (trái) Rìu có vai (chính diện và thiết diện)

Một sự kiện khác quan trọng không kém. Đó là việc một nhóm khảo cổ Mỹ- Hoa đã phát giác di tích lúa xưa nhất thế giới ở nam lưu vực sông Dương Tử. Thật vậy, tại vùng này Zhang tìm thấy trong hang Diaotonghuan dấu vết của cây lúa nguyên thủy, xưa khoảng 13,000 năm. Đó là vết tích những bữa cơm bằng gạo từ lúa hoang của cư dân hái lượm nơi đó. Rồi dần dần, cư dân này cải thiện giống lúa hoang thành lúa trồng. Sự cải thiện này thấy rõ qua kích thước lớn dần theo thời gian của phytoliths (dấu ấn để lại của tế bào thực vật bằng chất silica). Trong khi đó dân Tàu cổ, cho đến 1800 năm trước Thiên Chúa, chỉ tập trung ở Hoa Bắc, vùng Thiểm Tây, Hà Nam và Sơn Tây (hình 1); họ trồng lúa mì và kê (di tích Peiligang và Cishan, 8000 năm trước đây) mà không biết trồng lúa gạo — họ chỉ ăn mì và kê.

Thế giới biết rằng ở phía nam sông Dương Tử đã có cư dân trồng lúa nước sống từ rất lâu. Người ta tìm được trên 40 di tích trồng lúa nước ở nam sông Dương Tử. Trong di tích Hemudu (ở tỉnh Triết Giang) có lúa nước trồng từ 7000 năm trước; di tích lúa nước ở Pengtou tại bắc Động Đình Hồ xưa đến 9000 năm! Trong khi đó, nhà ở của dân Tàu vào thời đồ đá mới là nhà nửa chôn dưới đất, mái nhà thấp tận mặt đất (di tích Banpo gần Tây An), chứ không phải nhà sàn như nhà ở vùng từ nam sông Dương tử (Hemudu) đến Việt Nam. Các học giả thế giới đều biết sự khác nhau này của hai nhóm cư dân ở bắc và nam Trung Hoa. Nhưng đối với họ, sự kiện có vùng văn hóa lúa nước ở nam sông Dương tử, khác hẳn với văn hóa mì- kê ở Hoa Bắc lúc đó, không quan trọng lắm, vì cả hai văn hóa đều nằm trên cùng lãnh thổ TQ hiện nay. Nhưng đối với chúng ta, đấy là điểm quan trọng: cũng như những cư dân nam sông Dương tử, tổ tiên người Việt là những người canh tác lúa nước, ở nhà làm bằng tre, gỗ.

Có lẽ những nhóm dân nam Trung hoa và những nhóm dân ở Bắc Việt vào thời xa xưa ấy có cùng gốc hay ít nhất có văn hóa gần gũi: họ trồng lúa nước và ăn cơm, mặc quần áo làm bằng vỏ cây đập cho mềm bằng một loại chày; các nhóm sống ven biển ăn sò bỏ lại vỏ hàng đống to. Các bộ tộc nam Trung hoa lần lần bị tộc Hán thôn tính và đồng hóa trước cư dân bắc Việt (xem bản đồ hình 1).

Những nhà khảo cổ Trung Hoa đi xa hơn nữa trong việc tôn vinh xứ sở họ khi họ dựa vào một số di chỉ sọ để nói rằng cái nôi của nhân loại là lãnh thổ Trung Hoa (bây giờ). Họ căn cứ vào di chỉ loài khỉ có những dấu vết của tiến hóa, và di chỉ loài người (vượn) cổ

xưa một triệu chín trăm ngàn năm tìm được ở Longupo (Tứ Xuyên) và răng người tìm thấy trong hang Yuanmou ở Vân Nam để đưa ra giả thuyết người cổ ở Á châu đã tiến hóa "tại chỗ" chứ không phải do người cổ Phi châu sinh ra rồi thiên di đến như thế giới thường chấp nhận.

Đó là thái độ của Trung Hoa. Về phía người Việt Nam, những công trình nghiên cứu đứng đắn về nguồn gốc dân và nền văn hóa Việt cần được phát triển và quảng bá để chúng ta có cơ sở khả dĩ thảo luận với người ngoại quốc.

Đã có nhiều người (trong nước cũng như hải ngoại) bàn về nguồn gốc dân Việt qua sử Việt (phần ngoại kỷ) và sách Trung Hoa cổ. Tuy nhiên, nguồn tài liệu này giới hạn ở một số sách, trong đó sách Trung Hoa, ngoại trừ Sử Ký Tư Mã Thiên, là sách loại du ký, truyện kể (của người phiêu lưu hay thuộc giới đô hộ). Chỉ có ngành khảo cổ mới có khả năng đem thêm bằng chứng và luận điểm khoa học có tính thuyết phục về nguồn gốc người Việt. Sau những khám phá đầu thế kỷ 20, những nhà khảo cổ ở hai miền Việt Nam, nhất là ở miền bắc trước 1975, và những nhà khảo cổ của toàn quốc sau 1975, đã có những đóng góp thật quan trọng cho công việc này.

Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi không thể đề cập đến vấn đề nguồn gốc của dân Lạc Việt, chủ nhân của nền văn hóa Đông Sơn, tức là tổ tiên của người Việt hiện đại. Đó là một vấn đề lớn, cần được đề cập trong bối cảnh phát triển và di dân của các bộ tộc trên thế giới vào

TRẦN NGỌC TRANG ĐÀI

NHỎ

Tặng cô bé bán vé số ở một quán chè miền Tây

Thật nhỏ
Một bàn tay
Xòe ra tờ vé số
Không mời rao, em giương đôi mắt
Đợi chờ gì, vận rủi hay cơ may?

Tôi ngắm bàn tay em
Lại ngắm mắt em
Sao nhỏ quá!
Bàn tay em thật nhỏ
Chưa bằng phân nửa bàn tay tôi
Ngây thơ sinh đôi
Trong đôi mắt em, một dòng sông phẳng lặng
Không ưu phiền của cuộc đời hay phiền não của thời gian

Nhưng
Cuộc đời em là khốn khổ gian nan
Quét tuổi thơ trên vệ đường xó chợ
Em đã vô tư cho cuộc đời vay nợ
Trong tuổi ban mai khi nắng chưa ửng vàng
Con người dối gian
Vay tuổi thơ của em nhưng không trả lời trả vốn
Họ chạy trốn
Với đói nghèo
Khắc nghiệt
Vô vọng
Gian ngoa
Họ cướp trên tay em tuổi trong trắng ngọc ngà
Và trả lại em đám bụi mờ vô thức
Hỡi em, nạn nhân của cùng cực
Đừng để tôi nhỏ lệ khóc vì em
Hãy nói với tôi rằng em vẫn biết thèm
Nụ cười
Tiếng hát
Tình thương
Sự âu yếm
Nói với tôi rằng em vẫn là em
Là trẻ thơ, biết khóc, biết vui buồn
Để giọt nước mắt trong cổ tim tôi không mắc nghẹn

Bình Hòa '98

thời tiền sử. Tuy nhiên, nói theo cổ thư Tàu trong "Đại Việt sử ký ngoại kỷ toàn thư," rằng thủy tổ của Bách Việt (kể cả Việt Nam) vốn là con cháu vua Thần Nông bên Tàu, là điều không phù hợp với kết quả khảo cổ trên đất Việt.

Ngày xưa phát xít Nhật muốn làm bá chủ Đông Nam Á nên núp dưới chiêu bài đồng

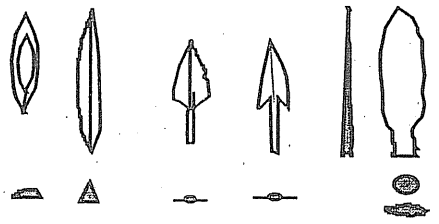

Hình 4: Mũi tên đá Phùng Nguyên (trái); Mũi tên đồng Đồng Đậu (giữa); Mũi giáo đồng (phải)

văn đồng chủng, ngày nay nhà cầm quyền TQ tham vọng lớn hơn, chắc phải càng vất vả hơn. Họ có lẽ muốn thêm vào chiêu bài cũ đồng văn đồng chủng một thứ đồng khác là đồng (gốc)... *trống Đông Sơn chăng?*

Bài này viết về sự thành hình của nền văn hóa Đông Sơn, kỹ thuật đúc đồng thau, và ảnh hưởng của văn hóa này đối với những vùng lân cận.

Trống đồng Ngọc Lũ và văn hóa Đông Sơn

Văn hoá Đông Sơn là gì ?

Năm 1934, R.Heine-Geldern đề nghị dùng thuật ngữ Văn Hoá Đông Sơn để chỉ "...tất cả các văn hoá thời đại đồng thau đã biết ở Vân Nam, Đông Dương và Indonesia (Nam Dương) ..." Ngày nay, với những công trình mới của khảo cổ học Việt Nam, các học giả Việt Nam khẳng định nguồn gốc bản địa của văn hoá Đông Sơn, và do đó dùng thuật ngữ Văn hoá Đông Sơn để chỉ nền văn hoá chủ yếu ở tại Bắc và Bắc Trung Bộ Việt Nam. Thời kỳ Đông Sơn thuộc cuối thời kỳ đồng thau- đầu thời kỳ đồ sắt và cũng là thời kỳ các vua Hùng.

Hình ảnh trống đồng Ngọc Lũ rất quen thuộc với chúng ta. Trống này được dân làng Ngọc Lũ tìm thấy khoảng năm 1893- 1894 khi họ đi đắp đê Thác Thũy (Hà Nam Ninh). Họ đem trống và một nắp thạp đào được về giấu ở đình làng mình cách đó 30 km để thờ. Năm 1901, một họa sĩ Pháp đến vẽ đình, phát hiện ra trống, mới báo cho Công Sứ Hà Nam. Ông này cho lý dịch làng đem trống và thạp lên dự cuộc đấu xảo ở Hà Nội cuối năm 1902. Sau đó một cơ quan nghiên cứu khảo cổ Pháp, trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội (Ecole Francaise d'Extrême- Orient), mua lại với giá 550 đồng.

Cuộc khai quật Đông Sơn bắt đầu tại khu cư trú và mộ táng Đông Sơn thuộc thị xã Thanh Hoá. Năm 1924, một nông dân ra bờ sông Mã (Thanh Hoá) câu cá sau cơn nước lớn, tình cờ thấy nhiều vật bằng đồng nằm trong lòng đất lữ ở bờ sông; anh ta mới đào lên và đem bán cho Pajot. Pajot vừa là một nhân viên quan thuế Pháp thích chơi đồ cổ, vừa là cộng tác viên của Trường Viễn Đông Bác Cổ.

Tại Đông Sơn, Pajot tiến hành nhiều đợt khai quật và tìm được nhiều đồ đồng, đồ gốm, đồ sắt. Ông cũng đào được một số cột gỗ có dấu đục đẽo, theo ông, là dấu vết của nhà sàn bị hủy hoại. Số đồ cổ này cùng với những đồ cổ mà D'Argence (một tay chơi đồ cổ khác) lùng sục, mua lại của dân Việt, đã gây tiếng vang lớn trên thế giới sau khi được công bố năm 1929 .

Vì vậy nhà khảo cổ Thuỵ Điển Olov Janse được Pháp mời sang khai quật tiếp các di tích Đông Sơn. Riêng năm 1935, Janse đào được 700 hiện vật đồng thau. Năm 36, ông tìm thấy nhiều cột nhà, cọc tre, gỗ, bên cạnh những mảnh gốm, thạp đồng, xương trâu, và nhiều mộ táng cùng thời. Số trống đồng tìm được đủ nhiều và giàu sắc thái để nhà khảo cổ Áo Heger phân thành bốn loại cơ bản: I , II, III, IV, theo diễn biến hình thức và hoa văn. Trống loại I là trống lớn nhất, cổ nhất (giữa thiên niên kỷ I tTC đến thế kỷ 3 sTC), và có hoa văn phủ đầy mặt và thân trống. Các loại sau đều từ loại I biến thiên ra. Chẳng hạn loại II và loại III có tượng con cóc gắn trên rìa mặt trống. Các học giả Việt Nam phân thêm loại I ra ba nhóm A, B, C, theo diễn tiến của nghệ thuật trống đồng.

Từ đó, hàng loạt người ngoại quốc và Việt Nam đã đóng góp vào công cuộc nghiên cứu nền văn hóa Đông Sơn này. Những nhà khảo cổ Việt Nam trong vòng bốn mươi năm khai quật, nghiên cứu đã có những phát hiện quan trọng, với những đồ hiếm quý, những vùng mộ táng với quan tài hình thuyền hay người chết chôn trong vò, thạp có chứa đồ mai táng lẫn di chỉ xương, sọ. Những di vật, di chỉ tìm thấy đã tạo thành số tư liệu nhiều gấp bội tư liệu do

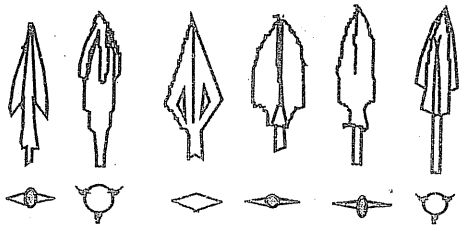

Hình 5: Mũi tên đồng Đông Sơn

người Pháp sưu tập được: trên 150 trống đồng to loại I Heger, hàng trăm trống nhỏ, hàng vạn hiện vật đủ loại bằng đá, đồng, sắt ..., những di tích cư trú, di tích xưởng chế tạo, mấy trăm mộ táng (Thiệu Dương, Làng Cả, Làng Vạc, Vinh Quang, Quỳ Chữ, Đào Thịnh...). Vùng có mật độ trống tìm thấy cao nhất có lẽ là tỉnh Thanh Hóa (nhất là hạ lưu sông Mã), với 46 trống Đông sơn và 80 địa điểm văn hóa Đông sơn với di tích đủ loại. Phải chăng đây là chỗ tập trung phường thợ đúc đồ đồng thời cổ ở Việt Nam?

Tuy có người gần đây đã tìm đào trống đồng để lén bán ra ngoại quốc, đa số trống đồng cổ của VHĐS vẫn còn ở Việt Nam, trong các viện bảo tàng, nhất là viện Bảo Tàng Lịch Sử Hà Nội (trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ...).

Địa điểm có nhiều trống đồng tìm thấy gần đây nhất là Lào Cai (năm 1993). Có đến năm nhóm hiện vật nằm trong lòng đất những ngọn đồi kế tiếp nhau gần thị xã, cách vùng ngã ba sông Hồng không đến 300 thước. Ngoài trống còn có chuông, đồ trang sức, dụng cụ, đồ dùng thường ngày, bằng đá, sắt, đồng, thủy tinh: rõ ràng chủ nhân của những đồ tùy táng này phải thuộc tầng lớp khá giả, tầng trên của xã hội lúc đó. Sự hiện diện của 19 trống đồng loại to (loại I Heger) và bốn thanh kiếm sắt cho thấy trong các chủ nhân phải có thủ lãnh hay tướng quân của nhóm cư dân ở đó. Đến năm 1998, số trống tìm thấy ở đây lên đến 21 cái, không kể những thạp đồng to.

Số di tích Đông Sơn phát hiện được rất nhiều ở lưu vực sông Mã, sông Hồng và phụ lưu, sông Cả, và trên bờ biển ven vịnh Bắc Việt. Di tích Đông Sơn như vậy trải rộng từ Lào Cai đến tận Quảng Bình Trung Phần, ra đến bờ biển Hải Phòng. Đó là địa bàn Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ của lãnh thổ nước Việt Nam từ xưa đến ngày nay.

Ngày nay người ta có thể nói nền văn minh Đông Sơn phát xuất từ Việt Nam, vì số lượng trống Đông Sơn loại Heger I tìm được, trên 150 cái, nhiều hơn số trống tìm thấy trên toàn vùng Đông Nam Á. Hơn nữa, hàng ngàn vật dụng, đồ trang sức, đồ mỹ nghệ, vũ khí bằng đồng thau có nét mỹ thuật và cấu tạo hóa học đồng nhất, tượng trưng cho cả một nền văn hóa, cũng được tìm thấy trên vùng đất Đông Sơn. Những di vật tìm được ngoài Việt Nam có lẽ chỉ chịu ảnh hưởng của văn hóa Đông Sơn hoặc là những di vật lẻ tẻ của dân Đông Sơn trao đổi với các dân khác. Nhưng nền văn hóa đó đã thành hình như thế nào? Từ nơi khác du nhập đến, hay tiến triển tại chỗ ?

Từ văn hóa Phùng Nguyên đến văn hóa Đông Sơn

Dựa vào kết quả khảo sát tại những địa điểm có những tầng văn hóa chồng lên nhau, rồi so sánh với những hiện vật lẻ tẻ, các nhà khảo cổ trong nước đã lập một phổ hệ gồm bốn giai đoạn văn hóa từ thời đá mới lên thời đồ đồng đến thời đồ sắt. Đó là các giai đoạn khảo cổ: Phùng Nguyên thuộc thời đồ đá mới (4000 năm trước), Đồng Đậu thời sơ kỳ đồng thau (3300 năm trước), Gò Mun thời trung kỳ đồng thau (3000 năm trước), và Đông Sơn thời hậu kỳ đồng thau và đồ sắt (hơn 2500 năm trước). Hà Văn Tấn định nghĩa nền văn hóa của ngành khảo cổ như "một tập hợp di tích đồng tính chất, phân bố trên một khu vực nhất định, tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định."

Các địa điểm khảo cổ thuộc giai đoạn Phùng Nguyên ở rải rác các tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng (Vĩnh Phú, Hà Sơn Bình...) có những đồ đá, đồ gốm và một ít đồ đồng. Đồ gốm quan trọng hơn cả, vì nó mang những hoa văn đối xứng đặc thù. Một số hoa văn được dùng sau này để trang trí trống đồng, nói lên tính liên tục của các nền văn hóa sông Hồng của người Việt cổ. *Hình 2 cho thấy một phần các hoa văn đã có từ giai đoạn đầu, tiếp tục có mặt trên các món đồ làm trong các giai đoạn sau, cho đến hết thời Đông Sơn.* Những hoa văn kiểu Đông Sơn dần dà bị thay thế bởi các kiểu trang trí Trung hoa trong thời Bắc thuộc.

Nhưng đó là cả một chuỗi tiến triển văn hóa, xã hội, kỹ thuật. Thời Phùng Nguyên, cư dân vẫn còn làm nhiều đồ bằng đá mài: đồ trang sức và vật dụng như búa rìu bằng đá

mài. Vùng bắc Việt Nam thời đó có thể có hai nhóm cư dân, một nhóm ở vùng trung du và châu thổ sông Hồng với rìu đá tứ giác có lưỡi mài hai mặt, và nhóm thứ hai ở vùng Hạ Long với rìu đá mài có vai để tra cán (hình 3) . Giữa hai nhóm cư dân có trao đổi thương mại và văn hóa kỹ thuật. Đồ bằng đá, xương, sừng vào thời này đạt trình độ mỹ thuật và kỹ thuật cao: đồ trang sức như rìu; nhẫn; vòng tay; hoa, khuyên tai; chuỗi hạt... được làm với kỹ thuật "hàng loạt" (en série) tại những xưởng, với dụng cụ tước mảnh, đục, khoan, mài... Làm được một món đồ như vòng đeo tay, phải khai thác nguyên liệu cần thiết bằng đá đẹp, tước thành dạng thô như mảnh dẹt, khoan lấy lõi ở giữa, mài để có hình dạng đều đặn, và mặt cắt (thiết diện) như ý muốn, và đánh bóng... Những đồ đá trang điểm cuộc sống này rất đẹp về hình dáng, màu sắc, về hình vân đá nổi, lẫn mức độ bóng (có thể xem ở Viện Bảo Tàng Lịch Sử VN Hà Nội, bảo tàng Guimet Paris..). Cư dân Việt cổ hẳn đã có cuộc sống sung túc, đủ thì giờ làm/ "nuôi" thợ chuyên môn tạo những tác phẩm nghệ thuật tỉ mỉ cần nhiều công sức. Còn những rìu đá tinh xảo, bằng đá đẹp và quí, có lẽ để trình bày hay tượng trưng quyền lực hơn là sử dụng.

Đồ gốm cũng có những tiến triển kỹ thuật, và biến chuyển mỹ thuật (dạng, hoa văn) qua các giai đoạn. Từ gốm bằng đất thô tạp nặn tay hay dùng khuôn tre, nung ở nhiệt độ thấp (gốm giai đoạn sớm nhất tại Bắc Sơn, Quỳnh Văn, Bàu Tró...) người ta tiến lần qua gốm đất sét mịn, làm bằng bàn xoay (có thể như loại bàn xoay bằng đá nặng, xoay bằng chân, rồi sức quán tính giữ bàn tiếp tục xoay trong lúc thợ dùng tay ép đất sét ướt thành hình thể, loại này người ta còn thấy cách đây vài mươi năm ở Lái Thiêu). Dĩ nhiên cũng có loại gốm làm bằng cách cuộn đất sét ướt thành hình con rắn bắt đầu từ đáy đi lên, sau đó nắn ép ra đồ vật bằng bàn đập và hòn kê (poterie à cordes), như trong tiến trình gốm của nhân loại. Nhiệt độ nung gốm tiến lần từ 600 độ C đến 900 độ C, nên gốm cứng chắc như sành (gốm Gò Mun). Như vậy cư dân vùng tiền Đông Sơn đã nắm vững kỹ thuật làm lò, đốt và thổi hơi, để làm gốm ở nhiệt độ cao. Về hoa văn, các nhóm hình học đối xứng, đường cong tiệm cận, chùm vạch gây cảm giác di chuyển, đã là chặng đầu cho hoa văn kiểu Đông Sơn (hình 2). Những hoa văn này có thể vẽ bằng tay hay in từ những con dấu bằng gốm cứng (nung ở nhiệt độ cao) mặt khắc nổi hoa văn hình học đối xứng. Có loại hoa văn được vẽ bằng que có răng lược thành nhiều dải sóng cùng một lúc. Điều này chứng tỏ đồ gốm đã được sản xuất hàng loạt. Ngoài nồi, lọ, hũ, đọi xe chỉ... còn có một số tượng thú nhỏ, khoảng 5 cm (hình chó, chim gà, đầu bò, rùa...) là những đồ thuần trang trí hay để chơi: người cổ trên đất Việt ba thiên niên kỷ trước đã biết thưởng thức đồ mỹ nghệ!

Nhắc lại văn hóa Phùng Nguyên được xếp vào sơ kỳ thời đại đồng thau, văn hóa Đồng Đậu trung kỳ thời đồ đồng thau, và Đông Sơn hậu kỳ thời đồng thau chuyển sang thời đại đồ sắt. Lúc đầu chỉ có ít đồ đồng, và là đồ kích thước nhỏ. Khi lên đến đỉnh cao của kỹ thuật và nghệ thuật thời Đông Sơn, trống đồng có đường kính mặt trống lên đến 70- 80 cm, và cao đến 60- 70 cm. Chúng tôi sẽ nói đến phần kỹ thuật sau. Điểm đặc sắc của trống đồng, vật tượng trưng cho cả một nền văn hóa có ảnh hưởng sâu rộng ở Đông Nam Á là kích thước, dáng mỹ thuật, và hoa văn trang trí độc đáo. Loại hoa văn này còn thấy từng phần trên những đồ dùng bằng đồng khác của thời đại Đông Sơn, như thạp, hộ tâm kính, rìu, qua, lưỡi cày... Nhưng chỉ trên trống đồng là nghệ nhân Đông Sơn đã phát huy cao độ được nghệ thuật của mình, có lẽ nhờ ở kích thước của trống.

Trống Ngọc Lũ có chín vòng trang trí đồng tâm trên mặt trống, ba vành trang trí với hình thuyền trên tang trống, hai băng cùng sáu cột trang trí ngang dọc thành sáu ô chữ nhật trên thân trống. Số lượng lớn hình trang trí này được sắp xếp hài hòa, hoặc theo hình kỷ hà, hoặc người múa, giã gạo, đánh trống... Những họa tiết dải băng trên đồ gốm Phùng Nguyên lại được dùng để trang trí đồ đồng. Nhờ diện tích bề mặt lớn hơn, người Lạc Việt thêm trên trống đồng nhiều hình trang trí không có trên gốm trước đây: đó là hình chim, thú, hình người và cảnh lễ lạc. Nhưng đó thường là những hình cách điệu hóa, trong đó cái thần được coi trọng hơn chi tiết tỉ mỉ. Điểm đáng chú ý là trong các vành có chim, hươu, chúng đều được xếp ngược chiều kim đồng hồ. Rất nhiều người đã nghiên cứu ý nghĩa những hình khắc trên trống đồng; nhiều ý kiến được đưa ra, trong đó có ý kiến xem chúng như một ngôn ngữ, với "từ vựng" và "ngữ pháp" nào đó mà người ta chưa hiểu rõ. Nếu đúng như thế thì có lẽ những trống đồng, trong chừng mực

nào đó được dùng ghi lại sự việc, như những phiến đất sét có chữ viết xưa của dân vùng Lưỡng hà.

Càng về sau, trang trí càng có khuynh hướng đơn giản về bố cục; những trống có niên đại muộn khá ít hoa văn hình người hoặc cách điệu hóa thật nhiều, và thường có những tượng cóc (có khi đến ba, bốn con cõng nhau), gắn đối xứng ở vòng ngoài trên mặt.

Điểm cần nhấn mạnh lần nữa là sự phát triển liên tục của các nền văn hóa nối tiếp trên địa bàn đất Việt cổ. Các nhà khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện được những địa điểm quan trọng có tầng văn hóa dày, với di tích của văn hóa này chồng trực tiếp lên nhau, nghĩa là cư dân nhiều thế hệ đã sống tại những nơi đó (xem phần Việt Nam của bản đồ hình 1), và để lại di tích trên cùng vùng đất, di tích người sau nằm trên di tích người trước.

Tại địa điểm Đồng Đậu ở Vĩnh Phú, lớp dưới cùng mang tính chất trung gian giữa văn hóa Phùng Nguyên và văn hóa Đồng Đậu, lớp giữa là văn hóa Đồng Đậu và lớp trên thuộc văn hóa Gò Mun. Tại địa điểm Đình Chàng ở Hà Nội, lớp dưới cùng là lớp văn hóa Đồng Đậu, lớp trên là lớp văn hóa Gò mun, sau đó người Đông Sơn chôn những ngôi mộ của họ trên di chỉ Gò Mun. Địa điểm Vinh Quang (Hà Tây) có ba lớp di tích: văn hóa Đông Sơn ở trên, đến Gò Mun muộn (gốm mỏng hạt mịn), rồi đến Gò Mun sớm (gốm màu thẫm đen, hạt hơi thô). Người Việt cổ đã sinh sống liên tục cả ngàn năm ở những làng này, để lại lớp di sản quí giá cho đời sau.

Trung tâm phát triển văn hóa kéo dài mấy ngàn năm là vùng châu thổ sông Hồng và miền trung du. Các văn hóa này nối tiếp nhau trong thời gian và liên tục qua văn hóa- kỹ thuật. Thời Phùng Nguyên, người Việt cổ dùng mũi tên đá dẹo hình lá, rồi chuyển sang mũi tên đá ba cạnh tiết diện hình tam giác (hình 4). Đến thời Đồng Đậu- Gò Mun chúng phát triển thành những mũi tên đồng ba cạnh. Mũi tên đồng Cổ Loa cũng có loại tên ba cạnh như thế, nhưng có thêm nhiều loại khác thích ứng với công dụng (hình 5). Kỹ thuật đúc bằng khuôn cho phép người Việt cổ sáng chế ra hàng loạt những mũi tên kiểu khác nhau để săn bắn hay chống xâm lăng; chúng trở thành vũ khí đánh xa cực kỳ lợi hại trong thời dân Lạc Việt chống Thục Phán hay Triệu Đà.

Người ta thấy có sự gần gũi giữa mũi giáo

TRẦN MỘNG TÚ

THẾ KỶ

Em đặt bàn chân qua thế kỷ
Những viên gạch mới lót hân hoan
Em đi rất nhẹ từng bước một
Sợ làm vỡ mất mảnh thời gian

Em sống một ngày thêm một khác
Tình yêu như vết bớt trên lưng
Thế kỷ xóa mờ màu son đỏ
Vết bớt bỗng nghe lạ vô cùng

Những điều em viết trên mặt giấy
Mùi mực còn thơm ngày hôm qua
Một cơn gió thổi bay thế kỷ
Chữ bỗng nhăn nheo tựa tuổi già

Em thở một ngày thêm một khác
Nhịp đập trong tim rất mơ hồ
Thế kỷ ở bên ngoài lồng ngực
Làm sao hiểu được những cơn mơ

Thời gian đặt trên từng viên gạch
Những bức tường ai phá mặc ai
Em đứng giữa hai đầu thế kỷ
Nối tình yêu bằng sợi tóc mai

1/1/2000

đá Phùng Nguyên với những mũi giáo đồng trong các văn hoá sau, cũng như giữa vòng trống đồng Đông Sơn và vòng đá Đồng Đậu. Nghĩa là cư dân sau đã thừa hưởng di sản cư dân trước; những người sống ở những nơi đó hẳn phải cùng bộ lạc, bởi lẽ nếu là kẻ xâm lăng thuộc nền văn hoá khác đến chiếm chỗ ắt phải có dấu hiệu thay đổi trong di vật. Trình độ văn hóa- kỹ thuật càng cao thì việc sản xuất thức ăn càng hiệu quả và dân số người Lạc Việt gia tăng nhanh; họ đã phát triển nông nghiệp về miền đồng bằng châu thổ dọc theo sông Mã, sông Hồng và phụ lưu, lập thêm nhiều địa điểm cư dân, từ những chỗ cũ lan ra hoặc thêm chỗ mới khác (vùng ven biển và ven sông), trong thời Đông Sơn. Bằng chứng của sự phát triển nông nghiệp này là hàng trăm lưỡi cày đồng tìm được: khoảng gần một trăm cái chỉ riêng tại Cổ Loa, trung tâm văn hóa của thời Âu Lạc hay sớm hơn.

Nền văn hóa Đông Sơn không để lại chữ viết, đền đài hay nhà cửa bằng đá hay gạch làm chứng cứ như ở Ai Cập, Trung Đông, Ấn Độ... dù nguyên liệu đá không thiếu ở vùng bắc Việt Nam, so với những vùng có thành quách mà không có gỗ, đá như Lưỡng hà. Nếu như người cổ ở vùng Cận đông đã biết dùng gạch, đầu tiên là gạch bùn hay đất sét phơi khô, từ mấy nghìn năm trước Thiên Chúa, thì ở Việt Nam vật liệu xây cất vẫn là tre gỗ cho đến hơn hai ngàn năm sau. Có thể điều kiện khí hậu, môi trường, đặc điểm đời sống canh tác lúa nước của cư dân cổ trên đất Việt không đòi hỏi những công trình to lớn, nhưng cũng có thể bởi vì dân số tập trung mỗi nơi quá ít, hoặc xã hội không đủ sung túc để hoàn thành những công trình to lớn.

(Kỳ sau: Kỹ thuật làm đồ đồng thau từ đâu đến?)

Sách tham khảo :

1) Kiều Quang Chẩn, *Thế Kỷ 21* tháng 11, 1999

2) Hoàng Hưng, Tư tưởng bành trướng đại dân tộc trong bài "Thử bàn về trống đồng Trung Quốc cổ đại," trong: *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1978,* nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1979, p. 160.

3) Amano Y., *Aux sources de la civilisation chinoise,* Courrier international, nổ 319, 35, (1996)

4) The slow birth of Agriculture, trong *Special section: Archeology: transition in prehistory,* Science, 282, 1446,(1998)

5) Leroi- Gourhan A., in "*Dictionnaire de la Préhistoire*", Presse Universitaire de France, Paris, (1994)

6) *Văn Hoá Đông Sơn ở Việt Nam,* nhiều tác giả, chủ biên Hà Văn Tấn, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1994

7) Hà Văn Tấn, *Theo dấu các văn hóa cổ,* nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1998

8) Springle H., *The slow birth of agriculture*, Science, 282, 1445 (1998)

9) Etler D. A., *Implication of new fossil material attributed to Plio- Pleistocene Asian Hominidae*, Web site www.cruzio.com

10) Larick R., Ciochon R., *The african emergence and early asian dispersals of the Genus Homo*, American Scientist, 536, 84 (1996)

11) Beard C., Dawson M., *Searching for our primate ancestors in China,* web site Carnegie Magazine On-line.

12) Phạn Quốc Sơn, Đồng cổ nước Điền và văn hóa Đông Sơn, *Thế Kỷ 21* tháng 2, 1997

13) Đinh Trọng Hiếu, Thuận, nghịch, lãnh đạo, chống đối: một phương pháp "đọc" họa cảnh, một bài học rút ra từ trống đồng Ngọc Lũ, *Văn Lang,* số 1, 5, (1991)

14) Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng, *Mỹ thuật của người Việt,* nxb Mỹ Thuật Hà Nội,1989

15) Phạm Minh Huyền, Một trung tâm văn minh cổ đại đầu nguồn Sông Hồng ở đất Việt, *Khảo cổ học,* số 1, 1997

16) Diệp Đình Hoa, Tính thống nhất trong đa dạng về những tộc người gọi là Âu Việt- Lạc Việt, *Thông báo Khoa Học,* Viện bảo tàng Lịch sử, (1966), 70

17) *Histoire générale des Techniques,* Presse universitaire de France, (1962).

18) Condominas G., *Exotique au quotidien,* Plon, Paris (1982)

19) Petrequin A. M., Petrequin P., Cassen S., *Les longues lames polies des élites,* La recherche, 312, 70 (1998)

20) Li Xue Qin, *Chinese Bronze - A general introduction,* Foreign Languages Press, Beijing, (1995)

21) *Những phát hiện mới về khảo cổ học Việt Nam,* nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1999.

22) *Thời đại kim khí Việt Nam,* Khảo cổ học Việt Nam tập II, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1999.

23) *L'Indonésie*, Lonely Planet (1998)

24) *Đại Việt sử ký toàn thư,* nxb KHXH HN, 1993

25) *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam,* Bình Nguyên Lộc, nxb Bách Bộc, 1971

26) *Histoire du Viêt Nam des origines à 1858*, Lê Thành Khôi, Sudestasie, 1982 16

CON DỐC MƠ

TÂM THANH

Một đứa con gái hăm bốn tuổi, khỏe mạnh, coi được, mà thường nghĩ tới cái chết và sợ chết, là một điều bất bình thường. Tôi biết như vậy, và tôi biết mình có mầm mống bất bình thường. Nhưng tôi cho là mầm mống đó "phát tác" từ khi tôi làm công việc giúp đỡ những người gần đất xa trời thuộc một viện dưỡng lão. Nhìn những người già nằm liệt giường như một loài thảo mộc, có sự sống mà không còn sinh hoạt, hỏi ra, biết trước đây họ là những ông kia bà nọ vẫy vùng một thời, tôi nghĩ rồi cũng có ngày tới phiên tôi, đâm buồn rười rượi. Tôi cũng hay được cử tới tư gia giúp những người già yếu không muốn vào nhà dưỡng lão. Những người này tự lo cho bản thân được một phần, còn bao nhiêu, viện dưỡng lão cử bác sĩ, y tá và người giúp việc nhà tới giúp. Nhiệm vụ sau cùng này là của những nhân viên như tôi. Tôi được cấp một chiếc xe hơi xinh xắn, sáng sáng tới nấu ăn, bón đồ ăn, thay tã, lau chùi v.v. Đôi khi đi chợ, chở các cụ đi nha sĩ, đi bưu điện... Mỗi giờ làm việc tôi được 81 kroner. Tôi không phải là nhân viên thường xuyên; một năm tôi chỉ làm ba "vụ" - kỳ nghỉ hè, lễ Phục sinh và lễ Giáng sinh.

Mùa Giáng sinh năm nay tôi sẽ tới giúp ông bà Isaksen mà viện dưỡng lão cho biết trước ông 103 tuổi, bà 96. Năm ngoái tôi cũng giúp việc cho một ông bà thọ trên trăm tuổi, không biết năm nay họ còn sống không. Trên đường đi, thấy trẻ em trong một vườn trẻ đang xếp hàng rước nến, tôi nhớ hôm nay là ngày 13 tháng chạp, lễ thánh Lucia, một vị nữ thánh tử đạo, được mừng một cách đầy thơ mộng trên hai nước Na Uy và Thụy Điển trong mùa đông u tối, trước lễ Giáng sinh, sau ngày phát giải Nobel. Mới ngày nào tôi còn ngu ngơ, cầm nến và đội triều thiên, đi rước, hát ê a với đám trẻ tóc vàng mắt xanh, bây giờ tôi đã phải chạy vạy, bon chen với đời. Nhìn thấy ngôi nhà cũ kỹ và bảng tên Odd & Else Isaksen trên cửa

tôi mới nhớ đây chính là ông bà già mà tôi giúp việc năm ngoái. Bà cụ ra mở cửa cho tôi, đầu đội triều thiên, mặt hí hửng. Ngọn nến bà cầm tay đã cháy quá nửa, chứng tỏ bà đã bắt đầu trò chơi từ lâu và đang chờ đợi một... bạn chơi. Bà nhận ra tôi ngay:

"Ủa! Con bé Tầu đây hả? Sao lâu quá con mới tới?"

Phải rồi, đây là bà cụ thường gọi tôi là "con bé Tầu", bất chấp lời cải chính của tôi. Tôi ôm hôn bà và trả lời:

"Dạ, Việt Nam chứ không phải Tầu. Trong năm con mắc đi học. Hôm nay con trở lại làm giáng sinh".

"Tốt, tốt, vào đây! Vào đây!"

Bà châm một cây nến đưa cho tôi, hỏi:

"Con biết hôm nay là ngày gì không?"

Thay vì trả lời, tôi hát bài Santa Lucia, bà hát theo (tạm dịch tiếng Việt):

Màn đêm buông mênh mông
Quanh nhà và ngoài đồng
Mặt trời mải đi xa
Bóng đen đầy đe dọa
Đang chụp xuống mái nhà
Hãy thắp nên ngọn nến
Santa Lucia, Santa Lucia... *

Vừa hát, chúng tôi vừa đi vòng quanh phòng khách, rồi dừng trước mặt ông Odd để hắt hết bài. Ông ngồi trên ghế bành, bất động, chỉ có bắp thịt cằm hơi giật và đôi mắt mờ nhấp nháy như một vì sao sắp tắt. Tôi ngồi xuống sàn, xoa nắn bàn chân khô mốc của ông, hỏi:

"Ông khỏe không, ông Odd?"

"Overlever."

Hai tiếng "sống sót" đó người trẻ tuổi có thể dùng để bông đùa, tự trào, nhưng từ đôi môi khô héo của ông già trên trăm tuổi, tôi coi là một sự kiên cường. Ông đã ở trên con tầu buôn Na Uy bị Đức tấn công trong thế chiến thứ nhất, bốn lần xuýt chết trong thế chiến thứ hai, đã từng làm thuyền trưởng tầu viễn duyên đi khắp thế giới, trong đó có Sài Gòn. Bây giờ ông nằm đây nói "sống sót." Sống sót qua thế kỷ 19, 20 và chỉ còn hai tuần lễ nữa sang thế kỷ 21. Dai thật!

Tôi nấu bột khoai tây và luộc xúc xích, xúc ra đĩa cho bà tự ăn, và bón cho ông. Xong, tôi rửa mặt cho ông và đỡ ông đi cầu, lau mình cho ông. Nằm xuống giường, ông ngủ khò liền. Bà giữ tôi lại nói chuyện. Cũng những truyện bà đã kể năm ngoái... Xảy ra hồi "ở đây còn là rừng hoang." Kể một chập, bà nghỉ mệt một lúc, hỏi:

"Ngôi sao Vénus còn đó không?" Bà chỉ tay về phía cửa sổ. Tôi nhìn ra, chỉ thấy bầu trời mùa đông xanh lơ, lạnh lẽo, không một bóng mây, không một ngôi sao.

"Chắc nó nằm đâu đó, con chưa thấy". Tôi trả lời. "Ừ, sáng mai con nhớ nhìn, đẹp lắm". Bà dặn.

Từ chiều hôm đó cho tới đêm, tôi quên bẵng đi ngôi sao của bà cụ. Thế mà tự nhiên sáng hôm sau, như có ai nhắc nhở, việc đầu tiên khi thức dậy là tôi nhìn qua cửa sổ về hướng đông nam. Ôi! Một ngôi sao đẹp tuyệt vời lung linh trên nền trời lam ngọc. Đằng sau dẫy núi đen, và trên nền trời mịn màng, cũng màu lam ngọc mà đậm hơn, ửng một vùng mây sáng màu lụa vàng, tía, da cam, phớt hồng... lộng bóng xuống mặt nước phẳng lặng. Cảnh lộng lẫy huy hoàng đó không làm lu mờ được ánh sáng lung linh mầu nhiệm của ngôi sao nhỏ bé đứng một mình, uy nghi trên cao. Tôi biết đó là ngôi sao mai trong thi ca Việt Nam, cũng là ngôi sao Venus trong thần thoại Hy Lạp, hay ngôi sao Kim trong bài học địa dư. Nhưng hôm nay là lần đầu tiên trong đời tôi thấy ngôi sao mai đẹp như vậy. Ánh sáng trắng xanh của nó rạo rực như nhịp tim chiếu thẳng vào lòng tôi rõ ràng, kỳ diệu.

Trong giây phút này, tôi bỗng hiểu tại sao loài người, ngay từ thời thượng cổ đã quyến luyến với tinh tú xa xăm như thế. Tuy nhiên, không thể có tinh tú nào đẹp hơn ngôi sao mai. Tôi cũng hiểu tại sao bà cụ Else vừa gặp lại tôi đã đem ngôi sao này ra "khoe," hồn nhiên như trẻ em khoe đồ chơi. Nhưng tôi đoán, đối với con người tuổi đời chồng chất đó, ngôi sao không phải chỉ là đồ chơi, phải còn có cái gì nữa, đằng sau...

Tôi thèm một người để nói lên những rung động mê hoặc mà ngôi sao mai khơi dậy trong lòng, hay ít nhất chỉ cho người đó ngôi sao, như bà cụ đã chỉ cho tôi. Tôi nghĩ tới Văn và giật mình thấy lòng dửng dưng. Núi đồi ngập tuyết. Những mái nhà phủ tuyết trắng nằm im lìm với những ngọn đèn vọng Giáng sinh bên cửa sổ. Tôi tính lại nhà ông bà Isaksen sớm hơn chương trình, hy vọng ngôi sao còn, để cùng ngắm với họ. Nhưng tôi vừa ra khỏi nhà, ngôi sao đã biến đâu mất (Khi viết bốn chữ 'ngôi sao biến mất," tôi liên tưởng tới ngôi sao hướng dẫn ba vua đông phương trên đường đi tìm Chúa Giêsu mới sinh, nó biến mất khi các ông vào thành Jêrusalem tham khảo ông vua

tham quyền, hiếu sát Hêrôđê. Nhưng tôi không tìm được chữ nào để viết khác đi. Đành vậy). Chỉ còn bầu trời xanh nhạt, trống trải và vùng ánh sáng vàng rực dâng cao ở chân trời.

Tôi lái xe từ khu nhà trên núi xuống trung tâm thành phố, chui hầm dưới quốc lộ, sang khu nhà cũ ngoài bờ vịnh. Tôi lên con dốc cao, nhô lên hụp xuống hai lần, tới nhà ông bà Isaksen. Tôi định dựng cây thông giáng sinh cho ông bà, nhưng vào nhà đã thấy có ai làm xong rồi. Ông bà ăn xong, ngồi trên hai chiếc ghế bành kê song song, nhâm nhi trà. Bà bảo tôi ngồi bên cạnh, hỏi trống:

"Sao?"

"Con thấy ngôi sao rồi, bà". Tôi khoe.

Bà chỉ lên ngôi sao điện trên ngọn cây thông:

"Ngôi sao này thấm thía gì!"

"Không, con nói ngôi sao mai thiệt trên trời". Tôi nói.

"Con muốn nghe sự tích ngôi sao đó không?" Bà hớn hở.

Người già thích kể chuyện, nếu tôi phải nghe một lần nữa truyện thần thoại thần Vệ Nữ, hay truyện khác, cũng chẳng sao, đỡ mất công tôi đọc sách cho ông nghe. Tôi gật đầu:

"Dạ, bà kể đi."

"Hồi đó gia đình bà ở căn nhà bên kia." Bà cụ hất nhẹ đầu về phía trái, tôi hình dung một căn nhà cổ bằng gỗ súc, nằm gần cái lẫm bỏ trống. "Nhà Odd ở gần rừng, bên kia đường cái quan. Năm 1920, sau chiến tranh gia đình mới dọn về. Hồi đó, từ nhà ông ấy ra cầu tầu có hai ngã, ngã chính đi vòng thúng, hơi xa nhưng tiện cho xe ngựa, xe hơi, ngã tắt băng qua con dốc thẳng mà nhô lên hụp xuống, qua nhà bà. Ông ấy không dám qua con dốc đứng. Con bé Tầu biết tại sao không? Ông ấy kể rằng một tối kia đứng dưới cuối dốc, nhìn lên, thấy mặt trăng sừng sững nằm trên đầu dốc, ông ta sững sờ đứng ngắm và không dám đi lên tiếp. Sợ... xâm phạm vào một vùng thiêng liêng..."

Tôi lại hình dung ra con dốc lạ, cắt ngang lưng trời. Ban ngày lái xe lên, tôi cứ sợ không biết qua cái mức đó, xe sẽ lao xuống biển hay bay lên trời. Tôi có thể chia sẻ cảm giác sợ hụt hẫng của ông khi còn trẻ, nhưng tôi quả không thể theo kịp trí tưởng tượng của ông về một vùng... thiêng liêng.

"Ông mơ mộng quá chừng!" Tôi xen vào nói, mắt liếc nhìn ông đang ngồi trên cái ghế bành quen thuộc, lắng nghe câu truyện bà đang kể, như thể bà kể về một người lạ.

"Còn phải nói..." Bà nguýt ông "Nhưng sợ chỉ là cái cớ... Cái anh thủy thủ đó mà sợ cái gì? Anh chàng do dự chưa đặt chân lên con

KHÁNH HÀ

BỐN MÙA

Tay ủ chung trà nóng
Hương sen thơm ngát lòng
Ngoài trời tuyết phơi phới
Ấm áp những chiều đông

Buổi sáng nghe chim hót
Hoa anh thảo nở bừng
Dưới tuyết băng giá buốt
Có dấu một trời xuân

Mùa hạ nắng oi nồng
Thoảng qua cơn gió mát
Cơn mưa mùa rào rạt
Trả nước về biển sông

Thu nhuộm xám không gian
Lấy đi bao lá vàng
Cây chuyển dòng nhựa mới
Xanh lại lúc mùa sang

Lửng lơ vòng thời gian
Không khuyết cũng không tàn
Mái tây mặt trời lặn
Phương đông rực ánh vàng

Trăm ngàn năm trôi qua
Trời đất vẫn giao hòa
Thu rụng một hạt giống
Xuân nở một cành hoa.

dốc là tại vì một lý do khác..."

"Lý do gì vậy, bà?"

"Tại vì nhà bà ở sườn đồi sau con dốc đó... Một hôm, có lẽ một trong những ngày đầu gia đình mới tản cư về, ông ta thấy bà từ trên xe đò bước xuống, bà đi ăn cưới về, mặc bunad*, ông ta đi theo..."

"Hm...!" Ông ho nhẹ.

"Ông ho, để con lấy nước cho ông uống, nhé?" Tôi hỏi ông. Ông im lặng. Bà mỉm cười hóm hỉnh:

"Không cần đâu. Mắc cỡ, chứ ho hen gì?... Đến đâu rồi? À, ổng đi theo, bà biết ổng đi theo. Nhưng tới lưng chừng dốc thì ổng đứng lại... Mà không lẽ mình cũng đứng lại?"

Ông hắng giặng, bà ngưng lời, uống một hớp trà làm bằng trái hồng dại, rồi đổi thế ngồi, ngả hẳn người ra sau. Yên lặng. Một lúc lâu, tôi quay lại, thấy bà đã ngủ, nét mặt thanh thản như đứa trẻ có da mặt nhăn nheo. Ông chờ không thấy bà kể tiếp, cũng nhắm mắt lại. Tôi tự hỏi hai ông bà có chia sẻ giấc mơ với nhau? Và, khi một người chết đi, người còn lại sẽ sống thế nào? Dầu sao, ở tuổi này, khoảng cách giữa hai chuyến ra đi thường chẳng bao lâu, tôi nghiệm thấy vậy. Tôi đắp mền cho ông bà, dọn dẹp nhà bếp, lấy quần áo dơ để giao cho nhà giặt, rồi về.

Trên đường xuống phố để mua mấy món quà Giáng sinh, tôi nhớ trong câu truyện của cụ bà còn thiêu thiếu cái gì. Thì ra cụ hứa kể về "sự tích ngôi sao," cuối cùng lại nói sang mặt trăng, rồi ngủ mất. Ngôi sao đó đã tồn tại hằng triệu triệu năm, và sự tích của nó chẳng mới mẻ gì, trừ khi nó có liên hệ với ông bà...

Càng gần lễ Giáng sinh trời càng âm u, lạnh tê tái và gió vù vù. Vài con tầu không được kéo lên, nằm vật vã dưới nước ngoài bến. Người ta xôn xao đủ thứ chuyện, từ chuyện giá nhà lên, tới chiến tranh. Động đất và lụt lội nhiều nơi, tai nạn lưu thông trên trời, dưới biển, khiến nhiều người nghĩ cái tin đồn tận thế không chừng có thật. Người Việt vốn lo xa, có người tích trữ gạo và nước uống. Ngoài ra mọi người vẫn bận bịu, như mọi năm, với quà cáp, tiệc tùng và làm giờ phụ trội. Tôi và Văn cãi vặt về việc mua quà, nhưng cũng đủ giận nhau. Tôi chủ trương mua theo túi tiền của mình, nhỏ bé cũng được, miễn có lòng thành. Văn chủ trương quà giáng sinh là món nợ trả vay, hòn đất ném đi hòn chì ném lại. Hết chuyện đó, lại tới chuyện Văn khó chịu vì tôi cứ nói vớ vẩn về sự chết, mất vui. Chúng tôi quen nhau gần một năm nay. Văn đẹp trai, học giỏi, làm việc xuất sắc, muốn lập một gia đình êm ấm với căn nhà riêng thật xinh và có thật nhiều tiền trong ngân hàng, và phải thi thố khả năng để ngồi trên đầu Na Uy cho nó... sợ, không dám kỳ thị. Anh sẵn sàng làm mọi việc mà... anh thích, cho người yêu. Gia đình anh, như phần lớn những người tị nạn chính trị, làm ăn lương thiện. Họ thích tôi. Văn có ba đứa em gái dễ thương, mặc dầu chỉ có con bé út hợp tính với tôi - ưa chuyện viển vông.

Ngày áp lễ Giáng sinh, trời bỗng trong sáng ra được một chốc, nhưng lòng tôi lại u buồn vô cớ. Tôi thèm ở một mình. Tình cờ viện dưỡng lão gọi điện thoại hỏi tôi có thể đi làm không, tôi nhận lời ngay và hủy bỏ cuộc hẹn đi chơi với Văn. Và để anh ta yên tâm rằng tôi không lấy cớ để đi với bất cứ ai khác, tôi nhờ anh chở tới nhà ông bà cụ.

"Anh cho em xuống đây!" Tôi nói.

"Còn xa mà!" Văn ngạc nhiên.

"Đi tắt con dốc này gần lắm."

"Vậy để anh lái lên cũng được."

"Đường này hẹp, lái xe lên... không tiện."

"Vậy mình xuống đi bộ."

"Hay quá! Anh xuống đi bộ với em lên con dốc này." Tôi vui vẻ hưởng ứng liền.

Trăng mười bảy diễm lệ tuôn ánh vàng trên con dốc tuyết trắng xóa. Đứng ở cuối dốc, như đứng dưới một ngọn thác bạc. Văn đậu xe. Chúng tôi nắm tay nhau đi lên. Tôi ngây ngất vì trăng. Tôi hơi tiếc đã bỏ hẹn đi chơi với Văn tối nay. Đã lỡ hứa với viện dưỡng lão và họ đã điện thoại cho ông bà cụ rồi, hai cụ già đơn độc hẳn đang mong chờ tôi. Tôi nói:

"Ông bà cụ mà em sắp tới thăm, hồi trẻ đã gặp nhau trên con dốc này".

"Như thế nào?"

"Ông ấy theo bà tới con dốc này, rồi không dám đi lên nữa".

"Tại sao?"

"Ông không dám đường đột bước chân vào một nơi thiêng liêng".

"Ông già khùng."

"Anh có thấy trăng đẹp không?"

"Một cái mâm đồng bự. Có gì đâu?"

Chúng tôi nói chuyện lang bang. Trước khi chia tay, tôi nói:

"Tối nay anh khỏi đón, nghe. Em sẽ đón taxi về."

Văn thọc tay vào túi áo khoác rút ra xâu chìa khóa, tung lên, bắt lại, như sẵn sàng bỏ đi, nghĩ ngợi sao, lại nói:

"Sao không để anh đón?"

"Dạ, khỏi cần..."

"Có giận không?"

"Không."

"Sao tối nay lảng nhách vậy?"

"Em mắc công chuyện bất ngờ mà."

"Sáng mai gặp nhé?"

Tôi gật đầu, nhưng trong lòng bận nghĩ tới ngôi sao mai. Tôi vào nhà ông bà Isaksen, thấy nóng hừng hực. Có lẽ bà sợ ông lạnh, đã mở lò sưởi hết cỡ. Bà ngồi bên ông cầm tay nói:

"Con bé Tầu tới nè. Ông có cần gì không, ông bạn già?"

Ông làm một dấu hiệu nhỏ, tôi hiểu là ông muốn đi cầu. Ông già này lạ lắm, chỉ đi cầu khi có y tá hoặc người giúp việc, nếu không, ông có thể nín và chờ suốt ngày. Ông đi cầu xong, mặt tươi tỉnh, nhưng thở dốc. Tôi cầm ly sữa với ống hút cho ông uống, và nói với bà:

"Bà kể tiếp chuyện con dốc cho con nghe đi!"

"Tới đâu rồi?"

"Dạ, ông theo bà, tới nửa dốc thì dừng lại. Rồi bà làm sao?" Tôi hỏi với nụ cười hóm hỉnh.

"À, phải rồi, bà hỏi: sao anh không lên? Ông trả lời sao, con biết không?... Thôi, đừng mắc cỡ nữa, để tôi nói cho con Tầu con nghe... Cái ông này thiệt tình, ông nói: sợ... cô biến mất!"

Tôi cười ngất, lau miệng cho ông, lắc đầu nói:

"Ông lãng mạn quá sức!" Tôi thấy mặt ông hiu hiu.

"Hay mắc cỡ thì có. Có đúng không, ông?"

"Hm!"

"Ông biết nhà bà ở trên con dốc, nên không dám đi lên. Lấy cớ nọ cớ kia..."

"Hm!"

"Rồi ông cứ đứng dưới cuối con dốc hoài hay sao?" Tôi quay sang ông hỏi.

"Không." Ông nói.

"Nhưng còn làm nhiều trò nữa kìa..." Bà tiếp "Một buổi sáng Chúa nhật, bà biết Odd sẽ đi nhà thờ, bèn cố ý xuống cuối dốc đón ông ta. Ông lại chỉ lên trời nói: ngôi sao kia đẹp không? Bà quay lại, nhìn lên trời. Thật là lạ lùng, bà sanh ra và lớn lên ở đây, bao nhiêu năm, chưa từng bao giờ để ý có ngôi sao xinh đẹp như thế trên trời. Bà trả lời: Tôi thấy rồi. Đẹp quá! Đẹp như một hạt kim cương đẹp nhất thế gian. Thôi, anh đi lối này lên nhà thờ cho gần! Nét mặt anh chàng lộ vẻ hân hoan, thế mà cứ đứng lỳ ra đó."

"Rồi làm sao bà... kéo ông đi qua con dốc được?"

"Bà phải đưa tay ra nói: cầm tay em đi! Cẩn thận... Phải, chúng ta sẽ trân trọng... Từ đó ông với bà thân nhau..."

Suốt nhiều ngày sau tôi hoang mang, buổi sáng thì vì ánh sao mai, buổi tối vì vừng trăng hạ tuần, và mọi lúc về hào quang thiêng liêng bao bọc tình yêu của ông bà.

Chiều 31 tháng chạp, viện dưỡng lão lại kêu điện thoại nói ông bà cụ đòi cho được "con Tầu con" mới chịu. Tuyết đang rơi, ngày cuối năm, tôi ngại đi quá, nhưng nhớ tới tình cảm họ dành cho tôi, tôi nói viện mang xe lại rồi tôi lái đi.

Ông nằm trên giường. Bà ngồi bên cạnh, tóc trắng phau như tuyết lơ thơ trên lớp da hồng, đang dỗ dành bằng những lời tôi không hiểu, tôi cho là ông bà trao đổi mật ngữ với nhau. Sau cùng bà mới nói ngôn ngữ thường:

"Odd, con Tầu con tới nè! Ông có cần gì không?"

"Chào ông, ông đi cầu nhé?" Thấy ông

không nói mà cũng không ra hiệu, tôi hỏi, rồi sờ đầu. Không nóng. Tôi hỏi bà "Ông có vẻ mệt, có đau không, bà?"

"Có vẻ không. Nhưng... nhưng... " Bà do dự.

"Nhưng sao, ạ?" Tôi băn khoăn.

"Ông lo những điều kỳ cục..." Bà cằn nhằn đón đầu. Tôi chất củi trong lò sưởi và đốt. Ông nhìn, vẻ biết ơn. Tôi nhắc lại câu hỏi:

"Ông ơi! Ông lo gì?"

"Ông chết, con tới coi bà nhé?" Ông thều thào.

"Dạ, dạ... Con tới." Tôi vội trả lời, quên rằng tôi chỉ đi làm thêm vào các dịp nghỉ học.

Bà đặt tay lên khuôn ngực còm cõi của ông, nói:

"Đó, nghe chưa? Ông đừng lo gì hết."

Ông tỏ vẻ an lòng, khỏe khoắn ra mặt, nói (ít khi ông nói nhiều như hôm nay):

"Hồi hộp quá..."

"Về cái gì, bạn?" Bà hỏi.

"Sắp sang năm 2000." Ông đáp.

Họ đã quen hơi bén tiếng nhau bao nhiêu năm, người nọ thở dài hay cựa mình, người kia cũng hiểu nghĩa là gì, nhưng bà vẫn hỏi:

"Thì sao?"

"Tôi với bà... lâu thế à?"

Tôi kín đáo bỏ đi đốt nến, dọn bánh ngọt và mở champagne. Hai người già trao đổi những câu ngắn, nhỏ, khao khao trong khi bên ngoài pháo bắt đầu nổ ầm ĩ, hoa pháo nở rực trời. Ông ra hiệu cho tôi đỡ ông dậy. Bà đưa tay ra, nói dịu dàng:

"Đừng sợ! Tôi giắt ông, ông bạn già ơi!"

Tôi nghĩ năm xưa trên con dốc mơ, bà cũng dịu dàng như thế. Ôi! Họ ăn ở với nhau gần tám chục năm rồi. Ngồi gọn gàng trong ghế bành rồi, ông nhắm mắt lại nói:

"Mau quá! Mau quá!"

"Còn vài phút nữa là ông trải qua ba thế kỷ đó, ông ạ?" Bà cầm tay ông, nhìn lên cái đồng hồ quả lắc, quà đám cưới của ông bà.

"Hm!"

Bà nhấc một ly champagne kề môi ông. Rồi kề môi mình. Tôi không biết họ uống được mấy giọt. Bà nói:

"Mau quá... Nhưng chúng ta đã không bỏ qua một giây nào."

Đúng lúc đó, tiếng chuông giao thừa thiên niên kỷ điểm. Tôi có một cảm giác kỳ diệu. Tôi cảm thấy sự thiêng liêng của từng giây phút mà một người vượt qua để tạo thành chuỗi đời sống. Cảm giác sợ chết của tôi vẫn còn đó, nhưng trong lòng tôi đã nhen nhúm một cảm giác khác, cũng rất gần sự sợ hãi, đó là cảm giác kính sợ. Tôn kính. Tôi cho rằng cảm giác này của tôi cũng giống như cảm giác của ông Odd khi đứng dưới con dốc. Và điều này làm cho lòng tôi bình an như được ai đưa tay giắt "Cầm tay tôi đi! Chúng ta sẽ trân trọng."

Tôi phân vân không biết có nên nói những cảm nghĩ phức tạp này với Văn không?●

Chú thích:

* Bài ca Santa Lucia (đoạn đầu)

"Svart senker natten seg...
i stall og stuer
solen har gaatt sin vei
skyggene truer
inn i vaart moeke hus
stiger med tente lys
Santa Lucia, Santa Lucia..."

(Vì thời gian trùng hợp, gần đây, bài này cũng thường được hát trong dịp phát giải Nobel Hòa bình tại Oslo)

* bunad: quốc phục Na Uy

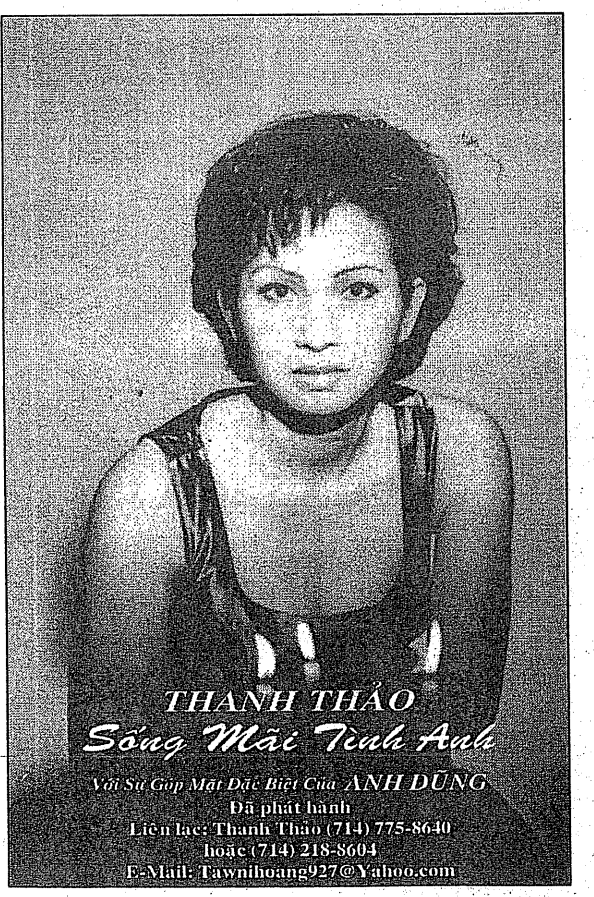

HOTEL MORIN, MỘT "KỲ QUAN" CỦA ĐẤT HUẾ

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Giáo sư Vĩnh Sính viết cảm xúc về trận hồng thủy vừa tàn phá đất Huế, thuật một đoạn e-mail của người cháu: *"vào lúc cao điểm... mực nước đã lên đến chữ M ở khách sạn Morin.."* Khách sạn Morin, người xứ Huế quen gọi là Hotel Morin, là một kỳ quan của đất Huế, người địa phương lúc hốt hoảng, dùng chiều cao của mặt tiền kiến trúc để ước lượng mực cao của con nước. Trong một trăm năm vừa qua, ngôi nhà này đối với người sống ở Huế như... tháp Eiffel tại Paris. Người sống ở thủ đô nước Pháp nhắc tới Eiffel như một kỳ quan của thời đại kỹ nghệ; người sống ở đất Huế không thể không biết tới Hotel Morin nằm trên khu đất cao ráo bên "phố tây", vào địa điểm thuận lợi nhất trên trục giao thông, khách du đến Huế thế nào cũng phải đi qua.

Bài này viết dựa hoàn toàn trên tài liệu của ông Jean Cousso, và ông Nguyễn Đắc Xuân, sử gia thành phố Huế. Jean Cousso hiện là Chủ Tịch Hội *Tân Đô thành Hiếu Cổ* (Nouvelle Association des Amis du Vieux Huế, NAAVH) vừa được thành lập - hay tái sinh - năm 1996. Hội phát hành một bản tin rất khiêm tốn, nhưng trang nhã và đầy đủ, phổ biến hạn chế cho một số thành viên, tóm lược những công trình nghiên cứu về đất Huế hiện đang được thực hiện. Ở cuối bài này, người viết sẽ phổ biến các dữ kiện về hội NAAVH để bà con đất Huế và người Việt Nam hiện sống ở nước ngoài thích sưu tầm về quê hương có thể trực tiếp liên lạc với hội. Trong lúc chúng ta nói nhớ Huế và thương Huế, hiện có những "người ngoài" như Jean Cousso và các bạn đồng tâm đồng chí đang tìm cách vượt qua nghìn trùng khó khăn (phải giao tiếp với các đồng chí dép râu bên nhà) để phục hưng và tái tạo di sản cố đô Huế. Jean Cousso là một bậc trung niên cháu ngoại của Bác sĩ Sallet và bà Amélie Morin, người em út trong giòng họ Morin. Riêng tài liệu Hotel Morin này đã được rút trong bài *"Hôtel Morin, Hôtel Sàigon - Morin, Petite Histoire d'un Centenaire"* (AAVH, No 3, Février 1999, Biscarrose, France).

Trở lại với khách sạn Morin, người viết xin được hiệu đính là Hotel Morin không phải là một công trình kiến trúc vĩ đại nhắc được hình ảnh của tháp Eiffel, mà chỉ là một cơ sở ba tầng lầu khiêm tốn so với các khách sạn lớn ở thủ đô Hà Nội và thành phố Sài Gòn hiện nay, lại càng không thể so sánh với các khách sạn tân tiến ở Bangkok, Hongkong, Singapore. Thế nhưng đôi lúc dân Paris có thể quên nhà thờ Nôtre Dame, các viện bảo tàng Tuileries và Le Louvre để nghĩ đến cái sườn sắt Eiffel thì người dân đất Huế cũng có thể quên hình ảnh của Đại nội và các lăng tẩm vua đời trước để nghĩ đến Hotel Morin, tòa nhà luôn luôn đập vào mắt, dấu vết khó quên của một trăm năm lịch sử vừa trôi qua, buồn vui lẫn lộn. Những dòng sau đây thử cố ý nhìn Hotel Morin qua lăng kính lịch sử.

Khách sạn Morin trước gia đình Morin

Người Pháp can thiệp bằng võ lực vào Việt Nam bắt đầu từ năm 1856 lúc chiến thuyền Catinat vào cửa biển Đà Nẵng giao chiến thư hỏi tội triều đình Việt Nam về việc cấm đạo Gia-tô và giết người giảng đạo. Từ năm đó về sau, chắc chắn phải có những phái bộ người Pháp lui tới Huế để thương thuyết. Các phái bộ này không thể ở trên tàu vì cửa biển Đà

Nẵng khá xa kinh đô Huế. Trong tập san Đô thành Hiếu cổ xã (Bulletin des Amis du Vieux Huế, BAVH) qua một số bài có tiêu đề *Những người Âu châu xưa đã tham quan cố đô Huế* (Les Européens qui ont vu le Vieux Huế), trước thế kỷ hai mươi, như giám mục Alexandre de Rhodes, như người Anh Thomas Bowyear, người Ý Christophoro Berri, như các bạn đồng chí của giám mục d'Adran... không ít thì nhiều đều có để lại chút ký ức về Huế. Tuy vậy, chưa ai tìm được chút tài liệu nào dẫn cứu về một nơi có thể gọi là khách sạn trong cố đô. Ta phải kết luận là đám du khách trên đã trú ngụ tại các tư gia người quen biết, hay giáo dân.

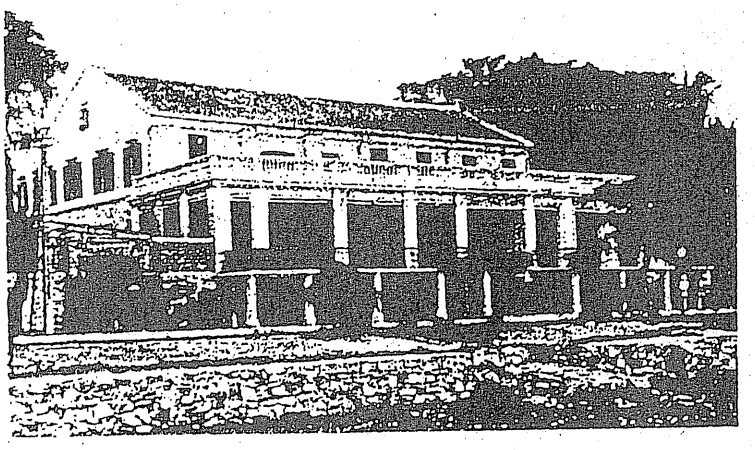

Hotel Morin Đà Nẵng

Năm 1875, theo đề nghị của "Ủy ban Cô sanh xi na" (Commission de la Cochinchine) do vua Nã Phá Luân đệ tam lập ra để nghiên cứu tình hình chiến hay hòa với Việt Nam, chánh phủ Pháp cử người đại diện đầu tiên bên cạnh triều đình Huế là Nam tước Reinhart. Cũng không thấy tài liệu nào nói rõ ông Reinhart ở đâu, chỉ biết là ít lâu sau ông được một nhà ngoại giao khôn khéo Philastre thay thế. Philastre được triều đình Huế nhượng miếng đất rộng đúng 200 mét vuông (!) ở phía hữu ngạn sông Hương để xây cất văn phòng ở "Đại lý Pháp quốc" (Bureau de la Légation de France), là nơi về sau trở thành tòa Khâm sứ Trung Kỳ. Trong khoảng đất nhỏ hẹp đó, Philastre dựng lên một cơ sở chắc là nhỏ và tiều tụy lắm, gọi là "căn lều của các vị đại sứ" (la Case des Ambassadeurs), làm chỗ trú ngụ cho bất cứ nhân vật nào đến công tác thương lượng với triều đình Việt Nam.

Tài liệu này trích trong cuốn ký ức của Dutreuil de Rhin, một trong những tân khách của căn lều Đại sứ. Ông kể lại là vào năm 1876, một năm sau chiến thuyền Catinat cưỡng nhập cửa biển Đà Nẵng, triều đình Việt Nam cũng chỉ mới cho phép tất cả là bảy người công dân Pháp được cư trú trong tỉnh Thừa Thiên, ngoài một số linh mục người Pháp có thể được giáo dân che đấu. Đó là lý do rõ ràng nhất vì sao kinh đô Huế không cần khách sạn. Cũng nên nói thêm là kinh đô từ trước vẫn có nơi cư trú tiếp rước khách của triều đình, trên bến Thương bạc, ở phía tả ngạn sông Hương, chứ không phải triều đình "quê mùa" tới nỗi không có nơi tiếp khách từ xa đến. Cho đến năm 1898, tài liệu của nhà văn M. Monier đến Huế, ở lại ba tháng trong "căn lều Đại sứ" mô tả các thắng cảnh và đời sống dân địa phương trong sách Vòng quanh Châu Á (Le Tour d'Asie, Plon 1899), đầy đủ chi tiết ký sự, theo ý nghĩa nơi cư trú của người du khách, cũng không thấy nêu lên một nơi nào gọi là khách sạn trong kinh đô.

Phải chờ đến năm 1901, năm đầu của thế kỷ Hai mươi, Huế mới có một nơi gọi là khách sạn với ý nghĩa ấn định của thời bây giờ. Một người sĩ quan trong đoàn viễn chinh, Bogaert năm 1885 đã tham gia việc công phá kinh thành Huế, trở lại yêu Huế. Ngoài cái hình dáng cô tôn nữ cười trong nón, anh ta lại còn bị ám ảnh phải làm tiền trên giải đất thơ mộng không thiết tha với thương mại và kỹ nghệ là đất Huế. Anh ta mua lại xưởng đúc gạch và ngói ở làng Long Thọ. Cơ sở làm gạch ngói này đã hoạt động hơn hai trăm năm trước với trang bị và kỹ thuật thô sơ, cung cấp gạch và ngói để xây dựng ngoại thành và nội thành Huế, từ các đời chúa Tiền Nguyễn. Bogaert biến lò vôi thành một cơ sở sản xuất xi măng rất cần thiết cho việc tân tạo thành phố người Pháp vừa mới chiếm được, cần phải xây cất lại theo mẫu mực Tây phương. Xưởng xi măng Long Thọ phát đạt, chủ nhân ông dùng tiền lời đầu tư vào kỹ nghệ khách sạn. Năm 1901, Bogaert dựng lên một kiến trúc lớn hai tầng, trang bị các phòng làm khách sạn, hoạt động từ năm 1902. Hai năm sau, một trận bão lớn (các cụ già còn nhớ tới bão năm Thìn) có lẽ đã làm hư hại một phần cơ sở khách sạn. Bogaert

đem bán kiến trúc khách sạn cho một Pháp kiều khác tên là Guérin. Chủ mới sữa chữa cơ sở, đổi tên là *Đại khách sạn Huế A. Guérin* (A.Guérin, Grand Hôtel de Huế). Jean Cousso và Nguyên Đắc Xuân dẫn tài liệu và hình ảnh khách sạn Guérin trông rất khả quan, trích ra từ một tạp chí của "Phòng Tư vấn hỗn hợp về Thương mại và Nông nghiệp Trung Kỳ" (Chambre consultative mixte de Commerce et d'Agriculture de l'Annam).

Khách sạn Guérin vào tay gia đình Morin.

Tại miền Trung Đông nước Pháp, dãy núi Jura phân chia biên giới Pháp - Đức và Pháp - Thụy Sĩ nuôi sống dân bằng nghề chăn nuôi và nghề trồng nho làm rượu. Tỉnh Artois thuộc Pháp nằm phía Tây Bắc Jura có một làng nhỏ Mesnay là sinh quán của một gia đình nông dân nghèo, họ Morin. Cuối thế kỷ Mười chín, nghề trồng nho ở Jura bị khủng hoảng vì tại miền Nam nước Pháp, kỹ nghệ làm rượu dùng phương pháp lên men mới của Pasteur chế ra, tránh được nho và rượu bốc men hư thối. Phương pháp mới cần trang bị đắt tiền, dân vùng Jura chưa theo kịp.

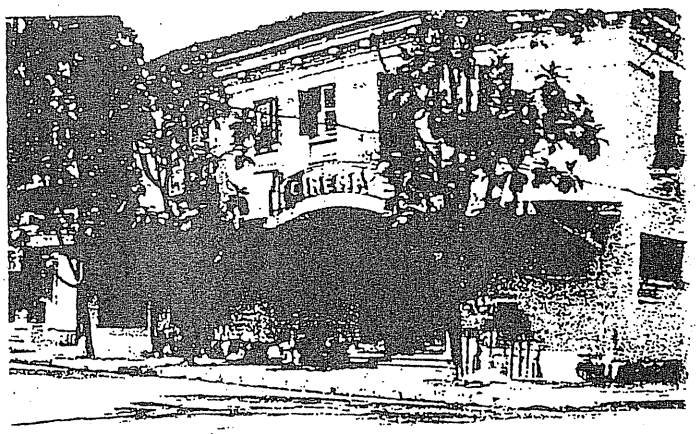

Rạp Xinê Hotel Morin Huế, nơi thanh thiếu niên nam nữ đến ngưỡng mộ Greta Garbo và hoan hô Tarzan.

Lại nữa, nước Pháp thất trận trong cuộc chiến tranh với nước Đức, năm 1871 phải bồi thường hai tỉnh Alsace và Lorraine cho Đức làm cho dân chúng trên miền Bắc nghèo hơn. Giữa tình huống đó, hai người anh lớn trong gia đình Morin là Arthur và Aimé lại xui xẻo bắt trúng thăm phải đi thi hành nghĩa vụ và quân dịch. Hai anh em Morin phải sung vào đoàn quân viễn chinh trong bộ đội Thủy quân Lục chiến tham dự cuộc chiến tranh thôn tính Bắc Việt. Lính Pháp ngày đó đã sử dụng được súng có nòng thép để hiếp đáp quân Việt Nam còn dùng giáo mác và vài cây súng đồng, nên người lính Pháp được mặc cảm tự đại. Thử nghĩ chỉ một nửa trung đội gồm 15 cây súng mà hạ được thành Bắc Ninh! Tuy thế, họ rất sợ quân Cờ đen giết người da trắng không gớm tay do phía Việt Nam chiêu mộ.

Chiến tranh ở miền Bắc tạm chấm dứt, Pháp chuyển qua kế hoạch bình định. Hai anh em Arthur và Aimé không muốn trở lại nhà tiếp tục cuộc đời nông dân lầm than; họ chọn ở lại Bắc Việt là vùng đất mới có nhiều cơ hội khai thác. Họ là cựu quân nhân của đoàn quân chinh phục chiến thắng, hiếp đáp người bản xứ để ăn trên ngồi trước. Cũng vào lúc đó bà cụ mẹ gia đình Morin qua đời, khiến cho quyết định di cư dễ dàng hơn. Thế nhưng tình hình trên đất mới, trên thực tế vẫn chưa được hoàn toàn ổn định . Quân ái quốc được Đội Cờ đen yểm trợ có thể tấn công vào các đô thị bất cứ lúc nào, cho nên trong số bốn anh chị em còn ở lại nhà, họ chỉ đưa hai người anh chị lớn là Emile và Laure sang Hải Phòng. Bốn anh chị em thuê được căn nhà gỗ, mỗi đêm trải nệm ngủ trên sàn, ba người anh trai nằm ngoài canh giữ cô em gái, sợ quân cờ đen bất ngờ tấn công hãm hiếp.

Đời sống của gia đình mới di cư vào đất thuộc địa diễn tiến thế nào? Jean Cousso - chắc hẳn là một nhà khoa học xã hội, dựa trên hai tài liệu để mô tả cuộc sống của gia đình Morin và có lẽ chung cho đa số người Pháp lớp trung và hạ lưu đến lập nghiệp tại nước ta vào đầu thế kỷ 20. Tài liệu một là cuốn ký sự của Claude Bourrin *Sự Kiện và Nhân Vật gặp tại Ấn độ chi na* (Choses et Gens en Indochine, 1913), tài liệu hai là một tập hồi ký của một nhà giáo quen thuộc lớp người ở tuổi bảy mươi như chúng ta có biết lúc nhỏ, ông Lafferranderie. Ông từng làm hiệu trưởng trường Lycée Khải Định, và khoảng thập niên 40, làm giám đốc Học chánh Trung Việt.

Lúc ban đầu đời sống của dân mới đến định cư, tuy là người da trắng, cũng rất khó khăn. Bốn anh em Morin đều làm công cho hãng Honorés Debaux ở Hải Phòng (theo Claude Bourrin) và ít lâu sau di cư lên Hà Nội, làm công cho nhà hàng Godart ở phố Trường Tiền

(theo Lafferranderie). Đi làm công không thấm khá, Emile là người có chút chữ nghĩa xin vào làm cảnh sát, và nhờ có một ít lương tiền dư dả, đưa hai em nhỏ là Vladimir và Amélie sang đoàn tụ.

Trong sáu anh chị em Morin, Vladimir là người có bản lãnh và đầu óc nhất. Anh ta đến Hải Phòng năm 1898, lúc vừa đúng 21 tuổi. Lập tức anh xin làm nghề chạy hàng cho một người lái buôn người Hoa để kiếm tiền và học việc. Anh nhận xét là gia đình Morin đến Việt Nam đã sáu năm mà vẫn giẫm chân tại chỗ, đi làm công cho người đồng hương, không chút tương lai. Vladimir đề nghị với anh chị em gom góp tất cả tiền dành dụm di cư xuống miền Trung Việt, chọn ngay một cửa biển mới là Đà Nẵng để mở khách sạn.

Vladimir nhìn xa thấy rộng, muốn tránh trước những điều bất hòa giữa anh em xuất thân là "nhà quê" bây giờ sớm giàu, nên thành lập một công ty gia đình gọi là công ty kinh doanh Etablissements Morin Frères. Lý do khác phải lấy tên gia đình kinh doanh là vì Vladimir quan niệm phát triển đa hiệu, không riêng gì trong ngành khách sạn mà phải dùng cơ sở để phát triển mọi ngành thương mại khác trong cộng đồng người Pháp mới định cư, và trong các thành phố địa phương sẽ kiến thiết. Đã có kế hoạch, Gia đình Morin bắt tay vào việc. Sau hai năm cần cù làm ăn tại Đà Nẵng, họ đã kiến tạo được một khách sạn vững vàng gọi là *Hotel Morin Đà Nẵng*. Vladimir bèn giao cơ sở cho người anh Emile quản lý và ra Huế điều đình mua cơ sở khách sạn Guérin cũng đang sống lây lất để làm thành một cơ sở thương mại, văn hóa và xã hội độc nhất ở miền Trung.

Dè Lafferranderie là một cụ giáo già, hay là một con cáo già, nói theo thời thượng, đã đóng góp nhiều trong công trình "khai hóa dân An Nam của Đại Pháp," có nhiều duyên nợ với đất Huế. Các bậc cha chú của chúng ta, nếu không phải là môn đệ của ông tại trường Khải Định, thì cũng trọng nể ông, gọi là "cụ Láp," viết về Vladimir Morin như sau: "Vladimir sinh ra trong con giáp cần lao... sáng dậy từ 5 giờ (làm việc cần cù) cho tới 10 giờ đêm... 64 năm không không có một giờ ngơi nghỉ." Cụ Láp viết về khách sạn Morin: "Cơ sở kiến trúc ngày trước (Hotel Guérin, NPBT) chỉ có vài gian nhà làm phòng ngủ cho mướn, một hiệu ăn tập tàng và một gian hàng tạp hóa. Ông chủ mới đầy công làm việc, có óc kinh doanh, giàu phương tính nhanh nhẩu chiều khách, biết thu xếp và không hoang phí, chỉ trong ít lâu đã biến cơ sở thành một khách sạn quan trọng không một nhà nào ở Đông dương sánh kịp." Claude Bourrin đã gặp và hiểu biết anh em Morin lúc hàn vi tại Hải Phòng và sau này giàu sang tại Huế, nhận xét về gia đình này như sau: "Họ là những người không từ nan công tác nặng nhọc, biết cách xử sự khéo léo theo hoàn cảnh, sẵn có sức kiên nhẫn chịu đựng của người dân cày (tuy khen nhưng có dịp vẫn đá giò lái! NPBT), và họ đã trở thành giàu có là lẽ tất nhiên."

Bourrin viết tiếp: "(khách sạn của gia đình Morin) thu hút rất nhiều người đến Huế vì họ biết tạo một không khí gia đình mà khách hàng (xa nhà) đang thiếu. Riêng phần tôi lúc nào cũng giữ cái cảm tình biết ơn với những người giàu thiện cảm trong gia đình đó đã tận tâm phục vụ cho tôi, tôi muốn nói đến cách phục vụ do thiện tâm tạo ra, cách phục vụ không thể trả bằng tiền." Rõ ràng là cách đây gần một thế kỷ, đối với những người Pháp xa quê hương bằng khoảng cách nửa địa cầu, trong cái nắng cháy da và dưới cơn mưa dầm "mang mang vô tận kỳ" của đất Huế, gia đình Morin đã thành công tạo được một mái ấm gia đình cho khách hàng sống trong khách sạn của họ.

Cơ sở khách sạn Morin nằm trên địa điểm tốt nhất của thành phố Huế, bên cánh phải của quốc lộ số 1 đi qua tỉnh Huế bằng cầu Trường Tiền (cũng là chiếc cầu đầu tiên bắc qua sông Hương), nằm sát cạnh Tòa Khâm sứ Pháp là trung tâm quyền lực của miền Trung, trên con lộ sắp hàng những cơ quan hành chánh như sở Kho bạc, sở Lục lộ, ngân hàng, câu lạc bộ... lại ở ngay đầu góc của khu dinh cư người Pháp cho nên thao túng được mọi sinh hoạt xã hội, văn hóa và kinh tế của cộng đồng người Âu châu. Trong khu khách sạn là gian hàng các dịch vụ cần thiết cho khách cư trú và dân chúng trong phố Tây, như hiệu làm tóc cho các bà, hiệu cắt tóc cho các ông. Và tất nhiên là nhà hàng ăn, khang trang và sang trọng nhất của thành phố.

Vào mùa nắng, nhà hàng có khu bán đồ giải khát, bàn ghế để ngoài sân hiên cho khách du ngồi nhấm cà phê hay rượu xem xe cộ đi qua cầu Trường tiền. Rờxíp của hiệu ăn (công thức món ăn ở thực đơn) có thể so sánh với ngự thiện hoàng cung hay nhà bếp Tòa Khâm sứ không thua kém, trong những dịp lễ lạc

lớn. Góc phố đối diện với nhà hàng là rạp chớp bóng, rạp chớp bóng đầu tiên của đất Trung Kỳ, gồm hai hạng rành rẽ: hạng ghế da dành cho ông Tây và khách có tiền ngồi lô, ngồi phơ-tơi, hạng sau màn ảnh cho dân nghèo rách mồng tơi, nhưng hâm mộ Charlot và Marlene Dietrich, ngồi xem ngược! Trong khách sạn có khu bán tạp hóa, gọi tên Pháp là Comptoir d'Articles de Consommations, bán vải tơ lụa, rượu mạnh, rượu vang, mỹ phẩm cho phái nữ, cạnh tranh với nhà hàng Chaffanjon cách khoảng vài đường phố và các phố Tàu bên tả ngạn. Dân giàu trong tỉnh sính "ăn tây" đến Morin chờ mua thịt, bánh mì mỗi sáng ra lò, pho mát Gruyère, Camembert hoặc patê mới nướng.

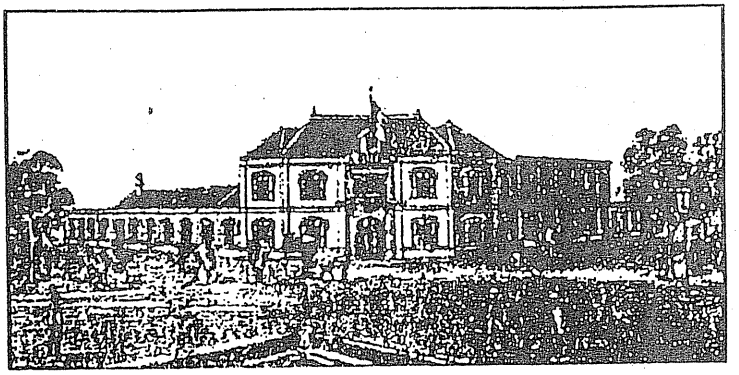

Hotel Guérin, đầu thế kỷ 20, tiền thân của Hotel Morin.

Kể như vậy để nói ra cái duyên của Morin với các biến cố chính trị và kinh tế xảy ra trên đất Huế giữa thế kỷ vừa qua. Vào những năm khó khăn bắt đầu Thế chiến thứ Hai, cơ sở Morin trở thành trung tâm sinh hoạt kinh tế của người da trắng. Lực lượng đồng minh phong tỏa đường biển, các loại thực phẩm cần thiết như lúa mì không đến được, nhà Morin sản xuất bánh mì bằng bột bắp, bột đậu nành tiếp tế cho thành phố. Cũng trong sinh hoạt chính trị và văn hóa, chính phủ Decoux trưng dụng một gian nhà của cơ sở Morin làm phòng thông tin. Trên bức tường lớn vẽ địa hình châu Âu, kẽ rõ bằng dây len mức tiến quân của Đại Tướng Eisenhower và Zhukov vào từng làng xã đất Đức. Chính phủ vừa ve vãn người Nhật để giữ đất thuộc địa, vừa không thể che dấu hy vọng toàn thắng của quân đồng minh, làm cho đám người đi xem thông tin chưa "giác ngộ chính trị" như chúng tôi phân vân không biết muốn cho phe Mỹ Nga thắng hay phe Đức Nhật thắng. Chánh phủ Decoux muốn đánh lạc hướng phong trào ái quốc dành độc lập đang âm ỉ cháy trong lòng dân Nam, tổ chức các phong trào, các đại hội về thể thao như cúp bóng tròn giữa năm đơn vị địa phương (Cao Miên, Lào, Nam Trung Bắc Kỳ; Lào yếu quá không tham gia được), như cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương theo hình ảnh của Tour de France. Trong những cơ hội này, Hotel Morin là nơi cư ngụ của các cầu thủ và các cua-rơ xe đạp lúc ghé qua Huế, thu hút hàng chục nghìn người hâm mộ hay hiếu kỳ đến xem.

Như vậy cơ sở Hotel Morin đã đạt được hầu hết các tiêu chuẩn người giám đốc Vladimir Morin đã đề ra: tiêu chuẩn kinh tế thương mại, tiêu chuẩn xã hội, tiêu chuẩn văn hóa và tiêu chuẩn chính trị. Vladimir lúc mới đến Việt Nam chỉ là một người làm công đi giao hàng, hai mươi năm sau đầu óc doanh nghiệp đã đưa anh công nhiên đi vào giai cấp thượng lưu của người da trắng chủ nhân ông thuộc địa. Năm 1914 ông kết hôn với người con gái của một kỹ nghệ gia tơ lụa ở Lyon, cô Jeanne Desrobert, và chắc cũng nhờ vào uy tín và sản nghiệp nhà vợ, Vladimir trở thành một nhân vật có tầm vóc lớn ở Đông Dương.

Hãng Morin lập thêm khách sạn ở Bà Nà nơi nghỉ mát ở phía Tây thành phố Đà Nẵng, ở Qui Nhơn, và ở Bạch Mã, núi nghỉ mát ở Tây Nam thành phố Huế. Vladimir tham gia mọi sinh hoạt chính trị của người Pháp tại Trung Kỳ, được bầu vào Hội đồng thành phố Huế và Hội đồng tư vấn Trung Kỳ, ông là nhân viên đắc lực của Hội Đô thành Hiếu cổ xã (AAVH), giải quyết nhiều vấn đề tài chánh cho hội. Cô em gái út của gia đình Morin lại kết hôn với một nhân vật đóng góp vô cùng to lớn cho văn học Trung Việt là Bác sĩ Albert Sallet, Hải quân y sĩ trung tá, cây viết đắc lực nhất của Bulletin des Amis du Vieux Huế, tác giả của nhiều công trình khảo sát y học và địa dư. Ông giám đốc Hotel Morin mất năm 1942, thọ 64 tuổi, ba năm trước khi quân đội Nhật tước khí giới người Pháp. Cơ sở thương mại giao lại cho ba người con trai lớn Henri, René và Edmond. Nhưng tình hình chính trị ở Đông Pháp đã biến chuyển rất mau một cách khác.

Năm 1945 chủ quyền Pháp tại bán đảo Đông Dương mất. Pháp đi rồi Pháp lại về, nhờ

thương lượng ăn ý với quân đội Anh (được giải giáp quân Nhật theo quyết định Postdam) ở miền Nam, và với quân đội Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc. Hiệp định mồng 6 tháng Ba giữa ông Hồ Chí Minh và chánh phủ Pháp đưa quân đội viễn chinh mới của Pháp trở về Huế. Cơ sở Morin một lần nữa lại đi vào lịch sử, vì quân đội viễn chinh được trang bị tối tân với khí giới Mỹ, thuộc đoàn quân tinh nhuệ của Tướng Leclerc dùng khách sạn Morin để đóng quân một phần, để giữ khu máy phát điện của xưởng thực phẩm trong khách sạn, máy phát điện dùng cho đài phát thanh của quân đội Pháp liên lạc với bên ngoài.

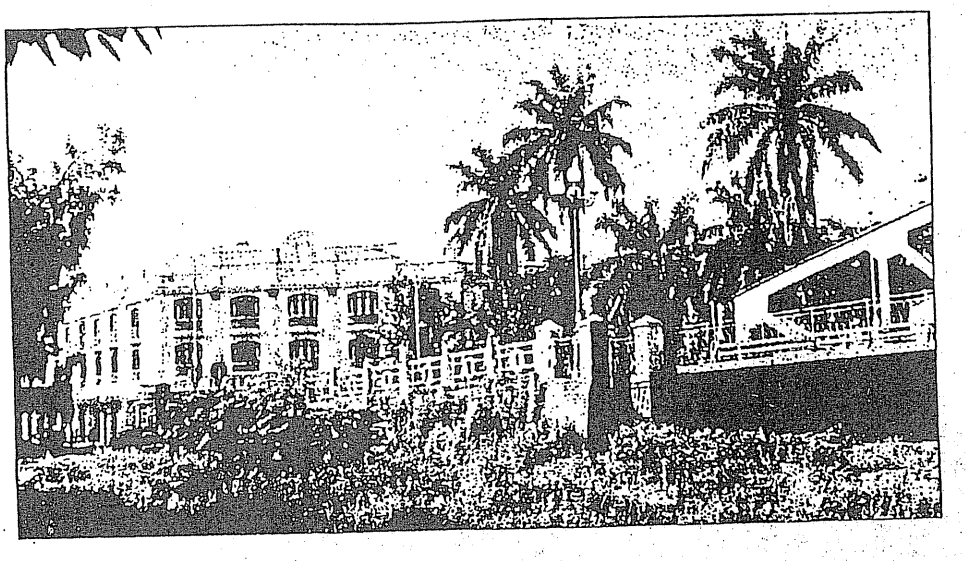

Hotel Morin 1998

Đêm 19 tháng Mười hai 1946, cả đô thành Huế bốc lửa. Quân kháng chiến đóng bản doanh dưới hầm nấp bom của Tòa Khâm sứ mở từng loạt tấn công vào mặt tiền khách sạn Morin. Đã được chuẩn bị từ nhiều tuần lễ trước, quân Pháp và kiều dân dùng khu Morin làm tiền đồn của hàng rào cố thủ. Kiều dân Pháp đem tất cả bàn tủ giường nệm của khách sạn làm bức tường chướng ngại vật. Chỉ riêng một đêm 3 tháng Giêng 1947 mặt tiền của khách sạn tan nát chịu đựng 60 quả đạn trọng pháo 75 ly; ngày 14 tháng Hai khách sạn hoàn toàn sụp đổ, còn trơ vài bức tường (Jean Cousso dẫn chứng tài liệu chứng kiến của một kiều dân trong cuộc là bà Husson).

Nhưng rồi kháng chiến quân không tiêu diệt nổi ổ cố thủ. Quân Pháp trong phố Tây bắt được viện trợ từ Đà Nẵng lên Huế và lực lượng kháng chiến phải tháo vào rừng. Hotel Morin được tu sửa chút đỉnh làm nơi trú ngụ cho một số Pháp kiều trở lại sinh hoạt. Chỉ tiếc là những đổi thay trọng đại xảy ra trên thế giới trong Thế chiến thứ Hai không làm tỉnh thức các ý kiến thuộc địa quá lỗi thời của người Pháp, dẫn tới cuộc đau thương của nước Việt Nam và riêng của thành phố Huế, như ta thấy ngày nay. Tháng Bảy năm 1951 gia đình Morin bán đoạn mãi cơ sở thương mại của họ gầy dựng trong nửa thế kỷ. Từ năm 1951 đến nay, qua thế kỷ mới, có bao nhiêu biến cố tầm vóc lịch sử đã xảy ra trên cơ sở định mệnh "khách sạn Morin," mà chắc chắn các thành viên của hội Tân Đô thành Hiếu xã đang có những đồ án điều nghiên giúp chúng ta tìm hiểu.

Tài liệu mới nhất của Tân đô thành hiếu xã cho biết năm 1988 công tác đại tu bổ Hotel Morin đã hoàn mỹ. Ban giám đốc khách sạn mới, theo đề nghị của Jean Cousso giữ cái tên lịch sử, gọi cơ sở mới là Hotel Saigon Morin. Ngày khánh thành, ban giám đốc mời gia đình Morin hiện sinh sống tại miền Tây Nam nước Pháp đến dự lễ. Gia đình Morin đem tặng bức tượng bằng đồng thanh của Vladimir Morin đặt trong đại sảnh của khách sạn.

Theo dõi lịch sử Hotel Morin, người dân Huế hay suy tư có thể nhận xét đôi điều. Trước tiên, trên dãy đất cằn cỗi, nơi chôn nhau cắt rốn của người Chiêm thành ngày xưa đã mất đi, cha ông chúng ta đến lập nghiệp thụ hưởng một mảnh đồng bằng bề ngang không đo được quá mười kilomet, lại còn mỗi

năm bị cát biển lấn vào vài tấc (công trình nghiên cứu của Giáo sư Tôn Thất Trình), còn ra là người dân gầy miền Trung chắc một phần tiêm nhiễm cái nhiễm sắc thể thể hoài cổ của dân Chiêm, chỉ hướng về văn nghệ, thơ với thẩn, hát với ca, mà không mấy thích tính toán làm ăn. Vậy mà có một anh chàng người Pháp như Vladimir Morin, chỉ đôi ba mươi năm cần cù, từ một tên làm công chạy hàng đã trở thành một chủ nhân ông tư bản triệu phú. Khoa học gia nhân văn và xã hội sẽ giải thích là anh ta giàu có đức tính doanh thương (entrepreneurship spirit), cộng thêm đức tính cần lao và cần kiệm, lại biết chia sẻ với tha nhân, biết yêu chuộng văn học, đức tính gọi chung là Christian ethics (để tránh dùng chữ Protestant ethics, trong gia đình Morin có một dì phước đạo Gia tô) đã làm tư bản Âu Châu và Mỹ châu hùng cường.

Từ đó ta đi tới kết luận là người Huế không lập nghiệp được trên đất Huế trong nghìn năm trước và bây giờ, chắc hẳn là lỗi ở khí chất (temperament) đã ảnh hưởng đến cách suy nghĩ, cảm xúc và ứng xử của con người, và lỗi ở tâm tính (mentality), tính chất riêng của cá nhân không thích bon chen. Ngần đó, người Huế và người miền Trung thời nay lại nghe mấy ông cán bộ xúi dại, theo Mác tranh đấu cho "tư bản rẫy chết," rồi thịnh vượng sẽ đến với mọi nhà, của ăn không hết. Bốn mươi năm tự do theo Mác, xứ sở đã nghèo lại càng nghèo khổ tới mức cùng cực. Phải chi đừng đọc sách "Tư bản luận" của Mác mà bắt chước cái tinh thần tư bản làm ăn của Morin mà lại hay.

Nhận xét thứ hai cũng trên ý thức văn nghệ. Một trăm năm ta học tiếng Pháp, được nhắc mãi là văn chương của nòi giống gô-loa phong phú nhất. Bây giờ được sống đầu óc cởi mở hơn lại thấy khác. Ví thử ngày nay có một ông sinh viên thạc sĩ (master's degree, danh từ giáo dục mới) hay tiến sĩ (doctoral degree) nào ở bên nhà hay ở ngoài còn vọng về xứ sở, đi tìm các tình tiết đời sống của một gia đình trung lưu Pháp kiều di cư sang đất thuộc địa Đông Pháp chẳng hạn, tài liệu để khai thác được thật là hiếm hoi. So sánh với văn học anglo-saxon như văn chương Anh và Hòa Lan chẳng hạn (hai quốc gia này cũng đã chiếm đất thuộc địa ở Ấn Độ, Nam Dương, Mã Lai...) có vô vàn thiên ký sự, ký ức, hồi ký, truyện ngắn, truyện dài bằng Anh ngữ hoặc Hòa Lan ngữ (dịch sang tiếng Anh) của Ruyard Kipling, của Somerset Maugham, của Edward Dekken..., văn chương thanh thoát, tình ý sâu đậm, cách xa những bản ký ức của Bourrin và De Lafferanderie đã nói ở trên.

Kết luận thế nào, người viết những dòng này cầu xin là vì mình học chưa thấu đáo nên nói sai, và trong tương lai có nhiều vị thức giả sẽ tìm khảo nhiều hơn, bổ túc cho vấn đề tưởng là thiếu sót này.●

THẢO CHI

HĂM LĂM MÙA XUÂN TRÊN NƯỚC MỸ

Ngày Xuân em dạo vườn Xuân,
nắng không đủ ấm ngập ngừng mây trôi.
Hoa đào hừng một góc trời,
nhẹ cơn gió phẩy, tả tơi rụng đầy!

Hăm lăm năm cuộc đổi thay,
Quê Hương; Quê Mẹ không ngày chôn thân.
Nếu mà... hai đứa mình gần,
Mùa xuân anh nhỉ đâu cần bướm hoa!

Tại mình... hai đứa cứ xa,
vườn xuân hóa bãi tha ma lạnh lùng.
Hai ngàn năm vẫn Tây Đông,
Hai ngàn năm nữa có gần bên nhau?

Giẫm chân trên xác hoa đào,
câu thơ bất chợt rơi vào hư vô...
trên trời mây trắng lững lơ
bay về đâu nhỉ? không chờ cũng tan!

Ngày xuân hoa nắng mơ màng,
vườn xuân thấp thoáng bóng chàng Thi Nhân!

PHỞ BẮC

KHẢ VI

(I)

Hồi tôi mới lớn, anh Phương là mẫu người lý tưởng, chắc nhiều thiếu nữ cũng nhìn anh như vậy. Ba mươi năm sau nếu gặp lại ngoài đường chắc tôi không nhận ra anh.

Buổi sáng hôm đó ngồi trong tiệm phở, khi tôi muốn duỗi chân thoải mái hơn, khom lưng kéo ghế và quay mình, bất ngờ, người hầu bàn bưng tô phở đứng đằng sau lùi không kịp, nước sóng sánh rớt xuống. Đùi nóng rát, tôi đứng phắt dậy tránh. Người đàn ông giật mình lùi lại làm nước phở trào ra ngoài lần nữa, ướt ống quần jean của anh ta. Anh lúng búng xin lỗi. Người chủ tiệm đứng ở quầy thâu tiền nhìn thấy chạy tới, vừa xin lỗi vừa kéo tay người hầu bàn tránh xa, hai tay anh vẫn bưng tô phở. Người chủ giật mớ khăn giấy đưa tôi lau, và hất hàm nói nhỏ nhưng sẵng giọng: Vô lấy tô khác. Lần sau phải cẩn thận. Ông rút thêm mớ giấy đưa cho tôi lau chỗ quần bị ướt. Tôi nói: Lỗi tại tôi, không phải tại ông ấy.

Khi người hầu bàn nói "Xin lỗi," và nhíu lông mày lại thì tôi nhận ra nét quen thuộc của anh. Vẫn đôi lông mày đó, thưa hơn, bạc hơn, nhưng cách anh nhíu lại bên phải cao, bên trái thấp thì không hề thay đổi. Tôi hỏi: Anh Phương! Anh Phương phải không?

Gần ba mươi năm sau mới gặp lại anh Phương. Tôi xưng tên: Em là Thúy, em anh Linh đây mà. À, Cô Thuý, đúng rồi, cô Thúy Ướt.

Chỉ những ông bạn của anh Linh mới trọc ghẹo tôi với cái tên Thúy Ướt. Hồi đó anh Linh giận bố bỏ nhà tình nguyện vào Võ Bị. Suốt mấy năm, mỗi lần anh Linh về phép thế nào Phương cũng đến rủ đi chơi. Có lúc tôi được đi theo hai ông anh. Bố thường so sánh: Nếu nó học hành đàng hoàng được như thằng Phương! Nhưng từ khi anh Linh đi lính thì bố thương anh hơn. Bố hay hỏi: Con có thiếu tiền không? Mỗi lần anh Linh hết phép phải ra đi tôi lại khóc, anh đặt tên tôi là Thúy Ướt. Lần sau cùng tôi khóc là khi anh Linh được đưa về, tôi không được nhìn mặt anh nữa, xác anh để trong quan tài bằng tôn hàn kín. Ba tuần lễ mới đưa được xác anh về đến nhà, không thể mở ra coi. Mẹ tôi lo lắng: Không biết có phải thằng Linh không, hay là họ để đất ở trong đó cho mình chôn. Nhưng mẹ biết trong đó là xác người, vì khi họ mở cánh cửa đằng sau máy bay, một chiếc quan tài được đẩy ra, vẫn còn hai chiếc khác nằm trong đó, có mùi hôi

thoáng bốc lên buồn nôn. Trên nắp quan tài thép lạnh có đề tên anh Linh, và số quân, ngày chết, chữ viết nguệch ngoạc, sai cả dấu hỏi ngã. Mẹ lại nói: Không biết trong này là thằng Linh hay là đứa nào. Có khi chúng nó để xác Việt cộng vào đó cho mình chôn. Bố nói: Thôi, mình chôn đứa nào, cúng đứa nào thì nó là con mình. Mẹ khóc: Con ơi là con ơi! Tôi cũng khóc.

Sau khi anh Linh mất, anh Phương về thăm chúng tôi hai lần nữa. Rồi không bao giờ gặp lại.

Người chủ tiệm vui mừng khi thấy chúng tôi quen nhau, chắc hết lo tôi đi kiện đòi bồi thường cái quần hay vết bỏng. Ông ta bảo anh Phương cứ ngồi xuống nói chuyện với tôi. Ông ta nói: Bà Thúy là khách quen cả! Tôi cũng nói: Vâng, lâu lâu ăn phở là tôi phải đến Phở Bắc. Tôi nói dối. Tôi cũng không biết làm sao ông ta lại biết tên tôi. Khu Bolsa này như một cái làng, nhà nào lợn đẻ, gà toi hay là vợ bỏ chồng, bố đánh con bị con gọi cảnh sát bắt, là thiên hạ biết hết.

Nét mặt anh Phương vẫn xương xương, da đen và khô hơn trước, mấy đường nhăn kéo dài từ đuôi mắt xuống dưới má, mắt anh nhỏ đi và không còn phản chiếu ánh sáng như hồi hơn 20 tuổi. Trên khuôn mặt anh chỉ có đôi lông mày như cũ, có mấy sợi đã bạc. Lâu lâu, anh Phương lại ngừng nói, mắt ngó chung quanh, có lẽ anh muốn coi chủ tiệm có còn vui vẻ để anh ngồi tiếp nói chuyện với tôi hay không. Thúy Ướt. Bao nhiêu năm rồi mới có người gọi lại cái tên đó, hồi xưa chỉ có anh Phương và các người bạn lính của anh Linh gọi tôi bằng cái tên đó thôi. Nếu anh Linh còn sống thì bây giờ chắc trông cũng già như anh nhỉ. Anh Phương lắc đầu: Không, Linh nó mập hơn tôi, trông không thấy già đâu. Nếu Linh bị bắt chắc nó cũng được thả sớm hơn. Ở tù lâu, bị đau bao tử gần chết nó mới võ vàng thế này. Tôi là một thằng ở tù lâu nhất trong bọn. Trong bọn. Tôi không biết anh nói trong bọn là những ai, vì tôi không quen nhiều bạn của hai anh. Tôi nhìn làn da mặt anh Phương thử tìm dấu vết của mười ba năm tù khổ sai biệt xứ không có án. Hình như trên khuôn mặt mỗi người tù đều có một dấu vết nào đó không bao giờ phai, ở anh Phương thấy ngay là là trong đôi mắt. Có lúc đang nghe tôi nói thì mắt anh bỗng nhìn đi chỗ khác, nhìn lên không, mơ hồ, không biết anh còn đang nghe tôi nói hay không. Ngày xưa mắt anh sáng và ấm hơn. Ngày Chủ Nhật tiệm rất đông, bàn nào cũng chật, các người hầu bàn chạy tới tấp.

Mới qua từ tháng Tư năm ngoái, anh Phương nói đang sống một mình, "se phòng" ở nhà người ta. Chị và các cháu đâu? Tôi hỏi không ngần ngại, như một người có thể hỏi anh ruột mình. Vợ con anh đã vượt biển từ năm 1979. Lần chót chị ấy đi thăm nuôi anh nói nhỏ đủ cho chị ấy nghe là hãy đi đi, chắc anh không bao giờ về nữa đâu. Ba đứa con bây giờ đã khá cả rồi. Thằng lớn có mấy cái cửa hàng giặt bằng máy, đã có ba con, chúng nó ở cả trên San José. Thằng thứ nhì làm cho hãng Microsoft ở tận tiểu bang Washington, còn con út nó đã lấy chồng, đang ở Houston, sắp có con rồi. Còn chị? Chị ấy cũng ở Quận Cam này. Tôi không hỏi tiếp, anh Phương không nói thêm. Thôi, bây giờ anh cứ sống sao cho mình được vui anh ạ. Không, anh không nghĩ đến một mình được. Anh em họ còn cần đến mình. Tôi không hỏi tiếp. Có nhiều việc cần làm, nhiều chuyện cần phải kể lại, không thể bỏ rơi anh em được, anh Phương lại nói.

Tôi nói: Thôi, để anh làm việc, mà em cũng phải đi, em có cái hẹn lúc mười một giờ. Anh Phương nói: Tôi cũng phải làm việc chứ, ngồi mãi thế này không tiện. Anh nhìn xuống đùi tôi: Cô Thuý có bị bỏng hay không? Em không sao, cái quần jean nó dầy lắm! Anh Phương cười: Có mùi phở đứa nào ngửi nó cười chết! Đấy là lối anh vẫn nói đùa, như ngày xưa. Tôi nói: Có mùi phở càng ngon miệng. Tôi thấy chỗ ướt trên da đùi mình nóng lên. Nhìn xuống, nước phở đã khô, vải xanh đậm không nhìn thấy dấu vết. Nhưng tôi vẫn muốn về nhà đi tắm ngay cho hết mùi phở trên đùi, dù không sợ người nào ngửi thấy.

Khi tôi ra trả tiền, người chủ quán lại xin lỗi, hỏi thăm tôi có bị bỏng không. Xin lỗi bà quá sức, ông ấy mới vào làm, lúng túng lắm. Bà có họ với Đại úy Phương à? Vâng, tôi là em họ anh ấy. Thế ông cũng biết anh Phương tôi từ trước? Dạ, trước tôi chuyên lái xe cho Đại úy, chúng tôi đi với nhau, mấy lần suýt chết chung một hố. Ổng mới qua. Anh em cũng muốn giúp Đại úy nhưng ông thầy khí khái lắm, nhất định không cho ai giúp. Anh em bảo để kiếm việc cho ổng làm, ổng chỉ bằng lòng làm việc lãnh lương như người ta thôi. Tánh ông thầy ngày xưa cũng vậy, đàng hoàng lắm, tội nghiệp. Ông chủ quán nghiêng gần tai tôi nói nhỏ: Bây giờ ổng chậm lắm, không như ngày xưa. Tội nghiệp, tù lâu quá.

Anh em ai cũng đi làm sở Mỹ, chỉ có tôi làm bi di nét nên họ bảo tôi lãnh ông thầy, cũng giúp ổng thôi mà. Nếu tôi qua trễ anh em họ cũng giúp tôi. Bàn số Ba, mời ông bà vào bàn số Ba kia, sẵn sàng rồi. Có ai lấy order không?

Tôi để lại số điện thoại cho anh Phương, nhưng anh không gọi lại. Số điện thoại của anh tôi ghi trên tờ giấy lau tay, nhét trong bóp rồi quên luôn. Một tuần sau tôi áy náy quá, đi đến tiệm phở Bắc hỏi thăm anh Phương nhưng người chủ quán cho biết anh nghỉ. Không biết ông ấy tính nghỉ luôn hay chỉ nghỉ ít bữa, ba ngày rồi không thấy ổng tới. Không biết có ốm đau gì không, tôi chưa gặp anh em nên cũng không hỏi thăm được. Anh em, không biết họ là những ai, có những người nào. Không biết anh Phương và ông chủ quán có cùng nói về một đám "anh em" hay không.

Tôi lại hỏi số điện thoại của anh Phương, người chủ quán tìm trong ngăn kéo không thấy, tìm trong mấy cuốn sổ, tìm trong ví, ông gọi bà vợ trong bếp ra hỏi, vẫn không thấy. Ông hẹn tôi sẽ tìm tiếp, và nếu anh Phương tới làm sẽ bảo cho anh biết tôi đã tới thăm. Tôi viết số điện thoại riêng của tôi trên tấm cạc bi di nét đưa ông, tôi biết ngày mai ông ta sẽ không nhớ để nó ở đâu.

(II)

Tôi trở lại quán Phở Bắc hai lần nữa, không thấy anh Phương, tôi cũng không hỏi thăm người chủ quán, mà chắc ông ta cũng không nhớ chuyện tôi tìm anh Phương lần trước. Ông chủ quán mỗi ngày có thể thấy hàng chục cuộc hội ngộ trùng phùng giữa những người thân quen trong quán. Tôi đưa mắt nhìn quanh thấy rất nhiều khuôn mặt ai cũng quen quen. Hay là những người đi ăn phở thường có bộ mặt giống nhau, trông ai cũng có vẻ muốn chào mình. Tôi nghĩ thế nào cũng có ngày sẽ gặp lại anh, người như anh nếu không bị bắt buộc phải đi xa thì sẽ sống quanh quẩn trong vùng này để gần gụi người Việt, nói tiếng Việt. Nếu không gặp anh ở Phở Bắc thì chắc tôi sẽ gặp anh ở một quán khác. Quán ăn ở vùng này là nơi người ta gặp gỡ, chào hỏi, nhận họ hàng bà con nhiều nhất. Những người không gặp nhau cả chục năm, tình cờ thấy nhau ngồi ăn cùng một quán, chạy lại bắt tay, chào hỏi, tíu tít như chị em kết nghĩa hay đồng chí, đồng đạo xa cách ba trăm năm mới gặp lại. Rồi sau đó họ lại chia tay, không ai có thời giờ tìm nhau, cho đến lần sau gặp nhau ở một quán phở này hay quán bún khác, lại vui như lần đầu.

Mấy tháng tôi mới đi ăn phở một lần, mỗi lần tiện quán nào ăn quán đó chứ không chỉ đến quán Phở Bắc. Anh Trí là một khách hàng trung thành của Phở Bắc. Tôi đã gặp ông anh họ ở quán này nhiều lần, trong mười mấy năm qua. Cứ đến quán này khoảng 10 giờ, 11 giờ sáng mười lần thì chín lần thế nào cũng gặp ông. Anh Trí luôn luôn ngồi với một nhóm bạn, ba bốn người, không biết họ nói chuyện gì với nhau hơn mười năm nay chưa thấy chán. Mỗi lần tôi bước vô nhìn thấy anh Trí và đưa tay lên chào thì mấy ông bạn lại đứng dậy nhường chỗ, bắt tay từ giã nhau. Có thể họ ngồi nói chuyện với nhau bắt đầu chán rồi nhưng không ai dám tỏ ra là mình chán trước, thấy tôi tới họ có lý do để giải tán, cho tôi ngồi nói chuyện riêng với anh. Bạn bè cũng giống như là vợ chồng. Nhiều lúc chán nhau quá mà không dám bỏ nhau, có khi người này chờ người kia tỏ ý muốn li dị trước thì mừng rỡ cảm ơn! Tôi không bao giờ hỏi mấy người bạn anh Trí là ai, lâu lâu, lúc vắng mặt họ anh Trí mới giới thiệu: Thằng mặc áo da ban nãy là thi sĩ Huyền Thu đó, em biết không? Em biết tại sao nó lấy tên Huyền Thu không? Tôi lắc đầu nhìn đi chỗ khác để anh khỏi phải giải thích cho tôi nghe. Hoặc anh nói nhỏ: Thằng cha mặc áo vét vàng, cà vạt đỏ là luật sư, giỏi lắm, em có đụng xe cứ bảo anh, nó sẽ lo cho hết mọi chuyện. Chỗ quen biết nó lấy ít hơn người ta. Cô ca sĩ Lan Lan mới đưa cho nó làm một vụ, chỉ quệt sơ sơ thôi không rụng sợi lông mi giả nào, mà cũng kiếm được năm ngàn như không!

Cũng trong quán phở đó trong mười năm qua tôi dần dần biết những diễn biến mới trong cuộc đời của anh Trí. Anh con nhà bác Cả, ngay khi còn ở Việt Nam chúng tôi cũng ít gặp nhau, trừ vài ngày giỗ tết. Nhưng lần đầu gặp ở Phở Bắc, tôi cũng mừng rỡ quá sức. Mỗi lần gặp lại một người quen, hay họ hàng, lại như tìm thấy một mảnh nhỏ của cuộc đời mình khi trước, đem về chắp vá lại cho đủ. Ủa anh qua Mỹ bao giờ thế, sao em không biết? Còn anh, anh biết em cũng ở Cali mà chưa làm sao tìm được! Anh em hào hứng nói chuyện, như tất cả mọi cuộc tái ngộ lần đầu ở nước ngoài. Dần dần hai anh em không còn chuyện gì nói, phải nhắc lại mấy câu hỏi cũ, nghe mấy câu trả lời như cũ, rồi ai cũng chán. Tôi hỏi thăm bác gái có khỏe không. Mỗi lần

anh Trí lại cho biết má anh vẫn ở Sài Gòn, khỏe mạnh lắm, cụ vẫn đi lễ chùa. Anh Trí đưa tôi coi bức hình bác gái chụp hồi Tết, ngồi bên bình hoa mai. Cụ cười tươi, nụ cười tự nhiên không phải cười để chụp hình, răng vẫn đen nhánh. Bác ở với chị Nhân. Bọn anh vẫn gửi đều đều về nuôi bác. Cụ nhất định không đi. Cụ bảo đi Mỹ làm gì? Tao ở đây sướng lắm, chỉ có chùa chiền với đánh chắn thôi, lại còn giúp được người nọ người kia. Tao mà sang Mỹ với chúng mày rồi làm gì có tiền giúp ai nữa! Bác gái góa chồng từ năm 1948. Tôi nói đùa, không biết bác vui nhờ đi chùa, vì giúp được nhiều bà con họ hàng, hay nhờ đánh chắn? Anh Trí chỉ cười.

Ngay từ lần đầu gặp nhau, lúc nào cũng đi một mình, tôi không hỏi thăm về vợ con anh, sợ hỏi lầm một câu vô duyên, vì tôi không nhớ anh lấy vợ hồi nào, đã góa vợ hay li dị. Tôi chờ anh nói trước, nhưng anh cũng không nói trước. Đến lần gặp thứ ba hay thứ tư gì đó tôi mới hỏi. Chị và các cháu khỏe chứ anh? Anh Trí nghiêm mặt: Anh chị thôi nhau rồi em ạ. Tôi không biết chị Trí, chuyện chị lấy anh từ bao giờ, bỏ nhau lúc nào tôi đều không biết. Tôi cũng không dám hỏi thêm lý do tại sao hai người ly dị, anh cũng không nói. Anh kể tôi nghe bẩy đứa con anh thì bốn đứa đã sống riêng, ba đứa ở với mẹ và người chồng mới, anh sống một mình. Mấy đứa lớn nó khá cả em ạ, được cái nhà mình có phúc, con cái nó chịu học, cứ chịu học là phải khá, phải không em. Anh lại làm tôi đau nhói trong bụng vì nghĩ đến đứa con gái lớn của tôi.

Lần sau gặp lại anh Trí, cũng trong quán Phở Bắc, sau khi tôi hỏi thăm bác gái câu trả lời vẫn như lần trước, anh Trí khoe đã về ở chung với thằng con lớn, cháu nó làm kỹ sư cho cái hãng - anh nói tên gì tôi không nhớ nữa. Nó mua nhà để trừ thuế, nó bảo bố về ở với nó, đỡ phải đi "se phòng" với người ngoài. Mình già rồi, chỉ có con cái là vui em ạ. Tháng

TRẦN HỒNG CHÂU

ORPHÉE VÀ EM

Tiếng em xanh mướt
Lượt là cỏ non
Như ân ái thịt da thuở đợi chờ
Tiếng em nõn nường
Ba mươi sáu hướng trời cực lạc
Từ cao xanh muôn thiên thần tình ái
Chập chờn bao phủ những người thơ
Những bài thơ!

Rưng rưng chiều tím
Đất trời chợt lặng im
Hàng cây thôi trút lá
Mây nước hết chảy trôi
Vì lời em thánh thiện
Khởi đầu là tiếng em!

Từ buổi đó
Nội cỏ lên hương
Bình minh thắm đỏ
Một vầng hoa phơ phất ánh hồng ngọc
Một âm vang tiếng hát vọng ngàn đời
Em đứng giữa trời mây nước
Em vươn mình nhạc xuân thu
Anh đến với em
Tiếng đàn từ thạch
Tiếng thơ vĩnh cửu
Hồn dâng vô cùng

Từ buổi đó
Tình yêu nẩy mầm băng giá
Rực sáng chân trời kỷ niệm
Từ buổi đó
Nhạc, Thơ xuất hiện
Giữa đời mịt mờ
Giữa trời bơ vợ
Anh đến với em
Orphée
Trong yêu mê
Cây đàn thần
Bẩy giây phù thủy
Dấy lên từ Thơ
Rùng mình bụi đỏ tình nhân thế
Rùng mình ý loạn chín từng mây
Trong cõi trống dầy đặc chơi vơi
Niềm ân ái vạn đại không rời!

Ai hát đêm nay rừng xanh
Ai đàn đêm nay vắng lặng
Ai say giao hưởng nhạc, thơ trần hoàn
Trong mê cung hướng thượng những
khởi đầu

tháng anh cũng đưa tiền cho nó như khi đi thuê phòng, cháu nó bớt cho anh một trăm. Thằng đó nó giỏi lắm, nó sẽ giầu nhất nhà. Hôm nào em đến nhà cháu chơi. Nó có cái hồ bơi, anh chẳng bao giờ bơi cả, hì hì, nhưng cứ phải vớt lá cho nó. Cũng vui. Hôm đó, anh Trí cho tôi số điện thoại mới. Suốt ba bốn năm đầu tiên nối lần gặp nhau trong quán Phở Bắc anh Trí và tôi lại đưa nhau số điện thoại, nhưng sau đó không bao giờ có chuyện gì quan trọng để ai gọi cho ai. Nhiều lần, sau này chúng tôi cũng bỏ luôn cái nghi lễ đó, không trao đổi số điện thoại nữa. Số điện thoại bỏ đâu cũng quên mất rồi, nhưng người nọ không dám hỏi người kia trước, sợ tỏ ra mình vô tình quên cả số điện thoại của anh em họ hàng.

Mấy năm liền mỗi lần tôi trở lại quán Phở Bắc, anh Trí vẫn ngồi cùng bàn với mấy người bạn cũ, ông bạn luật sư của anh có khi đổi cái áo vét mầu vàng thành mầu nâu. Một bữa anh Trí cho tôi biết ông đó tin số tử vi, ông mạng thổ cho nên hợp với mầu đất, vàng, nâu hay đỏ, nhất định không mặc mầu đen hay mầu xanh. Xanh lá cây là cấm kị, vì mộc nó khắc thổ. Tôi mạng mộc, chẳng bao giờ đụng xe để tới nhờ ông ta ra tòa hộ cả. Nếu tôi mạng thủy thì chắc phải tìm một luật sư mạng hỏa chắc mới ra tiền. Anh Trí nói đùa: Anh mua cái xe mới, chờ mãi không thằng Mỹ nào nó đụng để cho thằng bạn nó kiếm ăn! Anh mua xe mới? Anh Trí có dịp khoe cái xe cũ người mới ta của anh. Mới bốn chục ngàn miles, hai vợ chồng nhà đó nó đánh nhau, đang li dị, con vợ nó đòi chia gia tài, có người mách anh đến mua ngay, thằng chồng nó bán rẻ với điều kiện anh trả cash, cash thì cash chứ sợ gì. Rẻ được năm ngàn là ít đấy. Tôi suýt soa khen anh may mắn, nhưng quên không hỏi xe hiệu gì và giá bao nhiêu. Anh Trí cuối cùng phải nói: Lexus mới hơn 43 ngàn miles mà chỉ có 23 ngàn, em tưởng tượng được không? Kinh khủng, tôi nói, giá đó thì rẻ kinh khủng!

Gặp nhau một năm sau, tôi lại hỏi thăm bác gái, bác vẫn mạnh khỏe, vẫn đi chùa, đánh chắn, v.v. Sau khi tôi ăn hết tô phở sắp đứng dậy, anh Trí mới nói, với một giọng bình thản như để chứng tỏ anh không coi chuyện này quan trọng ghê gớm lắm, anh mở đầu: Anh đã đổi địa chỉ rồi, để anh cho Thúy số điện thoại mới. Ủa, anh không ở với cháu nữa à? Tại sao vậy? Tôi hỏi rồi mới hối hận tánh tò mò đàn bà của mình. Nhưng lại hay, anh Trí có dịp giải thích: Anh có chị mới rồi em ạ. Anh dùng hai chữ "Chị mới," chứ không nói "Vợ mới," coi như bà chị mới với tôi đã là chỗ thân tình rồi. Giọng anh nói bình thản, làm như chuyện lấy vợ mới cũng chỉ hào hứng như chuyện đổi địa chỉ, không chắc đã hào hứng bằng chuyện mua xe. Tôi bắt tay mừng anh, tôi chưa bao giờ bắt tay anh cả, nhưng nghe tin cảm động quá tôi cũng đưa tay ra, như Mỹ. Chị cũng đi làm cùng một sở với anh. Tôi lại quên không hỏi sở nào. Tôi nghĩ đến câu hỏi đùa "Bao nhiêu ngàn miles rồi anh?" nhưng tự kìm hãm được. Không hiểu sao ai tôi cũng nói đùa được, trừ anh Trí. Cũng không phải vì tôi không cảm thấy thân thiết với anh để nói đùa, hay vì kính trọng ông anh họ quá. Tôi thấy tội nghiệp anh nên không thể nói đùa. Có lẽ vì khuôn mặt anh khi nói về cuộc hôn nhân mới, nó phẳng lặng, như che dấu một niềm vui, có thể rất mong manh. Nhiều người chỉ nhìn thấy mặt mình đã tội nghiệp, không nỡ đùa cợt, sợ người ta buồn. Đời là bể khổ, chẳng nên làm cho anh Trí khổ thêm. Anh bảo hôm nào anh sẽ mời tôi đến nhà gặp chị. Anh lại cho tôi số điện thoại mới.

(III)

Chừng nửa năm sau tôi mới gặp lại anh Phương, vẫn tình cờ như lần đầu. Khi tôi mới đóng cửa xe, tính bước vào trong thương xá thì trông thấy anh Phương đứng khom khom ngó xuống giữa đám mấy ông ngồi đánh cờ chung quanh cái bàn bằng đá. Ở chỗ này ngày nào cũng có những ông ngồi đánh cờ từ sáng sớm đến tối. Mỗi lần tôi đi qua họ đều ngó lên, rồi lại nhìn xuống. Một hôm tôi thấy người Mễ gác thương xá, mặc đồng phục đứng nói chuyện với hai ông, hắn nói bằng tiếng Anh: không được đánh ăn tiền, đúng không? Hai người đó nói cùng một lượt: Sua! Sua! Trời không lạnh lắm nhưng anh Phương bận cái áo bằng plastic khá dày, mở trước ngực. Anh chăm chú cúi nhìn, tôi đến gần cũng không để ý. Tóc anh Phương lâu ngày không cắt trông thấy rõ những sợi bạc.

Anh Phương! Anh quay lại, nhìn tôi một lúc như phải suy nghĩ mới nhận ra người quen, anh đưa tay lên tính cài khuy áo rồi lại buông tay xuống. Em, Thúy, Thúy Ướt đây mà. Anh Phương nhoẻn cười. Tôi hỏi anh có rảnh không, mời anh đi ăn trưa. Em phải vào trong tiệm lấy mấy thứ sổ sách của người ta, anh đợi em ở đây nhé. Trưa hôm đó tôi đưa anh Phương tới một quán ăn ở ngoài bờ biển, chỗ

đó chẳng gặp một người Việt Nam nào cả.

Đấy là lần thứ hai chúng tôi gặp nhau, mới có dịp hỏi han thêm những gì xẩy ra trong thời gian gần ba mươi năm không gặp. Tôi kể anh nghe tôi đã li dị, chưa định tái giá. Cô Thúy không biết đâu, anh đã có hai đời vợ. Tôi cười: Mà bây giờ anh sống một mình? Anh Trí nói, như đọc một câu cách ngôn: Vợ cũ của anh đi lấy chồng mới, còn vợ mới của anh thì trở về với chồng cũ. Chúng tôi cùng cười, tôi chắc câu này anh đã nói với nhiều người, lần nào cũng cười như vậy.

Hồi 67 tôi nghe tin anh Phương lấy vợ sau khi anh Linh mất được một năm. Năm đó tôi mới 16 tuổi, không ai nghĩ rằng đó là tuổi lấy chồng cả. Nghe tin anh lấy vợ tôi cũng hơi buồn, mặc dù không thể nói tôi đã yêu trộm dấu thầm anh bao giờ. Nhưng cứ nghĩ từ nay anh có về Sài Gòn cũng không rủ tôi đi chơi được nữa, cũng buồn. Hồi đó anh đang ở Phù Cát, bà vợ trước tôi chưa bao giờ gặp, nghe nói là một nữ sinh hoa khôi ở Qui Nhơn. Anh Linh tôi vẫn nói số thằng Phượng nó đào hoa, đi đâu cũng có gái đẹp mê. Chị ấy đem được ba con vượt biển, nuôi ba con anh lớn khôn. Nhưng lúc đó chị ấy mới ngoài ba mươi tuổi, Thúy hiểu không, chị ấy đi bước nữa là phải, đợi anh thì biết đợi đến bao giờ. Có ai ngờ anh lại được thả, lại được sang Mỹ. Thằng chồng mới của chị nó tốt lắm, nó nhỏ hơn chị đến năm, sáu tuổi, lâu lâu gặp nhau hai người cũng mời anh đi ăn, chị ấy vẫn hỏi anh có cần gì không. Họ tốt cả cô Thuý ạ. Thôi, mỗi người một phận.

Em đồng ý với anh. Thế là tốt lắm. Thế còn bà mới nào lại trở về với chồng cũ? Khi được trả tự do, ở Sài Gòn anh Phương lại lấy một người nữa. Cô ấy tội nghiệp lắm, Thuý ạ. Cổ lấy chồng lúc còn trẻ lắm, lấy nhau vài năm thì bỏ nhau, rồi anh chàng ấy vượt biên. Anh quen cô ấy là khi đi bán Chợ Trời. Trước khi sang đây cô ấy đã nói là nếu người chồng cũ mà còn muốn tái hợp thì cô ấy sẽ trở về với người ta, anh cũng hứa đồng ý như thế. Anh tưởng chuyện đó chẳng bao giờ lại xẩy ra, nhưng đời bây giờ chuyện gì cũng xảy ra được, Thúy ạ.

Hai người đó lại hợp với nhau hơn mình. Họ bỏ nhau cũng nhanh chóng, dễ dàng; mà trở lại với nhau cũng nhanh chóng, dễ dàng, em ạ. Anh Phương bắt đầu gọi tôi bằng em như ngày xưa. Cô ấy chưa đến ba mươi. Anh chồng cũng ngoài ba mươi tuổi thôi, còn anh thì sắp sáu bó còn gì. Mấy năm nữa anh sáu mươi? Sáu năm. Tôi cười: như vậy phải nói là mới ngoài năm bó thôi!

Bây giờ hai người có một con với nhau rồi, chắc là họ yêu nhau thật. Hồi họ lấy nhau ở Việt Nam cả hai chưa đầy hai mươi tuổi. Bỏ nhau rồi, khi anh chàng vượt biên cũng có rủ cô ta đi cùng, nhưng lúc đó cô ta giận nên từ chối vì anh chàng nó lại đi với cô kia, cô tình địch lại là bạn thân của mình, ai mà không giận. Cũng dễ hiểu thôi. Đến lúc cô ấy vượt biên thì không xong, kẹt lại, cũng ở tù gần một năm. Không hiểu sao chỉ vượt biên mà chúng nó bắt ở tù lâu thế, chắc vì trong bọn bị bắt có mấy người có súng và chống cự dữ lắm. Cô ấy không dám trở về Huế vì sợ chúng nó làm khổ cả gia đình. Anh gặp cô ấy khi cùng bán chợ trời, thế là lấy nhau, như góp vốn liên doanh ấy mà.

Bà thứ hai có đẹp không anh? Anh Phương cười: Thua bà trước, chỉ trẻ hơn. Hai người đồng ý không có con làm gì, vì biết đâu đời còn thay đổi. Mà đời thay đổi thật em nhỉ. Anh chồng cũ nó viết thư về than thở rằng cô vợ mới của nó ham chơi quá, lá thư sau báo tin cô ấy cũng bỏ nó luôn. Nó không dám nói chuyện tái hợp nhưng nói nó rất hối hận, nó chỉ xin cô ấy một lời tha thứ thôi. Khi anh đề nghị chung sống, cô ấy cho anh coi mấy lá thư của chồng cũ, nói thẳng với anh là vẫn còn thương hắn ta, chỉ không tha thứ cái tội phản bội. Ngủ với ai cũng được, ai lại ngủ với cái con Loan, con bạn thân nhất của em thì em không tha thứ được! Anh cũng nói ngay rằng nếu bao giờ hai người muốn thì cứ trở lại với nhau, anh không ngăn cản. Ấy cứ tưởng mình chỉ nói, làm bộ cao thượng cho cô ấy cảm mình thôi. Ai ngờ, khi gặp nhau lại thì hai người đó mới biết là trên đời họ chỉ yêu nhau mà thôi, ít nhất đó là họ nói với anh như vậy. Anh để cô ấy về sống với anh chồng cũ ngay lập tức, trước khi ký giấy li dị nữa. Với lại, cứ tiếp tục sống với nhau thì mình chỉ cản đường tiến của người ta. Mà khi người ta tiến lên thì mình trở thành vai phụ, chồng già mà để vợ nó phụng dưỡng mình, anh cũng thấy là sẽ khó lắm.

Nói chuyện đời mình, anh Phương rất tỉnh táo, bình thản. Tôi nói: Có bữa em đến Phở Bắc tìm anh không gặp. Không, anh không làm ở đó nữa. Anh đâu cần làm, đến đó là vì nghĩ đến anh em. (Lại anh em.) Nhưng bây giờ không như ngày xưa nữa. Ai cũng bận rộn việc làm ăn, chẳng trách làm gì. Nhưng cũng phải

nghĩ đến anh em chứ? Ở Việt Nam họ còn trông cậy ở mình. Mình phải làm cái gì chứ, chẳng lẽ bỏ rơi họ hết hay sao? Tôi hỏi thế còn anh, anh làm gì? Anh Phương cho biết anh đang lo giúp những người bạn còn ở Việt Nam, nhất là những đứa con mồ côi của các bạn anh. Anh nói, có được đồng nào anh đều dành dụm gửi về. Mình đang ở thế mạnh, em hiểu không. Tụi nó đang thua, bây giờ mới là trận chót, em hiểu không? Tụi nó đang phá mình, ra tận ngoài này để phá mình, nó ở đâu cũng có mặt hết, em có thấy không? Chắc thế, tôi gật đầu, nhưng tôi không hiểu anh định nói gì.

PHẠM CÂY TRÂM

XUÂN NHỚ CỐ HƯƠNG

Cứ thấy xuân về nhớ cố hương
Nằm thao thức mộng suốt đêm trường
Mai vàng tưởng tượng đau dằng dặc
Bánh tổ hình dung nhớ vấn vương.
Cứ ngỡ xuân về, xuân đất nước
Nào hay Tết đến, Tết tha hương.
Chào ai năm mới, lòng đau xé,
Ta ở phương trời nhớ một phương.

Tôi hỏi anh Phương, Anh ngày xưa có số đào hoa lắm, thế bây giờ anh có ý định lấy vợ nữa hay không. Anh lắc đầu. Tôi còn lúng túng nghĩ không ra nói cách nào hỏi xin lại số điện thoại của anh mà che dấu chuyện tôi mất số điện thoại anh đã cho lần trước, thì may quá khi chia tay, anh Phương cho tôi số điện thoại mới. Anh lại đổi nhà.

(IV)

Tôi lại gặp anh Trí ở quán Phở Bắc, ngạc nhiên vì anh ngồi một mình. Tôi hỏi: Mấy ông bạn anh đâu cả? Anh cười, không trả lời. Một lát thì ông luật sư mạng thổ tới, bữa nay ông mặc áo mầu nâu pha những sợ đỏ. Anh Trí đưa tay lên chào, nhưng thái độ hờ hững cho ông bạn anh biết không nên lại ngồi cùng bàn, để hai anh em nói chuyện gia đình. Mà tôi thì không thấy chuyện gì để nói, sau khi hỏi thăm anh về bác Cả, bác hơi yếu nhưng không có bệnh gì nặng. Tôi hỏi cái xe Lexus của anh vẫn chạy ngon hay không. Xe vẫn tốt, nhưng anh có vẻ không muốn nói về xe. Ngồi ăn hết tô phở thì anh Trí mới nói với tôi: Anh lại đổi nhà rồi em ạ. Tôi chợt nhớ ra anh đã lấy vợ lần thứ hai, đã về ở với bà đó từ năm ngoái. Chắc anh với chị đó không hợp nhau? Anh không biết nữa. Anh đi làm đêm, cô ấy đi làm ban ngày, cũng chỉ gặp nhau mấy giờ mỗi ngày, với ngày cuối tuần. Mà Chủ nhật thì cô ấy lại bận đi chơi với con, chúng nó đang ở với anh chồng cũ. Tôi xin anh số điện thoại mới.

Trong lúc tôi đang ngậm ngùi không biết an ủi anh Trí ra sao thì thấy anh Phương từ ngoài cửa bước vào. Anh đi với một bà trạc ngoài bốn mươi, môi tô son mầu đỏ tím. Anh Phương cũng trông thấy tôi, gật đầu chào, tiến đến một bàn khác. Tôi xin phép trả tiền phở cho anh Trí nhưng anh không chịu, hai anh em kỳ kèo một lúc tôi bước thẳng ra chỗ trả tiền, biết rằng anh còn ngồi lại đó chờ các người bạn. Trước khi ra cửa, tôi đến bàn anh Phương. Anh giới thiệu: Cô Mỹ, còn đây là Thúy, em họ tôi. Tôi gật đầu chào, tự coi mình là em họ thật. Cô Mỹ có nụ cười tươi, có vẻ lịch sự của một người từng trải, nhưng không có vẻ đằm thắm. Không biết cô có gặp cô em họ nào khác của anh Phương không.

Hồi anh Phương hay đến nhà, tôi mới 12, 13 tuổi. Cái tuổi vừa đủ lớn để chú ý đến con trai, vừa đủ nhỏ để quấn quít bên các bạn của anh mình mà không sợ người lớn để ý. Anh chở anh Linh đi chơi bằng xe Honda, có lúc cho tôi đi cùng, tôi ngồi giữa ôm anh, anh Linh ngồi sau. Nhiều lần tôi nhờ anh Phương bế tôi lên để hái trái mận bên hàng xóm, nghĩ lại, không phải chỉ vì tôi muốn hái trộm mận mà vì muốn được anh bế lên. Anh Linh thì không bao giờ bế tôi, từ năm tôi lên sáu, bẩy tuổi.

Khi tôi lớn hơn, bắt đầu thấy ngượng thì không dám để anh Phương bế nữa, mà đi đâu cũng không dám ngồi ôm lưng anh. Nếu anh có chở đi đâu tôi cũng ngồi xa để không chạm ngực mình vào lưng anh, dù lúc đó ngực tôi còn nhỏ lắm. Chắc anh Phương không để ý đến điều đó, vì chỉ một mình tôi biết tại sao mình lại ngượng. Đó là sau khi anh Linh đã bỏ nhà đi lính, tôi hơn 14 tuổi. Anh Phương biết trước chuyện anh Linh sẽ bỏ nhà ra đi, chỉ một mình anh biết, nhưng không nói với bố

mẹ tôi. Khi bố đọc lá thư của anh Linh để lại, bố ngồi im không nói, rồi bố tiếp tục im lặng không nói một câu nào suốt hai ngày. Ngày thứ ba, bố hỏi: Thúy, mày có biết nhà thằng Phương không? Tôi biết. Bố lúc nào cũng gọi các con là mày. Mày đi tìm bảo nó đến đây bố hỏi chuyện.

Tôi đến nhà, anh Phương đi vắng. Tôi viết mấy chữ để lại: Bố em muốn gặp anh, anh làm ơn tới ngay, mẹ em khóc nhiều lắm. Nghĩ một lúc, tôi viết tiếp: Em cũng khóc. Viết đến đó thì tôi khóc thật. Tôi phải cúi đầu, lén chùi mắt thật kỹ, dấu không cho mẹ anh Phương trông thấy.

Buổi tối hôm đó anh Phương đến ngay, tôi nghĩ chắc anh đến ngay không phải vì bố gọi mà vì vì tôi viết rằng tôi cũng khóc. Trong khi bố nói chuyện với anh ở nhà trong, mẹ ngồi phòng ngoài chờ đợi. Tôi thơ thẩn ngoài lối đi ra cổng, chờ anh Phương ra về. Cả tiếng đồng hồ sau, anh mới đi ra, chào mẹ tôi rồi bước ra cổng. Mẹ nói: Anh nhớ đến chơi. Hai bác cũng quý anh như thằng Linh vậy. Bây giờ nó đi rồi, anh đến trông nom các em hộ bác. Anh Phương dạ.

Tôi mở cổng cho anh trong lúc mẹ đi vào nhà. Tôi hỏi: Bố em nói gì vậy anh? Bố em có mắng anh không? Không. Bố nói bố thương anh Linh lắm, nhưng anh ấy không hiểu bố. Anh cũng nói Linh nó cũng biết rằng bố thương nó, nó vẫn nói với anh như vậy, nó cũng thương bố lắm. Tôi bật khóc, ôm choàng lấy anh Phương. Anh cũng vòng tay ra ôm lấy tôi. Tôi hỏi: Anh biết trước, anh biết trước hết phải không? Sau khi gỡ tay tôi ra, anh nói: Linh nó đã chuẩn bị gửi đơn tình nguyện từ lâu, nó lấy địa chỉ ở nhà anh. Nó bảo nó biết nếu bỏ đi thì chắc bố, mẹ với các em sẽ buồn lắm, nhưng nó phải đi, vì nó còn ở nhà thì chỉ làm cho bố khổ thêm. Lúc nào bố cũng lo nó thi rớt rồi bị gọi lính. Anh cũng can nó, nó không chịu. Mỗi lần bố lo lắng hỏi nó chuyện điểm học hành, nó nói, nó không thấy tức mà chỉ thương bố đang khổ tâm vì nó. Tôi lại khóc nức nở, ôm lấy anh Phương, còn anh không nói gì nữa. Tôi còn nhớ mình đã ôm anh rất chặt, còn anh thì không.

Năm đó tôi mới 14 tuổi, và quả thật tôi coi anh Phương như anh của mình. Nhưng buổi tối hôm đó, khi thay quần áo tôi nhìn thấy quần lót của mình ẩm ướt, thứ ẩm ướt khác thường, tôi sờ tay vào thử, đưa lên mũi ngửi thấy mùi khác lạ. Tôi mới 14 tuổi, soi gương chưa thấy ngực, nhưng cái thứ nước chảy ra là cái gì thì tôi đã đọc sách, tôi biết. Tôi vừa ngượng, vừa tự giận mình. Không lẽ tôi yêu anh Phương hay sao? Trong sách nói khi người ta cảm thấy yêu nhau thì nước mới chảy ra như vậy. Tôi lắc đầu, tự nhủ rằng mình không hề yêu anh Phương, mình chưa hề yêu ai hết. Thật là vô lý. Tôi khóc vì anh Linh bỏ đi, tôi ôm lấy anh Phương vì nghĩ đến anh Linh, tôi ôm lấy anh lúc nào không biết, tôi không có tình ý nào cả. Vậy tại sao? Tôi xấu hổ quá, đem nhúng cái quần lót vào thau nước vò thật kỹ. Sau lần đó, cho đến khi gặp chồng tôi rồi lấy nhau, tôi chẳng bao giờ trải qua kinh nghiệm đó lần nữa. Có mấy bận tôi định thử ôm anh Phương một lần nữa coi có cảm giác gì hay không, xem có gì chảy ra nữa hay không. Nhưng tôi không bao giờ thử. Những khi anh Linh được về phép, anh Phương lại đến nhà, tôi cũng được đi chơi với hai anh, có lúc anh Phương chở tôi để anh Linh chở người khác, nhưng tôi ngồi xa ra phía sau để khỏi chạm vào lưng anh. Chỉ mình tôi thấy ngượng, còn anh không để ý.

(còn tiếp)

TAO ĐÀN HOÀNG OANH

Thơ và Nhạc 1

Chuyện Tình

T.T.Kh

CD: 12 Mỹ Kim

Cassette: 7 Mỹ Kim

Hoàng Oanh
Music Center
P.O.Box 9541
Fountain Valley,
CA 92728
(714) 964-7591

Hoàng Oanh video 2
"Những Ngày Thơ Mộng"
Phát hành đầu năm 2000
gồm những bài hát gợi lại những kỷ niệm
êm đẹp ngày xa xưa - Giá 15 Mỹ Kim
Hoàng Oanh video 1& 2 Vì Sao Lạc

ĐỔ GIÀN

ĐẶNG PHÚ PHONG

"Trai An Thái gái An Vinh"

Trần võ sư giật mình thức dậy thì trời đã hừng sáng. Ông bước ra sau nhà rửa mặt, ngậm mấy hớp nước, sục sục trong miệng một lúc, nhổ toẹt xuống đất rồi bước nhanh vào nhà. Ông đi đến bàn thờ thắp mấy cây hương, kính cẩn bái từng bàn thờ một, nhẹ nhàng cắm vào bát hương, xong, ông đi lại bộ phản gỗ, chập hai bàn chân lại xoa xoa phủi bụi rồi ngồi xếp bằng ngay ngắn, sửa soạn cho điếu thuốc lào đầu ngày.

Trần võ sư thường nói với mọi người là ông thích cái tiếng nước reo trong bình thuốc lào, mới nghe thì đục nhưng lắng tai một chút lại thật thanh. Cái âm thanh làm hưng phấn cho con nhà võ. Ông ngã người ra sau một chút, tựa vào cái gối xếp, nhả cụm khói dày đặc như sương mù rồi hớp một ngụm trà đậm đặc. Đám khói cuồn cuộn bung ra chiếm hết khoảng không gian của cái phản, phủ mờ hình bóng của Trần võ sư, rồi theo những tia sáng xuyên qua mấy liếp cửa hàng ba chờn vờn bay ra ngoài.

Cả đêm qua Trần võ sư trằn trọc cho đến mõ làng điểm canh năm mới thiếp đi. Ngày đổ giàn cận kề càng làm ông nôn nao lo lắng. Hai kỳ liên tiếp phái võ An Vinh, mà ông là người đại diện, đã thất bại cay đắng, để mất con heo tế - phần thưởng thật danh dự - cho kẻ thắng, vào tay phía An Thái. Hai đệ tử rường cột của ông mất đi theo hai lần thảm bại ấy. Lần thứ nhất cách nay tám năm, khi ông mới vừa thay thế sư phụ đảm đương phái võ, đám đệ tử của ông liền bị đánh bại liểng xiểng, riêng đại đệ tử của ông bị một chiêu Lão Hổ Kích Điểu thổ huyết tại chỗ rồi hai mươi mốt ngày sau ngã quay ra chết, mặc dù cả đến sư phụ của ông dốc lòng cứu chữa. Lần thứ hai cách đây ba năm. Sau khi nghiên cứu chiêu thức Lão Hổ Kích Điểu kỹ càng, Trần võ sư thấy rằng địch thủ đã đi bộ thật thấp, trong tư thế của

con hổ duỗi người ra, đầu ngước lên vồ chụp một con chim đang bay là đà thật vừa tầm. Quả là phái An Thái cũng đã nghiên cứu cái ngọn Uyên Ương Song Cước của phái An Vinh kỹ lưỡng. Muốn thi triển Uyên Ương Song Cước thì phải tung người bay lên, chính sự sơ hở đó đã nâng chiêu Lão Hổ Kích Điểu một bậc, phát huy hết công năng, trở nên vô cùng lợi hại. Trần võ sư đã bỏ ra một tháng trời để tìm cách hóa giải, nhờ bẩm chất thiên phú, ông nhân thế tạo thế. Giảm lực song cước để xoay người vừa tránh cú đánh sấm sét, vừa lấy đà đá liên tiếp vào những chỗ hở của địch thủ. Uyên Ương Song Cước bây giờ biến thành Uyên Ương Liên Hoàn Cước. Ông ra sức tập luyện cho người đệ tử thứ hai, khi lâm trận người đệ tử xử dụng chậm đi một thoáng. Một thoáng nhưng là một thoáng sinh tử! Thua trận anh ta tự tử. Dân An Thái mang con heo về, đem thẳng ra đình, mời quý cụ Tiên chỉ, Ngũ Hương tề tựu, còn dân làng không cần đánh mõ tập trung cũng chạy tới, làm lễ tế Thần Hoàng bổn xứ rồi chia nhau mỗi người một chút thịt chiến thắng. Một miếng thịt làng hơn một sàng thịt chợ. Dân An Thái ăn tiệc trong hiu hiu tự đắc, còn dân An Vinh tiếp tục ôm lấy nỗi buồn thua trận. Hai làng cách nhau bằng dòng sông Côn lặng lờ chảy, mùa nước cạn có thể lội bộ qua lại. Nỗi buồn thua cuộc năm năm về trước chưa hết nguôi ngoai bây giờ lại càng đậm nét hơn nữa. Dân An Vinh có việc phải qua An Thái như mua bán; giỗ chạp đều lặng lẽ cúi đầu khi đối diện với dân bên đó. Không khí thiểu não bao quanh cả làng, mọi trách nhiệm đều trút lên đầu Trần võ sư. Tuy chẳng ra mặt nhưng các chức sắc trong làng đều cho rằng ông là kẻ bất tài, đám dân đen thì nghĩ rằng ông thiếu âm đức. Trần võ sư lòng đau như cắt, ở hẳn trong nhà không giao du tiếp xúc . Đám môn đệ không ai dám đến gõ cửa phòng, chỉ cùng nhau luyện tập tại võ đường ở sát rào nhà ông. Một tối khi mọi người đang luyện tập ông bỗng xuất hiện, đi thật chậm rãi đến trước tấm biển Trần Võ Đường , ngắm nó một chút rồi đưa tay từ từ gỡ xuống, co gối lên. Đám nam nữ môn đệ ông chợt hiểu ra, cùng thét thất thanh:

"Sư Phụ!"

Hai Tấn, người đệ tử tài ba duy nhất còn sót lại, nhảy vút đến bên ông hai tay đỡ lấy tấm biển nói như khóc:

"Xin thầy nghĩ lại."

Trần võ sư đưa mắt nhìn về phía đám môn đệ, tất cả đều quì mọp xuống đưa mắt van lơn nhìn ông. Lòng ông chùn lại, thả tấm biển vào tay Hai Tấn, nói thật nhẹ nhàng:

"Thôi các con đứng dậy."

Nói xong ông quay người rảo bước về nhà. Hôm sau khi các đệ tử tập trung, ông tiến vào võ đường, làm như chẳng có việc gì đã xảy ra, ông bắt đầu bài tổ rồi dạy tiếp bài Thái cực quyền dang dở. Gần ba năm trời ông cố công dạy đám môn đệ, tất cả đều tiến triển rõ rệt. Riêng Hai Tấn, ông hết sức truyền ngọn Uyên Ương Liên Hoàn Cước để làm người cầm đầu lần tranh giàn sắp tới. Ông nghĩ trong năm năm thì nhất định Hai Tấn sẽ thật nhuần nhuyễn . Không ngờ làng Kiên Mỹ nhờ làm ăn khấm khá trong mấy năm qua nên đã tổ chức đổ giàn sớm hơn hai năm ông dự liệu.

Tài nghệ Hai Tấn chỉ phát huy được bảy phần của Uyên Ương Liên Hoàn Cước, hơn nữa đại đệ tử của Diệp võ sư bên An Thái, theo sự dò xét của ông, anh ta đã luyện được môn Bích Hổ Du Tường. Việc này càng cho ông mất ăn mất ngủ. Võ nghệ đã thật tinh thông giờ thêm môn Bích Hổ Du Tường, hắn lẽ lên đài nhanh như chớp, Hai Tấn làm sao đương cự nổi!

Trần võ sư thở dài thậm thượt rồi đánh tiếp một hơi thuốc lào, xong với lấy cái khăn lông quấn cổ, xỏ đôi guốc bước ra thềm nhà. Mặt trời đã lên khoảng một sào, chiếu những tia nắng nhiều màu sắc lên khoảng sân trồng hoa nhà ông. Hình như những giọt sương đêm qua chưa kịp tan hết nên lấp lánh trên hàng bông vạn thọ đang kỳ nở rộ. Bất giác ông ngâm nga: Thịnh suy như lộ thảo đầu phô. Ông im tiếng khi thấy bóng cô con gái mở cổng bước vào rồi đi vòng qua bức bình phong tiến thẳng về phía ông.

"Thưa cha, hôm nay cha dậy muộn. Cha không được khỏe?"

"Cha không sao. Con đi chợ về rồi đấy à?" Chợt thấy bóng người thấp thoáng ngoài hàng rào dâm bụt, ông cất tiếng hỏi:

"Ai đó?"

"Dạ thưa thầy, chúng con..."

Thì ra bốn cô đồ đệ của ông. Trần võ sư hơi ngạc nhiên không hiểu có việc gì mà họ đến sớm, nhưng các cô chỉ ấp úng rồi nhìn về phía Lý, con gái của ông.

"Thưa cha... chúng con có việc muốn trình lên cha."

"Việc gì vậy?"

NGUYỄN VĂN THỰC

TUYẾT NHÃO

Thiên kỷ thứ ba bước đường nhão nhoẹt
Tuyết dở hơi, mưa đổ đường Ngâu
Người xơ tóc tìm chút nhiệm mầu
Rượu ngon, môi đỏ
Kinh cầu
gập ghềnh trăm nhịp
Em ơi, chúng mình có kịp
Yêu nhau
Hay sóng đời trùng điệp
Lại phủ kín ngày sau
Cho nhau đời nhau
Kẻo muộn
Em ơi.

24.12.99

Tức thì năm cô gái đồng một lúc quì xuống, Lý lên tiếng:

"Thưa sư phụ, chúng con muốn thay mặt làng An Vinh để đi giật giàn kỳ nầy, xin sư phụ thuận cho."

Trần võ sư nhìn chăm chăm vào năm nữ đệ tử một lúc rồi bỗng ngửa mặt lên trời cười khan mấy tiếng:

"Các con thị vào cái gì mà đòi đi đánh lần nầy. Nhưng thôi đứng dậy đi, chúng ta vào võ đường nói chuyện."

Các cô gái lục tục theo ông vào võ đường, ông ngồi trên cái sập gụ, giọng thật nhẹ nhàng nhưng đầy uy lực:

"Nào, các con chỉ cho ta thấy các con có những gì?"

Lý tiến đến trước mặt chắp tay thưa:

"Trình sư phụ, vâng lời thầy con cố gắng luyện tập Uyên Ương Liên Hoàn Cước đã thành, ngoài ra năm chị em chúng con bấy lâu lén thầy, dấu cả các đồng môn, ra công luyện tập Ngũ Phương Trận, quyết tâm rửa hận chuyến nầy. Xin sư phụ mở lượng thứ dung cho tội lén lấy sách của sư phụ mà học tập."

Trần võ sư ngẩn người. Hừ, con nhỏ này cả gan, dám lấy trộm sách quý của ta. Lý mồ côi mẹ từ bé, ông trở thành gà trống nuôi con, bao nhiêu tình thương ông dành hết cho nàng, ông cũng cố công truyền thụ võ nghệ cho cô con gái rượu. Ông rất tự hào cái sắc đẹp và nhất là võ học của con gái ông, nhưng chưa bao giờ ông có ý nghĩ Lý sẽ là người đi đánh trận. Còn bốn cô đệ tử kia, trên dưới đôi mươi, xấp xỉ với tuổi con gái của ông, tài nghệ đều khá tinh thông, nhưng làm sao mà chúng đương đầu nổi ngay với phái Thuận Truyền kia, chứ chưa nói tới đám An Thái võ học kinh người. Ông chợt nhớ cách đây ba năm, trong kỳ đổ giàn lần trước, Lý đứng hầu bên ông trên khán đài, khi thấy phe mình bị gục ngã, tròn xoe đôi mắt, nói với cha trong tiếng rít:

"Lần tới con sẽ trả thù."

Diệp võ sư ngồi bên cạnh nghe thấy cất tiếng cười ha hả:

"Con của Trần võ sư có khác, ta sẽ chờ con đấy."

Lý ngửng mặt nhìn thẳng vào Diệp võ sư chững chạc đáp lời, từng tiếng một:

"Thưa võ sư, chắc chắn con sẽ dự tranh."

Lần lựa ông quên đi câu chuyện đó, hôm nay ông nhớ ra, nhớ thật rõ, như trước mắt, cái nhìn sáng quắc cương cường của đứa con gái mười sáu tuổi. Nó nói là nó làm, con nhỏ này cứng cỏi thật, ông nghĩ bụng. Chúng nó luyện Ngũ Phương Trận là có ý bảo vệ con heo khi đã giành được, vì Ngũ Phương Trận chia bốn người bốn phương che chở cho người ở giữa và ngược lại người ở giữa luôn luôn là thế ỷ dốc cho bốn người kia, do đó chỉ năm người cũng có thể chặn đứng được đám đông.

"Các con dàn trận đi, ta phá trận."

Năm cô con gái hơi ngỡ ngàng, nhìn nhau một thoáng rồi cùng xá Trần võ sư ba xá và lập tức dàn trận. Trần võ sư múa quyền xông tới, Lý đứng giữa lập tức tiếp ứng cho mũi bị tấn công, nhưng đòn đánh của Trần võ sư vừa rồi chỉ là hư, ông chuyển người tung chân đá ngay vào cô gái giữ hướng bên trái. Lý nhanh nhẩu không kém, thoắt một cái cô vừa đến kịp tay phải chặt mạnh lên cú đá, tay trái dâm thẳng

vào hông địch thủ, đồng thời cô gái bị tấn công cũng xuất tay ra đòn. Trần võ sư vừa đỡ đòn vừa quát lên:

"Khá lắm."

Đấu nhau gần nửa khắc thế trận vẫn chưa bị phá, Trần võ sư bỗng chuyển cách đánh. Ông không tấn công nữa mà chỉ ra toàn hư chiêu và chạy thật nhanh chung quanh các cô gái, năm cô bung rộng thế trận ra. Thế là xong, bung rộng tức là tiềm lực phải yếu đi, sức tiếp ứng không còn hữu hiệu, ông hét lên một tiếng vượt ngay chỗ hở, bàn tay của ông bổ thẳng xuống khi vừa chạm vào sau gáy của Lý. Ông ra dấu cho các đệ tử nghỉ mệt rồi bắt đầu giảng giải cho các cô tại sao thế trận bị phá. Ông căn dặn năm cô, dù bất kỳ ở trong tình huống nào cũng không thể nới rộng vòng đai của Ngũ phương trận ra được, ngược lại địch thủ càng đông thì càng sát vòng trận lại. Ông bảo Lý thi triển ngọn Uyên Ương Liên Hoàn Cước cho ông xem. Lý làm cho ông vô cùng phấn khởi, so với Hai Tấn nàng hơn một bực. Ông bước lại cây cột chính của võ đường, cây cột to gần một ôm, đứng trên viên đá phẳng. Trần võ sư đưa hai tay ôm lấy cây cột lắc qua một bên khoảng một gang tay rồi đưa nó về vị trí cũ. Ông thi triển thật nhanh đến nỗi mái nhà cũng như mấy cây kèo dính với trụ cột không hề rung động. Ông bảo con:

"Hãy làm như ta xem."

Lý cố gắng thi triển, nhưng cây cột còn cách vị trí cũ một lóng tay, cây trên mái nhà khẽ kêu lên . Tuy không hoàn hảo nhưng Lý đã làm ông kinh ngạc trong sung sướng. Với trình độ như vậy Lý sẽ đánh bại được tên đại đệ tử phe An Thái, cho dù hắn ta sử dụng Bích Hổ Du Tường để chiếm tiên phong lên đài, hơn nữa phe ta còn có Hai Tấn. Ông chợt nảy ra một phương kế, phen này mình thắng lớn.

"Lý, con đi gọi Hai Tấn cho ta, còn các con hãy về nghỉ."

Các cô phân vân rộn ràng, nhưng Trần võ sư bước ra khỏi võ đường đi thẳng về nhà.

*

Cụ Chánh bái Chu đưa tay vuốt mấy nếp nhăn trên chiếc áo thụng xanh, chỉnh cái khăn đóng cho thật ngay ngắn rồi với lấy cây gậy mây, chống bước đi ra đình. Cụ Chu năm nay thấy mình đã yếu hẳn, cũng đã định trong lòng người thay thế chức chánh bái, nhưng cụ lần lựa, để qua lễ tế lần này đã. Không phải cụ tham cái đầu heo dành cho chức chánh bái, nhà cụ thuộc hạng dư ăn để. Cũng không phải muốn được nể vì, mười mấy năm trước, khi cụ chưa làm chánh bái thì mọi người khi gặp cụ đều chắp tay bẩm thưa, trọng vọng. Điều làm cụ nấn ná chính là lúc được quì trước bàn thờ Ba Ngài, nghiêm trang thành kính đọc thầm bài văn tế Ba Vua. Lúc này là lúc cụ cảm thấy gần gũi với ba vị anh hùng của đất Tây Sơn nhất.

Lệnh của triều Nguyễn Gia Miêu cả trăm năm qua vẫn còn gay gắt, hễ biết ai còn đính dấp hay ca tụng triều Tây Sơn là bị chém bêu đầu. Nhưng dù có cấm đoán như thế nào triều đình cũng không làm cho lòng dân vùng Tây Sơn nguôi đi sự cảm phục đối với ba vị anh hùng của họ. Dân làng Kiên Mỹ đã dựng lên ngôi đình trên nền nhà, nơi ba anh em Tây Sơn sinh ra, nói thác đi là nơi thờ thần. Ngôi đình mái tranh vách đất, ngăn đôi ra, phía sau thờ những bậc tiền hiền của làng. Phía trước là bàn thờ Ba Vua, không bài vị, chỉ có bộ ngũ tiện bằng gỗ cẩm lai với bát hương màu trứng sáo. Không ai biết được việc này ngoài một người, đó là cụ chánh bái của đình. Bài văn tế thuộc lòng, chỉ do vị chánh bái trước truyền miệng lại cho vị chánh bái kế tiếp. Người được truyền là một trong hai vị bồi tế và phải thề độc không được tiết lộ cho bất cứ ai. Nhờ thế mà qua nhiều đời điều bí mật vẫn hoàn toàn bí mật.

Trước đình thờ, dưới cây me cổ thụ, dân trong làng đang đứng chen chúc nhưng yên lặng hướng vào cửa chính điện được mở toang ra, khói hương nghi ngút. Sau ba hồi chiêng trống vang lừng, cụ Chánh bái Chu quì ngay trước bàn thờ, đàng sau và hai bên là hai cụ Bồi Tế, xa hơn một chút là mấy anh thanh niên học trò gia lễ mặc áo thụng xanh, thắt lưng đỏ, đầu đội mũ quan văn. Tất cả đều im lặng trong khi cụ Chu lâm râm khấn vái. Cụ Chu đưa ba nén hương cho người học trò gia lễ tiếp, cắm lên lư hương rồi kính cẩn lạy theo tiếng hô : Nhất bái... Tiếp theo là tiếng kèn, tiếng đờn cò trổi lên "Xự hò xự xang hò cống xự, xự hò xự xang hò cống xê..." Điệu nhạc tuy có hơi dồn dập nhưng mang mang sắc thái buồn thiên cổ.

Buổi tế lễ chỉ có thế, đơn giản mộc mạc, cụ Chu tuy đã làm Chánh bái những mười lăm năm rồi mà không thể nào cầm lòng, tủi cho vong linh ba vị anh hùng cái thế. Năm nào cũng vậy, cụ không ở lại tham dự bữa tiệc mà đi thẳng về nhà đốt mấy nén hương cắm trước

bàn thiên, hướng về phía đình bái mấy bái. Cụ đưa tay vuốt vuốt chòm râu, thở dài u uẩn. Trên đôi mắt lờ đờ già nua nhìn sâu vào đĩ vãng ấy thoáng mấy hạt nước mắt, thứ nước mắt đã trở thành kim cương bất hoại.

Sau buổi tế lễ ở đình thì đến phiên các sư bắt đầu tụng kinh cúng Trời Phật trên đàn tràng cất xéo trước mặt đình cũng là chợ của làng. Đàn tràng dựng lên bằng tre cao trên ba thước, sàn làm bằng những tấm phản mượn trong dân chúng, sau ba ngọ tụng kinh thì đây cũng là cái giàn bày biện phẩm vật và con heo để cho võ sĩ các nơi tranh tài cướp lấy. Trước đàn tràng chôn một cây tre thật cao rong hết cành gai chỉ còn lại dúm lá trên đọt, người ta treo một tấm vải, gọi là phướng, bề ngang khoảng bốn tấc, dài từ ngọn tre đến gần mặt đất. Cách cây phướng một khoảng đất khá rộng là sân khấu lộ thiên dành cho các đoàn hát bội diễn liên tiếp trong ba ngày đêm. Thường thì diễn buổi đầu là tuồng Cổ Thành, tức Quan Công phò nhị tẩu, sau đó là những tuồng tích nhiều lớp như Vạn Huê Lầu, Mạnh Lệ Quân vân vân. Qua ba năm trúng mùa liên tiếp, làng Kiên Mỹ tổ chức đổ giàn lần này thật lớn có mời quan huyện đến dự. Dân trong làng thi nhau hiến phẩm vật, nghèo hiến theo nghèo, giàu hiến theo giàu. Đặc biệt con heo, cái đích của cuộc đổ giàn do ông Cửu Nang cúng nặng đến cả trăm cân, còn hai cỗ diêm mễ của ông Bang tá Trí thì quá to, quá đẹp. Để làm được hai cỗ nầy ông Bang tá Trí phải mời hai ông thợ may khéo tay về nhà may đến mười ngày. Họ may từng túi nhỏ nhuộm màu xanh đỏ, theo dạng những nét chữ Nho rồi đổ muối hay gạo vào,xong đem kết thành chữ gắn thành cái tháp cao bảy tầng trông rất đẹp mắt.

Mặt trời đã đứng bóng, các vị sư dẹp chuông mõ, cuốn tranh Phật, chậm chạp leo cầu thang xuống đài, nhường chỗ cho các pháp sư cúng phần ngã tạp. Các võ sĩ bắt đầu xuất hiện trước đài, họ mặc võ phục tay không có võ khí vì luật lệ không cho phép. Phái Thuận Truyền khoảng trên mười người, áo màu nâu trên cổ đều khoác khăn lộng thả chùng đến ngực, đứng chiếm lấy cầu thang bên phải. Phái An Thái đông hơn, khoảng hai mươi người, áo màu đen đứng thành hai lớp, một lớp hướng về phía Thuận Truyền, một lớp bao quanh cầu thang bên trái. Riêng phái An Vinh thật là đặc biệt, ngoài mười hai nam võ sĩ còn có năm cô con gái tóc thắt bím, mặc võ phục màu xanh bó sát người để lộ làn da trắng mịn , gương mặt tươi cười rạng rỡ.

Dân chúng xôn xao bàn tán, đàn bà con gái vùng đất Tây Sơn học võ khá đông, cũng có người võ nghệ rất cao cường, nhưng chưa bao giờ dự tranh đổ giàn, đây quả là một điều lạ. Trên khán đài dành cho các vị võ sư ngồi xem môn đệ mình đánh trận, Diệp võ sư hơi nhướng mày nhìn xuống mấy cô võ sĩ An Vinh, nhận ra Lý, ông ta cất tiếng cười, nói với nói với Trần võ sư:

"Hổ phụ sinh hổ tử, Trần tiểu thư là người trọng chữ tín, Diệp mỗ vô cùng thán phục, nhưng còn đại đệ tử..."

Diệp võ sư bỏ lửng câu nói. Trần võ sư nhìn thẳng vào Diệp võ sư, đáp:

"Xin đa tạ Diệp võ sư đã quá khen. Tệ nữ võ học chưa thấm vào đâu, nhưng cũng cố thay mặt An Vinh giỡn chơi với quý phái một trận."

"Khẩu khí, thật là khẩu khí!"

Hồ võ sư của phái Thuận Truyền vừa nói vừa cười cành cạch.

Trên đàn tràng các pháp sư bắt đầu xuống đài, hình hai ông Tiêu, Diện, bình hoa được dẹp sang một bên. Ông Lý trưởng đứng trên đài hướng về quan Huyện xá một cái, cất tiếng cảm ơn sự có mặt của quan Huyện, cảm ơn những nhà hảo tâm hiến lễ vật, tiền bạc cho cuộc đổ giàn. rồi kêu gọi các võ sĩ phải đấu nhau trong tinh thần thượng võ. Khi ông Lý trưởng trở lại chỗ ngồi với đám chức sắc trong làng thì hai người tráng đinh cũng vừa khiêng cái trống chầu đặt trước mặt quan Huyện. Quan Huyện mặc áo the đen, phía trong là bộ bà ba bằng lụa trắng mềm mại, chiếc thẻ bài ngà hơi nặng kéo chùng phần vải trên ngực, nước da đỏ hồng bóng lưỡng trên gương mặt bành bạnh, rõ là một bậc dân chi phụ mẫu. Ông bảo hai người lính đứng hầu hai bên đem cái lọng ra chỗ khác rồi cầm lấy dùi thong thả đánh. Hồi trống vừa dứt, quan Huyện cất tiếng thật dõng dạc:

"Đổ giàn!"

Lập tức mấy tên tráng đinh xô nhào mấy cỗ bánh và hai cỗ diêm mễ xuống đài, dân chúng nhảy xộ tới giành phần. Họ vật lộn, chà đạp lên nhau, chửi rủa rần trời, lũ trẻ con hò hét, có đứa khóc thét lên vì bị trúng đòn đau đớn. Bánh thuẫn, bánh ít bể nát văng tứ phía, những lọn vải chứa muối hay gạo cũng bị dẫm lên đổ tung ra. Một số người vồ được một món gì đó là lật đật chạy biến đi, những người chưa giành được thì lom khom mót lấy từng chút

bánh nát, chút muối, gạo rơi rớt. Còn cái lá phướng thì được thanh toán nhanh hơn, mỗi người giành giật nhau được một mảnh nhỏ. Ai cũng tin rằng hễ giành được bất kỳ thứ gì trong cuộc đổ giàn đều là quí cả. Gạo, muối đem về cất cẩn thận trên kèo nhà, nếu có người bịnh nấu chén cháo, ăn vô thấy khỏe ngay. Tấm vải phướng có những chữ nho chằng chịt ấy dùng may áo cho con nít mặc, trị được chứng giật mình khóc nhè ban đêm.

Dân chúng tranh nhau giành giật nhưng các đám võ sĩ chỉ đứng yên hầm hè nhìn nhau, đo lường thực lực. Rồi cái phần quan trọng nhất trong cuộc đổ giàn đến. Dân chúng bắt đầu tản dần ra xa, có kẻ yếu bóng vía chạy vào mấy lều chợ trống, thập thò nhìn ra. Quan Huyện cũng gióng lên hồi trống lịnh, nhưng lần này ông đứng lên, xuống lịnh đổ giàn.

Tức thì các võ sĩ ào ra động thủ để giành cầu thang lên giàn. Trận đấu chỉ diễn ra trong nháy mắt thì khựng lại vì đại đệ tử phái An Thái đã vượt gần đến chân cầu thang rồi hét lên một tiếng thật lớn thi triển công phu Bích Hổ Du Tường, hai chân bước thoăn thoắt trên cây cột tre dựng đứng. Đại đệ tử của phái Thuận Truyền cũng rảnh được tay, đu mình thoăn thoắt lên cầu thang. Riêng các võ sĩ phái An Vinh thoắt một cái đứng vô thành hàng. Người cuối cùng thì ngồi trong thế tấn và trên vai người trước nhất có một người khác đứng lên. Cô Lý phóng chân chạy lướt trên đầu của hàng người đó, vừa đến vai người cuối cùng cô chấm mũi giày lấy đà búng cong người lao vút lên đài. Vừa chạm chân xuống sàn Lý lạng người một cái đến chỗ con heo đưa tay định chộp lấy. Nhưng một tiếng quát to lên:

"Để con heo ở đó."

Đại đệ tử An Thái cũng vừa đến nơi, anh ta vừa quát vừa vung tay tấn công. Lý rút tay về, nhảy qua một bên đưa bàn tay chém vào lưng địch thủ. Hai người quần thảo ở phía bên trái của đài thì phía bên mặt, võ sĩ Thuận Truyền cũng vừa lên đến nơi, lợi dụng thời cơ anh ta lao nhanh tới con heo đưa tay chộp lấy. Mọi người reo hò vang lên tưởng phen này Thuận Truyền hưởng thế ngư ông đắc lợi, nhưng khi anh ta ôm được con heo thì cặp đang đánh nhau bỗng như tia xẹt rời ra và cùng tung đòn về phía anh. Không kịp phản ứng người võ sĩ Thuận Truyền bị một lúc cú đấm cực mạnh của Đại đệ tử An Thái cùng cú đá hiểm hóc của Lý. Anh ta chỉ kịp kêu hự lên một tiếng rồi văng ra rớt bịch xuống đài, nằm thẳng cẳng. Hạ địch thủ xong cả hai lập tức xáp lại nhau ra đòn tới tấp.

Bên tám lạng bên nửa cân quần thảo nhau thật đẹp mắt, mọi người hồi hộp theo dõi trận đấu. Tất cả thật im lặng ngoại trừ tiếng chân tay của hai đấu thủ chạm vào nhau hoặc dậm xuống đài. Đột nhiên cả hai lùi lại, đi xây vòng, mắt trừng trừng nhìn nhau không chớp, trận chiến sắp đến hồi trống mái rồi đây, mọi người như muốn nín thở. Đệ tử An Thái đang chờ Lý xuất chiêu Uyên Ương Song Cước để có cơ hội xử dụng Lão Hổ Kích Điểu, cú đánh then chốt từng đem lại thành công cho An Thái. Diệp võ sư trong tư thái ung dung cầm ly rượu nốc cạn chờ đắc thắng, Trần võ sư tuy biết rằng phen này phe An Thái lầm to, họ chưa nhận ra sự khác biệt giữa Uyên Ương Song Cước và Uyên Ương Liên Hoàn Cước, nhưng ông vẫn cảm thấy bồn chồn trong bụng.

Đột nhiên Lý lùi nhanh lại ba bước rồi tung người lên cao hai chân đá vút vào ngực địch thủ, chỉ chờ có thế võ sĩ An Thái nhảy dựng lên theo xuất chiêu Lão Hổ Kích Điểu. Đôi chân của Lý như có mắt, mũi giày của nàng xoay nửa vòng rồi chân trái trước chân phải sau liên tiếp tung vào sườn và ngực địch thủ. Chỉ nghe đệ tử An Thái rống lên , máu trong miệng vọt ào ra, anh ta gập người xuống, lăn quay trên sàn đài. Lý ôm lấy con heo quặng ngay xuống phía Hai Tấn đang chờ sẵn, bắt lấy, rồi nhẹ nhàng nhảy xuống theo. Cả hai phái Thuận Truyền và An thái đều nhất tề xông tới tấn công phe An Vinh để giành lại con heo. Trận chiến trở nên hỗn độn, tiếng la ó vang rền cả xóm làng. Nhưng những nam võ sĩ của An vinh ra đòn thật nhanh, đánh tới trước mở đường cho trận Ngũ Phương của các nữ võ sĩ hoạt động bảo vệ Hai Tấn vác heo, Lý như một cái bóng, thoạt đông thoạt tây tiếp ứng. Cứ thế đoàn võ sĩ An Vinh vượt qua khỏi đám võ sĩ của hai làng, hướng về phía Bàu Sen đi thẳng. Dân chúng ào lên vỗ tay hoan hô An Vinh vang dội.

Trên khán đài ba vị võ sư đều im lặng, khi tiếng reo hò vừa lắng xuống, Diệp võ sư, Hồ võ sư cùng đứng lên hướng về phía Trần Võ sư, bái một bái, nói

"Xin chúc mừng Trần võ sư."

Trần võ sư bái trả, nói lời khiêm nhượng. Ba người cắp ô đi về ba ngả mang ba tâm trạng khác nhau. Trời cũng đã xế chiều, một cơn gió nhè nhẹ vờn trên tàn cây me cổ thụ, lay lay mấy cộng tranh xơ xác của mái đình.●

NĂM THÌN NÓI CHUYỆN RỒNG

TRẦN QUÁN NIỆM

Trong các loài vật, có bốn loài được coi như siêu việt hơn cả, đó là rồng, kỳ lân, rùa và phượng hoàng. Rồng đứng đầu trong hàng tứ linh "Long, Ly, Quy, Phượng" nên cái gì cũng trội hơn cả.

Hình dáng

Phượng hay Phụng hay Phượng hoàng là loài chim quý. Tuy có lẽ không ai trông thấy nó bao giờ, nhưng căn cứ vào các bức tranh của hoạ sĩ Tầu, thì chim Phượng trông mường tượng loài công hay trĩ hay loài Paradise bird bên miền rừng rậm nhiệt đới. Bộ lông phùng xoè đẹp mã, đuôi dài, thường thích đậu trên cành Ngô Đồng. Chim mái là Loan, chim trống là Phượng. Bên Âu châu không có giống chim này, nhưng đôi khi người ta cũng gọi chim ưng (eagle) là Phượng hoàng.

Qui hay Ruà, dáng dấp cục mịch nặng nề, mỗi khi đi đâu là mang cả cái nhà trên lưng, nên di chuyển có phần chậm chạp nhưng được cái an toàn. Hễ nguy hiểm thì rút đầu, thụt cẳng núp trong nhà, thi gan cùng kẻ thù. Đợi khi kẻ địch chán nản bỏ đi, lại thò đầu, thò cẳng tiếp tục hành trình. Tuy hình dáng không đẹp đẽ, nhưng nhờ biết hấp thụ linh khí của trời đất nên thường sống rất lâu. Có cụ rùa thọ cả ngàn năm. Các cụ thường được tạc tượng, đứng âm thầm trong các đền miếu, trên lưng đội cây đèn, hay cho bác Hạc đậu nhờ. Cụ rùa nổi tiếng nhất có lẽ là cụ rùa đớp cây gươm của vua Lê Thái Tổ tại hồ Hoàn Kiếm. Nghe đâu cụ vẫn còn sống tại hồ này.

Ly hay Lân hay Kỳ Lân là một loài mãnh thú trông tương tự sư tử nhưng bộ tướng dữ dội hơn nhiều. Tại các miếu đình Việt Nam người ta hay tạc tượng kỳ lân đứng chầu ngoài cổng, mặt to, mũi lớn, dáng dấp oai phong, miệng ngậm một viên ngọc lớn, đôi khi nhả xuống đất, lấy chân vờn chơi. Ngoại trừ giống kỳ lân mà mấy chú ba thường tổ chức múa lượn vào dịp đầu năm, thì chưa ai thấy được loài này bao giờ. Tương truyền mỗi khi kỳ lân xuất hiện đó là điềm có thánh nhân ra đời.

Long hay Rồng hình dáng kỳ dị quái gở hơn nhiều. Đầu lạc đà, sừng hươu, tai bò, mình như mình rắn lại có vẩy tựa vẩy cá chép, mắt yêu, có bốn chân tựa chân cọp, mỗi chân có bốn vuốt như vuốt chim ưng. Riêng rồng là chân mạng của nhà vua thì có đến năm vuốt.

Rồng không có cánh nhưng biết bay.

Xuất xứ của rồng

Nơi xã hội Đông Phương, hình ảnh rồng tuy cao quý nhưng rất quen thuộc gần gũi. Đâu đâu cũng có rồng, từ nơi cung điện vua chuá cho đến các đền thờ, đình miếu. Tại các phố Tầu, tiệm Tầu quốc nội cũng như quốc ngoại, thế nào cũng phải có hình rồng và phượng. Trong văn chương huyền thoại không thiếu gì chuyện kể về rồng. Từ những vị Long Vương mặt rồng dữ tợn đến các loài độc long hung ác, nổi gió tuôn mưa, gây bão táp phá hại mùa màng, tạo cảnh lụt lội. Trong rừng truyện kiếm hiệp thời tiền chiến, có truyện "Long Hình Quái Khách," chàng kiếm khách Kim Hồ Điệp, mỗi lần ra tay hành hiệp cứu dân trừ tham nhũng, cường hào, ác bá lại đội lốt đầu rồng, khiến bọn quan lại sâu dân mọt nước kinh hồn táng đởm, gây say mê cho bao triệu độc giả đủ mọi lứa tuổi. Thời cận đại, Kim Dung viết truyện võ hiệp kỳ tình "Cô gái Đồ Long" với thanh Đồ long đao (đao chém rồng) cũng làm sống dậy phong trào đọc truyện kiếm hiệp. Ấy thế mà, khi hỏi về xuất xứ của rồng thì không một ai có ý niệm nào rõ rệt cả. Có người cho rằng rồng phát xuất từ những chuyện Rắn Thần bên Ấn Độ, du nhập Trung Hoa cùng lúc với sự truyền bá của đạo Phật. Có người cho rằng rồng có thể là loài rắn biển rất lớn, sống cả trăm năm, hay là loài thuồng luồng ẩn nấp dưới vực sâu, tu luyện lâu ngày mà thành. Hồi Hải Quân Pháp tuần tiễu vịnh Hạ Long (vịnh rồng đáp), đã có khá nhiều báo cáo trong nhật ký hải hành về sự xuất hiện của một loài rắn biển to lớn dị thường. Ở Âu Châu con rồng kỳ bí nhất, hiện còn đang bị săn đuổi ráo riết bằng mọi phương tiện điện tử tân kỳ, là con rồng hồ Lochness. Tuy nhiên con rồng này phảng phất có nhiều đặc tính của rồng Á Đông hơn là loại rồng Âu châu như sẽ nói tới ở đoạn sau.

Huyền thoại về rồng

Rồng cư ngụ nơi đáy biển lớn hay sông hồ sâu rộng, tùy theo lớn nhỏ hay ngạch trật quan cao thấp, trong lâu đài bằng san hô, mã não, cai trị các loài thủy tộc. Tuy sống dưới nước nhưng rồng chính là một vị quan của thiên triều, chịu trách nhiệm về thời tiết. Mỗi khi được lệnh của Ngọc Hoàng Thượng Đế, rồng hý lộng thần oai, bay lên trên không, vẫy vùng trong mây, phun mưa nhả gió.

Không ai biết rồng sinh sống ra làm sao, nhưng có điều chắc là rồng là loài noãn sinh (đẻ trứng), vì trong dân gian có câu "trứng rồng lại nở ra rồng." Đôi khi một vài loài khác cũng có khả năng hóa rồng như loài cá chép chẳng hạn, bằng cớ là câu "cá hoá long." Nhiều khi rồng còn phủ ngựa để sinh ra loài ngựa lai rồng gọi là "long câu" hay "long mã" có khả năng vượt bực loại ngựa thường.

So với loài người thì rồng cao cấp hơn một bậc vì rồng có một số phép thần thông. So với các bậc thần tiên thì rồng, nói chung, chỉ là một loài có nhiều phước huệ nhưng thiếu phần trí huệ, do đó tuy được tự do ra vào cõi tiên nhưng chỉ được coi như phương tiện di chuyển, bằng chứng, ta thường thấy có in hình đức Bồ Tát Quán Thế Âm, đứng trên mình rồng, vượt biển Đông sóng gió cứu dân t nạn. Hoặc ngày xưa khi Đường Tam Tạng thỉnh kinh, cưỡi con ngựa bạch, vốn là một vị tiểu long hóa hình.

Tuy nhiên các vị vua rồng (long vương) phẩm hạnh cao quý hơn nên có thể hóa hiện ra thân người, lấy vợ tiên, như Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ, đẻ trăm trứng, sinh ra nòi giống Lạc Việt chúng ta.

Theo các nhà địa lý Trung Hoa, nơi nào địa thế hùng vĩ, sơn thủy kỳ tú, ắt là kết tụ được vượng khí của trời đất, và thế nào cũng ngầm chứa long mạch. Long mạch được coi như thế đất tương tự hình rồng, cũng đủ đầu đuôi, qua hình dáng của hình thể cuộc dất, tuy nhiên rất khó nhận ra, trừ con mắt chuyên môn cuả các nhà địa lý. Vì đất đai, sông rạch quá to lớn hùng vĩ, đầu rồng có thể là ngọn đồi hay trái núi, mình rồng có thể là các gò đống nhấp nhô, hay con sông uốn khúc, rất khó thấy nếu đứng gần mà nhìn, nên đôi khi thầy địa lý cần ở trên cao nhìn xuống thì mới dễ nhận hơn. Tương truyền, Cao Biền, nhà địa lý lừng danh của Tầu đã cưỡi diều giấy, quan sát địa thế nước Việt ta, để tìm long mạch mà triệt yểm đi. Ai may mắn có mồ mả ông cha chôn nhằm long mạch "mả táng hàm rồng" thế nào cũng phát làm vua. Do đó các ông vua thường coi mình có "mạng đế vương," cầm tướng tinh của rồng nên khi gặp nguy thì có rồng vàng hiện ra hộ mệnh, như trường hợp vua Đinh Bộ Lĩnh lúc hàn vi, bị chú cầm gậy rượt đánh, sợ quá nhẩy đại xuống sông, bị nước cuốn đi, nên rồng hộ mệnh hiện ra, cõng trên lưng đưa vào bờ. Ghế vua ngồi gọi là "long ngai," chạm trổ rồng năm vuốt, sơn son thếp vàng. Giường vua

nằm là "long sàng," "long ỷ." Mỗi khi vua nhức đầu sổ mũi thì là "long thể bất an." Quan lại các cấp, may mắn được dịp trình diện nhà vua thì cho là được "yết kiến long nhan." Khi vua Lê Thái Tổ thiên đô về Hà Nội, ngài thấy mây trên trời kết thành hình như rồng đang bay lên không, cho là điềm tốt, nên gọi là thành Thăng Long.

Rồng trong văn chương dân gian

Ngày xưa rồng là hình tượng độc quyền do vua chúa xử dụng. Trong dân gian, chỉ nơi thờ phượng trang nghiêm mới được mang hình rồng, như trên nóc các ngôi đình luôn có tạc hình đôi rồng đang vờn một hạt ngọc "lưỡng long tranh châu" hay một khối lửa "lưỡng long chầu nguyệt."

Tuy bị cấm đoán, nhưng trong dân gian hình ảnh rồng là một hình ảnh khá quen thuộc.

Rồng vàng tắm nước ao tù
Người khôn ở với người ngu bực mình

Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa

Lỗ mũi bẩy tám gánh lông
Chồng thương, chồng bảo râu rồng trời cho

Mấy khi rồng gặp mây đây
Để rồng than thở với mây vài lời
Lỡ mai rồng ngược mây xuôi
Biết bao giờ lại nói lời thủy chung

Đầu rồng mà gối tay tiên
Ước gì tay ấy gối lên đầu này
Đầu ấy mà gối tay này
Như chim Loan Phượng đậu cây Ngô Đồng
Một mai nên vợ, nên chồng
Như cá gặp nước, như rồng gặp mây

Những nhân vật có hành tung kỳ dị khó lường hoặc kiến thức uyên bác, trùm đời thì được ví như "rồng thần quẫy khúc, thấy đầu mà không thấy đuôi." Những người có tài, ở ẩn chờ cơ hội giúp đời được coi như "tiềm long" (tiềm ở đây có nghĩa là ẩn, chứ không giống như nghĩa trong vịt tiềm. Nhân đây xin bàn thêm là trong tiếng Việt có chữ đi đôi với chữ này thì được, nhưng lại đại kỵ khi áp dụng với chữ khác, thí dụ trứng vịt lộn nghe không sao, nhưng khi áp dụng cho rồng thì ôi thôi... các nhà đạo đức... giả nghe qua phải nhăn mặt).

Rồng Âu châu

Rồng không phải chỉ xuất hiện ở Đông Phương mà thôi. Âu Châu cũng có rồng. Tuy nhiên so với người anh em lẫy lừng nhiều tài phép ở phương Đông, rồng Âu châu khác hẳn về hình dáng và tài nghệ thì tầm thường hơn nhiều. Loài rồng này mầu xanh, mình có vẩy, hình dung thô kệch, tựa loài khủng long thời tiền sử. Bụng ỏng, cổ dài và nhỏ, đôi khi có tới mấy đầu, đuôi như đuôi cá sấu, chót đuôi giống hình mũi tên. Có loại trên lưng có cặp cánh nhỏ xíu, có loại không, bộ tướng hung dữ. Thường sống trong hang động, hoặc bị xích tại các lâu đài cổ, có phận sự canh cửa như chó giữ nhà. Không có tài phép gì hơn là tài khạc ra lửa, nên lần nào đánh nhau với các chàng dũng sĩ mặc giáp, mang gươm cũng thua liểng xiểng. Chết rồi mà vẫn chưa yên, còn bị các chàng dũng sĩ cắt đầu, mang về như một món quà hỏi vợ.

Rồng trong đạo Phật

Từ lâu nay, kẻ viết bài này vốn mê lầm trong cõi đời sắc tướng trần tục, lại thấm nhuần chút ít kiến thức khoa học thực nghiệm hời hợt Âu Tây, nên chỉ tin những gì tay sờ mắt thấy, còn không thì cho là không hiện hữu, nên thường coi rồng là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nhất là khi thấy hình dạng lai căng của rồng, tựa như sáng tác cuả những ông họa sĩ Tầu chuyên vẽ ma (1).

Gần đây có dịp đọc kinh Phật, thấy chép rằng mỗi khi Phật giảng pháp, các loài cầu hội về nghe, trong đó có loài rồng. Lại nữa, kinh sách chốn Phật môn, có huyền ký truyền ngài Long Thọ, vị tổ thứ 14 của thiền tông Ấn Độ, đồng thời cũng là tổ của mật thừa, đã xuống long cung lấy hai bộ kinh Đại Bát Nhã và Hoa Nghiêm mang lên lưu bố nơi trần thế.

Trong cuốn tiểu luận về mật tông, cư sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng cũng đề cập tới đoạn khi các bậc tu hành đã chứng ngộ đắc quả, thì có thể nhìn thấy các cảnh giới khác, thấy được các vị Bồ Tát và rồng.

Nếu sách vở đã ghi chép rõ như thế, chẳng hóa ra loài rồng có thật, và nơi đáy biển có lâu đài, cung điện của long vương hay sao?

1. Có một họa sĩ tài ba, vẽ gì cũng được. Có người hỏi "Vẽ gì dễ nhất" Bèn trả lời "Vẽ ma dễ nhất." Hỏi tại sao. Đáp "Vẽ ma dễ, vì không ai biết hình dạng ma ra sao, nên vẽ thế nào cũng được."

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ (1975-2000)

Bài Thứ Hai: Nhóm Biên Khảo (1)

TRẦN ANH TUẤN

Các tác giả trong nhóm biên khảo sử Việt không thuần nhất. Họ thuộc đủ mọi thành phần trong xã hội Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975 và đồng thời cũng có cả những người thành tài nơi hải ngoại chưa có dịp về lại quê hương. Một số lớn những người biên khảo là giáo sư đại học trong những ngành khoa học xã hội như văn học, ngữ học, luật học, chính trị, kinh tế, và tài chánh. Một số lớn khác là những nhà văn nhà báo và cựu quân nhân. Ngoài ra là chuyên viên các ngành như văn hoá giáo dục, văn khố thư viện, khảo cổ, hành chánh, xã hội, và truyền thông. Một số là tu sĩ. Góp mặt trong nhóm cũng có thêm đại diện của các ngành y khoa và âm nhạc.

Trong thực tế, việc phân loại các tác giả là một điều không đơn giản vì một người thường đóng nhiều vai trò khác nhau. Do đó, chúng tôi căn cứ vào công việc chính của mỗi người mà định danh. Một người chỉ viết một hai tập sách tức là viết một cách tài tử- thì lấy nghề chính của họ mà xếp loại. Còn người đã có nhiều tác phẩm hay sống về nghề viết thì chúng tôi xếp họ vào giới nhà văn hay nhà báo. Còn những người chúng tôi chưa được hân hạnh biết rõ thì xin để tồn nghi.

Nhưng trên hết, tất cả những tác giả sau đây đều thuộc một nhóm, tức nhóm biên khảo sử Việt tại Bắc Mỹ. Xin xem bảng sau đây.

Thành Phần Nhóm Biên Khảo (2)

1.- Giáo sư đại học: 16 người
2.- Nhà văn nhà báo: 15 người
3.- Chuyên viên các ngành: 14 người
4.- Cựu quân nhân: 12 người
5.- Tu sĩ: 6 người
6.- Bác sĩ: 2 người
7.- Nhạc sĩ: 2 người
8.- Chưa xếp loại: 21 người
Tổng cộng: 88 người

1.- Giáo sư đại học:

Giới giáo sư đại học viết về sử Việt gồm cả thảy 16 người. Đó là quí vị giáo sư Chung Hoàng Chương, Huỳnh Đình Tế, Huỳnh Kim Khánh, Huỳnh Sanh Thông, Lê Văn, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Thuyết Phong, Nguyễn Văn Canh, Tạ Văn Tài, Vĩnh Sính, Vũ Đình Trác, và Vương Hồng Sển.

Giáo sư Chung Hoàng Chương hiện giảng dạy tại Viện Đại Học CSU San Francisco và Trường Đại Học Cộng Đồng San Francisco City College. Ông du học tại Bỉ trước năm 1975 rồi tiếp tục học tại tiểu bang California. Luận án tiến sĩ giáo dục của ông được trình tại Viện Đại Học Công Giáo University of San

Francisco, Hoa Kỳ. Ông hiện phụ trách các giảng khoá về văn hoá và lịch sử lập cư của người Việt tại Hoa Kỳ tại hai trường đại học nói trên. Ông cũng phụ trách chương trình trao đổi sinh viên giữa trường San Francisco City College với các đại học tại Việt Nam.

Giáo sư Chung Hoàng Chương cũng còn là một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp, tốt nghiệp đại học về ngành này. Các tác phẩm ảnh nghệ thuật của ông với chủ đề đất nước và con người Việt Nam- đã được triển lãm nhiều nơi và nhiều lần tại vùng Bắc California.

Giáo sư Huỳnh Đình Tế hoàn tất các chương trình cử nhân và cao học tại Pháp và Anh quốc. Sau đó ông tiếp tục du học tại Hoa Kỳ và lấy bằng tiến sĩ giáo dục tại Viện Đại Học Columbia năm 1960. Trở về nước, ông giảng dạy tại Viện Đại Học Sài Gòn rồi sang dạy tại Thái Lan.

Từ năm 1975, làn sóng những người tị nạn từ ba nước Việt Mên Lào đổ vào Hoa Kỳ rất nhiều tạo nên nhu cầu lớn và khẩn thiết về chương trình đào tạo giáo chức và soạn thảo sách giáo khoa cho các học sinh các sắc tộc. Do đó, giáo sư Huỳnh Đình Tế thường cộng tác với các cơ quan giáo dục liên bang, tiểu bang, các viện đại học, và các tổ chức tư nhân để đáp ứng nhu cầu nói trên. Thí dụ như ông cộng tác với Viện Đại Học CSU Long Beach để điều hành và giảng dạy chương trình huấn luyện giáo sư song ngữ trong thập niên 80. Hay ông cộng tác với Viện Đại Học CSU San Diego để hoàn tất những sách tham khảo như *The Indochinese And Their Cultures, Introduction To The Vietnamese Culture...* Đây không phải là những thiên nghiên cứu thâm sâu, nhưng rất hữu ích cho những ai nhất là giới giáo chức trung tiểu học trong hệ thống giáo dục Hoa Kỳ- muốn biết những nét tổng quát nhưng căn bản về lịch sử, văn hóa, và văn học Việt Nam.

Giáo sư Huỳnh Kim Khánh tốt nghiệp tiến sĩ chính trị học tại Viện Đại Học UC Berkeley năm 1972 với luận án *Vietnamese Communism: The Pre-Power Phase 1925-1945.* Luận án ấy sau được Viện Đại Học Cornell xuất bản dưới tựa đề *Vietnamese Communism 1925-1940* (New York, 1982, 379 trang). Đây là tác phẩm trình bầy chi tiết và khoa học về những diễn biến phát sinh và phát triển của phong trào Cộng Sản Việt Nam từ thuở khai sinh cho đến khi cướp được chánh quyền.

Trong thập niên 70, giáo sư Huỳnh Kim Khánh tích cực trong những sinh hoạt văn hóa và đại học liên hệ đến Việt Nam, và là chuyên viên nghiên cứu tại Ban Đông Á Học, Viện Đại Học Toronto, Gia-nã-đại. Rồi ông được về giảng dạy môn chính trị học tại Viện Đại Học Cornell khoảng đầu thập niên 80. Điều đáng tiếc là chỉ ít lâu sau, giáo sư Huỳnh Kim Khánh bị bạo bệnh mà từ trần, khiến cộng đồng Việt Nam mất đi một nhà nghiên cứu nghiêm túc.

Huỳnh Sanh Thông là một giáo sư đại học Hoa Kỳ với cung cách xuất thân rất đặc biệt. Theo như chúng tôi biết, ông chỉ tốt nghiệp cử nhân, nhưng đọc rất nhiều và trở thành một trong vài giáo sư đại học Hoa Kỳ đầu tiên được giải thưởng MacArthur, một giải mà giáo sư đại học Hoa Kỳ thành danh nào cũng ước mơ. Giải thưởng MacArthur đặc biệt ở chỗ không có người đề cử hay ứng cử. Hàng năm, ban tổ chức chấm giải xét và trao giải cho một số những giáo sư mà họ coi là xứng đáng nhất. Ban tổ chức sẽ vinh danh những vị giáo sư ấy và kèm theo là một số hiện kim rất lớn có khi hơn 300,000 mỹ kim- để người được giải thưởng thoát khỏi những ràng buộc của nợ áo cơm hàng ngày mà chú tâm vào công cuộc nghiên cứu riêng của mình trong nhiều năm.

Uy tín của giáo sư Huỳnh Sanh Thông đối với giới đại học Hoa Kỳ rất lớn. Lời nói của ông rất có sức nặng, vì ông được họ tôn kính là dịch giả hàng đầu về văn học cổ điển Việt Nam. Giáo sư Huỳnh Sanh Thông cũng chính là một trong những sinh viên Việt Nam đầu tiên du học Hoa Kỳ từ cuối thập niên 40 trong thế kỷ XX. Sau khi thành tài, hình như ông chỉ về nước thời VNCH trong... mấy ngày rồi trở qua Hoa Kỳ sống và làm việc liên tục cho đến nay. Nhưng giáo sư Huỳnh Sanh Thông vẫn là một tâm hồn thuần Việt, không lái xe hơi, và luôn luôn đắm mình trong dòng văn học cổ điển Việt Nam. Bản dịch các truyện cổ như *Trê Cóc, Lục Súc Tranh Công, Chinh Phụ Ngâm,* và nhất là *Truyện Kiều* của ông được giới khoa bảng Hoa Kỳ coi là những tuyệt tác của một thứ Anh văn hoa gấm mà thế-giới-nói-tiếng-Anh chỉ còn biết ngả mũ kính phục.

Trong thập niên 80, giáo sư Huỳnh Sanh Thông là chủ biên của *Vietnam Forum*, một bán niên san của Viện Đại Học Yale. Ngoài tạp chí này, ông cũng trông coi luôn bộ *Lạc Việt,* thực chất là những quyển sách in dưới hình thức tập san, thí dụ như *Lạc Việt* số 1 là

Hoa Địa Ngục, thơ Nguyễn Chí Thiện bản dịch Huỳnh Sanh Thông, *Lạc Việt* số 2 là *Chinh Phụ Ngâm,* thơ Đặng Trần Côn và Phan Huy Ích bản dịch Huỳnh Sanh Thông...

Tuy nhiên, một số văn thơ cổ mà giáo sư Huỳnh Sanh Thông phổ biến có lẽ đã không đúng với nguyên tác. Thí dụ như thơ của Nguyễn Khuyến. Chúng tôi không biết giáo sư Huỳnh Sanh Thông dựa vào bản gốc nào mà một số bài thơ của Nguyễn Khuyến được giáo sư trích dẫn khác với những gì giới học sinh trung học Việt Nam được học trước năm 1975. Bài *Bạn Đến Chơi Nhà* chẳng hạn, được giáo sư Huỳnh Sanh Thông in nguyên văn như sau, trong *Vietnam Forum* số Đông-Xuân 1988, trang 196 như sau (chúng tôi cho in đậm những chỗ dị biệt):

Chẳng mấy khi nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả khôn **mò** cá.
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà.
Cải đã tàn cây, cà chửa nụ.
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bạn đến chơi đây, ta với ta !

Bản chúng tôi thuộc lòng mấy chục năm nay là:

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả khôn **chài** cá.
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà.
Cải chửa ra hoa, cà chửa nụ.
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta !

Các bài *Tự Trào, Vịnh Mùa Thu,* hay bài *Hội Tây* của Nguyễn Khuyến trong cùng số *Vietnam Forum* nói trên cũng đều có những câu lạ, xin in đậm như sau:

- **Ta** cũng chẳng giầu cũng chẳng sang (trang 196)
- Nước biếc trông như tầng **khói** phủ (trang 198)
- Cậy sức cây đu nhiều chị **nhún** (trang 200).

Khi những dòng chữ này đang được viết, chúng tôi được biết giáo sư Huỳnh Sanh Thông không được khoẻ. Là một kẻ hậu sinh với lòng kính ngưỡng bực tiền bối, chúng tôi cầu chúc ông sớm bình phục.

Giáo sư Lê Văn là cựu Phụ Tá Tổng Trưởng Giáo Dục Và Văn Hóa VNCH. Ông cũng là cựu Khoa Trưởng Đại Học Sư Phạm Huế, rồi cựu Phó Khoa Trưởng Đại Học Sư Phạm Sài Gòn cho đến ngày 30 tháng Tư năm 1975. Sang Hoa Kỳ từ năm 1975, giáo sư Lê Văn trở thành chuyên viên giáo dục tòng sự tại Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California.

Sau khi về hưu năm 1997, ông cùng giáo sư Lê Bảo Xuyến sáng lập cơ quan Southeast Asian Culture and Education Foundation (SEACEF) chuyên xuất bản những tài liệu văn hóa và giáo dục cung cấp cho hệ thống các trường trung tiểu học Hoa Kỳ và các cơ quan nghiên cứu. Ông cũng là chủ nhiệm *Dòng Việt,* một chuyên san được xuất bản liên tục từ năm 1993, mỗi số là một chủ đề như số một: *Ngôn Ngữ Văn Tự Việt Nam,* số bốn: *Viện Đại Học Huế,* số 6: *Đại Học Văn Khoa Sài Gòn...* Năm 1991, ông cho xuất bản, cùng với giáo sư Chung Hoàng Chương, tập tài liệu tựa đề *The Amerisians* trình bầy vấn đề định cư của giới con lai tại Hoa kỳ trong thập niên 80 và 90.

Giáo sư Nguyễn Anh Tuấn là một trong những chuyên viên hiếm hoi có thẩm quyền nhất trong ngành kinh tế tài chánh thời Việt Nam Cộng Hòa. Ông tốt nghiệp Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Pháp tại Paris, và tiến sĩ kinh tế học tại Viện Đại Học Kansas, Hoa Kỳ. Sau khi thành tài, ông trở về nước giảng dạy các môn kinh tế và tài chánh tại Viện Đại Học Sài Gòn. Ông cũng từng tham chính trong chính phủ với chức vụ Bộ Trưởng Tài Chánh Việt Nam Cộng Hòa.

Sau khi Cộng Sản chiếm được miền Nam, ông bị kẹt lại. Mãi đến năm 1983 ông mới vượt thoát đến Hoa Kỳ và làm giáo sư thỉnh giảng tại mẫu hiệu, tức Viện Đại Học Kansas.

Giáo sư Nguyễn Anh Tuấn không phải là một khuôn mặt xa lạ với giới cầm bút. Ông là tác giả của các tác phẩm *Hiệp Định Geneve 1954* (Sài Gòn, 1964), *Vietnam: Report On The National Economic Situation* (Sài Gòn, 1966), và *Monetary Policy Of Vietnam* (Sài Gòn, 1969).

Sau sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa, ông nhìn lại toàn bộ nền kinh tế của chế độ cũ và bắt đầu công cuộc tổng kết. Mãi mười năm sau, cuộc tổng kết mới hoàn thành tại nơi ông dạy học. Đó là tác phẩm *South Vietnam Trial And Experience. A Challenge For Development* được Viện Đại Học Ohio xuất bản năm 1987, dầy 461 trang.

South Vietnam Trial And Experience. A Challenge For Development là thành quả cụ thể của một kế hoạch gia và kinh tế gia nhìn vấn

đề trên tầm mức quốc gia và quốc tế. Đây không phải là một tác phẩm viết cho đại chúng. Nó có chỗ đứng riêng biệt và lẻ loi nhằm giúp cho giới đại học và kinh tế tài chánh quốc tế thấu hiểu những thử thách cho sự phát triển kinh tế trong bối cảnh chiến tranh mà đặc thù là trường hợp Việt Nam Cộng Hòa trong giai đoạn 1954-1975. Ông cũng chứng minh qua các dữ kiện thống kê của các tổ chức quốc gia và quốc tế- những sự phát triển và tiến bộ của VNCH về phương diện kinh tế trong thập niên 65-75, và ngụ ý rằng *sự sụp đổ của VNCH là điều có thể tránh được.*

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa là một nhà ngữ học và từ điển học. Ông là một trong những người sinh viên Việt Nam đầu tiên du học ở Hoa Kỳ, vào mùa thu năm 1948. Ông tốt nghiệp tiến sĩ giáo dục năm 1956 tại Viện Đại Học New York. Ông về nước năm 1957 và đóng ngay vai trò quan trọng trong hệ thống đại học công lập và cơ quan văn hoá thời VNCH: Khoa Trưởng Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, Giám Đốc Nha Văn Hoá, và Tổng Thư Ký Ủy Hội Quốc Gia UNESCO.

Trở lại sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ kể từ năm 1966, vai trò của giáo sư Nguyễn Đình Hòa cũng quan trọng không kém: Cố Vấn Văn Hoá Và Giáo Dục cạnh Toà Đại Sứ VNCH tại Hoa-thịnh-đốn, và Giám Đốc Trung Tâm Việt Học thuộc Viện Đại Học Nam Illinois cho đến khi về hưu năm 1990.

Viết là thiên hướng của giáo sư Nguyễn Đình Hoà từ thuở nhỏ nên khi về hưu, ông viết còn hăng hơn cả những năm tháng của thuở vào đời và thuở tráng niên, là những thời kỳ ông còn phải bận rộn soạn bài và chu toàn những trách nhiệm hành chánh hàng ngày. Trong một điện thư gửi chúng tôi hồi tháng 12 năm 1999, giáo sư Nguyễn Đình Hoà cho biết ông đang viết một lúc bốn (4) quyển sách !

DƯƠNG KIỀN

NẾU

Nếu hoa hồng biết nói,
Sẽ nói với mùi hương.
Khoe sắc trong tia nắng,
Ca ngợi tình yêu thương.

Nếu chim trời biết nói,
Sẽ kể chuyện mây trôi.
Bềnh bồng đem mưa tưới,
Những cánh hồng xanh tươi.

Nếu cây rừng biết nói,
Sẽ rì rào không thôi.
Bao nhiêu mầm non mới,
Đem sự sống cho đời.

Nếu giòng suối biết nói,
Sẽ suốt ngày reo vui.
Điệu nhạc nào êm ái,
Tạo Hóa hiến cho người.

Chỉ loài người biết nói,
Xin đừng nói hận thù.
Hòa chung muôn tiếng nói,
Thành điệu nhạc thiên thu.

Na Uy-1999

Tác phẩm mới nhất của ông đã được độc giả đón nhận thật nồng nhiệt, và chỉ trong vòng ít tháng, ấn bản đầu tiên do nhà McFarland (North Carolina, Hoa Kỳ) xuất bản đã bán hết. Đó là quyển *From The City Inside The Red River: A Cultural Memoir Of Mid-Century Vietnam,* dầy 217 trang.

From The City Inside The Red River: A Cultural Memoir Of Mid-Century Vietnam là

một hồi ký phản ánh chính xác và phong phú đời sống giáo dục, văn hoá, và xã hội Việt Nam giữa thế kỷ XX nhờ tác giả cất giữ được nhiều tài liệu như giấy tờ, thư từ, và sách báo đương thời. Vì thế chỉ trong đôi ba lần ra mắt, sách đã không còn để tiếp tục được giới thiệu trong những lần ra mắt dự định nữa. Đây chính là dấu hiệu tốt trong sinh hoạt văn hoá Việt Nam tại hải ngoại. Người viết đừng sợ sách xuất bản bị ế, chỉ sợ sách viết không hay mà thôi !

Nguyễn Hưng Quốc, tên thật Nguyễn Ngọc Tuấn, vượt biển năm 1985 và năm sau được định cư tại Pháp. Đến đầu năm 1991, ông thiên cư qua Úc-đại-lợi. Cũng cùng năm ấy, ông ra mắt làng văn với tác phẩm do một nhà xuất bản có uy tín là nhà Văn Nghệ do Từ Mẫn Võ Thắng Tiết điều hành ở tiểu bang California. Đó là tác phẩm mang tựa đề *Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản,* 385 trang. Đây là một thiên biên khảo bao quát lịch sử văn học dưới chế độ Cộng Sản từ năm 1945 cho đến khi tác giả ngồi xuống kết toán vào năm 1990. Số lượng gần 400 trang sách in đã đủ cho Nguyễn Hưng Quốc phân tích lịch sử một thời kỳ văn học với tất cả những chi tiết cụ thể của nó, từ cách tổ chức, đào tạo, đãi ngộ, đến các giai đoạn phát triển, và các thể loại của dòng văn học ấy. Phần văn học phản kháng tại Việt Nam trong những năm 1986-1990 chỉ là một tổng luận quá ngắn ngủi với 32 trang. May thay, người đọc đã có thể có ít nhất 1000 trang khác trong hai tác phẩm bổ túc cho sự thiếu sót ấy. Đó là tuyển tập *Văn Chương Đối Kháng Quốc Nội* do Trần Nghi Hoàng xuất bản (California, 1990, 223 trang), và *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương: Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng Tại Việt Nam 1986-1989* do nhà Lê Trần xuất bản (California, 1990, 797 trang).

Thế rồi Nguyễn Hưng Quốc xuất hiện thường xuyên hơn, trên các báo văn học đứng đắn ở Hoa Kỳ và Úc như *Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Việt* ... và trong các tác phẩm như *Thơ V. V... Và V. V..., Võ Phiến.* Ông hiện dạy Việt Ngữ và Việt Học tại trường Victoria University of Technology ở Footscray, Úc và là chủ bút tạp chí *Việt,* một bán niên san xuất bản tại Úc.

Bài vở của *Việt* bao giờ cũng tập trung vào một chủ đề với nội dung mới lạ, quá mới lạ đến độ gây nên những tranh luận trong giới văn nghệ hải ngoại. Thí dụ như trong *Việt* số 2, chủ đề *Sống Và Viết Tại Hải Ngoại* đã gây tranh luận giữa Nguyễn Hưng Quốc, Phạm Thị Hoài, và Hoàng Ngọc-Tuấn với Trùng Dương và Thế Uyên.

Càng ngày Nguyễn Hưng Quốc càng tự chứng tỏ là một cây bút tổng hợp sắc sảo và đầy những ý tưởng mới mẻ, nhưng không phải là không có những lúc đi vào sự lập dị. Cứ đọc một tựa sách của ông, *Thơ V. V... Và V. V...,* hay một từ ngữ *chủ nghĩa iện (sic) đại,* hay câu kết luận trong một bài viết đăng trong *Việt* số 2, trang 10, nguyên văn, *Viết văn trở thành một cách hành lạc đau đớn của những người bị bất lực.*

Giáo sư Nguyễn Khắc Xuyên vốn là một tu sĩ. Ông thọ phong chức linh mục năm 1954 và được sang Pháp du học, tốt nghiệp tiến sĩ thần học năm 1958. Cùng năm ấy, ông về nước và giảng dạy tại các chủng viện Công Giáo. Năm 1962 ông được tuyển dụng vào dạy tại Viện Đại Học Đà Lạt. Hai năm sau đó, ông lại sang Pháp học thêm, đồng thời sưu tầm tài liệu cho công cuộc nghiên cứu chữ quốc ngữ của ông. Rồi ông bỏ chức linh mục, ra ngoài đời, lập gia đình.

Trong phạm vi chuyên môn, giáo sư Nguyễn Khắc Xuyên là một trong những tiếng nói có thẩm quyền về chữ quốc ngữ trong giai đoạn hình thành và lịch sử đạo Thiên Chúa tại Việt Nam trong thế kỷ XVII. Ông liên tục theo đuổi hai đề tài này từ những năm 60 đến nay.

Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên hiện sống tại Nha Trang. Ông thường viết bài cho *Nghiên Cứu Lịch Sử* và *Xưa Nay,* những tạp chí sử học tại Việt Nam. Tuy sống ở Việt Nam, Nguyễn Khắc Xuyên có nhiều sách được xuất bản ở Hoa Kỳ. Đó là những bản tường trình của các thừa sai đầu tiên tại Đàng Trong và Đàng Ngoài. Những bản tường trình ấy đã trở thành tài liệu lịch sử đầu tay đương thời thuộc thế kỷ XVII hiến những chi tiết quí giá về buổi đầu của giáo hội Công Giáo Việt Nam và lịch sử chữ quốc ngữ. Những sách này do nhà Ánh Sáng tại California xuất bản, như *Tường Trình Về Đàng Trong 1645 Của Alexandre De Rhodes* (California, không năm xuất bản, 132 trang), *Để Hiểu Lịch Sử Đạo Thiên Chúa Ở Việt Nam Đầu Thế Kỷ 17. Những Tường Trình Của Các Thừa Sai Đầu Tiên Gaspar Luis, Giuliano Badinotti, Antonio F. Cardim, Gioan Maracci* (California, 1984, 174 trang).

Giáo sư Nguyễn Khắc Xuyên cũng còn là một nhạc sĩ Công Giáo. Năm 1991, nhà

Zieleks ở Texas ấn hành *Tiến Trình Thánh Nhạc Việt Nam Qua Nhạc Đoàn Lê Bảo Tịnh,* 444 trang, là hồi ký của ông về lịch sử âm nhạc Công Giáo Việt Nam với một phụ lục gồm 180 bài thánh ca.

Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy là một con người đa tài đa năng với lòng yêu nước nồng nàn. Ông lúc nào cũng thiết tha đến tiền đồ tổ quốc, chính nghĩa quốc gia, và sự phúc lợi của toàn dân. Ông tích cực tranh đấu cho nền độc lập, tự do, và dân chủ cho Việt Nam liên tục từ năm 1964 năm ông về Sài Gòn sau khi học thành tài ở Pháp- cho đến năm 1990 ở hải ngoại, khi bệnh tật cướp đi mạng sống của ông.

Cuộc đời của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy thực phong phú với vô vàn những sinh hoạt khác nhau, nhiều khi không liên hệ với nhau. Hồi còn ở Sài Gòn trước năm 1975, ông là một giáo sư đại học nhưng giản dị đi dạy bằng xe Honda. Ông là lý thuyết gia của một đảng chính trị. Ông là nhà luật học. Ông là thi sĩ. Bài *Anh Hùng Vô Danh* có nội dung hào hùng và cảm động mà bất cứ người học sinh trung học nào trước năm 1975 cũng thuộc lòng là một bài thơ do ông sáng tác nhằm vinh danh những anh hùng vô danh trong lịch sử Việt Nam. Ngoài thơ, ông còn viết rất nhiều. Đề tài ông viết rất phong phú và đa dạng: lịch sử, chính trị, văn hoá, văn học, luật học, ngữ học, ...

Sau khi ông mất, những di cảo của ông được giáo sư Trần Minh Xuân lần lượt đem xuất bản. *Tên Họ Người Việt Nam* là di cảo thứ bẩy (7) của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy được xuất bản mới đây nhất (California, 1999, 286 trang), nội dung lý giải một cách độc đáo và đầy sức thuyết phục những cách đặt tên của người Việt Nam.

Giáo sư Nguyễn Thuyết Phong xuất thân tiến sĩ nhạc học, tốt nghiệp năm 1982 tại đại học Sorbonne, Pháp. Kể từ năm 1985, ông sang định cư tại Bắc Mỹ và giảng dạy cùng trình diễn nhạc tại các đại học Hoa Kỳ. Ông là người có công đi khắp nơi trên thế giới để ghi lại những thể loại nhạc Việt khác nhau, từ nhạc tôn giáo đến dân ca, từ nhạc truyền thống đến nhạc sân khấu... và đưa vào làm tài liệu nghiên cứu trong các thư viện quốc tế như Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, thư viện Đại Học Kent. Ông cũng là tác giả của nhiều tác phẩm nghiên cứu về âm nhạc Việt Nam viết bằng các ngôn ngữ Việt, Anh, Pháp, và Nhật (?). Chính bản *Dạ Cổ Hoài Lang* -bản vọng cổ đầu tiên- đã được Nguyễn Thuyết Phong ký âm và phổ biến trong một trong những tác phẩm của ông, tức quyển *Thế Giới Âm Thanh Việt Nam* (California, 1989, 202 trang).

Giáo sư Nguyễn Văn Canh xuất thân Đại Học Luật Khoa Sài Gòn. Ông đỗ tiến sĩ Luật năm 1972, sau đó được giảng dạy tại mẫu hiệu của mình. Tháng Tư năm 1975, ông cùng gia đình di tản sang Hoa Kỳ và được nhận vào Viện Nghiên Cứu Hoover, Đại Học Stanford, để nghiên cứu về Cộng Sản Việt Nam. Các tác phẩm *Vietnam Under Communism 1975-1982* (California, 1983, 312 trang) và *Nông Dân Bắc Việt Những Năm 1945-1970* (California, 1987, 196 trang) là thành quả của những năm tháng ông miệt mài nghiên cứu tại Viện Hoover.

Trong đời sống hàng ngày, ông sáng lập và làm Giám Đốc một cơ quan thiện nguyện để nhận tài trợ từ các cơ quan xã hội hầu giúp định cư đồng bào Việt Nam tại vùng San Jose, California. Ông cũng rất tích cực trong các sinh hoạt chính trị, văn hoá, xã hội, và giáo dục tại vùng Bắc California.

Trong mấy năm gần đây, vì tình trạng sức khoẻ và tuổi đời, giáo sư Nguyễn Văn Canh đã về hưu. Ông vắng bóng trong những sinh hoạt cộng đồng. Nhưng ông luôn luôn vẫn là một trong những tiếng nói thẩm quyền nhất về Cộng Sản Việt Nam mỗi khi cần.

Tạ Văn Tài tốt nghiệp Đại Học Luật Khoa Sài Gòn và du học Hoa Kỳ để lấy tiến sĩ chính trị học năm 1965 tại Viện Đại Học Virginia. Ông về Sài Gòn giảng dạy tại Đại Học Luật Khoa Sài Gòn và Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Từ tháng 10 năm 1975, ông làm việc tại Phân Khoa Luật, Viện Đại Học Harvard. Tác phẩm *The Le Code: Law In Traditional Vietnam* (Ohio University Press, 1987) là bản dịch và chú thích bộ *Quốc Triều Hình Luật* đời Lê mà ông đóng góp phần lớn công sức. Những tác giả khác của bản dịch và chú thích này là Nguyễn Ngọc Huy và Trần Văn Liêm, có Lê Xuân Giáo tham gia ý kiến.

Vĩnh Sính hiện là giáo sư tại Viện Đại Học Alberta, Gia-nã-đại. Ông tinh thông Nhật ngữ, chuyên về lịch sử Nhật Bản. Những sinh hoạt và những sản phẩm trí tuệ của ông hầu như chỉ diễn ra và được phổ biến ở Gia-nã-đại và Việt Nam. Ông có nhiều bài viết trong các tạp chí *Đất Việt* trước kia và *Xưa Nay* bây giờ. *Đất Việt* đã tắt tiếng từ năm 1987-1988, vốn là cơ quan ngôn luận của Hội Việt Kiều Yêu Nước

tại Gia-nã-đại. Và *Xưa Nay* là cơ quan ngôn luận của Hội Sử Học Việt Nam tại Hà Nội từ năm 1994 đến nay.

Giáo sư Vĩnh Sính rất ít xuất hiện trên các sách báo của cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ. Âu cũng là một thiệt thòi cho những ai tại hải ngoại muốn tìm hiểu lịch sử Nhật Bản và Phong Trào Đông Du hồi đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, ông có lần cộng tác với giáo sư Huỳnh Sanh Thông để chủ biên *Lạc Việt* số 8, số chủ đề *Phan Bội Châu Và Phong Trào Đông Du,* cũng như viết bài cho *Vietnam Forum.*

Linh mục Vũ Đình Trác có bút hiệu là Hán Chương. Linh mục tốt nghiệp cử nhân tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn năm 1960, thạc sĩ tại Viện Đại Học Fujen Đài Loan năm 1971, và tiến sĩ tại Viện Đại Học Sophia, Tokyo Nhật Bản năm 1974. Linh mục là cựu giáo sư các trường đại học Đà Lạt và Minh Đức (Sài Gòn). Ông uyên thâm nho học, thường viết về các vấn đề triết Đông, và chủ trương tờ *Hội Hữu* nhằm xây dựng và phát triển Việt Nho.

Trong tác phẩm mới nhất của ông tựa đề *Công Giáo Việt Nam Trong Truyền Thống Văn Hoá Dân Tộc,* ông đã hiến những chi tiết quí báu và phong phú về sự đóng góp của giới tu sĩ và giáo dân trong mọi mặt của đời sống văn hoá và học thuật Việt Nam từ thế kỷ XVII đến nay. Mặt khác, linh mục đã đem tất cả những ai là tín đồ Công Giáo có máu mặt hiện đang sinh hoạt tại hải ngoại vào sách với những lời khen tặng nồng nhiệt theo truyền thống *vẻ vang dân Việt !* Ông hết lời khen tặng từ hoạ sĩ Văn Hiếu đến hoạ sĩ Vi Vi, từ ca sĩ Thảo Mi, Tuấn Vũ, đến ca sĩ Don Hồ... Đồng thời linh mục gọi những vị tiền bối Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Trường Tộ.. . là văn hữu !

Vương Hồng Sển là người sưu tập đồ cổ nổi tiếng nhất thời VNCH. Ông sinh năm 1902 và mới mất năm 1996, thọ 95 tuổi.

Trong 94 năm sống thì ông đã để ra ít nhất 85 năm sưu tầm sách báo, giấy má, thư từ, chén đĩa, tách trà, bình vôi... Phải nói là ông say mê đồ cổ mới đúng, vì ông đã phải trả giá đắt cho thú chơi này: hạnh phúc gia đình của ông đã đổ vỡ tới hai lần vì ông bỏ thì giờ vào việc săn sóc đồ cổ thay vì săn sóc người phối ngẫu.

Bộ sưu tập đồ cổ của Vương Hồng Sển đã là quí giá cho những ai học sử, nhưng chính những gì ông viết liên tục cho đời trong bốn thập niên (1960-1990) càng khiến ông trở thành một nhân vật độc đáo trong sinh hoạt văn hoá miền Nam Việt Nam.

Vương Hồng Sển là người từ nhỏ đã ham đọc, ham viết, ham sưu tầm, quan sát, lớn lên lại được bổ dụng làm quản thủ Viện Bảo Tàng Quốc Gia. Do đó, ông trở thành một tác giả và giáo sư đại học. Thời VNCH, ông đã nổi tiếng với *Thú Chơi Sách* (1960), *Sài Gòn Năm Xưa* (1968), *Hồi Ký Năm Mươi Năm Mê Hát* (1968), và bộ *Hiếu Cổ Đặc San* (1970-72). Sau năm 1975, tuy vẫn ở trong nước, ông đã cho xuất bản tại hải ngoại *Sài Gòn Tạp Pín Lù* (California, 1994, 160 trang), *Hơn Nửa Đời Hư* (California, 1995, 642 trang), và *Nửa Đời Còn Lại* (California, 1996, 434 trang). Đây là những tài liệu lịch sử và hồi ký sinh động ghi lại cảnh, người, và sinh hoạt của Hòn Ngọc Viễn Đông từ năm 1919 năm tác giả từ giã Sóc Trăng lên Sài Gòn học trường Chasseloup Laubat- đến những năm 90.

Vương Hồng Sển trở thành một tác giả được đông đảo độc giả mến mộ không những vì đề tài ông chọn rất cuốn hút mà cũng vì cách hành văn đặc biệt của ông: thân mật mà tự nhiên, tưng tửng mà hàm súc, mộc mạc mà đầy vẻ diệu cợt mỉa mai, nghĩa là đặc sệt Nam Kỳ!

Vương Hồng Sển trân quí những gì ông sưu tầm hơn là tình nhân người trần mắt thịt vì đó mới chính là những tình nhân đích thực của ông. Ông đã có quyết định đáng khâm phục nhưng đượm vẻ bất thường- là muốn để lại toàn bộ bộ sưu tập của ông cho chính quyền quản lý để công chúng và giới nghiên cứu được chiêm ngưỡng và sử dụng sau này. Và ông đã thực hiện được ý định cao cả đó, mặc dù trong những năm cuối đời, ông và gia đình ông đã gặp rất nhiều khó khăn về tài chánh.

Nơi hải ngoại, liệu có xuất hiện được một nhà mạnh thường quân thu mua cổ vật Việt Nam cùng những tài liệu, sách báo ghi dấu truyền thống và lịch sử lập cư của cả một cộng đồng?●

Alameda, tháng 1 năm 2000

Kỳ tới: Nhà văn nhà báo

Chú Thích

1) Xin xem Bài Thứ Nhất trong Thế Kỷ 21 số 126 (tháng 10 năm 1999), trang 31-37.

2) Số người trong mỗi thành phần là những số tương đối, sẽ được điều chỉnh sau.

ĐÈO ĐỘI CẬU

MIÊNG

Tôi cũng gọi ông cậu của nhỏ bạn bằng cậu, cậu Ba. Không phải vì thấy giàu sang bắt quàng làm họ, nhưng lần đầu tiên gặp, ông cứ thản nhiên ngọt như mía lùi xưng cậu, đâm cũng tiện.

Cậu Ba có thằng nhỏ sai vặt cùng tuổi với tôi, con bà Tám. Bà chỉ có mỗi mình nó, hiếm hoi muộn màng. Chồng bà trước khấm khá, cầu khẩn mãi nó chẳng chịu ra. Đến chừng làm ăn với cậu Ba rồi dần dần lụn bại thì nó lại ra, muốn sống cảnh nghèo. Chẳng hiểu hẹn hò gì, trước khi quy tiên ông lại bắt bà hứa phải cho thằng nhỏ đi giúp việc nhà cậu. Lúc nào nó cũng như cái bóng của cậu, chăm nom đèn đóm và phe phẩy quạt cùng làm một trăm thứ việc lặt vặt không tên cho cậu. Cậu thường bảo ông đi đâu thì con cũng theo nghe. Xưng "ông" cho ra vẻ chứ chắc cậu còn trẻ hơn mẹ nó nữa. Mỗi lần cậu bảo gì nó cũng dạ. Ngôn ngữ nó nghèo nàn một chữ dạ, chẳng biết nói thêm chữ không bao giờ.

Thế rồi nó có dịp biết Đà lạt vì cậu Ba lên đó dưỡng bịnh. Bà Tám hí hửng kể cho mẹ tôi nghe là bà mừng, vì như vậy nó có dịp biết đó biết đây, chớ ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn vì mẹ chưa hề biết chỗ nào xa hơn cổng chợ. Ba tháng sau thằng con về, hỏi nó Đà lạt có lạnh không, nó nói không vì nhà có sưởi, hỏi Đà lạt bông hoa nhiều lắm phải không, nó dạ ngay, trầm trồ vườn nhà ông nhiều hoa đẹp lắm... Chẳng mấy thuở nó về với mẹ, ngay cả dịp Tết nó cũng chỉ chạy vù về thăm mẹ sáng mồng một, rồi lại phải đi hầu ông. Con cậu Ba thì nhiều, những mười bốn người (năm người du học), hai vợ. Nhưng con nhà giàu thì mải bận học chữ, học đàn và đi chơi, vợ nhà giàu phải lo thù tiếp, đi đó đi đây, không ai rảnh để hầu hạ cậu. Mà cậu Ba đã đến giai đoạn thổ huyết ngày mấy bận, nên không thể sống mà không có thằng nhỏ hầu bên cạnh.

Chẳng biết gia đình tôi quen biết bà Tám từ khi nào. Chỉ biết bà ngày ngày gánh rau ngang trước nhà hay dừng lại. Trả giá xong xuôi, luôn luôn mẹ lựa trái xấu, lấy mấy trái cà chua hơi dập hoặc trái bầu sướt dọc sướt ngang. Hỏi tại sao, mẹ bảo từ đây xuống chợ còn xa, người ta

lựa tới lựa lui còn bầm dập hơn nữa, lỡ bà Tám bán không được, tội. Chắc từ từ cảm cái đức ấy của mẹ, bà Tám hay chuyện trò, tâm sự. Tánh tình bà lúc nào cũng yêu đời, ưa kể chuyện vui và thích thú nhìn chúng tôi cười.

Thế rồi bẵng đi rất lâu không thấy bà Tám gánh rau ngang nhà nữa. Một hôm chúng tôi đang ăn trưa thì bà xuất hiện, khệ nệ ôm trái bí đỏ. Bà khoe là năm nay nhờ trời dây bí sai trái, lại to, tui nhứt định phải đem kỉnh thím một trái. Mẹ mời bà gặp bữa ăn chén cơm. Mãi bà mới chịu cho, nói khi chị tôi xới cơm :

"Cho tui nửa chén thôi cô. Già cả rồi ăn chi cho lắm."

Chúng tôi vui vẻ hỏi thăm bà đủ chuyện, thằng con ra sao, bà có đau ốm gì không mà sao lâu nay không đi bán... Bà nói có dạo sâu rầy nhiều quá cắn nát hết vườn rau nhà bà. Mà thuốc trừ sâu thì mắc và pha bột nên chẳng giết được con sâu nào. Rốt cuộc bà không có gì để bán, để ăn, phải theo bạn đi làm nghề khác. Lần này thấy dây bí xanh tươi, bà lấy nước tiểu của bà cho nó uống, sâu rầy chê hôi bỏ đi sạch, dây bí không có mũi nên ngửi được, lớn như thổi. Rồi bà chép miệng :

"Làm nghề nông cực lắm thím à. Ông trời thương thì chớ, không thương thì chịu chết. Quanh năm suốt tháng lệ thuộc vào trời."

Nghe bà Tám nói, tôi chợt nhớ tới câu ca dao học ở trường: *Hai tay bưng chén cơm đầy, dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần...* Và mẹ thường bảo gạo là hột ngọc của trời, ngọc đã quý rồi mà ngọc của trời thì còn qúy phải biết ! nên không được phung phí. Ngày ngày mẹ chăm chỉ ép chúng tôi nuốt nhiều nhiều ngọc cho mạnh khỏe học hành, để lớn lên không làm người gieo ngọc.

Hỏi nghề mới của bà là gì, bà Tám trệu trạo nuốt miếng cơm rồi nhìn anh em chúng tôi, tủm tỉm :

"Cô cậu có biết đèo đội cậu không ?"

Anh tôi hơi nhíu mày :

"Đèo gì bà Tám ?"

"Đèo đội cậu."

"Ở đâu ?"

"Ở mình đây nè."

Anh tôi nhìn bà mỉm cười âu yếm ra điều an ủi một bà già nhà quê không chữ nghĩa :

"Đi ra thì có đèo Hải Vân, đi vô thì có đèo Cù Mông, đèo Cả, đèo Rù Rì, làm gì có đèo Đội Cậu bà Tám?"

"Có. Có đèo đội cậu."

Chưa hề đi khỏi quê nhà, tôi chẳng biết đèo Đội Cậu Đội Mợ ở đâu. Nhưng nghe bà trả lời cứng cỏi quá, anh tôi đâm nghi ngờ khả năng đại học của mình, lưỡng lự :

"Quái, nó ở đâu ?"

"Đã nói ở mình đây."

Rồi mắt nhương nhướng diễu cợt, bà nói một hơi :

"Đèo đội cậu chay chựn mạo riêng, bách chú khớ bạnh hồ meo kụa thùa mơi."

Tuy chẳng hiểu gì nhưng nghe ngộ quá, chúng tôi phá ra cười. Bà đọc như đọc thần chú mà mặt mày tỉnh bơ. Bị giục hỏi là gì, bà gật đầu :

"Thủng thẳng rồi tui cắt nghĩa. Vừa ăn vừa nói dễ bị nghẹn. Người già hay nghẹn lắm."

Chị tôi mau mắn:

"Bà chan canh cho dễ ăn."

"Dạ, cô cho tui miếng canh."

Mẹ ôn tồn :

"Đừng dạ với cháu, nó mang tội bà Tám à."

"Dạ."

Mặc dù trẻ hơn bà Tám, nhưng chắc mẹ cho rằng bà dạ với mình là phải đạo không tội lỗi gì, không sửa nữa. Bà Tám húp miếng canh, đằng hắng :

"Đèo đội cậu là đầu đội kẹo, chay chựn mạo riêng là chưn chạy miệng rao, bách chú khớ bạnh hồ là bớ chú khách bộ hành, meo kụa thùa mơi là mua kẹo thời mua!"

Mấy hột cơm lúng búng trong miệng tôi nhảy vọt ra ngoài. Mặt mẹ đỏ gay, người gập lại, cổ kêu hưng hức. Anh tôi buông đũa, ngả người ra ghế. Hai chị em tôi thiếu điều lăn đùng dưới đất. Bà Tám nhìn chúng tôi, cười theo hỉ hả. Trông bà đủng đỉnh. Lúc nào bà cũng có vẻ đủng đỉnh. Người ta nói như vậy là số giàu sang, an nhàn sung sướng.

Hiểu rồi, bây giờ bà làm nghề đội kẹo gừng đi bán ở bến xe. Thằng con thì thỉnh thoảng chạy thoáng về đưa tiền lương cho mẹ. Một năm hai mẹ con gặp nhau mười hai lần, lần nào cũng chốc lát. Vậy mà bà cũng vui, thường bảo dành dụm cho sau này nó có đôi có bạn.

Mùa đông năm đó gió nhiều và trời hay trở. Cậu Ba mỗi ngày một tiều tụy bạc nhược. Thuốc tây thuốc tàu dồn dập, cậu nuốt thuốc nhiều hơn nuốt thức ăn. Tới một ngày không món gì chịu chui xuống cổ nữa, cậu Ba thở khò khè suốt mấy ngày, mắt dựng ngược lên trắng dã, đứng tròng. Rồi cậu chỉ yếu ớt ngoắc ngón tay trỏ ra dấu từ giã hai vợ và mười bốn con, sáu người làm trong nhà kể cả thằng con bà Tám, bốn con chó bẹc giê, ba cái biệt thự

và bốn chiếc xe hơi. Cậu tịch diệt. Thằng con bà Tám buồn hơn cha chết.

Cậu Ba chưa được chôn cất ngay vì đi nhằm ngày trùng, phải chờ chọn được ngày tốt, chờ bà con xa gần và năm người con du học bên Tây về thọ tang. Gia đình cậu mướn một phòng lạnh ở nhà quàn, ngày ngày kinh kệ tụng niệm khói nhang nghi ngút. Không ngày nào không có hơn chục người tới lui phúng viếng. Thằng con bà Tám vẫn túc trực ngày đêm bên cạnh quan tài trong phòng lạnh ngắt, khi nào đông người quá thì nó âm thầm ra ngồi ở một góc vườn hoặc rút về căn phòng nhỏ dành cho người trông nom. Trong khi đó mẹ già nó vẫn ngày ngày đèo đội cậu chay chựn mạo riêng...

Nhưng hôm tôi theo mẹ đến phúng thì không thấy nó đâu nữa. Mẹ chép miệng hài lòng: ờ tội nghiệp, cũng phải cho nó nghỉ ngơi chút chớ !

Ngày trước hôm chôn cậu, tôi theo nhỏ bạn đến thăm, cốt chỉ để nhìn mấy người con du học bên Tây về, nghe nói một chị đẹp như đầm, sống như đầm, nói tiếng Việt đã bắt đầu lơ lớ và không chịu ăn nước mắm nữa, chê hôi.

Trong khi bạn nhang đèn và trò chuyện với thân nhân, tôi lẩn thẩn dạo dọc hành lang. Ngang qua vài phòng đóng kín, tôi bỗng hơi khựng lại trước một căn phòng hẹp bỏ ngỏ, tối tăm. Từ đó tôi nghe tiếng thở hổn hển, dồn dập ngắt quãng, tiếng nấc khe khẽ, tiếng kêu ư ứ trong cổ họng như chợt muốn thoát ra, chợt gượng giữ lại, tiếng chiếc giường sắt rên siết, nhún nhẩy, tiếng đập nhẹ vào da thịt dịu dàng vỗ về... Tôi vừa tò mò vừa lo âu vô cớ nhìn vào: trong cái lờ mờ chập choạng buổi chiều, một thân hình mảnh dẻ ngồi trên giường, đầu gục lên vai người đàn bà ngồi bên cạnh. Và cũng trong màu đen ám chướng dị kỳ ấy, một cái gì đỏ tươi rải loang lổ lên tấm ra trắng, lên vai người đàn bà như mặc chiếc áo thêu hoa... Cái đó rơi vãi dưới sàn... thành vũng nhỏ... Cổ tôi thốt ra một âm thanh gì đó lạ lùng rõ to làm hai người rời ra, và người đàn bà quay lại... Cái gì chặn ngang cổ làm tôi ngộp thở và đau nhói ở lồng ngực, bụng cồn cào quặn lên... Tôi ù té chạy...

Và tôi vấp ngã, nằm sấp trên bãi cỏ khu nhà quàn. Đau quá, tôi úp mặt xuống đất khóc rấm rức, thảm thiết, nghẹn ngào... Trong cái tranh tối tranh sáng, tôi thấy rõ hai hố mắt bơ phờ ráo hoảnh, môi nhăn nhúm khô quắt không run rẩy. Vẻ mặt sao mà ngơ ngáo, dửng dưng. Không, không phải mẹ con bà Tám! Đó chỉ là một hình vẽ rất vụng trên một miếng giấy nhàu nát màu lá úa...●

Paris, 8 Oct. 1999.

CỔ NGƯ

LẬP XUÂN

Ừ nhỉ, một triệu năm có là bao,
Khi mở mắt ra buổi sáng, thấy hoa đào
Trên má, trên môi em,
Ngoài cửa sổ,
Ở giữa hồn ảnh, thắm áo nồng hương.

Ừ nhỉ, buổi sáng thức dậy, thấy sương bay
Phả lung lay dãy đèn mờ cuối phố,
Con chim nhỏ
Trú tạm bến sông
Líu lo gọi nắng,
Đánh thức mặt trời vàng
Tròn lơ lửng không gian.

Ừ nhỉ, ngày đầu năm,
Mỉm miệng cười hân hoan chào gió,
Nhắm mắt lại, bay lên
Giữa môi em mọng đỏ
Vạn cánh đào,
Giữa lời chim nhỏ hát xôn xao,
Giữa màn sương mai chờ nắng vén,
Giữa một thoáng xuân,
Đã ngọt ngào.

Tết Kỷ Mão
Choisy-le-Roi 16.02.99

CUỘC ĐỜI CÒN ĐÓ

TẠ TỴ

Khi tôi bước chân ra khỏi quán nước chiếc bọng đái đã căng phồng, tưởng có thể đái ngay ra quán, nếu không quyết tâm kềm hãm, dù nó gây nên sự tức tưởi, khó chịu. Quán chỉ có độc một chiếc "restroom," đã có người trong đó. Tôi chẳng biết, người nào đó còn ở lâu hay chóng, nên tôi không thể đứng chờ bên ngoài. Có thể dòng nước đái sẽ tuôn ra làm ướt hết chiếc quần jeans mới thay trước khi đi làm tôi phải trở về nhà thay chiếc quần khác. Tôi biết lúc này đã hơi khuya, khi tôi về chắc vợ con đã ngủ. Nếu tôi mở tủ lấy quần áo, tạo nên tiếng động thế nào vợ tôi cũng thức giấc và nàng sẽ nói: Anh đi đâu về muộn vậy? Thôi ngủ đi anh, còn thay quần áo để đi thêm nữa à? Chắc chắn vợ tôi sẽ ngồi dậy và nàng sẽ lầu bầu: Anh đi đâu mà tối nào cũng tới khuya mới về. Thôi, tối nay ở nhà ngủ sớm một bữa, có sống chết gì đâu? Khi trước, anh đi trận hành quân cả tuần mới về, áo quần hôi hám, nào em có dám nói gì đâu, nhưng bây giờ cuộc chiến coi như đã xong, nhất là chúng mình đang sống trên đất Mỹ còn lo gì nữa? Anh đổi tính, tối nào cũng đi chơi với bè bạn, chẳng hỏi han gì tới vợ con, anh nghĩ xem như vậy có đáng buồn không? Tôi biết, vợ tôi sẽ nói với tôi bằng cái giọng chì chiết như vậy, nên dù có phải "tè" ra quần tôi cũng không muốn trở về nhà lúc này. Vì mót đái quá không chịu nổi, tôi bước nhanh ra khỏi quán mong tìm được chỗ nào khuất, làm đại một bãi cho xong!

Nhưng không thấy. Ở cái nước Mỹ này không như ở Việt Nam muốn đái đâu cũng được, miễn có nơi thuận tiện. Chẳng may có ai nhìn thấy cũng không sao. Nhưng ở đây nó khác, nếu người bản xứ họ nhìn thấy, họ cũng chửi mình, liệt mình vào loại dân "mọi rợ," còn chẳng may gặp "COP" thì chắc chắn sẽ lãnh "TICKET" tối thiểu cũng từ $100 đô trở lên. Túng phải tính, tôi bước chân ra khỏi quán, vừa đi vừa kéo sẵn "zipper" và moi thằng nhỏ để ngoài sẵn, nếu gặp chỗ, có thể đái luôn. Trong khi tôi đang bấn súc sích như vậy, hai thằng bạn: Liêm và Hùng vẫn tỉnh bơ ngồi nốc "la de" còn nhìn tôi với vẻ chế nhạo! Chúng nó là bạn cùng khóa, cùng đơn vị, vì lý do đó chúng tôi rất thân với nhau, dù ở ngoài

đời hay trong chiến trận. Ra tới đường tôi đảo mắt tìm nơi trút bầu tâm sự. Tôi quay đầu nhìn vào quán, thấy cô bán quán nhìn tôi với cái nhìn kinh ngạc. Nhưng đến lúc này thì tôi không còn sức để chịu đựng hơn nữa, tôi đành để cho dòng nước tiểu từ đó tuôn ra thoải mái. Dòng nước tiểu ra đến đâu, tôi thấy vơi trong người đến đấy! Tôi vừa đái vừa quay đầu ngó tứ phía xem có người đi qua, đi lại không? Nhưng may mắn phố xá lúc này vắng teo, tất cả đều im lặng như tờ. Ở cái nước Mỹ này lạ lắm, buổi sáng nào cũng vắng vẻ, yên tĩnh giống như ngày mồng một Tết ở Việt Nam. Rất ít người đi bộ, trừ những người ham tập thể thao, họ chạy, họ đi xe đạp, nhưng cũng không có nhiều. Sau khi giải tỏa xong, tôi kéo "zipper," trước khi quay vào. Tôi nhìn xuống nền nhựa, dòng nước đái vẫn đương chảy theo đường giốc. Trong người tôi lúc này thấy nhẹ nhàng như vừa trút đi được một gánh nặng. Tôi ngồi vào ghế, lại giót "la de" vào ly.

Liêm nhìn tôi cười ha ha rồi nói: May cho cậu lắm đó, nếu Police nó chộp được lúc cậu đang hành sự thì cậu lỗ to rồi! Cậu nhìn thử cái bãi nước mà cậu vừa xả ra, nó to bằng chiếc ao con. Cô bán quán nghe Liêm nói tủm tỉm cười như đồng ý. Có lẽ vì "la de" bốc, tôi cảm thấy trong người nóng bừng chẳng còn chút ngượng ngập hoặc e thẹn nào vương vất trong tâm trí. Tuy không có chiếc gương để tự soi mặt mình ra sao, nhưng tôi cũng đoán được da mặt tôi đỏ như trái gấc chín. Thường ra, khi uống "la de," dù nhiều, dù ít thì sắc mặt tôi cũng đỏ bừng như bôi phẩm. Biết vậy, nên tôi cũng chẳng cần để ý làm gì. Tuy tôi đã đái xong và đã vào bàn uống thêm cùng với Liêm và Hùng, cho tới lúc đó, người đi vào "restroom" vẫn chưa ra, có lẽ, anh nào đó bị táo bón nên mới ngồi lâu vậy! Tôi nghĩ lẩm cẩm, may thật, nếu mình không liều thì thế nào cũng đái ra quần. Hùng gọi thêm "la de". Khi cô hàng bưng ba chai ra, Liêm nhanh tay lấy một chai đổ vào ly của hắn. Bọt "la de" dùn lên trào ra ngoài ly. Trừ tôi ra, hai tên kia, tên nào cũng là sâu "la de," mỗi đứa uống ít nhất cũng sáu lon mới đủ "đô". Lúc này tôi thấy hơi men đã ngấm, trong người cũng cảm thấy mệt mỏi, muốn đi về nhà.

Tôi móc ví trả tiền cho chóng tàn cuộc chơi. Liêm và Hùng thấy thế mỗi tên đều đưa ly của mình lên môi nốc cạn xong đứng dậy xốc lại áo quần cho ngay ngắn. Tôi biết tính tụi nó, sau khi đưa tôi về nhà, tụi nó còn đi quán khác để uống và "đấu láo" cho tới khi nào quán đóng cửa mới thôi. Sau đó, đứa nào say thì nằm băng sau ngủ, đứa còn tỉnh lái xe tìm một parking vắng, táp xe vào đậu một lúc chờ cho khỏe, lại tiếp đưa nhau đứa nào về nhà đứa nấy, chứ đỗ cả đêm ở một parking không có lý do Police đi tuần nó tóm được là ăn "ticket," xong nó đuổi về nhà. Cái luật lệ ở đây nó chơi cha, cái gì một chút cũng phạt, chả bù với Việt Nam trong chiến tranh đang tiếp diễn, xe "díp' các quan đỗ ở lề đường giữa đêm thanh vắng, cũng chẳng hề hấn gì, miễn trên xe có con người mặc bộ đồ treillis nằm đó là xong! Quân cảnh coi như "pha," vì có Sự Vụ Lệnh Hành Quân, còn Cảnh sát đâu có dám "sờ" tới!

Hùng lái xe đưa tôi về nhà, xong nó trở đầu xe lên Los. Tôi biết hai đứa còn đi nữa, chưa đứa nào chịu về nhà vào giờ này đâu, tụi nó bảo tôi là tên "sợ vợ". Tôi chỉ cười trừ. Tôi bước nhanh về phía cửa, vừa đi vừa cho tay vào túi quần tìm chìa khóa cửa. Tôi sẽ sẽ tra chìa khóa vào ổ, xoay nhè nhẹ với mục đích cho vợ tôi đừng tỉnh dậy và nàng sẽ mất ngủ, nếu chẳng may đứa trẻ cũng thức giấc, mẹ nó lại phải vất vả về chuyện ru nó trở lại giấc ngủ, với lời ru ngọt ngào quen thuộc.

Mặc dù tôi đã cố gắng không để tạo ra tiếng động, nhưng đêm hôm khuya khoắt, dù chỉ có tiếng xoay ổ khóa từ từ và thật cẩn thận cũng không thể nào tránh được tiếng động. Sau khi cánh cửa đã mở hé, tôi lách mình vào, nhè nhẹ, tụt giầy đút vào gầm ghế, xong rón rén từng bước nhẹ nhàng tiến dần vào phòng ngủ. Chiếc đèn đêm, ban ngày trông nó không ra gì nhưng đêm nó cũng sáng để nhìn thấy rõ mọi vật. Vì lúc này đang mùa Hạ, nên đêm ngủ không cần đến chăn chiếu. Tôi thấy vợ tôi cởi hết áo, không có sú-cheng gì hết, nàng nằm nghiêng người để khi cần, con dễ tìm thấy bầu sữa của mẹ nó. Con tôi nằm tênh hênh, gương mặt bầu bĩnh, hai chiếc môi đang mấp máy hình như nó đang bú trong cơn mê của con trẻ. Tôi nhìn vợ dưới ánh đèn mờ mờ trông hãy còn "đã lắm." Cơn thèm muốn da thịt làm tôi bứt rứt, tôi chui đầu qua khỏi chiếc T shirt cho bớt nóng xong tụt chiếc quần jean dầy như mo cau, còn kèm theo sợi dây nịt to bản kiểu thắt lưng "cao bồi" làm chiếc quần càng nặng... Tôi nhè nhẹ bỏ chiếc quần xuống đất chứ không mắc nó vào chiếc mắc như mọi khi, vì sợ chiếc khóa thắt lưng va vào tường tạo nên tiếng động, vợ tôi sẽ biết tôi về khuya, nàng rất thính ngủ. Tôi nghĩ rằng người đàn

bà nào cũng thế thôi, cũng muốn giữ chồng bằng tất cả khả năng trời phú. Sau khi tháo gỡ xong những tiện nghi "đạo đức," tôi nhè nhẹ đặt mình xuống giường. Chiếc giường tuy có nệm, như mọi chiếc giường bên Mỹ, nó chỉ êm ái lúc đầu, dùng một, hai năm các cây chống bằng lò so mới hư hao, cái còn tốt và có cái đã hư, nhưng hư nhiều hơn tốt, nên mỗi khi nằm nó đều kêu lục cục.

Tôi cố gắng đặt mình cho thật nhẹ, nhẹ chừng nào hay chừng đó, nhưng vẫn không cản được tiếng động phát ra từ chiếc giường. Chính vì tiếng động của những chiếc lò so "mất dạy," nên vợ tôi tỉnh giấc. Nàng hỏi tôi qua giọng nói ngái ngủ: Anh đi chơi đâu mà về khuya vậy? Hơi thở của anh sặc mùi "la de," anh làm ơn quay mặt qua bên kia mà thở, kẻo mùi "la de" làm con thức dậy, lại phải ru, phải dỗ lâu lắm "Ông Tướng" mới ngủ cho. Anh có phải vất vả nuôi con đâu mà biết? Nàng nói bằng giọng nói nghe rất khó chịu, nhưng tôi không muốn đối lời với vợ trong lúc này, tôi cần phải để sức ngày mai còn đi "cày". Hãng của tôi lúc này đang "down" nếu làm ăn không đàng hoàng nó cho "lay off," lại phải ăn tiền thất nghiệp, chờ đi xin việc nhục lắm. Do vậy, tôi nằm im không trả lời, còn làm nguôi cơn giận của vợ tôi bằng cách đưa tay xoa nhẹ vào ngực nàng. Vợ tôi tỏ ý không chịu bằng cách lắc người cho bàn tay tôi rời khỏi ngực, rồi lại tưới cho tôi một "sô" nước đá vào đầu: Thôi ông ơi, ngủ đi để mai còn đi làm chứ, đừng có "ấm ớ hội tề" sáng mai mở mắt không ra, đi làm muộn nó để ý, khi cần nó cho ở nhà ngồi chơi sơi nước, lúc ấy chỉ khổ vợ con, lấy tiền đâu trả tiền thuê nhà, lấy tiền đâu mà ăn? Lúc ấy có hối đã muộn!

Tôi cứ nằm yên tưởng như ngủ rồi, vợ tôi

NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC

QUÀ CUỐI NĂM

Bới trong kho đời cũ
tầng đầu-tiên
nhặt được
hạt màu nâu
tách ra
bi-quan, dối-trá
chẳng cần tán vụn
chiêu ngụm nước tù
nuốt vội

tầng thứ hai
hạt màu đen
lỡ-lầm hối-hận
chúi kẽ tay, tuột hầm rãnh, trôi sông

tầng thứ ba
hạt đỏ
chủ-nghĩa, thiên-đàng
dớn-dác nhìn quanh
móng cào bật máu
vùi, vùi xuống ngay mô đất rêu bên

tầng thứ tư, năm, sáu...
hạt đa sắc
lịch-lãm, quý-phái, áo ngoài, thịt trong
ngon lành gì
chỉ được mẻ hào-nhoáng
ém-nhẹm? ừ!
dấu gói về
chỉ làm em lem-luốc

tận-cùng, tầng thứ bảy
luồn sâu hốc ngực, chọc van tim
hạt tình-si
già-nua cằn-cỗi
sắc tươi đang tận kỳ hấp-hối
run run
gom lồng đất
vắt sương trời
tưới sống

Đây, chút này, quà, anh
khổ-nhục
trao em

cuối 99

cũng không nói nữa. Tự nhiên thằng bé giật mình khóc ré lên. Vợ tôi cho tay xoa vào người đứa nhỏ, nàng vừa xoa vừa ru nó bằng thơ Nguyễn Bính, những vần thơ quen thuộc từ mấy chục năm qua. Đêm khuya thanh vắng mà nghe tiếng ru bằng giọng ngái ngủ, nó cũng có cái hay của nó. Riêng tôi vẫn chưa ngủ được dù đã gần 12 giờ đêm. Tự nhiên hình ảnh hai thằng bạn: Liêm và Hùng lẩn vẩn trong đầu. Tôi không hiểu ai đã chỉ chỗ tôi ở cho chúng biết. Đã từ mấy chục năm, kể từ ngày thua trận, rồi kéo nhau vào tù cho tới năm ngày qua Mỹ, chúng tôi không còn liên lạc gì với nhau! Trong chương trình H.O tôi cũng không thấy tên tụi nó trong bất cứ danh sách nào. Tôi chỉ nghe thấy anh em cùng đơn vị nói hai đứa đã tử trận trong những ngày đầu tiên của trận đánh. Tôi biết cả hai đứa thuộc loại "chì," khi đã lâm trận, tụi nó như hai con hổ dữ. Chúng đã được tuyên dương nhiều lần trước đơn vị, nhưng không vì thế mà tụi nó "lên gân" với anh em.

Trong những công tác thường nhật tụi nó thường giúp đỡ anh em những công chuyện khó giải quyết, nên được mọi người yêu mến. Tụi nó chỉ có một cái tật, có bao nhiêu tiền đổ vào "la de" cả. Tiền lương không đủ trả nợ tiền uống "la de" hàng tháng. Sở dĩ tụi nó làm như vậy được vì cả hai còn độc thân, không bận bịu, vướng víu gì với bất cứ ai, nên mới có thể chai lì như vậy được. Hoàn cảnh của tôi không giống tụi nó, nhưng chúng tôi chơi thân với nhau vì hợp tính tình chứ không phải vì hoàn cảnh. Tôi gặp nhiều anh em trong đơn vị ai cũng đều nói cả hai đứa đều "ngỏm" trong trận đánh đầu tiên vì tụi nó tình nguyện mỗi đứa cầm một khẩu Trung liên BAR chận hậu cho cả Tiểu Đoàn rút trước sự tấn công dữ dội của địch quân vào bên hông của Tiểu Đoàn. Anh em cho rằng, nếu không nhờ vào hai cây Trung Liên dũng cảm sự thiệt hại về sinh mạng của Tiểu Đoàn còn nặng nề hơn nhiều đó. Cách xa cả chục năm trời, chiều nay khi cả hai đứa đến tận nhà tìm tôi rủ đi uống nước. Tụi nó đều ngạc nhiên khi thấy tôi giới thiệu vợ tôi cùng đứa con chưa đầy một tuổi. Lúc ấy trời chạng vạng tối. Tụi nó không chịu ngồi chơi nơi ghế salon mà đứng chờ tôi mặc quần áo. Tôi khoác đại vào người chiếc quần jean nhầu nát cùng chiếc áo T shirt tương đối sạch sẽ. Tôi dặn vợ con, ra phố uống nước với mấy anh em một lát rồi về.

Sau mấy chục năm xa cách tôi đã già khằng mà tụi nó trông vẫn vậy. Tôi hỏi tụi nó qua Mỹ lâu chưa, tôi không nghe thấy ai nói gì cả. Liêm bảo tụi nó qua sau tôi mấy đợt vì không có tiền đút lót. Sang tới Mỹ tụi nó định cư tại Minesota. Ôi chao cái tiểu bang này lạnh thấy mồ, cả năm chỉ được mỗi mùa Thu là đẹp qua những sắc lá phong đổi màu trước khi vào Đông với tuyết phủ đầy trời. Các cậu ở Cali sướng thật, bốn mùa nắng ấm, chẳng may có tuyết cũng chỉ là tuyết nhìn cho đẹp mắt, kể từ Los trở lên thôi, còn từ đó xuống tới San Diego kể như không bao giờ có tuyết. Tôi trả lời cho tụi nó biết những cái khó khăn và trở ngại, nhiều khi thất nghiệp, tìm cả mấy tháng không kiếm được việc làm. Phải đi xin tiền thất nghiệp dài dài không đủ sống. Nếu trong khi có việc làm không biết ăn nhịn để dành phòng lúc sa cơ, thì chỉ có nước chết đói. Hùng nhởn nhơ: Cho đáng kiếp những thằng thích đi Mỹ.

Liêm không có ý kiến chỉ nhe răng ra cười, cái cười lặng lẽ không thành tiếng. Tôi hỏi: Các cậu có xe không, xe để đâu? Ở cái nước Mỹ nếu không có xe coi như cụt giò, chờ ngày chết đói, nếu không cũng trở thành một "hommeless," ngày ngày ngồi chờ ở các nơi có đông người ra vào để xin tiền, tối đến tìm một cái mái hiên nào đấy ngủ nhờ. Ngủ cũng phải coi chừng xem đã có chủ chưa, nếu có rồi mà chủ nó lại là ông "bán than" phải coi chừng, không chạy nhanh, nó đánh cho vỡ mặt, còn những thứ linh tinh phải kiếm một chiếc xe chợ (cart) cho tất cả vào đấy cột chặt lại, tối ngủ ôm chặt lấy nó, mà phải tỉnh ngủ nếu ngủ say nó nẫng liền à! Thấy tôi hỏi đến xe Hùng đưa tay chỉ về phía xa xa có một chiếc Toyota cũ mèm đang đậu sát lề đường. Khi đến nơi Hùng thò tay vào túi quần tìm chìa khóa. Tìm một lúc không thấy Liêm đề nghị đi bộ mau hơn. Đây lần thứ nhất tôi nghe thấy câu nói: đi bộ mau hơn đi xe! Phố xá lúc này càng vắng. Ánh đèn vàng vọt chiếu xuống mặt đường trông cô liêu, hoang dại. Một chiếc xe cảnh sát chạy với tốc độ khá nhanh. Trên nóc xe những ngọn đèn xanh đỏ chớp liên hồi. Tôi nghĩ may quá, nếu lúc nãy nó chạy cái kiểu này thì thế nào tôi cũng dính, nhưng lúc này tôi đã làm xong nhiệm vụ, nhưng có một chiếc xe nào đó vi phạm luật giao thông sẽ không thoát được cái giấy biên phạt sau khi trình đủ những giấy tờ hợp lệ cùng bằng lái. Ở cái nước Mỹ ít ai tránh khỏi một vài lần trong đời bị phạt vạ về chuyện xe cộ. Tôi không đi theo kịp Liêm và

Hùng. Tụi nó nói thì thầm gì với nhau, tôi nghe không rõ. Có điều tôi hơi ngạc nhiên, tụi nó uống nhiều "la de" hơn tôi mà sao chúng nó không đi đái. Mặt mũi đứa nào cũng tái ngắt tái ngơ, khi trước, uống vào mặt chúng đứa nào cũng như mặt trời vừa mọc. Thấy tụi nó đi nhanh quá tôi gọi Hùng bảo đi từ từ cho tôi theo. Trong đầu tôi nghĩ rằng tôi đang mê ngủ vì tôi đã uống với tụi nó quá nhiều, suýt nữa không làm ẩu một phát thì ướt hết quần rồi. Bây giờ chả lẽ lại đi nữa.

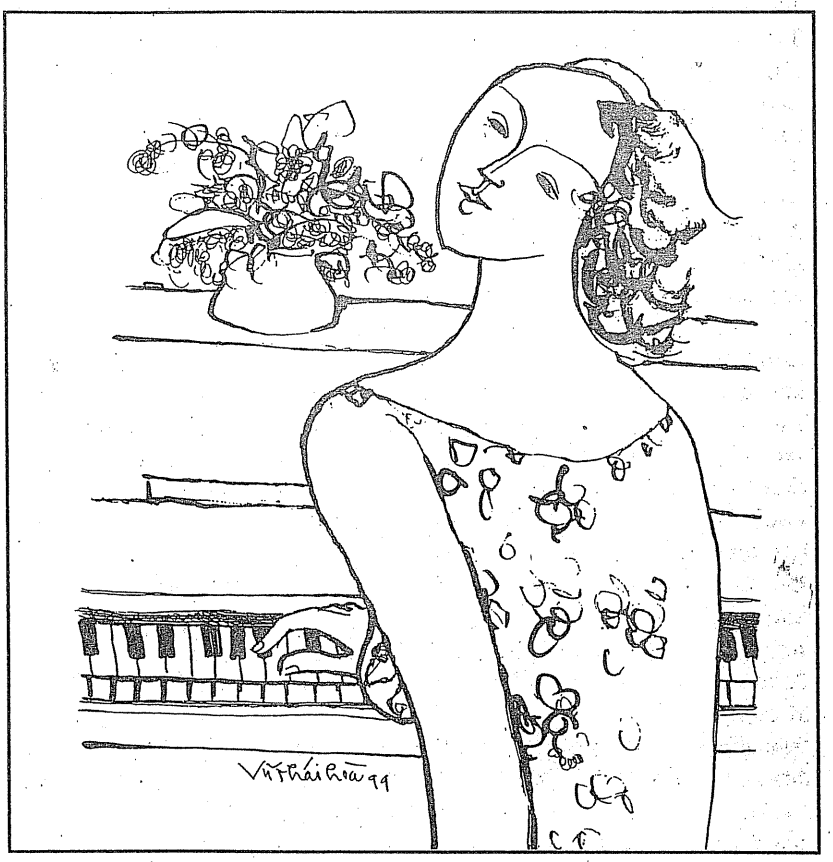

Tôi cố nhớ lại, sau khi thay quần áo xong tôi đặt mình xuống giường và ngủ ngay, trong khi vợ tôi đang ru con. Thế mà sao lúc này chúng vẫn còn ngoài đường và chưa biết tụi nó dẫn tôi đến đâu. Tôi đương đi vào giấc ngủ bỗng không hiểu bằng cách nào Liêm và Hùng đang đứng ở nơi tôi nằm. Rõ ràng tôi thấy Liêm đang cúi đầu xuống sát mặt tôi nói nhỏ như nói thầm: Dậy, dậy mau, chúng mình đi đến chỗ này vui lắm. Nói xong Liêm cho tay lay nhẹ vào người tôi. Ôi chao sao tay Liêm lại lạnh thế này? Chính vì cái lạnh ấy làm tôi tỉnh ngủ. Ở bên, vợ tôi thở đều đều, tôi biết nàng đang ngủ say, tôi chống một tay xuống giường từ từ nhấc bổng người lên, càng tránh được tiếng động chừng nào tốt chừng nấy. May quá, cũng nhờ vào sự cẩn thận của tôi nên chiếc giường không phát ra tiếng động. Quả thực, trong đầu tôi rất ngại ngần không muốn đi tí nào giữa giấc ngủ đương ngon, nhưng vì tình bạn mấy chục năm không gặp, tối nay tụi nó mới gặp để vui chơi trò chuyện mà mình lại từ chối thì kỳ quá! Tôi nhìn vào chiếc đồng hồ điện tử, số đỏ chói, cho tôi biết lúc này đã hơn 12 giờ. Sáng mai tôi phải thức dậy trước 6 giờ để đi "cầy," nếu tôi lại đi chơi với tụi nó nữa thì làm sao tôi còn đủ sức để ngó nhìn chòng chọc suốt tám giờ đồng hồ để vẽ sơ đồ với những con tính rắc rối chẳng chịt trên chiếc "computer" nhỏ bé mà thường ngày tôi phải đối diện với nó để tìm thấy sự chính xác của sự việc. Sau tám giờ làm việc như vậy, tôi cảm thấy mắt như mờ đi và đầu nhức như búa bổ. Nhưng vì đồng đô la có đầy đủ sức mạnh ấn đầu tôi xuống bắt phải thi hành bổn phận. Lúc này tôi đã già, trên dưới 50 rồi nếu loạng quoạng nó cho "lay off" ngay để tìm những bộ óc trẻ thay thế. Tuổi trẻ bao giờ cũng tháo vát nhanh nhẹn và tinh thần của những người trẻ rất dễ hội nhập vào guồng máy làm việc của tổ chức Mỹ. Tôi biết vậy nên lúc nào cũng cố gắng làm cho mình trẻ, còn nhiều năng lực và có kinh nghiệm nghề nghiệp. Gặp ai tôi cũng niềm nở chào hỏi làm như thân tình, mà kỳ thực, trong lòng tôi chẳng có một chút kỷ niệm nào về họ. Còn như nếu tôi từ chối không đi du hí với tụi nó sau mấy chục năm mới gặp lại thì còn gì tình nghĩa chiến hữu, với bao nhiêu kỷ niệm hành quân sống chết có nhau. Hơn nữa, Liêm nói cho tôi biết sớm mai tụi nó trở về Minesota rồi, chẳng biết bao giờ gặp lại? Tôi lập gia

đình đã lâu kể từ lúc đi lính, nhưng tôi không muốn có con sớm, trong lúc hành quân có mệnh hệ nào thì lại khổ cho đứa nhỏ, còn vợ tôi không thành vấn đề, nếu tôi chết đi, nó sẽ lấy chồng khác, chẳng thiệt hại gì. Vợ tôi ít tuổi hơn tôi nhiều, nàng sẽ sinh đứa con đầu lòng sau mấy năm ở Mỹ, theo chương trình H.O., vì thế đứa con đầu lòng của tôi chưa đầy một tuổi.

Thấy bè bạn rủ đi nhậu là vợ tôi buồn lắm. Sau mỗi lần đi nhậu, lúc về nhà thế nào cũng có chuyện cãi nhau về vấn đề đi chơi và nàng luôn cảnh cáo tôi về luật pháp của nước Mỹ cấm người đàn ông không được lấy hai vợ: Anh coi chừng, tôi sẽ đưa anh ra Tòa nếu tôi bắt gặp anh cặp kè với "con đĩ" nào ngoài phố, vợ tôi thường dọa tôi bằng câu nói đó. Nàng nói mãi đâm nhàm, riết rồi tôi đâm lì, tuy không đi thường xuyên, nhưng nếu có bạn rủ vẫn la cà đến khuya mới về. Vì xa nhau lâu ngày Liêm và Hùng không biết rõ đời sống của tôi nên tụi nó tưởng tôi là dân "Sơvơ". Tôi lò mò từng thứ đeo vào người rồi cùng hai đứa đi ra cửa. Tôi nhìn lại chiếc giường, vợ con vẫn ngủ say. Yên chí, tôi tra chìa khóa vào ổ xoay nhẹ. Khóa cửa xong, ba đứa cùng ra phố. Trông thấy chiếc xe, nhưng Hùng tìm không ra chìa khóa, nên cả ba thằng đều đi bộ... Liêm và Hùng đi nhanh quá tôi theo không kịp. Tôi tìm hiểu tại sao tụi nó đi nhanh như vậy, tôi nhìn thấy hình như chân của tụi nó không chấm đất, hơn nữa, tụi nó đi dù dưới ánh đèn mà sao không có bóng người? Muốn hiểu rõ sự thật tôi thử đi dưới ánh đèn đường nhìn xuống đất rõ ràng thấy bóng mình di chuyển theo nhịp bước. Tự nhiên tóc gáy tôi dựng ngược, linh tính báo cho biết mình đang chơi với ma, với những thằng anh em đồng đội một thời sống chết có nhau!

Đi một lúc chắc không thấy tôi, tụi nó dừng lại dưới bóng một gốc cây hè phố. Tôi cố gắng đi thật nhanh với hơi thở dồn dập, đôi chân đã mỏi vì phải cố gắng nhiều. Khi tới nơi, dưới bóng tàng cây, hai đứa đều lắc đầu tỏ ý chê tôi đi chậm. Đột nhiên, Liêm chỉ tay về phía thành phố Los và nói: Ồ lạ chưa, các cậu nhìn xem bộ đội Cộng sản đang tấn công, có cả tăng nữa. Hùng đưa cho tao khẩu M52 (là súng chống tăng, loại cũ) để tao cho nó vài quả cho chết mẹ chúng nó đi. Mình còn nhiều đạn không? Còn thằng Hoàng, khẩu đại liên 30 đâu rồi, sao không nằm xuống bắn đi. Xe tăng để tụi tao lo, rồi Liêm quay đầu nói với tôi: Mày cứ nằm nguyên chờ, ngắm cho đúng tụi bộ binh mà nhả đạn. Buổi chiều nay tao vừa mới nhồi chặt ba thùng, mỗi thùng 100 viên tha hồ bắn. Trước mắt tôi lúc ấy không còn thành phố Los mà nó là một bãi chiến trường nồng mùi thuốc súng. Tôi nhìn thấy những chiếc xe tăng nghiêng đi sau mỗi phát súng chống chiến xa. Dù xe tăng có khỏe đến đâu cũng chỉ chịu nổi đến hai quả là phải kềnh. Sau mỗi cái đập nhẹ, Liêm lại bấm cò. Một khối lửa ở đuôi đạn lại xịt ra trông đáng sợ. Lính Cộng sản chạy núp sau tăng mà tiến. Sức dội của đạn M52 gây nên chấn động làm tụi nó cũng ngã nhiều, nhưng chúng đông quá đạn bắn phần nhiều trúng tăng hơn trúng người. Tôi nhận thấy bắn như vậy uổng đạn quá nên tôi chờ lính Cộng Sản ào ra chỗ trống trải tôi mới nổ súng. Những quả trái sáng đã giúp chúng tôi rất nhiều về những tràng đạn bắn đêm. Đi kèm theo tiếng súng là tiếng động cơ trực thăng cùng tiếng rú rợn người của những chiếc khu trục mỗi khi nhào xuống thả bom và bắn phá địch quân... Tiếng vọng pháo 105 ly dồn dập làm mặt đất rung chuyển. Tiếng đạn các cỡ đua nhau lên tiếng, vui như ngày Tết đốt pháo. Vì đi trận đã quen nên tôi nghe rõ các loại đạn và từ hướng nào bắn tới. Đạn M52 đã hết, Liêm và Hùng mỗi đứa ôm lấy khẩu súng cá nhân chạy ào về phía địch. Tụi nó vừa chạy vừa bắn, tiếng súng của tụi nó nhỏ quá so với các loại súng khác. Bỗng tôi nghe có tiếng đại bác 155 ly rít trên đầu. Tiếng nổ cách tôi độ mươi thước làm cả thân hình tôi nhấc bổng lên cao cùng với làn ánh sáng rực rỡ của những viên 155 ly thi nhau nổ làm một hàng rào lửa đạn, trông vừa vui, vừa sợ!... Giữa lúc ấy, vợ tôi cho tay lay dậy nói, đã đến giờ đi làm. Tôi nhổm nhanh người đi vào phòng tắm. Ở cái nước Mỹ này mỗi ngày mỗi tắm dù mùa nóng hay mùa Đông và thay quần áo mỗi ngày nếu không, tụi Mỹ cùng làm việc với mình nó chê hôi. Lúc đầu tôi ngại, sau quen dần, mỗi sáng không tắm là thấy trong người ngứa ngáy, khó chịu.

Ra khỏi nhà tắm, tôi lấy quần áo thay, trong khi đó vợ tôi nói: Đêm ông mơ thấy gì mà la hét rầm trời, làm thằng nhỏ khóc suốt sáng, dỗ mãi nó cũng không ngủ, tôi phải pha cho nó bình sữa bò. Bầu sữa của tôi, ông tướng đã bú cạn cả hai vẫn chưa đủ. Thằng này về sau chắc ăn uống mạnh hơn Bố nó, lại chỉ khổ vợ con thôi! Đúng là cha nào con nấy, cố "giống" cả đấy ông ơi!!!

CHẾT TƯƠI

ĐẶNG MAI LAN

Chị nhìn người bạn gái đang ướm trên người chiếc áo ngủ, có những giải đăng ten thưa mỏng rủ theo vòng cổ và sát hai cánh tay. Đẹp không? Cacharel chẳng bao giờ hạ giá kiểu này. Mua được chứ? Người bạn nhìn chị dò hỏi. Chị lướt mắt trên mảnh giấy giá tiền đính trên cổ áo. Những con số đen đậm được gạch bỏ thay vào những con số màu đỏ bên dưới. Giá được bớt đến sáu mươi phần trăm. Chị biết nếu như chị có chê bai một điều gì đó, người bạn này vẫn mua chiếc áo ấy như thường. Cô ta đã thích điều gì rồi thì cứ như đinh đóng cột. Cô ta cần thêm một nhát búa để đóng vào cái đinh ấy được chặt chẽ hơn. Cô cần một sự đồng tình, chứ cô không cần ý kiến. Trông đẹp và quyến rũ lắm! Chị nói và cầm cánh áo lên vuốt ve. Lần này thì chị nói với lòng thành thật, với sự cảm nhận của riêng mình, chứ không phải hùa theo ý bạn như bao lần khác. Quyến rũ thật! Chị lập lại thêm một lần nữa và chợt nhớ lâu rồi chị ít có để ý, quan sát đến những điều đó.

Và chị bảo với người bạn là chị có một cái hẹn mà quên mất. Chị bỏ về. Cô bạn không níu kéo chị. Cô ta cũng chẳng lấy làm lạ là tại sao chị đang mân mê ngắm nhìn những thứ quần áo lụa là rất hời rất rẻ, mà chị lại đột ngột bỏ đi, không một vẻ gì chần chừ nuối tiếc. Cô ta đã quen với những tâm tính bất thường nơi chị. Giữa chị và cô ta, có một tình bạn Âu Á và tình đồng nghiệp lâu dài. Họ có thể chia nhau, giúp đỡ nhau mọi thứ trong công việc, những nhu cầu vật chất tầm thường... Nhưng đời sống nội giới riêng tư của mỗi người thì không. Không có một thoả hiệp nào trong tình bạn của họ. Như thể hai chủng tộc, hai nền văn hoá, tự nó đã ngầm nói lên điều đó. Một sự riêng biệt, một bất khả xâm phạm.

Chị lững thững đi về bãi đậu xe. Mấy người

bạn của chị không thích bãi đậu xe này. Họ chê đường gạch cũ kỹ, chỗ lồi chỗ lõm. Chạy vào đây mãi sẽ hư mất bộ phận nhún của xe. Đã vậy còn thêm đám chim chóc bốn mùa ở đó. Chúng không từ khước bất cứ một cái xe nào. Chị chẳng bao giờ quan tâm đến mấy thứ ấy. Nhìn kỹ thì mặt đường bẩn thật, dưới nền đá xám đầy những vệt cứt chim trắng bệch, loang lổ như những vệt sơn. Người phu quét đường có lẽ ít khi vào đến đây. Lá mục và những quả khô rơi rớt cùng khắp. Chính vì những điều đó mà nơi này thường có chỗ trống. Chị lại không có đủ lòng kiên nhẫn để lượn hết vòng này tới vòng nọ, chỉ để tìm một chỗ tốt lành ngoài con phố đông đúc nhộn nhịp kia. Mà thực ra chị có tìm kiếm bao giờ. Dù có một chỗ nào đó, trước khi vào con hẻm này thì chị cũng chẳng nhìn thấy. Chị vào đây như một thói quen. Một điều khác nữa là chị thích cái ngõ đi ra của nó một cách kỳ lạ. Một khoảng tiếp giáp với mảnh sân sau của ngôi nhà thờ cổ. Chị thích ngắm những du khách thơ thẩn ở đó. Chị luôn vui ké niềm vui của thiên hạ.

Mùa sương. Sương đổ đầy xuống phố. Chị lái xe loanh quanh qua những con đường vắng. Những ngọn đèn tù mù, buồn bã trong sương. Những vạt sương mỏng gợi lên trong chị một điều gì thật mơ hồ. Nó cứ lấn cấn trong đầu chị. Và chị đã nhận ra cái điều mơ hồ ấy. Phải, cái lãng đãng mờ mịt của những váng sương kia chẳng khác nào những sợi khói thuốc anh thở ra hàng ngày. Lúc này anh hút thuốc hơi nhiều. Anh đốt điếu thuốc khi vừa thức dậy, chưa rời khỏi giường. Anh đốt điếu thuốc trước khi nhắm mắt ngủ. Khi anh đi làm buổi chiều, anh thường nằm nướng thêm đến chín mười giờ sáng. Anh làm buổi sáng thì anh lại luôn cần một giấc trưa. Công việc của chị giờ giấc bất thường. Nên khi chị rời khỏi nhà, hoặc về đến nhà, hầu như lúc nào anh cũng vẫn còn nằm trên giường. Vì thế, những cánh cửa sổ căn phòng ít có dịp mở ra, trừ những ngày cuối tuần. Lúc nào căn phòng cũng tối ám, cũng mang một vẻ mù mịt như sương.

Anh cần những giấc ngủ đầy. Cần những món ăn ngon miệng. Và thêm một chiếc xe đẹp đẽ, mạnh mẽ để anh vượt những đoạn đường xa, đến sở làm. Hoặc cuối tuần đi thăm gia đình ở xa. Anh cần chị như đàn ông cần đàn bà. Nhưng không hẳn chỉ có thế. Dầu sao tình yêu của anh và chị có tiêu hao theo ngày tháng thì nó cũng còn một thứ tình nghĩa khác nữa chứ. Chị tin vào thứ lý luận đời thường ấy. Đời sống anh đơn giản như thế nhưng chị thì sao? Hình như chị không còn cần bất cứ một nhu cầu nào nữa. Như cái áo mà chị nhận ra là rất hấp dẫn, gợi cảm mà chị đã nhìn thấy lúc nãy... Và còn nhiều thứ khác chứ đâu phải chỉ có riêng cái áo như chẳng phải để che thân ấy. Cả thành phố đang nao nức nhộn nhịp trong mùa đại hạ giá. Đàn bà, đàn ông, trẻ già đều tấp nập đi mua sắm. Chị chưa già, nhìn chị vẫn còn tham sân si lắm. Vậy mà chị dửng dưng. Chị nhớ lúc nãy trước khi rời khỏi thương xá. Chị có đứng tần ngần trước hàng nước hoa. Chị ngắm nghía chai Courrèges Blue bày trong tủ kiếng. Từ nào tới giờ, chị vẫn dùng duy nhất loại nước hoa này, nhưng cái chai của chị ở nhà vuông vức và nước màu vàng chứ không phải màu xanh trong cái chai tròn cao như thế. Không biết loại mới này hãng Lancôme đã chế biến từ bao giờ. Màu nước xanh dịu dàng như một bầu trời trong xanh, đầy bóng dáng những thiên thần bay lượn trong một giấc ngủ mơ, thời thơ ấu của chị.

Chai nước hoa chị bỏ quên từ lâu, son phấn chị còn chưa ngó tới huống hồ nước hoa. Nhưng chị có cần anh không? Buổi sáng trước khi rời khỏi nhà, chị phải sắp xếp những gì cho anh ăn buổi trưa vì chị không thể về kịp để ăn cùng anh. Sau khi về nhà, chị cũng có chút thì giờ nghỉ ngơi, nhưng lại phải dành riêng một khoảng khắc khác để nấu nướng cho bữa cơm tối. Đời sống chỉ có từng ấy, lập đi lập lại. Mà chắc chắn là chị phải cần anh rồi. Không có anh thì chị biết làm gì để lấp đầy cái khoảng bận bịu đó. Và may mà có anh chị mới có bữa ăn tươm tất, đầy đủ. Bởi có bao giờ chị thèm muốn một thứ món ăn nào cho riêng chị. Chị sống máy móc, đơn giản. Không vui nhưng không hẳn là buồn. Chị cứ trơ trơ, lưng lửng giữa hai tình cảm ấy. Chị khô khan, lãnh đạm. Hầu như chị đã chẳng còn biết cảm động hay cuộc sống không còn điều gì khiến chị cảm động?

Hôm nay chị suy nghĩ về mình hơi nhiều. Chị thấy chị như con cá bị mắc cạn, mệt nhoài trên một bờ bãi. Con cá với sắc vẩy còn tươi hồng óng ánh, vây mang đang máy động, phập phồng từng nhịp thở. Nhưng nó không vùng vẫy được. Nó chỉ ngước nhìn trời đất bao la, nghe chung quanh biển gió rộn ràng ca hát, mà chẳng hề ao ước được lăn mình trở lại đại dương. Con cá chẳng khác nào chị, lỡ một lần

vui chơi, trôi giạt. Đang nằm yên, chờ chết... Ý nghĩ làm chị bần thần, rời rã, như người mắc phải một chứng bệnh nan y. Đang vui vẻ quên đi mà bất chợt nhớ tới căn bệnh của mình.

Chị lầm rồi, đâu phải chị đã không còn biết buồn. Nỗi buồn nhốt kín, và nỗi buồn như gió vừa thoát bay, thổi qua tâm tưởng chị. Nó làm chao động những phần hồn đã sượng cứng sau một tê điếng, thất vọng. Chị thất vọng nhiều quá. Suốt đời, chị cứ đi từ nỗi thất vọng này qua nỗi thất vọng khác. Giá như chị trẻ hơn hoặc già hơn. Hoặc còn đầy đam mê nông nổi, hoặc đã chín chắn thuần thục. Chị ở giữa khôn ngoan và dại dột. Mà khi cần phải khôn thì chị thật dại. Khi cần phải mù thì chị lại nhìn tỏ rõ hơn bao giờ. Hỏng! Người ta không thể đứng giữa hai bờ trong đục. Sự tương phản có thể sẽ hỗ tương nhau, tạo một dung hoà tốt đẹp nào đó, nếu được đặt để và áp dụng đúng trường hợp. Chị luôn luôn định sai vị trí. Mà trường hợp của chị thì sự ngược ngạo này quả là một điều tàn nhẫn.

Chị gặp người đàn ông, như nhìn thấy lại một bức tranh đẹp mà thời nào xa xưa chị không thể mua được, hay chỉ nhìn ngắm mà không nghĩ đến chuyện mua. Chị lao vào tình yêu đó, chị nắm bắt nó một cách vội vàng với ý nghĩ đây là thứ tình yêu mà mình đã ngầm nuôi dưỡng, không thể để nó vụt bay. Lại thêm một ảo tưởng khác nữa, chị cho rằng tình yêu, sự rung cảm của chị ở tuổi này, trong hoàn cảnh này mới là thứ tình cảm đích thực. Chị đâu phải là người đàn bà khát tình. Quanh chị đầy dẫy những văn ve rù quến kia mà! Chị vững như đồng, cứng cỏi như sắt đá. Chị có hề bị lung lay chao đảo bao giờ.

Là một người đàn bà mơ mộng và ở tuổi nào thì người đàn bà cũng vẫn mơ mộng, lãng mạn hơn người đàn ông. Người đàn ông ấy đã không mang lại cho chị những điều chị mơ ước, nghĩ tưởng. Chị mơ một đoạn đường vắng, một khúc sông êm, có tay nắm vai kề của những kẻ yêu nhau. Nhưng tình yêu của người đàn ông là hai người được cùng nhau trên một chiếc giường. Không phải tình yêu đâu, chị biết rõ như thế. Quả thật chị hết ngây thơ nhưng vẫn chưa già dặn. Chị hăm hở đi trong mộng mị sương mù mà hai con mắt thì mở to, thao láo. Chẳng thà chị cứ nhắm mắt mà đi. Sự tinh tường của đôi mắt có khả năng xuyên thủng hết mọi sự vật, đã giết chết niềm hân hoan của chị. Chị nhìn thấy mọi lấm lem, giả tạo. Thế mà chị vẫn mỉm cười. Lạ lùng là chị vẫn có thể cười nói, đứng đưng trong một hoàn cảnh chẳng hay ho chút nào. Chị cứ vờ vĩnh ngu ngơ và âm thầm buồn bã. Chị ước sao mình thực sự được ngu ngơ, khờ khạo như thế.

Bức tranh mà chị nhìn thấy vẫn còn đẹp lắm, nhưng chỉ là một bức chụp lại. Cái bức thật được vẽ bởi bút cọ, màu nước, khung bố của người hoạ sĩ đâu còn nữa. Nó đã nằm trong nhà một kẻ giầu có, sành điệu nào rồi. Làm gì còn đến tay chị. Mà nếu như còn thì chị cũng chẳng có tiền để mua. Chị đâu còn đồng bạc nào trong túi áo thanh xuân. Chị đã khánh tận gia tài tuổi trẻ và nhan sắc của mình. Tình yêu bị bào mòn theo thời gian trong đời sống vợ chồng. Nhưng tình yêu với những rung động từ trái tim, hình như chỉ có thực khi người ta trẻ. Chị chưa già, cũng không còn trẻ nữa. Chị đã hiểu ra và chị chết cùng với niềm tự tin của mình đã bị huỷ hoại, sau cuộc tình đó.

Loanh quanh mãi chị lại trở về khu phố tự lúc nào không hay. Ngày sắp hết mà phố phường vẫn đông đảo như trong ngày hội lớn. Người nào cũng hớn hở, tay xách nách mang. Những bao bọc đầy nhóc, quần quần, áo áo. Chị có cần quần áo để tô hồng chuốc ngọc thêm không? Anh chỉ nhìn thấy cái áo nào chị mặc không đủ ấm, chứ có bao giờ anh nhìn thấy một cái áo đẹp.

Chị quẹo xe lên cầu. Phải về thôi, về lo cơm nước cho anh tối nay, cho cả ngày mai. Và trước khi vào phòng ngủ, chị phải mở toang hai cánh cửa sổ, lùa hết những sương khói tù mù ra ngoài. Dù ngày mai lại đâu vào đấy. Nhưng ngày nào chị cũng làm như thế thôi, với căn phòng tù mù ám khói của chị. Đồng vợ, đồng chồng... Mỗi ngày anh đốt khói, thả sương và mỗi tối chị xua sương đuổi khói, cho đến hết cuộc đời.

Chị bỗng nhớ đến chai Courrèges màu xanh, bày trong tủ kiếng. Cái màu xanh quá đổi dịu dàng, tinh khiết. Sao chị thích nó thế cơ chứ !

Chị nghĩ, mình như một xác chết nằm trong quan tài chưa đóng nắp. Nhìn thấy tất cả những nhộn nhịp, động tĩnh ở cuộc sống trần gian. Nhưng có lẽ xác chết cũng cần có một thứ xạ hương. Ngày mai chị sẽ trở lên phố mua chai nước hoa ấy. Dầu gì chị cũng còn tưởng nhớ, luyến tiếc một mùi hương cũ. Chị mỉm cười vu vơ. Và chị lại tự hỏi không hiểu nụ cười của mình lúc này đúng hay sai?

BÊN KIA SÔNG

TRẦN LONG HỒ

Đã mấy ngày qua, từ khi nhận được lá thư ấy, ông Tự không thể nào ăn ngon và ngủ yên được. Ông cảm thấy bứt rứt trong lòng, tựa như ai đó đốt lửa trong tim ông. Ngọn lửa này không cháy phừng phựt, không bốc khói, mà cũng chẳng lan đi đâu. Nó cứ cháy ngay chỗ ấy, trong tim ông, âm ỉ mà nóng hừng hực. Ông có cảm giác như nó cháy bền bỉ như nhịp đập của tim ông.

Lá thư ấy đâu có gì lạ. Nó là một lá thư đơn sơ, giấy xấu xí, sờn nhám. Nhưng điều khác biệt, nó là lá thư từ Việt Nam. Và đặc biệt hơn nữa, cớ sự không phải do lá thư mà mọi chuyện đều do người viết thư ấy.

Nhìn nét chữ ngoằn nghèo trên tờ giấy vàng ố, ông Tự cảm thấy hồi hộp. Tim ông đập mạnh. Đồng thời, ông cảm thấy nóng ở hai bên thái dương. Điều này chưa từng xảy ra trong bao nhiêu năm qua. Ông đã biết nội dung trong thư ấy chỉ là những lời hỏi thăm suông của một người thân cũ. Nó không có tác động gì đến ông. Người viết thư mới gây cho ông nhiều suy nghĩ. Chỉ liên tưởng đến cái tên không thôi, ông Tự đã cảm thấy xao xuyến lắm rồi. Người ấy tên Hương, một người đàn bà bình thường, không đẹp mà cũng chẳng có tài. Bà ấy không giàu sang và chẳng có chút danh vọng nào. Bà Hương nhỏ hơn ông một tuổi. Hiện tại ông Tự đã về hưu được một năm, tức là, bà đã sáu mươi lăm rồi. Bây giờ, ông Tự nghĩ, có lẽ Hương đã già khú đế. Bà ấy phải xấu xí vì cuộc sống lam lũ và thiếu thốn. Bà có gì đặc biệt đâu. Thế mà, ông Tự vì người ấy mà phải lo nghĩ bồn chồn đến mấy ngày.

Phải tìm việc gì làm để quên bà Hương kia đi, ông Tự tự nhủ như vậy. Ông hì hục khuân hòn giả sơn ra trước cửa. Ánh nắng đầu ngày rực rỡ và chan hòa khoảng sân trước nhà. Nắng rọi cái bóng ông Tự và hòn giả sơn trải dài trên nền nhà. Mỗi khi ông cử động hay di chuyển, hai cái bóng uốn éo lung linh và quyện chặt lấy nhau.

Ông Tự lấy hai cái tượng ông già đánh cờ bé xíu, đặt dưới gốc cây tùng. Rồi ông gác cái cầu nhỏ bằng đất nung qua con suối tưởng tượng. Hình ảnh hòn giả sơn khiến ông nhớ lại cảnh nhà gia đình ông ngày xưa. Cha ông, cụ Tuần, cũng có hòn giả sơn tương tự như vậy... Cha mẹ ông Tự chỉ có ông là con một nên họ nhất định bắt ông phải lấy vợ sớm để

có cháu nối dõi tông đường. Vì thế... Ông Tự lại nhớ đến bà Hương...

*

Ngày Hương về nhà chồng, mưa tầm tã. Thông thường, mưa lâm râm, nếu lớn cũng chỉ trong vòng năm hay mười phút. Mưa không như lần này, nước mù mịt, trắng bạc cả dòng sông. Không còn ranh giới giữa nước và trời. Tất cả chỉ là một màu trắng đục. Từ nhiều năm qua, chưa có trận mưa nào lớn như vậy. Mưa từ chiều hôm trước cho đến trưa hôm sau vẫn không dứt. Dân làng cho là điềm không lành. Họ nghĩ rằng, mọi việc làm ăn bình thường đều nên gác lại, huống chi chuyện quan trọng như cưới gả.

Ông bà Tuần không dám xem thường lời bàn của họ hàng và xóm giềng nhưng giờ giấc đã định sẵn. Hơn nữa, bên nhà gái gả con để trừ nợ. Họ quá nghèo, nợ chất chồng theo năm tháng lên cao đến mức không gì trả nổi. Họ chỉ có một đứa con gái đẹp và hiền, nổi tiếng giỏi giang, nên ông Tuần quyết định bắt họ gả con trừ nợ. Nếu chần chờ vào ngày cưới hay thay đổi giờ, họ có cớ để kiếm chuyện khước từ. Lúc đó, nợ không được trả mà còn mất luôn... con dâu. Ông Tuần không muốn nghĩ tiếp nữa. Thật sự, công việc trong nhà quá bề bộn, ông cần một đứa làm việc giỏi và đáng tin cậy.

Bến đò bên kia sông chìm khuất sau màn nước. Bên này sông cũng như vậy. Ngày rước dâu thật ảm đạm. Trời mưa tầm tã. Nước sông dâng tràn bờ. Đất dậy sình lầy lội.

Trời đất đã buồn mà cô dâu còn buồn hơn thế nữa. Hương ngồi im sững trong khoang thuyền. Cô giống như một bức tượng đá qua sông trong một ngày mưa tầm tã. Mặt Hương lạnh lẽo. Sắc mặt cô vô hồn tựa như một phiến đá cẩm thạch.

Hai người ngồi bất động trong khoang thuyền. Tự nhìn bâng quơ về phía mũi thuyền. Hương liếc qua khe cửa sổ. Ánh sáng mờ nhạt và chập chờn làm cho da mặt cô nhợt nhạt và trắng hơn cả màu của nước mưa ngoài kia.

Hương nghe tiếng mưa dội và gió đập ầm ập ngoài vách thuyền. Sóng nước ngoài kia cao lắm, Hương đoán như vậy. Cô ước thầm, phải chi sóng nước mạnh và dâng cao hơn để lật úp con thuyền. Để cô và cả đám kia chết hết. Cả đám nào? Cả đám nhà chồng chớ ai! Cả đám đáng ghét, từ ông bà Tuần cho tới anh chàng Tự ốm yếu đến độ trói gà không chặt. Hay ít nhất, sóng nước cuốn trôi và nhận chìm chiếc thuyền này, chôn vùi cô và tên con trai đáng ghét kia. Cô không thể sống với một người chồng chưa hề quen biết và không thể yêu thương được.

Dòng sông đắm mình trong biển nước. Đã mấy lần, các thuyền rước dâu suýt chìm vì giông mưa và sóng dựng. Họ hàng chồng, không hẹn, đều nguyền rủa cô dâu. Ác cảm đã có sẵn, vì thế, càng thêm đậm đà trong lòng những người mang ít yêu thương mà quá nhiều ghét hận.

Đêm tân hôn, đối với kẻ khác là giờ phút diễm tuyệt không thể quên được của đời người, nhưng đối với Hương lại khác. Đêm đầu tiên của cuộc sống vợ chồng cũng là lúc mà Hương nhớ hoài, đến suốt kiếp. Với Hương, hoàn toàn hoàn khác. Người ta bù cho sự khổ đau của một cô gái xa gia đình với niềm hạnh phúc của đời chồng vợ. Người ta trả lại nước mắt của một người con gái dấn thân vào cuộc sống mới bằng niềm hoan lạc lứa đôi.

Đối với Hương, sự khổ đau lại cộng thêm bao nhiêu bi thương khác. Người ta không trả lại cho Hương gì khác sau nước mắt rơi, mà cô sẽ phải đổ tiếp những giọt máu còn sót lại trong người. Qua một con sông là đứt hẳn một đoạn đời. Chỉ một dòng sông mà cách trở đến nghìn trùng.

Hương có thể tìm thấy bên kia sông, những ngày nắng, làng quê cô như cái chấm đen in đậm trên một lằn xám nhạt và mảnh khảnh ở của cuối chân trời. Huống chi, ngày cô bị bắt gả đi, trời mưa tầm tã. Bên kia sông đã chìm mất trong bầu trời trắng mịt.

Chuyện không trông đợi cũng tới, sau khi mọi nghi lễ và thủ tục cùng tiệc tùng đã tan. Hương làm việc đến khuya mới dọn dẹp xong mọi thứ bề bộn trong nhà. Ông bà Tuần đã rút vào trong phòng ngủ sớm. Vài người giúp việc còn cố gắng lau chùi cho xong sàn nhà và quét sạch rác rến. Chú rể Tự còn sật sừ với vài người bạn thân. Họ dây dưa hoài, cố uống cho xong chai rượu cuối cùng. Mấy tên bạn muốn kềm chân Tự lại và muốn thần lưu linh quật ngã anh trong đêm nay. Hoặc là, Tự muốn trì hoãn giờ phút thiêng liêng. Những lời bạn bè nói qua cơn say về Hương có thể không đúng như Tự đã nghe qua. Anh chẳng bận tâm suy nghĩ nhiều. Có thể, Tự biết rằng, cuộc đời anh cũng như Hương đều nằm trong bàn tay của những người khác, nói rõ hơn, ông bà Tuần.

Cha mẹ anh sắp xếp mọi chuyện, chứ đối với Tự, anh không muốn cưới vợ. Anh chưa từng quen biết Hương, cô gái bên kia sông. Tự chỉ mơ ước ánh sáng kinh thành. Anh muốn lên thành phố, sống một đời xứng đáng và có ý nghĩa.

Cả một dòng sông rộng và dài ở quê nhà của Tự mang biết bao huyền thoại trong một xã hội đậm nét phong kiến. Dòng sông tuy rộng nhưng không rộng đối với những chuyến đò ngang và lời đồn ác độc. Con người vốn thích kẻ khác bị khổ sở nhất là những kẻ giàu sang và danh tiếng hơn mình. Gia đình Tự nằm trong số mục tiêu của lời đàm tiếu. Đúng lý ra, gia đình Hương nghèo, dễ được người ta bỏ qua cho, nhưng chẳng may, Hương liên hệ với gia đình Tự. Do đó, tiếng đồn về cô dâu được tô đậm và thổi phồng lên càng ngày càng nhiều hơn.

Đêm về khuya, mưa đã tạnh tự lúc nào. Bầu trời đen nhưng trong. Trăng tuy chưa tròn hẳn nhưng sáng rực, treo lửng lờ bên mấy cụm mây xám lưa thưa. Ánh trăng chiếu xuyên vào phòng tân hôn, kéo mấy vệt sáng lung linh trên sàn. Có vệt chạy dài và gẫy gập bên thành giường cạnh chỗ Hương ngồi.

Phòng tân hôn yên lặng và ngột ngạt. Hương ngồi yên bên giường. Cô để nguyên bộ quần áo cô dâu. Cái khăn trùm đầu rớt mất ở một chỗ nào, Hương không nhớ rõ. Ngay đêm tân hôn, ông bà Tuần đã xếp công chuyện cho Hương nhiều gấp ba lần các cô giúp việc. Hương phải săn hai ống tay áo lên, cột quấn hai vạt áo ra trước bụng. Hương còn sắn cả hai ống quần lên gần đến gối. Đến khi vào trong phòng rồi, Hương vẫn giữ nguyên quần áo như vậy. Cô chẳng màng đến Tự. Anh chàng gầy gò, lưng dài, mặt trắng kia, quả thật đáng ghét. Hương chưa hề quen biết anh ta. Người Hương quen tha thiết trong suốt năm qua, ở bên kia sông, cùng xóm với cô. Hương chỉ muốn gặp người ấy ngay tức thì trong đêm nay, trước Tự. Nếu gặp được người ấy, Hương mím môi suy nghĩ, cô sẽ làm tất cả mọi chuyện gì có thể làm được, trong khi anh chàng Tự còn say khướt ngoài kia. Hương sẽ sống tận cùng trong giờ phút này cho thỏa lòng, mặc kệ Tự. Hắn say như thế, biết được gì đâu ngoài chuyện lăn đùng ra ngủ như chết.

Suy nghĩ thế thôi chứ Hương biết rõ số phận của mình. Người ấy bên kia sông làm sao đến được. Số phận Hương chẳng lẽ an bài với tên học trò mặt trắng kia. Không thể được, Hương đã quyết lòng rồi.

Trong khi Hương đang suy nghĩ thẩn thờ thì cửa phòng sịch mở. Trong đêm, bóng Tự trở nên cao lớn và trông dữ dằn hơn. Anh khép cánh cửa lại. Thế giới bên ngoài bị ngăn cách hoàn toàn. Không gian trong phòng trở nên riêng tư nhưng không vì thế mà ấm cúng. Trái lại, Hương cảm thấy ngột ngạt lắm. Hình như có một sức ép rất mạnh từ phía cửa. Không phải từ cửa, Hương biết chắc, từ phía Tự. Chính chàng rể xa lạ kia mang đến cho Hương bao nhiêu phiền não. Trong thời gian qua, cha mẹ hắn đã manh tâm biến đổi cuộc đời Hương. Họ mua Hương về để trừ một số nợ cho ba má cô. Tức nhiên, Tự là chủ chốt trong vụ này. Không có hắn, Hương không bị bán gả về gia đình này.

Càng suy nghĩ Hương càng giận thêm. Trong khi ấy Tự lần mò đi tới. Có lẽ Tự chưa quen bóng tối trong phòng. Hương thấy Tự đi dò dẫm từng bước. Tuy Tự đi chậm nhưng Hương thấy rõ anh đang đi thẳng về phía cô. Có lẽ anh chàng say khướt rồi, Hương tự nhủ, hắn chẳng làm gì được cô đâu.

Còn cách Hương vài bước, đột nhiên Tự dừng lại, anh hỏi, giọng trầm và tỉnh táo:

"Cô chưa ngủ sao?"

Hương nín thinh. Quả nhiên anh chàng khờ khạo và vô duyên. Dù Hương ghét Tự thậm tệ, cô cũng chẳng hỏi hắn một câu như vậy. Trong đêm tân hôn, có chú rể nào muốn cô dâu đi ngủ sớm. Thế thì anh chàng lấy vợ để làm gì. Có lẽ hắn giả bộ để cô không phòng bị.

Nghĩ như vậy, Hương lùi xa vào một góc giường, luồn tay vào trong lưng áo, nơi cô giấu cây kéo nhọn.

Tự bước tới, ngồi xuống một bên giường, gần Hương lắm, chỉ cách vài gang tay thôi. Hương ngửi được mùi rượu từ phía Tự tỏa ra nồng nặc. Có lẽ hắn chẳng uống bao nhiêu, chỉ thấm rượu vào người cho oai.

Nhờ ánh tráng mờ nhạt xuyên qua khe cửa. Hương thấy Tự còn rất trẻ. Anh chàng chỉ mới mười bảy, lớn hơn cô có một tuổi. Mặt Tự non choẹt, da trắng nhợt. Đôi mắt Tự tuy nhỏ nhưng mũi cao, trông cũng không tệ lắm. Tóc Tự hớt cao nên trông anh càng trẻ hơn.

Hương mím môi, ghìm cây kéo và dựa người vào đầu giường. Cô nhủ thầm... thà chết.

Chợt Tự nhoài người người tới. Anh hành động bất ngờ quá khiến Hương hoảng hốt rút cây kéo ra hét lớn:

"Lui ra."

Mấy vệt trăng xuyên qua vách, chiếu lấp lánh vào cây kéo. Hương cứ quơ kéo qua lại khiến ánh sáng chớp nháy hắt vào mặt Tự. Mặt Hương chìm trong bóng tối nên Tự không biết cô đang bày tỏ sự giận dữ như thế nào.

Tự chỉ có ý định với tới cây đèn trên bàn bên cạnh giường nhưng không ngờ Hương phản ứng mạnh như vậy. Anh giật mình, lăn nhào xuống đất.

Hương thở hổn hển:

"Anh làm gì?"

Tuy sợ nhưng Tự cảm thấy bực bội:

"Tôi vặn đèn cho sáng mà."

Nói xong, Tự càng cảm thấy giận hơn. Đây là nhà Tự. Chỗ này là phòng tân hôn. Anh là chú rể. Đêm nay là buổi động phòng hoa chúc. Gặp hỏi chú rể làm gì trong đêm động phòng quả nhiên không lịch sự chút nào.

Tuy nghĩ vậy, Tự vẫn còn sợ. Anh lồm cồm ngồi dậy. Hương lắp bắp nói:

"Ngồi yên đó, không được nhúc nhích."

Hương quơ cây kéo qua lại trước mặt Tự. Ánh sáng lấp loáng khiến Tự hoảng sợ. Có lẽ cây kéo bén lắm, nếu nó xuyên vào người chắc thấu đến tim. Nghĩ vậy, Tự run giọng nói:

"Được, tôi ngồi đây."

Tự ngồi bẹp xuống sàn, ngay dưới chân Hương. Bất ngờ, mắt Tự nhìn ngay vào hai bắp chân trắng phau và thon đều của Hương. Tuy đang lo sợ nhưng Tự vẫn nhủ thầm, quả nhiên chân cô bé này đẹp thật.

Thấy Tự nhìn chăm chú vào chân mình, Hương hoảng hốt nói:

"Không được nhìn."

Hương vừa nói vừa vuốt hai ống quần xuống thật nhanh. Lúc Hương cúi xuống, cây kéo lại chờn vờn vào mặt Tự. Hai người ở gần nhau quá, Tự ngửi được mùi thơm thoang thoảng từ phía Hương.

Hương lui sát vào vách, nghiêm giọng nói:

"Anh không được động tới tôi."

Tự ngước lên nhìn. Ánh trăng chiếu nghiêng qua mặt Hương. Tự thấy Hương còn quá trẻ. Tóc Hương xõa tung ra càng làm tăng thêm vẻ đẹp của cô. Môi Hương mím lại. Nước mắt Hương đang chảy ràn rụa xuống má. Cô thổn thức:

"Anh bước tới, tôi sẽ tự đâm vào cổ... nhưng..."

Tự hoảng hốt hỏi:

"Nhưng sao?"

"Nhưng tôi sẽ đâm anh chết trước."

Thấy cây kéo đang ở sát trước mặt lại nghe Hương hăm he như vậy, Tự vội lết ngược trên sàn nhà, ấp úng hỏi:

"Tại sao cô muốn giết tôi?"

Hương òa lên khóc:

"Anh hại đời tôi mà còn hỏi..."

Thấy Hương khóc mùi mẫn, Tự bớt sợ. Anh lật đật đứng lên, hỏi nhỏ:

"Tôi hại đời cô hồi nào?"

Hương òa lên khóc:

"Anh đem tôi về đây là hại đời tôi."

Tự vội cải chánh:

"Tôi đâu muốn đem cô về. Tại cha mẹ tôi muốn như vậy."

Hương bực bội, nín khóc, trố mắt hỏi:

"Anh không muốn đem tôi về nhà này phải không?"

Tự gật đầu. Hương quệt nước mắt, lắp bắp hỏi:

"Anh nói thật không?"

Tự nhanh nhẩu đáp:

"Tôi chỉ muốn lên thành phố đi học."

Hương mừng rỡ nói:

"Vậy anh cho tôi về nghen!"

Tự im lặng một lúc rồi hỏi:

"Cô ở bên này sung sướng hơn, tại sao cô muốn về?"

Hương giận dỗi:

"Tôi chỉ muốn về nhà. Anh không muốn tôi thì tha cho tôi đi."

Tự lưỡng lự nói:

"Tôi đâu quyết định được. Cô về bên đó làm gì?"

Hương khép nép ngồi xuống giường, ấp úng hỏi:

"Tôi nói cho anh biết thì anh cho tôi đi phải không?"

Tự thẳng thắn nói:

"Cô là vợ tôi mà!"

Hương quắc mắt, trông cô vừa dữ lại đẹp thêm bội phần. Cô nói qua giọng nghiến răng:

"Tôi là vợ anh?"

"Chứ sao? Cha mẹ tôi cưới cô về cho tôi."

Hương quơ cây kéo, ánh sáng hắt vào mặt Tự:

"Còn lâu. Tôi nói cho anh biết. Tôi không hề biết anh là ai. Tôi oán ghét anh. Người tôi yêu ở bên kia sông. Anh ấy hẹn tôi sáng sớm hôm nay ở bến đò."

Tự ngạc nhiên hỏi:

"Anh ta hẹn cô để làm gì?"

Hương mím môi, gằn giọng:

"Chúng tôi đã bàn tính trước. Tôi giết anh

bằng cái kéo này rồi ra bến đò, trốn đi với anh ấy."

Tự giật mình thối lui một bước:

"Trời ơi, sao cô ác như vậy?"

Hương tức tối nói qua hơi thở nặng nề:

"Anh mới là kẻ ác. Chúng tôi thương nhau, hẹn sống chết cùng nhau. Tôi không lấy được anh ấy tôi phải chết. Anh phá hại đời tôi."

Hương xúc động quá, ôm mặt khóc rũ rượi. Bây giờ, Tự đã quen với bóng tối trong phòng. Anh thấy Hương nằm gục trên giường, tóc cô xỏa xuống, lấp cả vai và một bên lưng. Người Hương run rẩy theo tiếng khóc.

Tự bước tới nắm vai Hương, vỗ về:

"Cô đừng khóc nữa."

Hương tủi thân càng khóc nhiều hơn. Tự phân vân nói:

"Tôi không biết làm gì bây giờ."

Đột nhiên Hương nín bặt, giọng tỉnh táo:

"Tôi không thể giết anh được. Hay là..."

Tự thấy thái độ lạ lùng của Hương liền hỏi:

"Cô nói gì?"

Hương ấp úng, giọng e thẹn:

"Hay là... anh cứ ôm tôi đi. Tôi ngủ với anh... rồi anh cho tôi đi."

Tự ngẩn ngơ nói:

"Ờ... thì cô là vợ tôi. Mình ở chung trong phòng tức nhiên phải ngủ với nhau."

DUNG NHAM

BÀI THƠ CHO CON ĐẦU LÒNG

Tặng những uyên ương
sinh con đầu lòng trong thế kỷ 21. DN.

Trong mơ
tôi viết bài thơ
Chào mừng con
Con mới ra đời
Chào mừng thành viên trẻ giống nòi
Nhân loại tương lai

Cảm ơn Em
Người mẹ Việt Nam
ngàn năm còm cõi
Vẫn sinh ra những đứa con hồng hào
Phù Đổng
Này Anh
Này Em
Này Chị, những đồng bào ruột thịt
Này Châu Á dải đất hiền gần gũi
Này Châu Âu-Châu Mỹ-Châu Úc-
Châu Phi, những anh em hàng xóm
Những bà con của quê hương duy nhất
địa cầu
Tôi khoe với các người
đây đứa con tôi
nó mới ra đời
đứa con thế kỷ mới
người thứ hơn sáu tỷ
Con tôi đứa con Việt Nam
Bà mẹ Việt Nam đã sinh ra
Đứa con của thế hệ Việt Nam mới
Sau những cuộc chiến tương tàn đẫm máu
sau hận thù chủ nghĩa
chia rẽ Bắc Nam
Đứa con của một Việt Nam độc lập,
thống nhất, tự do, dân chủ thật sự
Một Việt Nam bạn của tất cả Năm Châu
Một Việt Nam không có hàng rào -
hoàn toàn mới
Từ hôm nay đến tất cả tương lai
Nhân loại ơi!
Đây đứa con tôi
Nó sinh ra trong một Việt Nam hoàng kim
Bước đầu Thế kỷ mới, Thiên niên kỷ mới

Nhân loại ơi!
Này đây con tôi
Đứa con Việt Nam
Ngay trong nôi nó đã mỉm cười
Nụ cười đáp lời chào mừng của Nhân loại
Anh em
Trán nó rộng bầu trời xanh thẳm
Mắt nó sáng hai tinh tú lạ
Môi nó hồng ánh Bình Minh Mới
Tóc nó đen lồng lộng đêm Đông Phương
Má đỏ hây hây
Da nó vàng màu trái chín cây
Con tôi đây
Đứa con Việt Nam
Bế hai tay
Tôi dâng lên NGƯỜI:
NHÂN LOẠI

Hương tức giận, dùng dằng nói:

"Tôi ngủ với anh một lần để trả nợ cho ba má tôi. Xem như tôi không ăn giựt của anh."

Giọng Hương thành thật và cương quyết khiến Tự cảm thấy thương cô hơn:

"Cô nói như vậy là sao?"

Hương giận dỗi:

"Anh muốn tôi nói tanh bành ra hết hay sao? Tôi ngủ với anh tức là anh làm chuyện đó với tôi. Tức là tôi trả nợ cho anh, coi như đủ."

Tự thở dài hỏi:

"Làm chuyện đó hả?"

Hương gật đầu:

"Ờ, làm chuyện vợ chồng xong rồi anh cho tôi đi nghen."

Tự im lặng. Anh không ngờ đôi vợ chồng mới cưới bàn chuyện ngủ với nhau dễ ợt như vậy. Anh cứ nghĩ như tụi con nít chơi mua bán đồ hàng.

Thấy Tự làm thinh, Hương cố nói:

"Tôi nằm yên, anh làm gì cũng được mà."

Tự thẫn thờ suy nghĩ. Cuộc đời sao giống như chuyện mua bán. Éo le ở chỗ, món hàng là con người, là Hương, một người con gái trẻ đẹp và thật thà.

Chờ một lúc, thấy Tự vẫn không đáp, Hương cố thuyết phục:

"Tôi không chống cự đâu. Anh muốn làm sao thì làm."

Tự ngao ngán đáp:

"Cô là vợ tôi mà. Tại sao tôi phải mặc cả chuyện này với vợ tôi."

Hương bực mình, sừng sộ:

"Tôi là vợ anh hồi nào. Đây chỉ là một mua bán giữa ba má tôi và cha mẹ anh. Tôi trả nợ cho anh xong là huề nhau."

Tự chán nản nói:

"Tôi đâu phải là người mua."

Hương nghiêm giọng:

"Tôi không phải là người bán. Anh không phải là người mua. Tôi chỉ là một món hàng. Ba má tôi bán thì cha mẹ anh mua cho anh. Bây giờ anh đã có hàng, anh xài hay không là quyền của anh."

Tự ôm đầu:

"Trời ơi, cô nói nghe sao dễ dàng quá vậy. Tôi là một con người, cô biết không. Tôi không phải là cái máy."

Hương chua chát nói:

"Có những người, bên ngoài là người nhưng trong lòng không phải người."

Tự tức giận hỏi:

"Cô nói ai vậy?"

Hương đáp bâng quơ:

"Tôi nói chung chung vậy thôi. Không ám chỉ ai cả."

Tự cúi nhìn những vệt trăng sáng chạy dài trên nền nhà. Anh không biết phải làm gì. Người con gái đang ở chung phòng với anh được gọi là vợ và anh được gọi là chồng. Giữa hai người được gọi là vợ chồng, đang có một cuộc mua bán. Con người trở nên trắng trợn và tình người lại bị rẻ rúng đến như thế.

Hương ngả người xuống giường. Cô lần tháo nút và cởi áo ngoài. Bên trong, Hương còn lớp áo mỏng màu hồng ôm sát lấy ngực. Cô nằm ngửa trên giường, bất động. Tự nhìn lại, ngực Hương phập phồng theo nhịp thở. Anh thấy màu da trắng muốt ở hai bờ vai Hương.

Nhìn Hương nhưng Tự không cảm thấy một chút xúc động nào. Bản năng tự nhiên của đứa con trai chết tiệt trong người anh. Chuyện vợ chồng bỗng nhiên bị sổ toẹt trong đêm tân hôn. Tự cảm thấy như bị ai hất một thau nước lạnh vào mặt.

Tự thở dài nói:

"Tôi không thể làm chuyện đó được."

Hương nằm im lặng. Tự cởi giày, ngồi dựa vào đầu giường, duỗi hai chân ra. Hai vợ chồng mới cưới, kẻ nằm, người ngồi im lìm bên cạnh nhau.

Đêm về khuya càng vắng lặng. Tiếng côn trùng rả rít đều đặn ngoài kia. Mấy tàu lá chuối khua động xào xạt bên hè. Vài ngọn gió trở cơn, rít nhẹ qua mấy khe cửa. Hình như có tiếng con nhái vừa nhảy tõm vào vũng nước mưa đọng lại từ chiều.

Bên trong phòng chỉ tiếng Hương thở đều. Thỉnh thoảng cô trở mình. Tiếng vải mỏng chà nhẹ lên mặt chiếu phát ra một âm thanh mơn man nhè nhẹ. Tự ngồi suy nghĩ mông lung, anh mơ tưởng đến cảnh sinh hoạt nhộn nhịp trên thành phố. Mai này, không biết anh sẽ đi đâu và làm gì.

Trên vách, hai con thằn lằn rượt đuổi nhau đâu đó. Tiếng kêu gấp rút. Hình như chúng dừng trong một xó kẹt. Sau đó, một lúc lâu, có tiếng chắt lưỡi của một trong hai con thằn lằn. Có thể của cả hai.

Hương nằm và Tự ngồi như thế lâu lắm. Trở mình một hồi, Hương chợt hỏi:

"Anh còn thức không?"

Tự gật đầu đáp:

"Tôi không thể làm được chuyện đó."

"Có gì mà không được, dễ dàng quá mà."

Tự nổi giận:

"Tại sao cô biết dễ?"

Hương làm thinh không đáp. Một lúc sau, cô hỏi:

"Tại sao anh không làm được. Anh tội nghiệp cho tôi phải không?"

Tự phân vân đáp:

"Tôi không biết. Tôi chỉ cảm thấy tội lỗi mỗi khi tôi nghĩ đến chuyện ôm lấy cô."

Hương lạnh lùng nói:

"Anh có làm gì hay không thì đến sáng sớm tôi cũng đi."

Tự lắc đầu, phân bua:

"Tôi không muốn làm bất cứ chuyện gì tổn thương đến cô. Nếu cô không yêu tôi thì tại sao cô muốn chuyện ấy với tôi."

Hương bực mình đáp:

"Không phải tôi muốn mà tôi chỉ trả nợ cho anh để thanh toán sòng phẳng mọi chuyện. Mai này, khi tôi đi rồi, nếu anh không làm gì, tôi cảm thấy áy náy không yên."

Tự an ủi:

"Cô là con gái chưa có chồng bao giờ. Tôi không thương cô. Tôi không muốn phá hại đời cô. Hơn nữa..."

"Anh muốn nói hơn nữa cái gì..."

Tự nổi cáu, gắt gỏng:

"Cô bắt tôi làm chuyện đó giống như tôi ra chợ mua hàng. Chuyện tình cảm mà, tôi đâu phải là cái máy để cô bật điện lên là chạy ngay."

Hương mắc cỡ đỏ mặt:

"Chẳng qua ba má tôi thiếu nợ cha mẹ anh. Bây giờ, tôi thay mặt ba má để trả nợ cho xong."

Tự buồn bã nói:

"Đâu ai bắt cô trả nợ kỳ cục như vậy."

Hương nhớ tới cuộc hôn nhân gả ép, bực bội nói:

"Cha mẹ anh chớ ai. Bây giờ, anh không muốn thì thôi. Tôi cứ xem như trả nợ xong rồi."

Hai người nín thinh. Căn phòng lại chìm vào im lặng.

Hai con thằn lằn lúc nãy lại rượt đuổi nhau trên vách. Trong đêm vắng, tiếng chúng đuổi nhau nghe rõ mồn một. Chạy chán, chúng chui vào một xó kẹt nào đó. Một lúc sau, có tiếng chắt lưỡi.

Hương và Tự nghe mấy tàu lá chuối cứ cọ xát nhau đều đặn bên ngoài. Có tiếng nhái nhảy tõm vào vũng nước. Lần này đến hai con chứ không phải một. Hai âm thanh kế tiếp nhau, giống nhau, chứng tỏ không phải một con nhái nhảy hai lần. Mà nó nhảy hai lần làm gì. Chuyện nhảy vào vũng nước có gì hứng thú đâu. Hai tiếng động ấy rất giống nhau, chắc là hai con nhái bằng nhau, nhảy xuống vũng nước cùng từ một độ cao. Tự nghĩ, hai con nhái đùa giỡn với nhau trong đêm khuya, có lẽ chúng khoan khoái lắm. Còn Hương, cô buồn bã nghĩ ngợi, chắc là chúng tự vận.

Tự không nghĩ đến hai con nhái nữa. Anh quay nhìn Hương, thử xem có chuyện gì mới lạ xảy ra hay không. Hương nằm yên đó, xa lạ. Người con gái mà mọi người bảo rằng, vợ anh. Còn anh, người ta cũng bảo, là chồng. Thật ra, Tự nghĩ rằng, vợ chồng không có ý nghĩa gì cả, một khi cả hai chưa có một chút tình cảm nào, một chút kỷ niệm nào. Anh biết bản thân mình, một người con trai khỏe mạnh, từng mơ tưởng ôm ấp một cô gái đẹp. Nhưng bây giờ, Hương nài nỉ Tự làm chuyện đó để cô trả nợ cho xong thì anh không thể làm được.

Hai người, một nằm và một ngồi suy nghĩ miên man như thế cho đến khi tiếng gà gáy hiệp đầu. Tự nhìn qua khe vách, trời vẫn còn

tối. Hương ngồi dậy mặc áo vào. Chợt cô quay qua ôm mặt Tự, hôn nhẹ lên gò má. Đồng thời Tự nắm chặt lấy bàn tay Hương. Tự không hiểu tại sao anh làm như vậy. Bàn tay Hương mềm nhủn trong tay Tự. Mùi thơm nhè nhẹ từ người Hương cứ phơn phớt đưa vào mũi Tự. Bây giờ, Tự cảm thấy một điều gì đó lâng lâng trong người. Tự không biết cảm giác gì nhưng nó len vào nhẹ nhàng và khiến anh cảm thấy mát dịu cả tâm hồn.

Bất chợt, Tự muốn quàng tay ôm Hương vào lòng. Nhưng đó chỉ là ý nghĩ. Hương đã vuột tay, bước xuống giường. Cô nhìn Tự, long lanh nước mắt:

"Anh đã hứa với tôi."

Thật sự, Tự có hứa gì đâu. Anh chẳng nói câu nào. Mọi chuyện đều do Hương đưa ra. Cô nói tất cả rồi cô bảo rằng anh hứa.

Thấy Tự im lặng. Hương bước tới ôm chầm lấy anh, khóc vùi:

"Anh còn thời gian làm chuyện đó mà."

Nước mắt Hương chảy xuống, ấm một bên cổ của Tự. Hương khóc mà Tự cảm thấy xót xa trong lòng. Nghĩ lại, anh chưa hề yêu cô gái này. Cô hoàn toàn xa lạ đối với anh.

Tự vuốt nhẹ bờ vai rồi mơn man bờ lưng Hương. Chưa bao giờ cho mãi đến tận cuối đời về sau, Tự có cảm giác thánh thiện và thanh cao như vậy. Tự chỉ biết một điều, ngay lúc đó, anh muốn làm bất cứ điều gì cho Hương vui lòng.

Hương thủ thỉ bên tai Tự:

"Anh hứa với tôi rồi phải không?"

Tự gật đầu. Hương nói nhỏ:

"Anh bằng lòng chọ tôi đi phải không?"

Tự lại gật đầu. Anh nói, giọng khàn đục:

"Tôi sẽ đưa cô đi. Nếu cô đi một mình, người trong nhà thấy được sẽ không để cho cô thoát thân đâu."

Hương gật đầu, buông Tự ra. Cô vuốt tóc và kéo áo cho ngay thẳng lại. Hai người mở cửa nhè nhẹ, lách mình ra ngoài.

Trời còn tối. Phía đông vừa ửng chút ánh hồng.

Tự đẩy chiếc xe đạp, mở cổng cho Hương đi ra. Trong nhà yên lặng hoàn toàn nhưng có ánh đèn ở phía nhà bếp. Tự biết người quản gia già đã thức và đang lo bữa ăn sáng cho gia đình.

Sau cơn mưa dai dẳng mấy ngày qua con đường dậy bùn nhão nhoẹt. Tự phải vác chiếc xe đạp lên vai. Hai người đi im lặng trên đường. Hương đi trước, Tự nối bước theo sau. Dáng Hương gầy gò tội nghiệp. Trời không lạnh lắm nhưng gió mạnh khiến Hương phải vòng hai cánh tay ôm chặt lấy người.

Chỉ sau một đêm, nói đúng ra chỉ có vài giờ, Tự nhìn Hương và cảm thấy thân thương như đối với một người cùng anh trải qua cả một đoạn đời. Bây giờ, Tự cảm nhận rằng, anh không muốn mất Hương. Tự còn quá trẻ, anh không biết cảm giác vừa chớm trong lòng là thứ gì. Nó có phải là tình yêu hay không? Nếu phải, tại sao anh có thứ tình đặc biệt với Hương nhanh đến như vậy. Mới vài giờ trước đây, Hương còn cầm cây kéo định giết anh cho chết. Anh tắt thở thì cô ta mới phỉ chí. Chẳng lẽ Tự yêu người toan tính giết anh. Tự không hiểu nổi. Tự chỉ biết, anh không muốn rời xa người con gái này. Kẻ được gọi là vợ anh. Bây giờ, Tự thở dài... anh đang dắt vợ mình đi giao cho kẻ khác.

Tự và Hương đến cuối con đường đất thì trời ửng sáng hơn. Lên đường nhựa, Tự đặt chiếc xe đạp xuống, đề nghị:

"Tôi chở cô đến bến đò."

Hương không nói gì, lẳng lặng ngồi sau xe. Tự gò lưng đạp, gió ngược, tuy Hương nhỏ và nhẹ cân nhưng anh cảm thấy nặng, phải rán sức. Con đường dài, thẳng tắp. Trời vừa hừng sáng, chưa có bóng người qua lại.

Đường nhựa kéo dài một đoạn chừng ba cây số rồi tiến gần về phía bờ sông. Bây giờ gió đổi chiều, thổi ngang, tốc lên từ phía dòng sông. Gió thổi tung tóc Hương, quấn vào mặt và cổ Tự. Từng sợi tóc mơn man trên da Tự. Mùi tóc người con gái trẻ đẹp làm Tự cảm thấy ngây ngất. Tự không cảm thấy mệt. Anh muốn đường dài bất tận và hai người cứ đèo nhau trên xe đạp như thế này mãi mãi.

Hương ngồi sau xe yên lặng nhưng trong lòng cô ngổn ngang trăm mối. Hương vừa muốn gặp người yêu cũ cho nhanh, thoát khỏi cảnh bị ép gả cho gia đình Tự càng sớm càng tốt. Đồng thời Hương lại muốn Tự chở cô đi hoài như thế. Bây giờ cô không ghét Tự nữa. Anh chàng xa lạ này dễ thương quá. Cô cảm thấy như vậy. Anh ta chỉ lo cho cô mà không nhớ đến bản thân mình. Tại sao anh ta phải trốn cha mẹ để giao vợ mình cho kẻ khác. Hương ngẩm nghĩ rồi giật mình. Theo nghi lễ và thủ tục, Hương đã là vợ và Tự là chồng. Anh chàng thư sinh ốm yếu đang gò lưng đạp xe là chồng. Tiếng chồng nghe lạ và kinh khủng. Mỗi lần Hương lập tiếng này trong não, cô cảm thấy như có tiếng sét rất mạnh

trong đầu. Chồng! Trời ơi! Hương đã có chồng. Bây giờ, chồng Hương đang chở cô đi giao cho người tình. Tại sao cô có thể bắt chồng cô làm chuyện tàn nhẫn như vậy. Hương không hiểu. Trời ơi! Hương nhủ thầm, cô là đứa con gái không ra gì.

Bất chợt, Tự cảm thấy ấm hẳn phía sau lưng. Anh nhận ra, Hương đang áp mặt vào lưng anh. Cái cảm giác ấm ấy là da mặt và nước mắt của Hương thấm vào da Tự. Tiếng khóc của Hương mỗi lúc mỗi lớn.

Tự cảm thấy cay mắt và lạnh trên hai gò má. Anh biết mình đã khóc. Anh khóc tự nhiên. Tự khóc vì chuyện gì, chính anh cũng không hiểu nổi. Có phải, Tự khóc cho một mối tình đầu đời mất ngay từ lúc mới chớm.

Bến đò đã hiện ra ở cuối đường. Bóng cây đa già với những dây buông chằng chịt đang đứng ủ rủ bên sông.

Tự đạp xe thật chậm. Anh muốn dừng lại nhưng đôi chân cứ cử động đều. Bây giờ, Tự sống nhờ chút sức tàn còn sót lại trong người. Anh phó mặc cho mọi sự diễn biến bên ngoài. Tự không còn khả năng kháng cự nữa.

Chiếc xe đạp dừng khi cách bến đò chừng hai mươi thước. Quang cảnh bên sông vắng lặng. Chỉ có tiếng sóng nước vỗ đều đặn vào bờ.

Trời vừa hừng sáng, mặt trời chưa lên, người còn ngái ngủ. Đêm còn bám riết và ngày chưa bắt đầu. Dưới bến đò, có chiếc xuồng ai đậu sẵn ở đó. Đò chao dật dờ theo sóng nước. Tự không thấy ai phía ngoài nhưng có ánh thuốc lá sáng đỏ từng chập trong khoang.

Tự ngồi trên yên xe. Hương đứng bên cạnh. Gió sông thổi hai tà áo dài cưới của Hương bay phần phật. Màu đỏ và nét thêu vàng của áo nổi bật trong cảnh lạnh vắng và đơn sơ của bến đò. Màu áo trở nên trơ trẽn với cảnh vật khiêm nhượng chung quanh.

Hương nắm bàn tay Tự đang đặt trên tay cầm xe. Tự nhìn xuống dòng sông. Hương nhìn Tự không chớp mắt. Cô không biết phải nói gì. Cô cảm thấy quá ray rứt trong lòng. Sự việc xảy ra bất nhẫn cho Tự quá. Hương đòi hỏi những điều quá đáng chăng. Hương nghĩ rằng, cô phải trả một giá rất cao cho điều mong ước đó. Nào ngờ, Hương không phải trả một thứ gì. Cái giá mà cô nghĩ rất cao và quá khổ nhọc đã trở nên quá sức dễ dàng. Tất cả mọi chuyện xảy ra êm đẹp cho Hương là nhờ Tự. Hương hiểu rõ như vậy nhưng cô không biết phải làm gì để báo đáp cho Tự.

Mặt Tự trắng nhợt sau một đêm không ngủ và xúc động quá nặng nề. Anh nhìn xuống dòng sông mà nước mắt rưng rưng.

Hương nhón chân lên ôm Tự, ghì chặt. Cô hôn lên mặt Tự mà cảm thấy mặn ở đầu môi. Hương hôn lần qua môi Tự. Cô cảm thấy môi anh giá lạnh.

Tự ngồi yên. Gió sông thổi sao lạnh bằng nỗi giá băng trong người Tự. Hương lui lại, bàn tay cô còn nắm chặt tay Tự:

"Cám ơn anh."

Tự im lặng, không đáp. Gió sông vẫn thổi. Tóc Hương vẫn bay, quấn quít quanh đầu và cổ cô. Tóc Hương lòa xòa vào mặt Tự. Vẫn mùi tóc thơm ấy nhưng Tự cảm thấy đau xót vô ngần.

Hương thủ thỉ, giọng nghẹn ngào:

"Cám ơn anh. Em đi."

Tự bất động. Hình như anh không còn biết đến chung quanh. Chỉ có nước mắt Tự chảy dài xuống hai bên má. Gió sông thổi lên khiến nước mắt trở nên giá băng trên da mặt Tự.

Hương buông tay Tự. Cô nắm chặt cây kéo cắt phăng một góc vạt áo, nhét vào tay Tự. Mảnh vải đỏ tựa như máu tươm trên làn da trắng nhợt nhạt của Tự. Hương ném cây kéo xuống dòng sông rồi đi lui dần về phía bến đò. Môi Hương mấp máy:

"Cám ơn anh nhiều lắm... anh Tự."

Tự chuyển mắt nhìn theo dáng Hương nhỏ dần. Còn cách bờ sông chừng mười thước, Hương xoay mình đi nhanh xuống bến đò. Bấy giờ, cô đi vội vã và dứt khoát. Hương đi như chạy trốn. Không có ai rượt đuổi Hương cả. Hương đang lẫn trốn với chính tâm hồn cô.

Chiếc xuồng nhẹ nhàng tách bến. Nước sông đẩy xuồng trôi thật nhanh. Thoắt trong nháy mắt, nó đã tách xa hẳn bờ.

Trong sương sớm, Tự chỉ còn thấy bóng chiếc xuồng mờ nhạt trên sông.

Gió sông thổi lạnh như tự bao giờ.

*

Ông Tự thong thả phun nước lên mấy cây nhỏ và mãng rêu xanh trên hòn giả sơn. Mặt trời lên cao, nắng đã lan quá nửa sân.

Ông Tự đi vào nhà, thay quần áo. Ông phải ra bưu điện gởi bức thư hồi âm. Lần này, sau nửa thế kỷ, hai người đã đi gần hết đường đời. Ông Tự sẽ rước bà Hương về. Ông không giao bà cho ai nữa.

12/99

(truyện viết lại theo một câu chuyện có thật để tặng Tạ Cự Hải)

LÊ TAM CA VỚI PHÁCH CƯỜI

THẾ GIANG

(xin xem từ số 128)

Tôi rớt cái bộp xuống chốn tôi hằng ra đi. TRẠI TẠM GIAM, HUYỆN CHI LĂNG TỈNH LẠNG SƠN. Bốn chục mét vuông cho sáu chục người. Không gian nồng ấm tiếng ngáy. Tôi nằm tạm ở đây đã hơn một lần cây trên rừng thay lá, con cá dưới suối vật đẻ, cây lúa trên nương trổ hoa, anh nhớ em nhiều "nọng" ơi... lời ai oán của anh bạn tù người Tày những đêm trăng sáng. Cạnh tôi, bên trái, một người đàn ông lúc đó trạc bốn chục. Ông tên Tuất, "đại úy, chiến sĩ Điện Biên Phủ," lời xưng mỗi sáng điểm danh tù. Vỏn vẹn mà hoá dài, như khẳng định đối đầu, thay vì tròn trịa một con số. Tôi biết ông nhiều hơn qua những cơn mê sảng. Bên phải tôi nóng lạnh bất thường, khi trẻ, khi trung niên, rồi có lúc một ông già, họ thay đổi nhau hai ba tháng một. Phải, là tính từ chỗ ra vào kể từ chỗ tôi nằm, dưới cửa sổ, đường xích đạo chia đôi phòng giam. Còn trái là khu "Âm Phủ."

Cửa ra vào, bản lề cánh cửa lắp ngược với truyền thống thuận tay phải của giống nòi, mở ra dễ, đóng vào khó. Nó nằm bên phải, từ ngoài vào. Sáu giờ sáng điểm danh tù, nghe rậm rịch tiếng chân quản giáo, lóc xóc tiếng kim loại va đập, lạch xoạch xoay mở, rồi sáng mới hửng lên trong phòng. Chúng tôi sĩ số luôn luôn tròn, trẻ lẫn già, sáu chục cái đầu cạo trọc, chân khoanh vòng tròn, thuần và thiện như một đội ngũ sư đợi sẵn. Lần lượt, sáu chục tiếng hô, sáu chục con số, bước chân ông quản giáo điểm. Ông bước chậm hơn tính điểm số đòi hỏi. Nhẩn nha, nhấm nháp, tựa như người điền chủ sáng sớm dạo thăm cơ ngơi, vãi thóc cho gà ăn, đếm số đầu lợn trong chuồng, tay lắc lắc chùm chìa khoá. Ông vừa được thăng sĩ quan. Dấu hiệu: Áo sơ mi trắng cộc tay bỏ ngoài quần. Quần quân phục màu vàng công an nhuộm sang tím than. Giày hay là dép, tùy tiện. Bước đi rề rà, nửa lẩm nhẩm soát lại cho kỹ, nửa thương dân nỗi đau khôn dời bước, miệng cười cười thăm hỏi. "Lại thêm một ông Hồ con." Ông Tuất có lần buộc miệng. Tôi không lấy làm trọng những điều ông nói. Đám bạn tù cũng vậy. Chúng tôi sống cho phỏng chừng, và chính xác đếm từng phút, bữa cơm trưa, chúng tôi nhìn ra cửa, mong tới lượt mình đi cung. Đối diện với bước chân rề rà của ông quản giáo, mắt tôi xoè giấy quà, bọc lấy mắt ông, tai tôi máu chạy rần rật, và miệng thiên tai bất đồ người bạn tù. Tôi hãi khối thân nhiệt kế cận chia xẻ hơn cực đối trọng, người từng giộng tôi một báng súng vào khoảnh khắc ngỡ mình được phóng sinh. "Một giuộc với nhau. Ngoi lên quan là phá luật. Áo trong quần thẳng bước." Ông Tuất có lần gằn giọng. Đủ nghe. Võ sư đứng sau cánh gà đập vai đẩy gã môn sinh ra đấu trường. Tôi cụp mắt, phản xạ tự nhiên hai tay ôm trái chôm chôm lởm chởm tóc mọc. Ông quản giáo bước qua lời cà khịa, bước qua luôn những "Tôi Tuất Đại úy... Điện biên phủ" đứng chắp tay sau lưng, nhuộm bóng lên hình tôi. Họ quen biết nhau đã lâu, mòn mỏi với nhau. Tôi trống ngực đập thình thịch, khi nhớ khi quên xưng số tù, bịt mắt bắt dê lần tràng hạt những gà-vịt-chó-mèo-ngô-khoai-sắn- đậu xanh-đậu đỏ... cho tới lúc sập một tiếng cửa đóng mới ngửng đầu. Tôi biết một ngày lành đã mở ra, năm giờ đồng hồ nữa sẽ có cơm trưa, sáu giờ sau đó sẽ có cơm tối, rồi đại tiệc về đêm, những giấc mơ...

Ông Lý Bạch tỉnh là lúc trên tay ông có bát rượu. Giấc ngủ của ông biền biệt, lồng lộng những chuyến bay. Thanh thiên bạch nhật ông lui cui nấu nước pha trà, khi thì bưng qua phòng của Tì nữ,lúc dâng lên miệng gã hoạn quan lớn vởn lượn lờ tình cờ gặp. Chúng tôi no là lúc sắp sửa được ăn. Lục phủ ngũ tạng, chiếc đồng hồ Thụy Sĩ bằng thịt chạy ngược hướng mặt trời mọc, thái mỏng những giấc mơ, xào nấu...

Vừa cầm chắc bữa cơm trưa, tiếng cửa sập lại móc ruột tôi, kéo ra tiếng thở dài: Hôm nay không được đi cung.

Mùa xuân, mùa hạ, rồi mùa thu, hồi mới nhập trại, mỗi ngày tôi bật khóc. Kỷ luật nội bộ tù kỵ tiếng khóc. Người ta ân xá cho tiếng khóc ba lần, kèm nhắc nhở. Lần thứ tư nước mắt còn vỡ ra âm thanh là trùm chăn đòn hội đồng. Công hiệu trận đòn tựa lưỡi dao thiến. Tiếng khóc tuyệt tự. Mỗi người đều trải qua cuộc chích ngừa. Và họ trưởng thành. Tôi khóc âm ỉ từ ngày đầu nhập trại, lúc lỏng tay rơi chiếc ba lô lép xẹp của Trung Quốc xuống cạnh thùng phân đáy khu Âm phủ- khóc ra tới cửa sổ cận ánh mặt trời. Đêm đêm nhớ nhà, mỗi lần thút thít, tôi nghe thủ thỉ lời kể về những trận trùm chăn đòn hội chợ người kể từng trải qua. Tôi còn trẻ thơ. Mối tin cậy đồng loại vẫn nối ruột với dạ con của mẹ tôi trước lúc tôi gặp bà mụ. Tôi nghe như Chuyện cổ tích.

Và truyện cổ tích về những cái ác do những ông ác kể đưa đẩy tôi ra tới cửa sổ, chỗ nằm của bậc Đại tướng trong phòng giam.

Đối diện với tôi, hướng tây cửa sổ, là giang sơn của "Tù trưởng." Tù trưởng theo nghĩa nguyên thủy, lúc giống nòi mới manh nha ký ức, chưa có chữ viết. Khó mà đoán tuổi ông ta. Một tảng đá thiếu tính gồ ghề, không hốc lõm rêu phong trú mưa trắc ẩn, thời gian, dẫu đế giày lính dù, nhẵy xuống là trượt. Cũng không nhẵn thín dao cắt mặt bằng kỷ luật trại giam. Nó nhờn nhợn xanh quện xám, có thể trồi từ âm ti lòng đất lên, cũng có thể sao băng trên trời gãy cánh rụng, một tảng đá mồ côi giữa đồng hoang đêm trăng lữ khách độc hành nghỉ mệt bất đồ gặp nó ngồi bên cạnh.

Ông ta thuộc về huyền thoại trại giam. Giang sơn của ông, vòng tròn vô hình, sự im lặng. Nằm cạnh "Huyền thoại" là hai trẻ, một già, ba người khách Trung Quốc. Họ chạy loạn cách mạng văn hoá từ Trung Quốc sang, nhập trại trước tôi. Bộ ba đóng binh hình tam giác, đỉnh là người già. Ngoại trừ đêm ngủ, ông chỉ bàn tọa ngồi, hai bàn tay lót ổ chim trước bụng, cặp mắt lim dim, miệng ngậm lim dim hình con rết ngủ. Con rết ngủ giả vờ. Cái đầu vuông thành cạo trọc, thiên địa tranh hùng với vành xương quai hàm (cũng bàn tọa ngồi), cặp lông mày đen đậm vươn cánh ó quắp cái lọ mực Nho phập phồng thở, chỉ chực vãi tâm sự xuống hạ lưu, hết dựng lại xóa những bi ảo hoạt kịch trên khuôn mặt: Ông tự khâu miệng mình, chân rết, những đường chỉ. Đôi ba lần giấc nửa đêm về sáng, tôi đã chứng kiến những đường chỉ khâu đứt bung ra. Giữa thiêm thiếp những tiếng ngáy, sừng sững mọc lên cái đầu cạo trọc, rồi những tiếng gầm cụt, khó hiểu. Hai người trẻ tức thì bật dậy theo, tam giác đóng binh thế ngồi. Im lìm, ba cây cọc gỗ cắm ở miệng sông Bạch Đằng, bóng tối hay thủy triều lên xuống nhập nhờ bám quanh họ, ảo ảnh.

Ảo ảnh chợt vỡ khi một trong hai người trẻ lên tiếng. Anh ta lên tiếng sau tiếng gáy của gà rừng đưa vào một chút. Lần nào cũng vậy, tuồng như chờ đợi. Người trẻ còn lại liền sửa thế ngồi, đưa lưng chống nạnh chìa bắp thịt đối thoại với những tiếng lách chách, lâu lâu quay đầu cắn lại một tiếng cộc. Im đâu chừng năm phút, người trẻ kia nói tiếp. Anh ta nói được tiếng Việt: Nghe kể thì là chủng sinh đạo Tin Lành. Anh ta hát bốn năm cữ một ngày. Âm điệu nghe tuồng như thánh ca, lúc là lầ mặt đất thầm thì đấm ngực, lúc bắt ghế nhảy tót lên bay lượn sờ soạn bốn góc phòng giam tìm kẻ hở thoát thân về trời. Niềm lạc quan phát nguyện không đúng chỗ. Mỗi lần cất cánh, khép chưa trọn một vòng ảo tưởng, tiếng hát cạn xăng, rú máy hồng hộc, rụng xuống nền xi măng từng chuỗi ho. Anh ta ho lao. Cẩu tọa, hai tay tấn xuống đất, căng cổ, nhổng cằm, hai má hõm lại, sinh lực từ ngục phủ ngũ tạng dồn lên hai con mắt đỏ ngầu, rồi thổ. Cú thổ thiện nghệ, hiếm khi trật khỏi đường kính 12 phân, miệng cái ca sắt in hình Mao Chủ tịch, vật bất ly thân mang theo lúc vượt biên giới thành kiều bào. Tôi tin là anh có Đạo. Bởi độ khổ luyện của cú thổ. Cách thổ khác hẳn những người Việt bên cạnh. Họ nằm nghiêng, chân duỗi chân co, hai bàn tay khép lại, đặt dưới má, thiêm thiếp thế nguyện cầu. Dáng nằm, sắp cá một lượt, nheo mắt lại nom giống hình hài nước Việt. Nước Việt của Cục đồ bản quốc gia in hàng loạt, nằm chờ ráo mực. Tiếng ho thoạt tiên tằng hắng so giây đàn ở cuống

họng, chân dày chân dép lởm khởm dọ bước vào buồng phổi; trong cõi tranh tối tranh sáng, chúng đụng đầu nhau, râm ran cãi cọ, để bị lùa vào vùng bụng. Đóng cửa bảo nhau, nồi da xáo thịt, sôi ùng ục như nồi cám lợn lúc về sáng, tiếng ho tàn lực, lá lành đùm lá rách, thân nhiệt của nhà cống qua cầu cuống họng khào khạc phả vào gáy láng giềng... Cứ thế, phản ứng dây chuyền, tuần hoàn hô hấp, những lớp sóng ho gối đầu nhau trải mãi tới đáy khu Âm phủ, rồi dội lại.

Ông Tuất khoái cách ho của anh chằng Trung Hoa hơn. Một sáng mùa xuân, tình cờ cùng dựa lưng ngồi dưới cửa sổ, ông trỏ ngón, xéo sang bên kia, Nó khí phách quân tử. Rõ dáng bậc Võ công thâm hậu rằng "Mỗi người Tàu là một võ sư." Anh chủng sinh Tin lành hiểu tiếng Việt. Dở chừng trận ho, anh chỏ mặt nhìn chúng tôi, nguyên thế cẩu tọa, hai con mắt đỏ ngầu. Tôi cương cứng người, đau đến quặn cả ruột, nỗ lực bóp cổ tiếng cười giải giới nó ra ngoài một cách bình hòa ngoại giao dưới dạng tiếng ho. Con mắt người đồng loại bao giờ chả đỏ ngầu. Ông Tuất là chuyên viên về những vấn đề Trung Hoa. Thường trực binh đao trong đầu ông những trận mê sảng rặt Lão với Khổng. Ông không đánh bi đánh đáo với những thằng Quắn thằng Và. Ông không nổi nóng bánh bao nhân thịt cóc bẻ đôi với chúng dưới rặng tre, trên đầu là phản lực cơ Mỹ lượn. Ông cũng chưa đánh giả với chúng những trận cười trâu quần nát hàng mẫu mạ non, Rồi nữa, ông chưa từng nằm tù Trung Hoa. Ông hố to với tôi chuyến này. Liếc mắt ngó khối khiếp hãi mông muội ngồi lừ lừ bên cạnh, tôi bỏ nhỏ: "Thiên hạ chỉ mình ông có võ. Chỉ mình ông là đáng sợ." Tôi nghe "hực" một tiếng chó hóc xương. Im lặng. Mây đen treo lơ lửng một đám trên đầu. Chờ viện binh, tích cho đủ điện mới ra đòn, hay mây giác ngộ giải thủy xuống ngô khoai đối với tôi không là chuyện. Ông Tuất đã vỡ lòng tôi về cái Sợ, rồi cũng chính ông xoá đi cái Sợ trong tôi, thông qua những cái tát. Những cái tát vợ lẽ con thêm của ông tôi tuồng mặt nhớ, hằn trong não chỉ lần đầu. Ông đi cung về, xẩm tối, bỗng đâu dúi cho tôi một miếng âm ấm. Dúi vào miệng. Dẻo quánh, bùi, béo ngọt, và trên hết là hơi ấm. Hơi ấm của miếng ăn được, đùn vào miệng nó thuôn thuốt tuột xuống dạ dày. Dở chừng cơn sướng rượng, bất đồ con bỏ rơi ngoài chợ, bên cạnh là dạ dày, chiếc cối xay gió quay vù vù, tôi chộp lấy nguồn sữa mẹ teo tóp cạn nhiệt, sừng sộ hỏi "Cái gì thế." Ông Tuất trỏng lỏn: "Xôi đậu xanh."

Đêm đó tôi nằm mơ được về phép thăm nhà. Tôi nằm vùi trong nách mẹ tôi. Nách của mẹ có tất cả: Nào xôi nào chuối ngự nào gà luộc, rồi những thẻ bánh cốm chợ Đồng Xuân mơn mởn màu mạ non... xa xa, tôi còn thấy những cối oản, những gói kẹo cứng Hải Hà, những hộp sữa đặc Thống Nhất dành cho buổi lên đường trả phép...

Tôi ăn từ tốn. Lớp lang từng món. Thứ lễ phép của đứa trẻ từng dừ đòn với cái đói, miệng nhai mà mắt ngẩng nhìn ngày mai, đánh vần chữ Cần Kiệm. Xong miếng xương, cái cổ gà luộc, tôi lăn mắt xuống đôi cánh, sau nó là cặp đùi, rồi bánh cốm... Vừa đụng ngón tay vào cái khuỷu cánh gà, tôi nghe choáng một cú chày vồ đập vào não, rồi quặn đau ở xương sườn, cột sống, cuống họng...

Ông Tuất lại mộng du. Tề Gia Trị Quốc Bình... Trong cơn hành hương lê Lão với Khổng, ông dẫm bẹp bụng tôi, nôn ra hết cả bữa cơm tối, nắm xôi, lẫn mật xanh, mật vàng. Cả nửa giờ sau, hoàn hồn với đống dớt dãi, len lén rời khỏi bụi tre, chốn cô thôn nữ sinh nở lần đầu không người giúp rập, tôi hỏi vào khoảng không "Ông Khổng Tử đẻ ra đường nách hay đường bẹn ?" Ông Tuất vẫn dẫm

ĐẶNG PHÚ PHONG

XUÂN MUỘN

Chạnh lòng ta cũng gọi xuân
Ô hay nguyệt đã riêng cùng đêm vui
Hoa mai mấy cánh ngậm ngùi
Nằm nghiêng lòng chén ngủ vùi nguyên tiêu
Mời em ngã nón qua đèo
Nghe tiền thân lửng lẳng treo ngang mày
Ngậm ngùi tay nắm bàn tay
Bạc đầu cỏ trắng chưa bày lòng xanh
Em đi còn chút nắng hanh
Thuở ban sơ mộng dỗ dành tương lai
Mùa xuân về đánh giấc dài
Gọi trăng đính ước khép cài xuân thu.

đạp lên đám bạn tù, miệng lảm nhảm "Nhân Nghĩa Lễ Tín..." Tôi quát "Khổng Tử có cha có mẹ không?" Lần này thì ông tỉnh: Không bay bổng dẫm đạp nữa, mà lồm cồm bò, một chân có tật, trồi sụt trên những tiếng rên rỉ mộng sảng "Em xin cán bộ... Em chừa rồi..." hổn hển cẩu tọa trước mặt tôi. Đêm đó không trăng, chỉ sao nhờ nhợ sáng. "Khổng tử ăn rồi có ỉa..." xả chưa xong nỗi uất ức, ông Tuất đổ sập xuống mặt tôi một cái tát.

Bốn ngày liền tôi báo cháo. Đêm ngủ ông Tuất không dọ dẹ xẻ hơi của tôi, mà né người, hướng về phía Âm phủ. Tôi đoan chắc ông không ngủ. Chân trái ông có tật, không nằm ngửa, chỉ nghiêng về phía tôi, cửa sổ. Ông vẫn cơm bình thường, có điều ăn một nửa, nửa còn lại nhá nát, trộn với nửa ca nước khẩu phần, đặt trên đầu, chỗ tôi nằm. Phần cháo báo tôi ăn không hết, nói gì cơm nhá của ông. Tôi đau răng đến rồ dại, không chỉ hàm trái, mà phải, rồi lưng, vai, xương sọ... thiếu mỗi cái chăn trùm, tôi đã ăn gần trọn trận đòn hội đồng vào đêm sau đó.

Họ trùm chăn ông Tuất. Xử lý nội bộ, chuyện vi phạm nội qui tù, người lớn đánh trẻ con. Đúng ra chỉ mức độ hành chính, nếp nhà bảo tồn, nhưng không ít người ở khu Âm phủ day dứt với chuyện ông Tuất hay được đi cung, rồi mỗi lần cung về ông đều có miếng. Họ ngờ là ông giống bên phải tôi, những kẻ vào ra xoành xoạch, nóng lạnh bất thường.

Ngay từ sáng sớm, vừa xong buổi điểm danh, trong phòng đã sôi lên những tiếng xì xào. Tôi ngồi dựa lưng vào tường tay rờ má, lân la làm quen với khối sưng quai bị, ruột thì lom nhom nhóm lửa hâm lại giấc mơ hồi đêm. Tôi ăn gọn ghẽ con gà luộc, không để mất đến ai. Hết những miếng mềm, đến phần xương, tôi xắn tay áo cho thuận tiện. Miếng nào gọn miếng nấy. Còn lại mỗi miếng phao câu, tôi thoáng nghĩ đến ông Tuất. Ông tôi, cha tôi, các bác tôi, thường kín đáo thở dài mỗi khi đám trẻ chúng tôi hết nạc, tấn công vào những miếng xương trong bữa giỗ. Đàn ông họ nhắm rượu, ông Tuất lại không. Mỗi lần tôi làm thịt gà, ông tằng hắng giọng, rồi bảo để phần ông miếng phao câu. Tôi đẻ ra ở 36 phố phường Hà Nội, hay được mẹ dắt đi ăn quà. Đêm nào được gặp lại mẹ, sáng dậy tôi hào phóng dắt cả phòng đi thưởng thức. Ông Tuất vẫn trùm chăn ngủ. Tôi biết ông ngủ giả vờ, bên cạnh miếng phao câu của ông. Trước đó, lúc tôi xắn tay áo vào những miếng xương, đã có nhiều khúc xương ném vào tội. Đó là những hạt cơm dành dụm, ngào thêm chút nước bọt, xoe trong lòng bàn tay thành những hòn bi, hong cho khô, làm thuốc bổ ngậm về đêm. Chúng tôi, trẻ cũng như già, ai nấy đều thủ chừng chục viên trong túi. Đám bạn tù tiếp cơm cho tôi, hay nhắc nhở tôi tính đồng loại chia xẻ (?) Nương hơi nhau đi trong cõi Âm, lâu ngày người ta biết cách đọc giấc mộng của nhau. Tôi an nhiên gặm. Ngoài giá trị dinh dưỡng những viên bi còn chứa đựng điều thần bí. Đêm nào khoẻ khoắn, ấm áp trong người, nước bọt tiết nhiều, những viên bi mềm trong lưỡi là tôi lại ngủ vùi trong nách mẹ. Đám người lớn bất đồng với tôi về tính Tiên dược của nó. Họ quên mất là họ không còn trẻ thơ. Họ ngậm những cục cơm khô không bao giờ tan chỉ để nghiềm ngẫm một triết lý, suy niệm tôn giáo, hay cuộc vạn lý trường chinh tìm về tập tục... Ừ, kho một con cá gỗ, đặt giữa mâm cơm mỗi bưa ăn hình như là tập tục của xứ Nghệ, quê hương của Hồ Chủ Tịch (?) Lừa người là bỉ ổi, lừa mình là bi kịch, hãy lặng yên cho tôi sống với bi kịch của tôi.

Phao câu quả là dòn, quả là ngọt. Nước béo tứa ra hai bên mép, nhểu xuống ngực, tôi lấy tay hốt, húp ngược vào miệng. Những viên bi vẫn ném tới nhắc nhở. Tan miếng phao câu, tôi sờ soạng tìm kiếm. Vẫn còn đây, cái khoanh cổ gà đã gặm hết thịt hồi đêm. Tôi nhai rau ráu. Và nước béo lại ứa ra. Tôi lại lấy tay hốt, húp ngược vào miệng... cứ thế, những miếng xương sụn của tiềm thức mộng mị ăn thừa, tôi bầm nhỏ trong miệng, trộn với huyết tươi của hiện thực cái tát, làm món tiết canh. Tôi sẽ man rợ hành lạc cho đến giờ cơm trưa, xoạch một tiếng cửa mở, nếu ông Tuất không bất đồ tung chăn bật dậy. Ông túm áo ngực tôi hổn hển thở. Tôi nhắm mắt mà biết hai con mắt ông đã xuất tròng, mồ côi trợn trừng treo trước mắt tôi. Tôi không trả thù ông, rồi cũng không nguyền rủa cõi sống, chốn chúng ta tình cờ gặp nhau, đưa đẩy nhau tới giới hạn của bi kịch. Thêm một cái tát nữa cũng thừa. Cân đối làm gì, phải trái hai khối sưng quai bị. Đó là điểm kị, tối kị của hội họa, tính tròn.

Tôi đang lệch một bên áo ngực, máu bết, giấc mơ hôn phối với hiện tại thành đĩa tiết canh đánh vụng, lỏng máu nhểu. Nên dành sức. Đêm nay, khu Âm phủ, người ta sẽ trùm chăn đánh tiết canh ông đấy.

(Còn tiếp)

HẰNG*

TỪ NGUYÊN

Khi xe vào Thông lộ 5 thì đường hết sức kẹt. Như thế này thì chỉ có nước mở radio nghe tin tức hay là nghe mấy băng nhạc tôi vừa mua sales ở Little Saigon tuần trước. Mua đã lâu mà cũng chưa buồn bóc nhãn ra nữa chớ. Nhích từng chút, từng chút mà lòng rất nôn nóng. Hay là vào đại con đường dành cho xe hơi có nhiều người trong khi trong xe chỉ có mình tôi. Phạt thì không ngán nhưng lỡ bị bắt mà trễ giờ thì cũng không khá hơn.

Tôi không hiểu tại sao nhà thương lại gọi tôi. Thì họ đã giải thích rằng thấy số điện thoại của tôi, số độc nhất, trong xách tay của cô ta nên chỉ còn có nước gọi tôi. Dựng đầu tôi dậy thì đúng hơn vì lúc đó là sáu giờ chiều, chuyện trái đời, giờ đó là giờ ngủ của tôi. Tôi trực bệnh viện ca đêm nên ngủ ngày. Giờ này tôi đang tới một bệnh viện khác với tư cách là một người thân.

Bốn mươi lăm phút sau, sau khi đậu xe trong parking lộ thiên, ba chân bốn cẳng chạy vào cửa chính của bệnh viện, nơi đang có một ông và một cô ngồi tiếp. Giờ tan sở, người ra vào thăm viếng đông đảo. Cô tiếp viên tóc vàng, mắt to, nhìn tôi như chờ đợi. Nghe chưa hết câu, cô chỉ cho tôi lên tầng thứ 7, phòng chuẩn bị để mổ. Thang máy phía này, ông! cô tiếp viên nói, chỉ sợ tôi chạy việt đã lên bảy tầng...

*

Y sĩ giải phẫu chờ trước cửa phòng lại đưa tôi ra phòng đợi của tầng lầu. Coi như là đã biết tôi là ai và thế nào của người bệnh, ông vô đề rằng đây là một trường hợp rất đặc biệt. Tại sao lạ vậy cà? Mình đang ở Cali mà! Tôi không là gì của người bệnh, tôi có quyền ký giấy cho cô ta mổ không? Tôi nghĩ vậy mà không nói được vì ông y sĩ nói huyên thuyên từ khi bắt tay, mời tôi ngồi xuống ghế cho tới khi đứng lên, lại bắt tay chào rồi bươn bải đi. Để tôi lại một mình. Ông nói đây là một trường hợp đầu tiên trong đời ông ta gặp. Hằng, phải rồi, Hằng, cô bạn tôi tên là Hằng, chúng tôi quen nhau từ hồi còn học ở Long Beach. Hằng ly dị chồng sống chung với một người bản xứ sau đó nghe nói bỏ. Đi Texas, lập nghiệp. Có một đứa con gái, đâu cũng học đại học rồi (1), như vậy chắc cũng không biết mẹ đang nằm bệnh viện? (Hồi đó chưa có điện thoại cầm tay như bây giờ).

Hằng bị đứt mạch máu đầu nhưng được cấp cứu. Cấp cứu cách nào, tôi không hỏi nên không biết mà viết ra đây. Khi khám bệnh, người ta mới biết rằng trái tim của Hằng... đã... khô từ lâu... Tôi không hiểu, rất ngạc nhiên, nhưng như đã nói, đâu có hỏi được. Đủ cho Hằng sống gọi là bình thường (với trái tim khô?) nhưng không cho con người này những cảm xúc bình thường của một người con gái, của một người đàn bà. Ờ, nếu vậy thì phù hợp với những gì đã xảy ra. Hằng đã sống với bạn bè, với người thân như người không tim!

Có lần một cô bạn của Hằng, người Mỹ, nói tao thấy mày như người không tim. Câu nói không ngờ lại đúng, cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen.

*

Chuyện chúng tôi yêu cầu ông giúp cho cô ta, người y sĩ nói, là ký vào giấy này để xin một trái tim, ông biết chuyện đó không phải dễ và không phải là có ngay. Nhưng xin ông ký cho, chúng tôi sẽ làm thủ tục để khi nào có tim thì người ta cho bệnh viện biết. Vâng, chuyện gì chớ chuyện đó, tôi xin ký ngay. Để cho Hằng có trái tim mới, với một trái tim bình thường, có lẽ Hằng sẽ sung sướng hơn. Hằng sẽ có cảm xúc, biết hờn giận mà cũng biết yêu thương. Vâng tôi xin ký nhưng chi phí cho vấn đề này thì như thế nào ? Ông khỏi lo, cô ta có bảo hiểm, ông không phải chịu một khoản chi phí nào cả. Có điều, khi có tim mới, người y sĩ ngần ngại như sợ nói ra điều gì làm tôi buồn, ông ta không biết rằng đời tôi tang thương, biến đổi. Đi học thi trượt, đi lính bị trù, học tập cải tạo, trốn tù, vượt biển, qua đây lại vác mạng đi học rồi vẫn lêu bêu... làm đủ thứ nghề. Khi có tim mới, Hằng sẽ sống hiền dịu với bạn bè, thương yêu con, lo lắng cho những người thân còn lại. Sau lần này, mà lần này tôi cũng chỉ thấy nàng nằm hôn mê trong lồng kính khi từ cửa phòng nhìn vào, sau lần này tôi sẽ không còn liên lạc nữa. Như ba bốn năm nay. Tôi không có địa chỉ của nàng, không có số điện thoại (hồi đó chưa có vụ internet). Nói vậy chớ biết đâu, khi có tim mới, (nàng có số điện thoại của tôi mà) nàng tìm đến tôi, nói rằng trước đây em đối xử với anh tệ bạc là vì... tại sao chỉ có anh biết mà thôi. Bao giờ nàng cũng nói mơ hồ và hàm ý như thế, ai muốn hiểu ra sao thì hiểu.●

(*) Sự trùng hợp về danh tánh và sự việc, nếu có, chỉ là tình cờ, ngoài ý muốn của tác giả.

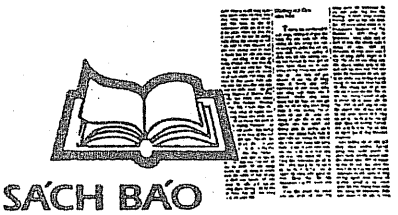

PHẠM XUÂN ĐÀI

Chúng tôi rất cám ơn quý vị có sách báo xuất bản đã gửi biếu cho *Thế Kỷ 21* trong suốt năm qua (và thời gian những năm trước nữa), và quý độc giả đã theo dõi, góp ý cho việc giới thiệu sách báo trong mục này. Vì thời gian và trang báo có hạn, chúng tôi đã không thể đọc và giới thiệu kịp thời tất cả các sách báo mới mà quý vị đã có lòng tốt gửi cho, đó là một điều chúng tôi rất lấy làm ân hận, kính mong quý vị lượng thứ. Chỉ xin hứa luôn cố gắng để độc giả có thông tin đầy đủ và sớm sủa về tình hình sách báo.

Ở đây xin được giới thiệu sơ lược một số tác phẩm nhận được trong thời gian qua:

- **Nhẹ Bước Vào Thơ**, thơ của Thảo Chi Bùi Mỹ Hoa, Hội Thơ Tài Tử Việt Nam xuất bản 1999. Liên lạc: Bùi Mỹ Hoa, 2723 Mckee Road, San Jose CA 95127, USA. Tel: (408) 926-7152.

- **Quang Trung Diễn Ca**, thơ lịch sử của Lương Nhân, tác giả xuất bản, giá 30 frs. Liên lạc: Khai Trí, 93 Avenue d'Ivry 75013 Paris, France.

- **Nhận diện Thơ Tình Nguyễn Bính**, của Huy Phong và Yến Anh, Mekong-Tynan xuất bản, giá US$12.00. Liên lạc: P.O. Box 612101 San Jose CA 95161, USA.

- **Cha Mẹ Lòng Thương Yêu**, thơ của họa sĩ Trương Tuấn Khanh, tác giả xuất bản, giá US$10.00. Liên lạc: 5307 W. Roosevelt Ave. Santa Ana CA 92703. Tel: (714) 554-2151.

- **Về Nguồn**, thơ của Đỗ Quang Vinh, tác giả xuất bản giá US$8.00. Liên lạc: Mr DO, 5405 Kinglet Avenue, Mississauga, Ontorio, L5V 2C8 Canada. Tel: (905) 814-8708.

- **Thơ Vinh Hồ**, VAALA Florida xuất bản, giá US$10.00. Liên lạc: Hồ Văn Thinh 1113 Tyler Lake Cir, Orlando, Fl 32839 USA. Tel: (407) 858-9721.

- **Về Dưới Hiên Xưa**, thơ Song Vinh, Văn Tuyển xuất bản, giá US$12.00. Liên lạc: Song Vinh 107 Bromfield Way, Apex NC 27502. Tel: (919) 301-5129.

- Hỏi Sao Không Buồn Cho Được, thơ Trần Vấn Lệ, Người Tàu xuất bản 2000.

- **Tình Thơ**, thơ Hải Yến, tác giả xuất bản, giá US$10.00. Liên lạc: 4146 Highland Avenue, #11 San Diego, CA 92105 USA. Tel: (619) 563-8286.

- **Người Lữ Hành Không Đơn Độc**, truyện dài của Văn Phan, Tú Quỳnh xuất bản 1999, giá US$15.00. Liên lạc: VAN NGUYEN 10082 Central Ave, Garden Grove, CA 92843 USA. Tel: (714) 539-4494.

- **Làm Thế Nào Lái Xe Được An Toàn?**, tác giả Phương Vinh, Phuong Lan xuất bản 1999, giá US$10.00 + cước phí. Liên lạc: Phương Vinh P.O. BOX 963 PERRIS, CA 92572 USA. Tel: (909) 657-7257 Pager: (909) 298-0312.

- **Thơ Thái Tú Hạp**, nhiều người viết, Sông Thu xuất bản 1999, giá US$15.00 trong nước Mỹ. Liên lạc: ÁI CẦM 9234 E. Valley Blvd., Rosemead, CA 91770 USA. Tel: (626) 288-2696, Fax: (626) 288-2033.

- **Một Thời Hoàng Tộc, tập 1 & 2**, tạp bút của Bảo Thái, Kinh Đô xuất bản 1999, giá US$15.00. Liên lạc: Bảo Thái 1825 Barrow St. Abilene, Texas 79605 USA. Tel: (915) 690-0723.

- **Cùng Nhau Trôi Nổi**, Hồi ký Phạm Thị Quang Ninh, Việt Đạo xuất bản 1999, Văn Nghệ phát hành, giá US$12.00. Liên lạc: Văn Nghệ P.O Box 2310 Westminster, CA 92683 USA. Tel: (714) 527-5761.

- **Cồn Mây**, truyện dài Hồ Minh Dũng, Văn Mới xuất bản 1999, Văn Nghệ phát hành, giá US$17.00, ngoài Mỹ thêm US$3.00. Liên lạc: Nhà Sách Văn Nghệ P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683 USA. Tel: (714) 527-5761.

- **Tình Yêu**, tập truyện Mộng Thu, tác giả xuất bản 1999, giá 10.00 gia kim. Liên lạc: Mộng Thu 606 Place Brazeau Laval, Québec, Canada H7G-4T6. Tel: (450) 663-0549.

-**Học Đọc Tiếng Việt**, Đỗ Quang Vinh, tác giả xuất bản 1999, giá US$15.00 chưa kể cước phí. Liên lạc: Mr DO 5405 Kinglet Avenue Mississauga, Ontario L5V 2C8, Canada hoặc 734 Creekland Circle San Jose, CA 95133 USA.

- **Người Tình Quê Hương**, thơ Quốc Nam, Đông Phương xuất bản 1999, giá US$13.50. Liên lạc: Đông Phương Foundation P.O.Box 18104 Seattle, WA 98118-0104 USA. Tel: (206) 722-0231, Fax: (206) 722-0337, E-mail: TuongVang@aol.com.

- **Thơ Vinh Hồ**, VAALA-Florida xuất bản 1999, giá US$10.00. Liên lạc: Hồ Văn Thinh 1113 Tyler Lake Cir Orlando, FL 32839 USA. Tel: (407) 858-9721.

- **Mùi Hương Quế**, tập truyện của Dương Như Nguyện, Văn Nghệ xuất bản 1999, giá US$14.00 trong nước Mỹ, US$16.00 ngoài Mỹ. Liên lạc: Nhà Xuất Bản Văn Nghệ P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683 hoặc 9351 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683 USA. Tel: (714)934-8574, Fax: (714) 934-8514.

- **Như Khói Lam Buồn**, tập truyện của Hồng Lan, Viên Giác xuất bản 1998, giá US$10.00. Thư từ và ngân phiếu xin gởi về: Viên Giác Karlsruher Strasse.6 30519 Hannover - Germany.

- **Nhà Sư Thọt**, tiểu thuyết trinh thám Kỳ Phát, Huyền Nga tái bản, giá US$8.00. Liên lạc: Victor Pham 6715 Champions Blvd. N.Lauderdale Fl 33068 USA.

- **Ông Tướng Sang Sông**, tập truyện Hoài Ziang Duy, Alpha phát hành 1999, giá US$10.00. Liên lạc: Alpha tại Virginia 6198-A Arlington Blvd Falls Church, VA 22042. Tel: (703) 536-8204/4008. Fax: (703) 536-4045 hoặc Alpha tại Maryland 1401 University Blvd. Unit #G-13 Hyattsville, MD 20783.

- **Đường Vào Nhiếp Ảnh**, sách hướng dẫn nhiếp ảnh nghệ thuật của Ngô Thanh Tùng.

- **Quả Đất - Quê Hương**, bản dịch Nguyễn Hồi Thủ, CMCT xuất bản 1999, giá 88 FF (12,25 Euros) (thêm cước phí nếu mua qua đường bưu điện). Liên lạc: Nhà Xuất Bản CMCT, Mme Nguyễn 106 Av. Jean Jaurès, 94110 Arcueil, France. Tel & Fax: 01 49 85 05 05, E-mail: nht1@aol.com.

- **Văn Hóa Việt Nam**, Duyên Hạc Lê Thái Ất, tác giả xuất bản và phát hành 1999, giá US$15.00 (Hoa Kỳ), US$18.00 (ngoài Hoa Kỳ). Liên lạc: CHAU MINH CHE 14044 Magnolia St., Suite 228 Westminster CA 92683, tel: (714) 891-9996/891-9327 Fax: (714) 891-8727.

- **Tăng Sĩ Và Triết Gia**, Linh Thụy chuyển ngữ, Văn Nghệ xuất bản 2000, giá US$22.00 (Hoa Kỳ), US$25.00 (ngoài Hoa Kỳ). Liên lạc: Nhà Xuất Bản Văn Nghệ P.O.Box 2301 Westminster, CA 92683 USA hoặc 9351 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683. Tel: (714) 934-8574, Fax: (714) 934-8514.

- **Phía Sau Cuộc Đời**, phóng sự tiểu thuyết Thái Quốc Mưu, Dân Việt xuất bản 1999, giá US$13.00 (Hoa Kỳ), US$15.00 (ngoài Hoa Kỳ). Liên lạc: Thái Quốc Mưu P.O. Box 47074 Doraville - GA 30340, USA.

- **Mùa Đông Hẹn Hò**, truyện ngắn Lê Thị Nhị, Văn Tuyển phát hành 1999, giá US$12.00. Liên lạc: Lê Thị Nhị 11525 Dragonfire Way. Germantown, MD 20876, E-mail: lethinhi@juno.com.

- **Đó Đây**, tùy bút Trúc Chi, Văn Học xuất bản 1999, giá US$12.00. Liên lạc: Tạp Chí Văn Học P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92842 USA, Tel: (714) 894-8535, hoặc Nhà Xuất Bản Văn Nghệ P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683 USA, Tel: (714) 527-5761.

- **LM Trần Lục, Thực Chất Con Người Và Sự Nghiệp** Bùi Kha và Trần Chung Ngọc, Giao Điểm xuất bản 1999, giá US$ 12.00. Liên lạc: Giao Điểm P.O.Box 2188 Garden Grove, CA 92842 USA.

- **Truyện Kiều Chữ Nôm Và Khảo Dị**, Nguyễn Bá Triệu biên soạn, Việt Lang xuất bản. Liên lạc: Việt Lang Publishing House 174 Forward Avenue Ottawa, Ontario K1Y 1L2 Canada, Tel: (613) 798-0460.

- **Chinh Phụ Ngâm Tập Chú**, Nguyễn Bá Triệu biên soạn, Việt Lang xuất bản. Liên lạc: Nguyễn Bá Triệu 15 Lacasse St. Aylmer, Quebec J9H 6H7. Tel: (819) 684-9855.

- **Thế Kỷ** của Nguyễn Văn Chức, Làng Văn xuất bản. Liên lạc: Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U" Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada. Tel: (905) 607-8010.

Gió Lửa

tiểu thuyết lịch sử của Nam Dao, Thi Văn xuất bản, 493 trang, giá US$20.00, ngoài châu Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Thi văn, P.O. Box 42045, succ St Louis, St-Foy, Qc, Canada G1W 4Y3.

Truyện giả sử *Gió Lửa* kéo dài trong quãng lịch sử cuối thế kỷ thứ 18 đến đầu thế kỷ 19 khi Gia Long thống nhất đất nước. Đó là một giai đoạn lịch sử phức tạp nhất của nước Việt Nam từ ngày lập quốc, ngoài Bắc thì vua Lê chúa Trịnh, trong Nam thì chúa Nguyễn và Tây Sơn, rồi thương nhân ngoại quốc bắt đầu vào buôn bán, cố đạo Tây phương phổ biến

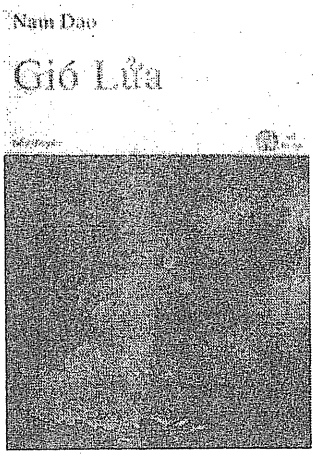

đạo Thiên chúa... So với cuốn tiểu thuyết lịch sử Tiêu Sơn Tráng Sĩ của Khái Hưng, cũng viết về thời kỳ này, thì cuốn Gió Lửa mang tham vọng lớn hơn nhiều về mặt lịch sử: bao quát một không gian và thời gian rất rộng, từ những âm mưu trong cung chúa Trịnh đến giấc mơ dấy nghiệp trong vùng rừng núi Nghệ An, từ Phố Hiến đến Phú Xuân, Quy Nhơn, rồi theo chân Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh đến cả Paris... Dĩ nhiên tác giả phải dựa vào chính sử để làm sườn cho tiểu thuyết, nhưng đó chỉ là bộ xương, còn phần da thịt, mạch máu, thần kinh, trái tim, cảm xúc... hoàn toàn là phần tác giả tạo nên. Người đọc có thể chứng kiến cảnh Đặng Thị Huệ làm tình trong phủ chúa, hoặc người và ma yêu nhau giữa chốn rừng sâu, cảnh giáo sĩ bị hành hình hoặc anh em Nhạc Huệ Lữ tranh giành quyền lực lẫn nhau... Tác giả đã cho thấy một Việt Nam chia rẽ, đấu đá, bất an đến tận cùng, dùng giai đoạn lịch sử rối rắm của tình thế và của lòng người ấy như một cảnh giác về một "nghiệp chướng" mà Việt Nam vẫn còn mang, lúc nào cũng ngầm sục sôi chờ phát tác...

Chiêm nghiệm nhiều về những thảm cảnh của lịch sử Việt Nam, hình như tác giả muốn dùng những câu chuyện trong quá khứ như một luận đề để tìm phương thức hóa giải một thứ ác nghiệp mà ông thấy dân tộc này vẫn phải mang. Phải chăng đây là một cách tự bộc bạch những ẩn uất để mọi người cùng chia xẻ hầu tâm thức dân tộc được nhẹ nhõm hơn chút nào chăng? Tác giả đã không ngần ngại tạo ra những khung cảnh lạ lùng, hoang đường bên cạnh những thực tiễn lịch sử, có lẽ với ý muốn qua đó chạm đến cái phần vô thức của lịch sử là cái vẫn hướng dẫn dòng lịch sử tiến lên theo một chiều hướng nào đó mà không ai thấy. Có lẽ dân tộc Việt Nam cũng đã đến lúc phản tỉnh theo cách phân tâm học, để thoát ra khỏi cái bệnh chứng đá nhau giữa "gà cùng một mẹ" vẫn triền miên trong lịch sử. Viết *Gió Lửa*, phải chăng tác giả Nam Dao muốn góp phần làm việc ấy?

Sống Hạnh Phúc, Chết Bình An

sách giảng Phật pháp của Đạt Lai Lạt Ma (The Joy of Living - Dying in Peace) bản dịch Việt ngữ của Chân Huyền, Làng Cây Phong xuất bản, 198 trang. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761. Hoặc với tác giả: Chân Huyền Đỗ Quyên, 130 Laburnum Lane, Fountain Valley CA 92708, USA.

E-mail: hdtquyen@juno.com

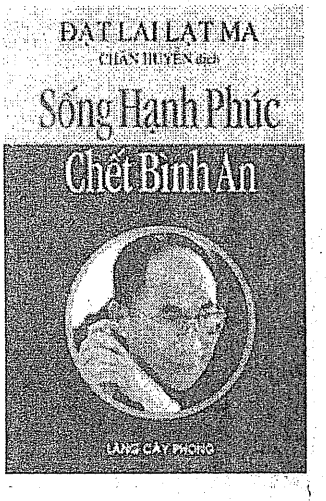

Một người muốn biết lái xe mà chỉ nghiên cứu tất cả luật lệ đi đường cùng máy móc của đủ loại xe cộ mà không chịu ngồi vào sau vô lăng để tập lái thì chắc chắn người ấy không bao giờ lái xe được. Những vấn đề thiết thân của chúng ta, như sống sao cho có hạnh phúc, chết sao cho bình an, cũng vậy, là những chuyện ta phải tập luyện mới có được, chỉ thu thập kiến thức không thôi thì không bao giờ ta lái được chiếc xe cuộc đời ta đến chỗ mong muốn.

Trong cuốn sách này, Đức Đạt Lai Lạt Ma không nêu vấn đề nào mới lạ, ngài chỉ giảng lại giáo lý nhà Phật thôi, nhưng theo một chiều hướng thực tế, cốt để hướng dẫn chúng ta vào con đường thực hành tu niệm chứ không phải để thủ đắc các kiến thức mênh mông trong triết thuyết Phật giáo. Khởi đi từ cái Tâm, như là chìa khóa của mọi chuyển hóa, tác giả trình bày những đặc điểm cùng sinh hoạt của tâm thức gần gũi với tất cả mọi người, để ai cũng nhận thấy và cũng có thể bắt đầu vào cuộc thực hành. Thực hành để sống hạnh phúc. Hạnh phúc ấy như thế nào thì phải qua thực hành mới chứng được.

Và cuối cùng cái chết sẽ đến với tất cả chúng ta. Đó là điều ai cũng sợ, và Phật giáo đã xếp cái chết là một trong những cái khổ lớn trong kiếp người. Nhưng cũng cho thấy, nếu

như cuộc sống vốn khổ mà ta cũng có cách để tạo hạnh phúc được thì sự chết cũng thế, nó chỉ khổ khi tâm ta chìm trong vô minh hãi sợ. Nếu làm chủ được tâm, nếu tạo được hạnh phúc chân thật trong cuộc sống, thì khi đến giờ phút cuối cùng, ta sẽ được chết một cách bình an. Dù không ai thực sự có kinh nghiệm khi bước qua cửa tử thì sẽ như thế nào, nhưng ai cũng mơ ước khi chết sẽ được êm ái, bình tĩnh thảnh thơi, không nuối tiếc gì. Có được trực giác ấy cũng là do sự chiêm nghiệm của nhiều đời. Và trong cuốn sách này, chúng ta có được những lời khuyên cụ thể để chuẩn bị cho một cái chết như ao ước.

Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã cho ấn hành nhiều sách Phật giáo bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhưng đây là cuốn đầu tiên ngài đưa ra những lời giảng dạy rất thực tế về vấn đề Sống Chết. Bản tiếng Anh, do Tiban Library xuất bản, đã được liệt vào hàng Best Seller tại Bắc Mỹ.

Chân Huyền đã thực hiện một bản dịch Việt ngữ rất tốt, "nhuyễn" về ngôn từ cũng như về nội dung tu tập. Đây cũng là dịch giả hai cuốn sách khác của Đạt Lai Lạt Ma trước đây, *Tự do trong lưu đày* (1993, đã tái bản ba lần) và *Thế giới hòa đồng* (1996).

Núi Vẫn Xanh

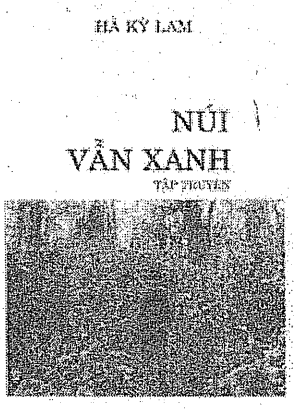

tập truyện của Hà Kỳ Lam, Thế Kỷ xuất bản, 172 trang, giá US$12.00. Liên lạc với tác giả: 5005 Madison Avenue, Pennsauken NJ 08110 USA. Tel: (609) 488-4564.

Núi Vẫn Xanh có mười một truyện, khi đọc xong, người ta thấy ngay cái dấu ấn quan trọng nơi tác giả là cuộc chiến tranh Việt Nam. Những chuyện chiến tranh mà tác giả đã tham dự và kể lại hoàn toàn thuộc lãnh địa núi rừng. Ngay nhan đề Núi Vẫn Xanh đã cho thấy đề tài này chiếm phần bao trùm, mặc dù tác giả vẫn viết về những chuyện khác hơn là khung cảnh đánh nhau, như tình yêu, đời tị nạn, những băn khoăn siêu hình... Thung lũng Ia-Drang chẳng hạn, đa số chúng ta không biết gì về một nơi như thế nếu không được tác giả kể lại câu chuyện một quân nhân Mỹ vì quá mê chụp hình cảnh hoàng hôn trên thung lũng ấy mà bị thiệt mạng. Bờ thác Yaly lại là địa danh xa xôi nữa ghi lại kỷ niệm khó quên của một quân nhân bị bắn sẻ trong cuộc hành quân trong rừng. Các chuyện độc đáo thuộc cuộc chiến đã được tái hiện, phần nào có tính cách hồi ký, nhưng chủ yếu nhờ sự giàn dựng văn học mà đến với độc giả. Đó không phải là chất liệu chiến tranh, mà là những chuyện xảy ra trong cuộc chiến, có thể buồn rầu, đau đớn hay ngộ nghĩnh, nhưng đều mang một ý nghĩa đặc biệt cho nhân sinh. Tác giả làm nhân chứng cho cuộc chiến không như một phóng viên chiến trường mà như một nhà văn, những gì tác giả ghi lại không phải là sự kiện bề mặt mà là những cái không thể tìm thấy trong bất cứ trang lịch sử chiến tranh nào. Và mấy mươi năm sau khi cuộc chiến chấm dứt, khi mọi sôi nổi của trạng thái con người trải qua cuộc chiến có thì giờ lắng xuống, tác giả đã viết:

Người lính ở đâu cũng thế, chỉ là công cụ; thắng bại không phải do họ định đoạt, và vinh quang của chiến thắng cũng không thuộc về họ - có thuộc về họ chăng chỉ là những đau khổ của chiến bại và của hy sinh!

Lần đầu tiên phát hành

MÙI HƯƠNG QUÊ

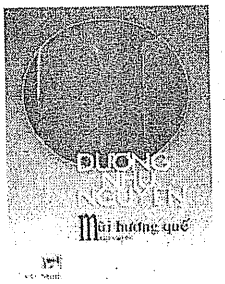

Tập truyện của
DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

Cây bút nữ nóng bỏng và xao xuyến thường trực, đứng giữa hai nền văn hóa Việt Nam và Hoa Kỳ

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
9351 Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683 - USA

VNI Tân Việt 2000:
Giải pháp tiếng Việt cho máy điện toán bước vào năm 2000

** Bài của Vũ Tuy Hòa*

Dùng tiếng Việt trên máy điện toán hệ Windows 95, 98, NT, hay 2000, bạn không thể bỏ qua VNI Tân Việt 2000, nhu liệu giải pháp tiếng Việt mới nhất của công ty VNI.

Bao gồm sáu sản phẩm nhập lại, VNI Tân Việt sẽ Việt hóa máy điện toán của bạn!

Sáu sản phẩm đó là gì? Đó là VNI Tân Kỳ 4.2, WebEye 2000, Ông Đồ, Việt Nam Tân Từ Điển, Từ Điển Chính Tả 2001, và WebNote.

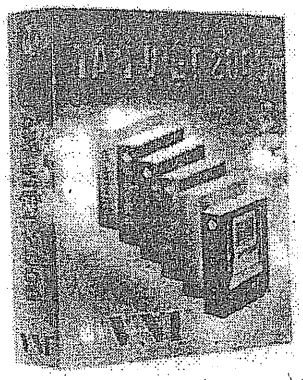

Ngoài ra, có phần nhu liệu Thầy Cò 2001 giúp sửa chữa các sai lầm về hỏi ngã, s/x, tr/ch, v.v. Tất cả sáu sản phẩm này đều đến một lượt tới máy của bạn trong bộ VNI Tân Việt 2000.

Sau đây người viết xin nói rõ hơn về những thành phần chính và những cải tiến trong bộ VNI Tân Việt 2000.

◉ VNI Tân Kỳ 4.2

VNI Tân Kỳ 4.2 là nhu liệu giúp bạn đánh chữ Việt. Có VNI Tân Kỳ trong máy, bạn sẽ đánh được chữ Việt trong mọi thảo trình, kể cả các thảo trình thông dụng nhất hiện nay như Office 97 hay Office 2000.

VNI Tân Kỳ bao gồm luôn nhu liệu WebNote, cho nên sẽ giúp bạn viết được thư điện tử (e-mail) tiếng Việt để trao đổi với bạn bè các nơi.

VNI Tân Kỳ 4.2, như mọi phiên bản VNI Tân Kỳ trước, giúp bạn đánh chữ Việt dễ dàng như viết tay, tức là đánh dấu từ bất cứ vị trí nào. Bạn có thể thay đổi vị trí các dấu trên bàn chữ một cách thoải mái.

VNI Tân Kỳ cũng cho phép bạn đánh được trên 40 ngôn ngữ, gồm nhiều ngôn ngữ Âu châu như các tiếng Tây Ban Nha, Na Uy, Nga, v.v. Đối với các ngôn ngữ Á Đông thì VNI Tân Kỳ hỗ trợ sẵn các tiếng Thái, Lào, và Cam Bốt.

◉ Việt Nam Tân Từ Điển

Một nhu liệu giải pháp tiếng Việt sẽ đầy đủ hơn nếu có một cuốn từ điển tiếng Việt đi kèm.

VNI Tân Việt 2000 có chứa cuốn Việt Nam Tân Từ Điển. Đây nguyên là cuốn Việt Nam Tự Điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ do nhà Khai Trí xuất bản trước đây, mà công ty VNI chính thức xin phép và đã được phép xuất bản dưới dạng nhu liệu điện toán.

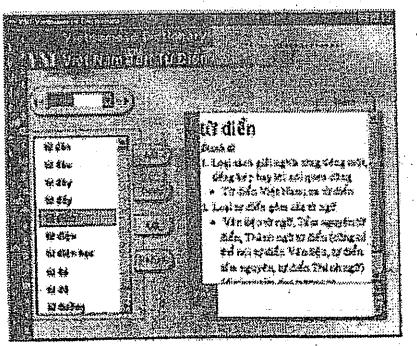

Việt Nam Tân Từ Điển của Tân Việt 2000 được hiệu đính thêm bằng nhiều nguồn tài liệu khác cho nên từ ngữ được cập nhật và phong phú hơn.

Để tăng cường cho chức năng giúp người dùng viết đúng tiếng Việt, VNI Tân Việt còn có một bộ phận sửa lỗi chính tả mới mẻ và công dụng mạnh mẽ chưa từng thấy: Thầy Cò 2001.

Thầy Cò 2001 hoạt động được trong Microsoft Word cũng như trong các thảo trình ứng dụng khác.

Bạn có thể để cho Thầy Cò 2001 tự động sửa chính tả trong khi bạn đánh chữ cũng như xét lại chính tả toàn bộ một văn bản đã được soạn từ trước.

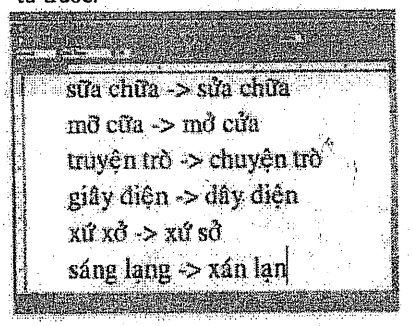

Thầy Cò 2001 khác những bộ nhu liệu sửa lỗi chính tả từ trước tới nay ở chỗ nó giúp bạn sửa những sai lầm giữa hai dấu hỏi/ngã và luôn cả những lầm lẫn giữa các cụm phụ âm đầu hoặc cuối như s/x, tr/ch, d/di, t/-c, n/-ng, v.v. Thí dụ, các từ:
"sữa chữa", "mỡ cữa", "truyện trò", "giây điện", "xứ xở", "sáng lạng"

sẽ được sửa lại cho đúng thành:

"sửa chữa", "mở cửa", "chuyện trò", "dây điện", "xứ sở", "xán lạn".

Có lẽ đây cũng là một điều mà bạn đang mong đợi ở một giải pháp tiếng Việt?

◉ WebEye 2000

Bạn sẽ đọc mọi trang web tiếng Việt trên Internet một cách dễ dàng nhờ có nhu liệu WebEye 2000.

Phiên bản WebEye 2000 là mới nhất và chạy được với tất cả các web browser hiện có, bao gồm mọi phiên bản Netscape Communicator và MS Internet Explorer từ 2.0 cho tới 5.0.

Trên màn ảnh sẽ có hình một con mắt nhỏ. Khi mắt nhắm thì các thảo trình hoạt động như thường lệ. Nhấn chuột vào để mở mắt ra, thì mọi trang chữ Việt nào từ trước tới giờ bạn không đọc được bây giờ bỗng trở nên dễ đọc.

Mới dùng Internet hay dùng lâu, chắc hẳn bạn cũng đã thấy những e-mail tiếng Việt rất là "dã chiến", tức là dùng những dấu cộng, trừ, hoa thị, v.v. để làm thành các dấu móc, mũ, sắc, huyền, v.v. của tiếng Việt. Các e-mail kiểu này (còn gọi là kiểu Việt Net VIQR) dễ viết nhưng không dễ đọc. Nay với WebEye, bạn sẽ thấy chữ Việt ngay trong các e-mail này hiện lên bình thường y như trong một trang sách!

Nhưng một công dụng lớn khác của WebEye là giúp bạn đọc mọi trang web tiếng Việt một cách dễ dàng thoải mái. Trên Internet hiện có rất nhiều trang web với nhiều bảng mã khác nhau. WebEye giúp bạn đọc mọi trang web đó mà không cần phải tải nạp các phông chữ từ các địa điểm trên web xuống máy bạn.

Và bạn cũng không cần phải thay đổi các phông chữ và bảng mã của web browser khi đi sang một trang web tiếng Việt dùng một bảng mã khác với trang mà bạn đang xem.

Những phiên bản cũ của WebEye đã có mặt trên thị trường và đang được dùng rộng rãi. Tuy nhiên, các phiên bản đó hiện không hoạt động được với MS Internet Explorer 5.0. Phiên bản mới nhất của WebEye là WebEye 2000 ra đời giúp giải quyết vấn đề đó. Từ nay, với WebEye 2000 xuất hiện trên màn ảnh, bạn có thể dùng IE 5.0 để đọc các trang web tiếng Việt.

◉ Ông Đồ

Trên màn ảnh của bạn sẽ có một cuốn lịch tây ta theo kiểu lịch treo tường thường thấy.

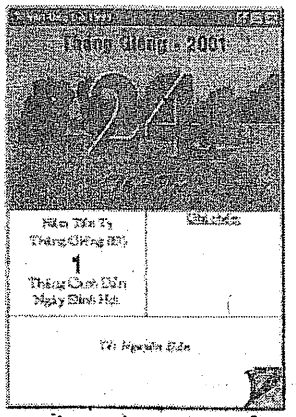

Với lịch Ông Đồ, bạn có thể ghi lại các ngày tháng âm lịch quan trọng như các ngày giỗ, tết, v.v.

Bạn cũng có thể ghi chép bất cứ điều gì lên lịch để nhắc nhở bạn khỏi quên khi đến ngày. Công dụng cũng y như một cuốn lịch treo tường thông thường, và có phần hơn: Lịch Ông Đồ sử dụng được từ năm 1901 tới năm 2049, tương đương với 149 cuốn lịch treo tường mà bạn có thể mua ở chợ!

Có thể nói, có lịch Ông Đồ trong máy, mỗi khi ngồi trước máy để làm việc, học, hay chơi, bạn sẽ tự nhiên cảm thấy... vui hơn!

◉ Khóa có cải tiến

VNI Tân Việt 2000 là nhu liệu có khóa. Khóa nhu liệu giúp cho các sản phẩm của một công ty khỏi bị sao chép trái phép đầy dẫy trên thị trường khiến cho công ty có thể bị thua lỗ dài dài rồi đi đến phá sản.

Nếu bạn từng dùng một nhu liệu có khóa của VNI, thì bạn nên biết rằng khóa của VNI Tân Việt 2000 được cải tiến so với các khóa trước. Trước kia khóa của một nhu liệu có thể bị mất khi bạn lỡ tay xóa mất ngăn chứa chương trình VNI hoặc ngăn Windows hoặc định dạng (format) lại đĩa cứng. Với khóa mới, bạn có thể xóa hoặc định dạng đĩa cứng rồi cài đặt lại VNI Tân Việt mà không bị hỏng khóa (tức là bạn sẽ khỏi lo bị mất một lần cài đặt).

Trong trường hợp không thể cài khóa vào máy một cách bình thường, VNI Tân Việt có thể được cài khóa qua điện thoại. Chỉ cần gọi điện thoại cho công ty VNI để lấy mật mã đánh vào máy thì VNI Tân Việt sẽ chạy ngay.

◉ Mua VNI Tân Việt ở đâu?

Địa chỉ của công ty VNI là:

14091 Golden West St.
Westminster, CA 92683, USA
Điện thoại: 1-800-791-7656
hoặc (714) 891-7656
Fax: (714) 891-1757
Trang web: www.vnisoft.com
Email: vni@vnisoft.com

Trung Quốc Deluxe Apr. 2000

A.V Travel tổ-chức và hướng-dẫn.

Hướng-dẫn-viên người Việt chuyên-nghiệp, kinh-nghiệm và am-tường lịch-sử Việt Nam ,Trung-Quốc. *Tour phẩm-chất cao. Chu đáo. An toàn.*

Tour đầu Xuân 16 ngày:
từ *14-4-2000* đến *29-4-2000*

Lộ-trình: Bắc-Kinh → *Tây-An* → Tế-Nam → Thái An → Khúc-Phụ → Thượng-Hải → Hàng-Châu → *Quế-Lâm* → Quảng-Châu → *HongKong.*

*Giá : $ 2,375.00 + tax /*người

Tour đầu Xuân 11 ngày:
từ *14-4-2000* đến *24-4-2000*

Lộ-trình: Bắc-Kinh → Tây An → Tế-Nam → Thái An → Khúc-Phụ → Thượng-Hải.

*Giá: $1,845.00 +tax /*người

Đặc-biệt: Bớt $55.00 cho quí khách ghi danh trước ngày 15 tháng 2, 2000

*GIÁ ĐÀI-THỌ:

- Vé máy bay khứ hồi LAX-Bắc-Kinh -HongKong -LAX.
- Vé máy bay nội địa China.
- Deluxe coach.
- First class train.
- Hotels 5 sao & Deluxe.
- Bảo hiểm y-tế du-lịch.
- 4 shows trình-diễn ghi trong chương trình.
- Cruises Li Giang, Tây Hồ,
- City tour Hongkong.
- 3 bữa ăn/ ngày.
- Cable car lên tận đỉnh Vạn Lý Trường Thành & Thái Sơn
- Vé vào cửa các thắng cảnh.
- Visa nhập-cảnh Trung-Quốc.

CHỌN A.V TOURS LÀ CHỌN
. PHẨM CHẤT & TÍN CẨN
.CHU ĐÁO & AN TOÀN

Năm 2000

.Năm của văn-hóa & lịch-sử.
.Năm tìm về đức-tin, tìm lại chính mình.

A.V. Travel là con thuyền đón đưa du-khách.Xin mời du khách lên thuyền. Một chuyến du-lịch ngoạn mục, thích thú và đầy sự học hỏi cho mọi người dù biết ít hay nhiều về lịch-sử, văn-hóa Trung-Quốc.

Đến **Bắc-Kinh:** để ngắm nhìn Vạn Lý Trường Thành, chiêm ngưỡng Tử Cấm Thành, Thiên Đàn, Cung điện mùa Hạ, Minh Triều Thập Tam Lăng.

Đến **Tây An:** để nhớ về Kinh đô Trường An. Nơi Tần Thủy Hoàng thống nhất lục quốc hơn 2,200 năm trước. Nơi Đường Tăng Trần Huyền Trang lên đường Tây Du Ký. Nơi có câu chuyện tình diễm lệ Đường Minh Hoàng và Dương quí Phi.

Đến **Tế Nam & Thái An & Khúc Phụ:** ở đây du khách sẽ hiểu vì sao các cụ ngày xưa lại ví "công cha như núi Thái Sơn ". Du khách sẽ thăm viếng nền văn hóa nước Lỗ của hơn 2,500 năm trước. Khổng Tử, Mạnh Tử, Nhan Hồi, Tử Cống, Tử Lộ ...là những ai? Những người này có ảnh hưởng đến người Việt Nam chúng ta hay không?

Đến **Hàng Châu:** để nhớ "Tống: Tô Đông Pha làm phú. Đường: Bạch Cư Dị để thơ.. Và mặt nước Tây Hồ trong sáng nữa". Nơi có chùa Linh Ẩn lịch sử. Có chuyện tình Lương Sơn Bá – Chúc anh Đài, có Thúy Kiều, có sông Tiền Đường, có vãi Giác Duyên, và chuyện Nhạc Phi – Tần Cối.

Đến Quế Lâm: du ngoạn Li Giang và thạch động một trong 10 thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc.

Đến **Quảng Châu:** để nhớ về kinh đô nước Nam Việt của Triệu Đà. Nơi anh hùng Phạm Hồng Thái an nghỉ trên đỉnh Hoàng Hoa Cương.

A.V. Travel

Tel: (714) 537-2200 / (877) 288-6877.

10900 Westminster Ave. Ste. 9. Garden Grove, CA 92843. (trong khu chợ VanCo.)

LỘ-TRÌNH và LỊCH-TRÌNH CHUYẾN ĐI

Bắc Kinh => Tây An => Tế Nam => Thái An => Khúc Phụ => Thượng Hải=> Hàng Châu => Quế Lâm => Quảng Châu=>Hong Kong
(Beijing) (Xian) (Jinan) (Taian) (Qufu) (Shanghai) (Hangzhou) (Guilin) (Guangzhou)

Ngày #1: Los Angeles/...
Check in tại LAX airport lúc tối.
Rời Los Angeles.

Ngày #2:
- bay qua Thái-Bình- Dương.

Ngày #3: Bắc-Kinh
- Check in khách-sạn.. **Nghỉ ngơi .**
- Thăm chùa Lạt Ma của Phật giáo Tây Tạng. Thăm Thiên An Môn.
- Buổi tối thưởng thức món Vịt Bắc Kinh

Ngày #4: Bắc-Kinh
- Thăm Vạn Lý Trường Thành. Du khách lên tận đỉnh Bát Đạt Lĩnh bằng cable car để ngắm nhìn Trường thành .
- Thăm Lăng Minh Thần Tôn Vạn-Lịch,vị vua trị vì lâu nhất của nhà Minh
- **Tối xem kịch Bắc-Kinh.**

Ngày #5: Bắc-Kinh
- Thăm Thiên-Đàn nơi vua tế lễ trời đất -Thăm Tử Cấm Thành (Cố Cung) xây cất từ thời vua Minh Thành Tổ.
- Thăm Cung Điện mùa Hạ của Từ Hi Thái Hậu nhà Thanh.
- Shopping.

Ngày #6: Tây An
- Đáp máy bay đi Tây An.
- Thăm chùa Từ An và tháp Đại Nhạn nơi Đường Tăng Tam-Tạng lưu trú sau khi từ Thiên Trúc trở về..
- Thăm Cổ thành Tây An. Shopping.

Ngày #7: Tây An
- Đi thăm hầm tùy táng bằng tượng đất nung trước mộ Tần Thủy Hoàng.
- Thăm Hoa Thanh Trì nổi tiếng với chuyện tình Đường Minh Hoàng & Dương quí Phi. **Tối xem Đường nhạc** để thưởng thức vũ-khúc **Nghê thường**

Ngày #8: Tây An- Tế Nam
Đi Tế Nam.
- Thăm Thiên Phật Sơn..
- Check in khách sạn.
- Shopping đêm.

Ngày #9: Tế Nam – Thái An
- Đi Thái An. - Thăm Đại Miếu và lên núi Thái Sơn: thắng cảnh thiên nhiên hàm chứa văn hóa và lịch sử nổi tiếng Trung Quốc.
- Nghỉ ngơi tại Thái An.
- Shopping đêm.

Ngày #10:Khúc-Phụ&Thượng Hải
- Đi Khúc Phụ thăm cố hương của Vạn Thế Sư Biểu. Thăm Khổng Miếu, Khổng Trang, và Khổng Lâm nơi đức Khổng Tử, Khổng Tử Tư, Tử Cống an nghỉ. Gần đó là Nhan Hồi, Mạnh Tử.
- Đáp máy bay đi Thượng Hải. Shopping.

Ngày #11: Thượng Hải
- Thăm bến Hoàng Phố.
- thăm Dự Viên và phố cổ Thượng Hải .
- thăm chùa Ngọc Phật.
- **Xem (xiệc) Acrobatic show.**

Ngày #12: Hàng Châu
- Thăm Linh-Ẩn Tự (cũ 1,600 năm)
- "Triều đâu nổi tiếng đùng đùng. Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-Đường" Ghé sông Tiền Đường.
- Đi thăm Lục Hòa Tháp. Shopping.

Ngày #13: Hàng Châu-Quế Lâm
- Đáp máy bay đi Quế-Lâm.
- Đi thăm thạch động Lô Địch.
- Shopping.
- **Buổi tối xem dân ca của dân-tộc thiểu-số Quảng Tây.**

Ngày #14: Quế Lâm
- Đi cruise ngắm nhìn bức tranh thủy mạc thiên nhiên trên Li Giang.
- Xem thắng cảnh Tượng-sơn
- Shopping.

Ngày #15:Quế Lâm-Quảng Châu-HongKong
- Đáp máy bay đi Quảng Châu.
-Thăm ngọn đồi Hoàng Hoa Cương,nơi anh hùng Phạm hồng Thái yên nghỉ .
- Đi **HongKong** bằng first class train.
- Du-ngoạn thắng cảnh của thành-phố Hong Kong. - Bữa ăn chia tay.

Ngày #16:
HongKong
-Buổi sáng tự do
- Check in Hong Kong airport .
- Quí khách đi Việt Nam sẽ đáp máy bay vào Sài gòn hoặc Hà-Nội.
- Quí khách về lại Hoa Kỳ sẽ đến LAX cùng ngày.

KHÁCH-SẠN: (2 người 1 phòng)

Bắc-Kinh:	Prime Hotel	(5 sao)
Tây An :	GNW Hotel	(4 sao)
Tế Nam :	Sofitel Hotel	(5 sao)
Thái An :	Taian Hotel	(4 sao)
Thượng Hải:	G.Nation Hotel	(4 sao)
Hàng Châu:	Crown Hotel	(4 sao)
Guilin :	Royal Hotel	(5 sao)
Hong Kong :	Great Eagle Hotel	(5 sao)

CHÚ Ý:
a-chương trình có thể thay đổi tùy theo thời tiết và phương tiện di chuyển.
b-Để được hoàn lại tiền trong trường hợp quí khách phải hủy bỏ chuyến đi, quí khách nên mua bảo hiểm cancellation. Xin hỏi văn phòng để biết thêm chi tiết.

THỂ-LỆ GHI DANH GIỮ CHỖ
1-Tiền đặt cọc là $250.00/người. Số tiền này được hoàn lại 100% trong vòng 7 ngày nếu qúi khách hủy bỏ việc giữ chỗ. Sau 7 ngày, số tiền đặt cọc chỉ được hoàn lại 50%.
2- Tiền đặt cọc không được hoàn lại nếu quí khách hủy bỏ trong vòng 30 ngày trước ngày khởi-hành.
3-30 ngày trước ngày khởi-hành là hạn chót để trả hết số tiền còn lại. Nếu số tiền còn lại này không được trả đúng kỳ hạn, việc giữ chỗ coi như hủy bỏ, tiền đặt cọc không được trả lại.
4- Nếu giữ chỗ trong vòng 30 ngày trước ngày khởi-hành, quí khách phải trả hết số tiền ngay sau khi đặt chỗ.
5- Giá tour không bao gồm: - tiền thuế các phi-trường .
- Visa Hong Kong cho quí khách sử dụng Re-entry permit:
- Tiền TIPS : văn phòng đề nghị $5.00/ngày cho các người hướng- dẫn và tài xế .
- Chi phí cá nhân...

Trung Tâm World Giới Thiệu 2 CD

WORLD PRODUCTIONS

Phiêu Lãng Nhạc Hòa Tấu
& Đêm Dạ Vũ Thứ Nhứt
Do số đông thính giả bốn phương yêu cầu.

1. Xóm Đêm — *Phạm Đình Chương*
2. Tình Khúc Chiều Mưa — *Nguyễn Ánh Chính*
3. Tiếng Đàn Oán Nghiệt — *Phạm Duy*
   Lời ca trong CD Những Tình Khúc Muôn Đời
4. Chiều Tà *Solo Sáo Nhạc Cổ Điển Tây Phương*
5. Rừng Xưa Đã Khép — *Trịnh Công Sơn*
6. Ru Ta Ngậm Ngùi — *Trịnh Công Sơn*
7. Trái Tim Còn Trinh *Solo* — *Phạm Duy*
8. Malaqueno Salerosa *Cổ Điển Nam Mỹ*
9. Nửa Hồn Thương Đau — *Phạm Đình Chương*
10. Vết Lăn Trầm — *Trịnh Công Sơn*
11. Triệu Đóa Hoa Hồng *Nhạc Liên Sô*
12. Nhạc Buồn *Nhạc Cổ Điển Tây Phương*
13. Chiều Nay Không Có Em — *Ngô Thụy Miên*
14. Đêm Đông — *Nguyễn Văn Thương*
15. Ngày Hôm Qua *Solo Guitar*
16. Thư Gửi Mẹ *Solo Piano*
17. Phóng Tác Theo Mắt Biếc — *Ngô Thụy Miên*
18. Tình Khúc Thứ Nhất — *Vũ Thành An*

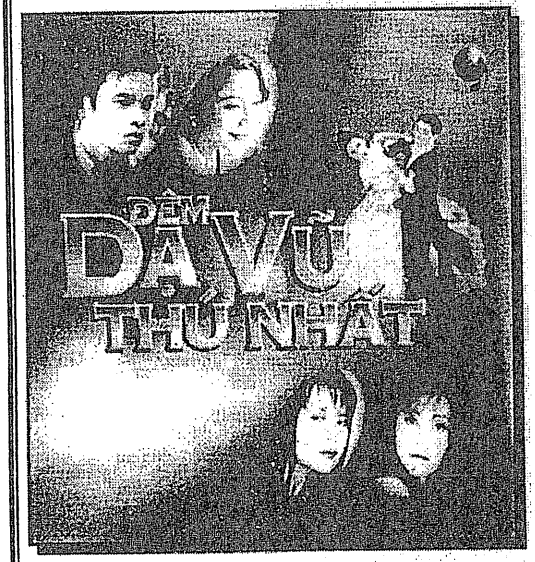

1. Paso Doble No. 3 *Paso Hòa Tấu*
2. Tango Đầu *Tango Julie (trích trong CD Trái Tim Sắt Đá)*
3. Hạnh Phúc Của Anh *Rumba Ngọc Hương (trích trong CD Lời Kinh Tình Yêu)*
4. Buồn Trong Đêm Mưa *Cha Cha Cha Ngọc Hương (trích trong CD Lời Kinh Tình Yêu)*
5. Biết Yêu Lần Đầu *Slow Ngọc Bích (trích trong CD Biết Yêu Lần Đầu)*
6. Sóng Nước Biếc *Walt Hòa Tấu*
7. Chuyện Tình Người Con Gái *Bolero Julie (trích trong CD Một Lần Tiễn CHân Người)*
8. Vũ Điệu Hạnh Phúc *New Wave Ngọc Bích (trích trong CD Giã từ trong Đêm)*
9. Vũ Nữ Thân Gầy *Tango Hòa Tấu*
10. Khi Tuyết Rơi *Slow Rock Ngọc Bích (trích trong CD Lặng Lẻ Bên Đời)*
11. Về Đâu Người Tình *New Wave Ngọc Hương (trích trong CD Một Đời Thương Yêu)*
12. Em Vẫn Chờ Anh *Rumaba Ngọc Hương (trích trong CD Một Đời Thương Yêu)*
13. Cha Cha Cha Á Căn Đình *Cha Cha Cha Hòa Tấu*
14. Một Mùa Đông Không Có Em *Boston Nguyễn Khang (trích trong CD Một Lần Tiễn Chân Người)*
15. Nỗi Sầu Sao Vơi *New Wave Ngọc Hương (trích trong CD Lời Kinh Tình Yêu)*
16. Khi Thành Phố Vắng Em *Tango Hòa Tấu*
17. Đàn Trong Đêm Vắng *Rumba Hòa Tấu*
18. Tôi Sẽ Về *Bebop Hòa Tấu*

Thực hiện chọn nhạc *Nguyễn Văn Thành* / Hòa Âm: *Keith Compton - Quốc Thắng*
Mix: *John Tomlinson - Quốc Thắng* / Phòng Thâu: *Tùng Giang - Quốc Thắng*
Đại Diện Phát Hành: ***Trung Tâm Hải Đăng Tel: (714) 531-3862***

Cung Chúc Tân Xuân

Hân SAIGON TRAVEL : Trân trọng thông báo

Những TOURS DU LICH trong năm 2000 do chúng Tổ Chức và Trực tiếp Hướng Dẫn

3 TOURS : THÁI LAN - VIỆTNAM : Mỗi TOUR 2 Tuần

1.- Khởi hành ngày 10 tháng 03 Năm 2000
2.- Khởi hành ngày 29 Tháng Tám Năm 2000
3.- Khởi hành ngày 8 Tháng 12 Năm 2000

Viếng những Di Tích, Thắng Cảnh, Mua Sắm, Du Thuyền và Thưởng lãm các chương trình Ca Vũ Nhạc Đặc sắc như tại:

BANGKOK : Viếng HOÀNG CUNG, CHÙA NGỌC PHẬT, ĐỀN WATARUN, Chợ đêm PAT PONG, Chợ Nổi, Vườn HỒNG, Cầu Sông KWAI, Bải biển PATTAYA, Xem CABARET Show, Đảo CORAL, Trại CÁ SẤU

VIỆT NAM : Viếng HỒ HOÀN KIẾM, ĐỀN NGỌC SƠN, VĂN MIẾU, CHÙA MỘT CỘT, CHÙA TRẤN QUỐC, HỒ TÂY, HÀNỘI 36 PHỐ PHƯỜNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, HẠ LONG, HÒN GAI, ĐỘNG TAM CỐC V.V....

3 TOURS : ÂU CHÂU : 6 Nước : PHÁP, THỤY SỸ, Ý ĐẠI LỢI, MONACO, TÂY BAN NHA & BỒ ĐÀO NHA. Từ 1 đến 3 Tuần lễ.

1.- Khởi hành ngày 29 Tháng Năm Năm 2000
2.- Khởi hành ngày 24 Tháng Bảy Năm 2000
3.- Khởi hành ngày 6 Tháng 11 Năm 2000 (Chỉ đi Pháp Gồm PARIS và LỘ ĐỨC, 1 Tuần)

Qua các thành phố : PARIS *" LOURDES "* - LUCERNE - MILAN - VENICE - ROMA *" VATICAN "* - PISA - FLORENCE - MONTÉ CARLO - NICE - BARCELONA - MADRID - MERIDA *" FATIMA "* - LISBON - CACÉRES - SALAMANCA - VALLADOLID - SAN SEBASTÉAN - BIARRITZ - BORDEAUX.

TOURS : HỒNG KÔNG - TRUNG QUỐC - ĐÀI LOAN

1.- Khởi hành ngày 20 tháng Tư Năm 2000
2.- Khởi hành ngày 6 Tháng 10 Năm 2000 (Có thêm Lịch trình 1 Tuần đi ĐÀI LOAN)

Qua các thành phố : KOWLOON, THẨM QUYẾN, QUẢNG CHÂU, QUẾ LÂM, TÂY AN, BẮC KINH, HÀNG CHÂU, THƯỢNG HẢI.

Viếng các Di Tích và Thắng Cảnh nổi tiếng nhất trên Thế giới như : HOÀNG HOA CƯƠNG, LÍ GIANG, ĐỘNG SÁO TRÚC, TRƯỜNG THÀNH, CHÙA ĐẠI ƯNG, KHU MỘ TUỲ TÁNG ĐỜI TẦN THỦY HOÀNG, HOA THANH HỒ đời Vua ĐƯỜNG MINH HOÀNG, VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH, TỬ CẤM THÀNH (HOÀNG CUNG), BIỆT ĐIỆN MÙA HẠ của TỪ HI THÁI HẬU, THIÊN TỰ THÁP, THIÊN AN MÔN, TÂY HỒ, CHÙA PHI LAI PHONG, DỰ HOA VIÊN, CHÙA NGỌC PHẬT, BẢI THƯỢNG HẢI.

Đây là những nơi chánh trong các chuyến Du lịch, ngoài ra chúng tôi còn đưa quý vị đến nhiều nơi khác trên những đoạn đường đi qua.

Cần biết thêm chi tiết và xem hình ảnh các chuyến Du Lịch trên 7 năm qua xin liên lạc :

Hân SAIGON TRAVEL

Nơi Chuyên Môn Tổ Chức Các Chuyến Du Lịch Đi Khắp Thế Giới, Rất Uy Tín, và Chu Đáo

Địa Chỉ : 14158 Brookhurst St, Garden Grove, CA 92843

Điện thoại : (714) 537 - 1074 & (714) 638 - 9450 và Fax : (714) 537 - 4291

Phở 94 Restaurant

619 N. EUCLID ST., ANAHEIM, CA 92801

(Corner of Cresent & Euclid St., in 99 Ranch Market Plaza)

(714) 758-8277

• Phở • Cơm • Bún • Bánh Hỏi • Chả Giò • Gà chiên da dòn. . .

Café Pháp tuyệt hảo

Trà Thái 3 màu hết sẩy

Thức ăn thật ngon

Giá cả nhẹ nhàng

Khung cảnh lịch sự

Không gian sạch sẽ

Tiếp đãi ân cần

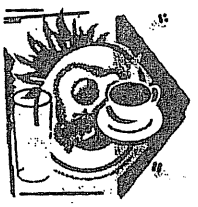

Phở 94 Restaurant

Ngon Hết Sẩy

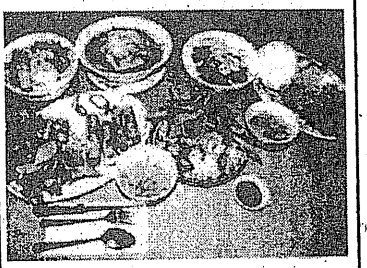

Thức Ăn Đặc Sắc

Thức Uống Hấp Dẫn

Mở cửa 7 ngày:
Từ 9:00 am - 8:30 pm

Nhận làm những món ăn cho tiệc tùng tại tư gia, Hội Đoàn. Xin đặt trước 2 tuần.

Phở 94 chân thành cảm tạ Quý Khách và Kính Mời

Cung Chúc Tân Xuân

Đệ Nhất Nước Mía

NƯỚC MÍA VIỄN TÂY

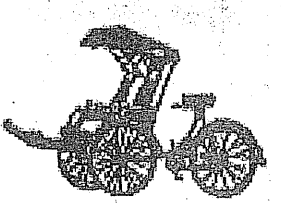

14370 Brookhurst St. (góc Brookhurst & Hazard) Garden Grove, CA. 92843
(Trong chợ Quang Minh & Nam Hoa)

MỞ CỬA
9:00 AM - 9:00 PM
(7 ngày trong tuần)
Tel: (714) 531-9801

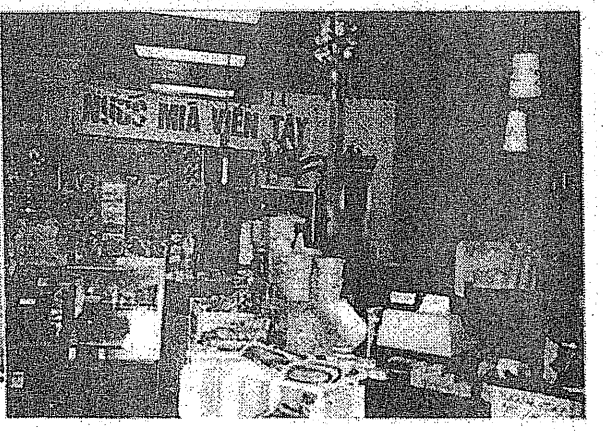

Ngoài ra
còn có đầy đủ các loại:

Khô bò, Khô mực, Bánh mứt, Ô mai, Xí muội,
Quà vặt cho các bà các cô

Nước Mía Ngon Nhất Thủ Đô Tị Nạn

LÊ HOÀNG QUỲNH CHÂU, DDS

Đi clean răng và check up thường xuyên mỗi 6 tháng sẽ giúp cho quý vị:

- Tránh bị bệnh gingivitis (sưng nướu răng) do đá vôi và vi trùng đóng bám chung quanh chân răng. Nếu không chữa trị kịp thời sẽ bị đưa đến tình trạng Periodontitis (tiêu xương chân răng) khiến răng bị đau nhức và lung lay ,tiến đến rụng răng sớm.
- Phát hiện kịp thời những lỗ sâu răng nhỏ để kịp thời chữa trị tránh bị tình trạng đau nhức và có thể phải lấy gân máu hết sức tốn kém.
- Được hướng dẫn cặn kẽ cách giữ gìn răng miệng giúp luôn luôn có một nụ cười tươi mát.

Nha Khoa Thế Kỷ 21: Với những tiến bộ mới ngày nay chúng ta có thể:

* Bịt kẽ răng thưa bằng phương pháp BONDING rất hiệu quả.
* Tẩy trắng răng bằng LASER
* Làm răng giả Porcelain Veneer giống hệt răng thật
* Trám răng bằng Composite giống như màu răng thật.

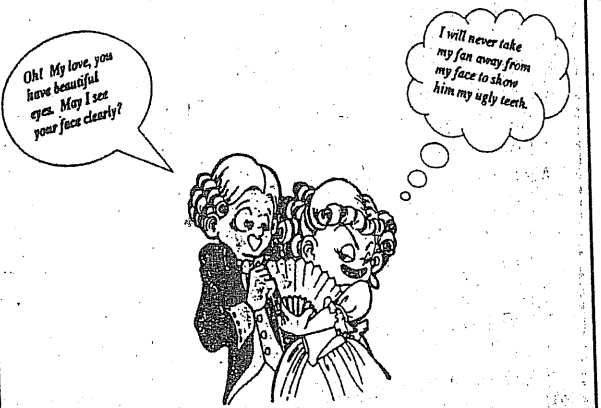

TẠI ORANGE COUNTY:
6735 Westminster Blvd # G
Westminster, CA 92683
(ngay bên cạnh Hollytron)
(714) 899-1212

TẠI LOS ANGELES COUNTY
1840 N. Hacienda Blvd # 5
La Puente, CA 91744
(626) 918-2833

Orange County California. USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave,
Midway City, CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) anf B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, Vietnam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Canne, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 +1992 + 1993 +1994 +1995 +1996 +1997 +1998,1999, CA USA
* Aesthetics Congress 1991 +1992 +1993 +1994 +1995 +1998, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzerland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Athens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio DE Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.
* Lina Bocardi and Vittess La Cosmética 1997, Madrid, Spain.
* Biofol 1998, Montreal, Canada.

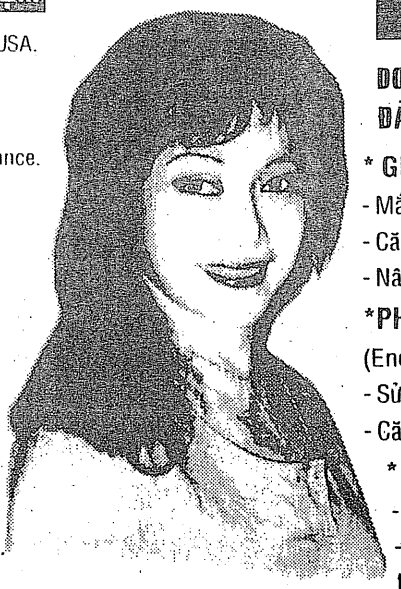

Cô Bạch Thuhà
R.N., B.S.N., ESTHETICIAN
chăm sóc và điều khiển

Tel: (714) 8-949-949
Fax: (714) 894-0466
Bp: (714) 218-6262

Cung Chúc Tân Xuân

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

DO BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐẢM NHẬN

*** GIẢI PHẪU**
- Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
- Căng da mặt, căng da bụng.
- Nâng ngực cao, làm ngực nhỏ lại

***PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:**
(Endoscopic plastic surgery)
- Sửa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
- Căng da trán, nâng chân mày.

*** TIA LASER:**
- Xóa nếp nhăn trên mắt.
- Lấy mở mắt dưới không để thẹo.

*** HÚT MỠ:**
- Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.

*** CẤY TÓC**
*** CHÍCH MỠ**
*** Chữa trị các hình thức Silicone.**
*** Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN

*Facial	*Lột da mặt	*Thuốc mọc tóc * Dầu thơm Pháp
*Dưỡng da	*Xâm Thẩm Mỹ	*Mỹ Phẩm & Kem Dưỡng da **SOTHYS** (Pháp)
*Trang điểm: Cô dâu, dạ hội.		*Jan Marini Skin Research (Mỹ)

Chữa Trị Da Nám, Tàn nhang, Vết sẹo vì mụn, Tẩy nốt ruồi
*Lớp Dạy Trang Điểm và Xâm thẩm mỹ
*Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

NHẬN VISA & MASTER CARD

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MẤT VÀ MỊN MÀNG.

MPC COLLEGE

ACCREDITED MEMBER

Trường MPC College chuyên dạy về Computer như các lớp học:

* MCSE (Microsoft Certified System Engineer)
* CNA (Certified Novell Administrator)
* Thư Ký Văn Phòng (Office Support / Operation Assistance)
* Kế Toán trên Máy Điện Toán (Computerized Accounting)
* Sửa chữa và lắp ráp máy điện toán (P.C. Technician)

LỚP BAO GỒM:

* MCSE
* MCSE + Internet
* Novell Networking
* Windows 95 / NT
* Peachtree Accounting
* Microsoft Office 97
* Internet
* Quick Book
* Dos, v.v...

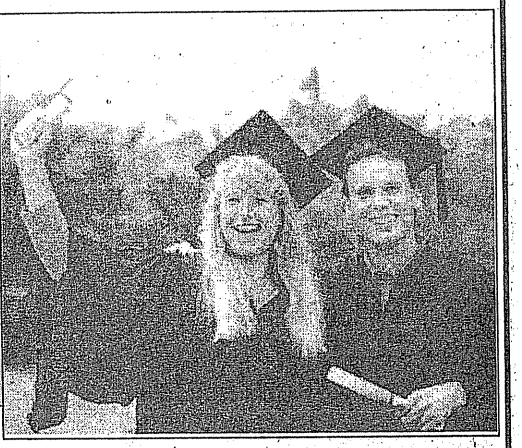

Microsoft Certified Professional
Systems Engineer + Internet

A+
Hardware Training
CNA
Novell Training
MSCE
Microsoft Training
MCSE + INTERNET

Microsoft Certified Professional
Systems Engineer

Microsoft Certified Professional

Authorized PROMETRIC TESTING CENTER

COMPUTING TECHNOLOGY INDUSTRY ASSOCIATION® A+ CERTIFICATION

* Học 4 tháng rưỡi sẽ có chứng chỉ Thư Ký Phụ Tá Văn Phòng hoặc Computer Technichian.
* Học 8 tháng rưỡi, sẽ có chứng chỉ Thư Ký Kế Toán hoặc PC Technician & Networking Specialist.
* **Trường có trợ giúp của chính phủ nếu học viên hội đủ điều kiện**
* **Giúp tìm việc sau khi tốt nghiệp.**

CÓ CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT DÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI ĐANG HƯỞNG TIỀN TRỢ CẤP CỦA AFDC

***Để biết thêm chi tiết xin liên lạc:* Tel: (714) 901-9447**

12362 Beach Blvd. #100, Stanton, CA 90680	20265 Valley Blvd. # F Walnut, CA 91789	583 S. Monterey Pass Rd. Monterey Park, CA 91754
Tel: (714) 901-9447	**Tel: (909) 598-1994**	**Tel: (626) 576-2444**
JOHN LE	**SHERONA BAU**	**LYNN TRAN**

VIETNAMESE WOMAN'S SPIRIT OF 2000

Kính Thưa Quí Đồng Hương

Trước hết, chúng tôi, với danh xưng Tinh Thần Phụ Nữ Việt Nam Năm 2000 xin gởi những lời chúc tốt lành, và bình an nhất đến các vị lãnh đạo tinh thần, cùng toàn thể quí đồng hương hải ngoại.

Toàn thể nhân loại đang chuẩn bị bước sang một niên kỷ mới, vì vậy cũng trong tinh thần hân hoan chào đón một tương lai tốt đẹp, nhóm chủ trương Tinh Thần Phụ Nữ Việt năm 2000 đã dựa trên 3 yếu tố tinh thần **Xây Dựng, Nhân Đạo, Tình Thương** làm phương châm hoạt động để tạo dựng những hình ảnh tốt đẹp tại quốc gia chúng ta đang sinh sống, đồng thời để xây đắp một quê hương mà cha ông chúng ta đã tạo ra. Đối tượng mà chúng tôi muốn phục vụ không chỉ nhằm những bệnh nhân ốm yếu, lớn tuổi, hay những kẻ không nhà ở tại Hoa Kỳ, mà đồng thời tầm hoạt động của chúng tôi cũng hướng về một đất tổ thân yêu nơi đó chúng ta có những thân nhân, những bạn hữu, những kẻ xa lạ nhưng có cùng một tiếng nói, đó là tiếng Việt Nam.

Nghĩ về Việt Nam, tâm tư chúng tôi luôn ray rứt: mặc dầu chiến tranh đã kết thúc, nhưng: nghèo đói, thiên tai bão lụt vẫn xảy ra hằng năm, khiến người dân Việt phải đi từ lầm than này đến lam lũ khác. Nếu đã có những tổ chức của các cựu chiến binh Hoa Kỳ đã từng sát cánh với quân nhân Việt Nam Cộng Hòa, nay họ lại trở lại Việt Nam không súng, không đạn, nhưng lại có trái tim yêu thương, vậy thì tại sao chúng ta lại không biết rung động khi máu chảy ruột mềm?

Thưa, chúng ta cũng biết xúc động, và đã có rất nhiều đoàn thể thay phiên nhau, trở về quê nhà để an ủi những kẻ kém may mắn. Do thiên tai bão lụt, chúng ta đã cho nhân dân Hoa Kỳ hiểu được tinh thần tương thân tương ái của dân tộc Việt.

Tuy nhiên, tinh thần cao đẹp của chúng ta chỉ cứu đói, cứu lạnh, chớ chưa thể cứu nghèo.

Vì vậy, khi rời khỏi quê hương, chúng tôi đã có ước nguyện cầu xin cho đất Việt Nam phải là: **Dân Giàu, Nước Mạnh.**

Muốn được như vậy, chúng tôi thiết nghĩ rằng: việc nâng cao trình độ **Giáo Dục** của người dân, là một **"Cội Rễ"** vững chắc làm nền tảng xây dựng ước mơ nói trên.

Tuy biết rằng, sự giáo dục người dân là trách nhiệm của một chính phủ, nhưng không thể vì suy luận như thế đó mà chúng ta lảng tránh trách nhiệm với quê hương, dân tộc.

Mặc dầu chúng ta đều mong muốn Việt Nam có một hiến pháp dân chủ theo như hiến pháp Hoa Kỳ, nhưng xin đừng quên rằng một trong những yếu tố của nhân quyền là **Nhân Đạo.**

Chúng tôi hy vọng, tâm thư của toàn ban lãnh đạo chúng tôi, gồm một số chị em phụ nữ, cùng các cố vấn trẻ tuổi đã thành danh tại Hoa Kỳ, chỉ là những con én nhỏ, chưa đủ làm mùa xuân Việt Nam trong thế kỷ thứ 21 và khởi đầu từ năm 2000.

Mọi tâm thư khích lệ, đóng góp cho Tinh Thần Phụ Nữ Việt năm 2000 xin gởi qua hộp thơ sau đây:

Vietnamese Woman's Spirit of 2000
P.O.Box: 10646 Westminster CA 92685
PHÙNG TUỆ CHÂU
Founder
Tel: (714) 539-0823 Fax: (714) 539-0823
P.O.Box 10646, Westminster, CA 92685, USA

CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC LÀ

CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG

TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

MODERN ENGLISH

Bộ sách **Modern English** sẽ giúp quí vị có một căn bản vững chắc về phát âm (*pronunciation and word drills*), ngữ vựng và thành ngữ (*vocabulary and idioms*), văn phạm và cú pháp (*grammar and syntax*) và rất nhiều điểm thiết yếu mà chỉ có giáo sư **Lê Bá Kông** với 40 năm kinh nghiệm trong việc dậy Anh văn cho người Việt mới hiểu tường tận các khía cạnh tỉ mỉ và cần thiết.

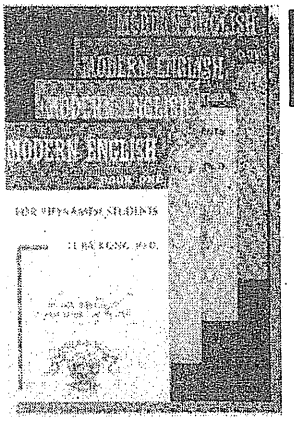

THÍCH HỢP NHẤT CHO NGƯỜI VIỆT

Những phương pháp thính thị (*audio-visual*), tranh ảnh (*flash cards*), video, ..., chỉ loanh quanh vài trăm ngữ vựng với một số rất hạn chế về cách đặt câu. Như thế chỉ có thể dậm chân tại chỗ với trình độ tiếng Anh sơ đẳng (*elementary English*). Học Anh văn để mỗi ngày tiến bộ lên trình độ cao hơn để đọc, nói và viết ngôn ngữ này chuẩn xác, chứ không phải nói liến thoắng, nhưng sai be bét, là mãn nguyện. Quí vị sẽ phải dùng tiếng Anh suốt đời, vậy phải trau giồi Anh văn, cần biết tường tận ngôn ngữ này, không nên tự mãn với vài câu nói thường đàm.

KẾT QUẢ NHANH CHÓNG

Sau 30 ngày dùng phương pháp **Modern English** quý vị sẽ thấy tiến bộ ngay.

Bộ sách và băng cassettes **Modern English** gồm:

- **4 cuốn sách giáo khoa**, trình độ Sơ cấp tới Hoàn bị (có thể đọc sách, báo chí, đơn từ).
- **4 cuốn sách hướng dẫn**, dịch ra Việt ngữ toàn bộ 160 bài học trong bộ sách, phần hướng dẫn sửa hơn 1,000 bài tập, giúp người học trả lời các câu hỏi sau mỗi bài học.
- **8 cuộn băng cassettes C-90** với giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

Đặc điểm của bộ sách:

- Bài học vui, ý nghĩa, thích hợp, thực tế.
- Đặc biệt chú ý phát âm tỉ mỉ, chi tiết, phân biệt âm dài ngắn, vần nhấn mạnh (*stress*), lên xuống giọng (*intonation*).
- Phần vấn đáp nhằm luyện đàm thoại.
- Phần văn phạm và cách đặt câu (*grammar and syntax*) được dẫn giải kỹ lưỡng, giúp người Việt học dễ hiểu và thực hành nhanh.
- Mỗi bài học gia tăng số ngữ vựng và thành ngữ để người học dễ diễn đạt ý tưởng.

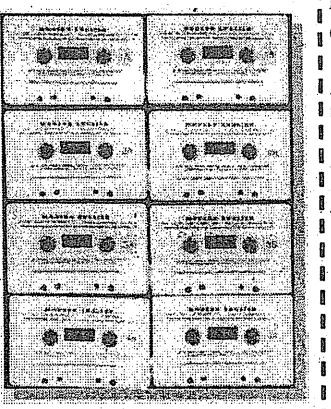

CÔNG PHU MỸ THUẬT

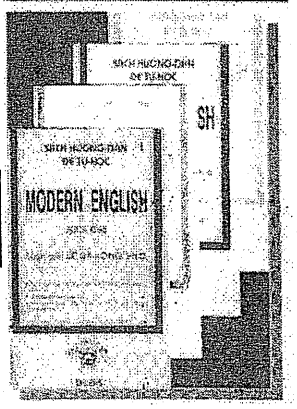

Giá cho bộ Modern English là US$99 và US$10 cước phí.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Zieleks (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$120 và US$12 cước phí.**

Canada xin thêm 15%, các nước khác 30% cho cước phí.

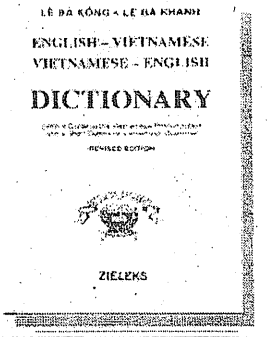

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money-order
Có nhận credit card

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783

Xin quí hãng gửi cho chúng tôi
☐ Bộ Modern English - US$99 và US$10 cước phí.
☐ Bộ Modern English và bộ Tự Điển Anh-Việt & Việt-Anh - US$120 và US$12 cước phí.
(Canada xin thêm 15%, các nước khác 30% cho cước phí)

Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money-order
☐ chi tiết cho credit card
Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang _____ Zip _____

Nếu dùng credit card:
Số _____
Tháng/năm hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

Bolsa Medical Center

10582 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - (714) 966-7250

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**
- **Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.**

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

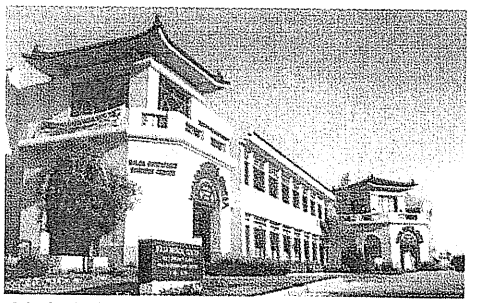

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

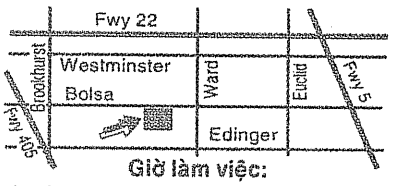

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn
B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già
B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát
B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên
B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương
B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình
B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa
B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương
B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên
B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức
B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột
B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa
B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ
B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn
B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em
BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình
B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng
B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

太乙紫微

Thái Ất Tử Vi

Canh Thìn 2000

Do VƯƠNG-DUNG-CƠ TIÊN-SINH

nhà tướng số Trung-Quốc lỗi lạc luận giải

Chính xác, rõ ràng, rất khoa học

Đi sâu vào sự nghiệp, gia đạo, tình cảm, sức khỏe.

Với lời khuyên thích hợp cho mọi lứa tuổi, hợp thời, hợp thế.

* Tử Vi Tây Phương 2000 rất đúng.
* Nostra Damus nói gì về thế kỷ 21?
* Lịch ngày 2000 đến Tết Tân Tỵ.
* Coi cho biết vận mạng trẻ sơ sanh.
* Coi tuổi vợ chồng hạp kỵ?
* Bản đồ giá thú Châu Đường.
* Ngày tốt cưới gả, cất nhà toàn năm

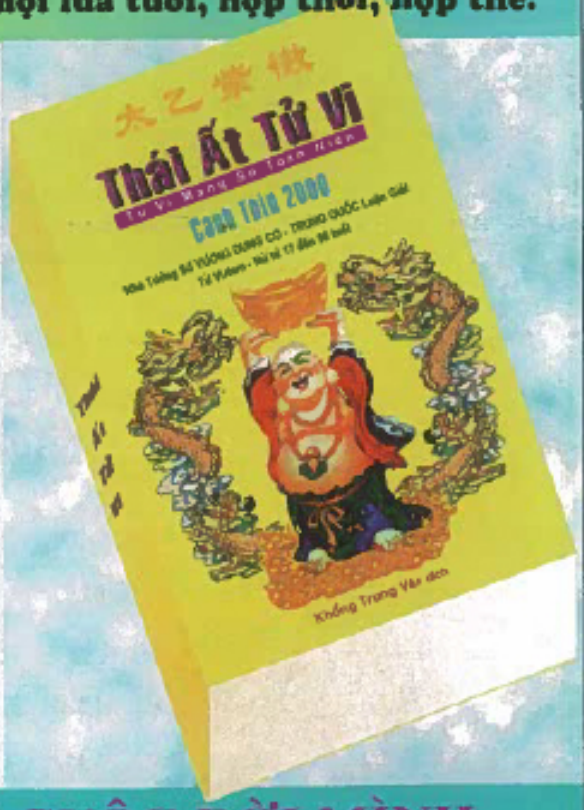

MUỐN LÀM CHỦ CUỘC ĐỜI MÌNH

BẠN NÊN ĐỌC THÁI ẤT TỬ VI

Có bán tại các nhà sách. Tiệm video toàn quốc.

Tổng phát hành: **THÁI ẤT** - 17847 Pipestone St., Fountain Valley, CA 92708 - USA.

Tel: (714) 963-0303 * Fax: (714) 964-3355

Tel: (408) 363-8593 * Fax: (408) 229-1979

Ấn Phí: 7 Mỹ Kim